

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG



CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-ĐHHL ngày tháng năm
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hạ Long)*

Tên chương trình : Giáo dục Tiểu học

Trình độ đào tạo : Đại học

Ngành đào tạo : Giáo dục Tiểu học

Loại hình đào tạo : Chính quy

Quảng Ninh - 2023

MỤC LỤC

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	5
1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo	5
1.2. Thông tin chung	5
1.3. Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi của Trường Đại học Hạ Long ..	6
1.4. Sứ mạng và tầm nhìn của khoa Sư phạm	11
1.4.1. Sứ mạng	11
1.4.2. Tầm nhìn	12
1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)	12
1.5.1. Mục tiêu chung	12
1.5.2. Mục tiêu cụ thể	12
1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs).....	13
1.7. Triển vọng nghề nghiệp.....	16
1.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	16
1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập.....	16
1.10. Chiến lược và phương pháp đánh giá	19
1.11. Hệ thống tính điểm.....	30
II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY.....	31
2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy.....	31
2.2. Danh sách các học phần	32
2.3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo	38
2.4. Kế hoạch giảng dạy	44
2.5. Mô tả các học phần	49
6.2. Đề cương chi tiết các học phần	73
6.2.1. Triết học Mác - Lênin	73
6.2.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin	84
6.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học	97
6.2.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	109
6.2.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh	121
6.2.6. Pháp luật đại cương	133
6.2.7. Tiếng Anh 1.....	143

6.2.8. Tiếng Anh 2.....	149
6.2.9. Tiếng Anh 3.....	155
6.2.10. Tiếng Anh 4.....	162
6.2.11. Tin học ứng dụng	168
6.2.12. Giáo dục thể chất 1 (Thể dục).....	186
6.2.13. Giáo dục thể chất 2	195
6.2.14. Cơ sở văn hoá Việt Nam	254
6.2.15. Soạn thảo văn bản	262
6.2.17. Tâm lý học Tiểu học	281
6.2.18. Tâm lý học đại cương	292
6.2.19. Giáo dục học đại cương	304
6.2.20. Giáo dục học Tiểu học	316
6.2.21. Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học.....	328
6.2.22. Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	340
6.2.23. Nghiên cứu khoa học trong giáo dục phổ thông.....	352
6.2.24. Tiếng Việt thực hành.....	364
6.2.25. Giáo dục Stem ở tiểu học.....	376
6.2.26. Đánh giá trong giáo dục.....	384
6.2.27. Cơ sở Tự nhiên và Xã hội.....	395
6.2.28. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục – Đào tạo	410
6.2.29. Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	419
6.2.30. Hoạt động trang trí ở trường tiểu học	430
6.2.31. Thiết kế và tổ chức trò chơi vận động cho học sinh tiểu học	441
6.2.32. Nhảy hiện đại	450
6.2.33. Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ.....	465
6.2.34. Nhập môn Xác suất – Thống kê.....	479
6.2.35. Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 1	486
6.2.36. Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 2.....	494
6.2.37. Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 3	502
6.2.38. Tiếng Việt 1	509
6.2.39. Tiếng Việt 2.....	520

6.2.40. Tiếng Việt 3	530
6.2.41. Văn học	544
6.2.42. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	553
6.2.43. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	567
6.2.44. Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1	579
6.2.45. Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 2	590
6.2.46. Thực hành giải toán ở Tiểu học	600
6.2.47. Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	611
6.2.48. Công nghệ và phương pháp dạy học công nghệ ở Tiểu học	628
6.2.49. Giáo dục Âm nhạc ở Tiểu học	639
6.2.50. Giáo dục mỹ thuật ở tiểu học	655
6.2.51. Giáo dục sức khỏe và thể chất ở trường tiểu học	666
6.2.52. Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở Tiểu học	676
6.2.53. Công tác chủ nhiệm lớp và phụ trách chi Đội ở tiểu học	688
6.2.54. Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học	700
6.2.55. Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học	711
6.2.56. Dạy học môn Tiếng Việt bậc tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới	732
6.2.57. Phát triển năng lực tư duy toán học cho học sinh ở Tiểu học	753
6.2.58. Dạy học môn Toán ở Tiểu học bằng tiếng Anh	763
6.2.59. Dạy học Toán ở tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm	770
6.2.60. Dạy học phát triển năng lực các môn về Tự nhiên và xã hội	778
6.2.61. Dạy học Lịch sử và Địa lí địa phương ở tiểu học	791
6.2.62. Giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường Tiểu học	800
6.2.63. Phòng chống xâm hại cho học sinh Tiểu học	810
6.2.64. Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	824
6.2.65. Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	831
6.2.66. Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3	839
6.2.67. Thực tập Sư phạm 1	851
6.2.68. Thực tập Sư phạm 2	854
6.2.69. Thực hành rèn luyện và phát triển một số kỹ năng dạy học toán cho giáo viên tiểu học	857

6.2.70. Phát triển năng lực thiết kế và hướng dẫn giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học	868
6.2.71. Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội	880
6.2.72. Giáo dục Quốc phòng – An ninh	893
6.2.72.1. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1	893
6.2.72.3. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3	909
6.2.72.4. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4	916
6.2.73. Kiến thức, kỹ năng bổ trợ.....	916

PHẦN 1. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Giới thiệu chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo (CTĐT) trình độ đại học ngành Giáo dục Tiểu học được xây dựng lần đầu năm 2020, thuộc quản lý chuyên môn của Khoa Sư phạm (thành lập theo Quyết định số 177/QĐ-ĐHHL ngày 26 tháng 2 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hạ Long). Chương trình đào tạo hướng tới mục tiêu là đào tạo giáo viên tiểu học trình độ đại học toàn diện cả về chuyên môn nghiệp vụ lẫn phẩm chất đạo đức, năng lực nghề nghiệp.

CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học trình độ Đại học được xây dựng trên cơ sở chương trình khung giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 39/2006/QĐ-BGD&ĐT, ngày 02 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định xây dựng chương trình chuyển đổi từ niên chế sang học chế tín chỉ của trường Đại học Hạ Long và tham khảo các chương trình cùng ngành của các trường đại học trong và ngoài nước.

CTĐT được thiết kế với 128 tín chỉ bao gồm khối kiến thức giáo dục đại cương và khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Trong đó, chương trình xây dựng các học phần bắt buộc và học phần tự chọn theo lộ trình hợp lý, khoa học nhằm tạo điều kiện tốt nhất để sinh viên có thể hoàn thành hiệu quả kế hoạch học tập với đầy đủ kiến thức, kỹ năng phục vụ cho công tác giảng dạy sau khi tốt nghiệp. Trường Đại học Hạ Long với bề dày truyền thống hơn 65 năm xây dựng và phát triển ngành Sư phạm, đáp ứng đầy đủ điều kiện về đội ngũ, cơ sở vật chất phục vụ công tác giảng dạy, nghiên cứu. CTĐT ngành Giáo dục Tiểu học chắc chắn sẽ nhận được những phản hồi tích cực từ phía người học và đơn vị sử dụng lao động.

1.2. Thông tin chung

Các thông tin chung về CTĐT được trình bày ở Bảng 1.1.

Bảng 1.1. Thông tin chung về CTĐT

STT	Nội dung	
1	Tên gọi chương trình	Giáo dục Tiểu học
2	Trình độ đào tạo	Đại học
3	Ngành đào tạo	Giáo dục Tiểu học
4	Mã ngành	7140202
5	Loại hình đào tạo	Chính quy tập trung
6	Tên văn bằng	Cử nhân Giáo dục Tiểu học
7	Thời gian đào tạo	4 năm
8	Số tín chỉ	128
9	Khoa quản lý, tổ chức giảng dạy	Khoa Sư phạm, Trường Đại học Hạ Long
10	Ngôn ngữ đào tạo	Tiếng Việt

1.3. Sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, giá trị cốt lõi của Trường Đại học Hạ Long

Sứ mạng: Đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề thực tiễn, đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh Quảng Ninh và cả nước.

Tầm nhìn: Đến năm 2030, Trường Đại học Hạ Long trở thành một trong những cơ sở giáo dục đại học định hướng ứng dụng có uy tín, đặc biệt là có vị thế hàng đầu trong cả nước về đào tạo nhân lực thuộc lĩnh vực du lịch và ngôn ngữ.

Triết lý giáo dục: "Học đi đôi với hành, học để làm người, học để thành công"

Tư tưởng có tính chất kim chỉ nam, định hướng mọi hành động, hoạt động giáo dục của Nhà trường là: "Học đi đôi với hành, học để làm người, học để thành công". Triết lý này là quan niệm nền tảng mà đội ngũ cán bộ, giảng viên, người lao động và đội ngũ sinh viên cần tuân theo để đạt mục tiêu đào tạo, để người học đạt chuẩn đầu ra của ngành học, sau khi tốt nghiệp thành công trong cuộc sống; để Nhà trường hoàn thành sứ mạng được giao, đạt được tầm nhìn mong muốn, tạo lập được các giá trị cốt lõi: Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn.

Giá trị cốt lõi: “Chất lượng, Sáng tạo, Nhân văn”

Những giá trị được Trường Đại học Hạ Long xây dựng, bảo vệ và phát triển trở thành nền tảng định hướng mọi hoạt động là:

Chất lượng (CV1): Trường Đại học Hạ Long luôn đặt chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học lên hàng đầu trong mọi hoạt động xây dựng và phát triển của Nhà trường. Mọi sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học của Trường đều phục vụ một cách hiệu quả cho xã hội, vì lợi ích cộng đồng, đáp ứng tốt yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước.

Sáng tạo (CV2): Động lực phát triển của Nhà trường là đổi mới, sáng tạo dựa trên kế thừa những thành quả đã đạt được, tiếp thu tri thức, kinh nghiệm của nhân loại, phát huy những giá trị truyền thống tốt đẹp. Các thành viên của Nhà trường được khuyến khích theo đuổi các ý tưởng mới, liên tục khám phá, đổi mới, tạo lập sản phẩm mới, giá trị mới đóng góp cho sự phát triển của xã hội.

Nhân văn (CV3): Các giá trị của Nhà trường được tạo lập trên nguyên tắc tôn trọng con người, tôn trọng các cá nhân và tôn trọng sự khác biệt, tinh thần sẻ chia và hợp tác cùng phát triển.

Triết lý giáo dục của trường ĐHHL được thể hiện cụ thể vào chương trình đào tạo ở bảng 2.

Bảng 1.2. Triết lý giáo dục của Trường ĐHHL được chuyển tải vào chương trình đào tạo

TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Triết lý giáo dục		
			Học đi đôi với hành	Học để làm người	Học để thành công

A	Khối kiến thức giáo dục đại cương	27			
A1	Bắt buộc	25			
I	Lý luận chính trị - Pháp luật	14			
1	Triết học Mác - Lênin	3	x	x	x
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	x	x	x
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	x	x	x
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	x	x	x
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	x	x	x
6	Pháp luật đại cương	3	x	x	x
II	Ngoại ngữ - Tin học	11			
7	Tiếng Anh 1	2	x	x	x
8	Tiếng Anh 2	2	x	x	x
9	Tiếng Anh 3	2	x	x	x
10	Tiếng Anh 4	2	x	x	x
11	Tin học ứng dụng	3	x	x	x
III	Giáo dục thể chất	3*	x	x	x
12	Giáo dục thể chất 1	1*	x	x	x
13	Giáo dục thể chất 2	2*	x	x	x
IV	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	8*	x	x	x

A2	Tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)	2			
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	x	x	x
15	Lịch sử văn minh thế giới	2	x	x	x
16	Soạn thảo văn bản	2	x	x	x
B.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	99			
I	Kiến thức cơ sở ngành				
I.1	Khối kiến thức bắt buộc				
17	Tâm lý học tiểu học	SP622003	x	x	x
18	Tâm lý học đại cương	SP620001	x	x	x
19	Giáo dục học đại cương	SP620002	x	x	x
20	Giáo dục học tiểu học	SP622005	x	x	x
21	Giáo dục hoà nhập ở trường tiểu học	SP622006	x	x	x
22	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	SP622007	x	x	x
23	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	SP601031	x	x	x
24	Tiếng Việt thực hành	SP622009	x	x	x
25	Giáo dục Stem ở tiểu học	SP622013	x	x	x
26	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	SP622014	x	x	x
27	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội	SP622012	x	x	x
28	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục - Đào tạo	SP622010	x	x	x

<i>I.2</i>	<i>Khối kiến thức tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 học phần)</i>				
29	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	SP622011	x	x	x
30	Hoạt động trang trí ở trường tiểu học	SP622015	x	x	x
<i>I.3</i>	<i>Khối kiến thức tự chọn 2 (chọn 1 trong 3 học phần)</i>				
31	Thiết kế và tổ chức trò chơi vận động cho học sinh tiểu học	SP622016	x	x	x
32	Nhảy hiện đại	SP622017	x	x	x
33	Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ	SP622018	x	x	x
II	Khối kiến thức chuyên ngành	55			
<i>II.1</i>	<i>Khối kiến thức bắt buộc</i>	49			
34	Nhập môn Xác suất - Thống kê	2	x	x	x
35	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 1	2	x	x	x
36	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 2	2	x	x	x
37	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 3	2	x	x	x
38	Tiếng Việt 1	2	x	x	x
39	Tiếng Việt 2	2	x	x	x
40	Tiếng Việt 3	2	x	x	x
41	Văn học	3	x	x	x
42	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	3	x	x	x
43	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	3	x	x	x

44	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	3	X	X	X
45	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	3	X	X	X
46	Thực hành giải Toán ở tiểu học	2	X	X	X
47	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	3	X	X	X
48	Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học	3	X	X	X
49	Giáo dục Âm nhạc ở tiểu học	3	X	X	X
50	Giáo dục Mỹ thuật ở tiểu học	3	X	X	X
51	Giáo dục sức khỏe và thể chất ở trường tiểu học	2	X	X	X
52	Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học	2	X	X	X
53	Công tác chủ nhiệm lớp và phụ trách Chi đội ở tiểu học	2	X	X	X
II.2	<i>Khối kiến thức tự chọn 1 (Chọn 2 trong 6 học phần)</i>	4			
54	Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học	2	X	X	X
55	Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học	2	X	X	X
56	Dạy học môn Tiếng Việt bậc tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới	2	X	X	X
57	Phát triển năng lực tư duy Toán học cho học sinh tiểu học	2	X	X	X
58	Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng tiếng Anh	2	X	X	X
59	Dạy học Toán ở tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm	2	X	X	X
II.3	<i>Khối kiến thức tự chọn 2 (Chọn 1 trong 5 học phần)</i>	2			
60	Dạy học phát triển năng lực các môn về Tự nhiên và Xã hội	2	X	X	X

61	Dạy học Lịch sử và Địa lí địa phương ở tiểu học	2	x	x	x
62	Giáo dục kĩ năng sống trong nhà trường tiểu học	2	x	x	x
63	Phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học	2	x	x	x
III	<i>Thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm</i>	9			
64	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	1	x	x	x
65	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	1	x	x	x
66	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3	1	x	x	x
67	Thực tập Sư phạm I	2	x	x	x
68	Thực tập Sư phạm II	4	x	x	x
IV	<i>Khoá luận hoặc học phần tương đương</i>	8			
IV.1	<i>Khoá luận</i>	8			
IV.2	<i>Học phần thay thế khoá luận</i>	8			
69	Thực hành rèn luyện và phát triển một số kĩ năng dạy học Toán cho giáo viên tiểu học	3	x	x	x
70	Phát triển năng lực thiết kế và hướng dẫn giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học	3	x	x	x
71	Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội	2	x	x	x
	Tổng khối lượng toàn khoá	128			

1.4. Sứ mạng và tầm nhìn của khoa Sư phạm

1.4.1. Sứ mạng

Khoa Sư phạm – Trường Đại học Hạ Long có sứ mạng đào tạo đội ngũ nhà giáo và cán bộ giáo dục có phẩm chất, năng lực, tư duy đổi mới, biết ứng dụng công nghệ hiện

đại; đồng thời tổ chức nghiên cứu, chuyển giao tri thức và phục vụ cộng đồng, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục các bậc Mầm non, Tiểu học, THCS, THPT và các lĩnh vực liên ngành như Văn học, Báo chí, Truyền thông tại Quảng Ninh, khu vực Đông Bắc và cả nước.

Bên cạnh đó, Khoa Sư phạm còn mang trong mình sứ mệnh lan tỏa giá trị văn hóa Việt ra thế giới thông qua hoạt động giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ cho người nước ngoài – một bước đi thể hiện tầm nhìn hội nhập và cam kết đồng hành cùng giáo dục toàn cầu.

1.4.2. Tầm nhìn

Đến năm 2035, Khoa Sư phạm phấn đấu trở thành đơn vị đào tạo, nghiên cứu và tư vấn giáo dục có uy tín trong cả nước, đặc biệt ở các lĩnh vực Giáo dục Mầm non – Tiểu học – THCS, THPT và ngôn ngữ – truyền thông. Khoa là địa chỉ tin cậy trong phát triển nguồn nhân lực giáo dục chất lượng cao cho tỉnh Quảng Ninh và các tỉnh phía Bắc, từng bước hội nhập sâu rộng vào không gian học thuật quốc gia và khu vực.

Ngoài ra, Khoa cũng định hướng phát triển trở thành trung tâm đào tạo tiếng Việt cho người nước ngoài tại khu vực Đông Bắc, đóng vai trò như một nhịp cầu văn hóa, góp phần thúc đẩy hợp tác quốc tế và quảng bá hình ảnh đất nước Việt Nam ra thế giới thông qua giáo dục ngôn ngữ.

1.5. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

1.5.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo cử nhân đại học ngành Giáo dục Tiểu học đáp ứng được yêu cầu đổi mới của Giáo dục Tiểu học trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước: có đủ sức khỏe, phẩm chất, đạo đức, bản lĩnh chính trị vững vàng; có kiến thức về khoa học Giáo dục Tiểu học; có kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện hiệu quả chương trình Giáo dục Tiểu học; có năng lực nghiên cứu và ứng dụng các tiến bộ khoa học vào thực tiễn Giáo dục Tiểu học, đáp ứng được sự phát triển của ngành Giáo dục Tiểu học; chủ động trong giải quyết vấn đề thực tiễn nghề nghiệp và thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc.

1.5.2. Mục tiêu cụ thể

1.5.2.1. Kiến thức

- PO1: Có kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học giáo dục, khoa học chính trị, pháp luật để vận dụng linh hoạt, hiệu quả vào công việc chuyên môn và cuộc sống.

- PO2: Có kiến thức cơ sở ngành vững vàng, kiến thức chuyên ngành sâu rộng để giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học.

1.5.2.2. Kỹ năng

- PO3: Có năng lực thực hiện các hoạt động dạy học và giáo dục ở bậc tiểu học.

- PO4: Có năng lực sử dụng ngoại ngữ (tiếng Anh) và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ thuộc lĩnh vực giáo dục tiểu học.

- PO5: Có năng lực giao tiếp sư phạm tốt; có tư duy phản biện, sáng tạo; có năng lực nghiên cứu, làm việc độc lập và hợp tác nhóm..., hỗ trợ đồng nghiệp, gia đình, cộng đồng trong giáo dục học sinh tiểu học và một số kỹ năng bổ trợ khác.

1.5.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- PO6: Có sức khỏe, đạo đức nghề nghiệp; có ý thức thượng tôn pháp luật, tôn trọng bản thân và người khác; yêu người, yêu nghề; có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội; có ý thức học tập nâng cao trình độ.

1.6. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên đạt được chuẩn đầu ra về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

PLO1: Vận dụng được kiến thức nền tảng của khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học giáo dục, khoa học chính trị- pháp luật trong thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống.

PLO2: Vận dụng được kiến thức cơ sở ngành, chuyên ngành trong dạy học nói chung và bồi dưỡng học sinh năng khiếu nói riêng.

PLO3: Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá được các hoạt động dạy học tích hợp.

PLO4: Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và kiểm tra đánh giá được các hoạt động trải nghiệm, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục hòa nhập.

PLO5: Thiết kế và sử dụng đồ dùng, phương tiện dạy học phù hợp với thực tiễn nghề nghiệp.

PLO6: Thuyết trình, giao tiếp sư phạm tốt và hợp tác, làm việc theo nhóm hỗ trợ đồng nghiệp, gia đình, cộng đồng và thực hiện tốt một số kỹ năng hỗ trợ khác hiệu quả trong công tác giáo dục học sinh tiểu học.

PLO7: Ứng dụng được kiến thức, kỹ năng công nghệ thông tin và chuyển đổi số vào công việc giảng dạy, đạt chuẩn kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông.

PLO8: Sử dụng được tiếng Anh trong giao tiếp và trong lĩnh vực chuyên môn, đạt chuẩn năng lực tiếng Anh bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

PLO9: Tôn trọng, giữ gìn các giá trị đạo đức nhà giáo, tuân thủ các quy định của pháp luật, sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình và xã hội.

PLO10: Chủ động tự học, tự nghiên cứu và khởi nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; chủ động xử lý các tình huống sư phạm phát sinh trong quá trình thực hiện chức trách, nhiệm vụ của người giáo viên.

Bảng 1.3. Quan hệ giữa mục tiêu (POs) và CĐR của CTĐT (PLOs)

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
PO1	x								x	x
PO2		x	x	x	x	x			x	x

PO3		X	X	X	X	X			X	X
PO4							X	X	X	X
PO5						X			X	X
PO6						X			X	X

Bảng 1.4. Đối sánh CDR với Khung trình độ quốc gia

PLOs	Kiến thức (KT)					Kỹ năng (KN)						Mức tự chủ và trách nhiệm (TCTN)			
	1	2	3	4	5	1	2	3	4	5	6	1	2	3	4
1	X	X				X		X						X	
2	X	X		X			X		X	X		X		X	
3	X	X		X			X		X	X		X	X		X
4	X	X			X										X
5	X								X			X		X	
6						X			X	X		X	X		X
7			X												
8											X				
9												X			
10												X		X	

Bảng 1.5. Chuẩn đầu ra theo khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học

(Trích từ Bảng mô tả Khung trình độ quốc gia Việt Nam, kèm theo Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ)

Kiến thức	Kỹ năng	Mức tự chủ, trách nhiệm
<i>KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.</i>	<i>KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.</i>	<i>TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.</i>
<i>KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.</i>	<i>KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.</i>	<i>TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.</i>
<i>KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.</i>	<i>KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.</i>	<i>TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.</i>
<i>KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể.</i>	<i>KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.</i>	<i>TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.</i>
<i>KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.</i>	<i>KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.</i>	
	<i>KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.</i>	

1.7. Triển vọng nghề nghiệp

Sinh viên tốt nghiệp ngành Giáo dục Tiểu học có thể làm việc ở các vị trí sau:

- Giáo viên, cán bộ quản lý ở các trường tiểu học, có thể kiêm nhiệm công việc của Tổng phụ trách Đội và Sao nhi đồng.

- Chuyên viên giáo dục tiểu học, cán bộ quản lý ở các Phòng Giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo, ...

- Có thể học thêm để chuyển đổi sang các công việc khác như làm việc ở thư viện, chăm sóc tâm lý học sinh tiểu học, tư vấn giáo dục, nghiên cứu viên tại các trung tâm, viện nghiên cứu, các cơ sở ứng dụng khoa học thuộc lĩnh vực về khoa học giáo dục tiểu học.

- Có thể tiếp tục học tập và nghiên cứu các lĩnh vực thuộc chuyên ngành Giáo dục Tiểu học trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ theo quy định hiện hành.

1.8. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

1.8.1. Tiêu chí tuyển sinh

Ngoài các tiêu chí chung do Bộ GD&ĐT ban hành, nhà trường còn có các tiêu chí cụ thể được quy định tại Đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Hạ Long.

1.8.2. Quá trình đào tạo

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ. Thời gian đào tạo trong 4 năm. Các học kì được tổ chức theo quy chế và kế hoạch đào tạo của Trường Đại học Hạ Long.

1.8.3. Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo quy chế đào tạo của Trường Đại học Hạ Long.

1.9. Chiến lược giảng dạy – học tập

Các chiến lược và phương pháp dạy học được sử dụng trong chương trình đào tạo cụ thể như sau:

1.9.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giảng viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một vấn đề mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm phương pháp giải thích cụ thể bao gồm:

1.9.1.1. Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)

Giải thích cụ thể là phương pháp, trong đó giảng viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu bài học.

1.9.1.2. Thuyết giảng (Lecture)

Giảng viên thuyết trình, diễn giảng và giải thích các nội dung trong bài giảng; sinh viên nghe giảng và ghi chép để tiếp nhận các kiến thức mà giảng viên truyền đạt.

1.9.1.3. Trực quan (Intuitive)

Là phương pháp sử dụng những phương tiện trực quan, phương tiện kỹ thuật dạy học trước, trong và sau khi nắm tài liệu mới trong khi ôn tập, củng cố, hệ thống hoá và kiểm tra tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.

1.9.2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giáo viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược gồm: Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

1.9.2.1. Câu hỏi gợi mở (Inquiry)

Trong tiến trình dạy học, giảng viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài tập, vấn đề đặt ra.

1.9.2.2. Giải quyết vấn đề (Problem Solving)

Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và chiếm lĩnh kiến thức, kỹ năng và hình thành năng lực mới thông qua việc giải quyết vấn đề.

1.9.2.3. Học theo tình huống (Case Study)

Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Với phương pháp này, giảng viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay các thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu.

1.9.3. Học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm, qua quan sát thực tế và cảm nhận, qua thực hành.

Các phương pháp dạy học theo chiến lược này gồm: thực tế (Field Trip), thực hành, thực tập, và nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team).

1.9.3.1. Thực tế, thực hành, thực tập, (Field Trip)

Thông qua các hoạt động thực tế, thực hành, thực tập, sinh viên hiểu được môi trường làm việc, công việc thực tế của trường tiểu học; củng cố kiến thức, hình thành kỹ năng, phẩm chất nghề nghiệp và văn hóa làm việc. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức, kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

1.9.3.2. Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)

Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các nhóm nghiên cứu giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo trong giáo dục tiểu học. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn sau khi tốt nghiệp.

1.9.4. Dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giảng viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận để giải quyết vấn đề đó. Giảng viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu học tập. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giảng viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp theo chiến lược này gồm có: thảo luận (Discussions), học nhóm (Pear Learning)

1.9.4.1. Thảo luận (Discussion)

Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giảng viên đặt ra. Trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm, giải pháp của mình.

1.9.4.2. Học nhóm (Pear Learning)

Sinh viên được tổ chức thành các nhóm để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo, thuyết trình, tập giảng trước các nhóm và giảng viên.

1.9.5. Tự học

Tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giảng viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học thông qua các bài tập, thiết kế và tổ chức các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ hay vấn đề mà giảng viên gợi ý, hướng dẫn.

Phương pháp học này chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment).

Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ trong thời gian tự học với những nội dung và yêu cầu do giảng viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung, kiến thức, kỹ năng theo yêu cầu. Các phương pháp dạy và học nói trên giúp sinh viên đạt được PLOs, thể hiện trong Bảng 6.

Bảng 1.6. Mối liên hệ giữa Chuẩn đầu ra (PLOs) và phương pháp dạy-học

Chiến lược và phương pháp dạy học		PLOs										Ghi chú
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
I	Dạy trực tiếp											
1	Giải thích cụ thể	x	x	x	x	x	x		x		x	
2	Thuyết giảng	x	x	x	x	x	x		x	x	x	
II	Dạy gián tiếp											
3	Câu hỏi gợi mở	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
4	Giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

5	Học tình huống	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
III	Học trải nghiệm											
6	Thực tế, thực hành, thực tập,	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
7	Nhóm nghiên cứu giảng dạy	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
IV	Dạy học tương tác											
8	Thảo luận	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
9	Học nhóm	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	
V	Tự học											
10	Bài tập ở nhà	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x	

1.10. Chiến lược và phương pháp đánh giá

1.10.1. Các phương pháp đánh giá

Đánh giá kết quả học tập của sinh viên là quá trình ghi chép, lưu giữ và cung cấp thông tin về sự tiến bộ của người học trong suốt quá trình dạy học. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc, chính xác, khách quan và phân hóa, thường xuyên liên tục và định kỳ. Yêu cầu và tiêu chí đánh giá cụ thể được thiết kế và công bố, làm rõ cho người học trước khi học.

Các thông tin về đánh giá được cung cấp và chia sẻ kịp thời cho các bên liên quan gồm người dạy, người học và nhà quản lý. Từ đó, kịp thời có những điều chỉnh về các hoạt động dạy học, đảm bảo định hướng và đạt được mục tiêu dạy học.

Chương trình đã xây dựng và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp dạy học và yêu cầu đáp ứng chuẩn đầu ra của từng học phần để lựa chọn các phương pháp đánh giá phù hợp, đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin để đánh giá mức độ tiến bộ của người học cũng như mức độ hiệu quả đạt được của tiến trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá được chia thành 2 loại chính là đánh giá theo tiến trình (Ongoing/Formative Assessment) và đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment).

1.10.1.1. Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học.

Các phương pháp đánh giá tiến trình gồm: đánh giá chuyên cần (Attendance Check), đánh giá bài tập (Work Assignment), đánh giá thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá thực hành (Project Attendance), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assesment), báo cáo; kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), kiểm tra viết (Written Exam).

+ *Phương pháp 1: Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)*

Được đánh giá theo các tiêu chí về dự lớp, ý thức học trên lớp, ý thức tự học.

+ *Phương pháp 2: Đánh giá bài tập (Work Assignment)*

Người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc sau giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể được thực hiện bởi cá nhân hoặc nhóm và được đánh giá theo các tiêu chí cụ thể như Rubric 3.

+ *Phương pháp 3: Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)*

Sinh viên được yêu cầu giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học theo nhóm hoặc cá nhân và trình bày kết quả. Hoạt động này giúp sinh viên đạt được kiến thức, phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 4.

+ *Phương pháp 4: Đánh giá thực hành (Project Attendance)*

Sinh viên được yêu cầu thực hành cá nhân hoặc làm việc nhóm. Hoạt động này giúp sinh viên đạt được những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 2.

+ *Phương pháp 5: Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)*

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo Rubric 7.

+ *Phương pháp 6: Báo cáo (Written Report)*

Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, hình ảnh trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo Rubric 6.

+ *Phương pháp 7: Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)*

Phương pháp đánh giá này sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời được thiết kế sẵn.

+ *Phương pháp 8: Kiểm tra viết (Written Exam)*

Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

1.10.1.2. Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

Các phương pháp đánh giá tổng kết/định kỳ gồm: Kiểm tra viết (Written Exam), kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam), đánh giá vấn đáp (Oral Exam), báo cáo (Written Report), đánh giá thuyết trình (Oral Presentation), đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assesment) và đánh giá thực hành (Practices, assignment).

+ *Kiểm tra viết (Written Exam)*

Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.

+ *Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)*

Phương pháp đánh giá này sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời được thiết kế sẵn.

+ *Đánh giá vấn đáp (Oral Exam)*

Trong phương pháp này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp. Các tiêu chí đánh giá cụ thể cho phương pháp này được thể hiện trong Rubric 5.

+ *Báo cáo (Written Report)*

Sinh viên được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, hình ảnh trong báo cáo. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo phương pháp này theo Rubric 6.

+ *Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)*

Sinh viên được yêu cầu giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học theo nhóm hoặc cá nhân và trình bày kết quả. Hoạt động này giúp sinh viên đạt được kiến thức, phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 4.

+ *Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)*

Đánh giá làm việc nhóm được áp dụng khi triển khai hoạt động dạy học theo nhóm và được dùng để đánh giá kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên. Tiêu chí đánh giá cụ thể theo Rubric 7.

+ *Đánh giá thực hành (Project Attendance)*

Sinh viên được yêu cầu thực hành cá nhân hoặc làm việc nhóm. Hoạt động này giúp sinh viên đạt được những kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp và phát triển kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm. Để đánh giá mức độ đạt được các kỹ năng này của sinh viên có thể sử dụng các tiêu chí đánh giá cụ thể như Rubric 2.

Bảng 1.7. Quan hệ giữa phương pháp đánh giá và Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)

Phương pháp đánh giá (Assessment methods)		PLOs									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
I	Đánh giá tiến trình (On-going/Formative Assessment)										
1	Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
2	Đánh giá bài tập (Work Assignment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)	x	x	x	x	x	x	x		x	x
4	Đánh giá thực hành (Project Attendance)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
6	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	x	x					x	x		
8	Báo cáo (Written Report)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

II	Đánh giá tổng kết/định kỳ (Summative Assessment)										
1	Kiểm tra viết (Written Exam)	x	x	x	x				x	x	x
2	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam)	x	x					x	x		
3	Đánh giá vấn đáp (Oral Exam)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
4	Báo cáo (Written Report)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
5	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentaion)	x	x				x	x	x	x	x
6	Đánh giá làm việc nhóm (Peer Assessment)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
7	Đánh giá thực hành (Project Attendance)	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x

1.10.2. Công cụ, tiêu chí đánh giá

Trên cơ sở các phương pháp đánh giá, CTĐT đã xây dựng các công cụ, tiêu chí cụ thể để thực hiện việc đánh giá sinh viên theo các Rubrics. Tùy theo yêu cầu, mục tiêu và đặc trưng của từng học phần để lựa chọn phương pháp đánh giá cũng như Rubrics đánh giá thích hợp. Cùng một phương pháp đánh giá có thể áp dụng Rubric đánh giá khác nhau cho các học phần khác nhau.

Các Rubrics đánh giá được xây dựng chi tiết tương ứng với phương pháp đánh giá trong chương trình đào tạo. Cụ thể như sau:

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

Rubric 2: Đánh giá thực hành (Project Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân	Nhiệm vụ phân công của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ.	Mỗi thành viên có nhiệm vụ riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên.	Nhiệm vụ của mỗi thành viên trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối	Nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ, phát huy điểm mạnh	20%

	công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	hợp làm việc của nhóm khá tốt.	của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ (<50%), kết quả sai, trình tự các bước không hợp lý.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lý	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh/tập giảng	Không thuyết minh/thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng, logic, đầy đủ.	15%
Kế hoạch giáo dục	Không có kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch	Kế hoạch giáo dục không đầy đủ, không rõ	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày.	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ	Kế hoạch giáo dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp,	15% Nghiên cứu sau

	chưa đầy đủ cấu trúc, nội dung không đúng.	ràng, còn nhiều sai sót.	Nội dung đúng, ghi chú đầy đủ.	ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn	

Rubric 3: Đánh giá bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp chưa đúng thời gian quy định. Số lượng bài tập chỉ đạt < 60% số lượng bài tập được giao.	Nộp bài tập đúng thời gian, số lượng bài tập thực hiện < 80%. Số lượng bài tập được giao.	Nộp bài tập đúng thời gian đầy đủ <90% số lượng được giao.	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, rõ ràng, hợp lý, có một số nội dung chưa chi tiết.	Nội dung bài tập đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Rubric 4: Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung tương đối phù hợp với yêu cầu, nhưng hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung khá phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	Nội dung rất phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (mở bài, thân bài, kết luận).	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu.	25%
Thuyết trình	Bố cục 3 phần không rõ ràng, Trình bày không đầy đủ, logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát	Bố cục chưa rõ ràng, Bài trình bày đầy đủ, logic, vượt quá thời gian quy định. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ,	Bố cục 3 phần rõ ràng, Bài trình bày đầy đủ. thời gian trình bày đúng quy định, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, đã có sự tương tác với người nghe. Người nghe hiểu và	Bố cục 3 phần rõ ràng, bài trình bày đầy đủ. thời gian trình bày đúng quy định, giọng nói lưu loát, tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu nội dung trình bày.	Bố cục 3 phần rõ ràng, bài trình bày đầy đủ. thời gian trình bày đúng quy định, giọng nói lưu loát, truyền cảm thu hút sự chú ý của người nghe. Người nghe dễ hiểu nội dung trình bày và kịp theo	25%

	âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	kip theo dõi nội dung trình bày.		đổi nội dung trình bày.	

Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam) và Đánh giá kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice exam):

Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

Rubric 5: Đánh giá vấn đáp (Oral Exam)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Thái độ trả lời câu hỏi	Thái độ giao tiếp không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, giọng nói khó nghe.	Thái độ giao tiếp hợp tác. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin.	Thái độ giao tiếp hợp tác, nhẹ nhàng, hòa nhã. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời phù hợp, dễ hiểu. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe.	Thái độ giao tiếp hợp tác, nhẹ nhàng, hòa nhã. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, phù hợp, dễ hiểu, tự tin. Giọng nói lưu loát, vừa phải, rõ ràng, dễ nghe.	Thái độ giao tiếp hợp tác, nhẹ nhàng, hòa nhã. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, phù hợp, dễ hiểu, rất tự tin. Giọng nói lưu loát, vừa phải, rõ ràng, thu hút, có tương tác tốt với người nghe.	20%
Nội dung trả lời	Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi.	Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên quan, không tập	Các câu trả lời đúng trọng tâm câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu	Các câu trả lời đúng trọng tâm, rõ ràng, đúng, đủ, ngắn gọn. Thể hiện sự tự tin hiểu biết trong	Các câu trả lời đúng trọng tâm, rõ ràng, đúng, đủ, ngắn gọn. Thể hiện sự tự tin hiểu	80%

		trung vào trọng tâm của câu hỏi.	tự tin trong các câu trả lời.	câu trả lời, nhưng lập luận giải thích một số nội dung chưa thuyết phục.	biết trong câu trả lời, lập luận giải thích hoàn toàn thuyết phục.	

Rubric 6: Đánh giá báo cáo (Written Report)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nội dung kiến thức	Không có hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung chưa đầy đủ theo yêu cầu. còn một số nội dung chưa chính xác, còn nhầm lẫn.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nội dung chưa chính xác, nhầm lẫn.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, chính xác, trình tự hợp lý. Giải thích chưa cụ thể, chưa thuyết phục.	Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, chính xác, trình tự hợp lý. Giải thích cụ thể, rõ ràng, thuyết phục.	60%
Trình bày thuyết minh	Không có thuyết minh hoặc thuyết minh không đúng với nội dung	Trình tự trình bày không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu chưa phù hợp với nội dung. Trình bày còn một số lỗi chính tả, ghi chú chưa đầy đủ.	Trình tự trình bày nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu khá phù hợp với nội dung. Trình bày còn một số lỗi chính tả, ghi chú chưa đầy đủ.	Trình tự trình bày nội dung phù hợp theo yêu cầu, nội dung, cấu trúc rõ ràng, logic. Hình vẽ, bảng biểu phù hợp với nội dung. Không có lỗi chính tả trong trình bày, ghi chú đầy đủ.	Trình tự trình bày nội dung phù hợp theo yêu cầu, nội dung cấu trúc rõ ràng, logic. Hình vẽ, bảng biểu phù hợp với nội dung. Ghi chú đầy đủ, không có lỗi chính tả trong trình bày. Nội dung, hình ảnh trình chiếu phù hợp với nội dung trình bày.	20%

Sản phẩm báo cáo	Không có hoặc thiếu sản phẩm, không đúng nội dung.	Đầy đủ nội dung. Cấu trúc chưa hợp lý. Ghi chú không được thể hiện hoặc không rõ ràng, thiếu một số phần trên sản phẩm.	Đầy đủ nội dung. Cấu trúc khá hợp lý. Ghi chú được thể hiện rõ ràng, đầy đủ. Còn một số lỗi về trình bày.	Đầy đủ nội dung. Cấu trúc hợp lý. Ghi chú được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, vẫn còn một số ít lỗi trình bày.	Đầy đủ nội dung. Cấu trúc rất hợp lý. Ghi chú được thể hiện rõ ràng, đầy đủ, không còn lỗi trình bày.	20%

Rubric 7: Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assessment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Không có sự làm việc nhóm	Có sự làm việc nhóm, nhưng trách nhiệm và nhiệm vụ công việc của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, rõ ràng.	Có sự làm việc nhóm, mỗi thành viên có trách nhiệm và nhiệm vụ công việc riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Có sự làm việc nhóm, mỗi thành viên có trách nhiệm và nhiệm vụ công việc riêng rõ ràng, phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm.	Có sự làm việc nhóm, mỗi thành viên có trách nhiệm và nhiệm vụ công việc riêng rõ ràng, phù hợp với khả năng của thành viên trong nhóm. Phát huy thế mạnh của các thành viên trong nhóm. Tương tác, phối hợp tốt giữa các thành viên.	40%
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	20%

Thảo luận	Không tham gia thảo luận nhóm.	Ít khi tham gia vào thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến.	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay.	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến hay, hiệu quả cho các hoạt động của nhóm.	20%
Phối hợp nhóm	Không phối hợp, hợp tác với nhóm.	Ít khi hợp tác, phối hợp làm việc nhóm.	Thỉnh thoảng hợp tác, phối hợp với nhóm. Có sự tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Thường xuyên hợp tác, phối hợp với nhóm; tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	Luôn luôn hợp tác, phối hợp với nhóm. Luôn tôn trọng và chia sẻ kinh nghiệm từ các thành viên khác của nhóm.	20%

1.11. Hệ thống tính điểm

Thực hiện theo Quy chế đào tạo của Trường Đại học Hạ Long.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH GIẢNG DẠY

2.1. Cấu trúc chương trình giảng dạy

Chương trình giảng dạy được chia thành 2 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được thể hiện trong Bảng 2.1.

Bảng 2.1. Các khối kiến thức và số tín chỉ

Stt	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng số	Bắt buộc	Tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương	27	25	2
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	101	91	10
	Kiến thức cơ sở ngành	29	25	4
	Kiến thức chuyên ngành	55	49	6
	Thực hành, thực tập và tốt nghiệp	17	17	0
Tổng		128		

Trong đó:

- **Khối kiến thức giáo dục đại cương** có tổng 27 tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc thuộc bộ môn Lí luận chính trị - Pháp luật, Ngoại ngữ - Tin học, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng an ninh và các học phần tự chọn: Cơ sở văn hóa Việt Nam, Lịch sử văn minh thế giới, Soạn thảo văn bản, ... với mục đích giúp sinh viên có sức khỏe, có kiến thức nền tảng đầy đủ về cơ sở khoa học, cần thiết cho các học phần khác trong khối kiến thức chuyên ngành.

- **Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp** có tổng 101 tín chỉ bao gồm các khối kiến thức cơ sở ngành, kiến thức ngành, thực hành, thực tập, khóa luận tốt nghiệp (các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp). Trong đó:

+ Kiến thức cơ sở ngành có 29 tín chỉ (25 tín chỉ bắt buộc, 4 tín chỉ tự chọn), gồm các học phần với mục tiêu giúp sinh viên có kiến thức nền tảng về khoa học giáo dục tiểu học

+ Kiến thức ngành có 55 tín chỉ (49 tín chỉ bắt buộc, 6 tín chỉ tự chọn), gồm các học phần với nội dung giúp sinh viên có kiến thức chuyên sâu, kĩ năng, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động dạy học - giáo dục học sinh tiểu học.

+ Thực hành, thực tập và tốt nghiệp có 17 tín chỉ, bao gồm các học phần với nội dung giúp sinh viên hình thành phẩm chất, năng lực, kĩ năng cần thiết của người giáo viên tiểu học.

Các khối kiến thức được thiết kế đảm bảo cho nội dung đáp ứng được chuẩn đầu ra của CTĐT, được thể hiện trong Bảng 2.2.

Bảng 2.2. Ma trận giữa các khối kiến thức và CDR CTĐT (PLOs)

Stt	Khối kiến thức	Số tín chỉ	Tỷ lệ	PLOs									
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Kiến thức giáo dục đại cương	27	24.2 %	H	L	L	L	L	L	H	H	H	M
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp												
	1.1. Kiến thức cơ sở ngành	29	20 %	L	H	H	H	M	H	M	M	H	H
	1.2. Kiến thức chuyên ngành	55	43 %	L	H	H	H	H	H	M	M	H	H
	1.3. Thực hành, thực tập, khóa luận tốt nghiệp	17	13.3 %	L	H	H	H	H	H	M	M	H	H
Tổng		128	100										

Chú thích: H– Cao, M – Trung bình, L – Thấp

2.2. Danh sách các học phần

Bảng 2.3. Danh sách các học phần

TT	Tên học phần	Mã HP	Số TC	Loại TC		Số tiết	Tín chỉ	
				LT	TH		BB	TC
A	Khối kiến thức giáo dục đại cương		27	18	9	540		
A1	Bắt buộc		25	16	9	510		
I	Lý luận chính trị - Pháp luật		14	14	0	210		
1	Triết học Mác - Lênin	CB601001	3	3	0	45	x	
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CB601002	2	2	0	30	x	
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CB601003	2	2	0	30	x	

4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CB601004	2	2	0	30	x	
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CB601005	2	2	0	30	x	
6	Pháp luật đại cương	CB601007	3	3	0	45	x	
II	Ngoại ngữ - Tin học		11	2	9	300		
7	Tiếng Anh 1	NN602131	2	0	2	60	x	
8	Tiếng Anh 2	NN602132	2	0	2	60	x	
9	Tiếng Anh 3	NN602133	2	0	2	60	x	
10	Tiếng Anh 4	NN602134	2	0	2	60	x	
11	Tin học ứng dụng	IT601001	3	2	1	60	x	
III	Giáo dục thể chất		3*		3*	90*	x	
12	Giáo dục thể chất 1	CB601022	1*		1*	30*	x	
13	Giáo dục thể chất 2	CB601023	2*		2*	60*	x	
IV	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	CB601024	8*			165*		
A2	Tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)		2	2	0	30		
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VH602005	2	2	0	30		x
15	Lịch sử văn minh thế giới	SP601001	2	2	0	30		x
16	Soạn thảo văn bản	SP601033	2	1	1	45		x

B.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		99	47	52	2430		
I	Kiến thức cơ sở ngành		29	19	10	585		
I.1	Khối kiến thức bắt buộc		25	17	8	495		
17	Tâm lí học tiểu học	SP622003	3	3	0	45	x	
18	Tâm lí học đại cương	SP620001	2	2	0	30	x	
19	Giáo dục học đại cương	SP620002	2	2	0	30	x	
20	Giáo dục học tiểu học	SP622005	2	1	1	45	x	
21	Giáo dục hoà nhập ở trường tiểu học	SP622006	2	1	1	45	x	
22	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	SP622007	2	1	1	45	x	
23	Nghiên cứu khoa học trong giáo dục phổ thông	SP601031	2	1	1	45	x	
24	Tiếng Việt thực hành	SP622009	2	1	1	45	x	
25	Giáo dục Stem ở tiểu học	SP622013	2	1	1	45	x	
26	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	SP622014	2	1	1	45	x	
27	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội	SP622012	2	1	1	45	x	
28	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục - Đào tạo	SP622010	2	2	0	30		
I.2	Khối kiến thức tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 học phần)		2	1	1	45		x
29	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	SP622011	2	1	1	45		x

30	Hoạt động trang trí ở trường tiểu học	SP622015	2	1	1	45		
<i>I.3</i>	<i>Khối kiến thức tự chọn 2 (chọn 1 trong 3 học phần)</i>		2	1	1	45		x
31	Thiết kế và tổ chức trò chơi vận động cho học sinh tiểu học	SP622016	2	1	1	45		x
32	Nhảy hiện đại	SP622017	2	1	1	45		x
33	Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ	SP622018	2	1	1	45		x
II	Khối kiến thức chuyên ngành		55	32	23	1170		
<i>II.1</i>	<i>Khối kiến thức bắt buộc</i>		49	29	20	1035		
34	Nhập môn Xác suất - Thống kê	SP622019	2	1	1	45	x	
35	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 1	SP622020	2	1	1	45	x	
36	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 2	SP622021	2	1	1	45	x	
37	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 3	SP622022	2	1	1	45	x	
38	Tiếng Việt 1	SP622023	2	1	1	45	x	
39	Tiếng Việt 2	SP622024	2	1	1	45	x	
40	Tiếng Việt 3	SP622025	2	1	1	45	x	
41	Văn học	SP622026	3	2	1	60	x	
42	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	SP622027	3	2	1	60	x	
43	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	SP622028	3	2	1	60	x	

44	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	SP622029	3	2	1	60	x	
45	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	SP622030	3	2	1	60	x	
46	Thực hành giải Toán ở tiểu học	SP622031	2	1	1	45	x	
47	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	SP622032	3	2	1	60	x	
48	Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học	SP622033	3	2	1	60	x	
49	Giáo dục Âm nhạc ở tiểu học	SP622034	3	2	1	60	x	
50	Giáo dục Mỹ thuật ở tiểu học	SP622035	3	2	1	60	x	
51	Giáo dục sức khỏe và thể chất ở trường tiểu học	SP622036	2	1	1	45	x	
52	Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học	SP622037	2	1	1	45	x	
53	Công tác chủ nhiệm lớp và phụ trách Chi đội ở tiểu học	SP622038	2	1	1	45	x	
II.2	<i>Khối kiến thức tự chọn 1 (Chọn 2 trong 6 học phần)</i>		4	2	2	90		
54	Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học	SP622039	2	1	1	45		x
55	Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học	SP622040	2	1	1	45		x
56	Dạy học môn Tiếng Việt bậc tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới	SP622041	2	1	1	45		x
57	Phát triển năng lực tư duy Toán học cho học sinh tiểu học	SP622042	2	1	1	45		x
58	Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng tiếng Anh	SP622043	2	1	1	45		x
59	Dạy học Toán ở tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm	SP622044	2	1	1	45		x

II.3	Khối kiến thức tự chọn 2 (Chọn 1 trong 5 học phần)		2	1	1	45		
60	Dạy học phát triển năng lực các môn về Tự nhiên và Xã hội	SP622045	2	1	1	45		x
61	Dạy học Lịch sử và Địa lí địa phương ở tiểu học	SP622046	2	1	1	45		x
62	Giáo dục kĩ năng sống trong nhà trường tiểu học	SP622048	2	1	1	45		x
63	Phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học	SP622049	2	1	1	45		x
III	Thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm		9	0	9	315		
64	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	SP622050	1	0	1	45	x	
65	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	SP622051	1	0	1	45	x	
66	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3	SP622052	1	0	1	45	x	
67	Thực tập Sư phạm I	SP622053	2	0	2	60	x	
68	Thực tập Sư phạm II	SP622054	4	0	4	120	x	
IV	Khoá luận hoặc học phần tương đương		8	0	8	360		
IV.1	Khoá luận		8					
IV.2	Học phần thay thế khoá luận		8					
60	Thực hành rèn luyện và phát triển một số kĩ năng dạy học Toán cho giáo viên tiểu học	SP622055	3	2	1	60	x	
70	Phát triển năng lực thiết kế và hướng dẫn giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học	SP622056	3	2	1	60	x	

71	Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội	SP622057	2	1	1	45	x	
V	KIẾN THỨC, KĨ NĂNG BỔ TRỢ							
	Viết chữ đẹp; Đọc diễn cảm, thuyết trình, Hùng biện; Cắm hoa; Pha chế; Vẽ; Hùng biện; Bơi; Nhảy; Dẫn chương trình							
	Tổng khối lượng toàn khoá		126	65	61	2970		

2.3. Ma trận đáp ứng giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo
Bảng 2.4. Mối quan hệ giữa các học phần và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT		Mã HP	PLOs									
	Tên học phần		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	Khối kiến thức giáo dục đại cương											
A1	Bắt buộc											
I	Lý luận chính trị - Pháp luật											
1	Triết học Mác - Lênin	CB601001	H	M	L	L	M	M	L		M	M
2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CB601002	M	M				M			M	M
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CB601003	M	L				M			M	M
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CB601004	M				M	M			M	M
5	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CB601005	M				M	M			M	M

6	Pháp luật đại cương	CB601007	M	M				M	M			M
II	Ngoại ngữ - Tin học											
7	Tiếng Anh 1	NN602131	L					L		L	L	L
8	Tiếng Anh 2	NN602132	M					M		M	M	M
9	Tiếng Anh 3	NN602133	M					M		M	M	M
10	Tiếng Anh 4	NN602134	M					M		H	M	M
11	Tin học ứng dụng	IT601001		M	M			M			L	M
III	Giáo dục thể chất											
12	Giáo dục thể chất 1	CB601022	M					M			M	M
13	Giáo dục thể chất 2	CB601023	M					M			M	M
IV	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	CB601024	L								M	M
A2	Tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)											
14	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VH602005	M	M				M	L		M	M
15	Lịch sử văn minh thế giới	SP601001	M					M			M	M
16	Soạn thảo văn bản	SP601033	M	M	M	M	L	M	M		L	L
B.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp											
I	Kiến thức cơ sở ngành											

I.1	<i>Khối kiến thức bắt buộc</i>											
17	Tâm lý học tiểu học	SP622003	M	M	M	M	M	M	L	M	L	M
18	Tâm lý học đại cương	SP620001	M	M				M			M	M
19	Giáo dục học đại cương	SP620002	M	M	M	M		L			M	M
20	Giáo dục học tiểu học	SP622005	M		M			M			M	M
21	Giáo dục hoà nhập ở trường tiểu học	SP622006	M	M	M	M	M	M			M	M
22	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	SP622007	M	M	M	H		M	L		H	H
23	Nghiên cứu khoa học trong giáo dục phổ thông	SP601031	L	M			M	M	M		M	H
24	Tiếng Việt thực hành	SP622009		M	L	M	M	M	L	L	L	M
25	Giáo dục Stem ở tiểu học	SP622013	L	L	M	L	M	M	M	L	M	M
26	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	SP622014	L	M	M	M	M	M	L	M	M	M
27	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội	SP622012	M	M			M	M	M		M	M
28	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục - Đào tạo	SP622010	L	M				M			M	M
I.2	<i>Khối kiến thức tự chọn 1 (chọn 1 trong 2 học phần)</i>											
29	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	SP622011	M	M	M	H		H			H	H
30	Hoạt động trang trí ở trường tiểu học	SP622015		L			M	M			L	M
I.3	<i>Khối kiến thức tự chọn 2 (chọn 1 trong 3 học phần)</i>											

31	Thiết kế và tổ chức trò chơi vận động cho học sinh tiểu học	SP622016	L	M		M	M	M			M	M
32	Nhảy hiện đại	SP622017		M	M	L	M	M			M	M
33	Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ	SP622018		M	M	M	M	M	M		M	M
II	Khối kiến thức chuyên ngành											
II.1	Khối kiến thức bắt buộc											
34	Nhập môn Xác suất - Thống kê	SP622019	M	H	H	M	M	M	M		L	M
35	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 1	SP622020	L	H	L		L	M			M	L
36	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 2	SP622021	L	H	L		L	M			M	L
37	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 3	SP622022	L	H			L	M			M	L
38	Tiếng Việt 1	SP622023		M	L	L	L	M	L	L	M	L
39	Tiếng Việt 2	SP622024		M	L	L	L	M	L	L	M	L
40	Tiếng Việt 3	SP622025		M	L	L		M				M
41	Văn học	SP622026		M	L	L	L	M			L	M
42	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	SP622027	M	H	H	H	H	M	M		M	M
43	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	SP622028	M	H	H	H	H	M	M		M	M
44	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	SP622029	M	H	H	H	H	M	M	L	M	M
45	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	SP622030	M	H	H	H	H	M	M	L	M	M

46	Thực hành giải Toán ở tiểu học	SP622031	M	H			M	M	M	L	L	M
47	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	SP622032	M	M	M	M	M	M	M		M	M
48	Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học	SP622033	M	M	M	M	M	M	M		M	M
49	Giáo dục Âm nhạc ở tiểu học	SP622034		M	L	M	M	L			M	M
50	Giáo dục Mỹ thuật ở tiểu học	SP622035		M	M	L	L	L			L	L
51	Giáo dục sức khỏe và thể chất ở trường tiểu học	SP622036		M	M	M	M	M			M	M
52	Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học	SP622037	M	M	M	M	M	M	M		H	H
53	Công tác chủ nhiệm lớp và phụ trách Chi đội ở tiểu học	SP622038	M	L	M	M	L	M	M	M	M	M
II.2	<i>Khối kiến thức tự chọn 1 (Chọn 2 trong 6 học phần)</i>											
54	Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học	SP622039	M	H	H	H	H	M	M		M	M
55	Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học	SP622040	M	H	H	H	H	M	M		M	M
56	Dạy học môn Tiếng Việt bậc tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới	SP622041	M	H	H	H	H	M	M		M	M
57	Phát triển năng lực tư duy Toán học cho học sinh tiểu học	SP622042	M	H			M	M	M	L	M	M
58	Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng tiếng Anh	SP622043		H	M	M	M	M		H	L	M
59	Dạy học Toán ở tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm	SP622044	M	M	M	H	M	M	M	L	M	M
II.3	<i>Khối kiến thức tự chọn 2 (Chọn 1 trong 5 học phần)</i>											
60	Dạy học phát triển năng lực các môn về Tự nhiên và Xã hội	SP622045	M	M	M	M	M	M	M		M	M

61	Dạy học Lịch sử và Địa lí địa phương ở tiểu học	SP622046	M	M	M	M	M	M	M		M	M
62	Giáo dục kĩ năng sống trong nhà trường tiểu học	SP622048	M	M	M	M	M	M			M	M
63	Phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học	SP622049	M	M	M	M	M	M			M	M
III	<i>Thực tập, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm</i>											
64	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	SP622050		M	H	M	M	M	M		L	M
65	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	SP622051	M	H	H	H	H	M	M		M	M
66	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3	SP622052	M	M	M	M	M	M	M		M	M
67	Thực tập Sư phạm I	SP622053	M	M	M	M	M	M	M		M	M
68	Thực tập Sư phạm II	SP622054	H	H	H	H	H	H	H		H	H
IV	<i>Khoá luận hoặc học phần tương đương</i>											
IV.1	<i>Khoá luận</i>											
IV.2	<i>Học phần thay thế khoá luận</i>											
69	Thực hành rèn luyện và phát triển một số kĩ năng dạy học Toán cho giáo viên tiểu học	SP622055	M	H	M	M	M	M	M	L	M	M
70	Phát triển năng lực thiết kế và hướng dẫn giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học	SP622056	M	H	H	H	H	M	M		M	M
71	Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội	SP622057	M	M	H	M	L	M	M		M	M
V	KIẾN THỨC, KĨ NĂNG BỔ TRỢ											

	Viết chữ đẹp; Đọc diễn cảm, thuyết trình, Hùng biện; Cắm hoa; Pha chế; Vẽ; Hùng biện; Bơi; Nhảy; Dẫn chương trình										
	Tổng khối lượng toàn khoá										

Ghi chú: H (Cao), M (Trung bình), L (Thấp)

2.4. Kế hoạch giảng dạy

Bảng 2.5. Kế hoạch giảng dạy chương trình

TT	KHỐI Tên học phần	Mã HP	Số T C	Loại TC		Số tiết	Học kỳ			
				L T	T H		Họ c kỳ	Điều kiện tiền quyết	Học trước	Song hành
1	Tiếng Anh 1	NN6021 31	2	0	2	60	1			
2	Tin học ứng dụng	IT60100 1	3	2	1	60	1			
3	Giáo dục thể chất 1	CB60102 2	1*		1*	30*	1			
IV	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	CB60102 4	8*			165 *	1			
4	Tâm lý học đại cương	SP62000 1	2	2	0	30	1			
5	Giáo dục học đại cương	SP62000 2	2	2	0	30	1			
6	Tiếng Việt thực hành	SP62200 9	2	1	1	45	1			
7	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 1	SP62202 0	2	1	1	45	1			
8	Tiếng Việt 1	SP62202 3	2	1	1	45	1			

9	Pháp luật đại cương	CB60100 7	3	3	0	45	2			HP2 5
10	Tiếng Anh 2	NN6021 32	2	0	2	60	2		HP1	
11	Giáo dục thể chất 2	CB60102 3	2*		2*	60*	2		HP7	
12	Cơ sở văn hóa Việt Nam	VH6020 05	2	2	0	30	2			
13	Lịch sử văn minh thế giới	SP60100 1	2	2	0	30	2			
14	Soạn thảo văn bản	SP60103 3	2	1	1	45	2		HP36	
15	Tâm lí học tiểu học	SP62200 3	3	3	0	45	2		HP39	
16	Giáo dục học tiểu học	SP62200 5	2	1	1	45	2			
17	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội	SP62201 2	2	1	1	45	2			
18	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 2	SP62202 1	2	1	1	45	2			
19	Tiếng Việt 2	SP62202 4	2	1	1	45	2		HP1,2	
20	Triết học Mác - Lênin	CB60100 1	3	3	0	45	3		HP8	
21	Tiếng Anh 3	NN6021 33	2	0	2	60	3		HP20	
22	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	SP60103 1	2	1	1	45	3			
23	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 3	SP62202 2	2	1	1	45	3		HP36,3 7	
24	Tiếng Việt 3	SP62202 5	2	1	1	45	3		HP39, 40	
25	Văn học	SP62202 6	3	2	1	60	3		HP25,	

26	Thực hành giải Toán ở tiểu học	SP622031	2	1	1	45	3			
27	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	CB601002	2	2	0	30	4			
28	Tiếng Anh 4	NN602134	2	0	2	60	4			
29	Giáo dục Stem ở tiểu học	SP622013	2	1	1	45	4		HP19	
30	Nhập môn Xác suất - Thống kê	SP622019	2	1	1	45	4		HP43	
31	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	SP622027	3	2	1	60	4		HP36,	
32	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	SP622029	3	2	1	60	4		HP1,2,	
33	Công tác chủ nhiệm lớp và phụ trách Chi đội ở tiểu học	SP622038	2	1	1	45	4		HP1,2,	
34	Chủ nghĩa xã hội khoa học	CB601003	2	2	0	30	5		HP20, 21	
35	<i>Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2</i>	<i>SP622028</i>	<i>3</i>	<i>2</i>	<i>1</i>	<i>60</i>	<i>5</i>		HP20, 21	
36	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	SP622030	3	2	1	60	5			
37	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	SP622032	3	2	1	60	5		HP20,	
38	Giáo dục Âm nhạc ở tiểu học	SP622034	3	2	1	60	5			
39	Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học	SP622037	2	1	1	45	5			
40	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	SP622050	1	0	1	30	5			
41	Tư tưởng Hồ Chí Minh	CB601004	2	2	0	30	6			
42	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục - Đào tạo	SP622010	2	2	0	30	6		HP28	

43	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	SP622011	2	1	1	45	6			
44	Hoạt động trang trí ở trường tiểu học	SP622015	2	1	1	45	6			
45	Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học	SP622033	3	2	1	60	6		HP39,	
46	Giáo dục Mỹ thuật ở tiểu học	SP622035	3	2	1	60	6		HP39,	
47	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	SP622051	1	0	1	30	6			
48	Thực tập Sư phạm I	SP622053	2	0	2	60	6			
49	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	CB601005	2	2	0	30	7			
50	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học	SP622006	2	1	1	45	7			
51	Đánh giá trong giáo dục tiểu học	SP622014	2	1	1	45	7			
52	Thiết kế và tổ chức trò chơi vận động cho học sinh tiểu học	SP622016	2	1	1	45	7			
53	Nhảy hiện đại	SP622017	2	1	1	45	7			
54	Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ	SP622018	2	1	1	45	7			
55	Giáo dục sức khỏe và thể chất ở trường tiểu học	SP622036	2	1	1	45	7			
56	Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học	SP622039	2	1	1	45	7			
57	Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở Tiểu học	SP622040	2	1	1	45	7			
58	Dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới	SP622041	2	1	1	45	7			

59	Phát triển năng lực tư duy Toán học cho học sinh tiểu học	SP62204 2	2	1	1	45	7			
60	Dạy học môn Toán ở tiểu học bằng tiếng Anh	SP62204 3	2	1	1	45	7			
61	Dạy học Toán ở tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm	SP62204 4	2	1	1	45	7			
62	Dạy học phát triển năng lực các môn về Tự nhiên và Xã hội	SP62204 5	2	1	1	45	7			
63	Dạy học Lịch sử và Địa lí địa phương ở tiểu học	SP62204 6	2	1	1	45	7			
64	Giáo dục kĩ năng sống trong nhà trường tiểu học	SP62204 8	2	1	1	45	7			
65	Phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học	SP62204 9	2	1	1	45	7			
66	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3	SP62205 2	1	0	1	30	7			
67	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	SP62200 7	2	1	1	45	8			
68	Thực tập Sư phạm II	SP62205 4	4	0	4	120	8			
IV	<i>Khóa luận hoặc học phần tương đương</i>		8	0	8	165	8			
IV.1	<i>Khóa luận</i>		8			165	8		HP36,	
IV.2	<i>Học phần thay thế khóa luận</i>		8				8		HP39,	
69	Thực hành rèn luyện và phát triển một số kĩ năng dạy học Toán cho giáo viên tiểu học	SP62205 5	3	2	1	60	8		HP28,	
70	Phát triển năng lực thiết kế và hướng dẫn giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học	SP62205 6	3	2	1	60	8			

71	Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội	SP62205 7	2	1	1	45	8			
V	KIẾN THỨC, KĨ NĂNG BỔ TRỢ									
72	Viết chữ đẹp; Đọc diễn cảm, thuyết trình, Hùng biện; Cắm hoa; Pha chế; Vẽ; Hùng biện; Bơi; Nhảy; Dẫn chương trình									

2.5. Mô tả các học phần

Bảng 2.6. Mô tả vắn tắt nội dung từng học phần

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
1	CB601001	Triết học Mác - Lênin	Học phần cung cấp kiến thức về triết học, vai trò của triết học trong đời sống xã hội; trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp biện chứng để nghiên cứu sự vận động, phát triển của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên; các quy luật vận động của xã hội; con người và bản chất con người.
2	CB601002	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin. Cung cấp những nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác-Lênin về: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
3	CB601003	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, các vấn đề về dân chủ, liên minh giai cấp, tầng lớp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức đã học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước.
4	CB601005	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần cung cấp cho người học những tri thức có tính hệ thống về sự ra đời của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) và lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Qua đó khẳng định những thành tựu, kinh nghiệm, bài học của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước.
5	CB601004	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Từ đó, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
6	CB601007	Pháp luật đại cương	Học phần Pháp luật đại cương gồm 9 chương; chương 1, 2 đề cập những vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; các chương còn lại nghiên cứu nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Hiến pháp, Hành chính, Dân sự, Lao động, Hình sự, Hôn nhân và gia đình, luật Phòng chống tham nhũng.
7	NN629035	Tiếng Anh 1	Học phần trang bị cho sinh viên các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể như tự giới thiệu bản thân và người khác; trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/ bạn bè; giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.
8	NN629036	Tiếng Anh 2	Học phần trang bị cho sinh viên các cấu trúc quen thuộc thường nhật; từ vựng cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp với những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác; trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/ bạn bè; giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói tương đối chậm chậm và rõ ràng.
9	NN629037	Tiếng Anh 3	Học phần Tiếng Anh 3 tiếp tục trang bị cho người học kiến thức và phát triển kỹ năng ở trình độ tiền trung cấp. Kết thúc học phần, người học có kiến thức về cách diễn đạt các thông tin cá nhân và nhu cầu cụ thể; có vốn từ thuộc các tình huống quen thuộc cụ thể; dùng được các cách diễn đạt, cấu trúc câu cố định, phương tiện liên kết câu đơn giản; nắm được kiến thức cơ bản về và có thể phát âm tương đối rõ các âm trong

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
			hệ thống âm vị tiếng Anh; phát âm đúng trọng âm trong các từ đa âm tiết được giới thiệu trong chương trình học.
10	NN629038	Tiếng Anh 4	Học phần Tiếng Anh 3 tiếp tục trang bị cho người học kiến thức và phát triển kỹ năng ở trình độ tiền trung cấp. Kết thúc học phần, người học có kiến thức về cách diễn đạt các thông tin cá nhân và nhu cầu cụ thể; có vốn từ thuộc các tình huống quen thuộc cụ thể; dùng được các cách diễn đạt, cấu trúc câu cố định, phương tiện liên kết câu đơn giản; nắm được kiến thức cơ bản về và có thể phát âm tương đối rõ các âm trong hệ thống âm vị tiếng Anh; phát âm đúng trọng âm trong các từ đa âm tiết được giới thiệu trong chương trình học.
11	IT601001	Tin học ứng dụng	Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về Công nghệ thông tin (CNTT), tập trung vào hệ điều hành, các phần mềm tin học văn phòng thông dụng (soạn thảo văn bản, bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu). Học phần sẽ cung cấp các kiến thức về thao tác cơ bản và một số kỹ thuật nâng cao của phần mềm tin học văn phòng thông dụng. Ngoài ra, học phần cũng trang bị một số kiến thức về Internet, cách sử dụng trình duyệt Web để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử. Bên cạnh đó, học phần này cũng giới thiệu và rèn luyện kỹ năng ứng dụng CNTT trong hoạt động nghề nghiệp phù hợp ngành đào tạo của sinh viên. Từ đó, sinh viên có khả năng sử dụng máy tính phục vụ việc học tập, nghiên cứu và những công việc cần ứng dụng CNTT trong nghề nghiệp sau này.

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
12	CB601022	Giáo dục thể chất 1 Điền kinh - thể dục	Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ thuật, chiến thuật cơ bản về các bài tập thể dục, kỹ thuật của các môn Điền kinh như nhảy xa, chạy cự ly ngắn và chạy cự ly trung bình.
13	CB601023	Giáo dục thể chất 2 Bóng đá, cầu lông, bóng rổ, bóng bàn, nhảy dây, đá cầu	Học phần cung cấp cho sinh viên những lợi ích, tác dụng, nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn bóng đá, luật bóng đá, cách tổ chức và trọng tài giải phong trào. Trình bày được nội dung cơ bản: lịch sử phát triển, tác dụng của việc luyện tập môn Cầu lông, nắm được những kỹ thuật cơ bản và luật Cầu lông. Trình bày được nội dung cơ bản: lịch sử phát triển, tác dụng của việc luyện tập môn Bóng rổ, nắm được những kỹ thuật cơ bản và luật Bóng rổ. Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về lịch sử phát triển, nguyên lý, tác dụng và các kỹ thuật cơ bản của môn bóng bàn, luật bóng bàn. Trình bày được nội dung cơ bản: lịch sử phát triển, tác dụng của việc luyện tập môn Đá cầu và nhảy dây, nắm được những kỹ thuật cơ bản và luật Đá cầu và nhảy dây.
	CB601024	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam 3 Tín chỉ	Học phần cung cấp cho sinh viên đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học và những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất của chiến tranh, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, kết hợp kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
			phòng an ninh và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam. Sinh viên xác lập phương pháp luận trong nghiên cứu học phần, môn học giáo dục quốc phòng - an ninh, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Nắm vững các nội dung đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam; vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.
	CB601024	Công tác quốc phòng, an ninh 2 Tín chỉ	Học phần này cung cấp các kiến thức: Những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
	CB601024	Quân sự chung	Học phần cung cấp cho sinh viên cách thức bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, những hiểu biết cơ bản về các quân binh chủng trong Quân Đội, góp phần nâng cao nhận thức xây dựng lòng tự hào về truyền thống Quân Đội anh hùng. Làm cơ sở vận dụng vào trong học tập, công tác tại đơn vị đúng theo nề nếp, chế độ quy định.

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
	CB601024	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách sử dụng lựu đạn và biết cách phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao. Nắm vững và thành thạo kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.
14	VH609005	Cơ sở văn hoá Việt Nam	Sau khi học xong học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về văn hoá, văn hóa Việt Nam, định vị văn hóa Việt Nam, các thành tố văn hóa Việt Nam; xác định được bản sắc văn hoá Việt Nam trong sự giao thoa văn hoá với các nước trong khu vực, đặc biệt với văn hoá Trung Hoa, văn hóa phương Tây trong xu thế hội nhập và toàn cầu hoá.
15		Lịch sử văn minh thế giới	
16	SP601033	Soạn thảo văn bản	Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các loại văn bản thường dùng trong công việc và đời sống, đặc biệt là văn bản hành chính thông dụng; giúp người học rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong soạn thảo, chỉnh sửa và trình bày văn bản, đáp ứng yêu cầu chuẩn mực về hình thức và nội dung văn bản. Qua đó, người học phát triển năng lực ngôn ngữ và kỹ năng nghề nghiệp, phục vụ hiệu quả cho học tập và công việc sau này.
17	SP622060	Tâm lý học tiểu học	Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức lý luận cơ bản về sự phát triển tâm lý

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
			học sinh Tiểu học; đặc điểm nhận thức, nhân cách của học sinh Tiểu học; những kiến thức cơ bản về tâm lý học dạy học và giáo dục Tiểu học; những vấn đề về tâm lý học nhân cách người người giáo viên Tiểu học. Qua đó học phần giúp người học biết vận dụng những kiến thức tâm lý lứa tuổi của học sinh tiểu học vào thực tiễn dạy học và giáo dục trong hoạt động nghề nghiệp sau này.
18	SP620001	Tâm lý học đại cương	Học phần cung cấp cho người học kiến thức về bản chất hiện tượng tâm lý người, hoạt động giao tiếp, sự hình thành và phát triển tâm lý, hoạt động nhận thức, tình cảm, ý chí, nhân cách, sự hình thành và phát triển nhân cách, qua đó giúp người học có khả năng nhận biết, giải thích các hiện tượng tâm lý, các quá trình nhận thức của con người
19	SP620002	Giáo dục học đại cương	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về khoa học giáo dục; lý luận về giáo dục và sự phát triển nhân cách; mục đích và nguyên lý của giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.
20	SP622005	Giáo dục học tiểu học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về quá trình giáo dục ở tiểu học; nguyên tắc giáo dục; nhiệm vụ và nội dung giáo dục; phương pháp giáo dục; hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh Tiểu học. Thông qua những kiến thức lý luận này, người học có kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục phù hợp

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
			với thực tiễn giáo dục học sinh Tiểu học sau này.
21	SP622006	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống như: Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật; Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật ; Dạy học hòa nhập cho trẻ khuyết tật; Phương pháp giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật, như: Giáo dục hòa nhập cho học sinh khiếm thị; Giáo dục hòa nhập cho học sinh khiếm thính; Giáo dục hòa nhập cho học sinh chậm phát triển trí tuệ ; Giáo dục hòa nhập cho học sinh rối loạn phổ tự kỷ; Giáo dục hòa nhập cho học sinh chậm rối loạn ngôn ngữ; Giáo dục hòa nhập cho học sinh rối loạn vận động; Xây dựng phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại cơ sở. Trên cơ sở kiến thức lý luận, người học có thể xây dựng và thực hiện được những kế hoạch giáo dục hòa nhập học sinh Tiểu học trong các nhà trường Tiểu học.
22	SP622007	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường Tiểu học	Học phần cung cấp cho người học nội dung cơ bản về một số vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm trong nhà trường Tiểu học; các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm như sinh hoạt dưới cờ, hoạt động trải nghiệm theo chủ đề, hoạt động trải nghiệm định kỳ, hoạt động sinh hoạt cuối tuần và các câu lạc bộ trong trường Tiểu học; các phương pháp và công cụ đánh giá hoạt động trải nghiệm. Qua đó, người học có thể thiết kế và tổ chức hiệu quả các hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong nhà trường Tiểu học.

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
23	SP622061	Nghiên cứu khoa học trong giáo dục phổ thông	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động nghiên cứu khoa học, từ xác định vấn đề nghiên cứu, biết lựa chọn các phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp, cách xây dựng thuyết minh đề tài nghiên cứu và cách viết một báo cáo tổng hợp hoàn chỉnh. Trên cơ sở những kiến thức nghiên cứu khoa học cơ bản, người học thực hiện được hoạt động nghiên cứu những vấn đề khoa học khác nhau trong chuyên ngành đào tạo của bản thân.
24	SP622009	Tiếng Việt thực hành	Học phần Tiếng Việt thực hành thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kì 1 cho sinh viên năm thứ nhất. Tiếng Việt thực hành là học phần kiến thức cơ bản về Tiếng Việt với năm phần. Phần 1: Rèn kỹ năng đọc hiểu văn bản. Phần 2: Rèn kỹ năng đọc thành tiếng. Phần 3: Rèn kỹ năng viết chữ. Phần 4: Rèn kỹ năng viết văn bản. Phần 5: Rèn các kỹ năng nghe – nói. Những kiến thức này là cơ sở giúp sinh viên cảm thụ tốt văn học, viết văn tốt hơn và tạo điều kiện dạy tốt môn Tiếng Việt ở tiểu học sau này.
25	SP622013	Giáo dục Stem ở tiểu học	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quá trình tổ chức hoạt động giáo dục Stem cho học sinh trong trường Tiểu học.
26	SP622014	Đánh giá trong giáo dục	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận kiểm tra, đánh giá trong giáo dục ở tiểu học; các công cụ kiểm tra, đánh giá; xử lý và phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá. Qua đó người học có thể xây dựng được các bộ công cụ đánh giá và vận

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
			dụng trong thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh tiểu học sau này.
27	SP622012	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sinh học, vật lí, hóa học, địa lí, lịch sử. Từ đó làm cơ sở cho người học có thể dạy tốt các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.
28	SP622010	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục - Đào tạo	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lí hành chính nhà nước, những qui định đối với công chức, viên chức; Đồng thời học phần còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về một số các loại văn bản luật và dưới luật như Luật Giáo dục, điều lệ trường Tiểu học, quy chế trường chuẩn Quốc gia bậc học tiểu học, quy chế kiểm tra đánh giá học sinh Tiểu học, chuẩn chức danh nghề nghiệp của giáo viên Tiểu học; quy chế thanh tra toàn diện cơ sở giáo dục và thanh tra hoạt động sư phạm nhà giáo. Trên cơ sở những kiến thức lý luận được học, người học có kỹ năng xây dựng những kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với những quy định quy phạm pháp luật về ngành Giáo dục Đào tạo trong thực tiễn sau này với vai trò là giáo viên Tiểu học
29	SP622011	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về giao tiếp và giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học, từ đó người học vận dụng để tổ chức hoặc giải quyết có hiệu quả các tình huống giao tiếp với học sinh tiểu học và các đối tượng khác trong công tác giáo dục.

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
30	SP622015	Hoạt động trang trí ở trường tiểu học	Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về trang trí, các đặc điểm đặc trưng và phương pháp trang trí trong không gian lớp học, trường tiểu học. Thông qua các bài tập thực hành trang trí lớp học, trường tiểu học để rèn luyện thành kỹ năng trang trí ở mức độ cơ bản. Người học có năng lực thẩm mỹ về trang trí trong lớp học, không gian sinh hoạt của học sinh trường tiểu học, biết vận dụng trang trí ở trường tiểu học và trong cuộc sống thực tiễn.
31	SP622016	Thiết kế và tổ chức trò chơi vận động cho học sinh tiểu học	Học phần trang bị cho sinh viên các nội dung cơ bản của trò chơi vận động như: nguồn gốc trò chơi, phân loại trò chơi, một số đặc điểm của trò chơi dành cho học sinh tiểu học, phương pháp tổ chức giảng dạy trò chơi cho học sinh trong các hoạt động giáo dục và thể dục thể thao ở trường Tiểu học. Qua đó giúp người học có khả năng thiết kế, tổ chức trò chơi vận động phù hợp với đặc điểm lứa tuổi học sinh trong nhà trường tiểu học.
32	SP622017	Nhảy hiện đại	Học phần Nhảy hiện đại cơ bản cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về một số thể loại nhảy hiện đại phổ biến như jazz, hip-hop, contemporary, street dance,... Nội dung học phần bao gồm tìm hiểu lịch sử hình thành, đặc trưng phong cách, kỹ thuật căn bản và phương pháp luyện tập của từng thể loại. Thông qua các hoạt động thực hành, người học được rèn luyện kỹ năng vận động, khả năng cảm nhạc, biểu cảm cơ thể và kỹ năng trình diễn cá nhân hoặc theo nhóm. Ngoài việc thực hiện các bài nhảy mẫu, học phần còn tạo

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
			điều kiện để người học phát triển khả năng sáng tạo trong biên đạo, xây dựng và trình diễn các bài nhảy ngắn mang tính cá nhân hoặc nhóm, từ đó nâng cao tư duy nghệ thuật và khả năng làm việc tập thể. Học phần được thiết kế phù hợp với người mới bắt đầu, không yêu cầu nền tảng vũ đạo trước đó, và hướng đến việc hình thành sự tự tin, tinh thần kỷ luật, thẩm mỹ nghệ thuật và niềm yêu thích đối với lĩnh vực nhảy múa hiện đại.
32	SP622018	Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ	Học phần Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ tập trung vào việc luyện tập và biểu diễn các bài hát dành cho thiếu nhi bằng đàn Organ. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách chọn tiết tấu, sử dụng hợp âm phù hợp và phát triển kỹ năng đệm hát sao cho sinh động, đúng nhạc và dễ tiếp cận với trẻ em. Môn học góp phần rèn luyện khả năng cảm thụ âm nhạc, kỹ năng sư phạm và năng lực trình bày ca khúc một cách linh hoạt, sáng tạo trong môi trường giáo dục âm nhạc Tiểu học.
34	SP622019	Nhập môn Xác suất - Thống kê	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng gồm: Biến cố ngẫu nhiên, xác suất và các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất thường gặp, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, các yếu tố thống kê trong môn toán ở tiểu học.
35	SP622020	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 1	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về tập hợp, logic, quan hệ, ánh xạ, suy luận, chứng minh và mối liên hệ của các kiến thức này với kiến thức toán tiểu học.

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
36	SP622021	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 2	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về cấu trúc đại số; kiến thức về tập hợp số tự nhiên; tập hợp số hữu tỉ và tập hợp số thực. Đây là các kiến thức nền tảng của toán tiểu học.
37	SP622022	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 3	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về đại số, hình học làm nền tảng cho kiến thức Toán ở Tiểu học.
38	SP622023	Tiếng Việt 1	Học phần Tiếng Việt 1 gồm 3 chương. Chương 1 cung cấp cho người học những kiến thức về nguồn gốc, bản chất của ngôn ngữ nói chung. Chương 2 cung cấp những kiến thức chuyên sâu về ngữ âm tiếng Việt. Chương 3 cung cấp các kiến thức cơ bản về cấu tạo, đặc điểm từ tiếng Việt, các bình diện nghĩa của từ.
39	SP622024	Tiếng Việt 2	Học phần Tiếng Việt 2 gồm hai chương: Chương 1 cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt trên các bình diện: từ loại, cụm từ, câu. Chương 2 khái quát về bộ môn phong cách học và 6 phong cách chức năng ngôn ngữ. Các nội dung đều có các hoạt động thực hành tương ứng.
40	SP622025	Tiếng Việt 3	Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về Lí thuyết hội thoại, Từ Hán Việt và Câu trong văn bản tiếng Việt. Những kiến thức học phần này không chỉ giúp cho sinh viên học tốt học phần Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1, 2 và học phần Chuyên đề Dạy học Tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực của người học mà còn giúp các em giảng dạy tốt môn Tiếng Việt ở nhà trường tiểu học sau này.

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
41	SP622026	Văn học	Sau khi học xong học phần, người học (NH) có được kiến thức cơ bản về lý luận văn học (LLVH), văn học dân gian (VHDG) Việt Nam, văn học thiếu nhi (VHTN) Việt Nam và VHTN nước ngoài; có năng lực tiếp nhận văn học; tích hợp, hỗ trợ phù hợp các hoạt động giảng dạy Tiếng Việt ở tiểu học.
42	SP622027	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức lí thuyết về những vấn đề chung của phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (Đối tượng, nhiệm vụ, các cơ sở khoa học của phương pháp dạy học tiếng Việt; Những điểm cần lưu ý khi dạy học Tiếng Việt ở tiểu học; Môn học Tiếng Việt ở trường tiểu học; Các nguyên tắc, phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học...) và phương pháp dạy học học văn, tập viết, chính tả cụ thể. Qua đó, giúp người học vận dụng được những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học vào trong học tập và nghiên cứu lĩnh vực lí luận cũng như phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.
43	SP622028	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2	Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lí thuyết về dạy học Tiếng Việt tiểu học (tập đọc, kể chuyện, luyện từ và câu, tập làm văn). Từ đó, người học vận dụng những phương pháp, kĩ thuật dạy học theo quan điểm dạy học mới vào thiết kế kế hoạch bài học, tổ chức dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo các kĩ năng: đọc, viết, nghe, nói.
44	SP622029	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 1	Học phần Phương pháp dạy học môn Toán ở Tiểu học 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy sau khi sinh viên đã có kiến thức về lí thuyết tập hợp và logic

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
			Toán, các tập hợp số. Học phần cung cấp cho người học kiến thức bao quát về vị trí, vai trò, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá môn Toán ở Tiểu học. Thông qua nghiên cứu, nghe giảng, thảo luận, làm bài tập cá nhân, theo nhóm, thực hành, rút kinh nghiệm, học phần giúp người học hình thành, củng cố, phát triển kỹ năng dạy học Toán ở Tiểu học.
45	SP622030	Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học 2	Học phần này trình bày những vấn đề chung về phương pháp dạy học các nội dung cụ thể theo các mạch kiến thức trong chương trình môn Toán ở Tiểu học. Thông qua nghiên cứu, nghe giảng, thảo luận, làm bài tập cá nhân, theo nhóm, thực hành, rút kinh nghiệm, học phần giúp người học hình thành, củng cố, phát triển kỹ năng dạy học các nội dung cụ thể trong chương trình môn Toán ở Tiểu học.
46	SP622031	Thực hành giải toán ở tiểu học	Học phần này cung cấp cho người học một hệ thống các phương pháp giải toán tiểu học, phân loại được các dạng toán thường gặp ở tiểu học; trình bày, phân tích được các phương pháp thường dùng để giải toán ở tiểu học. Giúp người học có kỹ năng vận dụng các bước giải toán trong dạy giải toán ở tiểu học; ham thích học tập và nghiên cứu toán tiểu học; thường xuyên rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ, có ý thức học tập nâng cao tay nghề, nâng cao năng lực bản thân; phát triển khả năng phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa, khả năng diễn đạt, trình bày.

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
47	SP622032	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học	Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung; phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; kiểm tra, đánh giá các môn học về Tự nhiên và Xã hội; hướng dẫn lập kế hoạch bài học và tập giảng bộ môn theo nội dung các chủ đề trong chương trình Tiểu học. Từ đó giúp người học có khả năng lập kế hoạch dạy học và tiến hành dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy học.
48	SP622033	Công nghệ và phương pháp dạy học Công nghệ ở tiểu học	Học phần Công nghệ và phương pháp dạy học công nghệ ở Tiểu học gồm có 2 phần. Phần 1 cung cấp cho người học các kiến thức về Công nghệ; cấu trúc, nguyên tắc xây dựng chương trình. Phần 2, cung cấp cho người học các phương pháp, kỹ thuật dạy học để xây dựng nội dung, lập kế hoạch dạy học phù hợp với môn học. Qua đó, người học hình thành được các kỹ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học trong chương trình môn Công nghệ ở tiểu học.
49	SP622034	Giáo dục Âm nhạc ở tiểu học	Người học có kiến thức và kỹ năng cơ bản về nhạc lý phổ thông, đọc xướng âm điệu thức trưởng, điệu thức thứ và đọc xướng âm phạm vi đến 1 dấu hóa; Có kỹ năng thiết kế tiết học âm nhạc, tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục âm nhạc chủ động, linh hoạt, sáng tạo.
50	SP622035	Giáo dục Mỹ thuật ở tiểu học	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về mỹ thuật, những đặc điểm đặc trưng của các thể loại tạo hình và mối liên hệ của nó trong cuộc sống, phương pháp thực hành

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
			các bài tập mỹ thuật. Thông qua các bài tập rèn kỹ năng thực hành sáng tạo của từng thể loại mỹ thuật ở mức độ đơn giản, hình thành cảm thụ thẩm mỹ gắn với đời sống. Giới thiệu nội dung, chương trình và phương pháp thực hành các bài tập mỹ thuật tiểu học.
51	SP622036	Giáo dục sức khỏe và thể chất ở trường tiểu học	Học phần gồm 3 chương; chương 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về giáo dục thể chất và giáo dục sức khỏe cho học sinh tiểu học; chương 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung các bài tập cho học sinh tiểu học; chương 3 trang bị cho sinh viên những nguyên tắc, phương pháp và hướng dẫn SV cách tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất và giáo dục sức khỏe cho học sinh tiểu học thông qua các hoạt động (hoạt động học, hoạt động lao động, hoạt động tham quan, hoạt động lễ hội, hoạt động giao lưu, hoạt động vui chơi,...). Qua đó, giúp sinh viên có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động giáo dục thể chất và giáo dục sức khỏe cho học sinh tiểu học tại các trường tiểu học.
52	SP622037	Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở tiểu học	Học phần Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về các vấn đề cơ bản của đạo đức học, vấn đề giáo dục đạo đức trong giai đoạn hiện nay, vị trí, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học. Qua đó, giúp người học vận dụng được các tri thức đã có vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
			đạo đức và dạy học môn Đạo đức cho học sinh Tiểu học.
53	SP622038	Công tác chủ nhiệm lớp và phụ trách Chi đội ở tiểu học	Học phần cung cấp người học những kiến thức cơ bản về Công tác chủ nhiệm lớp và Công tác phụ trách Chi Đội và Sao nhi đồng ở trường Tiểu học. Trên cơ sở những kiến thức lý luận được học, người học có kỹ năng tổ chức các hoạt động chủ nhiệm lớp, công tác Đội và Sao nhi đồng trong nhà trường Tiểu học như tổ chức hoạt động Đội, sinh hoạt Đội, sinh hoạt Sao nhi đồng, tổ chức các hội thi, trò chơi cho thiếu nhi, hoạt động hội trại cho thiếu niên nhi đồng.
54	SP622039	Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học	Học phần Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kì 7 cho sinh viên năm thứ tư. Đây là học phần phương pháp dạy học Tiếng Việt chuyên sâu với 3 nội dung chính: 1. Khái quát về bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học; 2. Bồi dưỡng hứng thú học tập và vốn sống cho học sinh năng khiếu; 3. Bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tiếng Việt cho học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt. Những kiến thức này là cơ sở giúp sinh viên có khả năng thiết kế, hướng dẫn và bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học sau này.
55	SP622040	Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học	Sau khi học xong học phần, người học có được những kiến thức chuyên môn về dạy học phát triển năng lực (PTNL) môn Ngữ văn nói chung, môn Tiếng Việt ở tiểu học nói riêng; có khả năng vận dụng những phương pháp dạy học (PPDH), kỹ thuật dạy học PTNL vào thiết kế kế hoạch dạy học,

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
			thiết kế công cụ kiểm tra, đánh giá và tổ chức dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.
56	SP622041	Dạy học môn Tiếng Việt bậc tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới	Sau khi học xong học phần, người học có được những kiến thức chuyên môn về Chương trình môn tiếng Việt bậc tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới; có khả năng vận dụng các kiến thức và kỹ năng của môn học vào thiết kế kế hoạch dạy học, thiết kế công cụ kiểm tra, đánh giá và tổ chức dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.
57	SP622042	Phát triển năng lực tư duy Toán học cho học sinh tiểu học	Học phần này giúp cho người học có kiến thức về cơ sở lý luận chung về việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán ở trường tiểu học; rèn luyện và phát triển năng lực vận dụng hai dạng suy luận quy nạp và suy diễn vào việc giải toán, khai thác bài toán, sáng tạo toán học; nâng cao khả năng hệ thống hóa và khái quát hóa toán học.
58	SP622043	Dạy học môn Toán ở Tiểu học bằng tiếng Anh	Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống từ vựng, cấu trúc cũng như phương pháp soạn giáo án, phương pháp dạy học môn toán bằng tiếng Anh cách mạch kiến thức Toán học ở tiểu học là: Số học, Hình học, Đại lượng, Thống kê, Giải toán.
59	SP622044	Dạy học Toán ở tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm	Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về thiết kế hoạt động dạy học các nội dung Toán tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm.
60	SP622045	Dạy học phát triển năng lực các môn về Tự nhiên và Xã hội	Học phần trang bị cho người học kiến thức về dạy học phát triển năng lực các môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học. Sau học phần, người học có thể xác định yêu cầu cần đạt về năng lực, lựa chọn phương pháp dạy

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
			học phù hợp, xây dựng kế hoạch bài học và thiết kế công cụ đánh giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học trong dạy học các môn Tự nhiên – Xã hội.
61	SP622046	Dạy học Lịch sử và Địa lí địa phương ở tiểu học	Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về lịch sử, địa lí các tỉnh, thành phố trên đất nước Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng. Từ đó giúp người học có năng lực vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào dạy tốt môn Lịch sử và Địa lí ở bậc tiểu học.
62	SP622048	Giáo dục kĩ năng sống trong trường Tiểu học	Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức cơ bản về kĩ năng sống, nguyên tắc, cấu trúc, con đường giáo dục kĩ năng sống. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng để thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục kĩ năng sống cụ thể cho học sinh tiểu học.
63	SP622049	Phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học	Học phần cung cấp cho người học kiến thức về một số vấn đề xâm hại trẻ em; lý luận về kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em. Qua đó người học có khả năng thiết kế và tổ chức các hoạt động phù hợp giúp cho học sinh Tiểu học có kỹ năng phòng chống xâm hại.
64	SP622050	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1	Học phần Rèn luyện nghiệp vụ Sư phạm thường xuyên 1, thuộc khối kiến thức nghiệp vụ, được bố trí học sau các học phần Phương pháp dạy học toán ở Tiểu học 1, 2 nhằm rèn luyện cho sinh viên năng lực nghiên cứu chương trình, SGK môn Toán ở tiểu học, nắm chắc chuẩn kiến thức, kĩ năng môn toán ở lớp 1, 2, 3, 4, 5; thực hành giải các bài toán có lời văn ở lớp 1, 2, 3, 4, 5; vận dụng vào giảng dạy các nội dung trong chương trình toán tiểu học.

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
65	SP622051	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2	Học phần Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2 là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kì 6 cho sinh viên năm thứ 3. Đây là học phần thực hành gồm 7 nội dung: thực hành dạy học học văn, thực hành dạy học tập viết, thực hành dạy học chính tả, thực hành dạy học tập đọc, thực hành dạy học luyện từ và câu, thực hành dạy học tập làm văn, thực hành dạy học kể chuyện. Những kĩ năng thực hành này là cơ sở giúp sinh viên có khả năng thiết kế và tổ chức dạy học các giờ học môn Tiếng Việt ở tiểu học sau này.
66	SP622052	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3	Học phần củng cố cho người học những kiến thức và kĩ năng cơ bản về yêu cầu, cách thức tổ chức giờ dạy các môn về Tự nhiên – Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học. Qua đó, người học không chỉ chắc chắn về kiến thức mà còn vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ; chủ động, tự tin; biết vận dụng những kiến thức và kĩ năng đã học vào các hoạt động giảng dạy, giáo dục các môn về Tự nhiên – Xã hội ở bậc tiểu học sau này.
67	SP622053	Thực tập Sư phạm 1	Học phần Thực tập 1 người học được tìm hiểu, làm quen với môi trường dạy học thực tế ở các trường phổ thông. Thông qua các hoạt động tìm hiểu thực tế giáo dục ở địa phương (kiến tập - quan sát các hoạt động giáo dục của giáo viên phổ thông; nghiên cứu khoa học giáo dục; thực tập dạy một số tiết và điều khiển một số hoạt động sinh hoạt tập thể hoặc hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học...), người học phát triển năng lực quan sát, biết cách vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
			thực tiễn giảng dạy tại các nhà trường phổ thông.
68	SP622054	Thực tập Sư phạm 2	Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng dạy học thực tế tại các trường phổ thông. Thông qua các hoạt động thực tập dạy học và giáo dục ở tiểu học (lập kế hoạch thực tập dạy học và giáo dục; tổ chức tìm hiểu thực tế giáo dục; chuẩn bị bài dạy, thiết kế các hoạt động giáo dục; dự giờ, quan sát và tham gia vào các hoạt động giáo dục do giáo viên thực hiện; rút kinh nghiệm giờ dạy và các hoạt động giáo dục...) người học hình thành những kỹ năng chuẩn mực của người giáo viên tiểu học; biết cách vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào các công việc thực tiễn, hình thành ý thức, thái độ làm việc phù hợp với môi trường làm việc ở các cơ sở giáo dục phổ thông.
69	SP622055	Thực hành rèn luyện và phát triển một số kỹ năng dạy học Toán cho giáo viên tiểu học	Học phần này giúp người học có kiến thức về chuẩn nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học; biết vận dụng có hiệu quả các PPDH để thiết kế kế hoạch bài học và tổ chức thực hành dạy các nội dung Toán học cụ thể trong chương trình Tiểu học; có ý thức tự tìm hiểu, nghiên cứu và vận dụng các PPDH để dạy tốt các nội dung trong môn Toán ở Tiểu học; có ý thức rèn luyện tác phong, chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực bản thân; vận dụng các kết quả đã học vào việc giải quyết các tình huống thực tế trong quá trình dạy học môn Toán ở tiểu học.
70	SP622056	Phát triển năng lực thiết kế và hướng dẫn	Học phần cung cấp cho người học những căn cứ để xây dựng và hướng dẫn giải bài

TT	Mã HP	Tên học phần	Mô tả
		giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học	tập tiếng Việt; cách xây dựng và hướng dẫn giải các bài tập về tri thức tiếng Việt; cách xây dựng và hướng dẫn giải các bài tập tiếp nhận lời nói; cách thức xây dựng và hướng dẫn giải các bài tập tạo lập lời nói (xây dựng và hướng dẫn giải các bài tập đọc – hiểu; xây dựng và hướng dẫn giải các bài tập viết; xây dựng và hướng dẫn giải các bài tập nghe – nói). Qua đó giúp người học thiết kế được các bài tập tiếng Việt đúng chương trình, phù hợp để đánh giá kết quả và quá trình học tập của học sinh theo chương trình; xây dựng được đáp án cho các bài tập; hướng dẫn học sinh làm được các bài tập, rút ra những kết luận cần thiết sau khi làm bài tập và có thể vận dụng trong thực tiễn.
71	SP622057	Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về Tự nhiên và xã hội	Học phần Tích hợp giáo dục môi trường trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, vai trò của các môn học về tự nhiên và xã hội trong giáo dục môi trường cho học sinh Tiểu học; tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội; phương pháp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội. Từ đó, giúp người học tích cực và chủ động tích hợp nội dung giáo dục môi trường vào bài dạy các môn học về Tự nhiên và Xã hội.

6.2. Đề cương chi tiết các học phần

6.2.1. Triết học Mác - Lênin

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Đại học và CDSP

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601001
1.2. Tên học phần:	Triết học Mác - Lênin
1.3. Tên tiếng Anh:	Philosophy of Marxism and Leninism
1.4. Số tín chỉ:	3
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Thực hành:	0
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	TS Nguyễn Thu Thủy, 0988714133
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS Nguyễn Chí Đông, 0962447999 Ths Nguyễn Thị Thanh Hoa, 0934452368 Ths Vũ Thị Thanh Thanh, 0973748052
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần:

- Học phần cung cấp kiến thức về triết học, vai trò của triết học trong đời sống xã hội; trang bị cho sinh viên thế giới quan duy vật và phương pháp biện chứng để nghiên cứu sự vận động, phát triển của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên; các quy luật vận động của xã hội; con người và bản chất con người.

3. Mục tiêu học phần

- Người học có kiến thức, kỹ năng căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin. Hình thành thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề trong đời sống. Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng

của triết học Mác – Lênin.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

CLOs	Nội dung CDR HP (CLOs)	PPDG
CLO1	Lí giải được vị trí của triết học trong kết cấu 3 bộ phận cấu thành chủ nghĩa Mác -Lênin.	Tự luận
CLO2	Phân tích được nội dung các nguyên lý, phạm trù, quy luật tự nhiên và xã hội, vai trò của thực tiễn trong đời sống xã hội.	Tự luận
CLO3	Hình thành thế giới quan duy vật và phương pháp biện chứng trong việc giải thích và cải tạo thế giới hiện thực.	Tự luận
CLO4	Vận dụng các quy luật tự nhiên và quy luật xã hội vào giải thích sự biến đổi của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội.	Tự luận

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế.

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	A	R	I	I	R	R	I		M	M
CLO2	A	R	I	I	R	R	I		M	M
CLO3	A	R	I	I	R	R	I		M	M
CLO4	A	R	I	I	R	R	I		M	M
Tổng hợp học phần	A	R	I	I	R	R	I		M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2021), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

[3]. Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh (2009), *Giáo trình Triết học Mác – Lênin*, Nxb Chính trị quốc

gia, Hà Nội.

[4]. Website

- <http://philosophy.vass.gov.vn/>

- <http://dangcongsan.vn/>

- <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php>

- <http://www.tapchicongsan.org.vn/>

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;

- Tổng số tuần học: 15 tuần;

- Phân bố: 3 tiết/ tuần = 15 buổi;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	<i>* Giới thiệu học phần</i> Chương 1: Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội 1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.1.1. Khái niệm về triết học 1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học 1.1.3. Biện chứng và siêu hình 1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội 1.2.1. Sự ra đời và phát triển của triết học Mác – Lênin 1.2.2. Đối tượng và chức năng của triết học Mác 1.2.3. Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện	3 LT	- GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV chuẩn bị tài liệu; lập dàn ý ở nhà; nghe giảng, tiến hành các hoạt động trên lớp theo yêu cầu của GV.	CLO1

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	<i>nay</i>			
2	Thảo luận chương 1 Câu 1: Bằng lý luận và thực tiễn, anh (chị) hãy phân tích sức sống của triết học Mác – Lênin trong xã hội hiện đại ngày nay? Câu 2: Tại sao lại khẳng định rằng sự ra đời của triết học Mác là cuộc cách mạng vĩ đại trong lịch sử triết học? Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng 2.1. Vật chất và ý thức 2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất	2TL 1LT	- GV giao câu hỏi thảo luận. SV đề cương trên sự hướng dẫn của GV. - GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, nhận xét, thảo luận trên lớp; GV kết luận nội dung. - SV chuẩn bị tài liệu.	CLO1, CLO2, CLO3
3	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng (tiếp theo) 2.1. Vật chất và ý thức (tiếp) 2.1.2. Nguồn gốc, bản chất, kết cấu của ý thức 2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức	3LT	- GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV chuẩn bị tài liệu lập dàn ý ở nhà; nghe giảng, tiến hành các hoạt động trên lớp theo yêu cầu của GV	CLO2, CLO3, CLO4
4	Chương 2: Chủ nghĩa duy vật biện chứng (tiếp theo) 2.2. Phép biện chứng duy vật 2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật 2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật	3LT	- GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV chuẩn bị tài liệu, lập dàn ý ở nhà; nghe giảng, tiến hành các hoạt động trên lớp theo yêu cầu của GV.	CLO1, CLO2, CLO3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	sử cụ thể? Nghiên cứu vấn đề này, anh (chị) rút ra ý nghĩa gì đối với bản thân trong quá trình học tập hiện nay và quá trình công tác sau này? Câu 3: Hãy chứng minh câu nói của V.I.Lênin: “Từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng và từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn – đó là con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý, của sự nhận thức hiện thực khách quan”? Ý nghĩa của việc nghiên cứu vấn đề này trong quá trình đổi mới đất nước ta hiện nay?		lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV kết luận, chấm điểm cho các nhóm.	CLO4
9	Kiểm tra điều kiện lần 1 Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử 3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội 3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất	1KT 2LT	- GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV chuẩn bị tài liệu, lập dàn ý ở nhà; nghe giảng, tiến hành các hoạt động trên lớp theo yêu cầu của GV.	CLO1, CLO3, CLO4
10	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử (tiếp theo) 3.1.3 Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng 3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là quá trình lịch sử - tự nhiên	3 LT	- GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV chuẩn bị tài liệu lập dàn ý ở nhà; nghe giảng, tiến hành các hoạt động trên lớp theo yêu cầu của GV.	CLO1, CLO3, CLO4
11	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử (tiếp theo)	3LT	- GV sử dụng các phương pháp giảng	CLO1, CLO3,

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	3.2. Giai cấp và dân tộc 3.2.1. Giai cấp và đấu tranh giai cấp 3.2.2. Dân tộc 3.2.3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại 3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội 3.3.1. Nhà nước 3.3.2. Cách mạng xã hội		dạy, phương tiện dạy học. - SV chuẩn bị tài liệu; lập dàn ý ở nhà.	CLO4
12	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử (tiếp theo) 3.4. Ý thức xã hội 3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội 3.4.2. Khái niệm, kết cấu, tính giai cấp, các hình thái của ý thức xã hội 3.4.3. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội, tính độc lập tương đối của ý thức xã hội	3LT	- GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV chuẩn bị tài liệu; lập dàn ý ở nhà.	CLO1, CLO3, CLO4
13	Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử (tiếp theo) 3.5. Triết học về con người 3.5.1. Con người và bản chất con người 3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người 3.5.3. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử 3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam	3LT	- GV sử dụng các phương pháp giảng dạy, phương tiện dạy học. - SV chuẩn bị tài liệu; lập dàn ý ở nhà.	CLO1, CLO3, CLO4
14	Thảo luận chương 3 Câu 1: Phân tích quy luật quan hệ sản xuất phải phù hợp với trình độ	3TL	- GV giao câu hỏi thảo luận, SV chuẩn bị, tiến hành các hoạt động trên lớp theo yêu	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

- Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ: 2 bài kiểm tra

- Nội dung:

+ Mối quan hệ biện chứng giữa vật chất – ý thức; hai nguyên lý; ba quy luật; sáu cặp phạm trù; thực tiễn và vai trò của thực tiễn; các giai đoạn của quá trình nhận thức.

+ Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng; nhà nước; cách mạng xã hội; dân tộc và các hình thức cộng đồng người; con người và bản chất con người.

- Hình thức: Viết tự luận.

- Thời gian: 90 phút.

Bảng 5.a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra viết (lần 1)

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Chương 2	- Trình bày đúng và đầy đủ khái niệm (định nghĩa), nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các ví dụ minh họa chính xác, có sức thuyết phục cao. - Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn. - Biết đưa vấn đề liên hệ vào thực tiễn cuộc sống	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
2	Chương 2	- Biết phân tích các nội dung theo yêu cầu. - Có ví dụ minh họa cụ thể, có sức thuyết phục. - Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn. - Vận dụng vấn đề vào cuộc sống tốt.	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0

Bảng 5.b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra viết (lần 2)

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Chương 3	- Phân tích đúng vấn đề. - Phân tích ví dụ minh họa chính xác, có sức thuyết phục cao. - Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn. - Có kiến thức xã hội tốt	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
2	Chương 3	- Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu. - Phân tích được ví dụ minh họa. - Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn. - Vận dụng vấn đề vào cuộc sống tốt.	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: kiến thức chương 2, chương 3

- Hình thức: Bài thi tự luận

- Thời gian: 90 phút

Bảng 5.c. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá thi kết thúc học phần

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Chương 2	- Làm sáng tỏ vấn đề trả lời - Phân tích ví dụ minh họa tốt, có sức thuyết phục cao. - Trình bày lưu loát, khúc chiết, thuật ngữ chính xác. - Có kiến thức xã hội tốt	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
2	Chương 3	- Trình bày đầy đủ nội dung yêu cầu. - Phân tích được ví dụ minh họa. - Hình thức trình bày khoa học, hợp lý,	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0

		văn phong trong sáng, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn. - Vận dụng vấn đề vào cuộc sống tốt.	

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung

Võ Thu Hằng

Nguyễn Thu Thủy

6.2.2. Kinh tế chính trị Mác-Lênin

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học, CDSP

Ngành đào tạo: Chung cho các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601002
1.2. Tên học phần:	Kinh tế chính trị Mác-Lênin
1.3. Tên tiếng Anh:	Political economics of Marxism and Leninism
1.4. Số tín chỉ:	02
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết.
- Thực hành:	
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S Đoàn Thị Tâm: 0836953355
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Th.S Võ Thị Thu Hằng: 0917359785 Th.S Vũ Thị Minh Nguyệt: 0347171925 Th.S Nguyễn Thị Thanh Hoa, 0934452368
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	CB601001
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác-Lênin. Cung cấp những nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác-Lênin về: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần sinh viên có kiến thức cơ bản, hệ thống về Kinh tế chính trị

Mác-Lênin; có kỹ năng vận dụng lý luận vào hoạt động thực tiễn; tin tưởng vào con đường phát triển kinh tế-xã hội của đất nước; có thái độ đấu tranh chống lại các hiện tượng tiêu cực trong phát triển kinh tế-xã hội.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPDG
CLO1	Trình bày được các khái niệm, phạm trù của Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Tự luận
CLO2	Phân tích được nội dung các vấn đề kinh tế - xã hội cơ bản của Kinh tế chính trị Mác-Lênin	Tự luận
CLO3	Liên hệ được với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội trong nước và quốc tế.	Tự luận
CLO4	Phát triển được các kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, thuyết trình, phản biện.	Tự luận
....		

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	I	I				M			I	M
CLO2	M	I				M			M	M
CLO3	M	M				M			M	R
CLO4	R	M				R			R	R
CLO5	R	M				M			M	R
Tổng hợp học phần	R	M				M			M	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), *Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

6.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb

Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

[2]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[3]. Hoàng Xuân Nghĩa (2013), *Một số vấn đề phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[4]. Hội đồng lý luận trung ương (2021), *Những điểm mới trong các văn kiện Đại hội XIII của Đảng*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[5]. Trần Bình Trọng (2010), *Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

[6]. Các website

<http://www.tapchicongsan.org.vn>

<https://kinhtevadubao.vn/>

<http://thoibaotaichinhvietnam.vn/>

<http://baoquangninh.com.vn/>

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học

+ Kiểm tra định kì: 2 bài

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
1	<i>* Giới thiệu học phần</i> Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin 1.1. Khái quát sự hình thành và phát triển của Kinh tế chính trị Mác-Lênin 1.1.1. Giai đoạn thứ nhất, từ thời cổ đại đến cuối thế kỷ XVIII 1.1.2. Giai đoạn thứ hai, từ sau thế kỷ XVIII đến nay 1.2. Đối tượng, mục đích và phương pháp nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2 LT	- Giảng viên sử dụng tài liệu [1], máy tính, máy chiếu để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài, nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.	CLO1 CLO2

	1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác-Lênin 1.2.2. Mục đích nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác-Lênin 1.2.3. Phương pháp nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác-Lênin 1.3. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác-Lênin 1.3.1. Chức năng nhận thức 1.3.2. Chức năng thực tiễn 1.3.3. Chức năng tư tưởng 1.3.4. Chức năng phương pháp luận			
2	Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.1. Lý luận của C.Mác về sản xuất hàng hóa và hàng hóa 2.1.1. Sản xuất hàng hóa 2.1.2. Hàng hóa 2.1.3. Tiền tệ 2.1.4. Dịch vụ và quan hệ trao đổi trong trường hợp một số yếu tố khác hàng hóa thông thường ở điều kiện ngày nay	2 LT	- Giảng viên sử dụng tài liệu [1], máy tính, máy chiếu để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài (theo nhóm từ 6 – 8 sinh viên), nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.	CLO1 CLO2 CLO3
3	Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường 2.2. Thị trường và nền kinh tế thị trường 2.2.1. Khái niệm, phân loại và vai trò của thị trường 2.2.2 Nền kinh tế thị trường và một số quy luật chủ yếu của nền kinh tế thị trường 2.3. Vai trò của một số chủ thể tham gia thị trường 2.3.1. Người sản xuất	2 LT	- Giảng viên sử dụng tài liệu [1], máy tính, máy chiếu để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài (theo nhóm từ 6 – 8 sinh viên), nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.	CLO1 CLO2 CLO3

	2.3.2. Người tiêu dùng 2.3.3. Các chủ thể trung gian trong thị trường 2.3.4. Nhà nước			
4	Chương 2: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể tham gia thị trường Thảo luận: 1. Phân tích hai thuộc tính của hàng hóa. Cho ví dụ minh họa. Với tư cách là người sản xuất, em hãy cho biết trách nhiệm của mình đối với người tiêu dùng, với xã hội. 2. Với tư cách là người tiêu dùng, từ kinh nghiệm thực tế của bản thân theo em cần phải làm gì để bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong nền kinh tế thị trường Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư	1 TL 1 LT	- Giảng viên sử dụng tài liệu [1], máy tính, máy chiếu để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài (theo nhóm từ 6 – 8 sinh viên), báo cáo thuyết trình. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] tr84-92 và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài (theo nhóm từ 6 – 8 sinh viên), nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
5	Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.1. Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư 3.1.1. Nguồn gốc của giá trị thặng dư 3.1.2. Bản chất của giá trị thặng dư 3.1.3. Các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư	2 LT	- Giảng viên sử dụng tài liệu [1], máy tính, máy chiếu để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài (theo nhóm từ 6 – 8 sinh viên), nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.	CLO1 CLO2 CLO3

6	Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.2. Tích lũy tư bản 3.2.1. Bản chất của tích lũy tư bản 3.2.2. Những nhân tố ảnh hưởng tới quy mô tích lũy 3.2.3. Một số hệ quả của tích lũy tư bản 3.3. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường 3.3.1. Lợi nhuận 3.3.2. Lợi tức 3.3.3. Địa tô tư bản chủ nghĩa	2 LT	- Giảng viên sử dụng tài liệu [1], máy tính, máy chiếu để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài (theo nhóm từ 6 – 8 sinh viên), nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.	CLO1 CLO2 CLO3
7	Chương 3: Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường Thảo luận: 1. Sức lao động trở thành hàng hóa trong những điều kiện nào? Phân tích hai thuộc tính của hàng hóa sức lao động. Người lao động có vai trò như thế nào đối với hoạt động của doanh nghiệp? 2. Với tư cách là người lao động, theo anh (chị) cần làm gì để thực hiện tốt mối quan hệ lợi ích giữa người lao động với người sử dụng lao động?	2 TL	- Giảng viên sử dụng tài liệu [1], máy tính, máy chiếu để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài (theo nhóm từ 6 – 8 sinh viên), báo cáo thuyết trình.	CLO2 CLO3 CLO4
8	Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.1. Cạnh tranh ở cấp độ độc quyền trong nền kinh tế thị trường 4.1.1. Độc quyền, độc quyền nhà nước và tác động của độc quyền 4.1.2. Quan hệ cạnh tranh trong trạng thái độc quyền 4.2. Lý luận của V.I.Lênin về các	2 LT	- Giảng viên sử dụng tài liệu [1], máy tính, máy chiếu để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài (theo nhóm từ 6 – 8 sinh viên),	CLO1 CLO2 CLO3

	đặc điểm kinh tế của độc quyền và độc quyền nhà nước trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa 4.2.1. Lý luận của V.I. Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền		nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.	
9	4.2.2. Lý luận của V.I. Lênin về đặc điểm kinh tế của độc quyền nhà nước trong chủ nghĩa tư bản 4.3. Biểu hiện mới của độc quyền, độc quyền nhà nước trong điều kiện ngày nay; vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản 4.3.1. Biểu hiện mới của độc quyền 4.3.2. Biểu hiện mới của độc quyền nhà nước dưới chủ nghĩa tư bản 4.3.3. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản	2 LT	- Giảng viên sử dụng tài liệu [1], máy tính, máy chiếu để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài (theo nhóm từ 6 – 8 sinh viên), nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.	CLO1 CLO2 CLO3
10	Chương 4: Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường Kiểm tra số 1 Thảo luận: 1. Độc quyền có tác động tích cực đối với nền kinh tế, vậy vì sao cần kiểm soát độc quyền? Có thể kiểm soát độc quyền thực hiện lợi ích của các tổ chức này trong quan hệ lợi ích với xã hội bằng những phương thức nào? 2. Phân tích vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản.	2 TL	- Giảng viên sử dụng tài liệu [1], máy tính, máy chiếu để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài (theo nhóm từ 6 – 8 sinh viên), báo cáo thuyết trình.	CLO2 CLO3 CLO4
11	Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 5.1. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.1.1. Khái niệm kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt	2 LT	- Giảng viên sử dụng tài liệu [1], máy tính, máy chiếu để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham	CLO1 CLO2 CLO3

	Nam 5.1.2. Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.1.3. Đặc trưng của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.2.2. Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam 5.3. Các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam 5.3.1. Lợi ích kinh tế và quan hệ lợi ích kinh tế 5.3.2. Vai trò của nhà nước trong bảo đảm hài hòa các quan hệ lợi ích		khảo chuẩn bị bài (theo nhóm từ 6 – 8 sinh viên), nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.	
12	Chương 5: Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam Thảo luận: 1. Phân tích sự giống và khác nhau giữa nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam với các nền kinh tế thị trường trên thế giới. Cho ví dụ minh họa. 2. Là một công dân, theo anh (chị) cần làm gì để góp phần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thực hiện hài hòa các quan hệ lợi ích trong sự phát triển ở Việt Nam hiện	2 TL	- Giảng viên sử dụng tài liệu [1], máy tính, máy chiếu để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài (theo nhóm từ 6 – 8 sinh viên), báo cáo thuyết trình.	CLO2 CLO3 CLO4

	nay?			
13	Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 6.1. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam 6.1.1. Khái quát về cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa 6.1.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Na	2 LT	- Giảng viên sử dụng tài liệu [1], máy tính, máy chiếu để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài (theo nhóm từ 6 – 8 sinh viên), nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học.	CLO1 CLO2 CLO3
14	Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 6.2. Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam 6.2.1. Khái niệm và nội dung hội nhập kinh tế quốc tế 6.2.2. Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến quá trình phát triển của Việt Nam 6.2.3. Phương hướng nâng cao hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam Thảo luận: 1. Trình bày lịch sử phát triển của các cuộc cách mạng công nghiệp. Từ đó làm rõ những tác động của các cuộc cách mạng công nghiệp đối với sự phát triển của xã hội loài người. Là sinh viên anh (chị) có trách nhiệm như thế nào để góp phần vào việc thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam hiện nay	1 LT 1 TL	- Giảng viên sử dụng tài liệu [1], máy tính, máy chiếu để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài (theo nhóm từ 6 – 8 sinh viên), nghe giảng, thảo luận các nội dung bài học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài (theo nhóm từ 6 – 8 sinh viên), báo cáo thuyết trình.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

15	Chương 6: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam Thảo luận: 2. Phân tích làm rõ những tác động tích cực và tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế đối với sự phát triển của Việt Nam. Theo anh (chị) Việt Nam cần phải thích ứng với những tác động đó như thế nào? Kiểm tra số 2	1TL 1KT	- Giảng viên sử dụng tài liệu [1], máy tính, máy chiếu để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn sinh viên thảo luận, tự học. - Sinh viên nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo chuẩn bị bài (theo nhóm từ 6 – 8 sinh viên), báo cáo thuyết trình. - Sinh viên làm bài kiểm tra	CLO2 CLO3 CLO4
Thi cuối kỳ				

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Bài thuyết trình	Bài thuyết trình nhóm		
A2.2	Bài kiểm tra tự luận	Câu hỏi		
	...			
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết tự luận	Câu hỏi		
Công thức tính điểm tổng kết: 10% + (30% x 2) + (60% x 6)				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần*: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

* Bài số 1:

- Nội dung: Tác động của độc quyền đối với nền kinh tế; Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản

- Hình thức: chuẩn bị bài thảo luận và thuyết trình trên lớp theo nhóm

- Thời gian: 100 phút

* Bài số 2:

- Nội dung: Hàng hóa và hai thuộc tính của hàng hóa; Hàng hóa sức lao động; Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam

- Hình thức: tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 5.a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thuyết trình (lần 1)

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Thuyết trình to, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Thuyết trình to, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
Tổng điểm			10

Bảng 5.b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra viết (lần 2)

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt.	(5.0) 2.5 1.0

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		- Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng	0,5
		- Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	1.0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết	(5.0) 2.5
		- Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt.	1.0
		- Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng	0,5
		- Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	1.0
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Sản xuất hàng hoá. Hàng hoá và 2 thuộc tính của hàng hoá; Quy luật giá trị; Hàng hoá sức lao động; Hai phương pháp sản xuất giá trị thặng dư (tuyệt đối và tương đối); Nguyên nhân hình thành và tác động của độc quyền; Vai trò lịch sử của chủ nghĩa tư bản; Tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Nội dung hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; Tính tất yếu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam; Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam.

- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: 60 phút

Bảng 5.c. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết	(5.0) 2.5
		- Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt.	1.0
		- Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng, trích dẫn hợp lý và ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ.	0,5
		- Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	1.0

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng, trích dẫn hợp lý và ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ. - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Ban Giám hiệu **Trưởng khoa** **Trưởng bộ môn** **Người biên soạn**

Nguyễn Lâm Sung **Võ Thị Thu Hằng** **Đoàn Thị Tâm**

6.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học, CĐSP

Ngành đào tạo: Chung cho các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601003
1.2. Tên học phần:	Chủ nghĩa xã hội khoa học
1.3. Tên tiếng Anh:	Scientific socialism
1.4. Số tín chỉ:	02
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết.
- Thực hành:	
- Tự học:	60 tiết
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S Võ Thị Thu Hằng, 0917359785
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Th.S Đoàn Thị Tâm, 0836953355 Th.S Nguyễn Thị Thanh Hoa, 0934452368 Th.S Vũ Thị Minh Nguyệt, 0347171925
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	CB601001, CB601002
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội, các vấn đề về dân chủ, liên minh giai cấp, tầng lớp, vấn đề dân tộc, tôn giáo và gia đình trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nâng cao năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức đã học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có kiến thức cơ bản, hệ thống về Chủ nghĩa xã hội khoa học; có kỹ năng vận dụng lý luận vào hoạt động thực tiễn; có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định, tích cực đấu tranh chống các quan điểm sai trái và các biểu

hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPDG
CLO1	Trình bày được các khái niệm, phạm trù của Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Tự luận
CLO2	Phân tích được nội dung các vấn đề chính trị - xã hội cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học.	Tự luận
CLO3	Liên hệ được với thực tiễn chính trị - xã hội trong nước và quốc tế.	Tự luận
CLO4	Phát triển được các kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, thuyết trình, phản biện...	Tự luận
....		

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	I	I				M			I	M
CLO2	R	I				M			M	M
CLO3	R	I				M			M	R
CLO4	M	R				R			R	R
Tổng hợp học phần	R	I				M			M	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội

[4]. Các website:

<https://vtv.vn/>
<http://dangcongsan.vn/>
<http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php>
<http://www.tapchicongsan.org.vn/>

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học
- + Kiểm tra định kì: 2 bài
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chương 1: Nhập môn chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1.1. Hoàn cảnh lịch sử ra đời chủ nghĩa xã hội khoa học 1.1.2. Vai trò của Các Mác và Ph. Ăngghen 1.2. Các giai đoạn phát triển cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học	2 LT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 11 - 50 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO4
2	1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH 1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của CNXHKKH 1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của CNXHKKH 1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKKH	2 LT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 11 - 50 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV sử dụng tài liệu [1], máy	CLO1 CLO2 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.1. Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.1.1. Khái niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân 2.1.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân		tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 51 - 85 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	
3	2.1.3. Những điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân 2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay 2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay 2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay 2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam	2 LT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 51 - 85 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
4	Thảo luận chương 2 1. Phân tích nội dung và điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin? 2. Phân tích đặc điểm và nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay. Phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam hiện nay?	2 TL	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn và tổ chức cho SV thuyết trình, thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 51 - 85 và các tài liệu tham khảo khác; lập đề cương thảo luận ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
5	Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội 3.1. Chủ nghĩa xã hội 3.1.1. CNXH, giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội CSCN 3.1.2. Điều kiện ra đời của chủ nghĩa xã hội 3.1.3. Những đặc trưng bản chất của CNXH 3.2. Thời kỳ quá độ lên CNXH 3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên CNXH 3.2.2. Đặc điểm thời kỳ quá độ lên CNXH	2 LT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 86 - 124 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO4
6	3.3. Quá độ lên CNXH ở Việt Nam 3.3.1. Đặc điểm quá độ lên CNXH ở Việt Nam là bỏ qua chế độ TBCN 3.3.2. Những đặc trưng của CNXH và phương hướng xây dựng CNXH ở Việt Nam hiện nay Thảo luận chương 3: 1. Phân tích điều kiện ra đời và những đặc trưng của CNXH. Liên hệ với thực tiễn Việt Nam? 2. Phân tích luận điểm của Đảng cộng sản Việt Nam về con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN?	1 LT 1 TL	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 86 - 124 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn và tổ chức cho SV thuyết trình, thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 86 - 124 và các tài liệu tham khảo khác; lập đề cương thảo luận ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
7	Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước XHCN 4.1. Dân chủ và dân chủ XHCN 4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ 4.1.2. Dân chủ XHCN 4.2. Nhà nước XHCN 4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước XHCN 4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ XHCN và nhà nước XHCN 4.3. Dân chủ XHCN và nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam	2 LT	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 125 - 164 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO4
8	Thảo luận chương 4: 1. Phân tích khái niệm, bản chất của dân chủ XHCN? 1. Liên hệ trách nhiệm của cá nhân trong việc góp phần xây dựng nền dân chủ XHCN, nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay? Chương 5: Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH 5.1. Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kì quá độ lên CNXH	1 TL 1 LT	GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn và tổ chức cho SV thuyết trình, thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 125 - 164 và các tài liệu tham khảo khác; lập đề cương thảo luận ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 165 - 194 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
9	5.2. Liên minh giai cấp, tầng	2 LT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy	CLO2

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	<i>lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH</i> 5.3. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam		tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 125 - 194 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO3 CLO4
10	Thảo luận chương 5: 1. Phân tích cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên CNXH và liên hệ ở Việt Nam? 2. Phân tích nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. Là một sinh viên, anh (chị) cần làm gì để góp phần củng cố khối liên minh giai cấp, tầng lớp và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở nước ta?	2 TL	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn và tổ chức cho SV thuyết trình, thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 125 - 194 và các tài liệu tham khảo khác; lập đề cương thảo luận ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO2 CLO3 CLO4
11	Chương 6: Vấn đề dân tộc và tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH 6.1. Dân tộc trong thời kỳ quá độ lên CNXH 6.2. Tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH 6.2.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo 6.2.1.1. Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo 6.2.1.2. Nguyên tắc giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kì quá độ lên CNXH	2 LT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 195 - 237 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO4
12	6.2.2. Tôn giáo ở Việt Nam và	2 LT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy	CLO3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	<i>chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta hiện nay</i> 6.3. Quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam <i>6.3.1. Đặc điểm quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam</i> <i>6.3.2. Định hướng giải quyết mối quan hệ dân tộc và tôn giáo ở Việt Nam hiện nay</i>		tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 195 - 237 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO4
13	Thảo luận chương 6: 1. Phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc trong cách mạng XHCN. Sinh viên Việt Nam cần làm gì để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của đất nước? 2. Phân tích quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về tôn giáo và giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng XHCN. Liên hệ với tình hình tôn giáo ở Việt Nam hiện nay?	2 TL	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn và tổ chức cho SV thuyết trình, thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 195 - 237 và các tài liệu tham khảo khác; lập đề cương thảo luận ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO2 CLO3 CLO4
14	Chương 7: Vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH 7.1. Khái niệm, vị trí và chức năng của gia đình 7.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH 7.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH	2 LT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 239 - 269 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO4
15	Thảo luận chương 7: 1. Phân tích khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình, cơ sở	1TL 1KT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn và tổ chức cho SV thuyết	CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH? 2. Phân tích sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong TKQĐ lên CNXH, phương hướng bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH Kiểm tra bài số 2		trình, thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 239 - 269 và các tài liệu tham khảo khác; lập đề cương thảo luận ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	
Thi cuối kì				

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Bài thuyết trình	Bài thuyết trình nhóm		
A2.2	Bài kiểm tra tự luận	Câu hỏi		
	...			
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết tự luận	Câu hỏi		
Công thức tính điểm tổng kết: 10% + (30% x 2) + (60% x 6)				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần*: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

- Nội dung:

* Bài số 1: Nội dung và điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Nội dung và nguyên tắc xây dựng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp

nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng XHCN

- Hình thức: chuẩn bị bài thảo luận và thuyết trình trên lớp theo nhóm

- Thời gian: 100 phút

* Bài số 2: Nội dung Cương lĩnh dân tộc; tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

- Hình thức: tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 5.a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thuyết trình (lần 1)

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Thuyết trình to, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Thuyết trình to, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
Tổng điểm			10

Bảng 5.b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra viết (lần 2)

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng	(5.0) 2.5 1.0 0,5

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		- Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	1.0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Nội dung và điều kiện quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Nội dung và nguyên tắc xây dựng liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và các tầng lớp lao động khác trong cách mạng XHCN; vấn đề dân tộc và Cương lĩnh dân tộc; tôn giáo và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo; vấn đề gia đình trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: 60 phút

Bảng 5.c. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng, trích dẫn hợp lý và ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ. - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng, trích dẫn hợp lý và ghi rõ nguồn	(5.0) 2.5 1.0 0,5

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		gốc, xuất xứ. - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	1.0
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung

Võ Thị Thu Hằng

Võ Thị Thu Hằng

6.2.4. Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Các ngành hệ ĐH và CĐSP

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601005
1.2. Tên học phần:	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam
1.3. Tên tiếng Anh:	History of Vietnamese Communist Party
1.4. Số tín chỉ:	02
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học Cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	1.Ths Nguyễn Thị Thanh Hòa, 0936690668 2.Ths Bùi Thị Thúy Hằng, 0987397340
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	3.Ths Bùi Thị Minh Huệ, 0961092329 4.Ths Nguyễn Thị Chính, 0985559830
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	CB601001, CB601002, CB601003, CB601004
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những tri thức có tính hệ thống về sự ra đời của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) và lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay). Qua đó khẳng định những thành tựu, kinh nghiệm, bài học của cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần người học có kiến thức cơ bản, hệ thống về Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; biết vận dụng kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn; hình thành lập trường tư tưởng chính trị vững vàng, kiên định về con đường và mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội, đấu tranh chống những biểu hiện sai trái, đi ngược lại những quan điểm, đường lối của Đảng, lợi ích của dân tộc.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPĐG
CLO1	Trình bày được hệ thống nội dung quan điểm, chủ trương của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam	Tự luận
CLO2	Phân tích, luận giải được chủ trương của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam	Tự luận
CLO3	Nhận thức được những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước	Tự luận
CLO4	Vận dụng đường lối, chủ trương của Đảng vào quá trình học tập, rèn luyện.	Tự luận

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R				M	R			R	M
CLO 2	R				R	M			M	M
CLO 3	M				R	M			M	M
CLO 4	R				R	R			M	R
Tổng hợp học phần	R				R	R			M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021), Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Tập I), Nxb Chính trị quốc gia.

[3]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Tập II), Nxb Chính trị quốc gia.

[4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007), Một số chuyên đề Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Tập III), Nxb Chính trị quốc gia.

[5]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khóa VI, VII, VIII, IX, X), phần I, Nxb Chính trị quốc gia.

[6]. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc thời kỳ đổi mới (Khóa VI, VII, VIII, IX, X), phần II, Nxb Chính trị quốc gia.

[7]. TS. Đinh Thế Huynh (2015), 30 năm đổi mới và phát triển ở Việt Nam, Nxb. Chính trị quốc gia;

[8]. Website: <http://www.cpv.org.vn>

[9]. Website: <http://www.tapchicongsan.org.vn>

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giới thiệu học phần Chương nhập môn: Đối tượng, chức năng, nhiệm vụ, nội dung và phương pháp nghiên cứu, học tập Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 1. Đối tượng nghiên cứu của môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học Lịch sử Đảng Cộng	2LT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr:2-12 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO3

	sản Việt Nam 2.1. Chức năng của khoa học Lịch sử Đảng 2.2. Nhiệm vụ của khoa học Lịch sử Đảng 3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam 3.1. Quán triệt phương pháp luận sử học 3.2. Các phương pháp cụ thể			
2	Chương 1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (tháng 2-1930) 1.1.1. Bối cảnh lịch sử 1.1.2 Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng 1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng 1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam	2LT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 13-30 và tài liệu [2]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2
3	Chương 1 (tiếp) 1.2. Lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) 1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1931 và khôi phục phong trào 1932-1935 1.2.2. Phong trào dân chủ 1936-1939 1.2.3. Phong trào giải phóng dân	2 LT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 30-58 và tài liệu tham khảo [2]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2

	<i>tộc 1939-1945</i> <i>1.2.4. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945</i>			
4	Thảo luận chương 1 Câu 1. Phân tích nội dung cơ bản và ý nghĩa lịch sử của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng thông qua tại Hội nghị thành lập Đảng (2/1930)? Câu 2. Hãy làm rõ vai trò lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)? Anh, chị sẽ làm gì để góp phần bảo vệ thành quả của cách mạng tháng Tám năm 1945?	2TL	- GV sử dụng tài liệu [1], tổ chức và hướng dẫn SV thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác, chia nhóm thảo luận theo yêu cầu của GV, đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, tranh luận, bổ sung. - GV quan sát, lắng nghe, giải đáp thắc mắc, kết luận	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
5	Chương 2. Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975) 2.1. Lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược 1945-1954 <i>2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946</i> <i>2.1.2. Đường lối kháng chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện từ năm 1946 đến năm 1950</i>	2LT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 59-75 và tài liệu tham khảo [3]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2
6	<i>2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi</i> <i>2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống Pháp và can</i>	2LT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1],	CLO1 CLO2 CLO3

	thiệp Mỹ 2.2. Lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975) 2.2.1. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng hai miền Nam – Bắc (1954-1965)		tr: 75-97 và tài liệu tham khảo [3]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	
7	2.2.2. Lãnh đạo cách mạng cả nước (1965-1975) 2.2.3. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng thời kỳ 1954-1975	2LT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], Tr: 97-113 và tài liệu tham khảo [3]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3
8	Thảo luận chương 2 Câu 1. Phân tích quá trình Đảng lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ 1945-1954? Câu 2. Phân tích sự phát triển đường lối và khái quát quá trình chỉ đạo thực hiện của Đảng trong công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)? Anh (chị) cần phải làm gì để góp phần bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn hiện nay?	2TL	- GV sử dụng tài liệu [1], tổ chức và hướng dẫn SV thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác, chia nhóm thảo luận theo yêu cầu của GV, đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, tranh luận, bổ sung. - GV quan sát, lắng nghe, giải đáp thắc mắc, kết luận	CLO2 CLO3 CLO4
9	Thảo luận chương 2	1TL	- GV sử dụng tài liệu [1], tổ chức	CLO2

	Câu 3. Đánh giá những thành tựu và hạn chế của Đảng trong lãnh đạo cách mạng XHCN ở miền Bắc (1954-1975)? Chương 3. Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay) 3.1. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986) 3.1.1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981	1LT	và hướng dẫn SV thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác, chia nhóm thảo luận theo yêu cầu của GV, đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, tranh luận, bổ sung. - GV quan sát, lắng nghe, giải đáp thắc mắc, kết luận - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], Tr: 114-121 và tài liệu tham khảo [4]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO3 CLO4 CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
10	3.1.2. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng và các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế 1982-1986 3.2. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1986 đến nay) 3.2.1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996	2LT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], Tr: 121-139 và tài liệu tham khảo [4], [5], [7]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
11	3.2.2. Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1996 đến nay)	2LT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học	CLO1 CLO2 CLO3

			- SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 139-166 và tài liệu tham khảo [6];[7] lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	
12	3.2.2. <i>Tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (từ năm 1996 đến nay)</i> 3.2.3. <i>Thành tựu, kinh nghiệm công cuộc đổi mới</i>	2LT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 166-203 và tài liệu tham khảo [6], [7]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3
13	Thảo luận chương 3 Câu 1. Phân tích vai trò tiên phong của Đảng trong quá trình tìm tòi và khảo nghiệm đường lối đổi mới toàn diện đất nước giai đoạn (1975-1986). Câu 2. Phân tích vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế? Anh (chị) sẽ làm gì để góp phần xây dựng đất nước trong giai đoạn hiện nay?	2TL	- GV sử dụng tài liệu [1], tổ chức và hướng dẫn SV thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác, chia nhóm thảo luận theo yêu cầu của GV, đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, tranh luận, bổ sung. - GV quan sát, lắng nghe, giải đáp thắc mắc, kết luận	CLO2 CLO3 CLO4
14	Câu 3. Hãy trình bày những thành tựu, hạn chế trong quá trình Đảng lãnh đạo sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước giai đoạn từ năm 1986 đến nay. Lấy dẫn chứng minh họa?	2TL	- GV sử dụng tài liệu [1], tổ chức và hướng dẫn SV thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1] và các tài liệu tham khảo khác, chia nhóm thảo luận theo yêu cầu của GV, đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét,	CLO2 CLO3 CLO4

			tranh luận, bổ sung. - GV quan sát, lắng nghe, giải đáp thắc mắc, kết luận	
15	Kết luận 1. Những thắng lợi vĩ đại của cách mạng Việt Nam 2. Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng Kiểm tra	1LT 1KT	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 204-216 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2
Thi cuối kỳ				

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Bài thuyết trình	Bài thuyết trình nhóm		
A2.2	Bài kiểm tra tự luận	Câu hỏi		
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết tự luận	Câu hỏi		
Công thức tính điểm tổng kết: 10% + (30% x 2) + (60% x 6)				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần*: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

- Nội dung:

* Bài số 1: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-

1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975).

- Hình thức: chuẩn bị bài thảo luận và thuyết trình trên lớp theo nhóm

- Thời gian: 100 phút

* Bài số 2: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay)

- Hình thức: tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 5.a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thuyết trình (Bài số 1)

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Thuyết trình to, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(5,0) 2,5 1,0 0,5 1,0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Thuyết trình to, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(5,0) 2,5 1,0 0,5 1,0
Tổng điểm			10

Bảng 5.b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra tự luận (Bài số 2)

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng	(5,0) 2,5 1,0

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	0,5 1,0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(5,0) 2,5 1,0 0,5 1,0
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (từ năm 1975 đến nay).

- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: 60 phút

Bảng 5.c. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng, trích dẫn hợp lý và ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ. - Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	(5,0) 2,5 1,0 0,5 1,0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết	(5,0) 2,5

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		- Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt.	1,0
		- Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng, trích dẫn hợp lý và ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ.	0,5
		- Biết vận dụng kiến thức vào hoạt động thực tiễn	1,0
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung Võ Thị Thu Hằng Nguyễn Thị Thanh Hòa

6.2.5. Tư tưởng Hồ Chí Minh

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học, CDSP

Ngành: Chung các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601004
1.2. Tên học phần:	Tư tưởng Hồ Chí Minh
1.3. Tên tiếng Anh:	Ho Chi Minh Ideology
1.4. Số tín chỉ:	02 (2LT)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	
- Tự học:	60 tiết
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học Cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Bùi Thị Minh Huệ (0961092329)
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Thị Chính (0971535266) ThS. Nguyễn Thị Thanh Hòa (0936690668) ThS. Bùi Thị Thúy Hằng (0987397340)
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	CB601001, CB601002, CB601003
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần

Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh là học phần nằm trong khối kiến thức giáo dục đại cương cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh. Từ đó, từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành.

3. Mục tiêu học phần

Người học có những kiến thức mang tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh; có kỹ năng phân tích, luận giải những quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh; hình thành niềm tin vào con đường độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; tích cực học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; biết vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh

để giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPDG
CLO1	Trình bày được nội dung cơ bản những quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh.	Tự luận
CLO2	Phân tích, luận giải được nội dung những quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh.	Tự luận
CLO3	Vận dụng được những quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào quá trình học tập, rèn luyện.	Tự luận
CLO4	Phát triển được các kỹ năng: thuyết trình, phản biện, hợp tác nhóm, tự nghiên cứu	Tự luận

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R				M	R			R	M
CLO 2	R				R	M			M	M
CLO 3	M				R	M			M	M
CLO 4	R				R	R			M	R
Tổng hợp học phần	R				R	R			M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính

[1]. Bộ giáo dục và đào tạo, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ giáo dục và đào tạo, *Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016

[3]. Song Thành, *Hồ Chí Minh - Tiểu sử*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2010

[4]. Song Thành, *Hồ Chí Minh nhà Tư tưởng lỗi lạc*, Nxb Lý luận chính trị, Hà Nội, 2005

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: **30** tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: **02** bài;
 - + Thi kết thúc học phần: Sinh viên được chọn 1 trong 2 hình thức sau: thi kết thúc học phần với hình thức tự luận hoặc viết bài tiểu luận thay thế bài thi.

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	* Giới thiệu học phần Chương 1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh 1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh 1.2. Đối tượng nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh 1.3. Phương pháp nghiên cứu 1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh Thảo luận chương I 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh là gì? Hãy phân tích nội hàm khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh. 2. Hãy phân tích giá trị, ý nghĩa của việc học tập Tư tưởng Hồ Chí Minh đối với sinh viên trong giai đoạn hiện nay.	2	- GV hướng dẫn SV đọc, nghiên cứu tài liệu [1]. Tr.12-31, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập. - SV nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV; chia nhóm thảo luận đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, tranh luận, bổ sung. - GV quan sát, lắng nghe, kết luận.	CLO1 CLO2 CLO3
2	Chương 2. Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh 2.1.1. Cơ sở thực tiễn 2.1.2. Cơ sở lý luận 2.1.3. Nhân tố chủ quan Hồ Chí Minh	2	- GV hướng dẫn SV đọc, nghiên cứu tài liệu [1]. [1]. Tr.33- 49, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập. - SV chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV.	CLO1 CLO2 CLO3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
3	2.2. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh 2.2.1. Thời kỳ trước năm 1911: Hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng tìm đường cứu nước mới 2.2.2. Thời kỳ 1911- 1920: Hình thành tư tưởng cứu nước, giải phóng dân tộc Việt Nam theo con đường cách mạng vô sản 2.2.3. Thời kỳ 1920- 1930: Hình thành những nội dung cơ bản tư tưởng về cách mạng Việt Nam 2.2.4. Thời kỳ 1930 - 1941: Vượt qua thử thách, giữ vững đường lối, phương pháp cách mạng Việt Nam đúng đắn, sáng tạo 2.2.5. Thời kỳ 1941- 1969: Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển, soi đường cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta 2.3. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh	2	- GV hướng dẫn SV đọc, nghiên cứu tài liệu [1]. Tr.50- 64, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập. - SV nghiên cứu trước tài liệu chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV; nêu ý kiến cá nhân, hoặc đại diện các nhóm báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV lắng nghe, nhận xét, bổ sung, kết luận.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
4	Thảo luận chương 2 1. Trong những cơ sở hình thành tư tưởng HCM, cơ sở nào có ý nghĩa quyết định đến việc hình thành bản chất tư tưởng Hồ Chí Minh? Tại sao? 2. Hãy phân tích những nhân tố tác động đến việc hình thành tư tưởng yêu nước và chí hướng cứu nước của chàng thanh niên Nguyễn Tất Thành. 3. Trong những giai đoạn hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh, giai đoạn nào có ý nghĩa “tìm đường”, giai đoạn nào có ý nghĩa “vạch đường đi” cho dân tộc Việt Nam? Hãy chứng minh.	2	- GV hướng dẫn SV đọc tài liệu [1]. Tr.50- 64 và tổ chức thảo luận. - SV nghiên cứu tài liệu chia nhóm thảo luận theo yêu cầu của GV, đại diện nhóm trình bày, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung, tranh luận. - GV quan sát, lắng nghe, kết luận.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
5	Chương 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội <i>3.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc</i> <i>3.1.1. Vấn đề độc lập dân tộc</i> <i>3.1.2. Về cách mạng giải phóng dân tộc</i>	2	- GV hướng dẫn SV nghiên cứu tài liệu [1]. Tr.73- 92, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập, tổ chức các hoạt động dạy học. - SV chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV.	CLO1 CLO2 CLO3
6	Chương 3 (Tiếp) <i>3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</i> <i>3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội</i> <i>3.4. Vận dụng Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam giai đoạn hiện nay</i>	2	- GV hướng dẫn SV nghiên cứu tài liệu [1]. Tr.93- 122, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập, tổ chức các hoạt động dạy học. - SV chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV. - GV lắng nghe, bổ sung, kết luận.	CLO1 CLO2 CLO3
7	Thảo luận Chương 3 1. Tại sao theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản? 2. Hãy phân tích những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa theo quan điểm của CT Hồ Chí Minh.	2	- GV hướng dẫn SV nghiên cứu tài liệu [1]. Tr.80- 100, tổ chức hoạt động thảo luận nhóm. - SV nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập; đại diện các nhóm báo cáo, thuyết trình, trao đổi, phản biện. - GV quan sát, lắng nghe kết luận.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
8	Kiểm tra 01 Chương 4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam 4.1.2. Đảng phải trong sạch, vững mạnh 4.1.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên	2	- SV làm bài kiểm tra 01 tiết dưới sự tổ chức của GV. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1]. Tr.124-141, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV; - GV lắng nghe, nhận xét, bổ sung, kết luận.	CLO1 CLO2 CLO3
9	4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân 4.2.1. Nhà nước dân chủ 4.2.2. Nhà nước pháp quyền 4.2.3. Nhà nước trong sạch, vững mạnh	2	- GV hướng dẫn SV đọc, nghiên cứu tài liệu [1]. Tr.142-157 - SV nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV.	CLO1 CLO2 CLO3
10	4.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và xây dựng nhà nước Thảo luận chương 4 1. Hãy phân tích quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Đảng là đạo đức, Đảng là văn minh” 2. Phân tích những điểm đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước pháp quyền?	2	- GV hướng dẫn SV đọc, nghiên cứu tài liệu [1]. Tr.126-168, tổ chức các hoạt động dạy học, thảo luận nhóm - SV nghiên cứu trước tài liệu chuẩn bị các nhiệm vụ thảo luận nhóm, đại diện các nhóm báo cáo, thuyết trình, thảo luận. - GV lắng nghe, nhận xét, bổ sung, kết luận.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
11	Chương 5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế	2	- GV hướng dẫn SV đọc, nghiên cứu tài liệu [1]. Tr.170- 183, tổ chức các	CLO1 CLO2 CLO3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc 5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc 5.1.2. Lực lượng của khối đại đoàn kết dân tộc 5.1.3. Điều kiện xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc 5.1.4. Hình thức, nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết dân tộc - Mặt trận dân tộc thống nhất 5.1.5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc		hoạt động dạy học. - SV nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV; nêu ý kiến cá nhân, hoặc đại diện các nhóm báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV lắng nghe, nhận xét, bổ sung, kết luận.	
12	Chương 5 (Tiếp) 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế 5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay Thảo luận chương 5 1. Tại sao nói đại đoàn kết dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chiến lược, quyết định thành công của cách mạng? 2. Theo CT Hồ Chí Minh, để thực hiện đại đoàn kết dân tộc cần phải có những điều kiện nào? Là sinh viên của thời đại mới, em sẽ vận dụng quan điểm này vào quá trình học tập, rèn luyện ra sao?	2	- GV hướng dẫn SV đọc, nghiên cứu tài liệu [1]. Tr.170- 204, tổ chức thảo luận nhóm. - SV nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị các nhiệm vụ thảo luận nhóm.; nêu ý kiến cá nhân, hoặc đại diện các nhóm báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV lắng nghe, nhận xét, bổ sung, kết luận.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
13	Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người 6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa 6.1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác 6.1.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai	2	- GV hướng dẫn SV nghiên cứu tài liệu [1]. Tr.206- 222, tổ chức các hoạt động dạy học. - SV nghiên cứu trước tài liệu chuẩn bị các	CLO1 CLO2 CLO3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	trò của văn hóa 6.1.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng nền văn hóa mới 6.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức 6.2.1. Quan điểm về vai trò và sức mạnh của đạo đức cách mạng		nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV.	
14	6.2.2. Quan điểm về những chuẩn mực đạo đức cách mạng 6.2.3. Quan điểm về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng 6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người 6.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người 6.3.2. Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người 6.3.3. Quan niệm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người 6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh	2	- GV hướng dẫn SV nghiên cứu tài liệu [1]. Tr.223- 240, Tr.241-244, Tr.248- 264, tổ chức các hoạt động dạy học. - SV nghiên cứu trước tài liệu chuẩn bị các nhiệm vụ học tập dưới sự hướng dẫn của GV; nêu ý kiến cá nhân, hoặc đại diện các nhóm báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV lắng nghe, nhận xét, bổ sung, kết luận	CLO1 CLO2 CLO3
15	Thảo luận Chương 6 1. Hãy phân tích quan niệm của CT Hồ Chí Minh về văn hóa. Em sẽ làm gì để góp phần xây dựng nền văn hóa của dân tộc ta trong giai đoạn hiện nay? 2. Hãy phân tích quan điểm của CT Hồ Chí Minh về nội dung những chuẩn mực đạo đức cách mạng. Liên hệ bản thân trong việc học tập, rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức và phong cách của CT Hồ Chí Minh. Bài kiểm tra số 02	2	- GV hướng dẫn SV đọc, nghiên cứu tài liệu [1]. Tr.207- 208, Tr.223-232 tổ chức các hoạt động thảo luận nhóm. - SV nghiên cứu tài liệu, chuẩn bị các nhiệm vụ thảo luận nhóm; đại diện các nhóm báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp. - GV lắng nghe, nhận	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
			xét, bổ sung, kết luận. - SV làm bài KT 01 tiết	

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kỳ				30%
A2.1	- Bài kiểm tra số 1, hình thức Tự luận	- Câu hỏi	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
A2.2	- Bài kiểm tra số 2, có thể chọn trong các hình thức (Trắc nghiệm, Bài tập nhóm, Bài thu hoạch)	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Hình thức Tự luận	- Câu hỏi	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
A3.2 (Thực hành)	- Làm tiểu luận: SV thực hiện một bài tiểu luận cụ thể phù hợp với chuyên ngành đào tạo. Quy định số SV được làm tiểu luận theo quy định số 205/QĐ – ĐHHL ban hành ngày 7/4/2017	- Rubric 5b	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1+A2*3+A3*6)/10				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần*: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài số 1: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bài số 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc; Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

- Hình thức: Tự luận (*)

- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra định kì

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	<u>Câu 1</u>	- Trả lời đúng và đầy đủ nội dung theo đáp án - Phân tích và luận giải vấn đề có sức thuyết phục, thể hiện được quan điểm của cá nhân. - Bố cục trình bày bài viết khoa học, hợp lý, sạch đẹp, văn phong trong sáng.	(5.0) 3.0 1.0 1.0
2	<u>Câu 2</u>	- Trả lời và trình bày đúng nội dung theo đáp án - Phân tích và luận giải vấn đề có sức thuyết phục, thể hiện được quan điểm của cá nhân. - Bố cục trình bày bài viết khoa học, hợp lý, sạch đẹp, văn phong trong sáng. - Biết vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn	(5.0) 2.5 1.0 0.5 1.0
Tổng điểm			10

(*) Ghi chú: Tùy vào đặc điểm, tình hình của sinh viên các lớp, ngành học khác nhau, GV có thể lựa chọn các hình thức kiểm tra khác phù hợp hơn như: kiểm tra trắc nghiệm, bài tập nhóm, bài thu hoạch...

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển Tư tưởng Hồ Chí Minh; Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người.

- Hình thức: Tự luận (60 phút) hoặc làm bài tiểu luận(*)

(*) Bài tiểu luận: 20% (số sinh viên trong lớp theo quy định số 205/QĐ – ĐHHL ban hành ngày 7/4/2017 của Trường Đại học Hạ Long)

Bảng 5b. Rubrics đánh giá bài tiểu luận

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Tên đề tài:	Tên đề tài rõ ràng, cụ thể, thể hiện được tính cấp thiết, tính thực tiễn, tính đơn trị	0,5

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
2	Mục lục, danh mục những chữ viết tắt và danh mục bảng biểu	Trình bày đầy đủ, đúng quy định	0,5
3	Lí do chọn đề tài:	Trình bày rõ lý do chọn đề tài trên cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu	1,0
4	Mục tiêu nghiên cứu:	Xác định rõ ràng, khoa học, phù hợp với vấn đề nghiên cứu	0,5
5	Đối tượng và khách thể nghiên cứu	Xác định rõ ràng, chính xác, phù hợp với vấn đề nghiên cứu	0,5
6	Nhiệm vụ nghiên cứu	Các nhiệm vụ xác định phù hợp với vấn đề nghiên cứu	1,0
7	Phương pháp nghiên cứu:	Xác định được các PPNC theo từng nhóm, nêu được mục đích, lý do sử dụng từng phương pháp cụ thể. Nếu có sử dụng PP điều tra, phải có mẫu phiếu điều tra trong phụ lục	1,5
8	Bố cục của đề tài và cách trình bày	Trình bày đầy đủ, rõ ràng theo quy định	0,5
9	Xây dựng cơ sở lý luận của đề tài	Đề tài đã xây dựng được cơ sở lý luận phù hợp với vấn đề nghiên cứu. Nội dung cơ sở lý luận logic và khai thác được thông tin từ nguồn tài liệu tham khảo. Có phần tiểu kết.	1,5
10	Luận cứ thực tiễn và thực nghiệm (nếu có)	Đề tài đã xử lý được thông tin dựa trên các phương pháp nghiên cứu thực tiễn. Trình bày logic, chặt chẽ, có lý giải được ý nghĩa của các số liệu đã thu thập được. Có phần tiểu kết.	1,5
11	Kết luận và khuyến nghị	Rõ ràng, cụ thể, phù hợp với nội dung nghiên cứu	0,5
12	Tài liệu tham khảo và phụ lục	Sắp xếp thứ tự các tài liệu tham khảo theo quy định. Phụ lục trình bày theo đúng quy định.	0,5
Tổng cộng			10

Bảng 5c. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi tự luận

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	<u>Câu 1</u>	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung yêu cầu của đề thi.	(5.0) 2.5
		- Phân tích và luận giải vấn đề có sức thuyết	1.0

		phục, thể hiện được quan điểm của cá nhân. - Bố cục trình bày bài viết khoa học, hợp lý, sạch đẹp, văn phong trong sáng. - Biết vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.	0,5 1.0
2	<u>Câu 2</u>	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung yêu cầu của đề thi. - Phân tích và luận giải vấn đề có sức thuyết phục, thể hiện được quan điểm của cá nhân. - Bố cục trình bày bài viết khoa học, hợp lý, sạch đẹp, văn phong trong sáng. - Biết vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề đặt ra trong thực tiễn.	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung Võ Thị Thu Hằng Bùi Thị Minh Huệ

6.2.6. Pháp luật đại cương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Chung các ngành

1. Thông tin chung về HP

1.1 Mã học phần:	CB601007
1.2 Tên học phần:	Pháp luật đại cương
1.3 Tên tiếng Anh:	Fundamentals of Laws
1.4 Số tín chỉ:	03
1.5 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	45 tiết
- Thực hành:	
- Tự học:	90 tiết
1.6 Quản lý, phụ trách học phần:	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S Bùi Văn Lợi: 0866334299
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Th.S Nguyễn Thị Ngọc Oanh (0953382898); Dương Thị Hồng Nhung (0904024818)
1.7 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần Pháp luật đại cương gồm 9 chương; chương 1, 2 đề cập những vấn đề lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; các chương còn lại nghiên cứu nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: Luật Hiến pháp, Hành chính, Dân sự, Lao động, Hình sự, Hôn nhân và gia đình, luật Phòng chống tham nhũng.

3. Mục tiêu học phần

3.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức cơ về nhà nước và pháp luật, hệ thống pháp luật Việt Nam; nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và các vấn đề pháp luật thực định có liên quan.

3.2. Mục tiêu HP cụ thể (COs)

3.2.1. Về kiến thức:

- CO1: Sinh viên có khả năng phân tích được những vấn đề lý luận chung về nhà nước

và pháp luật Việt Nam;

- CO2: Sinh viên có thể trình bày được những vấn đề lý luận chung (đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh) và những chế định cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật.

3.2.2. Về kỹ năng:

CO3: Sinh viên có khả năng đánh giá được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hàng ngày; áp dụng những kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật trong quá trình học tập, lao động, sinh hoạt; có khả năng tự học, tự nghiên cứu và cập nhật các quy định của pháp luật.

3.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

CO4: Có ý thức pháp luật, trách nhiệm công dân và thái độ tôn trọng, nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật, tích cực đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật.

4. Chuẩn đầu ra của HP “Pháp luật đại cương” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của HP

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân tích được các vấn đề cơ bản về Nhà nước và Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam, liên hệ thực tiễn.	CO1, CO2
CLO2	Phân biệt được các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam	CO2
CLO3	Phân tích được nội dung cơ bản của một số ngành luật chuyên ngành	CO2, CO3
CLO4	Vận dụng các quy định của một số ngành luật để giải quyết những tình huống pháp lý thực tiễn.	CO2, CO3
CLO5	Tôn trọng pháp luật; tích cực đấu tranh với hành vi vi phạm pháp luật; có khả năng tự học và nghiên cứu luật.	CO3, CO4

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R	M				R	R			
CLO 2	R	M				M	M			
CLO 3	R	M				M	M			M
CLO 4	R	M				M	M			M
CLO 5	R	R				M	R			R
Tổng hợp học phần	R	M				M	M			M

6. Học liệu:

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
6.1	<i>Giáo trình chính</i>			
1	Bùi Văn Lợi	2022	Tài liệu giảng dạy Pháp luật đại cương	ĐH Hạ Long
6.2	<i>Sách, giáo trình tham khảo</i>			
1	Mai Hồng Quý	2014	Giáo trình Pháp luật đại cương dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng không chuyên ngành luật	NXB trường Đại học Sư phạm
2	TBT Nguyễn Phú Trọng	2023	Kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, góp phần xây dựng Đảng và Nhà nước ta ngày càng trong sạch, vững mạnh	NXB Chính trị Quốc gia sự thật
3	Nguyễn Hợp Toàn	2014	Giáo trình pháp luật đại cương	NXB Đại học Kinh tế Quốc dân
4	Cơ sở liệu quốc gia về văn bản pháp luật	Hiện hành	Hiến pháp 2013, Luật HS, Luật LĐ, Luật DS, ...và các văn bản hướng dẫn.	http://vbpl.vn/Pages/portal.aspx

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:

- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 2 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch và nội dung giảng dạy HP

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động học của SV(*)	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)		(5)
	Giới thiệu học phần (*)			
1	Chương I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC 1.1. Nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức 1.2. Nhà nước CHXHCNVN 1.2.1. Bản chất, đặc trưng	2 LT, 1 TL	- GV: Thuyết trình, đặt vấn đề - SV: Nghe, suy nghĩ, trả lời - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2], [3]	CLO1, CLO5
2	Chương I. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ NHÀ NƯỚC 1.2.2. Bộ máy nhà nước Chương II. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÁP LUẬT 2.1. Nguồn gốc, bản chất, chức năng, đặc trưng 2.2. Quy phạm pháp luật 2.2.1. Khái niệm, đặc điểm 2.2.2. Các bộ phận trong quy phạm pháp luật	2 LT, 1 BT	- GV: Thuyết trình, đặt vấn đề - SV: Nghe, suy nghĩ, trả lời - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3] - SV làm bài tập 1,2 cuối Chương 2	CLO1, CLO5
3	2.3. Quan hệ pháp luật 2.3.1. Khái niệm, đặc điểm 2.3.2. Cấu trúc của quan hệ pháp luật	2 LT 1 BT	- GV: Thuyết trình, đặt vấn đề - SV: Nghe, suy nghĩ, trả lời - SV nghiên cứu trước tài liệu	CLO1, CLO5

	2.4. Vi phạm pháp luật 2.4.1. Khái niệm, dấu hiệu		[1], [2] [3] và các tài liệu tham khảo khác. - SV làm bài tập 3,4 cuối Chương 2	
4	2.4.2. Các yếu tố cấu thành 2.4.3. Các loại vi phạm pháp luật 2.5. Trách nhiệm pháp lý 2.5.1. Khái niệm 2.5. 2. Đặc điểm	2 LT, 1 BT	- GV: Thuyết trình, đặt vấn đề - SV: Nghe, suy nghĩ, trả lời - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3] và các tài liệu tham khảo khác. - SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; - Nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1, CLO5
5	Chương III. LUẬT HIẾN PHÁP 3.1. Khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh 3.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013(chế độ chính trị, KT; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản công dân; chế độ VH – XH)	2 LT, 1TL	- GV: Thuyết trình, đặt vấn đề - SV: Nghe, suy nghĩ, trả lời - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3],[5] và các tài liệu tham khảo khác. - SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV) - Nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO2, CLO3, CLO5
6	Chương IV. LUẬT HÀNH CHÍNH 4.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 4.2. 2. Vi phạm pháp luật hành chính và xử lý vi phạm pháp luật hành chính 4.3. Quy chế pháp lý đối với cán bộ, công chức, viên chức Kiểm tra	2 LT 1 KT	- GV: Thuyết trình, đặt vấn đề - SV: Nghe, suy nghĩ, trả lời - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3],[5] và các tài liệu tham khảo khác. - SV làm bài tập cuối Chương 4	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
7	CHƯƠNG V LUẬT DÂN SỰ 5.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 5.2. Quyền sở hữu	2 LT 1 BT	- GV: Thuyết trình, đặt vấn đề - SV: Nghe, suy nghĩ, trả lời - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3],[5]	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

	5.3. Hợp đồng dân sự		- SV soạn thảo HĐ dân sự	
8	CHƯƠNG V LUẬT DÂN SỰ 5.4. Quyền thừa kế (khái niệm, quy định chung về thừa kế, các loại thừa kế)	2 LT 1 BT	- GV: Thuyết trình, đặt vấn đề - SV: Nghe, suy nghĩ, trả lời - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3],[5] và các tài liệu tham khảo khác. - SV làm bài tập cuối Chương 5 về thừa kế	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
9	CHƯƠNG VI LUẬT HÌNH SỰ 6.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 6.2. Tội phạm (khái niệm, dấu hiệu, phân loại)	2 LT 1 BT	- GV: Thuyết trình, đặt vấn đề - SV: Nghe, suy nghĩ, trả lời - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3],[5] - SV làm bài tập cuối Chương 6	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
10	CHƯƠNG VI LUẬT HÌNH SỰ 6.2. Tội phạm (khái niệm, dấu hiệu, phân loại) 6. 3. Hình phạt	2 LT 1 BT	- GV: Thuyết trình, đặt vấn đề - SV: Nghe, suy nghĩ, trả lời - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3], [5] và các tài liệu tham khảo khác. - SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV) - Nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
11	CHƯƠNG VII LUẬT LAO ĐỘNG 7.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 7.2. Hợp đồng lao động	2 LT 1 TL	- GV: Thuyết trình, đặt vấn đề - SV: Nghe, suy nghĩ, trả lời - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3],[5] và các tài liệu tham khảo khác. - SV làm bài tập cuối Chương 7	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
12	CHƯƠNG VII LUẬT LAO ĐỘNG 7.3. Bảo hiểm xã hội (Khái niệm, các loại, các chế độ BHXH)	2 LT 1 BT	- GV: Thuyết trình, đặt vấn đề - SV: Nghe, suy nghĩ, trả lời - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3],[5] và các tài liệu tham khảo khác	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
13	CHƯƠNG VIII LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA	2 LT 1 BT	- GV: Thuyết trình, đặt vấn đề	CLO2, CLO3,

	ĐÌNH 8.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh 8.2. Chế định kết hôn 8.3. Quan hệ pháp luật giữa vợ và chồng 8.4. Chấm dứt hôn nhân		- SV: Nghe, suy nghĩ, trả lời - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [2] [3],[5] và các tài liệu tham khảo khác. - SV thảo luận vấn đề kết hôn	CLO4, CLO5
14	CHƯƠNG IX LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG 9.1. Những vấn đề chung về tham nhũng 9.1.1. Khái niệm và đặc điểm 9.1.2. Các hành vi tham nhũng 9.2. Nguyên nhân, tác hại của tham nhũng	2 LT 1 TL	- GV: Thuyết trình, đặt vấn đề - SV: Nghe, suy nghĩ, trả lời - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [4] và các tài liệu tham khảo khác. - SV thảo luận nguyên nhân và tác hại của tham nhũng	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
15	9.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác chống tham nhũng 9.3.1. Phòng chống tham nhũng góp phần bảo vệ chế độ, xây dựng pháp quyền 9.3.2. Phòng chống tham nhũng góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước, nâng cao đời sống của nhân dân 9.3.3. Phòng chống tham nhũng góp phần duy trì các giá trị đạo đức truyền thống, làm lành mạnh các quan hệ xã hội 9.3.4. Phòng chống tham nhũng góp phần củng cố niềm tin của nhân dân vào	2LT, 1 KT	- GV: Thuyết trình, đặt vấn đề - SV: Nghe, suy nghĩ, trả lời - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], [4] và các tài liệu tham khảo khác để vận dụng trình bày trách nhiệm cá nhân đối với công tác phòng, chống tham nhũng	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

	ché độ và pháp luật 9.4. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng 9.4.1. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng 9.4.2. Trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong phòng chống tham nhũng Kiểm tra			

9. Đánh giá HP

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần:				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Tự luận	Câu hỏi: 02	CLO2,3,4	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết tự luận	- Câu hỏi: 02	CLO2,3,4	
Công thức tính điểm tổng kết:				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra lần 1

- Nội dung: Bản chất, đặc trưng của Nhà nước và pháp luật VN; quy phạm pháp luật; quan hệ pháp luật; vi phạm pháp luật

- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ khái niệm(định nghĩa), nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các ví dụ minh họa chính xác, có sức thuyết phục cao. - Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng và có sức thuyết phục, hấp dẫn. - Biết đưa vấn đề liên hệ vào thực tiễn cuộc sống	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
2	Câu 2	- Phân tích và giải quyết đúng tình huống đặt ra - Viện dẫn đúng quy định của pháp luật - Hình thức trình bày khoa học, hợp lý, văn phong trong sáng, rõ ràng.	(5.0) 3.0 1.5 0,5
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra lần 2

- Nội dung: Nội dung cơ bản của các ngành luật
- Hình thức: Bài kiểm tra tự luận.
- Thời gian: 50 phút
- Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì: Như bài 1

Bảng 5.b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá thi viết

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Nội dung 1	Chương 1,2	3
2	Nội dung 2	Chương 3,4,6,7,8,9	4
3	Nội dung 3	Chương 5	4

9.2.3. Đánh giá kết thúc học phần

- Nội dung: kiến thức thuộc nội dung môn học
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian thi tự luận: 90 phút
- Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần: Như đánh giá bài kiểm tra

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng**Trưởng khoa****Trưởng bộ môn****Người biên soạn**

Nguyễn Lâm Sung Võ Thị Thu Hằng Bùi Văn Lợi

Phụ lục

1. Hướng dẫn đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học tập trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao; Chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Tham gia dự học đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Nghiêm túc học tập (không nói chuyện, làm việc riêng; ghi chép bài đầy đủ); tích cực thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao
2	Tham gia dự học, đúng giờ từ 90% số tiết trên lớp	Có ý thức thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập GV giao
1	Tham gia dự học, đúng giờ từ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập GV giao
0	Tham gia dự học, đúng giờ ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi học phần	Làm việc, nói chuyện riêng trong lớp, không có ý thức thực hiện các nhiệm vụ trên lớp	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao

6.2.7. Tiếng Anh 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA NGOẠI NGỮ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Cử nhân

Ngành: Tất cả các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	NN629035
1.2. Tên học phần:	Tiếng Anh 1
1.3. Tên tiếng Anh:	English (Elementary 1)
1.4. Số tín chỉ:	02 (2TH)
1.5. Phân bố thời gian	15 tuần/ 15 buổi/ 4 tiết/buổi
- Lý thuyết:	0 tiết
- Thực hành:	60 tiết
- Tự học:	30 giờ
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Ngoại ngữ
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên các cấu trúc quen thuộc thường nhật; các từ ngữ cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp cụ thể như tự giới thiệu bản thân và người khác; trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/ bạn bè; giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói chậm, rõ ràng sẵn sàng hợp tác giúp đỡ.

3. Mục tiêu học phần

Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể giao tiếp ở mức độ đơn giản với tốc độ nói chậm và thường xuyên phải yêu cầu người đối thoại với mình nhắc lại hay diễn đạt lại. Sinh viên trả lời được những câu hỏi đơn giản, khởi đầu và trả lời những câu lệnh đơn giản thuộc những lĩnh vực quan tâm và về những chủ đề quen thuộc; có khả năng nhận diện các từ, nhóm từ quen thuộc và các câu đơn giản liên quan đến bản thân, gia đình và môi trường xung quanh; có thể hiểu các văn bản rất ngắn và đơn giản trên quảng cáo, thông báo và viết được những

cụm từ hoặc những câu đơn giản và những văn bản, biểu mẫu ngắn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPDG
CLO1	Có thể theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu thập và xử lý thông tin.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, vấn đáp
CLO2	Có thể đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề ratas quen thuộc như bản thân, gia đình, trường lớp học hoặc nhu cầu giao tiếp tối thiểu hằng ngày.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.
CLO3	Có thể hiểu các đoạn văn bản rất ngắn và đơn giản về các chủ đề đã học như bản thân, gia đình, trường lớp, bạn bè. Có thể viết những cụm từ, những câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.
CLO4	Có khả năng tương tác khi làm việc theo cặp, nhóm để hoàn thành những nhiệm vụ chung và làm việc độc lập (tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết).	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1						I		I	I	I
CLO2						I		I	I	I
CLO3	I					I		I	I	I
CLO4	I					I		I	I	I
Tổng hợp học phần	I					I		I	I	I

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1] Eales, F., & Oakes, S. (2011). *Speakout: Elementary*. Pearson Education.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Annette Capel, and Wendy Sharp, *Ket Objective*. Cambridge university Press, 2002 (2003).

[3] Official examination papers from ESOL examinations (2008). *Key English Test Extra*. Cambridge University Press

[4] Official examination papers from ESOL examinations (2004). *Cambridge Key English Test 1*. Cambridge University Press

[4] Collins A2+ Listening, Collins, 2014

[5] Collins A2+ Speaking, Collins, 2014

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần học;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra giữa kì: 1 bài
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Topic: Travel 1.1. Nice to meet you 1.2. Travel light	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1, CLO2
2	Topic: Travel 1.3. Can I have a coffee? 1.4. Fawty towers	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1, CLO2 CLO5
3	Topic: Lifestyle 2.1. Join us! 2.2. High flyers	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1, CLO2 CLO3 CLO5
4	Topic: Lifestyle 2.3. What time does it start? 2.4. A visit to Panama	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO2, CLO3

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
5	Topic: People 3.1. Big happy families 3.2. Read friends?	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO2, CLO3 CLO4 CLO5
6	Topic: People 3.3. Are you free tonight? 3.4. Diwali celebrations	5	Individual Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1, CLO2 CLO4 CLO5
7	Progress test	5		CLO1, CLO2 CLO5
8	Topic: Places 4.1. A place to stay 4.2. Around town	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	
9	Topic: Places 4.3. Can I help you? 4.4. Favourite places	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1, CLO2, CLO3
10	Topic: Food 5.1. My fridge 5.2. A lifetime in numbers	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO2, CLO3
11	Topic: Food 5.3. Are you ready to order? 5.4. Beach barbeque		Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	
12	Topic: The Past 6.1. In their past 6.2. Time twins	5	Individuals Pair-work Group-work	CLO1, CLO2, CLO3

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
			Whole-class discussion	
13	Topic: The Past 6.3. What do you do? 6.4. Nelson Mandela	5	Individual Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1, CLO2, CLO3
14	Test orientation Listening	5	Individuals Whole-class discussion	CLO1, CLO2, CLO3
15	Test Orientation SPeaking	5	Individuals Whole-class discussion	CLO1, CLO2, CLO3

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần: Bảng điểm danh, hồ sơ học tập				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
	Bài thi đánh giá năng lực Đọc và Viết	Bài kiểm tra Đọc Viết	CLO1, CLO2, CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Bài thi đánh giá năng lực Nghe và Nói	Bài thi Nghe Nói	CLO1, CLO2, CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1*10% + A2*30% + A3*60): 10				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Sinh viên làm bài kiểm tra trên Đề thi đánh giá năng lực-Đề thi chung áp dụng cho Khối không chuyên, kỹ năng Đọc, Viết theo định dạng bài thi Bậc 2 (Nội bộ).

Kỹ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Trọng số, Điểm tối đa
Đọc – Viết	56	70’	trọng số lần lượt 70%-30% Điểm tối đa: 100 (quy về thang 10, tỉ lệ 1:10)

9.2.3. Bài thi kết thúc học kỳ

Sinh viên thi 2 kỹ năng Nghe, Nói, định dạng bài thi Bậc 2 mô phỏng (Nội bộ)

Trọng số các kỹ năng trong bảng dưới đây:

Kỹ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Trọng số, Điểm tối đa
Nghe	25	35’	Trọng số 50%
Nói	3 phần	10-12’lượt	Trọng số 50% Điểm tối đa 2 KN: 100 Quy về thang 10, tỉ lệ 1:10

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Nguyễn Thị Hằng

TS. Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Văn Anh

6.2.8. Tiếng Anh 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA NGOẠI NGỮ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Cử nhân

Ngành: Tất cả các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	NN629036
1.2. Tên học phần:	Tiếng Anh 2
1.3. Tên tiếng Anh:	English (Elementary 2)
1.4. Số tín chỉ:	02 (2TH)
1.5. Phân bố thời gian	15 tuần/ 15 buổi/ 4 tiết/buổi
- Lý thuyết:	0 tiết
- Thực hành:	60 tiết
- Tự học:	30 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Ngoại ngữ
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Tiếng Anh 1
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên các cấu trúc quen thuộc thường nhật; từ vựng cơ bản đáp ứng nhu cầu giao tiếp với những chủ đề quen thuộc như giới thiệu bản thân và người khác; trả lời những thông tin về bản thân như nơi sinh sống, người thân/ bạn bè; giao tiếp đơn giản nếu người đối thoại nói tương đối chậm chậm và rõ ràng.

3. Mục tiêu học phần

Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể giao tiếp ở mức độ đơn giản với tốc độ nói chậm và thường xuyên phải yêu cầu người đối thoại với mình nhắc lại hay diễn đạt lại; có thể hỏi và trả lời những câu hỏi đơn giản, khởi đầu và trả lời những câu lệnh đơn giản thuộc những lĩnh vực quan tâm và về những chủ đề quen thuộc; có khả năng nhận diện các từ, nhóm từ quen thuộc và các câu đơn giản liên quan đến bản thân, gia đình và môi trường xung quanh; có thể hiểu các văn bản rất ngắn và đơn giản trên quảng cáo, thông báo; viết được những cụm

từ hoặc những câu đơn giản và những văn bản, biểu mẫu ngắn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPĐG
CLO1	Có thể theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu thập và xử lý thông tin.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, vấn đáp
CLO2	Có thể đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề ratas quen thuộc như bản thân, gia đình, trường lớp học hoặc nhu cầu giao tiếp tối thiểu hằng ngày.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.
CLO3	Có thể hiểu các đoạn văn bản rất ngắn và đơn giản về các chủ đề đã học như bản thân, gia đình, trường lớp, bạn bè. Có thể viết những cụm từ, những câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.
CLO4	Có khả năng tương tác khi làm việc theo cặp, nhóm để hoàn thành những nhiệm vụ chung và làm việc độc lập (tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết).	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1						M		M	M	M
CLO2						M		M	M	M
CLO3	R					M		M	M	M
CLO4	R					M		M	M	M
Tổng hợp học phần	R					M		M	M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1] Eales, F., & Oakes, S. (2011). *Speakout: Elementary*. Pearson Education.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Annette Capel, and Wendy Sharp, *Ket Objective*. Cambridge university Press, 2002 (2003).

[3] Official examination papers from ESOL examinations (2008). *Key English Test Extra*. Cambridge University Press

[4] Official examination papers from ESOL examinations (2004). *Cambridge Key English Test 1*. Cambridge University Press

[4] Collins A2+ Listening, Collins, 2014

[5] Collins A2+ Speaking, Collins, 2014

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần học;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra giữa kì: 1 bài
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Topic: Holidays 7.1. Travel partners The longest ride bike	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
2	Topic: Holidays 7.2. Can you tell me the way? Hongkong	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
3	Topic: Now 8.1. Having a great time 8.2. What a difference!	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
4	Topic: Now 8.3. What do you recommend? 8.4. Changing trends	5	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
5	Topic: Transport 9.1. City bikes 9.2. Free ride	5	Indiviuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
6	Topic: Transport 9.3. Sorry I'm late 9.4. Airport	5	Individual Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
7	Progress test	5		
8	Topic: Plans 10.1. Life's a lottery 10.2. Survive	5	Indiviuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
9	Topic: Plans 10.3. Let's do something new 10.4. Wide weather	5	Indiviuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
10	Topic: Health 11.1. I don't feel well 11.2. One thing at a time	5	Indiviuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
11	Topic: Health 11.3. Help! 11.4. Fat or Sugar?		Indiviuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
12	Topic: Expreiences 12.1. The experiences 12.2. Afraid of nothing	5	Indiviuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
13	Topic: Experiences 12.3. Hello, I've got a problem 12.4. Shark therapy	5	Individual Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
14	Test orientation Listening	5	Indiviuals Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
15	Test Orientation Speaking	5	Individuals Whole-class discussion	CLO3 CLO4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần: Bảng điểm danh, hồ sơ học tập				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
	Bài thi đánh giá năng lực Đọc và Viết	Bài kiểm tra Đọc Viết	CLO1, CLO2, CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Bài thi đánh giá năng lực Nghe và Nói	Bài thi Nghe Nói	CLO1, CLO2, CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1*10% + A2*30% + A3*60): 10				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Sinh viên làm bài kiểm tra trên Đề thi đánh giá năng lực-Đề thi chung áp dụng cho Khối không chuyên, kỹ năng Đọc, Viết theo định dạng bài thi Bậc 2 (Nội bộ).

Kỹ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Trọng số, Điểm tối đa
Đọc – Viết	56	70'	trọng số lần lượt 70%-30% Điểm tối đa: 100 (quy về thang 10, tỉ lệ 1:10)

9.2.3. Bài thi kết thúc học kỳ

Sinh viên thi 2 kỹ năng Nghe, Nói, định dạng bài thi Bậc 2 mô phỏng (Nội bộ)

Trọng số các kỹ năng trong bảng dưới đây:

Kỹ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Trọng số, Điểm tối đa
Nghe	25	35'	Trọng số 50%
Nói	3 phần	10-12'lượt	Trọng số 50% Điểm tối đa 2 KN: 100 Quy về thang 10, tỉ lệ 1:10

Ban Giám hiệu **Trưởng khoa** *Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023*
Trưởng bộ môn **Người biên soạn**

TS. Nguyễn Thị Hằng TS. Nguyễn Thị Hằng Nguyễn Văn Anh

6.2.9. Tiếng Anh 3

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA NGOẠI NGỮ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Cử nhân

Ngành: Tất cả các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	NN629037
1.2. Tên học phần:	Tiếng Anh 3
1.3. Tên tiếng Anh:	English (Elementary 3)
1.4. Số tín chỉ:	02 (2TH)
1.5. Phân bố thời gian	15 tuần/ 15 buổi/ 4 tiết/buổi
- Lý thuyết:	0 tiết
- Thực hành:	60 tiết
- Tự học:	30 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Ngoại ngữ
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Tiếng Anh 2
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Anh 3 tiếp tục trang bị cho người học kiến thức và phát triển kỹ năng ở trình độ tiền trung cấp. Kết thúc học phần, người học có kiến thức về cách diễn đạt các thông tin cá nhân và nhu cầu cụ thể; có vốn từ thuộc các tình huống quen thuộc cụ thể; dùng được các cách diễn đạt, cấu trúc câu cố định, phương tiện liên kết câu đơn giản; nắm được kiến thức

cơ bản về và có thể phát âm tương đối rõ các âm trong hệ thống âm vị tiếng Anh; phát âm đúng trọng âm trong các từ đa âm tiết được giới thiệu trong chương trình học.

3. Mục tiêu học phần

Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể đọc hiểu và nắm được ý chính của đa dạng thể loại văn bản như thư, thông báo, bài báo ngắn về chủ đề gần gũi; nghe hiểu được ý chính của các bài nói thuộc nhiều chủ đề với nội dung quen thuộc và giọng nói rõ ràng ở tốc độ vừa phải; có thể giao tiếp trôi chảy, trao đổi về các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày, đưa ra quan điểm cá nhân về các chủ đề thuộc lĩnh vực yêu thích; có thể viết thư hay email gửi cho bạn bè người thân với bố cục rõ ràng và sử dụng chính xác các liên từ nối cơ bản.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPĐG
CLO1	Có khả năng nghe hiểu, đọc hiểu được các nhóm từ và từ vựng thường dùng về những chủ đề liên quan trực tiếp như gia đình, mua sắm, nơi ở, nghề nghiệp và những chủ đề khác như khoa học, công nghệ, ngôn ngữ, giao tiếp ... Có thể hiểu ý chính trong thông báo ngắn, đơn giản và rõ ràng.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, vấn đáp
CLO2	Có khả năng giao tiếp được trong các tình huống đơn giản hằng ngày về bản thân, gia đình, nhà trường, nơi sinh sống, giao tiếp đơn giản tuy không duy trì được cuộc hội thoại. Có thể viết tin nhắn hoặc thư đơn giản, ngắn gọn thuộc phạm vi nhu cầu cấp thiết.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.
CLO3	Sử dụng được các cụm từ và các câu đã học để mô tả một cách đơn giản về gia đình và những người khác, về điều kiện sống, quá trình học tập và công việc hiện tại hoặc gần đây. Có thể viết một số cụm từ hoặc câu đơn giản nối với nhau bằng những liên từ đơn giản như: và, nhưng, bởi vì ...	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.
CLO4	Có khả năng tương tác khi làm việc theo cặp, nhóm để hoàn thành những nhiệm vụ chung và làm việc độc lập (tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết).	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1						M		M	M	M
CLO2						M		M	M	M
CLO3	R					M		M	M	M
CLO4	R					M		M	M	M
Tổng hợp học phần	R					M		M	M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1] Clare, A., & Wilson, J. J. (2011). *Speakout*. Pre-intermediate/Students book. Pearson/Logman.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Cambridge ESOL. (2003). *Cambridge Preliminary English Tests (1-7)*. Cambridge University Press.

[3] Short, J. (2014). *Get ready for IELTS listening Pre-intermediate A2+*.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần học;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra giữa kì: 1 bài
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
1	Topic: Life 1.1. Feeling good? 1.2. True love	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
2	Topic: Life 1.3. Nice day, isn't it? 1.4. Someone Special	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
3	Topic: Work 2.1. The company 4U? 2.2. A risky business	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
4	Topic: Work 2.3. I like working outside 2.4. Dream Commuters	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
5	Topic: Time out 3.1. Free in NYC 3.2. Relax!	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
6	Topic: Time out 3.3. Can I take a message? 3.4. Rio de Janeiro	4	Individual Pair-work Group-work	CLO3 CLO4

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
			Whole-class discussion	
7+8	Review + Test Orientation (Reading and Writing) Progress test	4		
9	Topic: Great minds 4.1. Hidden talent 4.2. Schools of thought	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
10	Topic: Great minds 4.3. What should I do? 4.4. Inventions	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
11	Topic: Travel 5.1. Fantastic film trips 5.2. Travel tips	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
12	Topic: Travel 5.3. You can't miss it 5.4. Full circle	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
13	Topic: Fitness 6.1. Keeping fit 6.2. The future of food	4	Individuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
14	Topic: Fitness 6.3. How are you feeling? 6.4. Monitor me	4	Individual Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
15	Review Test Orientation (Listening and Speaking)	4	Individuals Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần: Bảng điểm danh, hồ sơ học tập				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
	Bài thi đánh giá năng lực Đọc và Viết	Bài kiểm tra Đọc Viết	CLO1, CLO2, CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Bài thi đánh giá năng lực Nghe và Nói	Bài thi Nghe Nói	CLO1, CLO2, CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1*10\% + A2*30\% + A3*60\%): 10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Ở bài kiểm tra định kỳ, sinh viên làm bài thi đánh giá 2 kỹ năng Đọc (mô phỏng định dạng PET) và Viết (email).

Kỹ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Trọng số, Điểm tối đa
Đọc	25	35'	75%
Viết	1	30'	25%
Tổng			Điểm tối đa 100, quy về thang 10, tỉ lệ 1:10

9.2.3. Bài thi kết thúc học kỳ

Ở bài thi kết thúc học phần, sinh viên làm bài thi đánh giá 2 kỹ năng Nghe và Nói mô phỏng theo định dạng IELTS.

Kỹ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Trọng số, Điểm tối đa
Nghe	20	25'	50%
Nói	3 phần	10-12'lượt	50%
Tổng			Điểm tối đa 100, quy về thang 10, tỉ lệ 1:10

Quảng Ninh, ngày 22 tháng 12 năm 2023

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Nguyễn Thị Hằng

TS. Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Văn Anh

6.2.10. Tiếng Anh 4

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA NGOẠI NGỮ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Cử nhân

Ngành: Tất cả các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	NN629038
1.2. Tên học phần:	Tiếng Anh 4
1.3. Tên tiếng Anh:	English (Elementary 4)
1.4. Số tín chỉ:	02 (2TH)
1.5. Phân bố thời gian	15 tuần/ 15 buổi/ 4 tiết/buổi
- Lý thuyết:	0 tiết
- Thực hành:	60 tiết
- Tự học:	30 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Ngoại ngữ
- Giảng viên phụ trách chính:	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Tiếng Anh 3
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Anh 4 tiếp tục trang bị cho người học kiến thức và phát triển kỹ năng ở trình độ tiền trung cấp. Kết thúc học phần, người học có kiến thức về cách diễn đạt các thông tin cá nhân và nhu cầu cụ thể; có vốn từ thuộc các tình huống quen thuộc cụ thể; dùng được các cách diễn đạt, cấu trúc câu cố định, phương tiện liên kết câu đơn giản; nắm được kiến thức cơ bản về và có thể phát âm tương đối rõ các âm trong hệ thống âm vị tiếng Anh; phát âm đúng trọng âm trong các từ đa âm tiết được giới thiệu trong chương trình học.

3. Mục tiêu học phần

Hoàn thành học phần này, sinh viên có thể đọc hiểu và nắm được ý chính của đa dạng thể loại văn bản như thư, thông báo, bài báo ngắn về chủ đề gần gũi; nghe hiểu được ý chính của các bài nói thuộc nhiều chủ đề với nội dung quen thuộc và giọng nói rõ ràng ở tốc độ vừa phải; có thể giao tiếp trôi chảy, trao đổi về các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày, đưa ra quan điểm cá nhân về

các chủ đề thuộc lĩnh vực yêu thích; có thể viết thư hay email gửi cho bạn bè người thân với bố cục rõ ràng và sử dụng chính xác các liên từ nối cơ bản.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

CLOs	Mô tả CĐR học phần	PPĐG
CLO1	Có khả năng nghe hiểu, đọc hiểu được các nhóm từ và từ vựng thường dùng về những chủ đề liên quan trực tiếp như gia đình, mua sắm, nơi ở, nghề nghiệp và những chủ đề khác như khoa học, công nghệ, ngôn ngữ, giao tiếp ... Có thể hiểu ý chính trong thông báo ngắn, đơn giản và rõ ràng.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, vấn đáp
CLO2	Có khả năng giao tiếp được trong các tình huống đơn giản hằng ngày về bản thân, gia đình, nhà trường, nơi sinh sống, giao tiếp đơn giản tuy không duy trì được cuộc hội thoại. Có thể viết tin nhắn hoặc thư đơn giản, ngắn gọn thuộc phạm vi nhu cầu cấp thiết.	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.
CLO3	Sử dụng được các cụm từ và các câu đã học để mô tả một cách đơn giản về gia đình và những người khác, về điều kiện sống, quá trình học tập và công việc hiện tại hoặc gần đây. Có thể viết một số cụm từ hoặc câu đơn giản nói với nhau bằng những liên từ đơn giản như: và, nhưng, bởi vì ...	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.
CLO4	Có khả năng tương tác khi làm việc theo cặp, nhóm để hoàn thành những nhiệm vụ chung và làm việc độc lập (tự học, trau dồi kiến thức, kỹ năng nghe, nói, đọc, viết).	Quan sát, kiểm tra thường xuyên, kiểm tra định kì, kiểm tra cuối kỳ.

5. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1						M		A	M	M
CLO2						M		A	M	M

CLO3	M					M		A	M	M
CLO4	M					M		A	M	M
Tổng hợp học phần	M					M		A	M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1] Clare, A., & Wilson, J. J. (2011). *Speakout*. Pre-intermediate/Students book. Pearson/Logman.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Cambridge ESOL. (2003). *Cambridge Preliminary English Tests (1-7)*. Cambridge University Press.

[3] Short, J. (2014). *Get ready for IELTS listening Pre-intermediate A2+*.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần học;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra giữa kì: 1 bài
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Topic: Changes 7.3. Living the dream The great impostor	4	Indiviuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
2	Topic: Changes 7.4. Can you tell me? A Greek Adventure	4	Indiviuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
3	Topic: Money 8.1. Treasure hunt 8.2. Pay me more!	4	Indiviuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
4	Topic: Money	4	Indiviuals	CLO3

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
	8.3. I'm just looking 8.4. soleRebels		Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO4
5	Topic: Nature 9.1. Green living 9.2. Into the wild	4	Indiviuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
6	Topic: Nature 9.3. It could be because... 9.4. The northern Lights	4	Individual Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
7+8	Review + Test Orientation (Reading and Writing) Progress test	4		
9	Topic: Society 10.1. Top cities 10.2. Crime and punishment	4	Indiviuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
10	Topic: Society 10.3. There's a problem 10.4. Mary's meals	4	Indiviuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
11	Topic: Technology 11.1. Keeping in touch 11.2. Make a difference	4	Indiviuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4
12	Topic: Technology 11.3. I totally disagree 11.4. Is TV bad for kids	4	Indiviuals Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
13	Topic: Fame	4	Indiviuals	CLO1

Order	Teaching content	No. of hour	Teaching and learning activities, students' preparation	Towards CLOs
	12.1. Cought on film 12.2. A lucky break		Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO2 CLO4
14	Topic: Fame 12.3. What can I do for you? 12.4. Billion Dolar Man	4	Individual Pair-work Group-work Whole-class discussion	CLO3 CLO4
15	Review Test Orientation (Speaking and Listening)	4	Indiviuals Whole-class discussion	CLO1 CLO2 CLO4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần: Bảng điểm danh, hồ sơ học tập				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
	Bài thi đánh giá năng lực Đọc và Viết	Bài kiểm tra Đọc Viết	CLO1, CLO2, CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Bài thi đánh giá năng lực Nghe và Nói	Bài thi Nghe Nói	CLO1, CLO2, CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1*10\% + A2*30\% + A3*60)$: 10				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Ở bài kiểm tra định kỳ, sinh viên làm bài thi đánh giá 2 kỹ năng Đọc (mô phỏng định dạng PET) và Viết (email).

Kỹ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Trọng số, Điểm tối đa
Đọc	25	35'	75%
Viết	1	30'	25%
Tổng			Điểm tối đa 100, quy về thang 10, tỉ lệ 1:10

9.2.3. Bài thi kết thúc học kỳ

Ở bài thi kết thúc học phần, sinh viên làm bài thi đánh giá 2 kỹ năng Nghe và Nói mô phỏng theo định dạng IELTS.

Kỹ năng	Số lượng câu hỏi	Thời gian	Trọng số, Điểm tối đa
Nghe	20	25'	50%
Nói	3 phần	10-12'lượt	50%
Tổng			Điểm tối đa 100, quy về thang 10, tỉ lệ 1:10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Nguyễn Thị Hằng

TS. Nguyễn Thị Hằng

Nguyễn Văn Anh

6.2.11. Tin học ứng dụng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN TIN HỌC ỨNG DỤNG

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Tất cả các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:

IT601001

1.2. Tên học phần:

Tin học ứng dụng

1.3. Tên tiếng Anh:

Application Informatics

1.4. Số tín chỉ:

3 tín chỉ

1.5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết:

30 giờ (2 tín chỉ)

- Thực hành:

30 giờ (1 tín chỉ)

- Tự học:

75 giờ tự học

1.6. Quản lý, phụ trách học phần

- Khoa quản lý học phần:

Khoa Công nghệ thông tin

- Giảng viên phụ trách chính:

Th.S Trịnh Thị Vân

- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:

Khoa CNTT

1.7. Điều kiện tham gia học phần

- Học phần tiên quyết:

Không

- Học phần học trước:

Không

- Học phần song hành:

Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về Công nghệ thông tin (CNTT), tập trung vào hệ điều hành, các phần mềm tin học văn phòng thông dụng (soạn thảo văn bản, bảng tính điện tử, phần mềm trình chiếu). Học phần sẽ cung cấp các kiến thức về thao tác cơ bản và một số kỹ thuật nâng cao của phần mềm tin học văn phòng thông dụng. Ngoài ra, học phần cũng trang bị một số kiến thức về Internet, cách sử dụng trình duyệt Web để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử. Bên cạnh đó, học phần này cũng giới thiệu và rèn luyện kỹ năng ứng dụng CNTT trong hoạt động nghề nghiệp phù hợp ngành đào tạo của sinh viên. Từ đó, sinh viên có khả năng sử dụng máy tính phục vụ việc học tập, nghiên cứu và những

công việc cần ứng dụng CNTT trong nghề nghiệp sau này.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kỹ năng cơ bản về sử dụng máy tính, làm việc với hệ điều hành, sử dụng trình duyệt Web, Internet, cách sử dụng trình duyệt web để tìm kiếm thông tin và liên lạc qua thư điện tử, cách xem và chia sẻ thông tin trên mạng cục bộ để ứng dụng vào thực tế.

- CO2: Sử dụng thành thạo các thao tác cơ bản và thực hiện được một số kỹ thuật nâng cao trên các phần mềm tin học văn phòng (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint).

2.2.2. Về kỹ năng

- CO3: Sử dụng thành thạo các thao tác cơ bản với máy tính, biết cách sử dụng một số phần mềm thông dụng, trình duyệt Web để tìm kiếm thông tin trên Internet và liên lạc qua thư điện tử để thực hiện những công việc cần ứng dụng CNTT, thành thạo các thao tác cơ bản và thực hiện được một số kỹ thuật nâng cao trên các phần mềm Soạn thảo văn bản, Bảng tính điện tử, Phần mềm trình chiếu.

- CO 4: Có kỹ năng thuyết trình, hoạt động nhóm.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO 5: Tự học và phát triển kỹ năng phù hợp để có thể ứng dụng Công nghệ thông tin trong học tập, nghiên cứu và nghề nghiệp sau này.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản của tin học	CO1,CO4, CO5
CLO2	Trình bày và vận dụng được các kiến thức cơ bản máy tính	CO1,CO4, CO5
CLO3	Sử dụng được các phần mềm tin học văn phòng thông dụng (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint) ở mức độ cơ bản và nâng cao.	CO2, CO3, CO4, CO5
CLO4	Sử dụng thành thạo các công cụ tìm kiếm thông tin và liên lạc thư điện tử qua mạng Internet	CO1, CO3, CO4, CO5

4. Môi liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có

nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1		I	R				I		I	I
CLO2									R	I
CLO3		R	R						I	R
CLO4		I	I				R			R
Tổng hợp học phần		R	R				R		I	R

5. Học liệu

5.1. Tài liệu chính

[1]. Trương Công Tuấn (2015), *Tin học văn phòng*, NXB văn hóa thông tin.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nhóm tác giả khoa CNTT, tài liệu giảng dạy học phần Tin học đại cương, trường Đại học Hạ Long (lưu hành nội bộ)

[3]. Bùi Thế Tâm, (2016), *Giáo trình Tin học đại cương*. NXB thời đại.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4tiết/ buổi x 1buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 02 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 01 bài thi (30% trắc nghiệm khách quan + 70% thực hành trên máy tính).

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
1	CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG TIN HỌC 1.1. Thông tin và khoa học xử lý thông tin 1.1.1. Thông tin 1.1.2. Khoa học xử lý thông tin 1.2. Kiến thức cơ bản về máy tính và mạng máy tính 1.2.1. Các khái niệm về phần cứng. 1.2.2. Các khái niệm về phần mềm. 1.3. Các bộ phận chính của máy tính cá nhân 1.3.1. Khối xử lý trung tâm 1.3.2. Bộ nhớ 1.3.3. Các thiết bị vào/ra 1.3.4. Các thiết bị ngoại vi 1.3.5. Các loại cổng 1.3.6. Đơn vị đo 1.3.1. Hiệu năng máy tính 1.4. Mạng máy tính và truyền thông 1.4.1. Khái niệm 1.4.2. Phân loại mạng 1.4.3. Kiến thức phân tầng 1.5. Một số ứng dụng của CNTT và truyền thông 1.5.1. Một số ứng dụng trong hành chính công tại Việt Nam 1.5.1. Một số ứng dụng phổ biến trong truyền thông	4	Trình bày được khái niệm về thông tin và khoa học xử lý thông tin. Trình bày được khái niệm, nhiệm vụ, chức năng của phần mềm và phần cứng máy tính Trình bày được chức năng, nhiệm vụ, phân loại của các bộ phận chính của máy tính cá nhân bao gồm: Khối xử lý trung tâm; Bộ nhớ; Các thiết bị vào/ra; Các thiết bị ngoại vi; Các loại cổng; Đơn vị đo; Hiệu năng máy tính. Trình bày được khái niệm, phân loại, chức năng của mạng máy tính và truyền thông.	CLO1 CLO3	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	1.6. An toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng CNTT-TT 1.7. Các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính <i>1.7.1. Khái niệm về Virus tin học</i> <i>1.7.2. Phương thức hoạt động của Virus</i> <i>1.7.3. Phân loại Virus</i> <i>1.7.4. Cách nhận biết máy bị nhiễm virus</i> <i>1.7.5. Cách phòng chống</i> <i>1.7.6. Phòng tránh phần mềm độc hại</i> 1.8. Một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong CNTT-TT 1.9. Một số vấn đề an toàn thông tin khi kết nối mạng <i>1.9.1. An ninh mạng</i> <i>1.9.2. Bảo vệ an toàn dữ liệu</i> CHƯƠNG 2: MÁY TÍNH CĂN BẢN 2.1.Sử dụng chuột và bàn phím <i>2.1.1. Sử dụng chuột</i> <i>2.1.2. Sử dụng bàn phím</i> 2.2.Làm việc với hệ điều hành <i>2.2.1. Thực đơn Start</i> <i>2.2.2. Thanh tác vụ (Taskbar)</i> <i>2.2.3. Cửa sổ</i>		Trình bày được một số ứng dụng của CNTT và truyền thông trong lĩnh vực hành chính công tại Việt Nam Trình bày và vận dụng được vấn đề an toàn lao động và bảo vệ môi trường trong sử dụng CNTT-TT Trình bày được khái niệm, phương thức hoạt động, phân loại virus, cách nhận biết máy bị nhiễm virus, cách phòng chống virus và cách phòng tránh phần mềm độc hại. Trình bày và vận dụng được một số vấn đề cơ bản liên quan đến pháp luật trong CNTT-TT Trình bày được khái niệm, chức năng, nhiệm vụ của an toàn dữ liệu và an ninh mạng. Trình bày và thao tác được		

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	2.2.4. Màn hình nền (Desktop) 2.2.5. Thao tác với các biểu tượng 2.2.6. Cài đặt và gỡ bỏ phần mềm ứng dụng 2.2.7. Điều chỉnh cấu hình hệ thống 2.3.Tổ chức dữ liệu trong máy tính 2.3.1. Các khái niệm cơ bản 2.3.2. Sử dụng Windows Explorer 2.3.3. Quản lý tệp tin và thư mục 2.4.Sử dụng tiếng Việt 2.5.Phần mềm tiện ích 2.5.1. Phần mềm nén và giải nén 2.5.2. Phần mềm chuyển đổi định dạng phim và âm thanh 2.5.2. Phần mềm diệt virus 2.6. Sử dụng máy in 2.6.1. Cài đặt máy in 2.6.2. Thiết lập chế độ hoạt động của máy in		chức năng, nhiệm vụ, cách dùng của chuột và bàn phím Trình bày được các chức năng, nhiệm vụ của hệ điều hành Trình bày và vận dụng được cách tổ chức dữ liệu trong máy tính. Trình bày được cách sử dụng Tiếng Việt trong máy tính Trình bày và liệt kê được tên, chức năng của một số phần mềm tiện ích được sử dụng phổ biến. Trình bày được cách cài đặt, sử dụng máy in, xử lý các lỗi cơ bản khi in.		
2	CHƯƠNG 3: PHẦN MỀM SOẠN THẢO VĂN BẢN	4	Trình bày, giới thiệu được một số phần mềm soạn	CLO2	GV trình

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	3.1. Làm quen với phần mềm soạn thảo văn bản 3.1.1. Giới thiệu một số phần mềm soạn thảo văn bản - Khái niệm Phần mềm soạn thảo văn bản - Một số loại phần mềm soạn thảo văn bản và phiên bản thông dụng. 3.1.2. Khởi động và làm quen giao diện 3.1.3. Các thao tác với tập tin văn bản		thảo văn bản. Trình bày được cách khởi động và làm quen với giao diện làm việc của Ms Word. Trình bày được các thao tác với tập tin văn bản		bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện .
3	3.2. Một số kỹ thuật soạn thảo văn bản 3.2.1. Chế độ gõ tiếng Việt và cách gõ văn bản 3.2.2. Các thao tác cơ bản trên ký tự 3.2.3. Định dạng trang in 3.2.4. Định dạng ký tự 3.2.6. Định dạng đoạn văn bản 3.2.7. Định dạng tab 3.2.8. Kẻ khung và tô nền cho văn bản 3.2.9. Đánh dấu và đánh số đầu mục 3.2.10. Tạo ký tự lớn đầu đoạn 3.2.11. Chèn ký tự, biểu tượng đặc biệt 3.2.12. Chèn công thức toán học.	4	Thực hiện được thành thạo các thao tác cài đặt chế độ tiếng Việt, cách gõ tiếng Việt trên phần mềm,... Trình bày và vận dụng được các thao tác cơ bản trên ký tự . Trình bày được kỹ thuật định dạng định dạng trang in, xem tài liệu trước khi in và đặt lệnh in. Trình bày được kỹ thuật định dạng kí tự (khởi ký tự). Trình bày định dạng khoảng cách dòng đoạn (Paragraph) Trình bày được định dạng	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện .

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			tab (Tabs) Trình bày và vận dụng được kỹ thuật kẻ khung và tô nền cho văn bản (Border and Shading) Trình bày và vận dụng được kỹ thuật đánh dấu và đánh số đầu mục (Bullet and Numbering) Trình bày và vận dụng được kỹ thuật tạo ký tự lớn đầu đoạn (Drop Cap) Trình bày và vận dụng được kỹ thuật chèn ký tự, biểu tượng đặc biệt (Symbol) Trình bày và vận dụng được kỹ thuật chèn công thức toán học (Equatation)		
4	3.3. Bảng biểu 3.3.1. Tạo bảng 3.3.2. Chọn ô, hàng, cột và toàn bảng 3.3.3. Di chuyển con trỏ trong bảng 3.3.4. Nhập dữ liệu vào bảng 3.3.5. Xóa hàng, cột, bảng 3.3.6. Thay đổi chiều rộng cột 3.3.7. Thay đổi chiều cao hàng 3.3.8. Chèn thêm hàng, cột. 3.3.9. Trộn nhiều ô thành một ô	4	Trình bày và vận dụng được kỹ thuật tạo bảng Trình bày được cách chọn ô, hàng, cột và toàn bảng Trình bày và vận dụng được thao tác di chuyển con trỏ trong bảng Trình bày được cách nhập dữ liệu vào bảng Trình bày và vận dụng được các cách xóa bảng (hàng, cột). Trình bày và vận dụng được các cách thay đổi	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện .

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	3.3.10. Một số thao tác khác - Sử dụng chú thích trong tài liệu - Kỹ thuật trộn thư. - Kỹ thuật tạo mục lục 3.4. Đồ họa 3.4.1. Kỹ thuật vẽ các khối hình trên văn bản 3.4.2. Tạo chữ nghệ thuật (WordArt) 3.4.3. Chèn hình ảnh vào văn bản		chiều rộng cột Trình bày và vận dụng được kỹ thuật thay đổi chiều cao hàng Trình bày và vận dụng được kỹ thuật chèn thêm hàng (cột) Trình bày và vận dụng được kỹ thuật trộn nhiều ô thành một ô Trình bày được một số thao tác nâng cao khác: kỹ thuật trộn thư, kỹ thuật tạo mục lục cho văn bản. Trình bày và vận dụng được các kỹ thuật vẽ các khối hình trên văn bản Trình bày và vận dụng được các bước tạo chữ nghệ thuật (WordArt) Trình bày và vận dụng được các bước chèn hình ảnh vào văn bản		
5	3.5. Một số kiến thức cần ghi nhớ 3.6. Bài tập chương 3 Bài kiểm tra số 1	4	Các thao tác cơ bản về soạn thảo văn bản. Giải thích và thực hành được các bài tập về soạn thảo văn bản từ cơ bản đến nâng cao	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện
6	CHƯƠNG 4: LẬP BẢNG TÍNH ĐIỆN TỬ	4	Trình bày được một số phần mềm bảng tính điện	CLO2	GV trình

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	4.1. Làm quen với phần mềm lập bảng tính điện tử <i>4.1.1. Giới thiệu và làm quen giao diện của Microsoft Office Excel 2010</i> <i>4.1.2 Khởi động và đóng chương trình Excel 2010</i> <i>4.1.3 Thao tác với tập tin Excel</i> - Cách khởi động, thao tác với các đối tượng trên màn hình làm việc, thao tác với file bảng tính. - Các thao tác tạo mới, đổi tên, xóa trang tính. - Cách điều chỉnh kích thước dòng, cột, ô. - Thao tác sao chép/cắt - dán dữ liệu. - Cách tìm kiếm, thay thế dữ liệu. - Định dạng trang in.		tử; hiểu giao diện và cách làm việc của Ms Excel. Trình bày và vận dụng được cách khởi động và đóng chương trình Excel 2010 Trình bày và vận dụng được các thao tác với tập tin Excel		bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện
7	4.2. Thao tác cơ bản làm việc trên bảng tính <i>4.2.1. Các kiểu dữ liệu</i> - Các kiểu dữ liệu cơ bản (Text, Number, Date) - Cách định dạng dữ liệu. <i>4.2.2. Tính toán và xử lý dữ liệu.</i> - Cách lập công thức và sử dụng các phép toán. - Địa chỉ tuyệt đối và địa chỉ tương đối, cách sao chép công	4	Trình bày và phân tích được các kiểu dữ liệu trong bảng tính Trình bày và vận dụng được các cách chọn dữ liệu Trình bày và vận dụng được các cách định dạng dữ liệu. Trình bày và vận dụng được thao tác sắp xếp và lọc dữ liệu.	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	thức. 4.2.3. <i>Định dạng dữ liệu</i> 4.2.4. <i>Sắp xếp và lọc dữ liệu</i> - Sắp xếp dữ liệu - Lọc dữ liệu 4.2.5. <i>Điền tự động</i>		Trình bày và vận dụng được thao tác điền dữ liệu tự động.		
8	4.2.6. <i>Tính toán theo địa chỉ</i> 4.2.7. <i>Tính toán bằng hàm</i> - Các hàm thông dụng (Round, Count, Sum, Average, Max, Min, If, Countif, Sumif, Vlookup, Hlookup)	4	Trình bày và vận dụng được phương pháp tính toán theo địa chỉ Trình bày và vận dụng được phương pháp tính toán bằng hàm Các thao tác cơ bản và các hàm về bảng tính điện tử	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện
9	4.2.8. <i>Biểu đồ</i> - Cách vẽ biểu đồ minh họa dữ liệu. - Cách chỉnh sửa biểu đồ. 4.2.9. <i>Định dạng trang</i> . - Chế độ xem, chỉnh sửa bố cục trước khi in (Page Break Preview, Page Layout) - Cách thực hiện in 4.3. Một số kiến thức cần ghi nhớ	4	Trình bày và vận dụng được cách vẽ biểu đồ, định dạng trang	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện
10	4.4. Bài tập chương 3	4	Giải thích và thực hành được các bài tập về bảng tính điện tử từ cơ bản đến nâng cao.	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					hiện
11	CHƯƠNG 5: PHẦN MỀM TRÌNH CHIẾU 5.1. Làm quen với phần mềm trình chiếu 5.1.1. Giới thiệu phần mềm trình chiếu 5.1.2. Khởi động và đóng chương trình	4	Trình bày được một số phần mềm trình chiếu; hiểu giao diện và cách làm việc của PowerPoint Trình bày và vận dụng được cách khởi động và đóng chương trình PowerPoint 2010	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện.
12	5.2. Tạo bài trình chiếu đơn giản 5.2.1. Tạo Slide mới và chọn kiểu bố trí nội dung 5.2.2. Tạo nội dung cho các Slide 5.2.3. Thay đổi kiểu hiển thị trong cửa sổ làm việc	4	Thực hiện thành thạo các thao tác cơ bản trên Ms PowerPoint, cách tạo Slide mới và chọn kiểu bố trí nội dung. Trình bày và vận dụng được kỹ thuật tạo nội dung cho Slide. Thực hiện thành thạo được các thao tác cơ bản trên Ms PowerPoint, cách thay đổi kiểu hiển thị trong cửa sổ làm việc	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện.
13	5.3. Một số kỹ thuật trong thiết kế bài trình chiếu 5.3.1. Kỹ thuật chọn mẫu thiết kế (Design) 5.3.2. Thao tác với các đối tượng trên Slide: văn bản, hình ảnh, bảng biểu, đa phương tiện (multimedia)	4	Trình bày và vận dụng được các kỹ thuật chọn mẫu thiết kế. Trình bày và vận dụng được kỹ thuật sử dụng hình	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	5.3.3. Tạo và thiết kế Slide Master 5.3.4. Kỹ thuật sử dụng siêu liên kết (hyperlink) 5.3.5. Kỹ thuật đặt hiệu ứng cho Slide (Transitions) và hiệu ứng cho các đối tượng trên Slide (Animations).		ảnh và màu nền cho Slide. Trình bày và vận dụng được kỹ thuật tạo và thiết kế Slide Master Trình bày và vận dụng được kỹ thuật sử dụng siêu liên kết (hyperlink) Trình bày và vận dụng được kỹ thuật đặt hiệu ứng cho Slide và hiệu ứng cho đối tượng trên Slide.		hiện
14	5.4. Một số kỹ thuật nâng cao - Lựa chọn các thông số trình chiếu (Set up, Start slide Show) - Chỉnh sửa chi tiết các đối tượng đồ họa và đa phương tiện - Cách sử dụng các tùy chọn chi tiết của hiệu ứng đối tượng (Effect options) 5.5. Một số kiến thức cần ghi nhớ 5.6. Bài tập chương 5 Bài kiểm tra số 2	4	Thực hiện lựa chọn được các các thông số trình chiếu cơ bản Thực hiện lựa chọn được các các thông số trình chiếu cơ bản	CLO2	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện
15	CHƯƠNG 6: INTERNET 6.1. Internet căn bản 6.1.1. Mạng và Internet 6.1.2. Quản lý kết nối mạng trong Windows 6.1.3. An toàn thông tin trên Internet 6.2. Làm việc với trình duyệt	4	Trình bày được một số khái niệm cơ bản về mạng và Internet Đảm bảo được an toàn thông tin khi thực hiện tìm kiếm thông tin trên Internet.	CLO3, CLO4	GV trình bày, hướng dẫn SV lắng nghe, thực hiện

Tuần Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	6.2.1. Hoạt động của trình duyệt 6.2.2. Giao diện người dùng 6.2.3. Các tổ hợp phím tắt thông dụng 6.3. Sử dụng Web 6.3.1. Tìm kiếm với Google Search 6.3.2. Tên miền 6.3.3. Một số dịch vụ khác trên web 6.4. Thư điện tử 6.4.1. Những khái niệm chung 6.4.2. Chương trình thư điện tử 6.4.3. Sử dụng thư điện tử 6.5. Truyền thông số 6.5.1. Ứng dụng của truyền thông số và tác động xã hội 6.5.2. Một số dạng truyền thông số thông dụng 6.5. Bài tập chương 6		Sử dụng thành thạo các trình duyệt để tìm kiếm thông tin. Trình bày được chức năng của các tổ hợp phím. Trình bày được các phương pháp tìm kiếm nhanh, hiệu quả với Google Search. Trình bày được các loại tên miền, chức năng của từng loại tên miền. Trình bày được khái niệm, chức năng, cách sử dụng thư điện tử. Trình bày được khái niệm, cách xem và chia sẻ dữ liệu trong mạng cục bộ, khai thác Internet phục vụ học tập Giải thích và thực hành được các bài tập về Internet từ cơ bản đến nâng cao.		.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Ý thức tham gia học tập				Theo dõi và đánh giá cả quá trình học tập.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Kiến thức về Phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word)	50%		CLO1, CLO2	SV làm bài thực hành trên máy tính tại phòng máy, GV chấm điểm trên máy tính
		Kiến thức Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) Kiến thức về Phần mềm trình chiếu (Microsoft PowerPoint)	50%		CLO3, CLO4	SV làm bài thực hành trên máy tính tại phòng máy, GV chấm điểm trên máy tính
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	- Trắc nghiệm khách quan (30%) - Thực hành trên máy tính (70%) + Kiến thức về Phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word) + Kiến thức Bảng tính điện tử (Microsoft Excel) + Kiến thức về Phần mềm trình chiếu (Microsoft			CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,	Sinh viên làm bài thi lý thuyết theo tổ chức của phòng Khảo thí, giáo viên chấm điểm. SV làm bài trắc nghiệm trên Phiếu trả lời trắc nghiệm, GV chấm điểm. SV làm bài thực hành trên máy tính tại phòng máy, GV chấm điểm trên máy tính.

Thành phần, tên bài đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
		PowerPoint)				

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

- Đi học đầy đủ: 6 điểm (60%, nghỉ 04 tiết học không lý do trừ 1 điểm)
- Hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên: 2 điểm (20%)
- Tích cực phát biểu, thảo luận trên lớp: 1 điểm (10%)
- Tự học, chủ động tìm tòi kiến thức: 1 điểm (10%)

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

* Bài kiểm tra số 1:

- Nội dung: Kiến thức về Phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word)
- Thời gian: 20 phút
- Hình thức: Kiểm tra thực hành trên máy tính

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Soạn thảo một văn bản theo mẫu bằng Phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word)	Định dạng trang in theo thể thức văn bản hành chính: Khở giấy A4, lề trái 3 cm, lề phải 2 cm, lề trên 2 cm, lề dưới 2 cm.	1
		Phần quốc hiệu và tên đơn vị ban hành văn bản -Nhập đúng chính tả và đủ nội dung -Thực hiện kỹ thuật đặt nhóm tên quốc hiệu và tên đơn vị theo quy định -Định dạng đúng mẫu (căn lề, font, cỡ chữ, kiểu chữ)	2
		Phần tên văn bản -Nhập đúng chính tả và đủ nội dung (văn bản và đường kẻ) -Định dạng đúng mẫu (căn lề, font, kiểu và cỡ chữ)	2
		Phần nội dung văn bản -Nhập đúng chính tả và đủ nội dung -Định dạng đúng mẫu với các chi tiết: + căn lề, font, kiểu chữ + độ giãn dòng, giãn đoạn	2 1 1
		Phần đồ họa	1
		Tổng điểm	10

* Bài kiểm tra số 2:

- Nội dung:
- + Kiến thức Bảng tính điện tử (Microsoft Excel)
- + Kiến thức về Phần mềm trình chiếu (Microsoft PowerPoint)
- Thời gian: 45 phút
- Hình thức: Kiểm tra thực hành trên máy tính

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	+ Lập bảng và tính toán theo yêu cầu bằng Microsoft Excel.	+ Nhập bảng tính theo đúng mẫu + Định dạng số liệu theo đúng mẫu	1
		+ Sử dụng hàm đúng, giải quyết đủ các yêu cầu tính toán thứ nhất của đề bài.	1
		+ Sử dụng hàm đúng, giải quyết đủ các yêu cầu tính toán thứ hai của đề bài.	1
		+ Sử dụng hàm đúng, giải quyết đủ các yêu cầu tính toán thứ ba của đề bài.	1
		+ Sắp xếp, lọc dữ liệu tính toán theo yêu cầu của đề bài	1
2	+ Tạo bài trình chiếu theo mẫu bằng Phần mềm Microsoft PowerPoint	Slide 1: + Nhập đầy đủ nội dung và bố cục theo mẫu + Đảm bảo tính cân đối, tính thẩm mỹ + Đặt hiệu ứng cho Slide, đối tượng trên Slide hợp lý + Tạo nền Slide phù hợp	1,5
		Slide 2: + Nhập đầy đủ nội dung và bố cục theo mẫu + Đảm bảo tính cân đối, tính thẩm mỹ + Đặt hiệu ứng cho Slide và đối tượng trên Slide hợp lý + Tạo liên kết đúng yêu cầu	1,75
		Slide 2: + Nhập đầy đủ nội dung và bố cục theo mẫu + Đảm bảo tính cân đối, tính thẩm mỹ + Đặt hiệu ứng cho Slide + Đặt hiệu ứng cho đối tượng trên Slide hợp lý + Tạo nền Slide phù hợp	1,75
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Kiến thức về quá trình phát triển phần mềm
- Hình thức: Trắc nghiệm khách quan (30%) + Thực hành trên máy tính (70%)
- Thời gian: Trắc nghiệm khách quan (30 phút) + Thực hành trên máy tính (60 phút)

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Trắc nghiệm khách quan (30 câu trắc nghiệm) + Đại cương tin học, máy tính căn bản + Internet	+ Đúng kiến thức, đủ yêu cầu, ứng dụng CNTT vào thực tế.	3
2	Thực hành trên máy tính + Tạo thư mục với số báo danh của thí sinh trong ổ D. Đặt tên 3 file kết quả của câu 2,3,4 tương ứng word.docx, excel.xlsx, powerpoint.pptx và chứa trong thư mục tạo ra. + Soạn thảo một văn bản theo mẫu bằng Phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word) + Lập bảng và tính toán theo yêu cầu bằng Microsoft Excel. + Tạo bài trình chiếu theo mẫu bằng Phần mềm Microsoft PowerPoint	+ Đúng kiến thức, đủ yêu cầu. + Soạn thảo văn bản: Nhập đúng chính tả và đủ nội dung; Thực hành đúng và đủ các kỹ thuật trong bài soạn thảo. + Bảng tính điện tử: Nhập bảng tính theo đúng mẫu; Thực hành đúng và đủ các kỹ thuật tính toán trong Excel + Bài trình chiếu: Nhập bài trình chiếu theo đúng mẫu; Thực hành đúng và đủ các kỹ thuật trong bài trình chiếu	1 2 2 2
Tổng điểm			10

Hiệu trưởng**Trưởng khoa**

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023
Trưởng bộ môn **Người biên soạn**

Phạm Thanh Huyền Phạm Thanh Huyền Nguyễn Văn Chính

6.2.12. Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**Trình độ đào tạo: Đại học - CDSP****Ngành: Các ngành hệ DH và CDSP****1. Thông tin chung về học phần**

1.1. Mã học phần:	CB601022
1.2. Tên học phần:	Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)
1.3. Tên tiếng Anh:	Physical Education (Gymnastics)
1.4. Số tín chỉ:	1 (1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	2
- Thực hành:	28
- Tự học:	30
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học Cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Phùng Đức Nhật (0393.303.803)
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Phạm Văn Hoàng (0965.112.658) ThS. Nguyễn Thế Anh (0335.669.666) ThS. Nguyễn Văn Anh (0986.674.158) ThS. Hoàng Thị Thanh Hà (0977.653.919) ThS. Vũ Thị Hồng Định (0344.396.495) Phạm Huy Công (0934.345.559)
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không có
- Học phần song hành:	Không có

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về lợi ích, tác dụng, nguyên lý và kỹ thuật, chiến thuật cơ bản về các bài tập thể dục, kỹ thuật của các môn Điền kinh như nhảy xa, chạy cự ly ngắn và chạy cự ly trung bình.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có những kiến thức về lợi ích, tác dụng, nguyên

lý và kỹ thuật của các bài tập thể dục tay không, thể dục với vòng, thể dục với gậy, kỹ thuật cơ bản của các môn Điền kinh như chạy cự ly ngắn và chạy cự ly trung bình

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPDG
CLO 1	Trình bày được kiến thức về GDTC trong các trường Đại học - Cao đẳng trước và sau cách mạng tháng 8 năm 1945 và hiện nay; mục đích, nhiệm vụ và các hình thức GDTC. Vận dụng phương pháp đề phòng chấn thương trong tập luyện TDTT.	CO 1 CO 5
CLO 2	Vận dụng được kiến thức về tác dụng các bài thể dục tay không, thể dục với vòng, gậy, những kỹ thuật của bài tập	CO 2 CO 5
CLO 3	Vận dụng được kiến thức về tác dụng của luyện tập môn chạy cự ly ngắn, cự ly trung bình, những kỹ thuật của bài tập	CO 3 CO 5
CLO 4	Thực hiện đúng kỹ thuật bài 9 động tác thể dục tay không, bài tập với vòng, bài tập với gậy và chạy cự ly ngắn, cự ly trung bình; biết vận dụng kiến thức các môn học trong học phần vào rèn luyện thân thể	CO 2 CO 3 CO 4 CO 5

5. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I					M			R	R
CLO 2	R					M			R	R
CLO 3	R					M			R	R
CLO 4	R					M			R	R
Tổng hợp học phần	R					M			R	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Nguyễn Đình Cường, Phan Thị Hiệp. Giáo dục, 2007, Điện kinh, NXB Thể dục thể thao.

[2]. Lê Quang Sơn (Chủ biên), Nguyễn Đình Thành, (2007), Thể dục, NXB Giáo dục, NXB Đại học sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Nguyễn Kim Minh - Nguyễn Trọng Hải - Trần Đồng Lâm - Đặng Ngọc Quang. 2004, Giáo trình điền kinh, NXB ĐHSPT.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 2 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần x 15 buổi = 30 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 1 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giới thiệu học phần Chương I: Lý thuyết chung (2 tiết) 1.1. Tóm tắt lịch sử PT TDTT 1.2. GDTC mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ và các hình thức GDTC. - Khái niệm GDTC - Mục đích của GDTC trong các trường Đại học - Nhiệm vụ của giáo dục đào tạo - Các hình thức GDTC 1.3. Đề phòng chấn thương trong luyện tập TDTT - Nguyên nhân	2 lý thuyết	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 1

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	- Phương pháp phòng ngừa			
2	Chương II: Thể dục 2.1. Bài tập thể dục tay không 9 động tác	2 thực hành	GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 2 CLO 4
3	2.2. Bài tập thể dục tay không 9 động tác (tiếp) Ôn tập bài tập thể dục tay không 9 động tác	2 thực hành	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 2 CLO 4
4	2.3. Bài tập thể dục với gậy 32 động tác	2 thực hành	GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 2 CLO 4
5	2.4. Bài tập thể dục với gậy 32 động tác (tiếp) Ôn tập BT thể dục 32 động tác gậy	2 thực hành	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 2 CLO 4
6	2.5. Bài tập thể dục với vòng 32 động tác	2 thực hành	GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: quan sát GV giảng giải, làm	CLO 2 CLO 4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
			mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập	
7	2.6. Bài tập thể dục với vòng 32 động tác, Ôn tập Bài tập thể dục 32 động tác vòng	2 thực hành	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện. SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 2 CLO 4
8	2.7. Kiểm tra bài tập thể dục tay không 9 động tác, bài tập thể dục 32 động tác với gậy, bài tập thể dục 32 động tác với vòng - Kiểm tra: hình thức bốc thăm chọn lựa 1 trong 3 bài	2 thực hành	GV: chia nhóm để sinh viên ôn tập SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập và kiểm tra	CLO 2 CLO 4
9	Chương III: Điền kinh 3.1. Chạy cự ly ngắn - Giới thiệu lịch sử phát triển, tác dụng chạy cự ly ngắn - Giới thiệu nguyên lý kỹ thuật - Kỹ thuật xuất phát thấp - Kỹ thuật chạy lao	2 thực hành	GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 3 CLO 4
10	3.2. Chạy cự ly ngắn (tiếp) - Kỹ thuật chạy giữa quãng - Kỹ thuật phối hợp tay, chân và toàn thân - Kỹ thuật đánh đích	2 thực hành	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện. SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 3 CLO 4
11	3.3. Chạy cự ly ngắn (tiếp) - Hoàn thiện toàn bộ kỹ thuật chạy cự ly ngắn	2 thực hành	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện. SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 3 CLO 4
12	3.4. Ôn tập chạy cự ly ngắn	2 thực hành	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện. SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 3 CLO 4
13	3.5. Chạy cự ly trung bình	2 thực	GV: chia nhóm để sinh viên tập	CLO 3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	(800m nữ, 1500m nam) (6 tiết) - Giới thiệu lịch sử phát triển và tác dụng của tập luyện chạy cự li trung bình - Các giai đoạn kĩ thuật: Kỹ thuật xuất phát cao - Kỹ thuật chạy đường vòng - Kỹ thuật chạy phối hợp với thở - Kỹ thuật về đích và đánh đích	hành	luyện. SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 4
14	3.6. Chạy cự li trung bình (tiếp) - Hoàn thiện kỹ thuật chạy cự li trung bình - Kỹ thuật sau khi về đích kết hợp với thở sâu nhịp nhàng	2 thực hành	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện. SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 3 CLO 4
15	3.7. Chạy cự li trung bình (tiếp) - Hoàn thiện kỹ thuật chạy cự li trung bình - Một số bài tập bổ trợ kỹ thuật chạy cự li trung bình	2 thực hành	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện. SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 3 CLO 4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kỳ				30%
A2.1	Kiểm tra bài tập thể dục tay không 9 động tác, BT thể dục với gậy, BT thể dục với vòng (bốc thăm 1	Bài tập	Thực hiện đúng kỹ thuật bài 9 động tác thể dục tay không, bài tập với vòng, bài tập với gậy và chạy cự li ngắn, cự ly	

	trong 3 bài)		trung bình; biết vận dụng kiến thức các môn học trong học phần vào rèn luyện thân thể	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1(Thực hành)	Kiểm tra bài tập thể dục tay không 9 động tác, BT thể dục với gậy, BT thể dục với vòng (bốc thăm 1 trong 3 bài)	Bài tập	Thực hiện đúng kỹ thuật bài 9 động tác thể dục tay không, bài tập với vòng, bài tập với gậy và chạy cự ly ngắn, cự ly trung bình; biết vận dụng kiến thức các môn học trong học phần vào rèn luyện thân thể	
Công thức tính điểm tổng kết:				

(*) Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học tập trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao; Chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Tham gia dự học đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Nghiêm túc học tập (không nói chuyện, làm việc riêng; ghi chép bài đầy đủ); tích cực thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao
2	Tham gia dự học, đúng giờ từ 90% số tiết trên lớp	Có ý thức thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập GV giao
1	Tham gia dự học, đúng giờ từ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập GV

			giao
0	Tham gia dự học, đúng giờ ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi học phần	Làm việc, nói chuyện riêng trong lớp, không có ý thức thực hiện các nhiệm vụ trên lớp	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: kiểm tra 1 trong 3 bài tập thể dục tay không 9 động tác, bài tập thể dục 32 động tác với gậy, bài tập thể dục 32 động tác với vòng
- Hình thức: thực hành, mỗi SV bốc thăm 1 trong 3 bài và thực hiện 1 lần
- Thời gian: 2 - 3 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Chuẩn bị (40 %)	Tiến hành (30 %)	Thực hiện kết quả (30 %)
Từ 8 đến 10	Chuẩn bị (dụng cụ, trang phục, ...) đầy đủ, đúng quy cách, yêu cầu.	Tiến hành chính xác, nhuần nhuyễn, an toàn, đúng quy trình thí nghiệm, thực hành	Thực hiện rõ ràng, đầy đủ, chính xác.
Từ 6 đến cận 8	Chuẩn bị được những yêu cầu chính để thực hiện thí nghiệm.	Tiến hành đúng, chưa nhuần nhuyễn, đúng quy trình.	Thực hiện được những nội dung chính.
Từ 4 đến cận 6	Chuẩn bị cơ bản dụng cụ thí nghiệm, tuy nhiên chất lượng còn chưa đạt yêu cầu	Tiến hành được bài thực hành, thí nghiệm. Còn có bước chưa đúng quy trình, yêu cầu.	Thực hiện thiếu, nội dung còn chỗ chưa đúng.
Từ 2 đến cận 4	Chuẩn bị thiếu dụng cụ thí nghiệm, không đạt yêu cầu	Không tiến hành được đầy đủ bài thực hành theo yêu cầu, cần trợ giúp.	Thực hiện không thể hiện nội dung chính, kết quả thu được từ thực hành, thí nghiệm
Từ 0 đến cận 2	Không chuẩn bị theo yêu cầu	Không tiến hành được bài thực hành, thí nghiệm	Thực hiện sai nội dung chính.

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: thực hiện 1 trong 3 bài tập thể dục tay không 9 động tác, bài tập thể dục 32 động

tác với gậy, bài tập thể dục 32 động tác với vòng

- Hình thức: thực hành, mỗi SV bốc thăm 1 trong 3 bài và thực hiện 1 lần

- Thời gian: 2 – 3 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Kiểm tra 1 trong 3 bài tập thể dục tay không 9 động tác, bài tập thể dục 32 động tác với gậy, bài tập thể dục 32 động tác với vòng	- Thực hiện đúng trình tự và tư thế các động tác trong bài tập.	5
		- Bài tập có tính nhịp điệu và thẩm mỹ cao, không có động tác thừa	5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày....tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung Phùng Đức Nhật

Phùng Đức Nhật

6.2.13. Giáo dục thể chất 2

6.2.13.1. Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học - CĐSP

Ngành: Các ngành hệ ĐH và CĐSP

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601023
1.2. Tên học phần:	Giáo dục thể chất 2 (Bóng bàn)
1.3. Tên tiếng Anh:	Physical Education 2 (Table tennis)
1.4. Số tín chỉ:	2 (2TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	4 tiết
- Thực hành:	56 tiết
- Tự học:	30 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học Cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Hoàng Thị Thanh Hà (0977.653.919)
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Phạm Văn Hoàng (0965.112.658) ThS. Nguyễn Thế Anh (0335.669.666) ThS. Nguyễn Văn Anh (0986.674.158) ThS. Phùng Đức Nhật (0393.303.803) ThS. Vũ Thị Hồng Định (0344.396.495) Phạm Huy Công (0934.345.559)
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Giáo dục thể chất 1
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết về lịch sử phát triển, nguyên lý, tác dụng và các kỹ thuật cơ bản của môn bóng bàn, luật bóng bàn.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có những kiến thức về lý thuyết Bóng bàn và nắm

được Luật Bóng bàn cơ bản; nắm được kỹ thuật cơ bản của môn Bóng bàn, biết vận dụng các kiến thức môn Bóng bàn để rèn luyện bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPDG
CLO 1	Trình bày được khái niệm, lịch sử phát triển, tác dụng của việc luyện tập Bóng bàn; nắm được một số điều luật, cách thức tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài Bóng bàn	CO 1, CO 3
CLO 2	Vận dụng và thực hiện tốt một số kỹ thuật cơ bản môn Bóng bàn	CO 2, CO 3,
CLO 3	Vận dụng các kiến thức môn Bóng bàn vào rèn luyện thân thể, có ý thức tự học, tự rèn luyện thể chất	CO 3, CO 4

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I					M			R	R
CLO 2	R					M			R	R
CLO 3	R					M			R	R
CLO 4	R					M			R	R
Tổng hợp học phần	R					M			R	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Đào Ngọc Dũng, Tô Tiến Thành, Tô Thế Thới (2012), Giáo trình Bóng bàn, Nxb Thể dục thể thao, Trường Đại học Sư phạm Thể dục thể thao Hà Nội.

[2]. Vũ Thanh Sơn (ch.b), Nguyễn Danh Hoàng Việt. Giáo trình Bóng bàn, Đại học Sư phạm, 2010, Nxb Thể dục thể thao.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Dùng cho các trường Cao đẳng Sư phạm / Vũ Thành Sơn (ch.b.), Nguyễn Danh Hoàng Việt, Giáo trình bóng bàn. Đại học Sư phạm, 2004

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần x15 buổi = 60 tiết
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giới thiệu học phần Chương 1. Lý thuyết (2 tiết) 1.1. Khái niệm môn bóng bàn 1.2. Đặc điểm, tác dụng của bóng bàn với sức khỏe người tập 1.3. Nguồn gốc và quá trình phát triển môn bóng bàn trên thế giới và Việt Nam 1.4. Nguyên lý cơ bản về đánh bóng bàn 1.5. Mấu chốt cơ bản khi đánh bóng 1.6. Khái niệm, phân loại kỹ thuật bóng bàn	2 lý thuyết	- GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung - SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 1 CLO 2
	Chương 2. Kỹ thuật bóng bàn (52 tiết) 2.1. Giới thiệu và	2 thực hành	- GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời	

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	hướng dẫn cách cầm vợt, bài tập cầm giác bóng (2 tiết)		những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. - SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập	
2	2.2. Kỹ thuật giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay cơ bản. Kỹ thuật vệt bóng thuận tay - Giới thiệu kỹ thuật giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay cơ bản; các bài tập bổ trợ. - Kỹ thuật vệt bóng thuận tay; các bài tập bổ trợ. -Thể lực: Bài tập thể lực phát triển sức nhanh	4 thực hành	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện, gv quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
3	2.3. Giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay vào ô (45cm x 45cm) quy định cuối bàn. Kỹ thuật di chuyển trong đánh bóng bàn. Ôn tập kỹ thuật vệt bóng thuận tay - Giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay vào ô (45cm x 45 cm) quy định cuối bàn - Kỹ thuật di chuyển trong đánh bóng bàn	4 thực hành	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện, gv quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập lại kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật giao bóng xoáy lên thuận, trái tay. - SV: thực hiện theo	CLO 2 CLO 3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	- Ôn tập kỹ thuật vệt bóng thuận tay - Thẻ lực: Bài tập phát triển sức mạnh		yêu cầu tập luyện	
4	2.4. Ôn tập kỹ thuật giao bóng xoáy lên thuận tay trái tay vào ô quy định. Ôn tập kỹ thuật vệt bóng thuận tay. Giới thiệu Kỹ thuật vệt bóng trái tay cơ bản - Ôn tập kỹ thuật Giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay vào ô (45cm x 45 cm) quy định cuối bàn. - Ôn tập kỹ thuật vệt bóng thuận tay theo đường cơ bản. - Giới thiệu Kỹ thuật vệt bóng trái tay cơ bản. - Các bài tập bổ trợ - Thẻ lực: Bài tập thẻ lực chuyên môn	4 thực hành	- GV: tổ chức tập luyện lại kỹ thuật giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay cơ bản, vệt bóng thuận tay, phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập lại kỹ thuật vệt bóng thuận tay; kỹ thuật giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện - GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập lại kỹ thuật vệt bóng trái tay. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện.	CLO 2 CLO 3
5	2.5. Ôn tập Kỹ thuật vệt bóng thuận tay, trái tay cơ bản - Ôn tập Kỹ thuật vệt bóng thuận tay.	4 thực hành	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn	CLO 2 CLO 3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	- Ôn tập Kỹ thuật vệt bóng trái tay. - Bài tập thể lực phát triển sức mạnh tốc độ		tập. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện.	
6	2.6. Ôn tập kỹ thuật vệt bóng thuận tay, trái tay cơ bản. Kỹ thuật gò bóng thuận, trái tay - Ôn tập kỹ thuật vệt bóng thuận tay, trái tay cơ bản - Giới thiệu Kỹ thuật gò bóng thuận, trái tay - Các bài tập bổ trợ	4 thực hành	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện.	
7	2.7. Ôn tập kỹ thuật gò bóng thuận tay và trái tay. Giới thiệu kỹ thuật gò bóng phối hợp thuận tay, trái tay theo đường chéo cơ bản - Ôn tập Kỹ thuật gò bóng thuận tay. - Ôn tập Kỹ thuật gò bóng trái tay. - Gò bóng phối hợp thuận tay, trái tay theo đường chéo cơ bản - Bài tập thể lực phát triển khéo léo	4 thực hành	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện.	CLO 2 CLO 3
8	2.8. Ôn tập kỹ thuật gò bóng thuận tay và trái tay. Giới thiệu kỹ thuật giao bóng xoáy xuống thuận, trái tay - Ôn tập kỹ thuật gò	4 thực hành	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập.	CLO 2 CLO 3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	bóng thuận tay và trái tay - Giới thiệu kỹ thuật giao bóng xoáy xuống thuận, trái tay - Tập các bài tập bổ trợ - Bài tập Thẻ lực phát triển khéo léo		- SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	
9	2.9. Ôn tập kỹ thuật giao bóng xoáy xuống thuận tay và trái tay theo đường chéo, kỹ thuật gò bóng thuận tay và trái tay theo đường chéo, kỹ thuật giao bóng xoáy lên thuận tay, trái tay; Giới thiệu một số cách đỡ giao bóng cơ bản	4 thực hành	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện.	CLO 2 CLO 3
10	2.10. Kỹ thuật lúp bóng thuận, trái tay - Giới thiệu Kỹ thuật lúp bóng thuận, trái tay - Các bài tập bổ trợ	4 thực hành	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện.	CLO 2 CLO 3
11	2.11. Ôn tập Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay theo đường chéo (2 tiết); Kiểm tra kỹ thuật vụt bóng thuận tay, trái tay theo đường chéo cơ bản (2 tiết)	4 thực hành	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện.	CLO 2 CLO 3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
12	2.12. Kỹ thuật di chuyển phối hợp vút bóng thuận tay từ 2 điểm vào 1 điểm. - Giới thiệu kỹ thuật di chuyển phối hợp vút bóng thuận tay từ 2 điểm vào 1 điểm - Các bài tập bổ trợ - Thẻ lực: Bài tập thẻ lực phát triển sức nhanh, khéo léo - Thi đấu tập.	4 thực hành	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
13	2.13. Ôn tập kỹ thuật vút bóng thuận tay, trái tay; kỹ thuật gò bóng thuận tay, trái tay theo nội dung thi - Thẻ lực: bài tập thẻ lực chuyên môn.	4 thực hành	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
14	2.14. Ôn tập kỹ thuật vút bóng thuận tay, trái tay; kỹ thuật gò bóng thuận tay, trái tay theo nội dung thi (2 tiết) - Thẻ lực: bài tập thẻ lực chuyên môn. Chương 3. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài; Ôn tập và kiểm tra (2 tiết) 3.1. Một số điều luật bóng bàn. Tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài bóng bàn	2 thực hành 2 lý thuyết	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập; Hướng dẫn nghiên cứu tìm hiểu về nội dung bài học. GV tổ chức thi đấu để áp dụng các kỹ thuật và tìm hiểu các phương pháp trọng tài. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 1 CLO 2 CLO 3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
15	3.2. Ôn tập kỹ thuật vệt bóng thuận tay, trái tay; kỹ thuật gò bóng thuận tay, trái tay theo nội dung thi (2 tiết). Kiểm tra (2 tiết)	4 thực hành	GV: Chia nhóm để sinh viên ôn tập luyện; Kiểm tra theo nhóm. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện và kiểm tra	CLO 1 CLO 3

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kỳ				30%
A2.1	- Vệt bóng thuận tay đường chéo phải 10 lần/1 SV (điểm tối đa) - Vệt bóng trái tay đường chéo trái 10 lần /1 SV (điểm tối đa)	Bài tập	Nắm được một số kỹ thuật cơ bản môn Bóng bàn	15%
A2.2	- Gò bóng thuận tay theo đường chéo phải 10 lần /1 SV (điểm tối đa) - Gò bóng trái tay theo đường chéo trái 10 lần /1 SV (điểm tối đa)	Bài tập	Nắm được một số kỹ thuật cơ bản môn Bóng bàn	15%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1(Thực hành)	- Vệt bóng thuận, trái tay phối hợp 20 lần/1 SV (điểm tối đa) - Gò bóng thuận, trái tay phối hợp 20 lần/1 SV (điểm tối đa)	Bài tập	Vận dụng các kiến thức môn Bóng bàn vào rèn luyện thân thể, có ý thức tự học, tự rèn luyện thể chất	60%
Công thức tính điểm tổng kết:				

(*) Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học tập trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao; Chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Tham gia dự học đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Nghiêm túc học tập (không nói chuyện, làm việc riêng); tích cực thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao
2	Tham gia dự học, đúng giờ từ 90% số tiết trên lớp	Có ý thức thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập GV giao
1	Tham gia dự học, đúng giờ từ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập GV giao
0	Tham gia dự học, đúng giờ ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi học phần	Làm việc, nói chuyện riêng trong lớp, không có ý thức thực hiện các nhiệm vụ trên lớp	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung:

+ Vụt bóng thuận tay đường chéo phải 10 lần/1 SV (điểm tối đa)

+ Vụt bóng trái tay đường chéo trái 10 lần /1 SV (điểm tối đa)

- Hình thức: thực hành, thực hiện theo nhóm (2 SV/1 nhóm) hoặc theo cá nhân (có người hỗ trợ), mỗi SV thực hiện 2 lần, tính thành tích của lần thực hiện cao nhất.

- Thời gian: 3-5 phút

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung:

+ Gò bóng thuận tay theo đường chéo phải 10 lần /1 SV (điểm tối đa)

+ Gò bóng trái tay theo đường chéo trái 10 lần /1 SV (điểm tối đa)

- Hình thức: thực hành, thực hiện theo nhóm (2 SV/1 nhóm) hoặc theo cá nhân (có người hỗ trợ), mỗi SV thực hiện 2 lần, tính thành tích của lần thực hiện cao nhất.

- Thời gian: 3-5 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Chuẩn bị (40 %)	Tiến hành (30 %)	Thực hiện kết quả (30 %)
Từ 8 đến 10	Chuẩn bị (dụng cụ, trang phục, ...) đầy đủ, đúng quy cách, yêu cầu.	Tiến hành chính xác, nhuần nhuyễn, an toàn, đúng quy trình thí nghiệm, thực hành	Thực hiện rõ ràng, đầy đủ, chính xác.
Từ 6 đến cận 8	Chuẩn bị được những yêu cầu chính để thực hiện thí nghiệm.	Tiến hành đúng, chưa nhuần nhuyễn, đúng quy trình.	Thực hiện được những nội dung chính.
Từ 4 đến cận 6	Chuẩn bị cơ bản dụng cụ thí nghiệm, tuy nhiên chất lượng còn chưa đạt yêu cầu	Tiến hành được bài thực hành, thí nghiệm. Còn có bước chưa đúng quy trình, yêu cầu.	Thực hiện thiếu, nội dung còn chỗ chưa đúng.
Từ 2 đến cận 4	Chuẩn bị thiếu dụng cụ thí nghiệm, không đạt yêu cầu	Không tiến hành được đầy đủ bài thực hành theo yêu cầu, cần trợ giúp.	Thực hiện không thể hiện nội dung chính, kết quả thu được từ thực hành, thí nghiệm
Từ 0 đến cận 2	Không chuẩn bị theo yêu cầu	Không tiến hành được bài thực hành, thí nghiệm	Thực hiện sai nội dung chính.

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung:

+ Vụt bóng thuận, trái tay phối hợp 20 lần/1 SV (điểm tối đa)

+ Gò bóng thuận, trái tay phối hợp 20 lần / 1 SV (điểm tối đa)

- Hình thức: thực hành, thực hiện theo nhóm (2 SV/1 nhóm) hoặc theo cá nhân (có người hỗ trợ), mỗi SV thực hiện 2 lần, tính thành tích của lần thực hiện cao nhất.

- Thời gian: 3 - 5 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Vặt bóng thuận, trái tay phối hợp Gò bóng thuận, trái tay phối hợp	- Thành tích: Số lần thực hiện kỹ thuật đạt yêu cầu	8
		- Kỹ thuật động tác: + Tư thế động tác đúng, di chuyển linh hoạt + Đường bóng ổn định, chính xác + Đường bóng đi có lực và cách lưới không cao hơn 20 cm theo chiều vuông góc với mặt bàn	2
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung

Phùng Đức Nhật

Hoàng Thị Thanh Hà

6.2.13.2. Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học - CDSP

Ngành: Các ngành hệ DH và CDSP

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601023
1.2. Tên học phần:	Giáo dục thể chất 2 (Bóng chuyền)
1.3. Tên tiếng Anh:	Physical Education 2 (Volleyball)
1.4. Số tín chỉ:	2 (2TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	4 tiết
- Thực hành:	56 tiết
- Tự học:	30 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học Cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Văn Anh (0986.674.158)
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Phạm Văn Hoàng (0965.112.658) ThS. Nguyễn Thế Anh (0335.669.666) ThS. Phùng Đức Nhật (0393.303.803) ThS. Vũ Thị Hồng Định (0344.396.495) ThS. Hoàng Thị Thanh Hà (0977.653.919) Phạm Huy Công (0934.345.559)
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Giáo dục thể chất 1
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Trình bày được nội dung cơ bản: lịch sử phát triển, tác dụng của việc luyện tập môn Bóng chuyền, nắm được những kỹ thuật cơ bản và luật Bóng chuyền.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có những kiến thức về lý thuyết Chuyền và nắm được Luật Bóng chuyền cơ bản; nắm được kỹ thuật cơ bản của môn Bóng chuyền, biết vận dụng các kiến thức môn Bóng chuyền để rèn luyện bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPDG
CLO 1	Trình bày được lịch sử phát triển, tác dụng của việc luyện tập Bóng chuyên; nắm được một số điều luật, nắm được cách thức tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài Bóng chuyên	CO 1, CO 3
CLO 2	Vận dụng và thực hiện tốt một số kỹ thuật cơ bản môn Bóng chuyên	CO 2, CO 3,
CLO 3	Vận dụng các kiến thức môn Bóng chuyên vào rèn luyện thân thể, có ý thức tự học, tự rèn luyện thể chất	CO 3, CO 4

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I					M			R	R
CLO 2	R					M			R	R
CLO 3	R					M			R	R
CLO 4	R					M			R	R
Tổng hợp học phần	R					M			R	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Nguyễn Viết Minh – Hồ Đắc Sơn (2004), Giáo trình Bóng chuyên, Nxb Đại học Sư phạm.

[2]. Đào Mạnh Hùng (2004), Giáo trình Bóng chuyên, Nxb Thể dục thể thao.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Đinh Lâm, Xuân Ngà, Hữu Hùng, Nghiêm Thúc (dịch) (1997), *Bóng chuyên*, NXB TĐTT

[4]. Lê Văn Hồng, (1998), *Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm*, NXB TĐTT

[5]. Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên (1995), *Sinh lý*, NXB TĐTT

[6]. Nguyễn Toán, Phạm Danh Tồn (2000), *Lý luận và phương pháp TĐTT*, NXB TĐTT

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần x 15 buổi = 60 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chương 1. Lý thuyết (4 tiết) 1.1.Lịch sử phát triển của môn Bóng chuyền + Nguồn gốc ra đời môn bóng chuyền + Lịch sử phát triển bóng chuyền trên thế giới. + Lịch sử phát triển bóng chuyền ở Việt nam. 1.2.Ảnh hưởng của tập luyện bóng chuyền đối với cơ thể + Ảnh hưởng đối với sự phát triển của cơ thể + Ảnh hưởng tới sức khỏe của bản thân	4 lý thuyết	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 1 CLO 2
2	Chương 2. Kỹ thuật bóng chuyền: (42 tiết) 2.1. Tư thế chuẩn bị và các bước di chuyển (4	4 Thực hành	GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện, gv quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện	CLO 2 CLO 3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	tiết) - Tư thế chuẩn bị - Các bước di chuyển		SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập	
3	2.2. Kỹ thuật chuyên bóng cao tay (8 tiết) Chuyên bóng cao tay bằng hai tay.	4 Thực hành	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện, gv quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập lại kỹ thuật chuyên bóng cao tay bằng hai tay - SV: thực hiện theo yêu cầu	CLO 2 CLO 3
4	2.3. Kỹ thuật chuyên bóng cao tay (tiếp) - Ôn kỹ thuật chuyên bóng cao tay bằng hai tay - Các bài tập và phương pháp tổ chức luyện tập củng cố kỹ thuật chuyên bóng cao tay.	4 Thực hành	GV: Chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập lại kỹ thuật chuyên bóng cao tay SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
5	2.4. Kỹ thuật chuyên bóng thấp tay (đệm bóng) (8 tiết) Chuyên bóng thấp tay	4 Thực hành	GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện, gv quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập lại kỹ thuật chuyên bóng cao tay bằng hai tay - SV: thực hiện theo yêu cầu	CLO 2 CLO 3
6	2.5. Kỹ thuật chuyên	4 Thực		

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	bóng thấp tay (đệm bóng) (tiếp) - Chuyển bóng thấp tay - Các bài tập và phương pháp tổ chức luyện tập củng cố kỹ thuật chuyển bóng thấp tay	hành	GV phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	
7	2.6. Kỹ thuật phát bóng (8 tiết) - Phát bóng thấp tay trước mặt. - Phát bóng cao tay trước mặt.	4 Thực hành	GV phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
8	2.7. Kỹ thuật phát bóng (tiếp) - Phát bóng thấp tay trước mặt. - Phát bóng cao tay trước mặt - Các phương pháp luyện tập kỹ thuật phát bóng.	4 Thực hành	GV phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
9	2.8. Kỹ thuật đập bóng (8 tiết) - Đập bóng chính diện theo phương lấy đà. - Phối hợp chuyển bước một, bước hai đập bóng.	4 Thực hành	GV phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
10	2.9. Kỹ thuật đập bóng (tiếp) - Ôn tập kỹ thuật đập bóng chính diện theo phương lấy đà.	4 Thực hành	GV phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập	CLO 2 CLO 3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	- Ôn tập phối hợp chuyển bước một, bước hai đập bóng.		luyện	
11	2.10. Kỹ thuật chắn bóng (4 tiết) - Chắn bóng cá nhân. - Chắn bóng tập thể.	4 Thực hành	GV phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
12	2.11. Ôn tập + kiểm tra - Ôn tập kỹ thuật chuyển bóng cao tay - Ôn tập kỹ thuật chuyển bóng cao tay - Ôn tập kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt - Ôn tập kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt - Kiểm tra: Nội dung phát bóng thấp tay(Nữ), cao tay(Nam) 05 quả vào ô	4 Thực hành	GV chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
13	Chương 3. Chiến thuật bóng chuyền (4 tiết) 3.1. Chiến thuật tấn công. 3.2. Chiến thuật phòng thủ.	4 Thực hành	GV phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
14	Chương 4. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài (6 tiết) Các hình thức thi đấu và trọng tài trong bóng chuyền .	4 Thực hành	GV phân tích, giảng giải, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập; Hướng dẫn nghiên cứu tìm hiểu về nội dung bài học. GV tổ chức thi đấu để áp dụng các kỹ thuật và tìm hiểu các phương	CLO 1 CLO 2 CLO 3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
			pháp trọng tài. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	
15	Bài 15: Ôn tập các hình thức thi đấu và trọng tài trong bóng chuyền (tiếp); Ôn tập, kiểm tra. 4.1. Ôn tập các hình thức thi đấu và trọng tài trong bóng chuyền 4.2. Ôn tập+ Kiểm tra (2 tiết) Nội dung: Chuyên bóng qua lại sử dụng 2 kỹ thuật cao tay và thấp tay	4 Thực hành	GV Chia nhóm để sinh viên ôn tập luyện; Kiểm tra theo nhóm . SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện và kiểm tra	CLO 1 CLO 3

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kỳ				30%
A2.1	Phát bóng thấp tay(Nữ), cao tay(Nam) 05 quả vào ô (điểm tối đa)	Bài tập	Vận dụng và thực hiện tốt một số kỹ thuật cơ bản môn Bóng chuyền	15%
A2.2	Chuyên bóng qua lại sử dụng 2 kỹ thuật cao tay và thấp tay (điểm tối đa)	Bài tập	Vận dụng và thực hiện tốt một số kỹ thuật cơ bản môn Bóng chuyền	15%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%

A3.1(Thực hành)	Chuyền bóng qua lại sử dụng 2 kỹ thuật cao tay và thấp tay 20 lần/1sv (điểm tối đa)	Bài tập	Vận dụng các kiến thức môn Bóng chuyền vào rèn luyện thân thể, có ý thức tự học, tự rèn luyện thể chất	60%

Công thức tính điểm tổng kết:

(*) Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học tập trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao; Chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Tham gia dự học đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Nghiêm túc học tập (không nói chuyện, làm việc riêng); tích cực thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao
2	Tham gia dự học, đúng giờ từ 90% số tiết trên lớp	Có ý thức thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập GV giao
1	Tham gia dự học, đúng giờ từ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập GV giao
0	Tham gia dự học, đúng giờ ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi học phần	Làm việc, nói chuyện riêng trong lớp, không có ý thức thực hiện các nhiệm vụ trên lớp	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung:

+ Phát bóng thấp tay(Nữ), cao tay(Nam) 05 quả vào ô (điểm tối đa)

- Hình thức: Thực hành, từng cá nhân thực hiện

- Thời gian: 3-5 phút

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung:

+ Chuyển bóng qua lại sử dụng 2 kỹ thuật cao tay và thấp tay 20 lần/1sv(điểm tối đa)

- Hình thức: Thực hành, thực hiện theo nhóm (2 SV/1 nhóm) hoặc theo cá nhân (có người hỗ trợ)

- Thời gian: 3-5 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thành tích	- Số lần thực hiện đạt thành tích tối đa	8
2	Kỹ thuật động tác	- Tư thế động tác đúng, di chuyển linh hoạt - Đường bóng ổn định, chính xác - Đường bóng đi có lực và cách lưới không quá cao	2
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chuyển bóng qua lại sử dụng 2 kỹ thuật cao tay và thấp tay 20 lần/1sv (điểm tối đa)

- Hình thức: Thực hành, thực hiện theo nhóm (2 SV/1 nhóm) hoặc theo cá nhân (có người hỗ trợ)

- Thời gian: 3 - 5 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chuyển bóng qua lại sử dụng 2 kỹ thuật cao tay và thấp tay 20 lần/1sv (điểm tối đa)	-Thành tích: + Số lần thực hiện đạt thành tích tối đa	8
2		- Kỹ thuật động tác: +Tư thế động tác đúng, di chuyển linh hoạt + Đường bóng ổn định, chính xác	2
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày....tháng 12 năm2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung

Phùng Đức Nhật

Nguyễn Văn Anh

6.2.13.3. Giáo dục thể chất 2 (Bóng đá)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học - CĐSP

Ngành: Các ngành hệ ĐH và CĐSP

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601023
1.2. Tên học phần:	Giáo dục thể chất 2 (Bóng Đá)
1.3. Tên tiếng Anh:	Physical Education 2 (football)
1.4. Số tín chỉ:	2 (2TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	4 tiết
- Thực hành:	56 tiết
- Tự học:	30 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học Cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	Phạm Huy Công (0934.345.559)
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Phạm Văn Hoàng (0965.112.658) ThS. Nguyễn Thế Anh (0335.669.666) ThS. Nguyễn Văn Anh (0986.674.158) ThS. Phùng Đức Nhật (0393.303.803) ThS. Vũ Thị Hồng Định (0344.396.495) ThS. Hoàng Thị Thanh Hà (0977.653.919)
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Giáo dục thể chất 1
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những lợi ích tác dụng, nguyên lý kỹ thuật, chiến thuật cơ bản của môn bóng đá, luật bóng đá, cách tổ chức và trọng tài giải phong trào.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có những kiến thức về lý thuyết Bóng đá và nắm được Luật Bóng đá cơ bản; nắm được kỹ thuật cơ bản của môn Bóng đá, biết vận dụng các

kiến thức môn Bóng đá để rèn luyện bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPDG
CLO 1	Trình bày được khái niệm, lịch sử phát triển, tác dụng của việc luyện tập Bóng đá; nắm được một số điều luật, cách thức tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài Bóng đá	CO 1, CO 3
CLO 2	Vận dụng và thực hiện tốt một số kỹ thuật cơ bản môn Bóng đá	CO 2, CO 3,
CLO 3	Vận dụng các kiến thức môn Bóng đá vào rèn luyện thân thể, có ý thức tự học, tự rèn luyện thể chất	CO 3, CO 4

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I					M			R	R
CLO 2	R					M			R	R
CLO 3	R					M			R	R
CLO 4	R					M			R	R
Tổng hợp học phần	R					M			R	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Ma Tuyết Điền; Đặng Bình dịch.(2003), Bóng đá kỹ chiến thuật và phương pháp tập luyện, Nxb.Thể dục thể thao.

[2]. Nguyễn Danh Thái (2002), Luật bóng đá 7 người . Thể dục thể thao

[3]. Ủy ban thể dục thể thao (2007), Luật bóng đá. Thể dục thể thao

6.2. Tài liệu tham khảo

[4]. Ủy ban Thể dục Thể thao.(2007) Luật bóng đá 5 người "futsal", Thể dục thể thao

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết.
- Tổng số tuần học: 15 tuần.
- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần x 15 buổi = 60 tiết.
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học.
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

Bảng 2. Kế hoạch dạy học

218

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	- Đá bóng bằng mu chính diện - Đá bóng bằng má ngoài bàn chân - Đá bóng bằng mũi bàn chân - Tập thể lực chung		SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	
3	2.3. Kỹ thuật đỡ bóng - Đỡ bóng bằng lòng bàn chân - Đỡ bóng bằng má ngoài - Đỡ bóng bằng mu chính diện - Đỡ bóng bằng đùi - Thể lực: Bài tập thể lực chung.	4 thực hành	GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện, gv quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập lại kỹ thuật đỡ bóng. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
4	2.4. Ôn kỹ thuật đỡ bóng - Đỡ bóng bằng lòng bàn chân - Đỡ bóng bằng má ngoài - Đỡ bóng bằng mu chính diện - Đỡ bóng bằng đùi - Thể lực: Bài tập thể lực chung.	4 thực hành	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
5	2.5. Ôn kỹ thuật đỡ bóng (tiếp); Các bài tập phát triển sức bền. - Ôn tập kỹ thuật đỡ bóng - Chạy liên tục 12 phút - Nhảy dây tốc độ cao tại chỗ - Chạy hình chữ chi 5, 10, 15, 20 và 25m	4 thực hành	GV: phân tích, thị phạm bài tập, chia nhóm để sinh viên tập luyện, quan sát sửa sai; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
6	2.6. Kỹ thuật cướp, cắt bóng - Cướp bóng trực diện (trước mặt) - Cướp bóng từ hai bên - Bài tập phát triển thể lực chung	4 thực hành	GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện, quan sát sửa sai; giao bài tập về nhà để	

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
			sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	
7	2.7. Ôn kỹ thuật cướp ,cắt bóng - Cướp bóng trực diện (trước mặt) - Cướp bóng từ hai bên - Bài tập phát triển thể lực chung	4 thực hành	GV: Chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
8	2.8. Kỹ thuật ném biên. - Đứng tại chỗ ném biên - Chạy lấy đà ném biên - Kiểm tra định kỳ lần 1: sút bóng cố định vào khung thành	4 thực hành	GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện và kiểm tra	CLO 2 CLO 3
9	2.9. Ôn kỹ thuật ném biên. - Đứng tại chỗ ném biên - Chạy lấy đà ném biên - Bài tập phát triển thể lực chung	4 thực hành	GV: Chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
10	2.10. Kỹ thuật dẫn bóng - Dẫn bóng bằng má trong bàn chân - Dẫn bóng bằng má ngoài bàn chân - Dẫn bóng bằng mu bàn chân	4 thực hành	GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện, quan sát sửa sai; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
11	2.11. Ôn tập kỹ thuật dẫn bóng - Ôn tập dẫn bóng bằng má trong bàn chân - Ôn tập dẫn bóng bằng má ngoài bàn chân - Ôn tập dẫn bóng bằng mu bàn chân	4 thực hành	GV: Chia nhóm để sinh viên ôn tập luyện; Kiểm tra theo nhóm . SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện và kiểm tra	CLO 2 CLO 3
12	2.12. Kỹ thuật thủ môn. - Yêu lĩnh kỹ thuật bắt bóng - Kỹ thuật bắt bóng bổng	4 thực hành	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập.	CLO 2 CLO 3

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	- Kỹ thuật vô bắt bóng - Kỹ thuật đấm bóng - Kỹ thuật phát bóng - Bài tập phát triển thể lực chung		SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	
13	2.13. Ôn tập các kỹ thuật cơ bản; Các bài tập phát triển thể lực - Ôn tập kỹ thuật dẫn bóng, sút bóng - Bài tập phát triển thể lực chung	4 thực hành	GV: Phân tích, thị phạm bài tập, chia nhóm để sinh viên tập luyện, quan sát sửa sai; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: Thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
14	Chương 3. Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài; Ôn tập, kiểm tra (8 tiết). 3.1. Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài, thực hành tổ chức. - Phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài. - Thực hành tổ chức thi đấu một trận Bóng đá.	2 lý thuyết 2 thực hành	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV GV tổ chức thi đấu để áp dụng các kỹ thuật và tìm hiểu các phương pháp trọng tài. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 1 CLO 2 CLO 3
15	3.2. Ôn tập kỹ thuật đá bóng theo nội dung thi (2 tiết). - Kiểm tra định kỳ lần 2 (2 tiết): ném biên	4 thực hành	GV: Chia nhóm để sinh viên ôn tập luyện; Kiểm tra theo nhóm . SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện và kiểm tra	CLO 1 CLO 3

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)

A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	- Đá bóng cố định vào khung thành + 7 m (Nữ) + 10 m (Nam) (điểm tối đa)	Bài tập	Vận dụng và thực hiện tốt một số kỹ thuật cơ bản môn Bóng đá	15%
A2.2	- Chạy đà ném biên + 15 m (Nữ) + 24 m (Nam) (điểm tối đa)	Bài tập	Vận dụng và thực hiện tốt một số kỹ thuật cơ bản môn Bóng đá	15%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1(Thực hành)	- Dẫn bóng ziczac qua nắm chiến thuật sút cầu môn 03 quả/Sv. (điểm tối đa)	Bài tập	Vận dụng các kiến thức môn Bóng đá vào rèn luyện thân thể, có ý thức tự học, tự rèn luyện thể chất	60%
Công thức tính điểm tổng kết:				

(*) Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học tập trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao; Chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Tham gia dự học đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Nghiêm túc học tập (không nói chuyện, làm việc riêng); tích cực thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao
2	Tham gia dự học, đúng giờ từ 90% số tiết trên	Có ý thức thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập GV

	lớp	đôi, thảo luận, ...	giao
1	Tham gia dự học, đúng giờ từ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập GV giao
0	Tham gia dự học, đúng giờ ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi học phần	Làm việc, nói chuyện riêng trong lớp, không có ý thức thực hiện các nhiệm vụ trên lớp	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: Đá bóng cố định vào khung thành (khoảng cách: nữ 7m, nam 10m)
- Hình thức: Thực hành, thực hiện theo cá nhân mỗi SV thực hiện 03 lần
- Thời gian: 2-3 phút

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: Chạy đà ném biên nữ 15 m, nam 24 m (điểm tối đa)
- Hình thức: Thực hành, thực hiện theo cá nhân mỗi SV thực hiện 03 lần, tính thành tích của lần thực hiện cao nhất.
- Thời gian: 2-3 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Chuẩn bị (40 %)	Tiến hành (30 %)	Thực hiện kết quả (30 %)
Từ 8 đến 10	Chuẩn bị (dụng cụ, trang phục, ...) đầy đủ, đúng quy cách, yêu cầu.	Tiến hành chính xác, nhuần nhuyễn, an toàn, đúng quy trình thí nghiệm, thực hành	Thực hiện rõ ràng, đầy đủ, chính xác.
Từ 6 đến cận 8	Chuẩn bị được những yêu cầu chính để thực hiện thí nghiệm.	Tiến hành đúng, chưa nhuần nhuyễn, đúng quy trình.	Thực hiện được những nội dung chính.
Từ 4 đến cận 6	Chuẩn bị cơ bản dụng cụ thí nghiệm, tuy nhiên chất lượng còn chưa đạt yêu cầu	Tiến hành được bài thực hành, thí nghiệm. Còn có bước chưa đúng quy trình, yêu cầu.	Thực hiện thiếu, nội dung còn chỗ chưa đúng.
Từ 2 đến cận 4	Chuẩn bị thiếu dụng cụ thí nghiệm, không	Không tiến hành được đầy đủ bài thực hành	Thực hiện không thể hiện nội dung chính, kết

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Chuẩn bị (40 %)	Tiến hành (30 %)	Thực hiện kết quả (30 %)
	đạt yêu cầu	theo yêu cầu, cần trợ giúp.	quả thu được từ thực hành, thí nghiệm
Từ 0 đến cận 2	Không chuẩn bị theo yêu cầu	Không tiến hành được bài thực hành, thí nghiệm	Thực hiện sai nội dung chính.

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Dẫn bóng luân cộc sút cầu môn
- Hình thức: Thực hành, thực hiện theo cá nhân, mỗi SV thực hiện 03 lần
- Thời gian: 3 - 5 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Dẫn bóng luân cộc sút cầu môn.	- Thành tích: số lần sút bóng vào khung thành đạt tối đa	8
		- Kỹ thuật động tác: + Tư thế động tác đúng, di chuyển linh hoạt,dẫn bóng không chạm cộc. + Sút bóng vào gôn, đường bóng đi có lực, không chạm mặt sân.	2
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung

Phùng Đức Nhật

Phạm Huy Công

6.2.13.4. Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học - CDSP

Ngành: Các ngành hệ ĐH và CDSP

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601023
1.2. Tên học phần:	Giáo dục thể chất 2 (Bóng rổ)
1.3. Tên tiếng Anh:	Physical Education 2 (Basketball)
1.4. Số tín chỉ:	2 (2TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	4 tiết
- Thực hành:	56 tiết
- Tự học:	30 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học Cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Phùng Đức Nhật (0393.303.803)
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Phạm Văn Hoàng (0965.112.658) ThS. Nguyễn Thế Anh (0335.669.666) ThS. Vũ Thị Hồng Định (0344.396.495) ThS. Hoàng Thị Thanh Hà (0977.653.919) ThS. Nguyễn Văn Anh (0986.674.158) Phạm Huy Công (0934.345.559)
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Giáo dục thể chất 1
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Trình bày được nội dung cơ bản: lịch sử phát triển, tác dụng của việc luyện tập môn Bóng rổ, nắm được những kỹ thuật cơ bản và luật Bóng rổ.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có những kiến thức về lý thuyết Bóng rổ và nắm được Luật Bóng rổ cơ bản; nắm được kỹ thuật cơ bản của môn Bóng rổ, biết vận dụng các

kiến thức môn Bóng rổ để rèn luyện bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPDG
CLO 1	Hiểu được khái niệm, lịch sử phát triển, tác dụng của việc luyện tập Bóng rổ; một số điều luật, cách thức tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài Bóng rổ	CO 1, CO 2
CLO 2	Vận dụng được một số kỹ thuật cơ bản môn Bóng rổ	CO 2, CO 3, CO 4
CLO 3	Vận dụng các kiến thức môn Bóng rổ vào rèn luyện thân thể, có ý thức tự học, tự rèn luyện thể chất	CO 2, CO 3, CO 4

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I					M			R	R
CLO 2	R					M			R	R
CLO 3	R					M			R	R
CLO 4	R					M			R	R
Tổng hợp học phần	R					M			R	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng, (2004), *Giáo trình bóng rổ*, NXB Đại học Sư phạm

[2]. Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thể dục thể thao, (2016), *Luật thi đấu bóng rổ*, NXB Thể dục thể thao

6.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Kiến Vân, Huyền Trang, (2010), *Những điều cần biết về bóng rổ*, NXB Thể dục thể thao.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4 tiết/buổi x 1 buổi/ tuần x 15 buổi = 60 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 2 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(3)	(4)	(7)	(6)
1	Giới thiệu học phần Chương 1. Lý thuyết chung (2 tiết) 1.1. Khái niệm môn Bóng rổ. 1.2. Nguồn gốc và quá trình phát triển môn Bóng rổ trên thế giới và Việt Nam 1.3. Đặc điểm, tác dụng của bóng rổ với sức khỏe người tập. 1.4. Kỹ thuật bóng rổ - Khái niệm - Phân loại kỹ thuật - Kỹ thuật tấn công và phòng thủ 1.5. Chiến thuật bóng rổ: - Khái niệm - Phân loại chiến thuật - Những chức năng của cầu thủ - Kỹ thuật tấn công - Kỹ thuật phòng thủ Chương 2. Kỹ thuật bóng rổ (50 tiết) 2.1. Giới thiệu, hướng dẫn tư thế chuẩn bị và kỹ thuật di chuyển (2 tiết)	2 lý thuyết	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu [1], nghe giảng, chi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện.	CLO 1

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	- Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật di chuyển. - Bài tập cảm giác bóng: các bài tập cá nhân tại chỗ nhồi bóng xuống đất	2 thực hành	SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 2
2	2.2. Ôn tập tư thế chuẩn bị và kỹ thuật di chuyển - Thực hiện các kỹ thuật di chuyển - Tập luyện các bài tập bổ trợ	4 thực hành	GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 2 CLO 3
3	2.3. Kỹ thuật chuyền bắt bóng - Giới thiệu kỹ thuật chuyền bắt bóng bằng 1 và 2 tay - Các bài tập bổ trợ	4 thực hành	GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 2 CLO 3
4	2.4. Kỹ thuật dẫn bóng - Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật dẫn bóng - Các bài tập bổ trợ	4 thực hành	GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 2 CLO 3
5	2.5. Kỹ thuật ném rổ - Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật ném rổ	4 thực hành	GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan	CLO 2 CLO 3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	- Các bài tập bổ trợ		sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập	
6	2.6. Ôn tập kỹ thuật ném rổ - Thực hiện kỹ thuật ném rổ - Tập luyện các bài tập bổ trợ - Thẻ lực chuyên môn	4 thực hành	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 2 CLO 3
7	2.7. Kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ - Giới thiệu và hướng dẫn tập luyện kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném - Các bài tập bổ trợ	4 thực hành	GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 2 CLO 3
8	2.8. Ôn tập kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ - Thực hiện kỹ thuật dẫn bóng 2 bước ném rổ - Tập luyện các bài tập bổ trợ - Thẻ lực chuyên môn	4 thực hành	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 2 CLO 3
9	2.9. Kỹ thuật dẫn bóng luân cộc - Hướng dẫn và giới thiệu kỹ thuật dẫn bóng luân cộc - Hướng dẫn và giới thiệu kỹ thuật dẫn bóng luân cộc kết hợp 2 bước ném rổ - Các bài tập bổ trợ	4 thực hành	GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 2 CLO 3
10	2.10. Ôn tập kỹ thuật dẫn bóng	4 thực		CLO 2

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	luồn cọc kết hợp 2 bước ném rổ - Thực hiện kỹ thuật dẫn bóng luồn cọc kết hợp 2 bước ném rổ - Tập luyện các bài tập bổ trợ - Thẻ lực chuyên môn	hành	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 3
11	2.11. Ôn tập kỹ thuật dẫn bóng luồn cọc kết hợp 2 bước ném rổ. Kiểm tra - Thực hiện kỹ thuật dẫn bóng luồn cọc kết hợp 2 bước ném rổ - Tập luyện các bài tập bổ trợ - Thẻ lực chuyên môn - Kiểm tra kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên cao	4 thực hành	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập và kiểm tra	CLO 2 CLO 3
12	2.12. Chiến thuật bóng rổ - Phân loại chiến thuật - Chức năng của các cầu thủ	4 thực hành	GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập	CLO 2 CLO 3
13	2.13. Ôn tập kỹ thuật tại chỗ ném phạt 2 điểm và kỹ thuật dẫn bóng luồn cọc kết hợp 2 bước ném rổ - Thực hiện kỹ thuật tại chỗ ném phạt 2 điểm - Thực hiện kỹ thuật dẫn bóng luồn cọc kết hợp 2 bước ném rổ - Tập luyện các bài tập bổ trợ - Thẻ lực chuyên môn	4 thực hành	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập và kiểm tra	CLO 2 CLO 3
14	Chương 3. Phương pháp thi đấu, trọng tài; ôn tập - kiểm tra (8 tiết) 3.1 Phương pháp thi đấu, trọng tài (2 tiết)	2 lý thuyết	GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện SV: quan sát GV giảng	CLO 1 CLO 3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	- Nhiệm vụ và các hình thức thi đấu - Các bước tiến hành tổ chức một giải bóng rổ - Các hình thức tiến hành thi đấu bóng rổ - Những điều luật cơ bản - Phương pháp trọng tài bóng rổ - Tổ chức thi đấu	2 thực hành	giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập	
15	3.2. Ôn Tập kiểm tra - Ôn tập kỹ thuật tại chỗ ném phạt 2 điểm và kỹ thuật dẫn bóng luôn cộc kết hợp 2 bước ném rổ - Kiểm tra kỹ thuật dẫn bóng luôn cộc kết hợp 2 bước ném rổ	4 thực hành	GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; SV: thực hiện theo yêu cầu bài tập và kiểm tra	CLO 2 CLO 3

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kỳ				30%
A2.1	Kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên cao	Bài tập	Vận dụng và thực hiện tốt một số kỹ thuật cơ bản môn Bóng rổ	15%
A2.2	Kỹ thuật dẫn bóng luôn cộc kết hợp 2 bước ném rổ	Bài tập	Vận dụng và thực hiện tốt một số kỹ thuật cơ bản môn Bóng rổ	15%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1(Thực hành)	Kỹ thuật dẫn bóng luôn cộc kết hợp 2 bước ném rổ	Bài tập	Vận dụng các kiến thức môn Bóng rổ vào rèn luyện thân thể, có ý thức tự học, tự rèn luyện thể chất	60%
Công thức tính điểm tổng kết:				

(*) Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng

đánh giá phù hợp.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học tập trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao; Chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Tham gia dự học đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Nghiêm túc học tập (không nói chuyện, làm việc riêng); tích cực thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao
2	Tham gia dự học, đúng giờ từ 90% số tiết trên lớp	Có ý thức thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập GV giao
1	Tham gia dự học, đúng giờ từ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập GV giao
0	Tham gia dự học, đúng giờ ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi học phần	Làm việc, nói chuyện riêng trong lớp, không có ý thức thực hiện các nhiệm vụ trên lớp	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: thực hiện kỹ thuật tại chỗ ném rổ 1 tay trên cao
- Hình thức: thực hành, mỗi SV thực hiện 1 lần 10 quả
- Thời gian: 2 - 3 phút

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: thực hiện kỹ thuật dẫn bóng kết hợp 2 bước ném rổ
- Hình thức: thực hành, mỗi SV thực hiện 5 lần
- Thời gian: 2 - 3 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thực hiện kỹ thuật dẫn bóng kết hợp 2 bước ném rổ	- Thành tích: số lần thực hiện kỹ thuật đạt yêu cầu	8
		- Kỹ thuật động tác: thực hiện kỹ thuật ném rổ và dẫn bóng tốt	2
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung:
- Hình thức: thực hành, mỗi SV thực hiện 5 lần
- Thời gian: 3 – 5 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thực hiện kỹ thuật dẫn bóng luân cộc kết hợp 2 bước ném rổ	- Thành tích: số lần thực hiện kỹ thuật đạt yêu cầu	8
		- Kỹ thuật động tác: thực hiện kỹ thuật ném rổ và dẫn bóng tốt	2
		- Bóng vào rổ	
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày....tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung

Phùng Đức Nhật

Phùng Đức Nhật

6.2.13.5. Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**Trình độ đào tạo: Đại học - CĐSP****Ngành: Các ngành hệ ĐH và CĐSP****1. Thông tin chung về học phần**

1.1. Mã học phần:	CB601023
1.2. Tên học phần:	Giáo dục thể chất 2 (Cầu lông)
1.3. Tên tiếng Anh:	Physical Education 2 (badminton)
1.4. Số tín chỉ:	2 (2TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	4 tiết
- Thực hành:	56 Tiết
- Tự học:	30 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học Cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Văn Anh (0986.674.158)
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Phạm Văn Hoàng (0965.112.658) ThS. Nguyễn Thế Anh (0335.669.666) ThS. Phùng Đức Nhật (0393.303.803) ThS. Vũ Thị Hồng Định (0344.396.495) ThS. Hoàng Thị Thanh Hà (0977.653.919) Phạm Huy Công (0934.345.559)
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Giáo dục thể chất 1
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Trình bày được nội dung cơ bản: lịch sử phát triển, tác dụng của việc luyện tập môn Cầu lông, nắm được những kỹ thuật cơ bản và luật Cầu lông.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có những kiến thức về lý thuyết Cầu lông và nắm được Luật Cầu lông cơ bản; nắm được kỹ thuật cơ bản của môn Cầu lông, biết vận dụng các kiến

thức môn cầu lông để rèn luyện bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO 1	Trình bày được khái niệm, lịch sử phát triển, tác dụng của việc luyện tập Cầu lông; nắm được một số điều luật, cách thức tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài Cầu lông	CO 1, CO 3
CLO 2	Vận dụng và thực hiện tốt một số kỹ thuật cơ bản môn Cầu lông	CO 2, CO 3,
CLO 3	Vận dụng các kiến thức môn Cầu lông vào rèn luyện thân thể, có ý thức tự học, tự rèn luyện thể chất	CO 3, CO 4

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I					M			R	R
CLO 2	R					M			R	R
CLO 3	R					M			R	R
CLO 4	R					M			R	R
Tổng hợp học phần	R					M			R	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Trần Văn Vinh (2003), Giáo trình Cầu lông, Nxb Thể dục thể thao.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Trần Văn Vinh – Đào Chí Thành (1998), Giáo trình Cầu lông, Nxb Thể dục thể thao. (Bỏ chữ giáo trình)

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần x 15 buổi = 60 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 2 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chương 1. Lý thuyết (2 tiết) 1.1. Khái niệm môn Cầu lông 1.2. Đặc điểm, tác dụng của Cầu lông với sức khỏe người tập. 1.3. Nguồn gốc và quá trình phát triển môn Cầu lông trên thế giới và Việt Nam. 1.4. Nguyên lý kỹ thuật môn cầu lông. 1.5. Kỹ thuật cơ bản.	2 lý thuyết	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu [1], nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 1 CLO 2
	Chương 2. Thực hành kỹ thuật Cầu lông: (52 tiết) 2.1 Cách cầm vợt, cầm cầu và tư thế chuẩn bị cơ bản. (2 tiết). - Cách cầm vợt - Cách cầm cầu - Các tư thế chuẩn bị cơ bản	2 thực hành	GV: phân tích, thị phạm các kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện. SV: quan sát GV giảng giải, làm mẫu; thực hiện theo yêu cầu bài tập	
2	2.2. Kỹ thuật di chuyển - Kỹ thuật di chuyển bước	2 thực hành	GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập	CLO 2 CLO 3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	đơn - Kỹ thuật di chuyển đa bước - Kỹ thuật di chuyển nhảy bước - Các bài tập kỹ thuật di chuyển		luyện, gv quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	
3	2.3. Kỹ thuật phát cầu - Phát cầu thuận tay - Phát cầu trái tay - Bài tập thể lực phát triển khéo léo.	2 thực hành	GV phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
4	2.4. Ôn tập kỹ thuật phát cầu. - Ôn kỹ thuật phát cầu thuận tay - Ôn kỹ thuật phát cầu trái tay - Bài tập Thể lực phát triển khéo léo	2 thực hành	GV phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
5	2.5.Kỹ thuật đánh cầu thấp tay - Kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải + Tại chỗ đánh cầu thấp tay bên phải + Di chuyển đơn bước đánh cầu thấp tay bên phải + Di chuyển đa bước đánh cầu bên phải - Kỹ thuật đánh cầu thấp	2 thực hành	GV phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	tay bên trái + Tại chỗ đánh cầu thấp tay bên phải + Di chuyển đơn bước đánh cầu thấp tay bên phải + Di chuyển đa bước đánh cầu bên phải - Thẻ lực: Đánh cầu thấp tay bên phải, bên trái liên tục 1 phút			
6	2.6. Ôn kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải , bên trái Thẻ lực: Bài tập thẻ lực chuyên môn.	2 thực hành	GV phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập lại kỹ thuật vụt bóng trái tay. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
7	2.7. Kỹ thuật đánh cầu cao tay - Kỹ thuật đánh cầu trên đầu (cao xa) - Kỹ thuật đánh cầu cao phải tay - Kỹ thuật đánh cầu cao trái tay - Bài tập thẻ lực phát triển sức mạnh tốc độ.	2 thực hành	GV phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
8	2.8. Ôn tập kỹ thuật đánh cầu cao tay - Ôn kỹ thuật đánh cầu trên đầu (cao xa) - Ôn kỹ thuật đánh cầu cao phải tay	2 thực hành	GV phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập	

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	- Ôn kỹ thuật đánh cầu cao trái tay		luyện	
9	2.9. Kỹ thuật đập cầu. Kỹ thuật đập cầu thuận tay - Một số bài tập phát triển kỹ năng đập cầu thuận tay. - Tập mô phỏng động tác không cầu nhiều lần thuần thực -Tập động tác đập cầu có người phục vụ	2 thực hành	GV phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
10	2.10 Kỹ thuật đập cầu (tiếp) - Kỹ thuật đập cầu trái tay + Một số bài tập phát triển kỹ năng đập cầu trái tay. + Tập mô phỏng động tác không cầu nhiều lần thuần thực + Tập động tác đập cầu có người phục vụ	2 thực hành	GV phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 3
11	2.11. Ôn tập kỹ thuật đập cầu (2 tiết) - Ôn kỹ thuật đập cầu thuận tay - Ôn kỹ thuật đập cầu trái tay - Kiểm tra (2 tiết) + Kiểm tra nội dung đánh phát cầu vào ô.	2 thực hành	GV Chia nhóm để sinh viên luyện tập SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện và kiểm tra	CLO 2 CLO 3
12	2.12. Kỹ thuật đánh cầu gần lưới	2 thực hành	- GV phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập	CLO 2 CLO 3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	- Móc cầu - Bạt cầu - Đánh cầu trên lưới		luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	
13	Chương 3. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài (2 tiết); Ôn tập, kiểm tra(10 tiết) 3.1. Một số điều luật cầu lông. Tổ chức thi đấu và phương pháp trọng tài cầu lông 3.2. Ôn tập (2 tiết) - Ôn kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay - Ôn kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay - Ôn kỹ thuật đánh cầu trên đầu	2 lý thuyết 2 thực hành	- GV chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập; Hướng dẫn nghiên cứu tìm hiểu về nội dung bài học. - GV tổ chức thi đấu để áp dụng các kỹ thuật và tìm hiểu các phương pháp trọng tài. - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện.	CLO 2 CLO 3
14	3.3. Ôn tập - Ôn kỹ thuật đập cầu thuận tay - Ôn kỹ thuật đập cầu trái tay	2 thực hành	GV chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập; Hướng dẫn nghiên cứu tìm hiểu về nội dung bài học. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 1 CLO 2 CLO 3
15	3.4. Ôn tập, kiểm tra (2 tiết) - Ôn tập(2 tiết) - Kiểm tra (2 tiết) + Kiểm tra nội dung đánh cầu qua lại	2 thực hành	GV Chia nhóm để sinh viên luyện tập; Kiểm tra theo nhóm SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện và kiểm tra	CLO 1 CLO2 CLO 3

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kỳ				30%
A2.1	- Phát cầu vào ô 5 quả/1 SV (điểm tối đa)	Bài tập	Vận dụng và thực hiện tốt một số kỹ thuật cơ bản môn Cầu lông	15%
A2.2	- Đánh cầu qua lại 20 lần/1Sv (điểm tối đa)	Bài tập	Vận dụng và thực hiện tốt một số kỹ thuật cơ bản môn Cầu lông	15%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1(Thực hành)	- Phát cầu vào ô 5 quả/1 SV (điểm tối đa) - Đánh cầu qua lại 20 lần/1Sv (điểm tối đa)	Bài tập	Vận dụng các kiến thức môn Cầu lông vào rèn luyện thân thể, có ý thức tự học, tự rèn luyện thể chất	60%
Công thức tính điểm tổng kết:				

(*) Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học tập trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao; Chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Tham gia dự học đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Nghiêm túc học tập (không nói chuyện, làm việc riêng); tích cực thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao
2	Tham gia dự học, đúng	Có ý thức thực hiện các hoạt	Thực hiện từ 75% các

	giờ từ 90% số tiết trên lớp	động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	nhiệm vụ học tập GV giao
1	Tham gia dự học, đúng giờ từ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập GV giao
0	Tham gia dự học, đúng giờ ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi học phần	Làm việc, nói chuyện riêng trong lớp, không có ý thức thực hiện các nhiệm vụ trên lớp	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: Phát cầu 05 quả/1 SV (điểm tối đa)
- Hình thức: thực hành, thực hiện theo nhóm (2 SV/1 nhóm) hoặc theo cá nhân (có người hỗ trợ)
- Thời gian: 3 – 5 phút

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: Đánh cầu qua lại 20 lần chạm/1 SV (điểm tối đa)
- Hình thức: thực hành, theo nhóm (2 SV/1 nhóm) hoặc theo cá nhân (có người hỗ trợ), mỗi SV thực hiện 2 lần, tính thành tích của lần cao nhất
- Thời gian: 3 – 5 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thành tích	- Số lần đánh qua lại đa tối đa	8
2	Kỹ thuật động tác	- Tư thế động tác đúng, di chuyển linh hoạt - Đường cầu ổn định, chính xác và có lực	2
Tổng điểm			10

7.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung:
 - + Phát cầu 05 quả/1 SV (điểm tối đa)
 - + Đánh cầu qua lại 20 lần/1 SV (điểm tối đa)
- Hình thức: thực hành, theo nhóm (2 SV/1 nhóm) hoặc theo cá nhân (có người hỗ trợ), đối với nội dung đánh cầu qua lại, mỗi SV thực hiện 2 lần, tính thành tích của lần cao nhất
- Thời gian: 3 - 5 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	+ Phát cầu 05 quả/1	-Thành tích:	8

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	SV (điểm tối đa) + Đánh cầu qua lại 20	+ Phát cầu đạt số lần tối đa + Đánh cầu qua lại đạt số lần tối đa	
2	lần/1 SV (điểm tối đa)	- Kỹ thuật động tác: + Tư thế động tác đúng, di chuyển linh hoạt + Đường cầu ổn định, chính xác và có lực + Phát cầu không cao quá 20cm so với lưới	2
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày....tháng....năm.....

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Văn Anh

6.2.13.6. Giáo dục thể chất 2 (Đá cầu, nhảy dây)

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học - Cao đẳng sư phạm

Ngành: Tất cả các ngành

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601023
1.2. Tên học phần:	Giáo dục thể chất 2 (Đá cầu, nhảy dây)
1.3. Tên tiếng Anh:	Physical Education 2 (Shuttlecock, Jump rope)
1.4. Số tín chỉ:	2 (2TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	4
- Thực hành:	56
- Tự học:	60
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Khoa học Cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Hoàng Thị Thanh Hà (0977.653.919)
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Phạm Văn Hoàng (0965.112.658) ThS. Nguyễn Thế Anh (0335.669.666) ThS. Phùng Đức Nhật (0393.303.803) ThS. Vũ Thị Hồng Định (0344.396.495) ThS. Nguyễn Văn Anh (0986.674.158) Phạm Huy Công (0934.345.559)
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Giáo dục thể chất 1
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Trình bày được nội dung cơ bản: lịch sử phát triển, tác dụng của việc luyện tập môn Đá cầu và nhảy dây, nắm được những kỹ thuật cơ bản và luật Đá cầu và nhảy dây.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có những kiến thức cơ bản về lý thuyết Đá cầu, nhảy dây; nắm được các kỹ thuật cơ bản của môn Đá cầu, nhảy dây. Biết vận dụng các kiến thức môn Đá cầu, nhảy dây để rèn luyện bản thân.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO 1: Có kiến thức về lịch sử ra đời, xu hướng phát triển, ý nghĩa tác dụng của môn Đá cầu; Nắm được luật đá cầu, biết cách tổ chức và trọng tài giải phong trào Đá cầu.
- CO 2: Có kiến thức về một số kỹ thuật, chiến thuật môn Đá cầu.
- CO 3: Có kiến thức về kỹ thuật nhảy dây ngắn, dây dài

2.2.2. Về kỹ năng

- CO 4: Có kỹ năng thực hiện đúng một số kỹ thuật cơ bản môn Đá cầu, thực hiện đúng các kỹ thuật nhảy dây ngắn, dây dài. Biết vận dụng các kiến thức môn Đá cầu, nhảy dây vào rèn luyện thân thể.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO 5: Nghiêm túc, tự giác, tích cực trong luyện tập; xây dựng ý thức tự học, tự rèn luyện thể chất.

. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPDG
CLO 1	Nắm được lịch sử ra đời, xu hướng phát triển, ý nghĩa tác dụng của môn Đá cầu; Nắm được luật đá cầu, biết cách tổ chức và trọng tài giải phong trào Đá cầu	CO 1, CO 2, CO 4
CLO 2	Nắm được một số kỹ thuật cơ bản môn Đá cầu	CO 2, CO 4,
CLO 3	Nắm được một số kỹ thuật nhảy dây ngắn, dây dài	CO 3, CO 4
CLO 4	Vận dụng các kiến thức môn Đá cầu, nhảy dây vào rèn luyện thân thể, có ý thức tự học, tự rèn luyện thể chất	CO2, CO 3, CO 4, CO 5

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I					M			R	R
CLO 2	R					M			R	R

CLO 3	R					M			R	R
CLO 4	R					M			R	R
Tổng hợp học phần	R					M			R	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

- [1]. Đặng Ngọc Quang (2004), *Giáo trình Đá cầu*, Nxb. Giáo dục, Nxb Đại học sư phạm.
[2]. Lê Quang Sơn, Nguyễn Đình Thành (2007), *Thế dục*, Nxb. Giáo dục, Nxb. Đại học sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần x15 buổi = 60 tiết
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần:1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 2. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(3)	(4)		(6)
1	Giới thiệu học phần Chương 1: Lý thuyết chung Đá cầu (4 tiết) 1.1. Sơ lược lịch sử đá cầu ở Việt Nam 1.2. Thực trạng và xu hướng phát triển môn Đá cầu ở Việt Nam 1.3. Ý nghĩa và tác dụng của đá cầu đối với người tập 1.4. Nguyên lý cơ bản của kỹ thuật đá cầu 1.5. Phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài	4 lý thuyết	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 1 CLO 2

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
2	Chương 2. Kỹ thuật đá cầu (36 tiết) 2.1. Kỹ thuật di chuyển trong đá cầu; Kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện	4 thực hành	GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện, gv quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 4
3	2.2. Ôn tập Kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện	4 thực hành	- GV: tổ chức ôn tập kỹ thuật di chuyển, phát cầu, chia nhóm để sinh viên tập luyện, gv quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập lại kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật phát cầu - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 4
4	2.3. Kỹ thuật đá cầu bằng đùi - Tung cầu bằng đùi (không có cầu). - Tung cầu bằng đùi khi có cầu. - Chuyển và đỡ cầu	4 thực hành	GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện, gv quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 4
5	2.4. Kỹ thuật đá cầu bằng má trong bàn chân - Tung cầu, đỡ cầu bằng má trong - Chuyển cầu bằng má trong	4 thực hành	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện, gv quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
6	2.5. Ôn tập kỹ thuật đá cầu bằng đùi, kỹ thuật đá cầu bằng má trong bàn chân	4 thực hành	- GV: tổ chức ôn tập kỹ thuật đá cầu bằng đùi, đá cầu bằng má trong bàn chân, chia nhóm để sinh viên tập luyện, gv quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập lại - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 4
7	2.6. Kỹ thuật đá cầu bằng má ngoài bàn chân - Tang cầu, đỡ cầu bằng má ngoài. - Chuyển cầu bằng má ngoài.	4 thực hành	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện, gv quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 4
8	2.7. Kỹ thuật đá cầu bằng mu bàn chân - Búng cầu và giạt cầu - Chuyển và đỡ cầu	4 thực hành	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện, gv quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 2 CLO 4
9	2.8. Ôn tập kỹ thuật đá cầu bằng má ngoài bàn chân, kỹ thuật đá cầu bằng mu bàn chân	4 thực hành	- GV: tổ chức ôn tập kỹ thuật đá cầu bằng má ngoài bàn chân, đá cầu bằng mu bàn chân, chia nhóm để sinh viên tập luyện, gv quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập lại	CLO 2 CLO 4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
			- SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	
10	2.9. Ôn tập các nội dung kiểm tra (2 tiết) - Kiểm tra (2 tiết): tăng cầu	4 thực hành	- GV: Chia nhóm để sinh viên tập luyện; Kiểm tra theo nhóm . - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện và kiểm tra	CLO 2 CLO 4
11	Chương 3: Nhảy dây (20 tiết) 3.1. Nhảy dây ngắn - Cách so dây, trao dây - Động tác nhảy chụm chân có bước đệm. - Động tác nhảy chụm chân không có bước đệm.	4 thực hành	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện, gv quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 3 CLO 4
12	3.2. Nhảy dây ngắn (tiếp) - Động tác nhảy qua dây từng chân một - Động tác nhảy dây bắt chéo	4 thực hành	- GV: phân tích, thị phạm kỹ thuật, chia nhóm để sinh viên tập luyện, gv quan sát, sửa sai kịp thời những lỗi xảy ra trong quá trình tập luyện - SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 3 CLO 4
13	3.3. Nhảy dây ngắn (tiếp) - Ôn tập các động tác: so dây, trao dây, nhảy chụm chân có bước đệm, nhảy chụm chân không có bước đệm, nhảy qua dây từng chân một, nhảy dây bắt chéo - Thực hiện bài nhảy dây ngắn liên kết	4 thực hành	- GV: chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập. SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	CLO 3 CLO 4
14	3.4. Nhảy dây dài - Chạy qua dây khi dây đang quay, vào dây thuận chiều.	4 thực hành	GV chia nhóm để sinh viên tập luyện; giao bài tập về nhà để sv ôn tập.	CLO 3 CLO 4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	- Vào thuận chiều, nhảy chụm chân không bước đệm rồi ra thuận chiều. - Vào dây thuận chiều, nhảy chụm chân có bước đệm. - Vào dây thuận chiều, nhảy qua dây từng chân một, đổi chân và ra dây thuận chiều.		SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện	
15	3.5. Ôn tập nhảy dây dài (2 tiết) - Ôn tập bài liên kết nhảy dây dài - Kiểm tra (2 tiết): thực hiện bài liên kết nhảy dây ngắn	4 thực hành	GV Chia nhóm để sinh viên ôn tập luyện; Kiểm tra theo nhóm . SV: thực hiện theo yêu cầu tập luyện và kiểm tra	CLO 3 CLO 4

7. Đánh giá học phần

7.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	- Ý thức tổ chức kỷ luật trong quá trình học - Số lượng giờ lên lớp			CLO 4	- Theo dõi ý thức học tập của SV. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ GV giao. - Thống kê ngày nghỉ của SV.
A2 Đánh giá định kỳ	30%	- Thực hiện tăng cầu: nam 30 lần chạm (điểm tối đa); nữ 20 lần chạm (điểm tối đa)	50%		CLO 2, CLO 3	Đánh giá trực tiếp SV thực hiện theo hình thức thực hành

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
		- Thực hiện bài nhảy dây ngắn liên kết	50%			
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	- Thực hiện kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện 5 quả vào khu vực quy định - Thực hiện bài nhảy dây ngắn liên kết			CLO 2, CLO 3	Đánh giá trực tiếp SV thực hiện theo hình thức thực hành

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kỳ				30%
A2.1	Kỹ thuật tăng cầu	Bài tập	Vận dụng và thực hiện tốt một số kỹ thuật cơ bản môn Đá cầu	15%
A2.2	Bài nhảy dây thể lực	Bài tập	Vận dụng và thực hiện tốt một số kỹ thuật cơ bản môn Nhảy dây	15%
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1(Thực hành)	Thực hiện bài nhảy dây ngắn liên kết	Bài tập	Vận dụng các kiến thức môn Đá cầu và nhảy dây vào rèn luyện thân thể, có ý thức tự học, tự rèn luyện thể chất	60%
Công thức tính điểm tổng kết:				

(*) Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học tập trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao; Chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Tham gia dự học đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Nghiêm túc học tập (không nói chuyện, làm việc riêng); tích cực thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao
2	Tham gia dự học, đúng giờ từ 90% số tiết trên lớp	Có ý thức thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập GV giao
1	Tham gia dự học, đúng giờ từ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập GV giao
0	Tham gia dự học, đúng giờ ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi học phần	Làm việc, nói chuyện riêng trong lớp, không có ý thức thực hiện các nhiệm vụ trên lớp	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung:

+ Thực hiện kỹ thuật tăng cầu: nam 30 lần (điểm tối đa); nữ 20 lần (điểm tối đa)

- Hình thức: thực hành, thực hiện theo cá nhân, mỗi sinh viên thực hiện 02 lần, lấy thành tích lần cao nhất.

- Thời gian: 3-5 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Kỹ thuật tăng cầu	- Thành tích: Số lần thực hiện kỹ thuật đạt yêu cầu	8
		- Kỹ thuật động tác: Tư thế động tác đúng, di chuyển linh hoạt	2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: Thực hiện bài nhảy dây ngắn liên kết
- Hình thức: Thực hành, thực hiện theo cá nhân
- Thời gian: 2 - 3 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Bài nhảy dây ngắn liên kết	-Thành tích: Số lần thực hiện kỹ thuật đạt yêu cầu	8
		- Kỹ thuật động tác: + Thực hiện động tác đúng kỹ thuật + Khả năng kết hợp tay chân tốt, tính nhịp điệu cao	2
		Tổng điểm	10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung:
 - + Thực hiện kỹ thuật phát cầu thấp chân chính diện 05 quả vào khu vực quy định (từ đường giới hạn tấn công đến cuối biên ngang)
 - + Thực hiện bài nhảy dây ngắn liên kết
- Hình thức: thực hành, thực hiện theo cá nhân
- Thời gian: 3 - 5 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Thực hiện bài nhảy dây ngắn liên kết	- Kỹ thuật động tác : + Thực hiện động tác đúng kỹ thuật. + Khả năng kết hợp tay chân tốt, tính nhịp điệu cao	8
		- Thành tích : Số lần thực hiện kỹ thuật đạt yêu cầu	2
		Tổng điểm	10

Quảng Ninh, ngày....tháng....năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Hoàng Thị Thanh Hà

6.2.14. Cơ sở văn hoá Việt Nam

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ
LONG
KHOA VĂN HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**Trình độ đào tạo: Đại học****Ngành: Giáo dục Tiểu học****1. Thông tin chung về HP**

1.1. Mã học phần	VH609005
1.2. Tên học phần	Cơ sở văn hoá Việt Nam
1.3. Tên tiếng Anh	
1.4. Số tín chỉ	02
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết	28 tiết
- Thực hành	02 tiết
- Tự học	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần	Khoa Văn hoá
- Giảng viên phụ trách chính	ThS. Nguyễn Thị Thuỳ Dương
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy	ThS. Hạp Thu Hà, ThS. Lê Thanh Hoa
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết	Không
- Học phần học trước	Không
- Học phần song hành	Không

2. Mô tả học phần

Học phần gồm 4 chương: chương 1 là những kiến thức tổng quan về văn hoá và văn hoá Việt Nam; chương 2,3,4 là các thành tố văn hoá Việt Nam gồm: văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức cộng đồng, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên và văn hoá ứng xử với môi

trường xã hội. Từ những kiến thức được trang bị sinh viên có cách nhìn đánh giá đúng đắn về các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc từ đó hình thành ý thức bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa quê hương.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có những kiến thức cơ bản về văn hoá, văn hóa Việt Nam, định vị văn hóa Việt Nam, các thành tố văn hóa Việt Nam; xác định được bản sắc văn hoá Việt Nam trong sự giao thoa văn hoá với các nước trong khu vực, đặc biệt với văn hoá Trung Hoa, văn hóa phương Tây trong xu thế hội nhập và toàn cầu hoá.

4. Chuẩn đầu ra của HP “Cơ sở văn hóa Việt Nam ” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của HP

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Mô tả CDR HP (CLOs)	PPDG
CLO1	Trình bày được các nội dung lý luận cơ sở văn hoá Việt Nam, đặc biệt là về định vị, chủ thể và không gian văn hoá Việt Nam, các thành tố văn hoá Việt Nam.	Bài tập nhóm, bài tập cá nhân
CLO2	Xác định được các thành tố tạo nên bản sắc văn hoá Việt Nam.	Bài tập nhóm, bài tập cá nhân
CLO3	Xác định được những biến đổi văn hóa, nguyên nhân biến đổi và định hướng công tác bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa dựa trên nền tảng kiến thức văn hoá truyền thống.	Bài tập nhóm, bài tập cá nhân
CLO4	Có tinh thần trách nhiệm, chủ động, linh hoạt, sáng tạo trong việc vận dụng các kiến thức được trang bị.	Bài tập nhóm, bài tập cá nhân

5. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	M	R				I	I		R	R
CLO2	R	R				I	I		R	R
CLO3	R	R				R	I		R	R
CLO 4	R	R				R	I		M	M
Tổng hợp học phần	R	R				R	I		R	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1]. Trần Ngọc Thêm (2000), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Trần Ngọc Thêm (2006), *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, NXB Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh.

[3].Trần Quốc Vượng (2012), *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, NXB Giáo dục.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 02 tiết/ buổi x 15 buổi/ tuần = 30 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 01bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	(*) Giới thiệu học phần			
1	Chương 1. Tổng quan về văn hoá và văn hoá Việt Nam	08	GV: + Đọc tài liệu [1], [2], [3] lên kế hoạch dạy học;	CLO1 CLO2 CLO3

	1.1. Tổng quan về văn hóa 1.1.1 Khái niệm 1.1.2 Đặc trưng của văn hóa 1.1.3 Chức năng của văn hóa 1.1.4 Cấu trúc văn hóa 1.2.1. Loại hình văn hóa 1.2.2 Định vị văn hóa Việt Nam 1.2.3 Tiến trình văn hóa Việt Nam		+ Tổ chức, điều khiển SV thảo luận, báo cáo kết quả; + Nhận xét, rút kinh nghiệm, chốt nội dung kiến thức. - SV : + Đọc tài liệu [1] + Báo cáo các NVHT được giao; + Nhận xét, trao đổi các nội dung học tập; + Rút kinh nghiệm; chỉnh sửa báo cáo. - Chuẩn bị của SV: laptop, sổ tay, vở ghi chép, giấy A0, bút màu... - SV ghi chép.	CLO5
2	Chương 2: Văn hoá nhận thức 2.1 Tư tưởng xuất phát về bản chất của vũ trụ 2.2 Triết lý phương nam về cấu trúc không gian của vũ trụ 2.3. Triết lý phương Bắc về cấu trúc không gian của vũ trụ, mô hình tứ tượng, bát quái 2.4 Triết lý về thời gian của vũ trụ: Lịch âm dương và hệ đếm can chi 2.5. Nhận thức về con người	04	GV: + Đọc tài liệu [1], [2], [3] lên kế hoạch dạy học; + Tổ chức, điều khiển SV thảo luận, báo cáo kết quả; + Nhận xét, rút kinh nghiệm, chốt nội dung kiến thức. - SV : + Đọc tài liệu [1] + Báo cáo các NVHT được giao; + Nhận xét, trao đổi các nội dung học tập; + Rút kinh nghiệm; chỉnh sửa báo cáo. - Chuẩn bị của SV: laptop, sổ tay, vở ghi chép, giấy A0, bút màu... - SV ghi chép.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

3	Chương 3. Văn hoá tổ chức đời sống cộng đồng: đời sống tập thể và cá nhân 3.1. Văn hóa tổ chức đời sống tập thể 3.1.1 Tổ chức nông thôn 3.1.2 Tổ chức quốc gia 3.1.3 Tổ chức đô thị 3.2. Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân 3.2.1 Tín ngưỡng 3.2.2 Phong tục *Bài kiểm tra thường xuyên số 1	08	GV: + Đọc tài liệu [1], [2], [3] lên kế hoạch dạy học; + Tổ chức, điều khiển SV thảo luận, báo cáo kết quả; + Nhận xét, rút kinh nghiệm, chốt nội dung kiến thức. - SV : + Đọc tài liệu [1] + Báo cáo các NVHT được giao; + Nhận xét, trao đổi các nội dung học tập; + Rút kinh nghiệm; chỉnh sửa báo cáo. - Chuẩn bị của SV: laptop, sổ tay, vở ghi chép, giấy A0, bút màu... - SV ghi chép.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
4	Chương 4. Văn hoá ứng xử với MTTN và MTXH 4.1. Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên 4.1.1 Tận dụng môi trường tự nhiên: Âm thực 4.1.2 Đối phó với môi trường tự nhiên: Mặc và làm đẹp 4.1.3 Đối phó với môi trường tự nhiên: Ở và đi lại 4.2. Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội	10	GV: + Đọc tài liệu [1], [2], [3] lên kế hoạch dạy học; + Tổ chức, điều khiển SV thảo luận, báo cáo kết quả; + Nhận xét, rút kinh nghiệm, chốt nội dung kiến thức. - SV : + Đọc tài liệu [1] + Báo cáo các NVHT được giao; + Nhận xét, trao đổi các nội dung học tập; + Rút kinh nghiệm; chỉnh sửa báo cáo.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

4.2.1 Văn hóa Chăm 4.2.2 Phật giáo và văn hóa Việt Nam 4.2.3 Nho giáo và văn hóa Việt Nam 4.2.4 Đạo giáo và văn hóa Việt Nam 4.2.5 Phương Tây với văn hóa Việt Nam 4.2.6 Giữ gìn bản sắc Việt Nam trong thời kỳ hội nhập *Bài kiểm tra thường xuyên số 2		- Chuẩn bị của SV: laptop, sổ tay, vở ghi chép, giấy A0, bút màu... - SV ghi chép.	

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến			CLO 5	
A2. Đánh giá định kỳ	30%	Đánh giá hiểu biết lý luận về văn hoá. (tuần 6)	50%		CLO 1 CLO 2 CLO 5	SV làm bài kiểm tra viết. GV chấm điểm theo biểu điểm

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
		Đánh giá năng lực nhận diện các đặc trưng văn hoá Việt Nam qua các thành tố văn hoá. (tuần 15)	50%		CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	SV làm bài kiểm tra viết. GV chấm điểm theo biểu điểm
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ: Trắc nghiệm			CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5	SV thi trắc nghiệm GV chấm điểm theo biểu điểm

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Điểm	Điều kiện
10	. Số tiết nghỉ học (không kể có phép, o phép) = 0 . Số lần đi học muộn ≤ 5 phút = 0
9	. Tiêu chí nghỉ học như điểm 10; . Có đi học muộn 1, 2 lần ≤ 5 phút có lý do chính đáng
8	. Số tiết nghỉ học ≤ 1 đối với những học phần (HP) có khối lượng 2 tín . Số lần đi học muộn ≤ 1 lần ≤ 5 phút có lý do chính đáng
7	. Số tiết nghỉ học được tính như trường hợp điểm 8 . Số lần đi học muộn có thể nhiều hơn 1, 2 lần và có lý do chính đáng
6	. Số tiết nghỉ học ≤ 3 đối với HP có khối lượng 3 tín chỉ . Số lần đi học muộn ≤ 2 lần ≤ 5 phút có lý do chính đáng
5	. Số tiết nghỉ học tính như trường hợp điểm 6 . Số lần đi học muộn có thể nhiều hơn nhưng đều có lý do chính đáng
4, 3, 2, 1	. Số tiết nghỉ học ≤ 3 đối với học phần có khối lượng 3 tín chỉ . Mức độ gia giảm điểm phụ thuộc tần số đi học trễ và tinh thần thái độ học tập trong lớp.
0	. Số tiết nghỉ học vượt quá mức liên kê trên.
ĐHP = 0	. Số tiết nghỉ học $> 20\%$ TLHP

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: Những nội dung đã được dạy học
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Những nội dung đã được học	Mức độ hiểu và vận dụng vấn đề chắc chắn	2
2		Kiến thức vững vàng	2
3		Lập luận chặt chẽ	2
4		Trả lời đầy đủ và chính xác	2
5		Vận dụng tốt kiến thức lý luận đã học.	1
6		Bài làm trình bày rõ ràng, mạch lạc, chữ viết cẩn thận.	1
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Những nội dung đã được dạy học
- Hình thức: Trắc nghiệm
- Thời gian: 60 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Những nội dung đã được học	Mức độ hiểu và vận dụng vấn đề chắc chắn	2
2		Kiến thức vững vàng	2
3		Lập luận chặt chẽ	2
4		Trả lời đầy đủ và chính xác	2
5		Vận dụng tốt kiến thức lý luận đã học.	1
6		Trình bày rõ ràng, mạch lạc	1
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Hải Ninh

Nguyễn Thị Thùy Dương

6.2.15. Lịch sử văn minh thế giới

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622001
1.2. Tên học phần:	Lịch sử văn minh thế giới
1.3. Tên tiếng Anh:	The history of World civilization
1.4. Số tín chỉ:	02
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Đinh Thị Tuyết (082.339.1159)
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Trung Dũng (0332.048.396) ThS. Cao Thị Thường (0904.496.656)
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời và phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử loài người. Từ đó làm cơ sở cho người học có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào phục vụ cho công việc trong tương lai.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có kiến thức cơ bản về quá trình ra đời và phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử loài người, có khả năng vận dụng những kiến thức này trong học tập và làm việc trong ngành Giáo dục Tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPĐG
CLO1	Trình bày, lý giải được những kiến thức cơ bản về quá trình ra đời và phát triển của các nền văn minh tiêu biểu trong lịch sử loài người.	Vấn đáp, cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO2	So sánh, đối chiếu để tìm ra điểm giống, khác giữa các nền văn minh ở các khu vực khác nhau và trong cùng khu vực.	Vấn đáp, cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO3	Phân tích, đánh giá được ý nghĩa, tầm quan trọng và tác động của những thành tựu văn minh thế giới đối với lịch sử phát triển của xã hội loài người.	Vấn đáp, cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO4	Yêu thích môn học, tích cực, chủ động tham gia thuyết trình, làm việc nhóm.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức: I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	R					R			R	R
CLO2	R					R			R	R
CLO3	R					R			R	R
CLO4	R					R			R	R
Tổng hợp học phần	R					R			R	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1]. Vũ Dương Ninh (Chủ biên)(2005), *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb Giáo dục.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lương Ninh (Chủ biên)(2009), *Lịch sử văn hóa thế giới cổ trung đại*, Nxb Giáo dục.

[3]. Nguyễn Gia Phú- Nguyễn Huy Quý (2012), *Lịch sử Trung Quốc*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài.

8. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(3)	(4)		(6)
1	* Giới thiệu học phần CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG 1.1. Khái niệm văn minh 1.2. Các nền văn minh lớn trên thế giới	3LT	+ Giảng viên (GV): Giới thiệu chương trình môn học. - GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ.	CLO1
2	CHƯƠNG 2: VĂN MINH PHƯƠNG	6LT		

	ĐÔNG CỔ TRUNG ĐẠI 2.1. Văn minh Ai Cập cổ đại 2.2. Văn minh Lưỡng Hà cổ đại 2.3. Văn minh Ấn Độ cổ trung đại 2.4. Văn minh Trung Quốc cổ trung đại 2.5. Văn minh khu vực Đông Nam Á 2.6. Văn minh Arập 2.7. Văn minh khu vực Trung Nam Mỹ	12TH 1KT	- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng LT + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
	Bài kiểm tra định kì số 1	1KT	+ GV: Yêu cầu các nhóm báo cáo bài thuyết trình. + SV: Thực hiện	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
3	CHƯƠNG 3: VĂN MINH PHƯƠNG TÂY CỔ TRUNG ĐẠI 3.1. Văn minh Hy Lạp và La Mã cổ đại 3.2. Văn minh Tây Âu thời trung đại	2LT 4TH	- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

			+ Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ.	
4	CHƯƠNG 4: VĂN MINH THẾ GIỚI CẬN ĐẠI 4.1. Điều kiện ra đời của nền văn minh công nghiệp 4.2. Cuộc cách mạng công nghiệp 4.3. Thành tựu khoa học – kỹ thuật 4.4. Những trào lưu tư tưởng và học thuyết xã hội 4.5. Thành tựu về văn học, nghệ thuật	2LT 6TH	- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ.	CLO1 CLO3 CLO4
5	CHƯƠNG 5: VĂN MINH THẾ GIỚI HIỆN ĐẠI 5.1. Cách mạng tháng Mười Nga và sự xuất hiện những cơ sở của nền văn minh xã hội chủ nghĩa 5.2. Cuộc cách mạng khoa học – kĩ thuật 5.3. Thành tựu về văn học, nghệ thuật	2LT 6TH 1KT	- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ.	CLO1 CLO3 CLO4
	Bài kiểm tra định kì số 2	1KT	+ GV: phát đề kiểm tra.	CLO1

			+ HS: làm bài kiểm tra dưới sự hướng dẫn của GV.	CLO2 CLO3 CLO4

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	- Bài kiểm tra số 01, hình thức thuyết trình	- Bảng 5a	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
A2.2	- Bài kiểm tra số 02, hình thức tự luận.	- Bảng 5b	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3	- Thi tự luận	- Bảng 6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1 \times 1 + A2 \times 3 + A3 \times 6): 10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần*: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Chương 1, Chương 2.
- Hình thức: Thuyết trình
- Thời gian: Mỗi nhóm tối đa 20 phút.

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung tương đối phù hợp với yêu cầu, nhưng hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung khá phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	Nội dung rất phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (mở bài, thân bài, kết luận).	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu.	25%
	Bố cục 3 phần không rõ ràng,	Bố cục chưa rõ ràng, Bài trình bày	Bố cục 3 phần rõ ràng, Bài trình bày đầy đủ.	Bố cục 3 phần rõ ràng, bài trình bày đầy đủ, thời gian	Bố cục 3 phần rõ ràng, bài trình bày đầy đủ. thời gian	

Thuyết trình	Trình bày không đầy đủ, logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	đầy đủ, logic, vượt quá thời gian quy định. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người trình bày.	thời gian trình bày đúng quy định, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, đã có sự tương tác với người nghe. Người nghe hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	trình bày đúng quy định, giọng nói lưu loát, tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu nội dung trình bày.	trình bày đúng quy định, giọng nói lưu loát, truyền cảm thu hút sự chú ý của người nghe. Người nghe dễ hiểu nội dung trình bày và kịp theo dõi nội dung trình bày.	25%

* Giảng viên sẽ kết hợp kiểm tra thông qua các giờ thực hành trên lớp. Trước khi kiểm tra, GV cần thông báo trước lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.

Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Chương 3, Chương 4, Chương 5
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 3	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5
2	Chương 4, Chương 5	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1, Chương 2, Chương 3, Chương 4, Chương 5.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 60 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1: Những vấn đề chung Chương 2: Văn minh phương Đông cổ trung đại Chương 3: Văn minh phương Tây cổ trung đại	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5
2	Chương 4: Văn minh thế giới cận đại Chương 5: Văn minh thế giới hiện đại	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

Vũ Vương Trường Bùi Thị Lan Hương Đinh Thị Tuyết

6.2.16. Soạn thảo văn bản

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học
Thông tin chung về học phần

Ngành: Tất cả các ngành

1.1. Mã học phần:

SP601033

1.2. Tên học phần:

Soạn thảo văn bản

1.3. Tên tiếng Anh:

Composing administrative documents

1.4. Số tín chỉ:

02 (1LT, 1TH)

1.5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết: 15 tiết.
- Thực hành: 30 tiết
- Tự học: 45 giờ

1.6. Quản lý, phụ trách học phần

- Khoa quản lý học phần: Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính: ThS. Nguyễn Thị Gấm – ĐT: 0912088230
TS. Bùi Thị Lan Hương – ĐT: 0987666218
TS. Bé Thị Thu Huyền – ĐT: 0904976080
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: ThS. Nguyễn Hữu Tới – ĐT: 0984319677
ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lương – ĐT: 0971621623
ThS. Nguyễn Thị Minh Thái – ĐT: 0358900330

1.7. Điều kiện tham gia học phần

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các loại văn bản thường dùng trong công việc và đời sống, đặc biệt là văn bản hành chính thông dụng; giúp người học rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt trong soạn thảo, chỉnh sửa và trình bày văn bản, đáp ứng yêu cầu chuẩn mực về hình thức và nội dung văn bản. Qua đó, người học phát triển năng lực ngôn ngữ và kỹ năng nghề nghiệp, phục vụ hiệu quả cho học tập và công việc sau này.

3. Mục tiêu học phần

Người học có kiến thức về các loại văn bản được sử dụng hàng ngày trong công việc và trong cuộc sống; có kỹ năng sử dụng tiếng Việt và kỹ năng soạn thảo các loại văn bản, đặc biệt là các văn bản hành chính (VBHC) thông dụng; đáp ứng được yêu cầu của các nhà tuyển dụng về người lao động có kỹ năng sử dụng tiếng Việt và kỹ năng soạn thảo văn bản.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

CLOs	Nội dung CDR học phần (CLOs)	PPĐG
CLO1	Sửa được một số lỗi thường gặp khi sử dụng tiếng Việt trong giao tiếp và soạn thảo các loại văn bản.	Bài tập nhóm, bài tập cá nhân
CLO2	Phân biệt được các loại văn bản theo đặc trưng phong cách và phương thức biểu đạt.	Bài tập nhóm, bài tập cá nhân
CLO3	Soạn thảo văn bản hành chính đúng thể thức, đúng yêu cầu, phục vụ hiệu quả công tác được giao.	Bài tập nhóm, bài tập cá nhân
CLO4	Nhận thức được tầm quan trọng của việc soạn thảo văn bản và sử dụng văn bản trong công việc và trong cuộc sống.	Bài tập nhóm, bài tập cá nhân

5. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR các Chương trình đào tạo (PLO)

Stt	Ngành	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
1	Ngôn ngữ (NN) Anh	PLO 1, 2, 3, 6, 9, 11	PLO 1, 2, 3, 6, 9, 10, 11	PLO 1, 2, 6, 9, 10, 11	PLO 1, 2, 3, 6, 9, 10, 11
2	NN Trung Quốc	PLO 1, 2, 3, 5, 6, 7, 9, 10	PLO 1, 2, 3, 5, 6, 7, 9, 10	PLO 1, 2, 3, 5, 6, 7, 9, 10	PLO 1, 2, 3, 5, 6, 7, 9, 10
3	NN Nhật Bản	PLO 1, 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14, 15	PLO 1, 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14, 15	PLO 1, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14, 15	PLO 1, 2, 4, 6, 7, 8, 9, 10, 12, 13, 14, 15
4	NN Hàn Quốc	PLO 1, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 11, 12	PLO 1, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 11, 12	PLO 1, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 11, 12	PLO 1, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 11, 12
5	Quản trị (QT) DVĐL&LH	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 10	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10
6	QT khách sạn	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11
7	QT NH&DVAU	PLO 1, 2, 3, 5, 6, 7, 9, 10	PLO 1, 2, 3, 5, 6, 7, 9, 10	PLO 1, 2, 3, 5, 6, 7, 9, 10,	PLO 1, 2, 3, 5, 6, 7, 9, 10
8	Quản lý văn hóa	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10,	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9,	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9,	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9,

		12, 13	10, 12, 13	10, 12, 13,	10, 12, 13
9	Công nghệ thông tin	PLO 1, 2, 3, 8, 10, 12	PLO 1, 2, 3, 8, 10, 12	PLO 1, 2, 3, 7, 8, 10, 12	PLO 1, 2, 3, 7, 8, 10, 12
10	Thủy sản	PLO 1, 2, 4, 5, 6, 9, 11, 12	PLO 1, 2, 4, 5, 6, 9, 11, 12	PLO 1, 2, 4, 5, 6, 9, 11, 12	PLO 1, 2, 4, 5, 6, 9, 11, 12
11	Quản lý Tài nguyên và Môi trường	PLO 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 11, 12	PLO 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 11, 12	PLO 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 11, 12	PLO 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 9, 11, 12
12	Giáo dục tiểu học	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10
13	Giáo dục mầm non	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 8, 9, 10
14	Văn học	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10	PLO 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 9, 10

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1]. Nguyễn Thị Gấm, Nguyễn Hữu Tới (2023), *Tài liệu Soạn thảo văn bản*, Trường Đại học Hạ Long.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Chính phủ (2020), *Nghị định 30/2020 về Công tác văn thư*.

[3]. Diệp Quang Ban (2006), *Văn bản*, Nxb Đại học Sư phạm.

[4]. Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh (2004), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục.

[5]. Bùi Minh Toán, Lê A, Đỗ Việt Hùng (2014), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: **45** tiết;
- Tổng số tuần học: **15** tuần;
- Phân bố: **3** tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = **15** buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: **02** bài;
 - + Thi kết thúc học phần: **01** bài.

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy-học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy-học	Hướng tới CLOs
1	(*) Giới thiệu học phần PHẦN 1: VĂN BẢN VÀ KỸ NĂNG SOẠN THẢO VĂN BẢN Chương 1. Tổng quan về văn bản 1.1. Khái niệm văn bản 1.2. Phân loại văn bản 1.2.1. Văn bản nói và văn bản viết 1.2.2. Văn bản chia theo phương thức biểu đạt 1.2.3. Văn bản chia theo phong cách chức năng 1.3. Những yêu cầu chung của một văn bản 1.3.1. Văn bản phải có mục đích giao tiếp thống nhất 1.3.2. Văn bản phải có tính liên kết 1.3.3. Văn bản phải có kết cấu rõ ràng 1.3.4. Văn bản phải có phong cách ngôn ngữ nhất định 1.4. Các bước soạn thảo văn bản 1.4.1. Định hướng cho văn bản 1.4.2. Lập đề cương 1.4.3. Viết đoạn văn và văn bản 1.4.4. Chỉnh sửa và hoàn thiện văn bản	[19] 9 (3LT; 6TH) 1LT 2TH 1LT 2TH 1LT 2TH	- GV thuyết giảng, tổ chức hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về học phần và chương (C) 1 phần (P) 1; - SV thực hiện các nhiệm vụ học tập (NVHT) theo hướng dẫn của GV; - SV báo cáo kết quả thực hiện NVHT; - GV chữa bài, chốt kiến thức, giao bài tập về nhà (BTVN); - SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu mục 1.3. C1; - GV nhận xét, chốt kiến thức; - SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu mục 1.4. C1; - GV nhận xét, chốt kiến thức; Giao BTVN, hướng dẫn thực hiện NVHT C2 P1.	CLO4 CLO2 CLO2 CLO3 CLO4 CLO2 CLO3 CLO4
2	Chương 2. Một số kỹ năng tiếng Việt trong soạn thảo văn bản (tích hợp) 2.1. Kỹ năng chính tả 2.1.1. Các quy tắc chính tả tiếng Việt 2.1.2. Các lỗi chính tả thường gặp	10 (3LT; 7TH) 1LT 2TH	- SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần ôn tập kiến thức mục 1.4. C1; - SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu mục 2.1. và mục 2.2. C2 P1;	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy-học	Hướng tới CLOs
	và cách chữa 2.2. Kỹ năng dùng từ 2.2.1. Những yêu cầu chung về dùng từ trong văn bản 2.2.2. Các lỗi dùng từ thường gặp và cách chữa 2.3. Kỹ năng đặt câu 2.3.1. Những yêu cầu chung về câu trong văn bản 2.3.2. Các lỗi về câu thường gặp và cách chữa 2.4. Kỹ năng lập luận 2.4.1. Lập luận và các phương thức lập luận 2.4.2. Các lỗi về lập luận thường gặp và cách chữa Kiểm tra định kỳ: Bài kiểm tra số 01	1LT 2TH 1LT 2TH 1TH	- GV nhận xét, chốt kiến thức; - SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện các NVHT liên quan mục 2.3. C2; - GV nhận xét, chốt kiến thức; - SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện các NVHT liên quan mục 2.4. C2 P1; - GV nhận xét, chốt kiến thức; - GV giao BTVN và hướng dẫn thực hiện các NVHT C1. P2; - GV giao đề kiểm tra. - SV nghiêm túc làm bài.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO1 CLO2
3	PHẦN 2: VĂN BẢN HÀNH CHÍNH Chương 1. Tổng quan về văn bản hành chính 1.1. Khái niệm, chức năng của VBHC 1.1.1. Khái niệm VBHC 1.1.2. Chức năng của VBHC 1.2. Các loại VBHC, thẩm quyền ban hành VBHC 1.2.1. Các loại VBHC 1.2.1.1. VBHC cá biệt 1.2.1.2. VBHC thông thường 1.2.2. Thẩm quyền ban hành VBHC	[26] 6 (4LT; 2TH) 1LT 1LT	- SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu mục 1.1. C1 P2; - GV nhận xét, chốt kiến thức; - SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu mục 1.2. C1 P2; - GV nhận xét chốt kiến thức;	CLO3 CLO4 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy-học	Hướng tới CLOs
	1.2.2.1. Thẩm quyền ban hành VBHC cá biệt 1.2.2.2. Thẩm quyền ban hành các VBHC thông thường 1.3. Thể thức VBHC 1.3.1. Thể thức phần đầu VBHC 1.3.2. Thể thức phần nội dung của VBHC 1.3.3. Thể thức phần cuối VBHC 1.4. Quy trình soạn thảo và ban hành văn bản hành chính 1.4.1. Quy trình soạn thảo VBHC 1.4.2. Quy trình ban hành VBHC	1LT 2TH 1LT	- SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu mục 1.3. C1 P2; - GV nhận xét chốt kiến thức; - SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu mục 1.4. C1 P2; - GV nhận xét chốt kiến thức; Giao BTVN và hướng dẫn SV thực hiện các NVHT C2. P2.	CLO3 CLO4 CLO3 CLO4
4	Chương 2. Ngôn ngữ và văn phong hành chính 2.1. Đặc điểm của văn phong hành chính 2.1.1. Lối trình bày trực tiếp, không thiên vị 2.1.2. Tính ngắn gọn, chính xác, đầy đủ thông tin 2.1.3. Tính rõ ràng và cụ thể của các quan điểm chính trị 2.1.4. Sự liên kết chặt chẽ giữa các phần, các câu trong một văn bản 2.2. Sử dụng câu trong văn phong hành chính 2.2.1. Các loại câu thường gặp trong VBHC	6 (2LT; 4TH) 1LT 1TH 1LT 2TH	- SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu mục 2.1. C2 P2; - GV nhận xét, chốt kiến thức; - SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu mục 2.2.	CLO3 CLO4 CLO1 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy-học	Hướng tới CLOs
	2.2.2. Các loại câu không dùng trong VBHC 2.3. Sử dụng từ trong văn phong hành chính 2.3.1. Các loại từ và thuật ngữ thường dùng trong VBHC 2.3.2. Các loại từ, ngữ không dùng trong VBHC	1TH	C2 P2; - GV nhận xét, chốt kiến thức; - SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN phần tự học, tự nghiên cứu mục 2.3. C2 P2; - GV nhận xét, chốt kiến thức, giao BTVN và hướng dẫn SV thực hiện các NVHT C3 P2.	CLO1 CLO3 CLO4
5	Chương 3. Phương pháp soạn thảo một số văn bản hành chính thông dụng 3.1. Soạn thảo các VBHC cá biệt 3.1.1. Nghị quyết (NQ) 3.1.2. Quyết định (QĐ) 3.2. Soạn thảo một số VBHC thông thường 3.2.1. Thông báo (TB) 3.2.2. Kế hoạch (KH) 3.2.3. Báo cáo (BC) 3.2.4. Tờ trình (TTr) 3.2.5. Công văn Soạn thảo các loại VBHC thông thường nêu trên, gắn với thực tế đời sống. Hướng dẫn ôn tập Kiểm tra định kỳ: Bài kiểm tra số 2	14 (3LT; 11TH) 1LT 1TH 1LT 2TH 1LT 2TH 5TH 1TH	- SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu mục 3.1. C3 P2; - GV nhận xét, chốt kiến thức; - SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu mục 3.2. C3 P2; - GV nhận xét, chốt kiến thức; - SV báo cáo, thảo luận kết quả thực hiện BTVN, phần tự học, tự nghiên cứu về các loại VBHC đã học; - GV rút kinh nghiệm về việc soạn thảo VBHC; - GV giao đề bài; - SV nghiêm túc làm bài kiểm	CLO3 CLO4 CLO3 CLO4 CLO3 CLO4 CLO1 CLO3 CLO4 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy-học	Hướng tới CLOs
			tra tự luận trên lớp.	

(*) *Giới thiệu học phần:* Vị trí, vai trò của học phần Soạn thảo văn bản trong CTĐT của các ngành; mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	Ý thức học tập; Mức độ hoàn thành các nhiệm vụ học tập.		X	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Rubric đánh giá chuyên cần (bảng 5)
A2. Đánh giá định kỳ	30%	Bài kiểm tra định kỳ số 01: Văn bản và kỹ năng soạn thảo văn bản (tuần 7)	50%		CLO1 CLO2	SV làm bài kiểm tra theo yêu cầu và hướng dẫn của GV ^(*) .
		Bài kiểm tra định kỳ số 02: Văn bản hành chính (tuần 15)	50%		CLO3 CLO4	SV làm bài kiểm tra theo yêu cầu và hướng dẫn của GV ^(*) .
A3. Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ:			CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Thực hiện theo lịch thi của Nhà trường.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại

mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra số 01

- Nội dung: Phần 1

+ Nội dung 1: Chữa lỗi về dùng từ trong văn bản

+ Nội dung 2: Chữa lỗi về đặt câu trong văn bản

+ Nội dung 3: Soạn thảo đoạn văn, văn bản theo yêu cầu

- Hình thức: Tự luận^(*)

- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra số 01

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung 1	Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	2
2	Nội dung 2	Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	3
3	Nội dung 3	Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	5
Tổng điểm			10

** Ghi chú: Tùy vào đặc điểm tình hình lớp dạy, GV có thể lựa chọn các hình thức kiểm tra khác phù hợp hơn như kiểm tra vấn đáp, kiểm tra theo nhóm... Lựa chọn hình thức nào, GV cần thông báo trước với lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.*

Bài kiểm tra số 02

- Nội dung: Phần 2

+ Nội dung 4: Chữa lỗi về thể thức của VBHC hoặc viết đúng các thành phần thể thức theo yêu cầu

+ Nội dung 5: Soạn thảo hoàn chỉnh một VBHC theo yêu cầu

- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 5.b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra số 02

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung 4	Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	3
2	Nội dung 5	Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	7
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Theo Đề cương ôn tập học phần

- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: **90** phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

ST T	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Văn bản và kỹ năng soạn thảo văn bản	Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	3
2	Văn bản hành chính	Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	7
Tổng			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG TRƯỞNG KHOA TRƯỞNG BỘ MÔN NGƯỜI BIÊN SOẠN

Vũ Vương Trường Bùi Thị Lan Hương Nguyễn Thị Gấm

6.2.17. Tâm lý học Tiểu học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622060
1.2. Tên học phần:	Tâm lý học Tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	
1.4. Số tín chỉ:	3 (3LT = 45 tiết)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	37 tiết
- Thảo luận:	6 tiết
- Kiểm tra:	2 tiết
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS Nguyễn Thị Thương: 0987397227
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS Vũ Vương Trường: 0976955888 ThS Trần Thị Kim Loan: 0936722756 ThS Trần Thị Hòa: 0989889774 ThS Vũ Thanh Hòa: 0943696526 ThS Nguyễn Thị Điệp: 0974435007
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	SP620001
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những tri thức lý luận cơ bản về sự phát triển tâm lý học sinh Tiểu học; đặc điểm nhận thức, nhân cách của học sinh Tiểu học; những kiến thức cơ bản về tâm lý học dạy học và giáo dục Tiểu học; những vấn đề về tâm lý học nhân cách người người giáo viên Tiểu học. Qua đó học phần giúp người học biết vận dụng những kiến thức

tâm lý lứa tuổi của học sinh tiểu học vào thực tiễn dạy học và giáo dục trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức, kỹ năng nghiên cứu đặc điểm tâm lý học sinh tiểu học; các hoạt động dạy học và giáo dục của thầy và trò trong nhà trường tiểu học; cấu trúc nhân cách người giáo viên tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPĐG
CLO1	Phân tích được những đặc điểm tâm lý, nhận thức, nhân cách của học sinh tiểu học	Vấn đáp, bài tập nhóm,
CLO2	Phân tích được những kiến thức cơ bản về tâm lý học dạy học, giáo dục, nhân cách người giáo viên tiểu học	Quan sát, vấn đáp, bài tập nhóm, bài tập dự án, thực hành
CLO3	Vận dụng những kiến thức tâm lý để nhận diện và giải quyết các tình huống sư phạm trong thực tiễn giáo dục	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm,
CLO4	Rèn luyện được những phẩm chất và năng lực của người giáo viên tiểu học theo yêu cầu của thực tiễn xã hội	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R	M	R	R	R	M	I		I	M
CLO 2	R	M	R	M	M	M	I	R	I	M
CLO 3	M	M	M	R	R	M	I	M	I	M
CLO4	R	M	R			M	I	R	I	M
Tổng hợp học phần	R	M	R	R	R	M	I	R	I	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Bùi Văn Huệ (chủ biên), Phan Thị Hạnh Mai, Nguyễn Xuân Thúc (2021). *Tâm lý học Tiểu học*. NXB ĐHSP Hà Nội

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Nguyễn Kế Hào, Phan Thị Hạnh Mai (2007). *Tâm lý học*, NXB ĐHSP Hà Nội

[3] Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu (2010). *300 tình huống giao tiếp sư phạm*. NXB Giáo dục Việt

Nam

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chương 1: Lý luận về sự phát triển tâm lý học sinh tiểu học 1.1.Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em 1.1.1. Trẻ em thời đại ngày nay 1.1.2. Sự phát triển tâm lý trẻ em 1.1.3. Sự phân chia giai đoạn phát triển tâm lý trẻ em theo lứa tuổi 1.2. Tiền đề của sự phát triển tâm lý học sinh tiểu học. 1.2.1. Đặc điểm phát triển thể chất 1.2.2. Tâm lý sẵn sàng đi học 1.2.3. Đặc điểm cuộc sống nhà trường. Thảo luận: Các quan điểm về sự phát triển tâm lý trẻ em	3LT	GV: - Giới thiệu chương trình môn học. - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học SV: - Thực hiện các nhiệm vụ học tập	CLO1 CLO3
2	Chương 2: Đặc điểm nhận thức của học sinh tiểu học 6 (5LT;1TL) 2.1. Tri giác của học sinh tiểu học 2.2. Tư duy của học sinh tiểu học 2.3. Tưởng tượng của học sinh tiểu học 2.4. Trí nhớ của học sinh tiểu học	3LT	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			- Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học.	
3	2.5. Ngôn ngữ của học sinh tiểu học 2.6. Chú ý của học sinh tiểu học. Thảo luận: Lấy một ví dụ và phân tích để làm rõ ảnh hưởng của hoạt động học tập đối với sự phát triển nhận thức của học sinh tiểu học.	2LT 1TL	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
4	Chương 3: Đặc điểm nhân cách của học sinh tiểu học. 6 (5LT;1TL) 3.1. Nhu cầu của học sinh tiểu học 3.2. Tính cách của học sinh tiểu học 3.3. Tình cảm của học sinh tiểu học	3LT	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
5	3.4. Ý chí và hành động ý chí của học sinh tiểu học	2LT 1TL	SV: - Báo cáo kết quả	CLO1 CLO2

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	3.5. Tự đánh giá của học sinh tiểu học 3.6. Sự phát triển năng khiếu của học sinh tiểu học. Thảo luận: Lấy một ví dụ và phân tích ảnh hưởng của cuộc sống nhà trường đối với sự phát triển nhân cách của học sinh tiểu học.		nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	CLO3 CLO4
6	Chương 4: Các hoạt động cơ bản của học sinh tiểu học 9 (7LT;1TL;1KT) 4.1. Hoạt động học 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Đặc điểm hoạt động học của học sinh tiểu học 4.1.3. Cấu trúc hoạt động học của học sinh tiểu học 4.1.4. Hình thành hoạt động học tập ở học sinh tiểu học	3LT	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
7	4.2. Các hoạt động khác 4.2.1. Hoạt động vui chơi 4.2.2. Hoạt động lao động 4.2.3. Hoạt động xã hội 4.2.4. Hoạt động văn hóa, thể thao	3LT	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	
8	4.3. Giao tiếp mật thiết và mối quan hệ liên nhân cách của học sinh tiểu học 4.3.1. Giao tiếp của học sinh tiểu học 4.3.2. Mối quan hệ liên nhân cách của học sinh tiểu học trong trường tiểu học. Thảo luận: Tại sao nói hoạt động học là hoạt động chủ đạo của học sinh tiểu học. Kiểm tra 1 tiết - Nội dung: Kiến thức và kỹ năng chương 1,2,3,4 -Hình thức: Tự luận	1LT 1TL 1KT	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học. - Thiết kế bài kiểm tra 1 tiết (bài số 1)	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
9	Chương 5: Một số vấn đề về tâm lý học dạy học và giáo dục học sinh tiểu học. 9 (8LT;1TL) 5.1. Tâm lý học về sự hình thành khái niệm 5.1.1. Khái niệm về khái niệm 5.1.2. Bản chất tâm lý của quá trình hình thành khái niệm khoa học cho học sinh tiểu học 5.1.3. Yêu cầu tâm lý – sư phạm khi dạy học sinh tiểu học nắm bắt khái niệm một cách vững chắc 5.2. Tâm lý học về sự phát triển trí tuệ	3LT	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	cho học sinh tiểu học 5.2.1. Khái niệm về trí tuệ 5.2.2. Các giai đoạn của sự phát triển trí tuệ		học.	
10	5.2.3. Các chỉ số của sự phát triển trí tuệ 5.2.4. Dạy học và sự phát triển trí tuệ cho học sinh tiểu học 5.3. Tâm lý học về sự hình thành kỹ năng kỹ xảo và thói quen cho học sinh tiểu học 5.3.1. Một số kỹ năng, kỹ xảo và thói quen cần hình thành cho học sinh tiểu học. 5.3.2. Một số yêu cầu đối với việc hình thành kỹ năng kỹ xảo và thói quen cho học sinh tiểu học	3LT	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
11	5.4. Tâm lý học về việc giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học 5.4.1. Khái niệm về đạo đức và hành vi đạo đức 5.4.2. Nhân cách là chủ thể của hành vi đạo đức 5.4.3. Bản chất tâm lý học của việc giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học. 5.4.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến việc giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học. Thảo luận: Phân tích các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến sự hình thành nhân cách của học sinh tiểu học.	2LT 1TL	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
12	Chương 6: Một số vấn đề về nhân cách người giáo viên tiểu học 12(10LT;1TL; 1KT)		SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học;	CLO1 CLO2 CLO3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	6.1. Giáo dục tiểu học và người giáo viên tiểu học 6.1.1. Giáo dục tiểu học là giáo dục nền tảng 6.1.2. Vị trí của người giáo viên tiểu học trong xã hội hiện đại.	3LT	- Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	CLO4
13	6.2. Hoạt động dạy – hoạt động đặc trưng của người giáo viên tiểu học 6.2.1. Khái niệm về hoạt động dạy 6.2.2. Một số hoạt động chuyên biệt trong hoạt động dạy 6.2.3. Sự thống nhất giữa hoạt động dạy và hoạt động học trong nhà trường tiểu học	3LT	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
14	6.3. Cấu trúc nhân cách người giáo viên tiểu học 6.3.1. Mô hình cấu trúc nhân cách người giáo viên tiểu học 6.3.2. Một số phẩm chất nhân cách người giáo viên tiểu học 6.3.3. Một số năng lực sư phạm của người giáo viên tiểu học	3LT	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			các hoạt động học tập của sinh viên	
15	6.4. Các con đường hình thành nhân cách của người giáo viên tiểu học. 6.4.1. Hoạt động hướng nghiệp ở trường phổ thông 6.4.2. Hoạt động học tập và rèn luyện trong trường sư phạm 6.4.3. Tự hoàn thiện nâng cao nhân cách trong hoạt động nghề nghiệp Thảo luận: Trình bày các con đường hình thành nhân cách người giáo viên tiểu học. Kiểm tra 1 tiết. - Nội dung: Kiến thức và kỹ năng chương 1,2,3,4 -Hình thức: Tự luận	1LT 1TL 1KT	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Thiết kế bài kiểm tra số 2. - Hướng dẫn ôn tập kết thúc học phần.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi đề cương chi tiết học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra số 1, hình thức bài thực hành	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2	
A2.2	Bài kiểm tra số 2, hình thức bài tập cá nhân	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%

	Hình thức tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5: Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 90% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến 70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
Dưới 5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung:

- Hình thức: Kiểm tra tự luận

- Thời gian: 50 phút (1 tiết)

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Bài kiểm tra số 1: Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1,2,3,4.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học.	6 1
2	Bài kiểm tra số 1: Nội dung	- Liên hệ thực tiễn	3

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	kiến thức, kỹ năng thuộc chương 5,6.		
3	Tổng điểm mỗi bài kiểm tra.		10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Kiến thức trong chương trình đã học từ tuần 1 đến tuần 15
- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Tiêu chí đánh giá: Theo hướng dẫn chấm bài trong ngân hàng đề thi

Bảng 7: Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Câu 1 (3 điểm): Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1,2.	Theo bộ đề trong ngân hàng đề thi	Theo biểu điểm của đáp án đề thi
	- Câu 2 (4 điểm): Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 3,4.		
	- Câu 3 (4 điểm): Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 5,6.		
2	Tổng điểm		10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Ban giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Nguyễn Thị Thương

Nguyễn Thị Thương

6.2.18. Tâm lý học đại cương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620001
1.2. Tên học phần:	Tâm lý học đại cương
1.3. Tên tiếng Anh:	General Psychology
1.4. Số tín chỉ:	2 (LT)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS Vũ Thanh Hòa: 0943696526
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS Vũ Vương Trường: 0976955888 ThS Nguyễn Thị Thương: 0987397227 ThS Trần Thị Kim Loan: 0936722756 ThS Trần Thị Hòa: 0989889774 ThS Nguyễn Thị Diệp: 0974435007
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần: Học phần cung cấp cho người học kiến thức về bản chất hiện tượng tâm lý người, hoạt động giao tiếp, sự hình thành và phát triển tâm lý, hoạt động nhận thức, tình cảm, ý chí, nhân cách, sự hình thành và phát triển nhân cách, qua đó giúp người học có khả năng nhận biết, giải thích các hiện tượng tâm lý, các quá trình nhận thức của con người

3. Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần người học có kiến thức về các hiện tượng tâm lý cơ bản của con người; những hiểu biết về quá trình nhận thức, quá trình hình thành và phát triển nhân cách; vận dụng kiến thức tâm lý vào cuộc sống và rèn luyện, tu dưỡng nhân cách bản thân.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPDG
CLO1	Giải thích được bản chất hiện tượng tâm lý người	KT viết
CLO2	Phân tích được các quá trình tâm lí	Trắc nghiệm
CLO3	Đánh giá được vai trò của các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách.	ĐG thực hành
CLO4	Vận dụng được tri thức Tâm lý học vào công tác giáo dục và trong cuộc sống.	ĐG làm việc nhóm

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R	M				R			R	R
CLO 2		M				M			R	R
CLO 3	R	M				M			R	R
CLO 4		M				M			R	R
Tổng hợp học phần	R	M				M			R	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1] Nguyễn Xuân Thức (chủ biên) (2015), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB ĐH Sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu (2010), *300 tình huống giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[3] Lê Minh nguyệt (chủ biên), Vũ Thị Khánh Linh (2014), *Tình huống tâm lý giáo dục học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[4] Nguyễn Quang Uẩn (Chủ biên), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang (2013), *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB ĐH Sư phạm.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 02 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 01 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tuần 1	<i>* Giới thiệu học phần</i> Chương 1. Tâm lý học là một khoa học 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của tâm lý học 1.2. Bản chất hiện tượng tâm lý người 1.3. Chức năng của tâm lý 1.4. Phân loại hiện tượng tâm lý 1.5. Các phương pháp nghiên cứu tâm lý Thảo luận: Chứng minh "Tâm lý người là sự phản ánh hiện thực khách quan vào não người thông qua chủ thể, tâm lý người có bản chất xã hội – lịch sử".	2	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học. SV: - Thảo luận; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.	CLO1, CLO4
Tuần 2	Chương 2: Cơ sở tự nhiên và cơ sở xã hội của tâm lý 2.1. Cơ sở tự nhiên của tâm lý 2.1.1. Não và tâm lý 2.1.2. Phản xạ có điều kiện và tâm lý 2.1.3. Hệ thống tín hiệu thứ hai và tâm lý 2.1.4. Quy luật hoạt động thần kinh cấp cao và tâm lý 2.2. Cơ sở xã hội của tâm lý con người 2.2.1. Hoạt động và tâm lý 2.2.2. Giao tiếp và tâm lý Thảo luận: Giải thích mối quan hệ giữa hoạt động, giao tiếp và	2	GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học. SV: - Thảo luận; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.	CLO1, CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	tâm lí.			
Tuần 3	Chương 3. Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức 3.1. Sự hình thành và phát triển tâm lý 3.1.1. Sự nảy sinh và hình thành tâm lý về phương diện loài người 3.1.2. Sự phát triển tâm lý về phương diện cá thể 3.2. Sự hình thành và phát triển ý thức 3.2.1. Bản chất và cấu trúc của ý thức Thảo luận: Giải thích sơ đồ tổng quát về sự hình thành và phát triển tâm lý người.	2	GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học. SV: - Thảo luận; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.
Tuần 4	Tiếp chương 3 3.2.2. Sự hình thành và phát triển ý thức 3.2.3. Các cấp độ ý thức 3.2.4. Chú ý- điều kiện của hoạt động có ý thức Thảo luận: Phân tích vai trò của hoạt động đối với quá trình hình thành và phát triển tâm lý, ý thức.	2	GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học. SV: - Thảo luận; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.
Tuần 5	Chương 4. Hoạt động nhận thức 4.1. Nhận thức cảm tính 4.1.1. Khái niệm cảm giác, tri giác 4.1.2. Các loại cảm giác, tri giác 4.1.3. Các quy luật cơ bản của	2	GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên;	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	cảm giác Thảo luận: Phân tích ý nghĩa của các loại cảm giác trong đời sống và hoạt động của con người.		- Giao nhiệm vụ tự học. SV: - Thảo luận; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.	
Tuần 6	Tiếp chương 4 4.1.4. Các thuộc tính cơ bản của tri giác 4.1.5. Vai trò của nhận thức cảm tính 4.1.6. Tính nhạy cảm và năng lực quan sát Thảo luận: Tìm và phân tích các ví dụ để minh họa việc ứng dụng quy luật của cảm giác, tri giác trong đời sống và trong hoạt động của con người.	2	GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học. SV: - Thảo luận; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Tuần 7	Tiếp chương 4 4.2. Nhận thức lý tính 4.2.1. Tư duy 4.2.1.1. Khái niệm tư duy 4.2.1.2. Đặc điểm của tư duy 4.2.1.3. Các giai đoạn, thao tác của quá trình tư duy 4.2.1.4. Các loại tư duy 4.2.1.5. Trí tuệ, các phẩm chất cơ bản của trí tuệ Thảo luận: Tại sao tư duy lại được xếp vào mức độ nhận thức lý tính?	2	GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học. SV: - Thảo luận; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Tuần 8	Tiếp chương 4 4.2.2. Tưởng tượng 4.2.2.1. Khái niệm về tưởng tượng 4.2.2.2. Các loại tưởng tượng	2	SV: Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. GV:	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	4.2.2.3. Các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng Thảo luận: Nêu những yêu cầu cơ bản trong dạy học và giáo dục nhằm phát triển trí tưởng tượng cho trẻ mẫu giáo.		- Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học.	
Tuần 9	Tiếp chương 4 4.2.3. Ngôn ngữ 4.2.3.1. Khái niệm về ngôn ngữ 4.2.3.2. Các chức năng cơ bản của ngôn ngữ 4.2.3.3. Các loại ngôn ngữ 4.2.3.4. Vai trò của ngôn ngữ đối với hoạt động nhận thức Kiểm tra 1 tiết. (Bài kiểm tra số 1) - Hình thức tự luận - Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1, 2, 3, 4.	2	SV: Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Thực hiện bài kiểm tra số 1 theo quy định. GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Tuần 10	Chương 5. Tình cảm và ý chí 5.1. Tình cảm 5.1.1. Định nghĩa tình cảm 5.1.2. Đặc điểm tình cảm 5.1.3. Các mức độ của đời sống tình cảm 5.1.4. Các qui luật của đời sống tình cảm Thảo luận: Tìm và phân tích các ví dụ trong đời sống và trong văn học để minh họa các quy luật của tình cảm.	2	SV: Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Tuần 11	Tiếp chương 5 5.2. Ý chí	2	SV: Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học;	CLO1, CLO2,

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	5.2.1. Khái niệm ý chí và các phẩm chất cơ bản của ý chí 5.2.2. Hành động ý chí và các giai đoạn của hành động ý chí 5.2.3. Hành động tự động hoá Thảo luận: Lấy ví dụ và phân tích để làm rõ các khâu của hành động ý chí.		- Thực hiện các nhiệm vụ học tập. GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO3, CLO4
Tuần 12	Chương 6. Trí nhớ 6.1. Khái niệm về trí nhớ 6.2. Các quá trình cơ bản của trí nhớ 6.2.1. Quá trình ghi nhớ 6.2.2. Quá trình gìn giữ 6.2.3. Quá trình nhận lại và nhớ lại 6.2.4. Sự quên 6.3. Các loại trí nhớ 6.4. Rèn luyện trí nhớ Thảo luận: Phân tích ý nghĩa của trí nhớ trong đời sống và trong dạy học.	2	SV: Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO2, CLO3, CLO4
Tuần 13	Chương 7. Nhân cách và sự hình thành, phát triển nhân cách 7.1. Khái niệm nhân cách 7.2. Các đặc điểm cơ bản của nhân cách 7.3. Cấu trúc tâm lí của nhân cách 7.4. Các thuộc tính cơ bản của nhân cách 7.4.1. Xu hướng	2	SV: Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên;	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	7.4.2. Tính cách 7.4.3. Năng lực 7.4.4. Khí chất Thảo luận: Phân tích mối quan hệ giữa năng lực với tư chất, năng lực với tri thức, kỹ năng, kỹ xảo.		- Giao nhiệm vụ tự học.	
Tuần 14	Tiếp chương 7 7.5. Sự hình thành và phát triển nhân cách 7.5.1. Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách Thảo luận: Phân tích vai trò của các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách.	2	SV: Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
Tuần 15	Tiếp chương 7 7.5.2. Sự hoàn thiện nhân cách Kiểm tra 1 tiết (Bài kiểm tra số 2) - Hình thức tự luận - Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 5, 6, 7.	2	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Thực hiện bài kiểm tra số 2 theo quy định. GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Tổng kết nội dung, hướng dẫn ôn tập, đánh giá môn học. - Tổ chức cho sinh viên làm bài kiểm tra.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội

dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)		
A1. Đánh giá chuyên cần				10%		
A2. Đánh giá giữa học phần				30%		
A2.1	Bài kiểm tra số 1, hình thức bài thực hành	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2			
A2.2	Bài kiểm tra số 2, hình thức bài tập cá nhân	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3			
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%		
	Hình thức tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3			
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10						
Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến		x	CLO 4	Rubric đánh giá chuyên cần (bảng 5)
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Nội dung kiến thức, kĩ năng thuộc chương 1, 2, 3, 4.	50%	x	CLO 1 CLO 2	Rubric đánh giá bài kiểm tra (bảng 6.1)
		Nội dung kiến thức, kĩ năng thuộc chương 5, 6, 7.	50%	x	CLO 2 CLO 3 CLO 4	Rubric đánh giá bài kiểm tra (bảng 6.2)
A3 Đánh giá	60%	Bài thi cuối kỳ (theo ngân hàng đề			CLO 1 CLO 2	SV thực hiện bài thi cuối kỳ theo

cuối kỳ		thi)			CLO 3 CLO 4	quy định.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5: Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến 70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
Dưới 5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Hình thức: Kiểm tra tự luận.

- Thời gian: 50 phút (1 tiết)

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 - Bản chất hiện tượng tâm lý người; - Phân loại hiện tượng tâm lý; - Hoạt động, giao tiếp và tâm lý	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	Câu 2 - Sự phát triển tâm lý về phương diện cá thể; - Chú ý- điều kiện của hoạt động có ý thức; - Khái niệm cảm giác, tri giác; - Các quy luật cơ bản của cảm giác; - Các thuộc tính cơ bản của tri giác; - Vai trò của nhận thức cảm tính. - Khái niệm, đặc điểm của tư duy; - Khái niệm về tưởng tượng; - Các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Tổng điểm:		10

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 - Định nghĩa tình cảm; - Các qui luật của đời sống tình cảm; - Khái niệm ý chí; Hành động ý chí và các giai đoạn của hành động ý chí; - Hành động tự động hoá; - Khái niệm về trí nhớ; - Các quá trình cơ bản của trí nhớ; - Rèn luyện trí nhớ.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
	Câu 2 - Khái niệm nhân cách; - Cấu trúc tâm lý của nhân cách; - Các thuộc tính cơ bản của nhân cách; - Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách; - Sự hoàn thiện nhân cách.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Tổng điểm:		10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: kiến thức, kỹ năng thuộc chương trình đã học từ tuần 1 đến tuần 15.
- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian: 60 phút
- Tiêu chí đánh giá: Theo hướng dẫn chấm bài trong ngân hàng đề thi.

Bảng 7: Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

TT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 (5 điểm) - Nội dung kiến thức, kĩ năng thuộc chương 1, 2, 3, 4. + Bản chất hiện tượng tâm lý người; + Hoạt động, giao tiếp và tâm lí + Các quy luật cơ bản của cảm giác; + Các thuộc tính cơ bản của tri giác; + Vai trò của nhận thức cảm tính. + Các cách sáng tạo hình ảnh mới trong tưởng tượng.	Theo bộ đề trong ngân hàng đề thi	Theo biểu điểm của đáp án đề thi
	Câu 2 (5 điểm) - Nội dung kiến thức, kĩ năng thuộc chương 5, 6, 7. + Các qui luật của đời sống tình cảm; + Hành động tự động hoá; + Các quá trình cơ bản của trí nhớ; + Cấu trúc tâm lí của nhân cách; + Các yếu tố chi phối sự hình thành và phát triển nhân cách; + Sự hoàn thiện nhân cách.		
2	Tổng điểm:		10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Nguyễn Thị Thương

Vũ Thanh Hòa

6.2.19. Giáo dục học đại cương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Đào tạo giáo viên

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP620002
1.2. Tên học phần:	Giáo dục học đại cương
1.3. Tên tiếng Anh:	General education
1.4. Số tín chỉ:	2 LT
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS Nguyễn Thị Điệp: 0974435007
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS Vũ Vương Trường: 0976955888 ThS Nguyễn Thị Thương: 0987397227 ThS Trần Thị Kim Loan: 0936722756 ThS Trần Thị Hòa: 0989889774 ThS Vũ Thanh Hòa: 0943696526
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP620001
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về khoa học giáo dục; lý luận về giáo dục và sự phát triển nhân cách; mục đích và nguyên lý của giáo dục và hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam.

3. Mục tiêu học phần

Người học có các kiến thức cơ bản về giáo dục học đại cương, trên cơ sở đó vận dụng kiến thức trong việc tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp đánh giá
CLO1	Phân tích được các kiến thức cơ bản của giáo dục học.	Vấn đáp, bài tập nhóm,
CLO2	Giải thích được các hiện tượng giáo dục trong xã hội	Quan sát, vấn đáp, bài tập nhóm, bài tập dự án, thực hành
CLO3	Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét, đánh giá các hiện tượng giáo dục, các vấn đề giáo dục.	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm,
CLO4	Lựa chọn các biện pháp tác động tích cực đến sự phát triển nhân cách của người học.	Quan sát, vấn đáp, bài tập nhóm, bài tập dự án, thực hành
CLO5	Tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng tri thức, kỹ năng đã học vào việc rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ người giáo viên.	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	I							I	M
CLO 2	R	R				I			M	M
CLO 3	R	R	I	I		I			M	M
CLO 4	R	M	R	R					M	M
CLO5	R	R	R	R		I			R	R
Tổng hợp học phần	R	R	R	R		I			M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1] Phan Thị Hồng Vinh -Trần Thị Tuyết Oanh – Từ Đức Văn – Vũ Lệ Hoa –Nguyễn Thị Tình – Trịnh Thúy Giang – Nguyễn Thị Thanh Hồng (2023), *Giáo trình Giáo dục học 1*, NXB ĐH SP

[2] Phan Thanh Long (Chủ biên) (2011), *Những vấn đề chung của Giáo dục học*, NXB ĐH Sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3] Phan Thị Hồng Vinh (Chủ biên) (2011), *Giáo trình Giáo dục học*, NXB Đại học Sư phạm.

[4] Phạm Viết Vượng (2012), *Giáo dục học*, NXB ĐH Sư phạm

[5] Luật giáo dục 2019.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 02 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 01 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tuần 1	* Giới thiệu học phần Chương 1. Giáo dục học là một hiện tượng xã hội 1.1. Giáo dục là hiện tượng xã hội đặc biệt 1.2. Tính chất của giáo dục 1.2.1. Tính phổ biến và vĩnh hằng của giáo dục 1.2.2. Tính quy định của xã hội đối với giáo dục 1.2.3. Tính lịch sử của giáo dục 1.2.4. Tính giai cấp của giáo dục 1.2.5. Tính nhân văn, đại chúng, quốc tế của giáo dục * Nhiệm vụ thảo luận - Chứng minh rằng giáo dục là một hiện tượng của đời sống xã hội. - Phân tích tính giai cấp của giáo dục thể hiện trong giai đoạn hiện nay? Các quan điểm thể hiện tính chất này?	2LT	- GV giới thiệu học phần - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học SV: Thực hiện các nhiệm vụ học tập	CLO1, CLO2, CLO4.
Tuần 2	Chương 1 (tiếp theo) 1.3. Chức năng của giáo dục 1.3.1. Chức năng kinh tế – sản xuất 1.3.2. Chức năng chính trị - xã hội 1.3.3. Chức năng văn hóa – tư tưởng * Nhiệm vụ thảo luận - Tìm hiểu chức năng giáo dục trong giáo dục hiện nay.	2LT	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên	CLO1, CLO2, CLO4.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			- Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	
Tuần 3	Chương 1 (tiếp theo) 1.4. Xu thế phát triển giáo dục trên thế giới 1.5. Đổi mới giáo dục ở Việt Nam * Nhiệm vụ thảo luận - Tìm hiểu nội dung trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục hiện nay.	2LT	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học. SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO2, CLO4.
Tuần 4	Chương 2. Giáo dục học là một khoa học 2.1. Đối tượng và nhiệm vụ của giáo dục học 2.1.1. Đối tượng 2.1.2. Nhiệm vụ 2.2. Hệ thống các khoa học giáo dục và một số khái niệm cơ bản của giáo dục học 2.2.1. Hệ thống các khoa học giáo dục * Nhiệm vụ thảo luận: Tìm hiểu vị trí, mối quan hệ của chuyên ngành giáo dục đang theo học trong hệ thống các khoa học giáo dục.	2LT	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.
Tuần	Chương 2 (tiếp theo)	2LT	GV:	CLO1,

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
5	2.2.2. Các khái niệm cơ bản của giáo dục học - Giáo dục (nghĩa rộng) - Dạy học - Giáo dục (nghĩa hẹp) - Mục đích, mục tiêu giáo dục - Nội dung giáo dục - Phương pháp giáo dục - Nhà giáo và người học * Nhiệm vụ thảo luận: Phân tích mối quan hệ giữa dạy học và giáo dục?		- Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học. SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.	CLO2, CLO3, CLO4.
Tuần 6	Chương 2 (tiếp theo) 2.3. Phương pháp nghiên cứu giáo dục học 2.3.1. Phương pháp luận nghiên cứu giáo dục 2.3.2. Các phương pháp nghiên cứu cụ thể * Nhiệm vụ thảo luận: Thiết kế phiếu quan sát người học trong hoạt động giáo dục cụ thể.	2LT	SV: Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.
Tuần 7	Chương 3. Giáo dục và sự phát triển nhân cách (6 tiết) 3.1. Khái niệm con người, nhân cách và sự phát triển nhân cách. 3.1.1. Con người 3.1.2. Nhân cách	2LT	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	3.1.3. Sự phát triển nhân cách 3.2. Nhân cách con người Việt Nam truyền thống và hiện đại. * Nhiệm vụ thảo luận: So sánh các đặc điểm nhân cách con người Việt Nam truyền thống và hiện đại.		tự học. SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.	
Tuần 8	Chương 3. (tiếp theo) 3.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách 3.3.1. Vai trò của di truyền đối với sự phát triển nhân cách 3.3.2. Vai trò của môi trường đối với sự phát triển nhân cách * Nhiệm vụ thảo luận: Tìm hiểu ảnh hưởng của gia đình đối với sự hình thành nhân cách của người học.	2LT	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.
Tuần 9	Chương 3. (tiếp theo) 3.3.3. Vai trò chủ đạo của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách 3.3.4. Vai trò quyết định của tính tích cực cá nhân trong hoạt động và giao tiếp đối với sự phát triển nhân cách. * Nhiệm vụ thảo luận - Phân tích ảnh hưởng của các yếu tố đến sự hình thành và phát triển nhân cách qua các câu chuyện su tâm. * Kiểm tra 1 tiết bài số 1	1LT 1KT	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học và bài kiểm tra 1 tiết SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu,	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	- Nội dung kiểm tra thuộc chương 1, 2 và 3. - Hình thức: Tự luận		tiếp nhận nhiệm vụ tự học, thực hiện bài kiểm tra 1 tiết	
Tuần 10	Chương 4. Mục đích, tính chất và nguyên lý giáo dục (6 tiết) 4.1. Mục đích, mục tiêu giáo dục 4.1.1 Mục đích giáo dục 4.1.2 Mục tiêu giáo dục 4.1.3 Mục đích giáo dục nước ta trong giai đoạn hiện nay 4.1.4 Những nhiệm vụ giáo dục nhằm thực hiện mục đích, mục tiêu giáo dục * Nhiệm vụ thảo luận: Tìm hiểu mục đích giáo dục của Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.	2LT	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.
Tuần 11	Chương 4. (tiếp theo) 4.2. Tính chất của nền giáo dục Việt Nam 4.3. Nguyên lý giáo dục 4.3.1 Khái niệm nguyên lý giáo dục * Nhiệm vụ thảo luận: Tìm hiểu tính chất nền giáo dục nước ta qua các thời kỳ lịch sử.	2LT	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học. SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.
Tuần	Chương 4. (tiếp theo)	2LT	- Báo cáo kết quả	CLO1,

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
12	4.3.2. Nội dung nguyên lý giáo dục 4.3.3. Nội dung phương hướng thực hiện nguyên lý giáo dục * Nhiệm vụ thảo luận: Phân tích nội dung nguyên lý giáo dục. Liên hệ thực tiễn giáo dục.		nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO2, CLO3, CLO4.
Tuần 13	Chương 5. Hệ thống giáo dục quốc dân 5.1. Khái niệm, nguyên tắc xây dựng và các nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống giáo dục quốc dân 5.1.1 Khái niệm 5.1.2 Nguyên tắc xây dựng 5.1.3 Các nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống giáo dục quốc dân	2LT	- Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học. SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.
Tuần 14	Chương 5. (tiếp theo) 5.2. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam qua các thời kỳ 5.3. Giáo dục Mầm non, giáo dục Phổ thông trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam. * Nhiệm vụ thảo luận: Sơ đồ hóa hệ thống giáo dục Việt Nam qua các thời kỳ.	2LT	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	
Tuần 15	Chương 5. (tiếp theo) 5.4. Định hướng và các giải pháp đổi mới, hoàn thiện hệ thống giáo dục nước ta. 5.4.1. Định hướng đổi mới, hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân. 5.4.2. Các giải pháp đổi mới, hoàn thiện hệ thống giáo dục nước ta. Kiểm tra 1 tiết bài số 2 - Nội dung kiểm tra thuộc chương 4 và 5. - Hình thức: Tự luận	1LT 1KT	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Hướng dẫn ôn tập và bài kiểm tra 1 tiết SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ ôn tập, thực hiện bài kiểm tra 1 tiết	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra số 1, hình thức bài thực hành	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2	

A2.2	Bài kiểm tra số 2, hình thức bài tập cá nhân	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Hình thức tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10				

(*) Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5: Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến 70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
0-5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: khối lượng kiến thức, kỹ năng thuộc nội dung chương trình đã nghiên cứu.
- Hình thức: Tự luận

- Thời điểm thực hiện: tuần thứ 6 và tuần thứ 15
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.1. Rubric đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1: Kiến thức thuộc chương 1,2 - Chứng minh giáo dục là hiện tượng xã hội đặc biệt - Tính chất của giáo dục - Chức năng của giáo dục - Các khái niệm cơ bản của giáo dục.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2: Kiến thức thuộc chương 3 - Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
Tổng điểm			10

Bảng 6.2. Rubric đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1: Kiến thức thuộc chương 4 - Mục đích, mục tiêu giáo dục - Nguyên lí giáo dục	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2: Kiến thức thuộc chương 5 - Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Kiến thức trong chương trình đã học từ tuần 1 đến tuần 15
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Tiêu chí đánh giá: Theo hướng dẫn chấm bài trong ngân hàng đề thi

Bảng 7: Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Câu 1 (5 điểm) - Kiến thức chương 1, 2, 3 + Giáo dục là một hiện tượng xã hội	Theo bộ đề trong ngân hàng đề thi	Theo biểu điểm

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	+ Giáo dục học là một khoa học + Giáo dục và sự phát triển nhân cách		của đáp án đề thi
	- Câu 2 (5 điểm) - Kiến thức chương 4, 5 + Mục đích, tính chất và nguyên lý giáo dục Việt Nam + Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam		
2	Tổng điểm		10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Nguyễn Thị Thương

Nguyễn Thị Diệp

6.2.20. Giáo dục học Tiểu học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622005
1.2. Tên học phần:	Giáo dục học Tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	Elementary school education
1.4. Số tín chỉ:	2 (1LT, 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S Nguyễn Thị Điệp: 0974435007
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS Vũ Vương Trường: 0976955888 ThS Nguyễn Thị Thương: 0987397227 ThS Trần Thị Kim Loan: 0936722756 ThS Trần Thị Hòa: 0989889774 ThS Vũ Thanh Hòa: 0943696526
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	SP620001, SP620002
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về quá trình giáo dục ở tiểu học; nguyên tắc giáo dục; nhiệm vụ và nội dung giáo dục; phương pháp giáo dục; hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh Tiểu học. Thông qua những kiến thức lý luận này, người học có kỹ năng tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục phù hợp với thực tiễn giáo dục học sinh Tiểu học sau này.

3. Mục tiêu học phần:

Người học có kiến thức cơ bản về giáo dục học tiểu học; vận dụng các phương pháp giáo dục phù hợp vào thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học và giáo dục ở trường tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPĐG
CLO1	Phân tích được những kiến thức cơ bản về lí luận dạy học (quá trình dạy học, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức dạy học tiểu học).	KT viết
CLO2	Phân tích được những kiến thức cơ bản về lí luận giáo dục (quá trình dạy học, nguyên tắc, nhiệm vụ và nội dung, phương pháp, hình thức dạy học tiểu học).	Trắc nghiệm
CLO3	Vận dụng tri thức lí luận dạy học vào tổ chức quá trình dạy học.	ĐG thực hành
CLO4	Vận dụng tri thức lí luận giáo dục vào tổ chức các hoạt động giáo dục ở trường tiểu học	ĐG thực hành
CLO5	Đánh giá được các kế hoạch dạy học và giáo dục ở trường tiểu học	ĐG thực hành
CLO6	Đánh giá được kết quả tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục ở trường tiểu học	ĐG làm việc nhóm

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	M	M				M			M	M
CLO2	M					M			M	M
CLO3	M	M			M	M			M	M
CLO 4	M					M			M	M
CLO 5	M	M	M			M			M	M
CLO 6	M		M			M			M	M
Tổng hợp học phần	M	M	M		M	M			M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

- [1] Đặng Vũ Hoạt, Phó Đức Hòa (2008), *Giáo dục học tiểu học I*, NXB Đại học Sư phạm.
[2]. Đặng Vũ Hoạt, Nguyễn Hữu Hợp (2013), *Giáo dục học tiểu học II*, NXB Đại học Sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo

- [3]. Phan Thanh Long (2011), *Những vấn đề chung của giáo dục học*, NXB Đại học Sư phạm
- [4]. Phạm Viết Vượng (2012), *Giáo dục học*, NXB Đại học Sư phạm.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 2 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy họcⁱ

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	(*) Giới thiệu học phần Phần 1. Lí luận dạy học Chương 1. Quá trình dạy học tiểu học 1.1. Bản chất quá trình dạy học ở tiểu học 1.2. Động lực quá trình dạy học tiểu học 1.3. Logic quá trình dạy học tiểu học * Bài tập thực hành: Phân tích logic và động lực của quá trình dạy học thông qua một bài học cụ thể.	1LT 2TH	- GV giới thiệu học phần - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học SV: Thực hiện các nhiệm vụ học tập	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6
2	Chương 2. Nguyên tắc dạy học tiểu học 2.1. Khái niệm 2.2. Hệ thống các nguyên tắc dạy học 2.2.1. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính khoa học và tính giáo dục trong dạy học tiểu học 2.2.2. Đảm bảo sự thống nhất biện chứng giữa lý luận và thực tiễn trong dạy học tiểu học 2.2.3. Đảm bảo sự thống nhất giữa cái cụ thể và cái trừu tượng trong dạy học	1LT 2TH	SV: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp với nội dung bài học; - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ học tập;	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	tiểu học 2.2.4. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính vừa sức chung và vừa sức riêng 2.2.5. Đảm bảo sự thống nhất giữa tính vững chắc của tri thức với tính mềm dẻo của tư duy 2.2.6. Đảm bảo sự thống nhất giữa vai trò tự giác, tích cực, độc lập nhận thức của học sinh và vai trò chủ đạo của giáo viên *Bài tập thực hành: Phân tích các nguyên tắc dạy học thông qua một bài học cụ thể.		- Giao nhiệm vụ tự học.	
3	Chương 3. Nội dung dạy học tiểu học 3.1. Khái niệm 3.2. Những nguyên tắc khi xây dựng nội dung dạy học tiểu học 3.3. Kế hoạch dạy học, chương trình dạy học, sách giáo khoa và các tài liệu dạy học khác ở tiểu học 3.4. Một số quan điểm về chiến lược xây dựng nội dung dạy học tiểu học trên thế giới * Bài tập thực hành - Suu tầm và phân tích cấu trúc một bài học cụ thể trong chương trình dạy học ở tiểu học. - Nghiên cứu nội dung dạy học tiểu học trong chương trình giáo dục phổ thông 2018.	1LT 2TH	SV: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp; GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ học tập; - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6.
4	Chương 4. Phương pháp và phương tiện dạy học tiểu học 4.1. Một số quan điểm dạy học 4.2 Phương pháp dạy học 4.2.1 Khái niệm	1LT 2TH	- Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	4.2.2 Phân loại các phương pháp dạy học 4.2.3 Hệ thống các phương pháp dạy học Tiểu học - Nhóm phương pháp dạy học dùng lời và chữ * Bài tập thực hành: Quan sát và đánh giá việc sử dụng phương pháp dạy học dùng lời và chữ trong tiết học ở trường tiểu học.		dạy học phù hợp với nội dung bài học; - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ học tập; - Giao nhiệm vụ tự học.	
5	Chương 4: (tiếp theo) - Nhóm các phương pháp dạy học trực quan - Nhóm các phương pháp dạy học thực hành - Một số phương pháp dạy học khác * Bài tập thực hành - Quan sát và đánh giá việc sử dụng phương pháp dạy học trực quan, thực hành và các phương pháp dạy học khác trong tiết học ở trường tiểu học. - Lựa chọn phương pháp dạy học trong quá trình dạy học ở tiểu học.	1LT 2TH	SV: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp; GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ học tập; - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6.
6	Chương 4. (tiếp theo) 4.3. Kỹ thuật dạy học 4.4. Phương tiện và đồ dùng dạy học 4.4.1. Khái niệm, chức năng, phân loại phương tiện và đồ dùng dạy học 4.4.2. Yêu cầu đối với việc lựa chọn và sử dụng các phương tiện và đồ dùng dạy học * Bài tập thực hành - Lựa chọn kỹ thuật, phương tiện và đồ dùng dạy học trong quá trình dạy học ở tiểu học.	1LT 2TH	SV: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp với nội dung bài học; - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ học tập;	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			- Giao nhiệm vụ tự học.	
7	Chương 5. Hình thức tổ chức dạy học 5.1. Khái niệm 5.2. Hệ thống các hình thức dạy học ở tiểu học 5.2.1. Hình thức lên lớp 5.2.2. Hình thức tự học 5.2.3. Hình thức thảo luận 5.2.4. Hình thức phụ đạo 5.2.5. Hình thức tham quan 5.2.6. Các hình thức khác *Bài tập thực hành Tìm hiểu và thảo luận về các hình thức dạy học ở tiểu học	1LT 2TH	SV: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp; GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ học tập; - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6.
8	Chương 5. (tiếp theo) *Bài tập thực hành - Thiết kế kế hoạch dạy học ở tiểu học - Tổ chức thực hiện kế hoạch đã thiết kế - Quan sát và đánh giá các giờ học. Kiểm tra 1 tiết: bài số 1. - Nội dung kiểm tra thuộc phần 1, từ chương 1 đến chương 5. - Hình thức: Tự luận	1LT 1TH 1KT	SV: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp; - SV hoàn thành bài kiểm tra số 1 GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp với nội dung bài học; - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ học tập; - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO3, CLO5, CLO6.
9	Phần 2. Lí luận giáo dục tiểu học Chương 1. Quá trình giáo dục tiểu học 1.1. Khái niệm 1.2. Bản chất quá trình giáo dục Tiểu học	1LT 2TH	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	1.3. Đặc điểm của quá trình giáo dục tiểu học 1.4. Động lực quá trình giáo dục tiểu học * Bài tập thực hành: Phân tích logic và động lực của quá trình giáo dục thông qua một hoạt động cụ thể		học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của sinh viên - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	
10	Chương 2. Nguyên tắc giáo dục tiểu học 2.1 Khái niệm chung về nguyên tắc giáo dục tiểu học 2.2 Các nguyên tắc giáo dục tiểu học 2.2.1 Đảm bảo tính mục đích của hoạt động giáo dục 2.2.2 Giáo dục gắn với cuộc sống học sinh, với thực tiễn đất nước 2.2.3 Giáo dục trong tập thể và bằng tập thể 2.2.4 Giáo dục trong lao động và bằng lao động 2.2.5 Thống nhất giữa ý thức và hành vi 2.2.6 Thống nhất giữa tôn trọng nhân cách học sinh và yêu cầu hợp lý đối với các em 2.2.7 Đảm bảo sự thống nhất giữa vai trò tổ chức, điều khiển, hướng dẫn của giáo viên và vai trò chủ thể tích cực của học sinh 2.2.8 Tính đến đặc điểm lứa tuổi, đặc điểm lớp và đặc điểm cá nhân học sinh 2.2.9 Thống nhất giữa giáo dục nhà trường với giáo dục gia đình, giáo dục	1LT 2TH	SV: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp với nội dung bài học; - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ học tập; - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	xã hội * Bài tập thực hành: Phân tích nguyên tắc giáo dục thông qua một tình huống cụ thể.			
11	Chương 3. Nhiệm vụ và nội dung giáo dục tiểu học 3.1. Khái niệm 3.1.1. Nhiệm vụ giáo dục tiểu học 3.1.2. Nội dung giáo dục tiểu học. 3.1.3. Mối quan hệ giữa nhiệm vụ và nội dung giáo dục tiểu học. 3.2. Những nhiệm vụ giáo dục tiểu học cơ bản và nội dung tương ứng. 3.2.1. Nhiệm vụ và nội dung giáo dục đạo đức 3.2.2. Nhiệm vụ và nội dung giáo dục lao động 3.2.3. Nhiệm vụ và nội dung giáo dục thể chất 3.2.4. Nhiệm vụ và nội dung giáo dục thẩm mỹ * Bài tập thực hành: Phân tích nhiệm vụ và nội dung giáo dục thông qua một kế hoạch/ hoạt động giáo dục cụ thể trong chương trình giáo dục tiểu học	1LT 2TH	SV: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp với nội dung bài học; - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ học tập; - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6.
12	Chương 4. Phương pháp giáo dục tiểu học 4.1. Khái niệm 4.2. Đặc điểm phương pháp giáo dục Tiểu học 4.3. Hệ thống phương pháp giáo dục Tiểu học 4.3.1. Nhóm các phương pháp hình thành ý thức cá nhân	1LT 2TH	SV: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp với nội	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	4.3.2. Nhóm các phương pháp tổ chức hoạt động và hình thành kỹ năng, hành vi tương ứng * Bài tập thực hành: Đánh giá việc sử dụng phương pháp hình thành ý thức cá nhân, phương pháp tổ chức hoạt động và hình thành kỹ năng, hành vi tương ứng trong giáo dục tiểu học qua băng hình, dự giờ....		dung bài học; - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ học tập; - Giao nhiệm vụ tự học.	
13	Chương 4. (tiếp theo) 4.3.3. Nhóm phương pháp kích thích hành động và điều chỉnh hành vi 4.3.4. Nhóm các phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục 4.4. Lựa chọn và vận dụng các phương pháp giáo dục * Bài tập thực hành - Đánh giá việc sử dụng phương pháp kích thích hành động và điều chỉnh hành vi, phương pháp kiểm tra và đánh giá kết quả giáo dục trong giáo dục tiểu học qua băng hình, dự giờ... - Lựa chọn phương pháp cho một hoạt động giáo dục cụ thể trong chương trình giáo dục tiểu học.	1LT 2TH	SV: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp với nội dung bài học; - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ học tập; - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6.
14	Chương 5. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp 5.1. Khái niệm 5.2. Đặc điểm của các hình thức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học 5.3. Các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học 5.3.1. Chủ điểm giáo dục	1LT 2TH	SV: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp và kỹ thuật dạy học phù hợp với nội dung bài học;	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	5.3.2. Tiết chào cờ * Bài tập thực hành: Đánh giá hình thức tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường tiểu học qua băng hình, dự giờ...		- Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ học tập; - Giao nhiệm vụ tự học.	
15	Chương 5. (tiếp theo) 5.3.3. Tiết sinh hoạt lớp * Bài tập thực hành - Quan sát và đánh giá về tiết sinh hoạt ở trường tiểu học qua băng hình, dự giờ... - Thiết kế kế hoạch và tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp chủ đề tự chọn Kiểm tra 1 tiết: Bài số 2 - Nội dung kiểm tra thuộc phần 2, từ chương 1 đến chương 5. - Hình thức: Tự luận	1LT 1TH 1KT	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Hướng dẫn ôn tập và bài kiểm tra 1 tiết SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ ôn tập, thực hiện bài kiểm tra 1 tiết	CLO2, CLO4, CLO5, CLO6.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra số 1, hình thức bài thực hành	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2	
A2.2	Bài kiểm tra số 2, hình thức bài tập cá nhân	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Hình thức tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10				

(*)Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
2	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận.	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
1	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
0	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: khối lượng kiến thức, kỹ năng thuộc nội dung chương trình đã nghiên cứu.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.1 Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1: Kiến thức phần 1 (trong các chương 1,2)	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2: Kiến thức phần 1 (trong các chương 3,4,5)	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
Tổng điểm			10

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm

1	Câu 1: Kiến thức phần 2 (trong các chương 1,2,)	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2: Kiến thức phần 2 (trong các chương 3,4,5)	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Kiến thức trong chương trình đã học từ tuần 1 đến tuần 15
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Tiêu chí đánh giá: Theo hướng dẫn chấm bài trong ngân hàng đề thi

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Câu 1 (5 điểm) Kiến thức phần 1	Theo bộ đề trong ngân hàng đề thi	Theo biểu điểm của đáp án đề thi
	- Câu 2 (5 điểm) Kiến thức phần 2		
2	Tổng điểm		10

Quảng Ninh, ngày .. tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Thị Diệp

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trình độ đào tạo: Đại học **Ngành: Giáo dục Tiểu học**

1.1. Mã học phần:	SP622006
1.2. Tên học phần:	Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	Inclusive education in primery school
1.4. Số tín chỉ:	02 (1LT, 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS Trần Thị Hòa: 0989889774
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS Nguyễn Thị Thương: 0987397227 ThS Trần Thị Kim Loan: 0936722756 ThS Vũ Thanh Hòa: 0943696526 ThS Nguyễn Thị Điệp: 0974435007
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	SP622060, SP622005
- Học phần song hành:	

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có tính hệ thống như: Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật; Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật; Dạy học hòa nhập cho trẻ khuyết tật; Phương pháp giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật, như: Giáo dục hòa nhập cho học sinh khiếm thị; Giáo dục hòa nhập cho học sinh khiếm thính; Giáo dục hòa nhập cho học sinh chậm phát triển trí tuệ; Giáo dục hòa nhập cho học sinh rối loạn phổ tự kỷ; Giáo dục hòa nhập cho học sinh chậm rồi loạn ngôn ngữ; Giáo dục hòa nhập cho học sinh rối loạn vận động; Xây dựng phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại cơ sở. Trên cơ sở kiến thức lý luận, người học có thể xây dựng và thực hiện được những kế hoạch giáo dục hòa nhập học sinh Tiểu học trong các nhà trường Tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

Người học có các kiến thức cơ bản về khuyết tật, giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật; vận dụng kiến thức vào xây dựng kế hoạch giáo dục hiệu quả và xây dựng các biện pháp hỗ trợ trẻ khuyết tật học hòa nhập.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPĐG
CLO1	Phân tích được những kiến thức cơ bản về trẻ khuyết tật và giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật.	KT viết
CLO2	Nhận diện nhu cầu, năng lực của học sinh khuyết tật	Trắc nghiệm
CLO3	Thiết kế, tổ chức và đánh giá được kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật	ĐG thực hành
CLO4	Thiết kế, tổ chức và đánh giá được các hoạt động dạy học hòa nhập phù hợp với từng dạng khuyết tật.	ĐG thực hành
CLO5	Xây dựng được phương án hỗ trợ phù hợp với học sinh khuyết tật.	ĐG thực hành
CLO6	Tích cực, chủ động, sáng tạo vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học vào việc rèn luyện năng lực nghề nghiệp của bản thân.	ĐG làm việc nhóm

5. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	I		M	I	I				
CLO 2	I	I		R	I	I				I
CLO 3	M	M	M	R	M	M				M
CLO 4	M	M	M	R	M	M				M
CLO5	M	M	M	R	M	M				M
CLO6	M	M	M	M	M	M			M	M
Tổng hợp học phần	M	M	M	R	M	M			M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1] Trần Thị Hòa, Vũ Thanh Hòa (2023), *Giáo dục hòa nhập ở trường tiểu học*, tài liệu lưu hành nội bộ Trường Đại học Hạ Long.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lê Văn Tạc (biên soạn) (2006), *Giáo dục hòa nhập trẻ khuyết tật bậc tiểu học*, NXB lao động xã hội.

[3]. Trần Thị Thiệp (2019), *Giáo trình can thiệp sớm cho trẻ khuyết tật*, NXB ĐHSPT

[4]. Nguyễn Thị Hoàng Yến (2015), *Tự kỷ, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB ĐHSP

[5]. Bùi Thị Lâm (2016), *Giáo trình can thiệp sớm cho trẻ khiếm thính*, NXB ĐHSP

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 01 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tuần 1	* Giới thiệu học phần Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật 1.1. Học sinh khuyết tật 1.1.1. Khái niệm học sinh khuyết tật 1.1.2. Phân loại khuyết tật 1.1.3. Nguyên nhân khuyết tật 1.1.4. Nhận dạng học sinh khuyết tật Thực hành: Nhận diện và mô tả được các đặc điểm của từng loại khuyết tật.	2LT 1TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Giới thiệu học phần; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ học tập.	CLO1
Tuần 2	Tiếp chương 1 1.2. Giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Bản chất của giáo dục hòa nhập 1.2.3. Các quan điểm giáo dục hòa nhập 1.2.4. Tính tất yếu của giáo dục hòa nhập 1.2.5. Quy trình giáo dục hòa nhập Thực hành - Tìm hiểu về các văn bản pháp luật quy	1LT 2TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.	CLO1

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	định về người khuyết tật và giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật. - Quay video 01 bài thuyết trình về ý nghĩa của thực hiện GDHN.			
Tuần 3	Chương 2. Quy trình giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật 2.1. Xác định năng lực và nhu cầu của học sinh khuyết tật 2.1.1. Nhu cầu của học sinh khuyết tật 2.1.2. Năng lực của học sinh khuyết tật Thực hành: Dựa trên tình trạng của một học sinh khuyết tật trong lớp hòa nhập, xác định năng lực và nhu cầu của học sinh đó.	1LT 2TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ học tập.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6
Tuần 4	Tiếp chương 2 2.2. Xây dựng mục tiêu và lập kế hoạch giáo dục cá nhân 2.2.1. Xác định mục tiêu 2.2.2. Lập kế hoạch giáo dục cá nhân Thực hành: Xây dựng mục tiêu và lập kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật (theo mẫu)	1LT2 TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6
Tuần 5	Tiếp chương 2 2.3. Đánh giá kết quả giáo dục hòa nhập 2.3.1. Khái niệm đánh giá 2.3.2. Quan điểm đánh giá 2.3.3. Quy trình đánh giá 2.3.4. Nội dung đánh giá 2.3.5. Phương pháp đánh giá Thực hành: Xây dựng kế hoạch đánh	1LT2 TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	giá trẻ khuyết tật học hòa nhập		- Giao nhiệm vụ học tập.	
Tuần 6	Chương 3. Phương pháp giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật 3.1. Giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật trí tuệ 3.1.1. Điều chỉnh phương pháp dạy học và nội dung dạy học 3.1.2. Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ và nắm bắt khái niệm 3.1.3. Phát triển kỹ năng xã hội 3.1.4. Quản lý hành vi Thực hành: Thiết kế và tổ chức hỗ trợ học sinh khuyết tật trí tuệ: - Điều chỉnh và phương pháp dạy học và nội dung dạy học; - Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ và nắm bắt khái niệm; - Phát triển kỹ năng xã hội - Quản lý hành vi	1LT 2TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; - Thực hiện nhiệm vụ thực hành theo nhóm/ cá nhân. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Tổ chức thực hành, nhận xét kết quả thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Tuần 7	Tiếp chương 3 3.2. Giáo dục hòa nhập cho học sinh rối loạn phổ tự kỉ 3.2.1. Hỗ trợ kỹ năng giao tiếp 3.2.2. Hỗ trợ kỹ năng xã hội 3.2.3. Hỗ trợ kỹ năng tư duy 3.2.4. Hỗ trợ cảm giác 3.2.5. Quản lý hành vi cho học sinh tự kỉ Thực hành: Thiết kế và tổ chức hỗ trợ học sinh tự kỉ: - Hỗ trợ kỹ năng giao tiếp; - Hỗ trợ kỹ năng xã hội; - Hỗ trợ kỹ năng tư duy; - Hỗ trợ cảm giác; - Quản lý hành vi.	1LT 2TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; - Thực hiện nhiệm vụ thực hành theo nhóm/ cá nhân. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Tổ chức thực hành, nhận xét kết quả thực hành.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			- Giao nhiệm vụ học tập.	
Tuần 8	Tiếp chương 3 3.3. Giáo dục hòa nhập cho học sinh tăng động giảm chú ý 3.3.1. Hỗ trợ hành vi 3.3.2. Hỗ trợ học tập Thực hành Thiết kế và tổ chức hỗ trợ học sinh tăng động giảm chú ý: - Hỗ trợ hành vi; - Hỗ trợ học tập.	1LT 2TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; - Thực hiện nhiệm vụ thực hành theo nhóm/ cá nhân. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Tổ chức thực hành, nhận xét kết quả thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
Tuần 9	Tiếp chương 3 3.4. Giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật ngôn ngữ 3.4.1. Hướng dẫn học sinh phát âm đúng âm vị tiếng Việt 3.4.2. Sửa lỗi phát âm bằng âm tiết trung gian 3.4.3. Hỗ trợ khắc phục nói lắp Thực hành: Thiết kế và tổ chức hỗ trợ học sinh khuyết tật ngôn ngữ: - Hướng dẫn học sinh phát âm đúng âm vị tiếng Việt; - Sửa lỗi phát âm bằng âm tiết trung gian; - Hỗ trợ khắc phục nói lắp. Kiểm tra: 1 tiết	1LT 1TH 1KT	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; - Thực hiện nhiệm vụ thực hành theo nhóm/ cá nhân. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Hoàn thành bài kiểm tra 1 tiết. - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Tổ chức thực hành, nhận xét kết quả thực	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	- Hình thức: tự luận - Nội dung: thuộc khối kiến thức, kỹ năng chương 1 đến chương 3.		hành. - Giao nhiệm vụ học tập.	
Tuần 10	Chương 4. Dạy học hòa nhập học sinh khuyết tật 4.1. Những nguyên tắc cơ bản của dạy học hòa nhập 4.2. Điều chỉnh chương trình phù hợp với khả năng và nhu cầu của học sinh khuyết tật 4.2.1. Sự cần thiết điều chỉnh chương trình 4.2.2. Phương pháp điều chỉnh Thực hành. Xây dựng các phương án điều chỉnh chương trình cho phù hợp với khả năng và nhu cầu của học sinh khuyết tật cụ thể.	2LT 1TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; - Thực hiện nhiệm vụ thực hành theo nhóm/ cá nhân; - Thực hiện nghiêm túc bài kiểm tra. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Tổ chức thực hành, nhận xét kết quả thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.	CLO1, CLO2, CLO4, CLO6
Tuần 11	Tiếp chương 4 4.3. Thiết kế và tiến hành dạy học hòa nhập 4.3.1. Thiết kế bài học hiệu quả theo hướng tiếp cận tổng thể 4.4.2. Hiểu năng lực, nhu cầu và sở thích của học sinh khuyết tật 4.4.3. Xác định yêu cầu cần đạt 4.4.4. Lựa chọn nội dung dạy học 4.4.5. Xác định, sắp xếp các hoạt động dạy học Thực hành: Dựa trên tình trạng của một học sinh khuyết tật trong lớp hòa nhập,	1LT 2TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ. - Giao nhiệm vụ học tập.	CLO1, CLO2, CLO4, CLO6

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	đề xuất những điều chỉnh về môi trường học tập cho phù hợp với học sinh.			
Tuần 12	Tiếp chương 4 Thực hành: Thiết kế kế hoạch dạy học hòa nhập (đối tượng HS khuyết tật: Tự kỉ; Chậm phát triển trí tuệ; Tăng động, giảm chú ý; Khuyết tật ngôn ngữ)	3TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.	CLO1, CLO2, CLO4, CLO6
Tuần 13	Tiếp chương 4 Thực hành: Tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học hòa nhập (đối tượng HS khuyết tật: Tự kỉ; Chậm phát triển trí tuệ; Tăng động, giảm chú ý; Khuyết tật ngôn ngữ). Địa điểm thực hành: - Khối tiểu học Trường Thực hành Sư phạm	3TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.	CLO1, CLO2, CLO4, CLO6
Tuần 14	Chương 5. Hỗ trợ giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật 5.1. Hỗ trợ giáo dục hòa nhập 5.1.1. Nhóm bạn bè 5.1.2. Nhóm hỗ trợ cộng đồng Thực hành: Thiết kế hoạt động nhằm nâng cao nhận thức/ tạo sự gắn kết giữa học sinh khuyết tật và học sinh khác trong lớp.	2LT 1TH	Người học: - Thực hiện nhiệm vụ học tập/ thực hành theo nhóm/ cá nhân; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Tổ chức thực hành, nhận xét kết quả thực hành. - Giao nhiệm vụ học	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			tập.	
Tuần 15	Tiếp chương 5. 5.2. Xây dựng phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại cơ sở 5.2.1. Khái niệm phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập 5.2.2. Hình thành và quản lý phòng hỗ trợ 5.2.3. Vận hành và hỗ trợ giáo dục hòa nhập Thực hành Xây dựng các biện pháp hỗ trợ học sinh khuyết tật (cụ thể) tại phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập. Kiểm tra 1 tiết - Hình thức: Tự luận - Nội dung: bao gồm các kiến thức, kỹ năng thuộc chương 4,5.	2TH 1KT	Người học: - Thực hiện nhiệm vụ thực hành theo nhóm/cá nhân; - Thực hiện nghiêm túc bài kiểm tra. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức thực hành, nhận xét. - Hướng dẫn ôn tập, đánh giá học phần.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với người học; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra số 1, hình thức bài thực hành	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2	
A2.2	Bài kiểm tra số 2, hình thức bài tập cá nhân	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Hình thức tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	

Công thức tính điểm tổng kết: $(A1 \times 1 + A2 \times 3 + A3 \times 6): 10$

(*) Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến 70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
0-5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.1. Rubic đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 (Kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1, 2) - Giáo dục hòa nhập, bản chất giáo dục hòa nhập; - Những mặt tích cực của giáo dục hòa nhập; - Nội dung tìm hiểu nhu cầu, năng lực học sinh	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề.	3.5
		- Trình bày logic, khoa học.	0.5
		- Liên hệ thực tiễn	1.0

	khuyết tật; - Quan điểm đánh giá giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật. - Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật.		
2	Câu 2 (Kiến thức, kỹ năng thuộc chương 3) - Giáo dục hòa nhập cho học sinh tự kỷ; - Giáo dục hòa nhập cho học sinh tăng động giảm chú ý; - Giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật trí tuệ; - Giáo dục hòa nhập cho học sinh chậm phát triển trí tuệ	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
Tổng điểm			10

Bảng 6.2. Rubric đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 (Kiến thức, kỹ năng thuộc chương 4) - Nguyên tắc cơ bản của giáo dục hòa nhập; - Điều chỉnh chương trình phù hợp với học sinh khuyết tật - Thiết kế bài dạy học hòa nhập có hiệu quả	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2 (Kiến thức, kỹ năng thuộc chương 5) - Hỗ trợ giáo dục hòa nhập - Xây dựng phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại cơ sở.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Kiến thức, kỹ năng chương 1, 2, 3, 4, 5.

- Hình thức: Bài thi tự luận

- Thời gian: 90 phút

Bảng 7. Rubric đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 (2 điểm) Kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1 hoặc chương 5 - Giáo dục hòa nhập, bản chất giáo dục hòa nhập;	Theo bộ đề trong ngân hàng đề thi	Theo biểu điểm của đáp án đề

	- Những mặt tích cực của giáo dục hòa nhập; - Hỗ trợ giáo dục hòa nhập - Xây dựng phòng hỗ trợ giáo dục hòa nhập tại cơ sở.		thi
2	Câu 2 (4 điểm) Kiến thức, kỹ năng thuộc chương 2 hoặc chương 4 - Nội dung tìm hiểu nhu cầu, năng lực học sinh khuyết tật; - Quan điểm đánh giá giáo dục hòa nhập học sinh khuyết tật. - Xây dựng kế hoạch giáo dục cá nhân cho học sinh khuyết tật. - Nguyên tắc cơ bản của giáo dục hòa nhập; - Điều chỉnh chương trình phù hợp với học sinh khuyết tật - Thiết kế bài dạy học hòa nhập có hiệu quả		
3	Câu 3 (4 điểm) Kiến thức, kỹ năng thuộc chương 3 - Giáo dục hòa nhập cho học sinh tự kỉ; - Giáo dục hòa nhập cho học sinh tăng động giảm chú ý; - Giáo dục hòa nhập cho học sinh khuyết tật trí tuệ; - Giáo dục hòa nhập cho học sinh chậm phát triển trí tuệ		
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Nguyễn Thị Thương

Trần Thị Hòa

6.2.22. Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học **Ngành: Giáo dục Tiểu học**

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622007
1.2. Tên học phần:	Tổ chức hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	Experiential activities in elementary school
1.4. Số tín chỉ:	2 (1LT, 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45 giờ
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Nguyễn Thị Diệp: 0974435007
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Nguyễn Thị Thương: 0987397227 Trần Thị Kim Loan: 0936722756 Trần Thị Hòa: 0989889774 Vũ Thanh Hòa: 0943696526
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	SP622060
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần:

Học phần cung cấp cho người học nội dung cơ bản về một số vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm trong nhà trường Tiểu học; các hình thức tổ chức hoạt động trải nghiệm như sinh hoạt dưới cờ, hoạt động trải nghiệm theo chủ đề, hoạt động trải nghiệm định kỳ, hoạt động sinh hoạt cuối tuần và các câu lạc bộ trong trường Tiểu học; các phương pháp và công cụ đánh giá hoạt động trải nghiệm. Qua đó, người học có thể thiết kế và tổ chức hiệu quả các hoạt động trải nghiệm cho học sinh trong nhà trường Tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

Người học có các kiến thức, kỹ năng về thiết kế kế hoạch, tổ chức và đánh giá các hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học; phối hợp với các lực lượng giáo dục tổ chức và phát triển chương trình hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPĐG
CLO1	Phân tích được bản chất của hoạt động trải nghiệm trong hoạt động giáo dục, bản chất của năng lực và sáng tạo thông qua hoạt động, vai trò của hoạt động trải nghiệm với việc hình thành phẩm chất và năng lực chung cho học sinh tiểu học.	Vấn đáp, bài tập nhóm,
CLO2	Phân tích được quan điểm xây dựng, đặc điểm, mục tiêu, yêu cầu cần đạt và nội dung hoạt động trải nghiệm ở tiểu học.	Quan sát, vấn đáp, bài tập nhóm, bài tập dự án, thực hành
CLO3	Lựa chọn và thiết kế được kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học phù hợp.	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm,
CLO4	Tổ chức được các dạng hoạt động trải nghiệm khác nhau cho học sinh tiểu học.	Vấn đáp, bài tập nhóm,
CLO5	Đánh giá được hoạt trải nghiệm của học sinh tiểu học.	Quan sát, vấn đáp, bài tập nhóm, bài tập dự án, thực hành

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	M	M	R	A		M	I		M	M
CLO2	M	M	M	A		M	I		A	A
CLO3	M	M	R	A		M	I		M	A

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO4	M	A	M	A		A	I		A	A
CLO5	A	A	M	A		A	I		A	A
Tổng hợp học phần	M	M	M	A		M	I		A	A

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1] Đinh Thị Kim Thoa (chủ biên) (2021), *Hướng dẫn tổ chức hoạt động trải nghiệm theo chương trình giáo dục phổ thông mới*, NXB Đại học Sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Cục nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Kỹ năng xây dựng và tổ chức các hoạt động trải nghiệm trong trường Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

[3] Bộ Giáo dục và đào tạo (2018), Chương trình giáo dục phổ thông hoạt động trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm và hướng nghiệp, ban hành kèm theo thông tư 32/2018/TT-BGDĐT

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 01 bài tự luận.

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giới thiệu học phần (*) Chương 1: Cơ sở lý luận và thực tiễn của hoạt động trải nghiệm 1.1. Học qua trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm 1.2. Phát triển năng lực và sáng tạo thông qua hoạt động 1.3. Hoạt động trải nghiệm trong chương trình giáo dục của một số quốc gia. * Nhiệm vụ thực hành:	1LT 2TH	GV: - Giới thiệu học phần - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học - Giao nhiệm vụ tự học NH: Thực hiện các nhiệm vụ học tập	CLO1

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	- Suru tầm hình ảnh về hoạt động trải nghiệm của học sinh tiểu học			
2	Chương 1: (tiếp theo) 1.4. Khái quát về chương trình hoạt động trải nghiệm ở Tiểu học 1.4.1. Đặc điểm hoạt động trải nghiệm 1.4.2. Quan điểm xây dựng chương trình 1.4.3. Mục tiêu và yêu cầu cần đạt 1.4.4. Nội dung hoạt động trải nghiệm * Nhiệm vụ thực hành: - Suru tầm các kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm của học sinh tiểu học	1LT 2TH	NH: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của NH - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH	CLO1
3	Chương 2: Thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học 2.1. Hướng dẫn chung 2.2. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm 2.2.1. Sinh hoạt dưới cờ 2.2.1.1. Mục đích, ý nghĩa 2.2.1.2. Yêu cầu đối với sinh hoạt dưới cờ 2.2.1.3. Gợi ý chủ đề và phương thức sinh hoạt dưới cờ * Nhiệm vụ thực hành: - Suru tầm hình ảnh, video, kế hoạch tổ chức sinh hoạt dưới cờ cho học sinh tiểu học.	2LT 1TH	NH: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của NH - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
4	Chương 2: (tiếp theo) * Thực hành: - Thiết kế một kế hoạch sinh hoạt	3TH	NH: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học;	CLO1 CLO2 CLO3

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	dưới cờ theo chủ đề. - Thực hành tổ chức hoạt động sinh hoạt dưới cờ theo chủ đề.		- Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của NH - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO4
5	Chương 2: (tiếp theo) 2.2.2. Sinh hoạt lớp 2.2.2.1. Mục đích, ý nghĩa 2.2.2.2. Yêu cầu đối với giờ sinh hoạt lớp 2.2.2.3. Các bước thực hiện sinh hoạt lớp. * Nhiệm vụ thực hành: - Sưu tầm hình ảnh, video và kế hoạch sinh hoạt lớp cho học sinh tiểu học	2LT 1TH	NH: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của NH - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
6	Chương 2: (tiếp theo) - Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động sinh hoạt lớp theo chủ đề cho học sinh tiểu học.	3TH	NH: - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của NH - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
7	Chương 2: (tiếp theo) 2.2.3. Hoạt động trải nghiệm thường xuyên 2.2.3.1. Mục đích, yêu cầu 2.2.3.2. Yêu cầu đối với hoạt động	2LT 1TH	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH - Giao nhiệm vụ tự học. NH:	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	trải nghiệm thường xuyên 2.2.3.3. Phương thức tổ chức hoạt động trải nghiệm thường xuyên hiện sinh hoạt lớp. * Nhiệm vụ thực hành: - Sưu tầm hình ảnh, video và kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm thường xuyên cho học sinh tiểu học		- Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu - Tiếp nhận nhiệm vụ tự học.	
8	Chương 2: (tiếp theo) - Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động trải nghiệm thường xuyên cho học sinh tiểu học.	3TH	NH: - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của NH - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
9	Chương 2: (tiếp theo) 2.2.4. Hoạt động trải nghiệm định kỳ 2.2.4.1. Mục đích, ý nghĩa 2.2.4.2. Lựa chọn chuyến đi 2.2.4.3. Kế hoạch hậu cần 2.2.4.4. Chuẩn bị cho học sinh trước chuyến đi 2.2.4.5. Thực hiện chuyến đi 2.2.4.6. Hoạt động sau chuyến đi 2.2.4.7. Đánh giá hoạt động. * Nhiệm vụ thực hành: - Sưu tầm hình ảnh, video và kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm định kỳ cho học sinh tiểu học	2LT 1TH	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH - Giao nhiệm vụ tự học. NH: - Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu - Tiếp nhận nhiệm vụ tự học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
10	Chương 2: (tiếp theo) * Nhiệm vụ thực hành: - Thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm định kỳ theo kế	3TH	NH: - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV:	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	hoạch của nhà trường		- Đánh giá kết quả tự học của NH - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH - Giao nhiệm vụ tự học.	
11	Tiếp chương 2 2.2.5. Hoạt động câu lạc bộ 2.2.5.1. Một số vấn đề chung về câu lạc bộ trong trường phổ thông 2.2.5.3. Quy trình thành lập, hoạt động và giải thể của câu lạc bộ * Nhiệm vụ thực hành: - Sưu tầm hình ảnh, video và kế hoạch tổ chức câu lạc bộ cho học sinh tiểu học	2LT 1TH	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH - Giao nhiệm vụ tự học. NH: - Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu - Tiếp nhận nhiệm vụ tự học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
12	Tiếp chương 2 * Nhiệm vụ thực hành: - Thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm theo hình thức câu lạc bộ Kiểm tra 1 tiết (bài số 1)	2TH 1KT	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học và bài kiểm tra 1 tiết NH: - Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học - Thực hiện bài kiểm tra 1 tiết	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
13	Tiếp chương 2 * Nhiệm vụ thực hành - Tổ chức dự giờ thực tế hoạt động trải nghiệm cho học sinh tiểu học.	3TH	GV: - Liên hệ với trường tiểu học tổ chức hoạt động thực hành cho sinh viên - Giao nhiệm vụ thực hành	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			SV: - Thực hiện nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu	
14	Chương 3: Đánh giá hoạt động trải nghiệm của học sinh tiểu học 3.1. Quan điểm và yêu cầu trong đánh giá 3.2. Quy trình đánh giá 3.3. Mục tiêu và nội dung đánh giá. * Nhiệm vụ thực hành - Suu tầm các video tổ chức hoạt động trải nghiệm, xác định mục tiêu và nội dung đánh giá của các hoạt động trải nghiệm đã suu tầm.	2LT 1TH	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học - Giao nhiệm vụ tự học. NH: - Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
15	Chương 3: (tiếp theo) 3.4. Phương pháp và công cụ đánh giá 3.4.1. Các hình thức và phương pháp đánh giá năng lực 3.4.2. Các công cụ đánh giá * Nhiệm vụ thực hành: - Xác định phương pháp đánh giá cho hoạt động trải nghiệm cụ thể. - Thiết kế công cụ đánh giá phù hợp với mục tiêu và nội dung và phương pháp đánh giá. Kiểm tra 1 tiết số 2 - Nội dung kiểm tra thuộc kiến thức và kỹ năng chương 3.	1LT 1TH 1KT	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học - Tổ chức kiểm tra 1 tiết - Hướng dẫn ôn tập NH: - Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu - Thực hiện bài kiểm tra 1 tiết - Tiếp nhận nhiệm vụ ôn tập.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra số 1, hình thức bài thực hành	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2	
A2.2	Bài kiểm tra số 2, hình thức bài tập cá nhân	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Hình thức tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10				

(*) Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5: Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến 70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
0-5	Tham dự ít hơn 80% số	Thái độ học tập không	Thực hiện ít hơn 50% các

	tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	tích cực	nhiệm vụ học tập giảng viên giao

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: Trong bảng 4
- Hình thức: Kiểm tra tự luận
- Thời gian: 50 phút (1 tiết)

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm cho bài kiểm tra số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Đặt tên cho hoạt động	Đảm bảo tên hoạt động rõ ràng, chính xác, ngắn gọn; phản ánh được chủ đề và nội dung của hoạt động; tạo được ấn tượng ban đầu cho học sinh	1.0
2	Xác định mục tiêu của hoạt động	Mục tiêu rõ ràng, cụ thể, phù hợp; phản ánh mức độ của yêu cầu cần đạt.	1.0
3	Xác định nội dung và hình thức hoạt động	- Nội dung phù hợp với chủ đề, mục tiêu, điều kiện tổ chức và khả năng của người học - Hình thức phù hợp với nội dung	1.0
4	Chuẩn bị hoạt động	- Đảm bảo chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt	1.0
5	Thiết kế các hoạt động	- Các hoạt động phù hợp (ít nhất 3 hoạt động), các bước rõ ràng, phụ lục (nếu có).	5.0
6	Tổng kết hoạt động	- Tổng kết lại hoạt động, đưa ra các bài học giáo dục	1.0
Tổng điểm			10

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm cho bài kiểm tra số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn phù hợp	3.0 0,5 1.5
2	Câu 2	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề.	3.0

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		- Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn phù hợp	0,5 1.5
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần:

- Nội dung: Kiến thức trong chương trình đã học từ tuần 1 đến tuần 15
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Tiêu chí đánh giá: Theo hướng dẫn chấm bài trong ngân hàng đề thi

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Câu 1 (5 điểm) - Kiến thức chương 1, 2, 3 + Cơ sở lí luận và thực tiễn của hoạt động trải nghiệm + Xây dựng và tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học + Đánh giá hoạt động trải nghiệm của học sinh tiểu học - Câu 2 (5 điểm) - Kỹ năng thiết kế và đánh giá hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học	Theo bộ đề trong ngân hàng đề thi	Theo biểu điểm của đáp án đề thi
2	Tổng điểm		10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Nguyễn Thị Thương

Nguyễn Thị Diệp

6.2.23. Nghiên cứu khoa học trong giáo dục phổ thông

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học **Ngành: Đào tạo giáo viên phổ thông**

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622061
1.2. Tên học phần:	Nghiên cứu khoa học trong giáo dục phổ thông
1.3. Tên tiếng Anh:	
1.4. Số tín chỉ:	02 (1LT, 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS Nguyễn Thị Thương: 0987397227
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS Vũ Vương Trường: 0976955888 ThS Trần Thị Kim Loan: 0936722756 ThS Trần Thị Hòa: 0989889774 ThS Vũ Thanh Hòa: 0943696526 ThS Nguyễn Thị Điệp: 0974435007
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả môn học:

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về hoạt động nghiên cứu khoa học, từ xác định vấn đề nghiên cứu, biết lựa chọn các phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp, cách xây dựng thuyết minh đề tài nghiên cứu và cách viết một báo cáo tổng hợp hoàn chỉnh. Trên cơ sở những kiến thức nghiên cứu khoa học cơ bản, người học thực hiện được hoạt động nghiên cứu những vấn đề khoa học khác nhau trong chuyên ngành đào tạo của bản thân.

3. Mục tiêu học phần

Người học có các kiến thức, kỹ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học cơ bản và thực hiện được hoạt động nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp đánh giá
CLO1	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu trong hoạt động nghiên cứu khoa học giáo dục và học tập.	Vấn đáp, bài tập nhóm
CLO2	Phân tích được logic tiến trình thực hiện một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục	Quan sát, vấn đáp, bài tập nhóm, bài tập dự án, thực hành
CLO3	Xây dựng được thuyết minh đề cương nghiên cứu khoa học giáo dục	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm,
CLO4	Viết được báo cáo tổng hợp cho một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục.	Vấn đáp, bài tập nhóm,
CLO5	Đánh giá được sản phẩm nghiên cứu khoa học giáo dục	Quan sát, vấn đáp, bài tập nhóm, bài tập dự án, thực hành
CLO6	Phân tích được những vấn đề cơ bản và áp dụng được nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng vào thực tế giáo dục phổ thông.	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	I	R			R	M			M	A
CLO2	I	R			R	M			R	A
CLO3	I	R			R	M			R	A
CLO4	I	R			R	M	M		R	A
CLO5	I	R			R	M	M		R	A
CLO6	I	R			R	M			R	A
Tổng hợp học phần	I	R			R	M	M		R	A

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1] Nguyễn Thị Thương (chủ biên), Trần Thị Hòa (2023), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học* – Tài liệu lưu hành nội bộ, Trường Đại học Hạ Long.

[2] Bộ Giáo dục và đào tạo, Dự án Việt – Bỉ (2010), *Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng*, NXB Đại học Sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[3] Vũ Cao Đàm, (2015) *Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Giáo dục Việt Nam.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: Sinh viên được chọn 1 trong các hình thức sau: Viết bài tiểu luận thay thế bài thi; viết 01 (một) bài báo khoa học được đăng trên trang web của trường Đại học Hạ Long hoặc trên các tạp chí chuyên ngành; thi kết thúc học phần với hình thức tự luận.

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giới thiệu học phần (*) Chương 1: Khoa học và nghiên cứu khoa học (3 tiết) 1.1. Khoa học 1.2. Nghiên cứu khoa học 1.3. Một số hình thức tổ chức NCKH	3 LT	GV: Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; Giao nhiệm vụ tự học cho sinh viên. SV: Thảo luận; Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV tổ chức.	CLO1
2	Chương 2: Phương pháp nghiên cứu khoa học (15 tiết) 2.1. Phương pháp nghiên cứu khoa học 2.2. Hệ thống các phương pháp nghiên cứu khoa học 2.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lý thuyết 2.2.1.1. Phương pháp phân tích –	1LT 2TH	GV: Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; Giao nhiệm vụ tự học cho sinh viên. SV: Thảo luận; Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV	CLO1

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	tổng hợp lý thuyết 2.2.1.2. Phương pháp phân loại và hệ thống hóa lý thuyết Thực hành: Vận dụng phương pháp phân tích tổng hợp; phân loại và hệ thống hóa lý thuyết trong một đề tài nghiên cứu khoa học cụ thể.		tổ chức.	
3	Tiếp chương 2. 2.2.1.3. Phương pháp mô hình hóa 2.2.1.4. Phương pháp giả thuyết 2.2.1.5. Phương pháp nghiên cứu lịch sử Thực hành: Vận dụng phương pháp mô hình hóa, giả thuyết, nghiên cứu lịch sử trong một đề tài nghiên cứu khoa học cụ thể.	1LT 2TH	GV: Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; Giao nhiệm vụ tự học cho sinh viên. SV: Thảo luận; Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV tổ chức.	CLO1
4	Tiếp chương 2 2.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn 2.2.2.1. Phương pháp quan sát 2.2.2.2. Phương pháp điều tra bằng anket 2.2.2.3. Điều tra bằng trò chuyện 2.2.2.4. Điều tra bằng trắc nghiệm (test) 2.2.2.5. Phương pháp thực nghiệm khoa học Thực hành: - Xây dựng kế hoạch quan sát; phiếu điều tra bằng anket cho một đề tài nghiên cứu cụ thể. - Xây dựng kế hoạch trò chuyện để thu thập thông tin - Xây dựng quy trình thực nghiệm	1LT 2TH	GV: Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; Giao nhiệm vụ tự học cho sinh viên. SV: Thảo luận; Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV tổ chức.	CLO1

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
5	Tiếp chương 2 2.2.2.6. Phương pháp phân tích tổng kết kinh nghiệm 2.2.2.7. Phương pháp chuyên gia 2.2.3. Phương pháp toán học 2.4. Lựa chọn các phương pháp nghiên cứu phù hợp với đề tài nghiên cứu khoa học Thực hành: Xây dựng kế hoạch thu thập thông tin phục vụ cho một đề tài nghiên cứu khoa học bằng phương pháp tổng kết kinh nghiệm và phương pháp chuyên gia; Lựa chọn công thức toán học phù hợp và xử lý được dữ liệu thu thập được.	1LT 2TH	GV: Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; Giao nhiệm vụ tự học cho sinh viên. SV: Thảo luận; Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV tổ chức.	CLO1
6	Chương 2: (tiếp theo) Bài tập thực hành: - Tự chọn một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục tiểu học. - Xác định các phương pháp nghiên cứu khoa học phù hợp cho đề tài đó - Xác định mục đích, nội dung, cách thực hiện và xây dựng công cụ nghiên cứu cho đề tài đó. *Kiểm tra 1 tiết (bài số 1) - Hình thức tự luận - Kiến thức: chương 1,2	2TH 1KT	GV: Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; Giao nhiệm vụ tự học cho sinh viên. Thiết kế bài kiểm tra số 1 SV: Thảo luận; Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV tổ chức;	CLO1 CLO4
7	Chương 3: Logic tiến trình một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục (15 tiết) 3.1. Giai đoạn chuẩn bị 3.1.1. Xác định vấn đề nghiên cứu (xác định đề tài nghiên cứu) 3.1.1.1. Chọn đề tài nghiên cứu.	1LT 2TH	GV: Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; Giao nhiệm vụ tự học cho sinh viên. SV: Thảo luận; Thực hiện	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	3.1.1.2. Đặt tên đề tài 3.1.2. Xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học 3.1.2.1. Lý do chọn đề tài 3.1.2.2. Mục tiêu nghiên cứu 3.1.2.3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu 3.1.2.4. Nêu giả thuyết nghiên cứu Thực hành: Chọn đề tài nghiên cứu; đặt tên đề tài, viết lý do chọn đề tài xác định Mục tiêu nghiên cứu; Khách thể và đối tượng nghiên cứu; Nêu giả thuyết nghiên cứu cho đề tài vừa xác định.		các nhiệm vụ học tập do GV tổ chức.	
8	3.1.2.5. Giới hạn và phạm vi nghiên cứu 3.1.2.6. Nhiệm vụ nghiên cứu 3.1.2.7. Phương pháp nghiên cứu 3.1.2.8. Cái mới, đóng góp của đề tài 3.1.2.9. Nội dung nghiên cứu Thực hành: Xác định Giới hạn và phạm vi nghiên cứu; nhiệm vụ nghiên cứu; Phương pháp nghiên cứu; xác định cái mới, đóng góp của đề tài; Nội dung nghiên cứu cho một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục cụ thể	1LT 2TH	GV: Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; Giao nhiệm vụ tự học cho sinh viên. SV: Thảo luận; Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV tổ chức.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
9	Tiếp chương 3 3.1.2.10. Danh mục tài liệu tham khảo 3.1.2.11. Kế hoạch nghiên cứu và tiến độ thực hiện	1LT 2TH	GV: Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; Giao nhiệm vụ tự học cho sinh viên.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	Thực hành: - Xác định các tài liệu tham khảo và kế hoạch nghiên cứu và tiến độ thực hiện cho một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục cụ thể - Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ khoa học cho một đề tài nghiên cứu thuộc lĩnh vực khoa học giáo dục.		SV: Thảo luận; Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV tổ chức.	
10	Tiếp chương 3 3.2. Giai đoạn thực hiện công trình khoa học 3.2.1. Thu thập và xử lý thông tin 3.2.1.1. Nội dung thu thập thông tin 3.2.1.2. Phương pháp thu thập thông tin 3.2.2. Tổ chức thực nghiệm khoa học (nếu có). Thực hành: Thực hiện các hoạt động thu thập và xử lý thông tin cho đề tài đã lựa chọn. Xây dựng kế hoạch thực nghiệm khoa học.	1LT 2TH	GV: Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; Giao nhiệm vụ tự học cho sinh viên. SV: Thảo luận; Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV tổ chức.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
11	Tiếp chương 3 3.3. Giai đoạn viết công trình, công bố và trình bày kết quả nghiên cứu 3.3.1. Viết công trình 3.3.2. Trình bày kết quả nghiên cứu 3.3.2.1. Một số hình thức công bố kết quả nghiên cứu 3.3.2.2. Hình thức trình bày báo cáo kết quả nghiên cứu 3.4. Giai đoạn bảo vệ, nghiệm thu công trình	1LT 2TH	GV: Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; Giao nhiệm vụ tự học cho sinh viên. SV: Thảo luận; Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV tổ chức.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	Thực hành: Tập trình bày một báo cáo khoa học hoàn chỉnh.			
12	Chương 4: Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng (NCKHSPUD)- 9 tiết 4.1. Khái quát về NCKH SPUD 4.2. Các bước tiến hành NCKH SPUD 4.2.1. Bước 1: Xác định đề tài nghiên cứu 4.2.1.1. Tìm hiểu hiện trạng 4.2.1.2. Đưa ra giải pháp thay thế 4.2.1.3. Xác định vấn đề nghiên cứu 4.2.1.4. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu * Nhiệm vụ thực hành - Xác định đề tài NCKHSPUD cá nhân - Xây dựng giả thuyết nghiên cứu cho đề tài đã chọn.	3LT	GV: Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; Giao nhiệm vụ tự học cho sinh viên. SV: Thảo luận; Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV tổ chức.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
13	Chương 4: (tiếp theo) 4.2.2. Bước 2: Lựa chọn thiết kế nghiên cứu 4.2.3. Bước 3: Đo lường, thu thập dữ liệu 4.2.3.1. Thu thập dữ liệu 4.2.3.2. Độ tin cậy và độ giá trị 4.2.4. Bước 4: Phân tích dữ liệu 4.2.4.1. Mô tả dữ liệu 4.2.4.2. So sánh dữ liệu * Nhiệm vụ thực hành - Thực hành bước 2,3 của đề tài đã chọn. - Lập kế hoạch nghiên cứu cho đề tài đã chọn	2LT 1TH	GV: Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; Giao nhiệm vụ tự học cho sinh viên. SV: Thảo luận; Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV tổ chức.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
14	Chương 4: (tiếp theo) 4.2.5. Bước 5: Báo cáo đề tài NCKH SPUD 4.2.5.1. Mục đích của báo cáo NCKHSPUD 4.2.5.2. Nội dung cơ bản của báo cáo 4.2.5.3. Cấu trúc của báo cáo * Nhiệm vụ thực hành - Viết báo cáo đề tài NCKHSPUD	1LT 2TH	GV: Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; Giao nhiệm vụ tự học cho sinh viên. SV: Thảo luận; Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV tổ chức.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
15	Chương 5. Đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học (3 tiết) 5.1. Các tiêu chí đánh giá một công trình nghiên cứu KH 5.2. Phương pháp đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học Thực hành: Đánh giá một sản phẩm nghiên cứu khoa học cụ thể Bài kiểm tra 1 tiết số 2 + Hình thức tự luận. + Nội dung: Kiến thức lý thuyết, kỹ năng thuộc chương 3,4,5.	1LT 1TH 1KT	GV: Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; Thiết kế đề bài kiểm tra. SV: Thảo luận; Thực hiện các nhiệm vụ học tập do GV tổ chức. Thực hiện bài kiểm tra số 2.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra số 1, hình thức bài thực hành	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2	
A2.2	Bài kiểm tra số 2, hình thức bài	- Câu hỏi	CLO1, CLO2	

	tập cá nhân	- Bài tập	CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Hình thức tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10				

(*) Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: Trong bảng 6
- Hình thức: Kiểm tra tự luận
- Thời gian: 50 phút (1 tiết)

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề, đảm bảo tình phù hợp với kiến thức, kỹ năng đã học	3.0
		- Trình bày logic, khoa học	1.0
		- Phù hợp với thực tiễn	1.0
2	Câu 2	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề, đảm bảo tình phù hợp với kiến thức, kỹ năng đã học	3.0
		- Trình bày logic, khoa học.	1.0
		- Phù hợp với thực tiễn	1.0
Tổng điểm			10

9.2.3. *Thi kết thúc học phần:* SV thực hiện 1 trong các hình thức sau

- Bài tiểu luận: 20% (số sinh viên trong lớp)
- Đăng ký viết 01 bài báo khoa học và được đăng trên tạp chí khoa học của trường Đại học Hạ Long hoặc các tạp chí quốc gia có chỉ số ISSN (sản phẩm là 1 bài báo khoa học đã được đăng theo yêu cầu của phòng quản lý khoa học và hợp tác quốc tế hoặc tòa soạn của tạp chí). Thời gian được tính bài báo thay thế: nộp sản phẩm về phòng Khảo thí và đảm bảo chất lượng sau 1 tuần khi kết thúc chương trình học.
- Thi cuối kỳ: Hình thức tự luận

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài tiểu luận thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Tên đề tài:	Tên đề tài rõ ràng, cụ thể, thể hiện được tính cấp thiết, tính thực tiễn, tính đơn trị	0,5
2	Mục lục, danh mục những chữ viết tắt và danh mục bảng biểu	Trình bày đầy đủ, đúng quy định	0,5
3	Lí do chọn đề tài:	Trình bày rõ lý do chọn đề tài trên cơ sở lý luận và thực tiễn của vấn đề nghiên cứu	1,0
4	Mục tiêu nghiên cứu:	Xác định rõ ràng, khoa học, phù hợp với vấn đề nghiên cứu	0,5
5	Đối tượng và khách thể nghiên cứu	Xác định rõ ràng, chính xác, phù hợp với vấn đề nghiên cứu	0,5
6	Nhiệm vụ nghiên cứu	Các nhiệm vụ xác định phù hợp với vấn đề nghiên cứu	1,0
7	Phương pháp nghiên cứu:	Xác định được các PPNC theo từng nhóm, nêu được mục đích, lý do sử dụng từng phương pháp cụ thể. Nếu có sử dụng PP điều tra, phải có mẫu phiếu điều tra trong phụ lục	1,5
8	Bố cục của đề tài và cách trình bày	Trình bày đầy đủ, rõ ràng theo quy định	0,5
9	Xây dựng cơ sở lý luận của đề tài	Đề tài đã xây dựng được cơ sở lý luận phù hợp với vấn đề nghiên cứu. Nội dung cơ sở lý luận logic và khai thác được thông tin từ nguồn tài liệu tham khảo. Có phần tiểu kết.	1,5
10	Luận cứ thực tiễn và thực nghiệm (nếu có)	Đề tài đã xử lý được thông tin dựa trên các phương pháp nghiên cứu thực tiễn. Trình bày logic, chặt chẽ, có lý giải được ý nghĩa của các số liệu đã thu thập được. Có phần tiểu kết.	1,5
11	Kết luận và khuyến nghị	Rõ ràng, cụ thể, phù hợp với nội dung nghiên cứu	0,5
12	Tài liệu tham khảo và phụ lục	Sắp xếp thứ tự các tài liệu tham khảo theo quy định. Phụ lục trình bày theo đúng quy định.	0,5
Tổng cộng			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường Nguyễn Thị Thương Nguyễn Thị Thương

6.2.24. Tiếng Việt thực hành

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học **Ngành: Giáo dục Tiểu học**

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622009
1.2. Tên học phần:	Tiếng Việt thực hành
1.3. Tên tiếng Anh:	Vietnamese in use
1.4. Số tín chỉ:	2 (1LT + 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45 giờ
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Bế Thị Thu Huyền
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Bùi Thị Lan Hương ThS. Hà Ngọc Yến ThS. Nguyễn Hữu Tới
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	SP622023

2. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Việt thực hành thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kì 1 cho sinh viên năm thứ nhất. Tiếng Việt thực hành là học phần kiến thức cơ bản về Tiếng Việt với năm phần. Phần 1: Rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản. Phần 2: Rèn kĩ năng đọc thành tiếng. Phần 3: Rèn kĩ năng viết chữ. Phần 4: Rèn kĩ năng viết văn bản. Phần 5: Rèn các kĩ năng nghe – nói. Những kiến thức này là cơ sở giúp sinh viên cảm thụ tốt văn học, viết văn tốt hơn và tạo điều kiện dạy tốt môn Tiếng Việt ở tiểu học sau này.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học (NH) có những kiến thức cơ bản về yêu cầu, cách thức

rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt; có năng lực sử dụng tiếng Việt đảm bảo yêu cầu của người giáo viên tiểu học; biết vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào các hoạt động giảng dạy và giáo dục ở bậc tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPDG
CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về phân tích, tóm tắt văn bản, một số kiểu loại văn bản: văn miêu tả, văn kể chuyện, văn tường thuật, văn nghị luận.	Vấn đáp, cá nhân, bài tập nhóm.
CLO2	Trình bày được các kiến thức cơ bản về kỹ thuật đọc thành tiếng; chữ viết và kỹ thuật viết chữ theo mẫu chữ tiểu học; những điều kiện và yêu cầu đảm bảo nghe - nói hiệu quả.	Vấn đáp, cá nhân, bài tập nhóm.
CLO3	Phân tích được các nhân tố giao tiếp trong văn bản và tóm tắt được văn bản theo yêu cầu.	Vấn đáp, cá nhân, bài tập nhóm.
CLO4	Kí mã được giọng đọc; xác định được yêu cầu đọc thành tiếng cho một đoạn/ bài trong chương trình Tiếng Việt tiểu học; đọc đúng, đọc diễn cảm được các văn bản trong sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO5	Viết đúng mẫu chữ tiểu học; trình bày được đoạn/ bài theo mẫu chữ tiểu học trong vở ô li và trên bảng lớp.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO6	Vận dụng được kiến thức về các kiểu loại văn bản vào viết được các đoạn/ bài văn miêu tả, văn kể chuyện, văn tường thuật, văn nghị luận theo đúng đặc trưng thể loại.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO7	Xây dựng được đề cương cho một bài nói; nghe và tóm tắt được nội dung của bài nghe.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO8	Nghiêm túc trong học tập; có ý thức rèn nghề, vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào các hoạt động học tập và rèn luyện nghiệp vụ của người giáo viên tiểu học.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A, cụ thể như sau:¹

¹ I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
 R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...
 M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1		R	I	I	R	R	I		I	M
CLO2		R	I	I	R	R	I		I	M
CLO3		M	I	R	R	R			I	M
CLO4		M	I	R	R	M			I	M
CLO5		M	I	R	R	M			I	M
CLO6		M	I	R	R	M			I	M
CLO7		M	I	R	R	R			I	M
CLO8		M	M	M	M	M	I	I	M	<u>M</u>
Tổng hợp học phần		M	I	R	R	M			I	M

6. Học liệu**6.1. Giáo trình chính thức**

[1]. Nguyễn Quang Ninh (chủ biên), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb. Giáo dục - Nxb. Đại học Sư phạm (Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học), 2007.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Lê A, *Chữ viết và dạy chữ viết ở tiểu học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2007.

[2]. Nguyễn Việt Bắc (chủ biên), *Giáo trình Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên*, Nxb. Giáo dục, 2007.

[3]. Bùi Minh Toán, Nguyễn Quang Ninh, *Tiếng Việt thực hành*, NXB Giáo dục, 2004.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết.

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài.

8. Kế hoạch dạy học**Bảng 3. Kế hoạch dạy học**

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	Giới thiệu học phần (*)		+ Giảng viên (GV): Giới thiệu chương trình môn học.	
1	CHƯƠNG 1. KĨ NĂNG ĐỌC HIỂU VĂN BẢN	4LT 5TH		
	1.1. Phân tích văn bản 1.1.1. Khái niệm phân tích văn bản 1.1.2. Quy trình phân tích văn bản 1.1.3. Thực hành phân tích văn bản		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	CLO1 CLO3 CLO8
	1.2. Tóm tắt văn bản 1.2.1. Khái niệm, yêu cầu tóm tắt văn bản 1.2.2. Quy trình tóm tắt văn bản <i>1.2.2.1. Định hướng tóm tắt</i> <i>1.2.2.2. Tiến hành tóm tắt</i> <i>1.2.2.3. Kiểm tra và hoàn thiện tóm tắt</i> 1.2.3. Thực hành tóm tắt văn bản		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học; - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tổng thuật văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]; + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp;	CLO1 CLO3 CLO8

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
			+ Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	
	1.3. Tổng thuật văn bản 1.3.1. Khái niệm, yêu cầu tổng thuật văn bản. 1.3.2. Quy trình tổng thuật văn bản 1.3.3. Thực hành tổng thuật văn bản		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên; + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học; - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về kĩ năng đọc thành tiếng trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]; + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	CLO1 CLO3 CLO8
	CHƯƠNG 2. KĨ NĂNG ĐỌC THÀNH TIẾNG	2LT 4TH		
2	2.1. Mục đích của việc rèn kĩ năng đọc 2.2. Các hình thức đọc 2.3. Kĩ năng đọc thành tiếng 2.3.1. Kĩ năng đọc đúng chữ cái và âm tiết tiếng Việt 2.3.2. Kĩ năng đọc biểu cảm 2.3.3. Kĩ năng đọc các thể loại văn bản khác nhau 2.4. Thực hành kĩ năng		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên; + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học; - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về kĩ năng viết chữ trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]; + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp;	CLO2 CLO4 CLO8

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	đọc thành tiếng		+ Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết;	
3	CHƯƠNG 3. KĨ NĂNG VIẾT CHỮ	3LT 5TH 1KT		
	3.1. Bảng chữ cái và mẫu dạy chữ tập viết ở tiểu học 3.1.1. Mục đích, yêu cầu rèn kĩ năng viết chữ 3.1.2. Giới thiệu bảng chữ cái và chữ số tiếng Việt 3.1.3. Mẫu chữ viết dạy trong trường tiểu học 3.2. Kĩ năng viết chữ 3.2.1. Tên gọi các nét cơ bản 3.2.2. Cách viết liền mạch 3.2.3. Cách ghi dấu thanh 3.2.4. Cự li giữa các chữ và trình bày bảng 3.2.5. Thực hành kĩ năng viết chữ		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học; - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về kĩ năng viết chính tả trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]; + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	CLO2 CLO5 CLO8
	3.3. Kĩ năng viết chính tả 3.3.1. Khái niệm chính tả 3.3.2. Đặc điểm chính tả tiếng Việt 3.3.3. Quy tắc chính tả tiếng Việt 3.3.4. Lỗi chính tả và các giải pháp nhằm viết đúng chính tả		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học;	CLO2 CLO5 CLO8

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	3.3.4. Thực hành kỹ năng viết chính tả		- Yêu cầu NH chuẩn bị: + Ôn tập kiến thức, kỹ năng Chương 1, 2, 3 chuẩn bị cho bài kiểm tra số 1. + Đọc lý thuyết về kỹ năng viết văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]; + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết.	
	Bài kiểm tra số 1	1KT	+ GV: phát đề kiểm tra. + HS: làm bài kiểm tra dưới sự hướng dẫn của GV.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO8
	CHƯƠNG 4. KỸ NĂNG VIẾT VĂN BẢN	4LT 11TH		
4	4.1. Luyện kỹ năng viết một bài văn miêu tả 4.1.1. Khái niệm, đặc trưng văn miêu tả 4.1.2. Các kiểu bài văn miêu tả 4.1.3. Tìm ý và lập dàn ý cho bài văn miêu tả 4.1.4. Thực hành viết văn miêu tả		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học; - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lý thuyết về kỹ năng đọc thành tiếng trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]; + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết.	CLO1 CLO6 CLO8
	4.2. Luyện kỹ năng viết một bài văn tường		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học;	CLO1

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	thuật 4.2.1. Khái niệm văn tường thuật 4.2.2. Tìm ý và lập dàn ý cho bài văn tường thuật 4.2.3. Thực hành viết văn tường thuật		+ Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên; + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học; - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về kĩ năng đọc thành tiếng trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]; + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	CLO6 CLO8
	4.3. Luyện kĩ năng viết một bài văn kể chuyện 4.3.1. Khái niệm văn kể chuyện 4.3.2. Tìm ý và lập dàn ý cho bài văn kể chuyện 4.3.3. Thực hành viết văn kể chuyện		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên; + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học; - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về kĩ năng đọc thành tiếng trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]; + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	CLO1 CLO6 CLO8
	4.4. Luyện kĩ năng viết một bài văn nghị luận 4.4.1. Khái niệm văn nghị luận 4.4.2. Các kiểu bài văn		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên;	CLO1 CLO6

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	nghị luận 4.4.3. Cách viết bài văn nghị luận 4.4.4. Thực hành viết văn nghị luận		+ Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học; - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về kĩ năng nghe nói trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]; + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	CLO8
5	CHƯƠNG 5. KĨ NĂNG NGHE NÓI	2LT 3TH 1KT		
	5.1. Rèn kĩ năng nói 5.1.1. Vai trò, tác dụng của việc rèn kĩ năng nói 5.1.2. Các điều kiện để nói có hiệu quả 5.1.3. Các kĩ thuật nói có hiệu quả 5.1.4. Thực hành kĩ năng nói		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học; - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về kĩ năng nghe nói trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]; + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	CLO2 CLO7 CLO8
	5.2. Rèn kĩ năng nghe 5.2.1. Vai trò, tác dụng của việc rèn kĩ năng nghe 5.2.2. Các điều kiện để nghe có hiệu quả 5.2.3. Các biện pháp để		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy	CLO2 CLO7 CLO8

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	nghe có hiệu quả 5.2.4. Thực hành kỹ năng nghe		học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học; - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Ôn tập kiến thức, kỹ năng ở Chương 4, Chương 5, chuẩn bị cho Bài kiểm tra số 2. + Ôn tập tổng hợp chuẩn bị cho Bài thi kết thúc học phần.	
	Bài kiểm tra số 2	1KT	- GV giao đề bài. - SV làm bài kiểm tra theo hướng dẫn của GV.	CLO2 CLO6 CLO7 CLO8

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của các ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kỳ				30%
A2.1	- Bài kiểm tra số 01, hình thức tự luận.	- Bảng 5a	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4 CLO5, CLO8	
A2.2	- Bài kiểm tra số 02, hình thức tự luận.	- Bảng 5b	CLO2, CLO6 CLO7, CLO8	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3	- Thi tự luận	- Bảng 6	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4 CLO5, CLO6 CLO7, CLO8	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. *Kiểm tra định kỳ*

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: Chương 1, 2, 3.

- Hình thức: tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc Chương 1.	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học. - Có ví dụ minh họa.	4
2	Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc Chương 2.	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học. - Có ví dụ minh họa.	2
3	Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc Chương 3.	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học. - Có ví dụ minh họa.	4
Tổng điểm			10

(*) *Riêng đối với Chương 2, giảng viên sẽ kết hợp kiểm tra thông qua các giờ thực hành trên lớp. Lựa chọn hình thức kiểm tra nào, GV cần thông báo trước lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.*

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: Chương 4, 5.

- Hình thức: tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc Chương 4.	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học. - Có ví dụ minh họa.	7
2	Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc Chương 5.	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học. - Có ví dụ minh họa.	3
Tổng điểm			10

9.2.3. *Thi kết thúc học phần*

- Nội dung: Chương 1 (Chương 2); Chương 3; Chương 4 (Chương 5).

- Hình thức: Tự luận.

- Thời gian: 90 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc Chương 1, Chương 2.	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học. - Có ví dụ minh họa.	3
2	Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc Chương 3.	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học. - Có ví dụ minh họa.	3
3	Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc Chương 4, Chương 5,	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học. - Có ví dụ minh họa.	4
Tổng điểm			10

(*) Nội dung thi theo Đề cương hướng dẫn ôn tập học phần.

Quảng Ninh, ngày 06 tháng 8 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Bế Thị Thu Huyền

6.2.25. Giáo dục Stem ở tiểu học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622013
1.2. Tên học phần:	Giáo dục Stem ở tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	<i>Stem education in primary students</i>
1.4. Số tín chỉ:	2 (1LT; 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thảo luận, thực hành	28 tiết
-Kiểm tra:	2 tiết
- Tự học:	45 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S: Nguyễn Thị Thương. ĐT: 0987397227
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Th.S: Trần Thị Hòa. ĐT: 0989889774
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về quá trình tổ chức hoạt động giáo dục Stem cho học sinh trong trường Tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học hiểu và vận dụng được phương pháp dạy học Stem trong giáo dục bậc tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

CLOs	Mô tả chuẩn đầu ra học phần	Phương pháp đánh giá
CLO1	Biết được những kiến thức lý luận cơ bản giáo dục Stem	Vấn đáp, bài tập nhóm,
CLO2	Xây dựng được kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá được các hoạt động giáo dục Stem theo chương trình giáo dục bậc tiểu học	Quan sát, vấn đáp, bài tập nhóm, bài tập dự án, thực hành
CLO3	Lựa chọn được các chủ đề giáo dục Stem phù hợp với thực tế địa phương	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm,

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	I	R						M	M
CLO 2		I	R		R	M	M		M	M
CLO 3			R	I	R	M	M	I	M	M
Tổng hợp học phần	I	I	R	I	R	M	M	I	M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

- [1]. Bộ GD&ĐT, Giáo dục Stem cấp tiểu học tiếp cận theo chương trình GDPT 2018, (2023)
 [2]. Tưởng Duy Hải, Giáo dục Stem trong trường Tiểu học, NXB Giáo dục Việt Nam (2021)

6.2. Tài liệu tham khảo

- [3]. Bộ GD-ĐT, *Xây dựng và thực hiện các chủ đề giáo dục Stem ở trường Trung học*, tài liệu tập huấn (2019)
 [4]. Tưởng Duy Hải, *Hoạt động giáo dục Stem lớp 3,4,5* NXB giáo dục Việt Nam (2020)
 [5]. Nguyễn Văn Biên, Tưởng Duy Hải (chủ biên), *Giáo dục Stem trong nhà trường phổ thông*, NXB Giáo dục Việt Nam (2021),

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra giữa học phần: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giới thiệu về học phần* Chương 1: Một số vấn đề chung về giáo dục Stem (4 tiết) 1.1. Giáo dục Stem 1.2. Giáo dục Stem trên thế giới 1.3. Giáo dục Stem trong chương trình giáo dục phổ thông 2018 1.4. Giáo dục Stem trong trường tiểu học 1.5. Sử dụng công nghệ số trong các chủ đề Stem 1.6. Thiết bị và cơ sở vật chất trong các chủ đề Stem	4 LT	GV: Giới thiệu chương trình - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học Thuyết trình; vấn đáp; dạy học hợp tác nhóm - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học SV: Thực hiện các nhiệm vụ học tập, Đọc tài liệu; thảo luận nhóm Chuẩn bị của SV: Thực hiện các nhiệm vụ tự học, đọc giáo trình [2], tr 2 đến tr 42	CLO1
2	Chương 2. Nguyên tắc xây dựng bài học, chủ đề Stem. (4 tiết) 2.1. Nhóm nguyên tắc về nội dung bài học Stem, chủ đề Stem 2.2. Nhóm nguyên tắc về phương pháp tổ chức 2.3. Tiêu chí với bài học Stem 2.4. Tiêu chí với chủ đề Stem 2.5. Vai trò của giáo viên 2.6. Vai trò của học sinh 2.7. Hồ sơ học tập trong giáo dục Stem	4 LT	GV Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học Thuyết trình; vấn đáp; dạy học hợp tác nhóm - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học SV: Thực hiện các nhiệm vụ học tập, Đọc tài liệu; thảo luận nhóm Chuẩn bị của SV: Thực hiện các nhiệm vụ tự học, đọc giáo trình [2], tr 43 đến tr 51	CLO1 CLO2
3	Chương 3: Quy trình xây dựng và tổ chức thực hiện giáo dục Stem ở trường tiểu học (15 tiết)	15 (5LT 9TH 1KT)	-GV Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học Thuyết trình; vấn đáp; dạy học hợp tác nhóm	CLO1 CLO2 CLO3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	3.1. Quy trình tổ chức hoạt động giáo dục Stem ở cấp tiểu học 3.1.1. Quy trình thiết kế kỹ thuật 3.1.2. Quy trình nghiên cứu khoa học 3.2. Hình thức tổ chức hoạt động giáo dục Stem ở cấp tiểu học 3.2.1. Bài học Stem 3.2.2. Hoạt động trải nghiệm Stem 3.2.3. Nghiên cứu khoa học Stem 3.3. Triển khai giáo dục Stem ở cấp tiểu học 3.3.1. Mối quan hệ giữa giáo dục Stem với một số quan điểm, phương pháp, hoạt động giáo dục khác 3.3.2. Điều kiện để triển khai hiệu quả giáo dục Stem ở cấp tiểu học Kiểm tra 1 tiết: Bài số 1 - Hình thức: Bài thực hành - Nội dung kiểm tra trong chương 1,2,3.		- Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học SV: Thực hiện các nhiệm vụ học tập, Đọc tài liệu; thảo luận nhóm Chuẩn bị của SV: Thực hiện các nhiệm vụ tự học, đọc giáo trình [1], tr 24 đến tr 43	
4	Chương 4: Xây dựng và tổ chức dạy học chủ đề Stem cấp tiểu học (15 tiết) 4.1. Xây dựng chủ đề Stem cấp tiểu học 4.1.1. Định hướng xây dựng chủ đề Stem	15 (5LT 10TH)	- Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học Thuyết trình; vấn đáp; dạy học hợp tác nhóm - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học SV: Thực hiện các nhiệm vụ	CLO1 CLO2 CLO3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	4.1.2. Quy trình xây dựng chủ đề Stem 4.2. Tổ chức dạy học chủ đề Stem 4.2.1. Tổ chức bài học Stem 4.2.2. Tổ chức hoạt động trải nghiệm Stem 4.3. Đánh giá trong giáo dục Stem 4.3.1. Nội dung đánh giá 4.3.2. Hình thức và phương pháp đánh giá 4.3.3. Công cụ đánh giá		học tập, Đọc tài liệu; thảo luận nhóm Chuẩn bị của SV: Thực hiện các nhiệm vụ tự học, đọc giáo trình [1], tr 45 đến tr 62	
5	Chương 5: Định hướng lựa chọn chủ đề Stem ở tiểu học (7 tiết) 5.1. Định hướng và giới thiệu một số chủ đề Stem lớp 1 5.2. Định hướng và giới thiệu một số chủ đề Stem lớp 2 5.3. Định hướng và giới thiệu một số chủ đề Stem lớp 3 5.4. Định hướng và giới thiệu một số chủ đề Stem lớp 4 5.5. Định hướng và giới thiệu một số chủ đề Stem lớp 5 Kiểm tra 1 tiết: Bài số 2 - Hình thức: Bài tập cá nhân - Nội dung kiểm tra trong chương 4,5.	7 (3LT 3TH 1KT)	- Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học Thuyết trình; vấn đáp; dạy học hợp tác nhóm - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học SV: Thực hiện các nhiệm vụ học tập, Đọc tài liệu; thảo luận nhóm Chuẩn bị của SV: Thực hiện các nhiệm vụ tự học, đọc giáo trình [1], tr 64 đến tr 119	CLO1 CLO2 CLO3

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra số 1, hình thức bài thực hành	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2	
A2.2	Bài kiểm tra số 2, hình thức bài tập cá nhân	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Hình thức tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần*: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. *Kiểm tra giữa học phần*

- Nội dung: Giảng viên lựa chọn các nội dung phù hợp trong chương 1,2,3
- Hình thức: Kiểm tra thực hành

Bảng 5a: Nội dung đánh giá bài kiểm tra thực hành

Rusbic đánh giá bài thực hành					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Thái độ tham dự	2,0	0 đến <1,0	1,0 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Tuân thủ nội qui; Không đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Rất ít đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Thỉnh thoảng đóng góp ý kiến	Tuân thủ nội qui; Tích cực đóng góp ý kiến
Kết quả thực hành	6,0	0 đến <3,0	3,0 đến <3,6	3,6 đến < 4,8	4,8 đến 6,0
		Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định <50%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định 50-60%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định 70-80%	Có kết quả, đạt yêu cầu, đúng thời gian qui định (90-100%)

Báo cáo thực hành	2,0	0 đến <1,0	1,0 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Đúng, đủ 0-49%	Đúng, đủ 50-64%	Đúng, đủ 65-79%	Đúng, đủ 80-100%

Bảng 5b: Nội dung đánh giá bài tập cá nhân

Rusbic đánh giá bài tập cá nhân					
Tiêu chí	Thang điểm	Không đạt 0-49%	Đạt 50-64%	Khá 65-79%	Tốt 80-100%
Nội dung đầy đủ theo yêu cầu	4,0	0 đến <2,0	2 đến < 2,4	2,4 đến < 3,2	3,2 đến 4,0
		Sản phẩm chưa đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tương đối tốt yêu cầu	Sản phẩm đáp ứng tốt yêu cầu
Lập luận có căn cứ khoa học và logic	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Lập luận chưa có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học nhưng chưa logic	Lập luận tương đối có căn cứ khoa học và logic	Lập luận có căn cứ khoa học và logic
Trình bày báo cáo rõ ràng	2,0	0 đến <1,0	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Trình bày báo cáo không rõ ràng	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng nhưng chưa khoa học	Trình bày báo cáo tương đối rõ ràng, khoa học	Trình bày báo cáo rõ ràng, khoa học, tự tin
Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt	1,0	0 đến < 0,5	0,5 đến <0,6	0,6 đến < 0,8	0,8 đến 1,0
		Không tương tác bằng mắt và cử chỉ	Ít tương tác bằng mắt và cử chỉ	Có tương tác bằng mắt và cử chỉ	Tương tác bằng mắt và cử chỉ tốt
Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng	2,0	0 đến <1,0	1 đến <1,2	1,2 đến < 1,6	1,6 đến 2,0
		Không trả lời câu hỏi đầy đủ	Trả lời câu hỏi đầy đủ nhưng chưa thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, tương đối thỏa đáng	Trả lời câu hỏi đầy đủ, thỏa đáng

9.2.3. Thi kết thúc học phần:

- Thi cuối kỳ: Hình thức tự luận
- Nội dung thi: Theo ngân hàng đề thi
- Biểu điểm: Theo hướng dẫn trong ngân hàng đề thi.

Bảng 6. Rubics đánh giá bài thi tự luận

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 (3 điểm): Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1,2,5.	Theo bộ đề trong ngân hàng đề thi	Theo biểu điểm của đáp án đề thi
	Câu 2 (4 điểm): Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 3.		
	Câu 2 (3 điểm): Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 4.		
2	Tổng điểm		10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Nguyễn Thị Thương

Nguyễn Thị Thương

6.2.26. Đánh giá trong giáo dục

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622014
1.2. Tên học phần:	Đánh giá trong giáo dục
1.3. Tên tiếng Anh:	Elementary education assessment
1.4. Số tín chỉ:	02(1LT, 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS Trần Thị Kim Loan: 0936722756
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS Vũ Vương Trường: 0976955888 ThS Nguyễn Thị Thương: 0987397227 ThS Trần Thị Hòa: 0989889774 ThS Vũ Thanh Hòa: 0943696526 ThS Nguyễn Thị Điệp: 0974435007
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP622005
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần: Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về cơ sở lý luận kiểm tra, đánh giá trong giáo dục ở tiểu học; các công cụ kiểm tra, đánh giá; xử lý và phản hồi kết quả kiểm tra, đánh giá. Qua đó người học có thể xây dựng được các bộ công cụ đánh giá và vận dụng trong thực tiễn dạy học và giáo dục học sinh tiểu học sau này.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức cơ bản về kiểm tra đánh giá, hình

thành các năng lực thiết kế, đánh giá giáo dục học sinh tiểu học, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPĐG
CLO1	Phân tích được quy trình đánh giá giáo dục học sinh tiểu học	KT viết
CLO2	Thiết kế được các công cụ đánh giá kết quả giáo dục học sinh tiểu học	Trắc nghiệm
CLO3	Đánh giá được các công cụ đánh giá giáo dục học sinh tiểu học của bản thân và của người khác	ĐG thực hành
CLO4	Tôn trọng các nguyên tắc, tiêu chuẩn trong đánh giá giáo dục tiểu học.	ĐG làm việc nhóm

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	R	I	M		M		I	I	I
CLO2	I	I	M	M	M	M		M		R
CLO3	I	I	M	M	M	I	I	M	M	R
CLO 4	R	R	I	I	I	M	I	I		R
Tổng hợp học phần	I	R	M	M	M	M	I	M	M	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1]. Phó Đức Hòa (2018), *Đánh giá trong giáo dục tiểu học*, NXB ĐHSP

[2]. Trần Thị Tuyết Oanh (2016), *Đánh giá kết quả học tập*, NXB ĐHSP

6.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Nguyễn Công Khanh (2014) (chủ biên), *Giáo trình kiểm tra đánh giá trong giáo dục*, NXB ĐHSP.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(4)</i>	<i>(5)</i>
Tuần 1	(*) Giới thiệu học phần Chương 1. Những vấn đề chung về đánh giá trong giáo dục tiểu học. 1.1. Tính cấp thiết và mục đích của đánh giá. 1.1.1. Vai trò, ý nghĩa vấn đề đánh giá kết quả giáo dục tiểu học. 1.1.2. Mục đích đánh giá 1.2. Đo lường và đánh giá 1.2.1. Vấn đề kiểm tra, đánh giá dưới góc độ lí luận dạy học hiện đại. 1.2.2. Đo lường trong giáo dục 1.2.3. Đánh giá trong giáo dục ở tiểu học 1.3. Nguyên tắc đánh giá tri thức học sinh 1.4. Chức năng của đánh giá Bài tập thực hành: Sưu tầm một số bài kiểm tra đã được sử dụng trong quá trình đánh giá kết quả học tập của học sinh tiểu học.	1LT 2TH	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học. Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO1 CLO2
Tuần 2	Chương 2. Các hình thức đánh giá trong giáo dục tiểu học. 2.1. Đánh giá quá trình và đánh giá tổng kết 2.2. Đánh giá kết quả, cải tiến hoạt động học tập 2.3. Đánh giá nghi thức và đánh giá không theo nghi thức. 2.4. Đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ 2.5. Mối quan hệ giữa giảng dạy và đánh giá 2.6. Đường năng lực. 2.7. Sử dụng kết quả học tập, rèn luyện của học sinh để đánh giá. Bài tập thực hành: Xây dựng đường năng	3LT	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học. Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	lực cho một môn học cụ thể trong chương trình giáo dục học sinh tiểu học			
Tuần 3	Chương 3: Quy trình đánh giá giáo dục ở tiểu học 3.1. Khái niệm quy trình và quy trình đánh giá 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Các bước của quy trình. - Xác định mục tiêu giáo dục cụ thể - Các thành phần của mục tiêu đánh giá + Mức độ thể hiện năng lực + Xác định nội dung (kiến thức/ kỹ năng) của mục tiêu + Tiêu chí đánh giá - Lên kế hoạch đánh giá + Lên kế hoạch đánh giá học kỳ và năm học (xây dựng ma trận đánh giá) + Lên kế hoạch đánh giá hoạt động cụ thể. Bài tập thực hành: - Xây dựng ma trận đánh giá cho bài kiểm tra học kỳ của một môn học cụ thể trong chương trình giáo dục học sinh tiểu học - Xây dựng kế hoạch đánh giá hoạt động cụ thể cho một môn học cụ thể trong chương trình giáo dục học sinh tiểu học	1LT 2TH	GV: - Tổ chức thảo luận. - Giao nhiệm vụ tự học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5
Tuần 4	Tiếp chương 3 Bài tập thực hành: - Xây dựng ma trận đánh giá cho bài kiểm tra học kỳ của một môn học cụ thể trong chương trình giáo dục học sinh tiểu học - Xây dựng kế hoạch đánh giá hoạt động cụ thể cho một môn học cụ thể trong chương trình giáo dục học sinh tiểu học	1LT 2TH	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học. Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
Tuần 5	Chương 4. Phương pháp đánh giá kết quả giáo dục học sinh tiểu học 4.1. Phương pháp quan sát 4.1.1. Nhận diện và phân loại các kiểu quan sát trong đánh giá giáo dục 4.1.2. Ưu điểm và hạn chế của phương pháp quan sát 4.1.3. Các công cụ sử dụng trong phương pháp quan sát: Phiếu quan sát, bảng kiểm - Thực hành: Thiết kế phiếu quan sát dành cho học sinh tiểu học trong một môn học cụ thể + Phiếu đánh giá cá nhân + Phiếu đánh giá đồng đẳng + Bảng kiểm	1LT 2TH	GV: - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ tự học; Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
Tuần 6	Chương 4 (Tiếp theo) 4.2. Phương pháp vấn đáp 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Tính chất, nguyên tắc của phương pháp vấn đáp 4.2.3. Ưu điểm và hạn chế của phương pháp vấn đáp 4.3. Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm học tập của học sinh 4.3.1. Ưu, nhược điểm của phương pháp 4.3.2. Yêu cầu đối với giáo viên 4.3.3. Công cụ, kỹ thuật đánh giá: Bảng kiểm, thang đo Bài tập thực hành - Thiết kế kỹ thuật đánh giá sản phẩm, hồ sơ học tập của học sinh tiểu học ở một môn học cụ thể.	1LT 2TH	GV: - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ tự học; Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
Tuần	Chương 4 (tiếp theo) 4.4. Câu hỏi tự luận 4.4.1. Nhận diện các kết quả học tập mà câu	3LT	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học.	CLO2, CLO3, CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
7	hỏi tự luận có thể đánh giá 4.4.2. Các hình thức tự luận - Câu hỏi tự luận hạn chế - Câu hỏi tự luận mở rộng 4.4.3. Ưu điểm và hạn chế của câu hỏi tự luận 4.4.4. Yêu cầu kỹ thuật Bài tập thực hành: - Thiết kế đề và barem điểm cho một bài kiểm tra tự luận - Đánh giá bài kiểm tra hình thức tự luận		Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO5
8	Chương 4 (tiếp theo) Bài tập thực hành: - Thiết kế đề và barem điểm cho một bài kiểm tra tự luận - Đánh giá bài kiểm tra hình thức tự luận			
Tuần 9	Chương 4 (tiếp theo) 4.5. Câu hỏi trắc nghiệm 4.5.1. Nguyên tắc, qui trình xây dựng câu hỏi trắc nghiệm 4.5.2. Các dạng câu hỏi trắc nghiệm 4.5.3. Ưu điểm và hạn chế của câu hỏi trắc nghiệm 4.5.4. Những lưu ý khi thiết kế câu hỏi trắc nghiệm Thực hành Lựa chọn 1 bài học trong một môn học cụ thể trong chương trình giáo dục học sinh tiểu học, hãy thiết kế các dạng câu hỏi trắc nghiệm sau cho bài học đó: - Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai - Câu hỏi trắc nghiệm điền khuyết - Câu hỏi trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi - Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn - Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn	1LT 2TH	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học. Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
10	Chương 4 (tiếp theo) Thực hành biên soạn câu hỏi trắc nghiệm Lựa chọn 1 bài học trong một môn học cụ thể trong chương trình giáo dục học sinh tiểu học, hãy thiết kế các dạng câu hỏi trắc nghiệm sau cho bài học đó: - Câu hỏi trắc nghiệm đúng sai - Câu hỏi trắc nghiệm điền khuyết - Câu hỏi trắc nghiệm đối chiếu cặp đôi - Câu hỏi trắc nghiệm nhiều lựa chọn - Câu hỏi trắc nghiệm trả lời ngắn			
Tuần 11	Chương 4. (tiếp theo) 4.6. Bài thực hành 4.6.1. Khái niệm 4.6.2. Hướng dẫn xây dựng bài thực hành Thực hành xây dựng bài thực hành cho một bài học cụ thể trong một môn học cụ thể của chương trình giáo dục học sinh tiểu học	1LT 2TH	GV: - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ tự học; Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Tuần 12	Chương 4. (tiếp theo) 4.7. Học sinh tự đánh giá 4.7.1. Ý nghĩa hoạt động tự đánh giá của học sinh tiểu học. 4.7.2. Các biện pháp hướng dẫn học sinh tự đánh giá Thực hành các biện pháp rèn kỹ năng tự đánh giá	3TH	GV: - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ tự học; Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
13	Chương 4 (tiếp theo) 4.8. Chấm điểm và các hệ quy chiếu 4.8.1. Chấm điểm dựa trên hệ quy chiếu cá	3	GV: - Tổ chức thảo luận;	

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	nhân người học 4.8.2. Chấm điểm dựa trên tham chiếu với học sinh khác 4.8.3. Chấm điểm dựa trên hệ tham chiếu với chuẩn năng lực cần đạt 4.8.4. Chấm điểm và xây dựng hệ giá trị cho các mức điểm 4.8.5. Các hình thức chấm điểm Thực hành: Thiết kế một bazem chấm điểm cho 1 môn học cụ thể dựa trên các hệ quy chiếu.		- Giao nhiệm vụ tự học; Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
14	Chương 4 (tiếp theo) Thực hành: Thiết kế một bazem chấm điểm cho 1 môn học cụ thể dựa trên các hệ quy chiếu.	3TH	GV: - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ tự học; Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Tuần 15	Chương 5. Tổng hợp đánh giá chất lượng giáo dục học sinh tiểu học. 5.1. Các nguyên tắc đảm bảo chất lượng trong đánh giá học sinh tiểu học 5.2. Các hình thức tổng hợp đánh giá 5.2.1. Học bạ cá nhân học sinh 5.2.2. Bảng tổng hợp kết quả đánh giá giáo dục của lớp 5.2.3. Hồ sơ đánh giá. 5.2.4. Báo cáo kết quả học tập cho phụ huynh Thực hành: Đánh giá học sinh trong học bạ	2TH 1KT	GV: - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ tự học; Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	Kiểm tra 1 tiết: (Bài kiểm tra số 2) - Hình thức: Tự luận - Nội dung kiểm tra: Kiến thức chương 4,5			

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)		
A1. Đánh giá chuyên cần				10%		
A2. Đánh giá giữa học phần				30%		
A2.1	Bài kiểm tra số 1, hình thức bài thực hành	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2			
A2.2	Bài kiểm tra số 2, hình thức bài tập cá nhân	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3			
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%		
	Hình thức tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3			
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10						
Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới Đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến		x	CLO4	Rubric đánh giá chuyên cần (bảng 5)

A2 Đánh giá định kỳ	30%	Bài kiểm tra 1 Nội dung kiểm tra từ chương 1 đến chương 3	50%	x	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Theo rubric bài kiểm tra định kỳ (bảng 6.1)
		Bài kiểm tra 2 Nội dung kiểm tra chương 4	50%	x	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Theo rubric bài kiểm tra định kỳ (bảng 6.2)
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ (theo ngân hàng đề thi)		x	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	Người học thực hiện bài thi cuối kỳ theo quy định.

(*)Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận.	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
Dưới 5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập

	* Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần		giáo viên giao.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Thời gian: 50 phút (1 tiết)

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1:	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2:	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
3	Tổng điểm		10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Khỏi kiến thức, kỹ năng của toàn bộ nội dung học phần.

- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: 90 phút

- Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần: căn cứ vào hướng dẫn chấm của từng đề thi cụ thể trong ngân hàng đề thi.

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ VươngTrưởng

Nguyễn Thị Thương

Trần Thị Kim Loan

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trình độ đào tạo: Đại học **Ngành: Giáo dục Tiểu học**

1.1. Mã học phần:	SP622012
1.2. Tên học phần:	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội
1.3. Tên tiếng Anh:	Natural - Social Background
1.4. Số tín chỉ:	02
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Văn Lâm: 0982628862 ThS. Vũ Thị Doan: 0977901359 ThS. Đinh Thị Tuyết: 0353821512
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Trần Thị Thu Trang: 0916099189
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về sinh học, vật lí, hóa học, địa lí, lịch sử. Từ đó làm cơ sở cho người học có thể dạy tốt các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.

Sau khi học xong học phần, người học có những kiến thức cơ bản về sinh học, vật lí, xã hội, địa lí, lịch sử; vận dụng được những kiến thức và kĩ năng đã học vào dạy tốt các môn Tự nhiên và xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

395

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPĐG
CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về thực vật và động vật, con người và sức khỏe, vật chất và năng lượng, xã hội, lịch sử và địa lí.	Vấn đáp, cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO2	Khái quát được những kiến thức cơ bản về thực vật và động vật, con người và sức khỏe, vật chất và năng lượng, xã hội, lịch sử và địa lí.	Vấn đáp, cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO3	Giải thích, chứng minh được một số hiện tượng tự nhiên và xã hội.	Vấn đáp, cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO4	Vận dụng được những kiến thức đã học về thực vật và động vật, con người và sức khỏe, vật chất và năng lượng, xã hội, lịch sử và địa lí vào đời sống và tổ chức dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội ở Tiểu học.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức: I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	M	M			M	R	I		I	R
CLO2	I	R			R	R	R		R	M
CLO3	M	M			R	R	R		M	M
CLO4	M	M			R	M	R		M	M
Tổng hợp học phần	M	M			R	R	R		M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1]. Nguyễn Thị Thân (chủ biên) (2021), *Giáo trình Cơ sở Tự nhiên và xã hội*, Nxb Đại học Sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Đặng Duy Lợi (chủ biên) (2012), *Địa lí tự nhiên Việt Nam 1* (Dự án đào tạo giáo viên THCS), NXB Đại học Sư phạm.

[3]. Đặng Duy Lợi (chủ biên) (2013), *Địa lí tự nhiên Việt Nam 2* (Dự án đào tạo giáo viên THCS), NXB Đại học Sư phạm.

[4]. Tạ Thúy Lan, Trần Thị Loan (2017), *Giáo trình Sinh lý học trẻ em*, NXB Đại học Sư phạm.

[5]. Nguyễn Quang Ngọc (Chủ biên) (2009), *Tiến trình lịch sử Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài.

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(6)	
1	Giới thiệu học phần (*)		+ Giảng viên (GV): Giới thiệu chương trình môn học.	
	CHƯƠNG 1. CƠ THỂ VÀ SỨC KHỎE CON NGƯỜI	2LT 4TH		
	1.1. Cơ thể người và vệ sinh phòng bệnh 1.1.1. Cấu tạo và chức năng của tế bào, mô 1.1.2. Cấu tạo chung về cơ thể người 1.1.3. Hệ vận động 1.1.4. Hệ tuần hoàn 1.1.5. Hệ hô hấp 1.1.6. Hệ tiêu hóa 1.1.7. Hệ bài tiết 1.1.8. Hệ thần kinh 1.1.9. Các cơ quan phân tích 1.1.10. Hệ nội tiết 1.2. Trao đổi chất và năng lượng ở người 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Sự chuyển hóa các chất		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lý thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết.	CLO1 CLO2 CLO3

	trong cơ thể 1.3. Sự sinh sản và phát triển của cơ thể người 1.3.1. Sự sinh sản 1.3.2. Sự phát triển của cơ thể người 1.4. Một số bệnh thông thường và các tai nạn thường gặp của học sinh tiểu học 1.4.1. Các bệnh thường gặp 1.4.2. Bệnh truyền nhiễm thường gặp 1.4.3. Các tai nạn thường gặp 1.4.4. An toàn trong cuộc sống		+ Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ.	
	1.5. Thực hành 1.5.1. Thu thập thông tin về một số chất và hoạt động có hại đối với các cơ quan trong cơ thể. 1.5.2 Xây dựng thời gian biểu phù hợp cho học sinh tiểu học. 1.5.3 Thực hành phân tích và phán đoán tình huống có nguy cơ dẫn đến đuối nước, bị xâm hại và cách tránh xa những nguy cơ đó đối với học sinh tiểu học. 1.5.4. Sơ cứu vết thương cho học sinh tiểu học		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Thực hành; + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ. + Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của NH khác.	CLO3 CLO4
2	CHƯƠNG 2. THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	2LT 4TH		
	2.1. Giới thực vật 2.1.1. Khái quát về giới thực vật 2.1.2. Cơ quan sinh dưỡng của thực vật 2.1.3. Cơ quan sinh sản và sự sinh sản ở thực vật		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập,	CLO1 CLO2 CLO3

	2.1.4. Ảnh hưởng của các yếu tố vô sinh đến đời sống thực vật 2.2. Giới Động vật 2.2.1. Khái quát về giới động vật 2.2.2. Đặc điểm sinh học của một số động vật thường gặp 2.2.3. Ảnh hưởng của các yếu tố vô sinh lên đời sống động vật		hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ.	
	2.3. Thực hành 2.3.1. Vẽ và sử dụng sơ đồ có sẵn để tổ chức dạy học ở tiểu học 2.3.2. Thu thập thông tin về động thực vật 2.3.3. Xây dựng nội dung và thuyết trình về thiên nhiên, môi trường, đa dạng sinh học.		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Thực hành; + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ. + Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của NH khác.	CLO3 CLO4
3	CHƯƠNG 3. XÃ HỘI	3LT 4TH		
	3.1. Gia đình 3.1.1. Gia đình và hộ gia đình 3.1.2. Vai trò, chức năng của gia đình 3.1.3. Mối quan hệ trong gia đình và sự thay đổi trong quan hệ gia		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập,	CLO1 CLO2 CLO3

	đình Việt Nam hiện nay 3.1.4. Vấn đề an toàn khi ở nhà. 3.2. Trường tiểu học 3.2.1. Vai trò, mục tiêu, nhiệm vụ của trường tiểu học 3.2.2. Lớp học 3.2.3. Hoạt động trong trường tiểu học 3.2.4. Nhiệm vụ của giáo viên và học sinh 3.2.5. Vấn đề an toàn khi ở trường 3.3. Quê hương 3.3.1. Vai trò của quê hương 3.3.2. Hoạt động kinh tế - xã hội 3.3.3 Vấn đề an toàn khi tham gia các hoạt động tại cộng đồng địa phương đối với học sinh tiểu học		hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ.	
	3.4. Thực hành 3.4.1. Tìm hiểu quê hương 3.4.2. Viết, vẽ hoặc sử dụng tranh ảnh, video,... trong tổ chức dạy học về chủ đề xã hội. 3.4.3. Viết, vẽ hoặc sử dụng tranh ảnh, video,... để thuyết trình và tổ chức dạy học ở tiểu học.		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Thực hành; + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ. + Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của NH khác.	CLO3 CLO4
4	CHƯƠNG 4. VẬT CHẤT VÀ NĂNG LƯỢNG	2LT 4TH		
	4.1. Chất 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Cấu tạo và tính chất		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học;	CLO1 CLO2 CLO3

4.1.3. Các chất thường gặp 4.2. Nước 4.2.1. Tính chất và vai trò của nước 4.2.2. Vòng tuần hoàn của nước trên Trái Đất 4.2.3. Các loại nước trên Trái Đất 4.2.4. Kỹ thuật xử lý và cấp nước hiện đại 4.3. Không khí 4.3.1. Thành phần và cấu tạo 4.3.2. Tính chất 4.3.3. Vai trò của không khí đối với con người 4.3.4. Thời tiết và khí hậu 4.4. Ánh sáng 4.4.1. Nguồn sáng và vật sáng 4.4.2. Tia sáng, chùm sáng, sự phản xạ ánh sáng 4.4.3. Bóng tối, bóng nửa tối 4.4.4. Ánh sáng và sự sống 4.5. Nhiệt 4.5.1. Sự dẫn nở vì nhiệt của các chất 4.5.2. Nhiệt kế, nhiệt giai 4.5.3. Sự dẫn nhiệt 4.5.4. Sự đối lưu và bức xạ nhiệt 4.5.5. Các nguồn nhiệt và vai trò của nhiệt 4.6. Âm thanh 4.6.1. Nguồn âm 4.6.2. Độ cao và độ to của âm 4.6.3. Môi trường truyền âm 4.6.4. Phản xạ âm – Tiếng vang 4.6.5. Các biện pháp để giảm ô nhiễm tiếng ồn 4.7. Dòng điện 4.7.1. Khái niệm 4.7.2. Chất dẫn điện và chất cách	+ Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lý thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết. + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ.	

điện 4.7.3. Sơ đồ mạch điện, chiều dòng điện 4.7.4. Tác dụng của dòng điện 4.7.5. An toàn khi sử dụng điện 4.8. Một số vật liệu thông dụng 4.8.1. Vai trò của vật liệu đối với sự phát triển kinh tế 4.8.2. Một số đồ dùng có nguồn gốc thực vật 4.8.3. Kim loại 4.8.4. Hợp kim 4.8.5. Vôi - Xi măng 4.8.6. Thủy tinh – gốm 4.8.7. Polime 4.8.8. Dầu mỏ 4.8.9. Sự chuyển thể 4.9. Năng lượng 4.9.1. Khái niệm 4.9.2. Các nguồn năng lượng chủ yếu 4.9.3. Sử dụng năng lượng trong cuộc sống 4.10. Môi trường và tài nguyên thiên nhiên 4.10.1. Khái niệm và phân loại 4.10.2. Tác động của con người tới môi trường tự nhiên			
4.11. Thực hành 4.11.1. Làm thí nghiệm để phát hiện tính chất của nước, ánh sáng, không khí, âm thanh, các vật liệu thông dụng 4.11.2. Vẽ sơ đồ và ghi chú được “Vòng tuần hoàn của nước trong tự nhiên” 4.11.3. Viết, vẽ hoặc sử dụng tranh ảnh, video,... để thuyết trình và vận		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn.	CLO3 CLO4

	động về bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên		- Yêu cầu NH chuẩn bị: + Thực hành; + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ. + Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của NH khác.	
5	CHƯƠNG 5. ĐỊA LÍ	2LT 8TH		
	5.1. Bầu trời và Trái Đất 5.1.1. Trái Đất trong vũ trụ 5.1.2. Hình dạng và kích thước của Trái Đất 5.1.3. Sự vận động của Trái Đất 5.1.4. Xác định phương hướng trên thực địa. Bản đồ địa lí 5.2. Thiên nhiên và hoạt động của con người 5.2.1. Thiên nhiên và các hoạt động kinh tế - xã hội Việt Nam 5.2.1.1. Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên 5.2.1.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội 5.2.2. Thiên nhiên và hoạt động kinh tế - xã hội ở các châu lục. 5.2.2.1. Vị trí địa lí và điều kiện tự nhiên 5.2.2.2. Đặc điểm kinh tế - xã hội		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ.	CLO1 CLO2 CLO3
	5.3. Thực hành 5.3.1. Rèn luyện một số kĩ năng địa lí - Thu thập các thông tin, số liệu liên quan. - Xử lý số liệu, vẽ biểu đồ, lược đồ - Phân tích bản đồ, ắt lát, lược đồ, sơ đồ, biểu đồ, bảng số liệu 5.3.2 Làm một số đồ dùng dạy học		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập	CLO3 CLO4

	Địa lí. - Vẽ biểu đồ, lược đồ, làm mô hình,... 5.3.3 Sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học địa lí truyền thống và hiện đại 5.3.4 Suru tầm một số tư liệu (tranh ảnh, câu chuyện lịch sử, bài thơ,...) về biển, đảo Việt Nam, các vùng đất, quốc gia trên thế giới,....		theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Thực hành; + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ. + Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của NH khác.	
	Bài kiểm tra định kì số 1	1	+ GV: Yêu cầu các nhóm báo cáo bài thuyết trình. + SV: Thực hiện	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
6	CHƯƠNG 6. VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KÌ LỊCH SỬ	3LT 5TH		
	6.1. Thời dựng nước, giữ nước và đấu tranh giành độc lập 6.1.1. Thời kì dựng nước: Nước Văn Lang – Âu Lạc 6.1.2. Thời kì Bắc thuộc và cuộc đấu tranh giành độc lập 6.2. Thời kì từ thế kỉ X đến giữa thế kỉ XIX 6.2.1. Buổi đầu độc lập thời Ngô – Đinh – Tiền Lê (Thế kỉ X) 6.2.2. Nước Đại Việt thời Lý 6.2.3. Nước Đại Việt thời Trần 6.2.4. Thời Hồ 6.2.5. Nước Đại Việt buổi đầu thời Hậu Lê 6.2.6. Thời Nam – Bắc triều và Trịnh – Nguyễn phân tranh 6.2.7. Nhà Tây Sơn 6.2.8. Buổi đầu triều Nguyễn 6.3. Thời kì hơn 80 năm kháng chiến chống thực dân Pháp (1858 – 1945) 6.3.1. Giai đoạn 1858 – 1895		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ.	CLO1 CLO2 CLO3

	6.3.2. Giai đoạn đầu thế kỉ XX 6.3.3. Giai đoạn 1930 – 1945 6.4. Thời kì 1945 – 1975 6.4.1. Vượt qua tình thế hiểm nghèo 6.4.2. Chín năm kháng chiến chống Pháp 6.4.3. Cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước 6.5. Thời kì cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội 6.5.1. Mười năm đầu sau khi thống nhất đất nước 6.5.2. Việt Nam trên con đường đổi mới đất nước			
	6.6. Thực hành 6.6.1. Lập bảng niên biểu 6.6.2. Sử dụng tranh ảnh, lược đồ 6.6.3 Kể chuyện lịch sử		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Thực hành; + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ. + Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của NH khác.	CLO3 CLO4
	Bài kiểm tra định kì số 02	1	+ GV: phát đề kiểm tra. + HS: làm bài kiểm tra dưới sự hướng dẫn của GV.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	- Bài kiểm tra số 01, hình thức thuyết trình	- Bảng 5a	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
A2.2	- Bài kiểm tra số 02, hình thức tự luận.	- Bảng 5b	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3	- Thi tự luận	- Bảng 6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1 \times 1 + A2 \times 3 + A3 \times 6): 10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Chương 1, Chương 2, Chương 3, Chương 4.
- Hình thức: Thuyết trình
- Thời gian: Mỗi nhóm tối đa 20 phút.

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	

Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung tương đối phù hợp với yêu cầu, nhưng hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung khá phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	Nội dung rất phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (mở bài, thân bài, kết luận).	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu.	25%
	Bố cục 3 phần	Bố cục chưa rõ	Bố cục 3 phần rõ ràng,	Bố cục 3 phần rõ ràng, bài	Bố cục 3 phần rõ ràng, bài	
	không rõ ràng,	ràng, Bài trình bày	Bài trình bày đầy đủ.	trình bày đầy đủ. thời gian	trình bày đầy đủ. thời gian	
	Trình bày không	đầy đủ, logic, vượt	thời gian trình bày đúng	trình bày đúng quy định,	trình bày đúng quy định,	
Thuyết trình	đầy đủ, logic, vượt	quá thời gian quy	quy định, giọng nói vừa	giọng nói lưu loát, tương	giọng nói lưu loát, truyền	25%
	quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng,	định. Giọng nói nhỏ, phát âm	phải, rõ ràng, dễ nghe, đã có sự tương tác với người nghe.	tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu nội dung trình bày.	cảm thu hút sự chú ý của người nghe. Người nghe dễ hiểu nội dung	

		còn một số từ không rõ,	Người nghe		trình bày và	
	phát âm không rõ,	sử dụng thuật ngữ	hiểu và kịp theo dõi nội		kịp theo dõi nội dung trình	
	giọng nói nhỏ.	phức tạp, chưa có	dung trình bày.		bày.	
	Người nghe không	tương tác với người				
	hiểu.	nghe khi trình bày.				

** Giảng viên sẽ kết hợp kiểm tra thông qua các giờ thực hành trên lớp. Trước khi kiểm tra, GV cần thông báo trước lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.*

Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Chương 5, Chương 6
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 5	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5
2	Chương 6	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1, Chương 2, Chương 3, Chương 4, Chương 5, Chương 6
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 60 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1: Cơ thể và sức khỏe con người Chương 2: Thực vật và động vật Chương 3: Xã hội	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5
2	Chương 4: Vật chất và năng lượng Chương 5: Địa lí Chương 6: Việt Nam qua các	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	thời kì lịch sử		
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Bùi Thị Lan Hương

Đinh Thị Tuyết

Vũ Thị Doan

6.2.28. Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục – Đào tạo

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Ngành: Giáo dục tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622010
1.2. Tên học phần:	Quản lí hành chính nhà nước và quản lí ngành Giáo dục – Đào tạo
1.3. Tên tiếng Anh:	Administrative management and education management
1.4. Số tín chỉ:	2
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	20 tiết
- Thảo luận, kiểm tra	10 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS Trần Thị Kim Loan: 0936722756
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS Nguyễn Thị Thương: 0987397227 ThS Trần Thị Hòa: 0989889774 ThS Vũ Thanh Hòa: 0943696526 ThS Nguyễn Thị Diệp: 0974435007
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước, những quy định đối với công chức, viên chức; Đồng thời học phần còn cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về một số các loại văn bản luật và dưới luật như Luật Giáo dục, điều lệ trường Tiểu học, quy chế trường chuẩn Quốc gia bậc học tiểu học, quy chế kiểm tra đánh giá học sinh Tiểu học, chuẩn chức danh nghề nghiệp của giáo viên Tiểu

học; quy chế thanh tra toàn diện cơ sở giáo dục và thanh tra hoạt động sư phạm nhà giáo. Trên cơ sở những kiến thức lý luận được học, người học có kỹ năng xây dựng những kế hoạch học tập, rèn luyện phù hợp với những quy định quy phạm pháp luật về ngành Giáo dục Đào tạo trong thực tiễn sau này với vai trò là giáo viên Tiểu học

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức cơ bản về quản lý nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo, có khả năng vận dụng các kiến thức đó vào việc giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quản lý giáo dục, đào tạo.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPDG
CLO1	Phân tích được những nội dung cơ bản của quản lý hành chính nhà nước	KT viết
CLO2	Phân tích được những văn bản pháp luật có liên quan đến quản lý ngành giáo dục và đào tạo	Trắc nghiệm
CLO3	Phân tích được những văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến quản lý giáo dục tiểu học	ĐG thực hành
CLO4	Vận dụng kiến thức vào công tác quản lý hành chính trong nhà trường	ĐG làm việc nhóm

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I					M				
CLO2	I					M			R	R
CLO3	I					I			R	R
CLO 4	R	R				M			R	R
Tổng hợp học phần	I	R				M			R	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1]. Nguyễn Thị Tính (chủ biên), *Giáo trình Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục - đào tạo*, NXB ĐHTN, 2015.

[2]. Tài liệu Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành Giáo dục - Đào tạo, Tập thể giảng viên Bộ môn Tâm lý - Giáo dục, trường Đại học Hạ Long tập hợp và biên soạn.

6.2. Tài liệu tham khảo

- [3]. Chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011 – 2020.
- [4]. Điều lệ trường tiểu học 2020.
- [5]. Luật Công chức năm 2008.
- [6]. Luật Giáo dục năm 2019.
- [7]. Luật Viên chức năm 2012.
- [8]. Thông tư 17/2018 – Quy định về kiểm định chất lượng và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học
- [9]. Thông tư số 01/2021/BGDĐT Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp, bổ nhiệm, xếp lương viên chức giảng dạy trong các trường tiểu học.
- <http://pbgdpl.moj.gov.vn>

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tuần 1	Giới thiệu học phần (*) Chương 1. Một số vấn đề cơ bản về quản lý hành chính nhà nước, công chức, viên chức: 4 tiết (3;1) 1.1. Những vấn đề cơ bản trong quản lý hành chính nhà nước 1.1.1. Khái niệm quản lý hành chính nhà nước 1.1.2. Những tính chất chủ yếu của nền hành chính nhà nước Việt Nam 1.1.3. Nội dung và qui trình chủ yếu của quản lý hành chính nhà nước 1.1.4. Công cụ (phương tiện), hình thức và phương pháp quản lý hành chính nhà nước 1.1.5. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản	2LT	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	lí hành chính nhà nước			
Tuần 2	Chương 1. Một số vấn đề cơ bản về quản lí hành chính nhà nước, công chức, viên chức (tiếp theo). 1.2. Công vụ, công chức, viên chức 1.2.1. Công vụ 1.2.2. Công chức, quyền lợi, nghĩa vụ của công chức 1.2.3. Viên chức, quyền lợi, nghĩa vụ của viên chức 1.2.4. Phân biệt công chức và viên chức 1.3. Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của giáo viên tiểu học. Thảo luận - Phân tích các biện pháp cải cách về quản lí hành chính nhà nước tại địa phương. - Phân biệt công chức, viên chức?	1LT 1TL	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học. Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3
Tuần 3	Chương 2. Quản lý hành chính nhà nước về giáo dục – đào tạo <i>4tiết(3LT;1TL)</i> 2.1.Những vấn đề cơ bản của quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo 2.1.1 Khái niệm 2.1.2 Tính chất, đặc điểm và nguyên tắc quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo 2.2. Nội dung quản lí nhà nước về giáo dục và đào tạo	2LT	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học. Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Tuần 4	Chương 2. Quản lý hành chính nhà nước về giáo dục - đào tạo (tiếp theo) 2.3. Bộ máy quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Nguyên tắc xây dựng cơ cấu tổ chức	1LT 1TL	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học. Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận	CLO2, CLO3

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	quản lí. 2.3.3. Phương pháp xây dựng tổ chức quản lí 2.3.4. Hệ thống cơ quan quản lí nhà nước về Giáo dục- đào tạo. 2.4. Thảo luận - Nguyên tắc quản lí nhà nước về giáo dục- đào tạo. Ví dụ minh họa. - Sơ đồ hóa hệ thống các cơ quan quản lí nhà nước về Giáo dục - đào tạo.		- Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	
Tuần 5	Chương 3. Đường lối, quan điểm của Đảng và nhà nước về Giáo dục và Đào tạo: 8 tiết (4;3;1) 3.1. Những vấn đề đặt ra cần giải quyết trong giáo dục và đào tạo hiện nay 3.1.1. Tình hình giáo dục Việt Nam hiện nay 3.1.2. Bối cảnh và thời cơ, thách thức đối với giáo dục nước ta trong vài thập kỷ tới. 3.2. Những quan điểm chỉ đạo của Đảng về sự nghiệp đổi mới của giáo dục và đào tạo	2LT	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học. Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO2, CLO3
Tuần 6	Chương 3.(Tiếp) 3.3. Định hướng phát triển giáo dục - đào tạo thời kì công nghiệp hóa, hiện đại hóa 3.3.1. Mục tiêu phát triển giáo dục. Thảo luận: Đánh giá việc thực hiện mục tiêu phát triển giáo dục trong giai đoạn hiện nay.	1LT 1TL	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học. - Tổ chức thảo luận; Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO2, CLO3 CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
Tuần 7	Chương 3.(Tiếp) 3.3.2. Các giải pháp phát triển giáo dục. 3.4. Thảo luận - Đánh giá hiệu quả thực hiện các giải pháp trong chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011-2020. - Phân tích những điều kiện thuận lợi và những khó khăn đối với giáo dục Việt Nam giai đoạn tiếp theo.	1LT 1TL	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học. - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ tự học; Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO2, CLO3, CLO4
Tuần 8	Chương 3.(Tiếp) Thảo luận - Liên hệ việc thực hiện các giải pháp trong chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2011-2020. - Phân tích những điều kiện thuận lợi và những khó khăn đối với giáo dục Việt Nam giai đoạn hiện nay Bài kiểm tra số 1 - Hình thức: Tự luận - Kiến thức: chương 1 đến chương 3	1TL 1KT	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học. - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ tự học; Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO2, CLO3, CLO4
Tuần 9	Chương 4. Luật giáo dục, điều lệ nhà trường và trường chuẩn quốc gia 10 tiết (7LT;3TL) 4.1. Luật Giáo dục và vận dụng trong quản lí trường học 4.1.1.Sự cần thiết ban hành Luật giáo dục. 4.1.2. Đặc điểm Luật giáo dục	2LT	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học. Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ	CLO2, CLO3, CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	4.1.3. Nội dung cơ bản của Luật giáo dục		vụ học tập trên lớp.	
Tuần 10	Chương 4. Luật giáo dục, điều lệ nhà trường và trường chuẩn quốc gia (tiếp theo) 4.2. Điều lệ trường tiểu học 4.2.1. Cấu trúc của Điều lệ nhà trường 4.2.2. Nội dung Điều lệ nhà trường	2LT	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học. Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO2, CLO3, CLO4
Tuần 11	Chương 4. Luật giáo dục, điều lệ nhà trường và trường chuẩn quốc gia (tiếp theo) 4.2.2. Nội dung Điều lệ nhà trường. Thảo luận : - Xử lý các tình huống có liên quan đến các quy định của Luật Giáo dục.	1LT 1TH	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học. Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3
Tuần 12	Chương 4. Luật giáo dục, điều lệ nhà trường và trường chuẩn quốc gia (tiếp theo) 4.3. Trường chuẩn quốc gia tiểu học. 4.3.1. Thông tin chung về quy chế 4.3.2. Các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia Thảo luận: Sưu tầm hình ảnh, clip về trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia; từ đó nhận xét các tiêu chuẩn đạt được của trường đó	1LT 1TL	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học. Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3
Tuần	Chương 4. Luật giáo dục, điều lệ nhà trường và trường chuẩn quốc gia (tiếp theo)	1LT 1TL	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học.	CLO1 CLO2 CLO3

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
13	4.3.2. Các tiêu chuẩn trường chuẩn quốc gia tiểu học Thảo luận - Xử lý các tình huống có liên quan đến các quy định của Luật Giáo dục. - Xử lý các tình huống có liên quan đến các quy định của Điều lệ trường tiểu học		Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	
Tuần 14	Chương 5. Đánh giá, xếp loại giáo viên phổ thông. <i>4 tiết(3LT;1KT)</i> 5.1. Đánh giá giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông công lập 5.1.1. Nội dung đánh giá 5.1.2. Tiêu chuẩn đánh giá	2LT	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học. Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Tuần 15	Chương 5. Đánh giá, xếp loại giáo viên phổ thông (tiếp theo) 5.1. Đánh giá giáo viên mầm non, giáo viên phổ thông công lập 5.1.1. Nội dung đánh giá 5.1.2. Tiêu chuẩn đánh giá Bài kiểm tra số 2. - Hình thức: Tự luận - Kiến thức: chương 4, chương 5	1LT 1KT	GV: -Sử dụng linh hoạt các PP dạy học. Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO2 CLO3 CLO4

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)

A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra số 1, hình thức bài thực hành	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2	
A2.2	Bài kiểm tra số 2, hình thức bài tập cá nhân	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Hình thức tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10				

(*)Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận.	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
Dưới 5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: Khái kiến thức, kỹ năng thuộc chương trình đã nghiên cứu.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 Những vấn đề cơ bản của quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2 - Các quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục- đào tạo - Các giải pháp phát triển giáo dục.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
Tổng điểm			10

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 - Luật giáo dục - Điều lệ trường tiểu học	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2 - Xếp loại giáo viên tiểu học	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Khối kiến thức, kỹ năng của toàn bộ nội dung học phần.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 60 phút
- Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần: căn cứ vào hướng dẫn chấm của từng đề thi cụ thể.

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường Nguyễn Thị Thương Trần Thị Kim Loan

6.2.29. *Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học **Ngành: Giáo dục tiểu học**

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622011
1.2. Tên học phần:	Giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	Pedagogical communication of primary school teachers
1.4. Số tín chỉ:	2 (1LT, 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS Nguyễn Thị Diệp: 0974435007
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS Vũ Vương Trường: 0976955888 ThS Nguyễn Thị Thương: 0987397227 ThS Trần Thị Kim Loan: 0936722756 ThS Trần Thị Hòa: 0989889774 ThS Vũ Thanh Hòa: 0943696526
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP60001, SP622060
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về giao tiếp và giao tiếp sư phạm của người giáo viên tiểu học, từ đó người học vận dụng để tổ chức hoặc giải quyết có hiệu quả các tình huống giao tiếp với học sinh tiểu học và các đối tượng khác trong công tác giáo dục.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức, kỹ năng về giao tiếp sư phạm, tổ chức thành công và nghệ thuật các cuộc giao tiếp sư phạm; xây dựng cho mình hình ảnh người giáo viên tiểu học mô phạm.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPĐG
CLO1	Phân tích được bản chất của hoạt động giao tiếp sư phạm	KT viết
CLO2	Tổ chức được quá trình giao tiếp sư phạm tích cực, hiệu quả	Trắc nghiệm
CLO3	Đánh giá được quá trình giao tiếp sư phạm	ĐG thực hành
CLO4	Phát triển năng lực giao tiếp sư phạm bản thân và học sinh	ĐG làm việc nhóm

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	M	M		R		A			A	A
CLO2	M	M		M		A			A	A
CLO3	M	M	R	A		A			A	A
CLO4	R	M	R	A		A			A	A
Tổng hợp học phần	M	M	R	A		A			A	A

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1] Trần Quốc Thành, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Thị Huệ ... (2021), *Giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm

6.2. Tài liệu tham khảo:

[2] Lê Văn Lũy – Lê Quang Sơn (2015), *Giáo trình giao tiếp sư phạm*, NXB Đại học Sư phạm.

[3] Hoàng Anh, Đỗ Thị Châu (2010), *300 tình huống giao tiếp sư phạm*, NXB Giáo dục Việt Nam.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:

- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 2 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 01 bài tự luận.

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giới thiệu học phần (*) Chương 1: Những vấn đề chung về giao tiếp sư phạm (15 tiết) 1.1. Khái niệm giao tiếp sư phạm (GTSP) 1.1.1. Khái niệm về giao tiếp 1.1.2. Khái niệm giao tiếp sư phạm 1.2. Đặc trưng của GTSP 1.2.1. Đặc trưng về chủ thể và đối tượng giao tiếp 1.2.2. Đặc trưng về mục đích giao tiếp 1.2.3. Đặc trưng về sự chuẩn mực trong giao tiếp 1.3. Phân loại GTSP *Bài tập thực hành: - Tự đánh giá về khả năng giao tiếp (trắc nghiệm nhu cầu giao tiếp, khả năng giao tiếp) - Luyện tập cách thức tiến hành các giai đoạn trong quá trình giao tiếp sư phạm	2LT 1TH	GV: - Giới thiệu học phần - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học - Giao nhiệm vụ tự học NH: Thực hiện các nhiệm vụ học tập	CLO1, CLO2, CLO3
2	Chương 1: (tiếp theo) 1.4. Chức năng của GTSP 1.5. Vai trò của GTSP 1.6. Nguyên tắc GTSP *Bài tập thực hành: - Luyện tập sử dụng các nguyên tắc giao tiếp sư phạm	1LT 2TH	NH: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của người học - Sử dụng linh hoạt	CLO1, CLO2, CLO3

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học	
3	Chương 1: (tiếp theo) 1.7. Phong cách giao tiếp sư phạm 1.7.1. Khái niệm 1.7.2. Các loại phong cách giao tiếp sư phạm - Phong cách độc đoán - Phong cách tự do - Phong cách dân chủ 1.7.3. Đặc điểm phong cách giao tiếp sư phạm mà người giáo viên nên có. *Bài tập thực hành: - Rèn luyện phong cách giao tiếp sư phạm	1LT 2TH	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học - Giao nhiệm vụ tự học. SV: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.	NH
4	Chương 1: (tiếp theo) 1.8. Phương tiện giao tiếp sư phạm 1.8.1. Khái niệm 1.8.2. Các phương tiện giao tiếp sư phạm - Phương tiện ngôn ngữ - Phương tiện phi ngôn ngữ - Các phương tiện công nghệ hiện đại *Bài tập thực hành: - Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp sư phạm	1LT 2TH	NH: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của người học - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO2, CLO3
5	Chương 1: (tiếp theo) 1.9. Quy trình GTSP 1.10. Những yếu tố chi phối giao tiếp sư phạm	2LT 1KT	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học	CLO1, CLO2, CLO3

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	1.10.1. Mục tiêu giáo dục 1.10.2. Đối tượng giao tiếp sư phạm 1.10.3. Các kiểu khí chất và đặc trưng giao tiếp 1.10.4. Bối cảnh giao lưu quốc tế hiện nay Kiểm tra 1 tiết (bài số 1) - Nội dung kiểm tra thuộc kiến thức và kỹ năng của chương 1.		- Giao nhiệm vụ tự học và bài kiểm tra 1 tiết NH: - Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học. - Thực hiện bài kiểm tra 1 tiết	
6	Chương 2: Kỹ năng tiếp sư phạm (18 tiết) 2.1. Khái niệm kỹ năng GTSP 2.2. Một số kỹ năng GTSP cơ bản 2.2.1. Kỹ năng làm quen, ổn định tổ chức lớp học 2.2.2. Kỹ năng tự nhận thức 2.2.3. Kỹ năng xác định giá trị * Bài tập thực hành: - Kỹ năng làm quen, ổn định tổ chức lớp học - Kỹ năng tự nhận thức, xác định giá trị	1LT 2TH	NH: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của người học - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.
7	Chương 2: (tiếp theo) 2.2.4. Kỹ năng lắng nghe trong GTSP 2.2.5. Kỹ năng phản hồi trong GTSP * Bài tập thực hành: - Thực hành kỹ năng lắng nghe, kỹ năng phản hồi	1LT 2TH	NH: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của người học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			- Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học - Giao nhiệm vụ tự học.	
8	Chương 2: (tiếp theo) 2.2.6. Kỹ năng quản lí cảm xúc 2.2.7. Kỹ năng ứng phó căng thẳng * Bài tập thực hành kỹ năng kiểm soát cảm xúc và ứng phó căng thẳng	1LT 2TH	NH: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của người học - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
9	Chương 2: (tiếp theo) 2.2.8. Kỹ năng thuyết phục trong GTSP 2.2.9. Kỹ năng thể hiện sự kiên định * Bài tập thực hành: - Thực hành kỹ năng ứng phó với căng thẳng - Thể hiện sự tự tin, thuyết phục trong các tình huống - Rèn sự kiên định trong các tình huống	1LT 2TH	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học - Giao nhiệm vụ tự học. NH: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.
10	Chương 2: (tiếp theo) 2.2.10. Kỹ năng giải quyết tình huống sư phạm 2.2.11. Kỹ năng từ chối * Bài tập thực hành: - Thực hành giải quyết các tình huống sư	1LT 2TH	NH: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV:	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	phạm và kỹ năng từ chối		- Đánh giá kết quả tự học của người học - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Giao nhiệm vụ tự học.	
11	Chương 2: (tiếp theo) 2.2.12. Kỹ năng sử dụng kỹ luật tích cực trong GTSP 2.2.13. Kỹ năng tổng kết, đánh giá trong GTSP * Bài tập thực hành: - Luyện tập kỹ năng kỹ luật tích cực trong GTSP - Thực hành kỹ năng tổng kết, đánh giá trong GTSP	1LT 2TH	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học - Giao nhiệm vụ tự học. NH: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.
12	Chương 3: Giao tiếp sư phạm giữa giáo viên với học sinh và các lực lượng giáo dục khác. (12 tiết) 3.1. GTSP giữa giáo viên với học sinh 3.1.1. Nội dung công việc trong giao tiếp 3.1.2. Nội dung đời sống, tâm lý trong giao tiếp 3.1.3. Sử dụng phong cách trong giao tiếp * Bài tập thực hành: Thực hành kỹ năng giao tiếp trong công việc, trong đời sống với học sinh phù hợp với phong cách giao tiếp	1LT 2TH	NH: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của người học - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.
13	Chương 3: (tiếp theo) 3.1.4. Sử dụng các loại phương tiện giao tiếp trong giao tiếp với học sinh 3.1.5. Yêu cầu về GTSP giữa giáo viên	1LT 2TH	- Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học - Giao nhiệm vụ tự	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	với học sinh * Bài tập thực hành: Thực hành việc sử dụng các phương tiện giao tiếp trong quá trình giao tiếp giữa GV với HS		học. NH: Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ tự học.	
14	Chương 3: (tiếp theo) 3.2. Giao tiếp sư phạm của giáo viên với các lực lượng giáo dục khác 3.2.1. Đặc điểm, vai trò của các lực lượng giáo dục 3.2.2. Nội dung giao tiếp với các lực lượng giáo dục 3.2.3. Sử dụng các phong cách GTSP với các lực lượng giáo dục	1LT 2TH	NH: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: - Đánh giá kết quả tự học của người học - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.
15	Chương 3: (tiếp theo) 3.2.4. Sử dụng phương tiện giao tiếp của giáo viên với các lực lượng giáo dục 3.2.5. Yêu cầu về GTSP giữa giáo viên và các lực lượng giáo dục 3.2.6. Thực hành GTSP giữa giáo viên với các lực lượng giáo dục. Hướng dẫn ôn tập Kiểm tra 1 tiết (bài số 2) - Nội dung kiểm tra thuộc kiến thức và kỹ năng của chương 2.	2TH 1KT	GV: - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của người học - Hướng dẫn ôn tập và bài kiểm tra 1 tiết NH: - Thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, tiếp nhận nhiệm vụ ôn tập - Thực hiện bài kiểm tra 1 tiết	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4.

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với NH; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra số 1, hình thức bài thực hành	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2	
A2.2	Bài kiểm tra số 2, hình thức bài tập cá nhân	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Hình thức tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10				

(*) Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5: Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến 70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
0-5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: Trong bảng 4
- Hình thức: Kiểm tra tự luận
- Thời gian: 50 phút (1 tiết)

Bảng 6. 1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1: - Khái niệm giao tiếp và giao tiếp sư phạm - Hình thức và phương tiện giao tiếp sư phạm	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn phù hợp	3.0 0,5 1.5
2	Câu 2: Nguyên tắc và phong cách giao tiếp sư phạm	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn phù hợp	3.0 0,5 1.5
Tổng điểm			10

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm cho bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 - Các kỹ năng giao tiếp sư phạm	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn phù hợp	3.0 0,5 1.5
2	Câu 2 - Các kỹ năng trong giao tiếp sư phạm của giáo viên với học sinh và các lực lượng giáo dục khác.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn phù hợp	3.0 0,5 1.5
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần:

- Nội dung: Toàn bộ kiến thức, kỹ năng của học phần
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Tiêu chí đánh giá: Theo hướng dẫn chấm bài trong ngân hàng đề thi

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Nguyễn Thị Thương

Nguyễn Thị Diệp

6.2.30. Hoạt động trang trí ở trường tiểu học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

HOẠT ĐỘNG TRANG TRÍ Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622015
1.2. Tên học phần:	Hoạt động trang trí ở trường tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	Decoration activities at primary school
1.4. Số tín chỉ:	2 (1 lí thuyết + 1 thực hành)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	10 tiết
- Thực hành:	35 tiết
- Tự học:	45 giờ
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Lê Hải Thanh- ĐT 0982280505
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. PHạm Quang Huy ĐT 0983802812
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	SP622035
- Học phần học trước:	SP622035
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về trang trí, các đặc điểm đặc trưng và phương pháp trang trí trong không gian lớp học, trường tiểu học. Thông qua các bài tập thực hành trang trí lớp học, trường tiểu học để rèn luyện thành kỹ năng trang trí ở mức độ cơ bản. Người học có năng lực thẩm mỹ về trang trí trong lớp học, không gian sinh hoạt của học sinh trường tiểu học, biết vận dụng trang trí ở trường tiểu học và trong cuộc sống thực tiễn.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong sinh viên trình bày được kiến thức cơ bản về về trang trí, các đặc điểm đặc trưng và phương pháp trang trí trong không gian lớp học, trường tiểu học. Thể hiện được kĩ

năng trang trí lớp học, trường tiểu học ở mức đơn giản. Cảm nhận thẩm mỹ, đánh giá về vẻ đẹp tác phẩm mỹ thuật và sản phẩm ứng dụng trong cuộc sống ở mức độ ban đầu. Có khả năng tự học và vận dụng kiến thức, kỹ năng thực hành vào trang trí trong không gian lớp học, trường tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPĐG
CLO1	Nhận diện được đặc điểm sinh hoạt tập thể trong không gian lớp học, trường tiểu học.	Trao đổi, phát biểu
CLO2	Trình bày được đặc điểm, phương pháp trang trí ứng dụng trong các hoạt động sinh hoạt tập thể trong không gian lớp, trường tiểu học.	Trao đổi, phát biểu
CLO3	Vận dụng thực hành làm được các sản phẩm trang trí trong không gian lớp học, trường tiểu học. Kỹ năng làm việc nhóm.	Thực hành
CLO4	Bước đầu hình thành năng lực cảm thụ thẩm mỹ về trang trí lớp học, trường tiểu học, trách nhiệm với nghề nghiệp.	Thực hành

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1					I					
CLO 2	I	I			I					
CLO 3	R	I			R	R			I	I
CLO 4		I			I					
CLO 5									I	R
Tổng hợp		I			R	R			I	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Tạ Phương Thảo (chủ biên); *Giáo trình Trang trí*, NXB Đại học sư phạm, Hà Nội năm 2010.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Quốc Toàn, *Giáo trình Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật* (Đào tạo giáo viên ngành Giáo dục Tiểu học), NXB Đại học Sư phạm năm 2014.

[3]. Ngô Bá Công, Giáo trình *Mỹ thuật cơ bản*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội năm 2018.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài;
 - + Kiểm tra cuối kì: 01 bài
 - + Đánh giá học phần: = (điểm chuyên cần*1 + TB kiểm tra ĐK*3+KTCK*6)/10

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(3)	(4)	(7)	(6)
1	(*) Giới thiệu học phần Chương 1. Một số vấn đề chung về sinh hoạt tập thể trường tiểu học 1.1. Các hoạt động sinh hoạt tập thể ở lớp 1.2. Các hoạt động sinh hoạt tập thể ở trường 1.3. Phương pháp tiến hành trang trí trường, lớp 1.4. Đồ dùng thực hành	3 LT	-GV: Giới thiệu, mô tả. đặt câu hỏi, trao đổi, đưa yêu cầu. -SV Quan sát, tìm hiểu, thảo luận, trình bày nhận xét. -SV chuẩn bị: Tài liệu, giáo trình, tìm hiểu bài	CLO1, CLO2, CLO4
2	Chương 2. Thực hành trang trí ở trường tiểu học 2.1. Thực hành trang trí không gian lớp 2.1.1. Đặc điểm, yêu cầu 2.1.2. Các bước tiến hành 2.1.3. Thực hành trang trí một góc sinh hoạt	1 LT 2 TH	-GV Giới thiệu, đặt câu hỏi, hướng dẫn tìm hiểu, đưa nội dung yêu cầu bài. -SV Quan sát, tìm hiểu, trao đổi, thực hành - SV chuẩn bị: Tài liệu, giáo trình, đồ dùng thực hành trang trí	CLO2, CLO3, CLO4
	<i>Thực hành trang trí một góc sinh hoạt (tiếp)</i>	3 TH	-GV theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV hoàn thiện bài, nhận	, CLO3,

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
3			xét, rút kinh nghiệm - SV chuẩn bị: Tài liệu, giáo trình, đồ dùng thực hành	CLO4
4	Bài kiểm tra 1 2.2. Thực hành làm hoa trang trí 2.2.1. Đặc điểm, yêu cầu 2.2.2. Chất liệu 2.2.3. Phương pháp làm 2.2.3. Thực hành	1 LT 2 TH	-GV Giới thiệu, đặt câu hỏi, hướng dẫn làm mẫu, đưa nội dung yêu cầu bài, SV quan sát, tìm hiểu, trả lời, thực hành - SV chuẩn bị: Tài liệu, giáo trình, đồ dùng thực hành.	CLO2, CLO3, CLO4
5	Thực hành (tiếp)	3 TH	- SV trình bày sản phẩm, nhận xét, rút kinh nghiệm. - SV chuẩn bị: Tài liệu, giáo trình, đồ dùng thực hành	CLO3, CLO4
6	2.3. Thực hành kỹ năng trang trí bảng 2.3.1. Đặc điểm, yêu cầu 2.3.2. Các bước tiến hành 2.3.3. Thực hành: Trang trí theo các chủ đề sinh hoạt lớp	1 LT 2 TH	-GV Giới thiệu, đặt câu hỏi, hướng dẫn tìm hiểu, đưa nội dung yêu cầu bài. SV quan sát, tìm hiểu, trả lời, thực hành - SV chuẩn bị: Tài liệu, giáo trình, đồ dùng thực hành	CLO2, CLO3, CLO4
7	2.3.3. Thực hành (tiếp)	3 TH	-GV theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV hoàn thiện bài. -SV trình bày sản phẩm, nhận xét, rút kinh nghiệm	CLO3, CLO4
8	2.5. Thực hành trang trí báo tường 2.5.1. Đặc điểm, yêu cầu 2.5.2. Các bước tiến hành 2.5.3. Thực hành: Trang trí báo tường	1 LT 2 TH	-GV Giới thiệu, đặt câu hỏi, hướng dẫn tìm hiểu, đưa nội dung yêu cầu bài. SV Quan sát, tìm hiểu phân nhóm và thực hiện. -GV theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV làm bài. - SV chuẩn bị: Tài liệu, giáo trình, đồ dùng thực hành	CLO2, CLO3, CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
9	2.2.3. Thực hành (tiếp)	3 TH	GV theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV hoàn thiện bài. -SV trình bày sản phẩm . -GV cùng SV nhận xét, rút kinh nghiệm	CLO3, CLO4
9	Bài kiểm tra định kì 2 2.4. Thực hành trang trí chủ đề gian hàng chợ quê (nhóm) 2.4.1. Đặc điểm, yêu cầu 2.4.2. Các bước tiến hành 2.4.3. Thực hành: Trang trí gian hàng chợ quê của lớp	1 LT 2 TH	-GV Giới thiệu, đặt câu hỏi, hướng dẫn tìm hiểu, đưa nội dung yêu cầu bài. -SV Quan sát, tìm hiểu, chia nhóm, thảo luận, phân công nhiệm vụ và thực hiện. - SV chuẩn bị: Tài liệu, giáo trình, đồ dùng thực hành	CLO2, CLO3, CLO4
10	2.4.3. Thực hành (tiếp)	3 TH	-GV theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV hoàn thiện bài. -GV cùng SV nhận xét, rút kinh nghiệm - SV chuẩn bị: Tài liệu, giáo trình, đồ dùng thực hành	CLO3, CLO4
11	2.2.3. Thực hành (tiếp)	3 TH	GV theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV hoàn thiện bài. -SV trình bày sản phẩm, nhận xét, rút kinh nghiệm - SV chuẩn bị: Tài liệu, giáo trình, đồ dùng thực hành	CLO2, CLO3, CLO4
12	2.6. Thực hành trang trí chủ đề ngày nhà giáo Việt Nam 2.6.1. Đặc điểm, yêu cầu 2.6.2. Các bước tiến hành 2.7.3. Thực hành: Trang trí chủ đề ngày nhà giáo Việt Nam	1 LT 2 TH	-GV Giới thiệu, đặt câu hỏi, hướng dẫn tìm hiểu, đưa nội dung yêu cầu bài. -SV Quan sát, tìm hiểu và thực hiện. -GV theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV làm bài. - SV chuẩn bị: Tài liệu, giáo trình, đồ dùng thực hành	CLO3, CLO4 CLO2, CLO3, CLO4
	2.7.3. Thực hành (tiếp)	3 TH	-GV theo dõi và chỉ dẫn giúp	,

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
13			đỡ SV hoàn thiện bài. -SV trình bày sản phẩm, nhận xét, rút kinh nghiệm - SV chuẩn bị: Tài liệu, giáo trình, đồ dùng thực hành	CLO3, CLO4
14	<i>Bài kiểm tra cuối kì</i> <i>2.7. Thực hành trang trí chủ đề ngày tết Trung thu</i> <i>2.7.1. Đặc điểm, yêu cầu</i> <i>2.7.2. Các bước tiến hành</i> <i>2.7.3. Thực hành: Trang trí chủ đề ngày tết Trung thu</i>	1 LT 2 TH	-GV Giới thiệu, đặt câu hỏi, hướng dẫn tìm hiểu, đưa nội dung yêu cầu bài. -SV Quan sát, tìm hiểu và thực hành. -SV chuẩn bị: Tài liệu, giáo trình, đồ dùng thực hành	CLO2, CLO3, CLO4
15	<i>2.7.3. Thực hành (tiếp)</i>	3 TH	-GV theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV hoàn thiện bài. -SV trình bày sản phẩm, nhận xét, rút kinh nghiệm - SV chuẩn bị: Tài liệu, giáo trình, đồ dùng thực hành	, CLO3, CLO4

Lưu ý: Học tại phòng thực hành mỹ thuật

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Thực hành làm hoa trang trí	Bảng 5.a		
A2.2	Thực hành trang trí gian hàng chợ quê	Bảng 5.b		
A3. Đánh giá cuối kì				60%
	Thực hành trang trí chủ đề Tết trung thu	Bảng 5.c		
Công thức tính điểm tổng kết:				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung:

+ Kiến thức và các kỹ năng thực hành làm hoa trang trí lớp học, trang trí chủ đề gian hàng chợ quê.

+ Phương pháp thể hiện các sản phẩm trang trí

+ Kỹ năng xử lý bố cục, hình ảnh, chất liệu, không gian...

+ Khả năng cảm thụ thẩm mỹ qua vẻ đẹp của sản phẩm

- Hình thức: Thực hành

- Thời gian: Theo kế hoạch dạy học

Bảng 5.a. Rubric đánh giá kiểm tra 1

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá			
	Chủ đề (10%)	Bố cục, hình ảnh (30 %)	Màu sắc, đậm nhạt (30 %)	Sáng tạo thẩm mỹ (30 %)
Từ 8 đến 10	Rõ nội dung, đặc điểm trang trí hoa	-Bố cục cân đối, hài hòa, rõ đặc điểm hoa trang trí - Rõ hình ảnh đối tượng về kích thước, tỉ lệ	-Thể hiện rõ kỹ năng phối hợp màu sắc phù hợp loại hoa -Thể hiện rõ kỹ năng phối hợp đậm nhạt	- Gọn gàng, sạch sẽ - Thể hiện rõ sự sáng tạo
Từ 6 đến cận 8	Đúng nội dung, đặc điểm trang trí hoa	-Bố cục tương đối cân đối, hài hòa, có đặc điểm hoa trang trí - Hình ảnh rõ, có kích thước, tỉ lệ tương đối hợp lý	-Thể hiện được kỹ năng phối hợp màu sắc, phù hợp loại hoa -Thể hiện được kỹ năng phối hợp đậm nhạt	- Gọn gàng, - Có sự sáng tạo
Từ 4 đến cận 6	Gần với nội dung, đặc điểm trang trí hoa	-Bố cục có sự sắp xếp, chưa rõ đặc điểm hoa trang trí - Hình ảnh, tỉ lệ chưa rõ	- Có sự phối hợp màu sắc, màu sắc gần loại hoa - Có phối hợp đậm nhạt	- Tương đối gọn gàng, sạch sẽ - Không rõ sự sáng tạo
Từ 2 đến cận 4	Không rõ nội dung, đặc điểm	- Bố cục mất cân đối. - Không rõ hình, đặc	- Chưa có sự phối hợp màu sắc, không	- Không gọn gàng

	trang trí hoa	điểm hoa trang trí, chưa đúng tỉ lệ	giống loài hoa - Chưa có phối hợp đậm nhạt	- Không có sự sáng tạo
Từ 0 đến cận 2	Sai nội dung, đặc điểm trang trí hoa	- Không có sự sắp xếp bố cục, không có đặc điểm hoa trang trí - Sai tỉ lệ, hình	- Không có sự phối hợp màu sắc - Không có đậm nhạt	- Cầu thả - Sao chép

Bảng 5.b. Rubric đánh giá kiểm tra 2

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá			
	Chủ đề (10%)	Bố cục, hình ảnh (30 %)	Màu sắc, đậm nhạt (30 %)	Sáng tạo thẩm mĩ (30 %)
Từ 8 đến 10	Rõ nội dung, đặc điểm trang trí gian hàng chợ quê	-Bố cục cân đối, hài hòa, rõ đặc điểm trang trí, không gian -Rõ hình ảnh đối tượng về kích thước, tỉ lệ	-Thể hiện rõ kĩ năng phối hợp màu sắc phù hợp loại hoa -Thể hiện rõ kĩ năng phối hợp đậm nhạt	- Gọn gàng, sạch sẽ - Thể hiện rõ sự sáng tạo
Từ 6 đến cận 8	Đúng nội dung, đặc điểm trang trí gian hàng chợ quê	-Bố cục tương đối cân đối, hài hòa, có đặc điểm, không gian trang trí - Hình ảnh rõ, có kích thước, tỉ lệ tương đối hợp lí	-Thể hiện được kĩ năng phối hợp màu sắc, phù hợp loại hoa -Thể hiện được kĩ năng phối hợp đậm nhạt	- Gọn gàng, - Có sự sáng tạo
Từ 4 đến cận 6	Gần với nội dung, đặc điểm trang trí gian hàng chợ quê	-Bố cục có sự sắp xếp, chưa rõ đặc điểm trang trí, không gian - Hình ảnh, tỉ lệ chưa rõ	- Có sự phối hợp màu sắc, màu sắc gần loại hoa - Có phối hợp đậm nhạt	- Tương đối gọn gàng, sạch sẽ - Không rõ sự sáng tạo
Từ 2 đến cận 4	Không rõ nội dung, đặc điểm trang trí gian hàng chợ quê	- Bố cục mất cân đối. - Không rõ hình, đặc điểm trang trí, chưa đúng tỉ lệ	- Chưa có sự phối hợp màu sắc, không giống loài hoa - Chưa có phối hợp đậm nhạt	- Không gọn gàng - Không có sự sáng tạo
Từ 0 đến cận 2	Sai nội dung, đặc điểm trang	- Không có sự sắp xếp bố cục, không	- Không có sự phối hợp màu sắc	- Cầu thả - Sao chép

	trí gian hàng chợ quê	có đặc điểm trang trí - Sai tỉ lệ, hình	- Không có đậm nhạt	

9.2.3. Kiểm tra cuối học phần

- Nội dung
- + Kiến thức về Trang trí chủ đề ngày tết Trung thu
- + Phương pháp thể hiện Trang trí chủ đề ngày tết Trung thu
- + Kỹ năng xử lý bố cục, hình ảnh, chất liệu, không gian...
- + Khả năng cảm thụ thẩm mỹ qua vẻ đẹp của sản phẩm
- Hình thức: Thực hành
- Thời gian: 6 tiết (theo kế hoạch dạy học)

Bảng 5.c. Rubric đánh giá kiểm tra cuối kì

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá			
	Chủ đề (10%)	Bố cục, hình ảnh (30 %)	Màu sắc, đậm nhạt (30 %)	Sáng tạo thẩm mĩ (30 %)
Từ 8 đến 10	Rõ nội dung, đặc điểm trang trí Tết trung thu	-Bố cục cân đối, hài hòa, rõ đặc điểm trang trí, không gian -Rõ hình ảnh đối tượng về kích thước, tỉ lệ	-Thể hiện rõ kỹ năng phối hợp màu sắc phù hợp loại hoa -Thể hiện rõ kỹ năng phối hợp đậm nhạt	- Gọn gàng, sạch sẽ - Thể hiện rõ sự sáng tạo
Từ 6 đến cận 8	Đúng nội dung, đặc điểm trang trí Tết trung thu	-Bố cục tương đối cân đối, hài hòa, có đặc điểm, không gian trang trí - Hình ảnh rõ, có kích thước, tỉ lệ tương đối hợp lí	-Thể hiện được kỹ năng phối hợp màu sắc, phù hợp loại hoa -Thể hiện được kỹ năng phối hợp đậm nhạt	- Gọn gàng, - Có sự sáng tạo
Từ 4 đến cận 6	Gần với nội dung, đặc điểm trang trí	-Bố cục có sự sắp xếp, chưa rõ đặc điểm trang trí, không gian - Hình ảnh, tỉ lệ chưa rõ	- Có sự phối hợp màu sắc, màu sắc gần loại hoa - Có phối hợp đậm nhạt	- Tương đối gọn gàng, sạch sẽ - Không rõ sự sáng tạo
Từ 2 đến cận 4	Không rõ nội dung, đặc điểm	- Bố cục mất cân đối. - Không rõ hình, đặc điểm trang trí, chưa	- Chưa có sự phối hợp màu sắc, không giống loại hoa	- Không gọn gàng - Không có sự

	trang trí	đúng tỉ lệ	- Chưa có phối hợp đậm nhạt	sáng tạo
Từ 0 đến cận 2	Sai nội dung, đặc điểm trang trí	- Không có sự sắp xếp bố cục, không có đặc điểm trang trí - Sai tỉ lệ, hình	- Không có sự phối hợp màu sắc - Không có đậm nhạt	- Cầu thả - Sao chép

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Bùi Thị Lan Hương

Lê Hải Thanh

Phụ lục

Hướng dẫn đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học tập trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao; Chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Tham gia dự học đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Nghiêm túc học tập (không nói chuyện, làm việc riêng; ghi chép bài đầy đủ); tích cực thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao
2	Tham gia dự học, đúng giờ từ 90% số tiết trên lớp	Có ý thức thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập GV giao
1	Tham gia dự học, đúng giờ từ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập GV giao
0	Tham gia dự học, đúng giờ ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi học phần	Làm việc, nói chuyện riêng trong lớp, không có ý thức thực hiện các nhiệm vụ trên lớp	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao

6.2.31. Thiết kế và tổ chức trò chơi vận động cho học sinh tiểu học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622016
1.2. Tên học phần:	Thiết kế và tổ chức trò chơi vận động cho học sinh tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	Designed, organized movement games for elementary students.
1.4. Số tín chỉ:	2
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45 giờ
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS Trần Thị Kim Loan: 0936722756
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS Vũ Vương Trùng: 0976955888 ThS Nguyễn Thị Thương: 0987397227 ThS Trần Thị Hòa: 0989889774 ThS Vũ Thanh Hòa: 0943696526 ThS Nguyễn Thị Diệp: 0974435007
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP620001, SP622060
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần: Học phần trang bị cho sinh viên các nội dung cơ bản của trò chơi vận động như: nguồn gốc trò chơi, phân loại trò chơi, một số đặc điểm của trò chơi dành cho học sinh tiểu học, phương pháp tổ chức giảng dạy trò chơi cho học sinh trong các hoạt động giáo dục và thể dục thể thao ở trường Tiểu học. Qua đó giúp người học có khả năng thiết kế, tổ

chức trò chơi vận động phù hợp với đa dạng điểm lứa tuổi học sinh trong nhà trường tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức, kỹ năng về phương pháp tổ chức trò chơi vận động cho học sinh tiểu học

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp đánh giá
CLO1	Thiết kế được kế hoạch tổ chức trò chơi vận động cho học sinh tiểu học.	Vấn đáp, bài tập nhóm,
CLO2	Tổ chức các trò chơi vận động cho học sinh tiểu học	Quan sát, vấn đáp, bài tập nhóm, thực hành
CLO3	Đánh giá kết quả thực hiện tổ chức trò chơi vận động cho học sinh tiểu học	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm,
CLO4	Linh hoạt, sáng tạo trong việc thiết kế, tổ chức các trò chơi vận động cho học sinh tiểu học.	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm,

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A **cụ thể như sau:**

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I									
CLO2	I	R		M	R	R			M	
CLO3	I	R		M	R	R			M	R
CLO 4	R	R		M	R	R			M	R
Tổng hợp học phần	I	R		M	R	R			M	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Nguyễn Viết Minh (Chủ biên) – Đặng Bình Hương, 2007, *Phương pháp dạy học thể dục và trò chơi vận động cho học sinh tiểu học*, NXB Đại học sư phạm và NXB Giáo dục

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Trần Đồng Lâm (chủ biên) (2005), *Trò chơi vận động*, NXB ĐHS

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kỳ: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tuần 1	(*) Giới thiệu học phần Chương 1. Những vấn đề chung về trò chơi, trò chơi vận động. (3 tiết) 1.1. Nguồn gốc, bản chất xã hội của trò chơi 1.1.1. Nguồn gốc của trò chơi. 1.1.2. Bản chất xã hội của trò chơi 1.2. Đặc điểm trò chơi vận động 1.2.1. Phân loại trò chơi vận động 1.2.2. Đặc điểm trò chơi vận động. 1.2.3. Ý nghĩa của trò chơi vận động.	3LT	GV: - GV giới thiệu học phần - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ tự học; Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO1
Tuần 2	Chương 2. Quy trình tổ chức trò chơi vận động cho học sinh tiểu học (3 tiết) 2.1. Các trò chơi vận động cho học sinh tiểu học 2.1.1. Vị trí, tính chất của trò chơi vận động của học sinh tiểu học 2.1.2. Đặc điểm trò chơi vận động của học sinh tiểu học 2.2. Quy trình tổ chức trò chơi vận động cho học sinh tiểu học 2.2.1. Xác định mục tiêu của trò chơi 2.2.2. Chuẩn bị chơi 2.2.3. Tổ chức cho học sinh chơi 2.2.4. Nhận xét, đánh giá kết quả chơi Thực hành: Quan sát một trò chơi vận động của học sinh tiểu học, nhận xét quy trình tổ chức trò chơi vận động cho học sinh tiểu học	3LT	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ tự học; Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO2, CLO3

Tuần 3	Chương 3. Hướng dẫn thực hành các trò chơi vận động bậc tiểu học. 12 tiết (8 LT;4 TH) 3.1. Tổ chức hướng dẫn trò chơi vận động cho học sinh các lớp đầu cấp tiểu học: lớp 1, lớp 2, lớp 3. 3.1.1. Thiết kế kế hoạch tổ chức trò chơi vận động cho học sinh các lớp đầu cấp tiểu học: lớp 1, lớp 2, lớp 3.	1LT 2TH	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ tự học; Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp.	CLO1 CLO2
Tuần 4	Chương 3. Hướng dẫn thực hành các trò chơi vận động bậc tiểu học (tiếp theo) 3.1.2. Thực hành tổ chức trò chơi vận động cho học sinh các lớp đầu cấp tiểu học: lớp 1, lớp 2, lớp 3.	3TH	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ tự học; Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp	CLO1 CLO2 CLO3, CLO4
Tuần 5	Chương 3. Hướng dẫn thực hành các trò chơi vận động bậc tiểu học. (tiếp theo) 3.2. Tổ chức hướng dẫn trò chơi vận động cho học sinh các lớp cuối cấp tiểu học: lớp 4, lớp 5. 3.3.1. Thiết kế kế hoạch tổ chức trò chơi vận động cho học sinh các lớp cuối cấp tiểu học: lớp 4, lớp 5.	3TH	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học - Tổ chức thảo luận; - Giao nhiệm vụ tự học; Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp	CLO1 CLO2
Tuần 6	Chương 3. Hướng dẫn thực hành các trò chơi vận động bậc tiểu học. (tiếp theo) 3.3.2. Thực hành tổ chức trò chơi vận động cho học sinh các lớp cuối cấp tiểu	3TH	GV: - Sử dụng các PP dạy học - Tổ chức thực hành Người học:	CLO1 CLO2

	học: lớp 4, lớp 5.		- Thực hành	
Tuần 7	Chương 3.(Tiếp) 3.3.2. Thực hành tổ chức trò chơi vận động cho học sinh các lớp cuối cấp tiểu học: lớp 4, lớp 5. Kiểm tra 1 tiết số 1 - Hình thức: Tự luận - Nội dung kiểm tra: Kiến thức từ chương 1 đến chương 3	2TH 1KT	GV: - Sử dụng linh hoạt các PP dạy học Người học: - Báo cáo nhiệm vụ tự học - Thảo luận - Hoàn thành nhiệm vụ học tập trên lớp	CLO1 CLO2 CLO3
Tuần 8	Chương 4. Thực hành tổ chức một số trò chơi nhằm phát triển kỹ năng vận động và các tố chất thể lực cho học sinh tiểu học. 24 tiết(23TH; 1KT) 4.1. Tổ chức trò chơi rèn luyện phản xạ, khả năng định hướng và sự khéo léo nhanh trí. 4.1.1. Thiết kế kế hoạch tổ chức trò chơi 4.1.2. Thực hành tổ chức trò chơi	1LT 2TH	GV: - Tổ chức thực hành Người học: -Thực hành theo nhóm đã chuẩn bị - GV, SV nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Tuần 9	Chương 4. Thực hành tổ chức một số trò chơi nhằm phát triển kỹ năng vận động và các tố chất thể lực cho học sinh tiểu học. (tiếp theo) 4.1. Trò chơi rèn luyện phản xạ, khả năng định hướng và sự khéo léo nhanh trí. 4.1.2. Thực hành tổ chức trò chơi	1LT 2TH	GV: - Tổ chức thực hành Người học: -Thực hành theo nhóm đã chuẩn bị - GV, SV nhận xét, đánh giá	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
Tuần 10	Chương 4. Thực hành tổ chức một số trò chơi nhằm phát triển kỹ năng vận động và các tố chất thể lực cho học sinh tiểu học. (tiếp theo) 4.2. Trò chơi phát triển kỹ năng đi, chạy và	1LT 2TH	GV: - Tổ chức thực hành Người học: -Thực hành theo nhóm đã chuẩn bị - GV, SV nhận xét,	CLO1 CLO2, CLO3, CLO4

	sức nhanh. 4.2.1. Thiết kế kế hoạch tổ chức trò chơi 4.2.2. Thực hành tổ chức trò chơi		đánh giá	
Tuần 11	Chương 4. Thực hành tổ chức một số trò chơi nhằm phát triển kỹ năng vận động và các tố chất thể lực cho học sinh tiểu học. (tiếp theo) 4.2. Trò chơi phát triển kỹ năng đi, chạy và sức nhanh. 4.2.2. Thực hành tổ chức trò chơi	1LT 2TH	GV: - Tổ chức thực hành Người học: -Thực hành theo nhóm đã chuẩn bị - GV, SV nhận xét, đánh giá	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i>
Tuần 12	Chương 4. Thực hành tổ chức một số trò chơi nhằm phát triển kỹ năng vận động và các tố chất thể lực cho học sinh tiểu học. (tiếp theo) 4.3. Trò chơi phát triển kỹ năng bật nhảy và sức mạnh 4.3.1. Thiết kế kế hoạch tổ chức trò chơi 4.3.2. Thực hành tổ chức trò chơi	1LT 2TH	GV: - Tổ chức thực hành Người học: -Thực hành theo nhóm đã chuẩn bị - GV, SV nhận xét, đánh giá	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i>
Tuần 13	Chương 4. Thực hành tổ chức một số trò chơi nhằm phát triển kỹ năng vận động và các tố chất thể lực cho học sinh tiểu học. (tiếp theo) 4.3. Trò chơi phát triển kỹ năng bật nhảy và sức mạnh 4.3.2. Thực hành tổ chức trò chơi	1LT 2TH	GV: - Tổ chức thực hành Người học: -Thực hành theo nhóm đã chuẩn bị - GV, SV nhận xét, đánh giá	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i>
Tuần 14	Chương 4. Thực hành tổ chức một số trò chơi nhằm phát triển kỹ năng vận động và các tố chất thể lực cho học sinh tiểu học.	1LT 2TH	GV: - Tổ chức thực hành Người học: -Thực hành theo nhóm	<i>CLO1</i> <i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i>

	(tiếp theo) 4.4. Trò chơi phát triển kỹ năng mang, vác, leo trèo và khả năng phối hợp vận động. 4.4.1. Thiết kế kế hoạch tổ chức trò chơi 4.4.2. Thực hành tổ chức trò chơi		đã chuẩn bị - GV, SV nhận xét, đánh giá	
Tuần 15	Chương 4. Thực hành tổ chức một số trò chơi nhằm phát triển kỹ năng vận động và các tố chất thể lực cho học sinh tiểu học. (tiếp theo) 4.4. Trò chơi phát triển kỹ năng mang, vác, leo trèo và khả năng phối hợp vận động. 4.4.2. Thực hành tổ chức trò chơi Bài kiểm tra số 2 - Hình thức: Tự luận - Nội dung kiểm tra: Kiến thức chương 4	1LT 1TH 1KT	GV: - Tổ chức thực hành Người học: -Thực hành theo nhóm đã chuẩn bị - GV, SV nhận xét, đánh giá - Thực hiện bài kiểm tra 1 tiết	CLO2 CLO3 CLO4

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra số 1, hình thức bài thực hành	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2	
A2.2	Bài kiểm tra số 2, hình thức bài tập cá nhân	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Hình thức tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10				

(*)Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận.	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.
Dưới 5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giáo viên giao.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: Khối kiến thức, kỹ năng thuộc chương trình đã nghiên cứu.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1: Nguồn gốc, bản chất xã hội của trò chơi	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2: Quy trình tổ chức trò chơi vận động cho học sinh tiểu học	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0

3	Tổng điểm	10

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1: - Trò chơi rèn luyện phản xạ, khả năng định hướng và sự khéo léo nhanh trí. - Trò chơi phát triển kỹ năng đi, chạy và sức nhanh.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2: - Trò chơi phát triển kỹ năng bật nhảy và sức mạnh - Trò chơi phát triển kỹ năng mang, vác, leo trèo và khả năng phối hợp vận động.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
3	Tổng điểm		10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Khôi kiến thức, kỹ năng của toàn bộ nội dung học phần.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần: căn cứ vào hướng dẫn chấm của từng đề thi cụ thể.

Quảng Ninh, ngày 23 tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Nguyễn Thị Thương

Trần Thị Kim Loan

6.2.32. Nhảy hiện đại

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần: SP622017

1.2. Tên học phần: Nhảy hiện đại

1.3. Tên tiếng Anh: Modern dancing

1.4. Số tín chỉ: 2 (1LT + 1TH)

1.5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết: 15 tiết

- Thực hành: 30 tiết

- Tự học: 45 giờ

1.6. Quản lý, phụ trách học phần

- Khoa quản lý học phần: Khoa Sư phạm

ThS. Liễu Quỳnh Như

- Giảng viên phụ trách chính: SĐT: 0949302185

Email: quynhnhuls85@gmail.com

ThS. Lại Thị Phương Thương

SĐT: 0377843388

- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: Mail: laithiphuongthuong@daihochalong.edu.vn

ThS. Nguyễn Thị Hương

SĐT: 0936795456

Mail: nguyenthihuahong@daihochalong.edu.vn

1.7. Điều kiện tham gia học phần

- Học phần tiên quyết: Không

- Học phần học trước: Không

- Học phần song hành: Không

2. Mô tả học phần

Học phần Nhảy hiện đại cơ bản cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về một số thể loại nhảy hiện đại phổ biến như jazz, hip-hop, contemporary, street dance,... Nội

dung học phần bao gồm tìm hiểu lịch sử hình thành, đặc trưng phong cách, kỹ thuật căn bản và phương pháp luyện tập của từng thể loại. Thông qua các hoạt động thực hành, người học được rèn luyện kỹ năng vận động, khả năng cảm nhạc, biểu cảm cơ thể và kỹ năng trình diễn cá nhân hoặc theo nhóm. Ngoài việc thực hiện các bài nhảy mẫu, học phần còn tạo điều kiện để người học phát triển khả năng sáng tạo trong biên đạo, xây dựng và trình diễn các bài nhảy ngắn mang tính cá nhân hoặc nhóm, từ đó nâng cao tư duy nghệ thuật và khả năng làm việc tập thể. Học phần được thiết kế phù hợp với người mới bắt đầu, không yêu cầu nền tảng vũ đạo trước đó, và hướng đến việc hình thành sự tự tin, tinh thần kỷ luật, thẩm mỹ nghệ thuật và niềm yêu thích đối với lĩnh vực nhảy múa hiện đại.

3. Mục tiêu học phần

Học phần nhằm trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về một số thể loại nhảy hiện đại như Lazumba, Pop dance Cover, Flashmob... giúp người học hiểu được đặc điểm, phong cách và kỹ thuật cơ bản của từng thể loại. Bên cạnh đó, học phần còn rèn luyện kỹ năng vận động, khả năng cảm nhạc, biểu cảm cơ thể và tư duy sân khấu trong quá trình biểu diễn. Người học sẽ được hướng dẫn thực hành các bài nhảy với độ khó tăng dần, qua đó nâng cao kỹ thuật cá nhân và khả năng làm việc nhóm.

Ngoài ra, học phần khuyến khích người học phát triển tư duy sáng tạo trong biên đạo, xây dựng bài nhảy độc lập hoặc theo nhóm phù hợp với nội dung âm nhạc và mục đích trình diễn. Sau khi hoàn thành học phần, người học có thể tự tin thể hiện bản thân thông qua ngôn ngữ hình thể, biểu diễn một cách linh hoạt và có tính nghệ thuật cao.

Học phần cũng góp phần hình thành thái độ tích cực trong rèn luyện thể chất, tinh thần kỷ luật, sự tự tin và khả năng hợp tác trong môi trường nghệ thuật biểu diễn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPĐG
CLO1	Trình bày được lịch sử, khái niệm và ý nghĩa của nhảy hiện đại.	Câu hỏi vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra.
CLO2	Trình bày được kiến thức cơ bản về nguồn gốc, hình thức biểu diễn, một số động tác cơ bản của thể loại nhảy hiện đại.	Câu hỏi vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra.
CLO3	Phân tích và tổng hợp các động tác thể loại nhảy đã học.	Câu hỏi vấn đáp, bài tập cá nhân,

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPDG
		bài tập nhóm, bài kiểm tra.
CLO4	Xây dựng được một số bài nhảy hiện đại trong các thể loại đã học trong chương trình	Câu hỏi vấn đáp, bài tập nhóm, bài kiểm tra.
CLO5	Có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động âm nhạc trong các cơ sở giáo dục Tiểu học.	Câu hỏi vấn đáp, bài tập nhóm, bài kiểm tra.
CLO6	Có trách nhiệm, chủ động, linh hoạt trong tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc ở các cơ sở giáo dục Tiểu học.	Quan sát, câu hỏi vấn đáp, bài tập thiết kế, bài kiểm tra.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A, cụ thể như sau: ²

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		M								
CLO 2		M				R				R
CLO 3		R	I	M		R	I		R	I
CLO 4		R	I	R	R	R	I		R	R
CLO 5		R	I	I	R	R	I		R	R
CLO6		R	R	I	M	R			R	R

6. Học liệu

- [1]. Giáo trình điện tử của CLB Hola Beew, 2020.
- [2]. Giáo trình điện tử của CLB Sweet art, 2021.
- [3]. Giáo trình điện tử của CLB Mister -Map, 2018.
- [4]. Giáo trình điện tử của CLB Sweet Media, 2023.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;

- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 15 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 2 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(6)</i>	<i>(5)</i>
1	(*) Giới thiệu học phần Chương 1: Những vấn đề chung về nhảy hiện đại 1.1. Lịch sử phát triển nhảy hiện đại 1.2. Khái niệm, đặc điểm và phân loại các thể loại nhảy hiện đại 1.2.1. Khái niệm 1.2.2. Đặc điểm cơ bản 1.2.3. Phân loại 1.3. Ý nghĩa của nhảy hiện đại đối với sự phát triển của HS 1.4. Hoạt động nhảy hiện đại ở các cơ sở Tiểu học	3 LT	+ Giảng viên (GV): Giới thiệu chương trình môn học. -GV đàm thoại: nêu ra các khái niệm, đặc điểm, phân loại các điệu nhảy trong chương trình, nêu ý nghĩa của nhảy hiện đại. - NH: + đọc và nghiệm cứu, nắm nội dung bài học, nêu câu hỏi thắc mắc. + ghi chép các nội dung học tập. + Tích cực tham gia hoạt động nhóm, tự tin nêu ý kiến của nhóm.	CLO1, CLO6
	(*) Giới thiệu học phần Chương 2: Những thể loại nhảy trong nội dung nhảy hiện đại 2.1. Điệu nhảy Lazumba 2.1.1. Khái niệm chính tả	2 LT	- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập.	

2	2.1.2. Nguồn gốc – xuất xứ 2.1.3. Các hình thức biểu diễn 2.1.4. Một số động tác cơ bản của điệu nhảy	1TH	- GV: + Tổ chức, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ thực hành. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: Thực hành luyện tập, lắng nghe GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO6
3	2.1.5. Bài tập thực hành cùng âm nhạc - Khởi động - Tập luyện sử dụng các động tác đan xen. - Kết hợp theo từng câu nhạc.	2LT 1TH	- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về điệu nhảy. (2) Tìm hiểu một số thao tác lựa chọn động tác. (3) Tìm hiểu, phân tích, lí giải các lỗi về động tác. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6

4	<i>2.1.5. Bài tập thực hành cùng âm nhạc (tiếp)</i> - Khởi động - Tập luyện sử dụng các động tác đan xen. - Kết hợp theo từng câu nhạc.	3TH	- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về điệu nhảy. (2) Tìm hiểu một số thao tác lựa chọn động tác. (3) Tìm hiểu, phân tích, lí giải các lỗi về động tác. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6
5	2.2. Điệu nhảy Sexy dance <i>2.2.1. Khái niệm chính tả</i> <i>2.2.2. Nguồn gốc – xuất xứ</i> <i>2.2.3. Các hình thức biểu diễn</i> <i>2.2.4. Một số động tác cơ bản của điệu nhảy</i>	2 LT 1TH	- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Tổ chức, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ thực hành. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6

			- NH: Thực hành luyện tập, lắng nghe GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm.	
6	2.2.5. Bài tập thực hành cùng âm nhạc - Khởi động - Tập luyện sử dụng các động tác đan xen. - Kết hợp theo từng câu nhạc.	1LT 2TH	- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về điệu nhảy. (2) Tìm hiểu một số thao tác lựa chọn động tác. (3) Tìm hiểu, phân tích, lí giải các lỗi về động tác. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6
7	2.2.5. Bài tập thực hành cùng âm nhạc (tiếp) - Khởi động - Tập luyện sử dụng các động tác đan xen. - Kết hợp theo từng câu nhạc.	3TH	- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV:	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6

			+ Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về điệu nhảy. (2) Tìm hiểu một số thao tác lựa chọn động tác. (3) Tìm hiểu, phân tích, lí giải các lỗi về động tác. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm.	
8	2.3. Điệu nhảy Kpop dance cover 2.3.1. Khái niệm chính tả 2.3.2. Nguồn gốc – xuất xứ 2.3.3. Các hình thức biểu diễn 2.3.4. Một số động tác cơ bản của điệu nhảy	2 LT 1 TH	- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Tổ chức, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ thực hành. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: Thực hành luyện tập, lắng nghe GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6
9	2.3.5. Bài tập thực hành cùng âm nhạc - Khởi động	1LT	- NH:	

	- Tập luyện sử dụng các động tác đan xen. - Kết hợp theo từng câu nhạc.	2TH	+ Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về điệu nhảy. (2) Tìm hiểu một số thao tác lựa chọn động tác. (3) Tìm hiểu, phân tích, lí giải các lỗi về động tác. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6
10	2.3.5. Bài tập thực hành cùng âm nhạc(tiếp) - Khởi động - Tập luyện sử dụng các động tác đan xen. - Kết hợp theo từng câu nhạc.	3TH	- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ:	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6

			(1) Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về điệu nhảy. (2) Tìm hiểu một số thao tác lựa chọn động tác. (3) Tìm hiểu, phân tích, lí giải các lỗi về động tác. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm.	
11	2.4. Điệu nhảy Flashmob <i>2.4.1. Khái niệm chính tả</i> <i>2.4.2. Nguồn gốc – xuất xứ</i> <i>2.4.3. Các hình thức biểu diễn</i> <i>2.4.4. Một số động tác cơ bản của điệu nhảy</i>	2 LT 1TH	- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Tổ chức, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ thực hành. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: Thực hành luyện tập, lắng nghe GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3 CLO6
12	<i>2.4.5. Bài tập thực hành cùng âm nhạc</i> - Khởi động - Tập luyện sử dụng các động tác đan xen. - Kết hợp theo từng câu nhạc.	3TH	- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6

			- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về điệu nhảy. (2) Tìm hiểu một số thao tác lựa chọn động tác. (3) Tìm hiểu, phân tích, lí giải các lỗi về động tác. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm.	
13	2.4.5. Bài tập thực hành cùng âm nhạc (tiếp) - Khởi động - Tập luyện sử dụng các động tác đan xen. - Kết hợp theo từng câu nhạc.	3TH	- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về điệu nhảy. (2) Tìm hiểu một số thao tác lựa chọn động tác.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO6

			(3) Tìm hiểu, phân tích, lí giải các lỗi về động tác. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm.	
14	Ôn tập lại 4 điệu nhảy Lazumba, Sexy dance, Kpop dance cover, Flashmob	3TH	- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về điệu nhảy. (2) Tìm hiểu một số thao tác lựa chọn động tác. (3) Tìm hiểu, phân tích, lí giải các lỗi về động tác. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

15	Ôn tập (tiếp)	3TH	- Từng nhóm SV sẽ thể hiện bài nhảy hiện đại. - Các nhóm tham gia đánh giá bài dạy của nhóm bạn, chấm điểm bằng phiếu. - Điểm thi là điểm trung bình chung của điểm nhóm tự chấm, điểm của nhóm bạn và điểm của GV. - Nhóm phải có biên bản họp nhóm và phân công cho từng thành viên. - SV chuẩn bị tốt nội dung theo yêu cầu. - Các nhóm đánh giá khách quan, có sổ ghi chép, có biên bản. - NH tự tin tổ chức một giờ dạy nhảy hiện đại cho trẻ ở bất kì độ tuổi nào.	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kỳ				30%
A2.1	Thực hành	- Rubric	CLO1,2,3,4,5	
A2.2	Thực hành	- Rubric	CLO2,3,4,5	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Thực hành)	Thực hành	- Rubric	CLO1,2,3,4,5	
A3.2 (Thực hành)	Thực hành	- Rubric 3	CLO1,2,3,4,5	
Công thức tính điểm tổng kết:				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. *Kiểm tra định kỳ*

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: Nhảy theo nhóm 1 bài nhảy tự chọn trong nội dung chương trình
- Hình thức: Thực hành
- Thời gian: 10 phút

Bảng 5.a. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Chuẩn bị (40 %)	Tiến hành (30 %)	Báo cáo kết quả (30 %)
Từ 8 đến 10	- Làm tốt các kỹ thuật của điệu nhảy - Tập luyện theo nhóm - Nhạc hay	- Kỹ thuật tốt. - Kết hợp nhuần nhuyễn theo nhóm. - Chọn nhạc tốt.	- Kỹ thuật tốt. - Kết hợp nhuần nhuyễn theo nhóm. - Chọn nhạc tốt.
Từ 6 đến cận 8	- Thể hiện được các kỹ thuật trong bài nhảy. - Có thần thái biểu diễn sân khấu. - Có sự kết hợp những thành viên trong nhóm	- Kỹ thuật tốt. - Kết hợp nhuần nhuyễn theo nhóm. - Chọn nhạc tốt. - Có thần thái biểu diễn sân khấu.	- Kỹ thuật tốt. - Kết hợp nhuần nhuyễn theo nhóm. - Chọn nhạc tốt. - Có thần thái biểu diễn sân khấu.
Từ 4 đến cận 6	- Có sử dụng kỹ thuật trong bài nhảy - Chưa kết hợp tốt giữa các thành viên	- Kỹ thuật tốt. - Kết hợp nhuần nhuyễn theo nhóm. - Chọn nhạc tốt.	- Kỹ thuật tốt. - Kết hợp nhuần nhuyễn theo nhóm. - Chọn nhạc tốt.
Từ 2 đến cận 4	- Có ít kỹ thuật trong bài - Các thành viên chưa có kết nối	- Có ít kỹ thuật trong bài - Các thành viên chưa có kết nối	- Có ít kỹ thuật trong bài - Các thành viên chưa có kết nối
Từ 0 đến cận 2	- Không sử dụng kỹ thuật trong bài. - Nhạc dùng trong bài không phù hợp - Bài nhảy các động tác không đều.	- Có ít kỹ thuật trong bài - Các thành viên chưa có kết nối	- Không sử dụng kỹ thuật trong bài. - Nhạc dùng trong bài không phù hợp - Bài nhảy các động tác không đều.

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: Nhảy theo nhóm 1 bài nhảy bắt buộc trong nội dung chương trình
- Hình thức: Thực hành
- Thời gian: 10 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Chuẩn bị (40 %)	Tiến hành (30 %)	Báo cáo kết quả (30 %)
Từ 8 đến 10	- Làm tốt các kỹ thuật của điệu nhảy	- Kỹ thuật tốt. - Kết hợp nhuần nhuyễn	- Kỹ thuật tốt. - Kết hợp nhuần nhuyễn

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Chuẩn bị (40 %)	Tiến hành (30 %)	Báo cáo kết quả (30 %)
	- Tập luyện theo nhóm - Nhạc hay	theo nhóm. - Chọn nhạc tốt.	theo nhóm. - Chọn nhạc tốt.
Từ 6 đến cận 8	- Thể hiện được các kỹ thuật trong bài nhảy. - Có thần thái biểu diễn sâu sắc. - Có sự kết hợp những thành viên trong nhóm	- Kỹ thuật tốt. - Kết hợp nhuần nhuyễn theo nhóm. - Chọn nhạc tốt. - Có thần thái biểu diễn sâu sắc.	- Kỹ thuật tốt. - Kết hợp nhuần nhuyễn theo nhóm. - Chọn nhạc tốt. - Có thần thái biểu diễn sâu sắc.
Từ 4 đến cận 6	- Có sử dụng kỹ thuật trong bài nhảy - Chưa kết hợp tốt giữa các thành viên	- Kỹ thuật tốt. - Kết hợp nhuần nhuyễn theo nhóm. - Chọn nhạc tốt.	- Kỹ thuật tốt. - Kết hợp nhuần nhuyễn theo nhóm. - Chọn nhạc tốt.
Từ 2 đến cận 4	- Có ít kỹ thuật trong bài - Các thành viên chưa có kết nối	- Có ít kỹ thuật trong bài - Các thành viên chưa có kết nối	- Có ít kỹ thuật trong bài - Các thành viên chưa có kết nối
Từ 0 đến cận 2	- Không sử dụng kỹ thuật trong bài. - Nhạc dùng trong bài không phù hợp - Bài nhảy các động tác không đều.	- Có ít kỹ thuật trong bài - Các thành viên chưa có kết nối	- Không sử dụng kỹ thuật trong bài. - Nhạc dùng trong bài không phù hợp - Bài nhảy các động tác không đều.

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Nhảy theo nhóm 2 bài nhảy, 1 bài bắt buộc và 1 bài tự chọn trong nội dung chương trình
- Hình thức: Thực hành
- Thời gian: 15 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Chuẩn bị (40 %)	Tiến hành (30 %)	Báo cáo kết quả (30 %)
Từ 8 đến 10	- Làm tốt các kỹ thuật của điệu nhảy - Tập luyện theo nhóm - Nhạc hay	- Kỹ thuật tốt. - Kết hợp nhuần nhuyễn theo nhóm. - Chọn nhạc tốt.	- Kỹ thuật tốt. - Kết hợp nhuần nhuyễn theo nhóm. - Chọn nhạc tốt.
Từ 6 đến cận 8	- Thể hiện được các kỹ thuật trong bài nhảy. - Có thần thái biểu diễn sâu sắc. - Có sự kết hợp những	- Kỹ thuật tốt. - Kết hợp nhuần nhuyễn theo nhóm. - Chọn nhạc tốt. - Có thần thái biểu diễn	- Kỹ thuật tốt. - Kết hợp nhuần nhuyễn theo nhóm. - Chọn nhạc tốt. - Có thần thái biểu diễn

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Chuẩn bị (40 %)	Tiến hành (30 %)	Báo cáo kết quả (30 %)
	thành viên trong nhóm	sân khấu.	sân khấu.
Từ 4 đến cận 6	- Có sử dụng kỹ thuật trong bài nhảy - Chưa kết hợp tốt giữa các thành viên	- Kỹ thuật tốt. - Kết hợp nhuần nhuyễn theo nhóm. - Chọn nhạc tốt.	- Kỹ thuật tốt. - Kết hợp nhuần nhuyễn theo nhóm. - Chọn nhạc tốt.
Từ 2 đến cận 4	- Có ít kỹ thuật trong bài - Các thành viên chưa có kết nối	- Có ít kỹ thuật trong bài - Các thành viên chưa có kết nối	- Có ít kỹ thuật trong bài - Các thành viên chưa có kết nối
Từ 0 đến cận 2	- Không sử dụng kỹ thuật trong bài. - Nhạc dùng trong bài không phù hợp - Bài nhảy các động tác không đều.	- Có ít kỹ thuật trong bài - Các thành viên chưa có kết nối	- Không sử dụng kỹ thuật trong bài. - Nhạc dùng trong bài không phù hợp - Bài nhảy các động tác không đều.

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Nguyễn Thị Quý Kim

Liễu Quỳnh Như

6.2.33. Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:

SP622018

1.2. Tên học phần:

Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ

1.3. Tên tiếng Anh:

Practice songs on the Organ

1.4. Số tín chỉ:

2 (1LT + 1TH)

1.5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết:

12 tiết

- Thực hành:

33 tiết

- Tự học:

45 giờ

1.6. Quản lý, phụ trách học phần

- Khoa quản lý học phần:

Khoa Sư phạm

Ths. Liễu Quỳnh Như

- Giảng viên phụ trách chính:

SĐT: 0949302185

Email: quynhnhuls85@gmail.com

Ths. Vũ Mạnh Hùng

SĐT: 0912017288

- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:

Email: vumanhhung.dhhl@gmail.com

Ths. Phạm Trung Kiên

SĐT: 0399424699

Email: kienphamtrung@daihochalong.edu.vn

1.7. Điều kiện tham gia học phần

- Học phần tiên quyết:

Không

- Học phần học trước:

Giáo dục Âm nhạc ở Tiểu học

- Học phần song hành:

Không

2. Mô tả học phần

Học phần Thực hành ca khúc thiếu nhi trên đàn Organ tập trung vào việc luyện tập và biểu diễn các bài hát dành cho thiếu nhi bằng đàn Organ. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách chọn tiết tấu, sử dụng hợp âm phù hợp và phát triển kỹ năng đệm hát sao cho sinh động, đúng nhạc và dễ tiếp cận với trẻ em. Môn học góp phần rèn luyện khả năng cảm thụ âm nhạc, kỹ năng sư phạm và năng lực trình bày ca khúc một cách linh hoạt, sáng tạo trong môi trường giáo dục âm nhạc Tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

Người học có kiến thức và kỹ năng cơ bản về sử dụng đàn Organ. Đàn và đệm được các ca khúc trong chương trình giáo dục Tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Mô tả CDR học phần	PPDG
CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về đàn Organ : lịch sử, cấu trúc, các chức năng, tư thế chơi đàn và cách bảo quản đàn	Câu hỏi vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra.
CLO2	Sử dụng thành thạo các thao tác khi đàn và đệm các bài hát. Đệm các bài hát bằng tiết điệu và hợp âm. Đàn hai tay một số bài trong chủ đề của chương trình giáo dục Tiểu học	Thực hành luyện tập trên đàn, bài kiểm tra
CLO3	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh các hoạt động âm nhạc trong các cơ sở giáo dục Tiểu học	Thực hành luyện tập trên đàn, bài kiểm tra
CLO4	Tích cực, chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hợp tác, chia sẻ, kiên trì trong tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ tại các cơ sở giáo dục Tiểu học	Quan sát, câu hỏi vấn đáp, bài tập thiết kế, bài kiểm tra.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1				I					R	R
CLO 2		R	R	R	M	M	I		R	R
CLO 3		R	M	M	M	M	M		R	I
CLO 4		R		M		R			R	R
Tổng hợp học phần		R	M	M	M	R	M		R	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1]. Cù Minh Nhật, *Giúp giáo viên sử dụng tốt đàn phím điện tử trong thiết kế bài giảng lớp 2* Nxb Âm nhạc, 2012.

[2]. Cù Minh Nhật, *Giúp giáo viên sử dụng tốt đàn phím điện tử trong thiết kế bài giảng lớp 5* Nxb Âm nhạc, 2012.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Patrich Moulou, *1000 hợp âm cho đàn Organ*, Nxb Tổng hợp TPHCM, 2011.

[2]. Cù Minh Nhật, *Piano thực hành phần cơ bản*, Nxb Âm nhạc, 2011.

[3]. Cù Minh Nhật, *Tự học Organ điện tử*, Nxb Âm nhạc, 2008.

[4]. Cù Minh Nhật, *Organ thực hành (134 bài hát mẫu giáo)*, Nxb Âm nhạc, 2010.

[5]. Cù Minh Nhật, *Organ thực hành (80 bài hát hay trong sinh hoạt tập thể)*, Nxb Âm nhạc, 2009.

[6]. Hoàng Hoa, *Tuyển tập các bản nhạc căn bản dành cho Piano Classic*, Nhà xuất bản Phương Đông, 2010.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 15 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	* Giới thiệu học phần: <i>Chương 1 giới thiệu tổng quan về đàn Organ – một loại nhạc cụ điện tử đa năng. Nội dung bao gồm lịch sử hình thành và phát triển của đàn Organ, cấu trúc và các bộ phận chính như bàn phím, màn hình hiển thị, hệ thống loa và</i>	3 LT	- GV: + trình chiếu, diễn giải và hướng dẫn cho SV. - SV: + lắng nghe, ghi nhớ và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV.	CLO1, CLO4

	<i>bảng điều khiển chức năng. Người học sẽ nắm được vị trí, vai trò của từng bộ phận, cũng như chức năng và cách sử dụng cơ bản của đàn. Ngoài ra, chương còn hướng dẫn tư thế ngồi đúng khi chơi đàn, cách bảo quản và vệ sinh đàn để sử dụng lâu dài. Phần cuối chương sẽ giúp bạn bước đầu làm quen với tiết điệu – yếu tố quan trọng trong việc đệm và biểu diễn âm nhạc trên đàn Organ.</i> Chương 1: Tìm hiểu về đàn Organ 1.1. Vài nét lịch sử, vị trí và tác dụng của đàn Organ 1.2. Cấu trúc cơ bản của đàn phím điện tử 1.3. Nhận biết vị trí các âm thanh và phạm vi từng tay trên hàng phím 1.4. Quy định số ngón tay phải và tay trái 1.5. Công tác bảo quản 1.6. Những tư thế khi đánh đàn phím điện tử 1.7. Chức năng và cách sử dụng đàn phím điện tử 1.8 Tìm hiểu, chọn lựa âm sắc (Voice) và các tiết điệu đệm tự động (Style – Rhythm) cho các nhịp			
	* Giới thiệu học phần: <i>Chương 2 tập trung vào</i>			

2	việc rèn luyện các kỹ thuật đệm cơ bản trên đàn Organ, giúp người học xây dựng nền tảng vững chắc để tự tin chơi nhạc. Nội dung bao gồm hướng dẫn cách luyện ngón, phối hợp tay trái và tay phải, sử dụng hợp âm căn bản và tiết điệu đệm thông dụng. Bên cạnh lý thuyết, chương còn lồng ghép các bài tập thực hành thông qua những bài hát quen thuộc, nhằm giúp người học áp dụng kỹ thuật vào thực tế một cách hiệu quả và sinh động. Đây là bước quan trọng để phát triển kỹ năng biểu diễn và cảm âm nhạc. Chương 2: Rèn luyện kỹ năng sử dụng đàn Organ và thực hành đệm hát các bài hát thiếu nhi trong chương trình âm nhạc bậc Tiểu học 2.1. Kỹ thuật cơ bản và luyện ngón 2.1.1. Kỹ thuật chạy gam ghép 2 tay	1LT 2TH	- GV: + trình chiếu, diễn giải và hướng dẫn cho SV. - SV: + lắng nghe, ghi nhớ và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV.	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4

3	2.1.1. Kỹ thuật chạy gam ghép 2 tay (Tiếp)	1LT 2TH	GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung - SV: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, tập luyện, báo cáo kết quả, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, sửa sai, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
4	2.1.2. Luyện tập gam cơ bản	1LT 2TH	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về soạn đệm. - SV: + Thực hiện tập luyện, báo cáo kết quả, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, sửa sai, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
5	2.1.2. Luyện tập gam cơ bản (Tiếp)	1LT 2TH	GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về soạn đệm. - SV: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, tập luyện, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, sửa sai, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

6	2.2. Phương pháp soạn đệm và đệm hát 2.2.1 Phương pháp soạn đệm cho phần giai điệu (Tay phải)	1LT 2TH	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về soạn đệm. - SV: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, tập luyện, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, sửa sai, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
7	2.2.2. Phương pháp soạn hợp âm phần đệm (Tay trái)	1LT 2TH	GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về soạn đệm. - SV: + Thực hiện tập luyện, báo cáo kết quả, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, sửa sai, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
8	2.2.3 Kỹ thuật phân đạo đầu, đạo giữa và kết thúc	1LT 2TH	GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về soạn đệm. - SV: + Thực hiện tập luyện, báo cáo kết quả, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, sửa sai, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

9	2.2.3 Kỹ thuật phân đạo đầu, đạo giữa và kết thúc (Tiếp)	1LT 2TH	GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về soạn đệm. - SV: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, tập luyện, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, sửa sai, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
10	2.2.3 Kỹ thuật phân đạo đầu, đạo giữa và kết thúc (Tiếp)	3TH	GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về soạn đệm. - SV: + Thực hiện tập luyện, báo cáo kết quả, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, sửa sai, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
11	2.3. Ứng dụng thực hành bài hát trong chương trình âm nhạc Tiểu học 2.3.1 Hướng dẫn ghép 2 tay với tác phẩm	1LT 2TH	GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về soạn đệm. - SV: + Thực hiện tập luyện, báo cáo kết quả, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, sửa sai, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

12	2.3.1 Hướng dẫn ghép 2 tay với tác phẩm (Tiếp)	3TH	GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về soạn đệm. - SV: + Thực hiện tập luyện, báo cáo kết quả, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, sửa sai, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
13	2.3.1 Hướng dẫn ghép 2 tay với tác phẩm (Tiếp)	3TH	GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về soạn đệm. - SV: + Thực hiện nhiệm vụ tập luyện, báo cáo kết quả, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, sửa sai, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
14	2.3.2. Bài thực hành	3TH	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về soạn đệm. - SV: + Thực hiện nhiệm vụ tập luyện, báo cáo kết quả, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, sửa sai, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

15	2.3.2. Bài thực hành (Tiếp)	3TH	GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: Tìm hiểu, phân tích những yêu cầu chung về soạn đệm. - SV: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, tập luyện, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, sửa sai, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Thực hành vấn đáp	- Rubric	CLO1,2,3,4,5	
A2.2	Thực hành vấn đáp	- Rubric	CLO2,3,4,5	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Thực hành)	Thực hành vấn đáp	- Rubric	CLO1,2,3,4,5	
A3.2 (Thực hành)	Thực hành vấn đáp	- Rubric 3	CLO1,2,3,4,5	
Công thức tính điểm tổng kết:				

9.2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Thực hành vấn đáp	- Rubric	CLO1,2,3,4,5	

A2.2	Thực hành vấn đáp	- Rubric	CLO2,3,4,5	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Thực hành)	Thực hành vấn đáp	- Rubric	CLO1,2,3,4,5	
A3.2 (Thực hành)	Thực hành vấn đáp	- Rubric 3	CLO1,2,3,4,5	
Công thức tính điểm tổng kết:				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. *Kiểm tra định kỳ*

Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Đàn một bài hát tự chọn trên đàn Organ
- Hình thức: Thực hành
- Thời gian: 10 phút/SV

Bảng 5.a. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Chuẩn bị (40 %)	Tiến hành (30 %)	Báo cáo kết quả (30 %)
Từ 8 đến 10	- Đánh chính xác nốt nhạc	- Đánh đúng tiết tấu, trường độ - Sử dụng âm đệm chính xác	- Kết hợp giữa giai điệu và âm đệm - Sử dụng thành thạo các tính năng trên đàn Organ
Từ 6 đến cận 8	- Đánh chính xác nốt nhạc	- Đánh đúng tiết tấu, đúng trường độ - Sử dụng âm đệm chính xác	- Kết hợp giữa giai điệu và âm đệm chưa tốt - Sử dụng được các tính năng trên đàn Organ
Từ 4 đến cận 6	- Đánh đúng nốt nhạc	- Đánh sai tiết tấu, chưa chính xác trường độ - Sử dụng âm đệm chính xác	- Kết hợp giữa giai điệu và âm đệm chưa tốt - Sử dụng được các tính năng trên đàn Organ
Từ 2 đến cận 4	- Đánh còn sai một số nốt nhạc	- Đánh đúng tiết tấu, đúng trường độ - Sử dụng âm đệm chính xác	- Kết hợp giữa giai điệu và âm đệm chưa tốt - Sử dụng chưa tốt các tính năng trên đàn Organ
Từ 0 đến cận 2	- Đánh sai nhiều nốt nhạc	- Đánh sai tiết tấu, sai trường độ - Sử dụng âm đệm chưa hợp lý	- Kết hợp giữa giai điệu và âm đệm chưa tốt - Sử dụng chưa tốt các tính năng trên đàn Organ

Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Đàn một tác phẩm bắt buộc trên đàn Organ
- Hình thức: Thực hành
- Thời gian: 10 phút/SV

Bảng 5.b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Chuẩn bị (40 %)	Tiến hành (30 %)	Báo cáo kết quả (30 %)
Từ 8 đến 10	- Đánh chính xác tên nốt nhạc - Đánh đúng tiết tấu, trường độ	- Sử dụng âm đệm chính xác - Kết hợp nhuần nhuyễn giữa giai điệu và âm đệm	- Sử dụng thành thạo các tính năng trên đàn Organ - Thể hiện tốt sắc thái tác phẩm.
Từ 6 đến 8	- Đánh đúng tên nốt nhạc - Đánh được tiết tấu, trường độ	- Sử dụng âm đệm đúng - Kết hợp được giữa giai điệu và âm đệm	- Sử dụng chưa thành thạo các tính năng trên đàn Organ - Chưa thể hiện được sắc thái tác phẩm.
Từ 4 đến 6	- Đánh được tên nốt nhạc - Đánh tiết tấu, trường độ	- Biết lựa chọn âm đệm - Kết hợp được giữa giai điệu và âm đệm nhưng chưa tốt	- Sử dụng chưa thành thạo các tính năng trên đàn Organ - Chưa thể hiện được sắc thái tác phẩm.
Từ 2 đến 4	- Đánh sai một số nốt nhạc - Đánh chưa đúng một số tiết tấu, trường độ	- Sử dụng âm đệm chưa chính xác - Kết hợp giữa giai điệu và âm đệm chưa tốt	- Sử dụng chưa tốt các tính năng trên đàn Organ - Chưa thể hiện được sắc thái tác phẩm.
Từ 0 đến 2	- Đánh sai nốt nhạc - Đánh sai tiết tấu, trường độ	- Sử dụng âm đệm chưa tốt - Kết hợp giữa giai điệu và âm đệm chưa tốt	- Sử dụng sai các tính năng trên đàn Organ - Chưa thể hiện được sắc thái tác phẩm.

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Đàn một bài hát tự chọn và một bài hát bắt buộc trong chương trình Âm nhạc của Tiểu học
- Hình thức: Thực hành
- Thời gian: 10 phút/SV

Bảng 6. Tiêu chí đánh giá bài thi kết thúc học phần

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Chuẩn bị (40 %)	Tiến hành (30 %)	Báo cáo kết quả (30 %)
Từ 8 đến 10	- Đánh chính xác tên nốt nhạc - Đánh đúng tiết tấu, trường độ	- Sử dụng âm đệm chính xác - Kết hợp giữa giai điệu và âm đệm nhuần nhuyễn	- Sử dụng thành thạo các tính năng trên đàn Organ - Thể hiện tốt sắc thái tác phẩm.

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Chuẩn bị (40 %)	Tiến hành (30 %)	Báo cáo kết quả (30 %)
Từ 6 đến cận 8	- Đánh đúng tên nốt nhạc - Đánh được tiết tấu, trường độ	- Sử dụng âm đệm đúng - Kết hợp được giữa giai điệu và âm đệm	- Sử dụng chưa thành thạo các tính năng trên đàn Organ - Chưa thể hiện được sắc thái tác phẩm.
Từ 4 đến cận 6	- Đánh được tên nốt nhạc - Đánh tiết tấu, trường độ	- Biết lựa chọn âm đệm - Kết hợp được giữa giai điệu và âm đệm nhưng chưa tốt	- Sử dụng chưa thành thạo các tính năng trên đàn Organ - Chưa thể hiện được sắc thái tác phẩm.
Từ 2 đến cận 4	- Đánh sai một số nốt nhạc - Đánh chưa đúng một số tiết tấu, trường độ	- Sử dụng âm đệm chưa chính xác - Kết hợp giữa giai điệu và âm đệm chưa tốt	- Sử dụng chưa tốt các tính năng trên đàn Organ - Chưa thể hiện được sắc thái tác phẩm.
Từ 0 đến cận 2	- Đánh sai nốt nhạc - Đánh sai tiết tấu, trường độ	- Sử dụng âm đệm chưa tốt - Kết hợp giữa giai điệu và âm đệm chưa tốt	- Sử dụng sai các tính năng trên đàn Organ - Chưa thể hiện được sắc thái tác phẩm.

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng Bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Nguyễn Thị Quý Kim

Liều Quỳnh Như

6.2.34. Nhập môn Xác suất – Thống kê

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

Mã học phần:	SP622019
Tên học phần:	Nhập môn Xác suất – Thống kê
Tên tiếng Anh:	Introduction to Probability and Statistics
Số tín chỉ:	02 (1LT-1TH)
Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45 giờ
Quản lý, phụ trách học phần:	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Hoàng Vân SĐT: 0936217077
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Thị Quý Kim SĐT: 0988866910 ThS. Bùi Văn Chương SĐT: 0914628884
Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không có
- Học phần song hành:	Không có

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về lí thuyết xác suất và thống kê ứng dụng gồm: Biến cố ngẫu nhiên, xác suất và các công thức tính xác suất, biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối xác suất thường gặp, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết, các yếu tố thống kê trong môn toán ở tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần này người học có các kiến thức cơ bản về lý thuyết xác suất và thống kê ứng dụng, qua đó người học hiểu được cơ sở của các nội dung có yếu tố Xác suất –

Thống kê trong môn toán tiểu học và có các kĩ năng xử lí số liệu thống kê trong thực tế dạy học.

4. Chuẩn đầu ra HP (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

CLOs	Mô tả CDR HP	PPĐG
CLO1	Trình bày và vận dụng được các khái niệm, các định lí, quy tắc của lý thuyết xác suất.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO2	Trình bày và vận dụng được các quy luật phân phối xác suất thường dùng.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO3	Phân biệt được các trường hợp của các bài toán thống kê; Vận dụng các phương pháp giải quyết bài toán tương ứng.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO4	Trình bày được cơ sở của các nội dung có yếu tố Xác suất – Thống kê trong môn Toán Tiểu học và có các kĩ năng xử lí số liệu thống kê trong thực tế dạy học.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập

5. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	I	I			R			I	R
CLO 2	I	I	I			M			I	R
CLO 3	R	R	M	R	M	M	R		I	R
CLO 4	R	A	A	R	M	M	M		I	R
Tổng hợp học phần	R	A	A	R	M	M	M		I	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1] Nguyễn Cao Văn (2018), *Giáo trình Lý thuyết Xác suất và Thống kê*, NXB Giáo dục ĐH Kinh tế Quốc dân.

[2] TS. Trần Đức Chiểu (Chủ biên) – TS. Đâu Xuân Lương – ThS. Nguyễn Doãn Hùng – ThS. Nguyễn Quý Kim (2017), *Bài tập Xác suất – Thống kê*, Nxb Giáo dục Việt Nam.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3] Đào Hữu Hồ (2003), *Xác suất thống kê*, NXB. ĐHQG Hà Nội.

[4] Đào Hữu Hồ (2010), *Giáo trình thống kê xã hội học (giáo trình dùng cho các trường đại học khối xã hội nhân văn, các trường cao đẳng)*, NXB Giáo dục Việt Nam.

[5] Phạm Văn Kiều (2005), *Xác suất thống kê*, NXB ĐHSP Hà Nội.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 2 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	* Giới thiệu học phần Chương 1: Biến cố, xác suất của biến cố 1.1 Khái niệm cơ bản về xác suất 1.1.1. Đối tượng nghiên cứu của xác suất 1.1.2. Biến cố ngẫu nhiên 1.1.3. Quan hệ giữa các biến cố 1.1.4. Các phép tính trên các biến cố 1.2. Định nghĩa xác suất 1.2.1. Định nghĩa xác suất cổ điển 1.2.2. Định nghĩa xác suất theo phương pháp thống kê 1.2.3. Xác suất hình học	2LT + 1TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.1; 1.2. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1
2	1.3. Biến cố ngẫu nhiên độc lập; Xác suất điều kiện. 1.4. Công thức Becnuli, công thức xác suất đầy đủ, Bayes. Bài tập chương 1	1LT + 2TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.3; 1.4 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1
3	Chương 2. Biến ngẫu nhiên 2.1. Biến ngẫu nhiên 2.1.1.	1LT +2TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong	CLO2

	Định nghĩa 2.1.2. Biến ngẫu nhiên rời rạc, bảng phân phối xác suất 2.1.3. Biến ngẫu nhiên liên tục		tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.1 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	
4	2.2. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên 2.2.1. Kỳ vọng (giá trị trung bình) 2.2.2. Phương sai 2.2.3. Mode 2.2.4. Median và phân vị	1LT + 2TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.2 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO2
5	2.2. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên 2.2.1. Kỳ vọng (giá trị trung bình) 2.2.2. Phương sai 2.2.3. Mode 2.2.4. Median và phân vị Bài tập chương 2 Bài kiểm tra định kỳ số 1	1LT+ 5TH	- Sinh viên ôn tập kỹ lý thuyết, chuẩn bị trước bài tập. - Sinh viên chữa bài tập (có thể thực hiện theo nhóm). - GV gợi ý (nếu cần), chữa bài, góp ý, nhận xét. - GV chuẩn bị đề kiểm tra. - SV làm bài kiểm tra. - GV chấm bài và nhận xét vào buổi học sau.	CLO2
6	Chương 3. Thống kê toán 3.1. Lý thuyết mẫu 3.1.1. Mẫu quan sát và cách trình bày mẫu 3.1.2. Các giá trị đặc trưng mẫu 3.1.2.1. Trung bình mẫu 3.1.2.2. Trung vị mẫu 3.1.2.3. Mode 3.1.2.4. Phương sai và độ lệch chuẩn mẫu	2LT + 4TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 3.1 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO3

7	3.2. Một vài ước lượng đơn giản 3.2.1. Ước lượng điểm và ước lượng khoảng 3.2.2. Khoảng tin cậy của kì vọng μ đối với mẫu có cỡ lớn 3.2.3. Khoảng tin cậy của kì vọng μ đối với cỡ mẫu nhỏ 3.2.4. Khoảng tin cậy cho tỉ lệ trong tập tổng quát. Bài tập về ước lượng.	3LT+6TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 3.2 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO3
8	3.3.3. Kiểm định giả thiết về tỉ lệ hay xác suất p 3.3.4. So sánh hai giá trị trung bình của hai mẫu quan sát 3.3.5. So sánh hai xác suất Bài tập về kiểm định	3LT+6TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.6; 2.7. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO3
9	3.4. Yếu tố thống kê trong môn Toán ở Tiểu học. Kiểm tra.	1LT+2TH	- Sinh viên ôn tập kĩ lí thuyết, chuẩn bị trước bài tập. - Sinh viên chữa bài tập (có thể thực hiện theo nhóm). - GV gợi ý (nếu cần), chữa bài, góp ý, nhận xét. - GV chuẩn bị đề kiểm tra. - SV làm bài kiểm tra. - GV chấm bài và nhận xét vào buổi học sau.	CLO4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%

A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Bài kiểm tra	Câu hỏi trắc nghiệm; bài tập tự luận		
A2.2	Bài kiểm tra	Câu hỏi trắc nghiệm, bài tập tự luận		
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Thi viết	Câu hỏi trắc nghiệm, bài tập tự luận		
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1 + A2*3 + A3*6)/10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Chương 1
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Các phép toán trên biến cố	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	2
2	Công thức XS điều kiện, công thức Becnuli, công thức xác suất đầy đủ, Bayes	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	3
3	Số đặc trưng của BNN	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	2
4	Phân phối Nhị thức, Chuẩn	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	3
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Chương 2
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra định kì số 2

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Kiến thức, kỹ năng sinh viên được học trong nội dung học phần.
- Hình thức: Trắc nghiệm (40%) + Tự luận (60%).
- Thời gian: 90 phút

Bảng 6 Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	2,5
2	Chương 2	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	2,5
3	Chương 3	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn



Vũ Vương Trường

Nguyễn Thị Quý Kim

Nguyễn Hoàng Văn

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ngành: Giáo dục tiểu học

Mã học phần:	SP622020
Tên học phần:	Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 1
Tên tiếng Anh:	Mathematical foundations of primary school Mathematics 1
Số tín chỉ:	02 (1LT + 1TH)
Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45 giờ
Quản lý, phụ trách học phần:	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Quý Kim – SĐT: 0988866910
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Bùi Văn Chương – SĐT: 0914628884 ThS. Nguyễn Hoàng Vân – SĐT: 0936217077
Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Không có
- Học phần song hành:	Không có

3. Mục tiêu học phần

4. Chuẩn đầu ra HP (CLOs)

CLOs	Mô tả CDR HP	PPDG
CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về tập hợp, các phép toán trên tập hợp, quan hệ hai ngôi,	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập

	quan hệ tương đương, quan hệ thứ tự, ánh xạ, mệnh đề, phép toán logic, các phương pháp chứng minh và suy luận toán học.	
CLO2	Chứng minh được các định lý, tính chất trong nội dung tập hợp, quan hệ, mệnh đề, ánh xạ.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO3	Phân tích được cơ sở của ngôn ngữ toán học trong môn toán tiểu học.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập

5. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	M	I		I	R			R	I
CLO 2	I	A	I		I	R			R	I
CLO 3	I	A	I		I	R			R	I
Tổng hợp học phần	I	A	I		I	R			R	I

6. Học liệu

6.1. Sách, giáo trình chính

[1] Nguyễn Hoàng Vân, *Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 1*, Tài liệu lưu hành nội bộ, 2023.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Trần Diên Hiền - Nguyễn Xuân Liêm, *Cơ sở lý thuyết Tập hợp và logic Toán*, Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học, NXB Giáo dục, 2007.

[3] Trần Diên Hiền (chủ biên), Nguyễn Thủy Chung, *Cơ sở toán học của môn Toán Tiểu học*, NXB ĐH Sư Phạm, 2018.

[4] Hà Huy Khoái (tổng chủ biên), *Sách giáo khoa môn toán lớp 1,2,3,4,5 bộ sách Kết nối tri thức vào cuộc sống*, NXB Giáo dục.

[5] Đỗ Đức Thái (tổng chủ biên), *Sách giáo khoa môn toán lớp 1,2,3,4,5 bộ sách Cánh Diều*, Nhà xuất Đại học Sư phạm.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)

1	* Giới thiệu học phần Chương 1. CƠ SỞ LÝ THUYẾT TẬP HỢP (24 tiết = 8 LT + 16TH) 1.1. Tập hợp 1.1.1. Khái niệm về tập hợp 1.1.2. Tập con của một tập hợp 1.1.3. Các tập hợp bằng nhau 1.1.4. Tập hợp những tập hợp 1.1.5. Số tập con của một tập hợp hữu hạn 1.2. Các phép toán trên các tập hợp 1.2.1. Giao của các tập hợp 1.2.2. Hợp của các tập hợp 1.2.3. Hiệu của hai tập hợp 1.2.4. Không gian, phần bù của một tập hợp	2LT + 1TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.1; 1.2. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1, CLO2, CLO3
2	1.3. Quan hệ 1.3.1. Định nghĩa quan hệ hai ngôi 1.3.2. Một số tính chất thường gặp của quan hệ hai ngôi 1.3.3. Quan hệ ngược - Hợp của hai quan hệ 1.4. Quan hệ tương đương 1.4.1. Định nghĩa quan hệ tương đương 1.4.2. Các lớp tương đương và tập thương	2LT + 1TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.3; 1.4 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1, CLO2, CLO3
3	1.5. Quan hệ thứ tự 1.5.1. Định nghĩa 1.5.2. Quan hệ thứ tự nghiêm ngặt 1.5.3. Quan hệ thứ tự toàn phần và quan hệ thứ tự bộ	2LT + 1TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.5;1.6	CLO1, CLO2, CLO3

	phần 1.5.4. Các phần tử tối đại, tối tiểu 1.5.5. Các phần tử lớn nhất, nhỏ nhất 1.6. Ánh xạ 1.6.1. Định nghĩa ánh xạ 1.6.2. Ánh xạ bằng nhau 1.6.3. Thu hẹp và thác triển ánh xạ 1.6.4. Hợp của các ánh xạ 1.6.5. Hàm số. Dãy và dãy số.		- SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	
4	1.7. Đơn ánh, toàn ánh, song ánh và ánh xạ ngược 1.7.1. Đơn ánh 1.7.2. Toàn ánh 1.7.3. Song ánh 1.7.4. Ánh xạ ngược 1.8. Ảnh và tạo ảnh qua một ánh xạ 1.8.1. Ảnh của một tập hợp qua một ánh xạ 1.8.2. Tạo ảnh của một tập hợp qua một ánh xạ	2LT + 1TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.7; 1.8 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1, CLO2, CLO3
5	Bài tập chương 1 (tiếp) Kiểm tra định kì số 2	12TH	- Sinh viên ôn tập kĩ lí thuyết, chuẩn bị trước bài tập. - Sinh viên chữa bài tập (có thể thực hiện theo nhóm). - GV gợi ý (nếu cần), chữa bài, góp ý, nhận xét. - GV chuẩn bị đề kiểm tra. - SV làm bài kiểm tra. - GV chấm bài và nhận xét vào buổi học sau.	CLO1, CLO2, CLO3
6	Chương 2. CƠ SỞ LÔGIC TOÁN (21 tiết = 7LT + 14TH)	2LT + 1TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2].	CLO1, CLO2, CLO3

	2.1. Mệnh đề và các phép logic 2.1.1. Mệnh đề 2.1.2. Các phép toán logic 2.2. Các bài toán về suy luận đơn giản 2.2.1. Phương pháp lập bảng 2.2.2. Phương pháp suy luận đơn giản 2.2.3. Phương pháp lựa chọn tình huống 2.2.4. Phương pháp biểu đồ Ven		- GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.1; 2.2. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	
7	2.3. Công thức 2.3.1. Khái niệm về công thức 2.3.2. Giá trị chân lý của công thức 2.3.3. Sự tương đương logic và đẳng thức 2.3.4. Phép biến đổi công thức 2.3.5. Mệnh đề liên hợp, điều kiện cần, điều kiện đủ, điều kiện cần và đủ 2.3.6. Luật của logic mệnh đề 2.4. Quy tắc suy luận 2.5. Hàm mệnh đề - Mệnh đề tổng quát, tồn tại 2.5.1. Khái niệm về hàm mệnh đề 2.5.2. Các phép toán trên hàm mệnh đề 2.5.3. Mệnh đề tổng quát 2.5.4. Mệnh đề tồn tại 2.5.5. Phép phủ định của mệnh đề tồn tại và tổng quát	3LT	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.3; 2.4; 2.5 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1, CLO2, CLO3
8	2.6. Suy luận và chứng	2LT	- SV nghiên cứu nội dung	CLO1,

	minh 2.6.1. Suy luận 2.6.2. Chứng minh 2.6.3. Các phương pháp chứng minh toán học thường gặp 2.7. Suy luận và chứng minh trong dạy học toán ở Tiểu học 2.7.1. Suy luận và chứng minh trong dạy học mạch số học 2.7.2. Suy luận và chứng minh trong dạy học mạch yếu tố hình học.	+ 1TH	trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.6; 2.7. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO2, CLO3
9	Bài tập chương 2 Kiểm tra định kì số 2	12TH	- Sinh viên ôn tập kĩ lí thuyết, chuẩn bị trước bài tập. - Sinh viên chữa bài tập (có thể thực hiện theo nhóm). - GV gợi ý (nếu cần), chữa bài, góp ý, nhận xét. - GV chuẩn bị đề kiểm tra. - SV làm bài kiểm tra. - GV chấm bài và nhận xét vào buổi học sau.	CLO1, CLO2, CLO3

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Bài kiểm tra	Câu hỏi trắc nghiệm; bài tập tự luận	CLO1 CLO2 CLO3	
A2.2	Bài kiểm tra	Câu hỏi	CLO1	

		trắc nghiệm, bài tập tự luận	CLO2 CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Thi viết	Câu hỏi trắc nghiệm, bài tập tự luận	CLO1 CLO2 CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1 + A2*3 + A3*6)/10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Chương 1
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Xác định tập con của tập hợp và thực hiện các phép toán tập hợp, chứng minh đẳng thức tập hợp	Làm đúng đáp án, biểu điểm	4
2	Chứng minh một quan hệ là quan hệ tương đương, tìm được lớp tương đương, phần tử lớn nhất, nhỏ nhất	Làm đúng đáp án, biểu điểm	3
3	Chứng minh một ánh xạ là đơn ánh, toàn ánh, song ánh. Tìm ánh xạ ngược	Làm đúng đáp án, biểu điểm	3
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Chương 2
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chứng minh công thức mệnh đề	Làm đúng đáp án, biểu điểm	5
2	Giải bài toán suy luận	Làm đúng đáp án, biểu điểm	5

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	toán học		
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Kiến thức, kỹ năng sinh viên được học trong nội dung học phần.
- Hình thức: Trắc nghiệm (40%) + Tự luận (60%).
- Thời gian: 90 phút

Bảng 6 Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Tập hợp, quan hệ, ánh xạ	Làm đúng đáp án, biểu điểm	5
2	Cơ sở logic	Làm đúng đáp án, biểu điểm	5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng Nguyễn Thị Quý Kim Nguyễn Thị Quý Kim

6.2.36. Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

Mã học phần:	SP622021
Tên học phần:	Cơ sở toán học của môn Toán ở Tiểu học 2
Tên tiếng Anh:	Mathematical foundations of primary school Mathematics 2
Số tín chỉ:	02 (1LT + 1TH)
Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45 giờ
Quản lý, phụ trách học phần:	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Quý Kim- SĐT: 0988866910
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Bùi Văn Chương-SĐT:0914628884; ThS. Nguyễn Hoàng Vân-SĐT:0936217077
Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	SP622020
- Học phần song hành:	Không có

2. Mô tả học phần: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về cấu trúc đại số; kiến thức về tập hợp số tự nhiên; tập hợp số hữu tỉ và tập hợp số thực. Đây là các kiến thức nền tảng của toán tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần này, người học có các kiến thức về cấu trúc đại số, tập hợp số tự nhiên, tập hợp số hữu tỉ, tập hợp số thực; hiểu được các nội dung số tự nhiên, số hữu tỉ trong chương trình Toán tiêu học.

4. Chuẩn đầu ra HP (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

CLOs	Mô tả CDR HP	PPDG

CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về cấu trúc đại số, số tự nhiên, phân số không âm, số tự nhiên không âm.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO2	Chứng minh được tập hợp đã cho có là nửa nhóm, nhóm, vành, trường.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO3	Giải được các bài toán trong tập hợp số tự nhiên, phân số không âm, số thập phân không âm.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO4	Trình bày được nội dung số tự nhiên, phân số không âm, số thập phân không âm trong chương trình toán Tiểu học.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập

5. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	M	I		I	R			R	I
CLO 2	I	A	I		I	R			R	I
CLO 3	I	A	I		I	R			R	I
CLO 4	I	A	I		I	R			R	I
Tổng hợp học phần	I	A	I		I	R			R	I

6. Học liệu

6.1. Sách, giáo trình chính

[1] Bùi Văn Chương, *Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 2*, Tài liệu lưu hành nội bộ, 2023.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Bùi Huy Hiền, *Bài tập đại số đại cương*, NXB Giáo dục, 2012

[3] Trần Diên Hiền – Bùi Huy Hiền, *Các tập hợp số*, NXB ĐHSP, 2007

[4] Hà Huy Khoái (tổng chủ biên), *Sách giáo khoa môn toán lớp 1,2,3,4,5 bộ sách Kết nối tri thức vào cuộc sống*, NXB Giáo dục.

[5] Hoàng Xuân Sính, *Đại số đại cương*, NXB Giáo dục, 2012

[6] Đỗ Đức Thái (tổng chủ biên), *Sách giáo khoa môn toán lớp 1,2,3,4,5 bộ sách Cánh Diều*, Nhà xuất Đại học Sư phạm.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	* Giới thiệu học phần Chương 1. CẤU TRÚC ĐẠI SỐ (15 tiết = 4LT + 11TH) 1.1. Phép toán hai ngôi 1.1.1. Nhắc lại về khái niệm ánh xạ 1.1.2. Phép toán hai ngôi 1.2. Nửa nhóm và nhóm 1.2.1. Nửa nhóm 1.2.2. Nhóm 1.2.3. Nhóm con 1.2.4. Đồng cấu 1.2.5. Đối xứng hóa 1.2.6. Nửa nhóm sắp thứ tự	2LT + 1TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[5],[6]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.1; 1.2. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1, CLO2
2	1.3. Vành và trường 1.3.1. Định nghĩa vành và trường 1.3.2. Vành và trường con 1.3.3. Đồng cấu 1.3.4. Vành, trường sắp thứ tự	2LT + 1TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[5],[6]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.3. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1; CLO2
3	Bài tập chương 1 Kiểm tra định kì số 1	9TH	- Sinh viên ôn tập kĩ lí thuyết, chuẩn bị trước bài tập. - Sinh viên chữa bài tập (có thể thực hiện theo nhóm). - GV gợi ý (nếu cần), chữa bài, góp ý, nhận xét. - GV chuẩn bị đề kiểm tra. - SV làm bài kiểm tra. - Gv chấm bài và nhận xét vào buổi học sau.	CLO1; CLO2
4	Chương 2. SỐ TỰ NHIÊN (18 tiết = 6LT	2LT +	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu	CLO1; CLO3

	+ 12TH) 2.1. Bản số của tập hợp 2.1.1. Tập hợp tương đương; 2.1.2. Bản số 2.2. Số tự nhiên 2.2.1. Tập các số tự nhiên 2.2.2. Phép cộng và phép nhân các số tự nhiên 2.2.3. Quan hệ thứ tự trong tập số tự nhiên	1TH	[1],[2],[4],[5],[7]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.1; 2.2. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	
5	2.3. Lí thuyết chia hết trên tập số tự nhiên 2.3.1. Phép chia hết và phép chia có dư 2.3.2. Ước chung lớn nhất 2.3.3. Bội chung nhỏ nhất 2.3.4. Số nguyên tố và hợp số	2LT + 1TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2],[4],[5],[7]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.3. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1, CLO3
6	2.4. Hệ ghi số 2.4.1. Hệ ghi số g-phân 2.4.2. Các dấu hiệu chia hết 2.5. Nội dung và cơ sở toán học của việc dạy học một số vấn đề số tự nhiên ở Tiểu học 2.5.1. Nội dung dạy số tự nhiên ở Tiểu học 2.5.2. Cơ sở toán học của việc dạy học một số vấn đề về số tự nhiên ở Tiểu học	2LT + 1TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2],[4],[5],[7]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.4; 2.5 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1; CLO3; CLO4
7	Bài tập chương 2	9TH	- Sinh viên ôn tập kĩ lí thuyết, chuẩn bị trước bài tập. - Sinh viên chữa bài tập (có thể thực hiện theo nhóm). - GV gợi ý (nếu cần), chữa bài, góp ý, nhận xét.	CLO1; CLO3; CLO4
8	Chương 3. TẬP SỐ HỮU TỈ VÀ TẬP SỐ THỰC 3.1. Xây dựng tập số hữu tỉ	3LT	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2],[4],[5],[7].	CLO1; CLO3; CLO4

	không âm 3.1.1. Sự cần thiết phải xây dựng tập số hữu tỉ không âm 3.1.2. Phương pháp xây dựng tập số hữu tỉ không âm Q_+ từ tập số tự nhiên 3.2. Các phép toán trong tập số hữu tỉ không âm 3.2.1. Phép cộng và phép nhân 3.2.2. Phép trừ 3.2.3. Phép chia 3.3. Quan hệ thứ tự trong tập số hữu tỉ không âm 3.4. Tập số hữu tỉ không âm và phân số trong chương trình môn Toán ở Tiểu học 3.4.1. Hình thành khái niệm phân số 3.4.2. So sánh phân số 3.4.3. Các phép toán về phân số 3.4.4. Giải toán về phân số		- GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 3.1; 3.2; 3.3; 3.4 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	
9	3.5. Tập số thập phân không âm 3.5.1. Phân số thập phân 3.5.2. Số thập phân không âm 3.5.3. Dạng thu gọn của phân số thập phân 3.5.4. Các phép toán trên số thập phân 3.5.5. Quan hệ thứ tự trong tập số thập phân 3.5.6. Số thập phân vô hạn tuần hoàn 3.6. Số thập phân trong chương trình môn Toán ở Tiểu học 3.6.1. Hình thành khái niệm số thập phân	2LT + 1TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2],[4],[5],[7]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 3.5; 3.6; 3.7; 3.8 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1; CLO3; CLO4

	3.6.2. So sánh số thập phân 3.6.3. Các phép toán về số thập phân 3.6.4. Giới thiệu các qui tắc tính nhẩm 3.6.5. Giải toán về số thập phân 3.7. Tập số hữu tỉ 3.7.1. Sự cần thiết phải xây dựng tập số hữu tỉ 3.7.2. Xây dựng tập số hữu tỉ 3.7.3. Các phép toán trong tập số hữu tỉ 3.7.4. Quan hệ thứ tự trong tập số hữu tỉ 3.7.5. Xây dựng tập số nguyên trong Q . 3.7.6. Số thập phân (trong Q) 3.8. Tập số thực 3.8.1. Sự cần thiết phải xây dựng tập số thực 3.8.2. Xây dựng tập số thực 3.8.3. Các phép toán trong tập số thực			
10	Bài tập chương 3 Bài kiểm tra định kì số 2	6TH	- Sinh viên ôn tập kĩ lí thuyết, chuẩn bị trước bài tập. - Sinh viên chữa bài tập (có thể thực hiện theo nhóm). - GV gợi ý (nếu cần), chữa bài, góp ý, nhận xét. - GV chuẩn bị đề kiểm tra. - SV làm bài kiểm tra. - Gv chấm bài và nhận xét vào buổi học sau.	CLO1; CLO3; CLO4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)

A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Bài kiểm tra	Câu hỏi trắc nghiệm; bài tập tự luận	CLO1 CLO2	
A2.2	Bài kiểm tra	Câu hỏi trắc nghiệm, bài tập tự luận	CLO1 CLO3 CLO4	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Thi viết	Câu hỏi trắc nghiệm, bài tập tự luận	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1 + A2*3 + A3*6)/10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần*: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Chương 1
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chứng minh một tập hợp cùng với một phép toán là nửa nhóm, nhóm, nửa nhóm sắp thứ tự	Làm đúng đáp án, biểu điểm	4
2	Chứng minh một tập hợp cùng với hai phép toán là vành, trường.	Làm đúng đáp án, biểu điểm	3
3	Chứng minh một ánh xạ là đồng cấu; tìm ảnh, tạo ảnh.	Làm đúng đáp án, biểu điểm	3
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Chương 2

- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Bài tập trong tập hợp số tự nhiên	Làm đúng đáp án, biểu điểm	5
2	Bài tập trong tập hợp số hữu tỉ	Làm đúng đáp án, biểu điểm	5
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Kiến thức, kỹ năng sinh viên được học trong nội dung học phần.
- Hình thức: Trắc nghiệm (40%) + Tự luận (60%).
- Thời gian: 90 phút

Bảng 6 Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Cấu trúc đại số	Làm đúng đáp án, biểu điểm	3
2	Tập hợp số Tự nhiên	Làm đúng đáp án, biểu điểm	4
3	Tập hợp số Hữu tỉ	Làm đúng đáp án, biểu điểm	3
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Nguyễn Thị Quý Kim

Nguyễn Hoàng Vân

6.2.37. Cơ sở toán học của môn Toán ở tiểu học 3

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

Mã học phần:	SP622022
Tên học phần:	Cơ sở toán học của môn Toán ở Tiểu học 3
Tên tiếng Anh:	Mathematical foundations of primary school Mathematics 3
Số tín chỉ:	02 (1LT + 1TH)
Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45 giờ
Quản lý, phụ trách học phần:	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Quý Kim – SĐT: 0988866910
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Bùi Văn Chương- SĐT: 0914628884 ThS. Nguyễn Hoàng Vân– SĐT: 0936217077 TS. Đoàn Trọng Hiếu – SĐT: 0985906009
Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	SP622020; SP622021
- Học phần song hành:	Không có

2. Mô tả học phần: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về đại số, hình học làm nền tảng cho kiến thức Toán ở Tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

Người học có các kiến thức về đại số, phương trình, hệ phương trình, bất phương trình; hình học và vận dụng kiến thức vào giải toán tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra HP (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

CLOs	Mô tả CDR HP	PPDG
CLO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về biểu thức	Vấn đáp, kiểm tra,

	đại số, phương trình, bất phương trình.	sản phẩm học tập
CLO2	Vận dụng được các kiến thức đại số vào mạch toán Đại số trong chương trình Tiểu học.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO3	Trình bày được các khái niệm hình học, quan hệ giữa các hình học.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO4	Vận dụng được kiến thức hình học vào mạch toán hình học trong chương trình Tiểu học.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập

5. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	M	I		I	R			R	I
CLO 2	I	A	I		I	R			R	I
CLO 3	I	A	I		I	R			R	I
CLO 4	I	A	I		I	R			R	I
Tổng hợp học phần	I	A	I		I	R			R	I

6. Học liệu

6.1. Sách, giáo trình chính

[1] Nguyễn Thị Quý Kim, *Cơ sở toán học của môn toán ở tiểu học 3*, tài liệu lưu hành nội bộ, 2023

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Đào Tam, *Giáo trình hình học sơ cấp*, NXB ĐH Sư phạm, 2012

[3] Trần Diên Hiền (chủ biên), Nguyễn Thủy Chung, *Cơ sở toán học của môn Toán Tiểu học*, NXB ĐH Sư Phạm, 2018

[4] Hà Huy Khoái (tổng chủ biên), *Sách giáo khoa môn toán lớp 1,2,3,4,5 bộ sách Kết nối tri thức vào cuộc sống*, NXB Giáo dục;

[5] Đỗ Đức Thái (tổng chủ biên), *Sách giáo khoa môn toán lớp 1,2,3,4,5 bộ sách Cánh Diều*, Nhà xuất Đại học Sư phạm.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 2 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	* Giới thiệu học phần Chương 1. CƠ SỞ TOÁN HỌC CỦA CÁC YẾU TỐ ĐẠI SỐ Ở TIỂU HỌC 1.1. Biểu thức đại số 1.1.1. Biểu thức đại số 1.1.2. Đa thức một ẩn. 1.1.3. Phân thức đại số 1.1.4. So sánh các biểu thức đại số 1.1.5. Dấu của một số biểu thức đại số	2LT + 1TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[3],[4],[5]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.1. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1; CLO2
2	1.2. Phương trình – Hệ phương trình 1.2.1. Phương trình một ẩn số 1.2.1.1. Phương trình bậc 1 1.2.1.2. Phương trình bậc 2	2LT + 1TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[3],[4],[5]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.2.1.1; 1.2.1.2. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1; CLO2
3	1.2.2. Hệ phương trình 1.2.3. Áp dụng vào việc giảng dạy toán ở Tiểu học	3LT + 2TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[3],[4],[5]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.2.2; 1.2.3. - SV nghe giảng, ghi chép,	CLO1; CLO2

			thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	
4	1.3. Bất đẳng thức – Bất phương trình 1.3.1. Bất đẳng thức 1.3.2. Bất phương trình	1LT + 1TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[3],[4],[5]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.3. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1; CLO2
5	Bài tập chương 1 Bài kiểm tra định kì số 1	9TH	- Sinh viên ôn tập kĩ lí thuyết, chuẩn bị trước bài tập. - Sinh viên chữa bài tập (có thể thực hiện theo nhóm). - GV gợi ý (nếu cần), chữa bài, góp ý, nhận xét. - GV chuẩn bị đề kiểm tra. - SV làm bài kiểm tra. - Gv chấm bài và nhận xét vào buổi học sau.	CLO1; CLO2
6	Chương 2. CƠ SỞ TOÁN HỌC CỦA CÁC YẾU TỐ HÌNH HỌC Ở TIỂU HỌC 2.1. Phương pháp tiên đề trong xây dựng lí thuyết môn hình học 2.1.1. Phương pháp tiên đề 2.1.2. Hệ thống các tiên đề hình học	2LT + 1TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.1. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO3; CLO4
7	2.2. Định nghĩa các hình hình học 2.2.1. Định nghĩa hình hình học 2.2.2. Định nghĩa các hình phẳng 2.2.3. Định nghĩa các hình không gian	2LT + 1TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các	CLO3; CLO4

			hoạt động dạy học nội dung 2.2. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	
8	2.3. Quan hệ giữa các hình hình học 2.3.1. Hình bằng nhau 2.3.2. Quan hệ song song 2.3.3. Quan hệ vuông góc 2.3.4. Quan hệ đồng dạng 2.3.5. Hình đẳng hợp 2.3.6. Hình đẳng diện	1LT + 2TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.3. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO3; CLO4
9	2.4. Các bài toán về xác định hình hình học 2.4.1. Bài toán quỹ tích (tìm tập hợp điểm) 2.4.2. Bài toán dựng hình	1LT + 2TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.4. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO3; CLO4
10	2.5. Yếu tố hình học trong môn toán tiểu học 2.5.1. Hình thành các khái niệm hình học 2.5.2. Hình thành các quan hệ hình học 2.5.3. Xây dựng công thức tính chu vi, diện tích và thể tích các hình 2.5.4. Phương pháp diện tích	1LT + 2TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.5. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO3; CLO4

11	Bài tập chương 2 Bài kiểm tra định kì số 2	6TH	- Sinh viên ôn tập kĩ lí thuyết, chuẩn bị trước bài tập. - Sinh viên chữa bài tập (có thể thực hiện theo nhóm). - GV gợi ý (nếu cần), chữa bài, góp ý, nhận xét. - GV chuẩn bị đề kiểm tra. - SV làm bài kiểm tra. - Gv chấm bài và nhận xét vào buổi học sau.	CLO3; CLO4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Bài kiểm tra	Câu hỏi trắc nghiệm; bài tập tự luận	CLO1 CLO2	
A2.2	Bài kiểm tra	Câu hỏi trắc nghiệm, bài tập tự luận	CLO3 CLO4	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Thi viết	Câu hỏi trắc nghiệm, bài tập tự luận	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1 + A2*3 + A3*6)/10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần*: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Chương 1
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Biểu thức đại số	Làm đúng đáp án, biểu điểm	4

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
2	Phương trình đại số	Làm đúng đáp án, biểu điểm	3
3	Bất phương trình đại số	Làm đúng đáp án, biểu điểm	3
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Chương 2
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Bài tập hình học phẳng	Làm đúng đáp án, biểu điểm	5
2	Bài tập hình học không gian	Làm đúng đáp án, biểu điểm	5
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Kiến thức, kỹ năng sinh viên được học trong nội dung học phần.
- Hình thức: Trắc nghiệm (40%) + Tự luận (60%).
- Thời gian: 90 phút

Bảng 6 Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Cơ sở toán học của các yếu tố đại số trong chương trình Toán Tiểu học	Làm đúng đáp án, biểu điểm	6
2	Cơ sở toán học của các yếu tố hình học trong chương trình Toán Tiểu học	Làm đúng đáp án, biểu điểm	4
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vuowg Trưởng

Nguyễn Thị Quý Kim

Nguyễn Hoàng Vân

6.2.38. Tiếng Việt 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học **Ngành: Giáo dục Tiểu học**

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622023
1.2. Tên học phần:	Tiếng Việt 1
1.3. Tên tiếng Anh:	Vietnamese 1
1.4. Số tín chỉ:	2 (1LT + 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý chuyên môn:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Minh Thái SĐT: 0358900330
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Hoàng Thị Thu Giang SĐT: 0989128498 ThS Nguyễn Thị Gấm SĐT: 0912088230
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	không
- Học phần học trước:	không
- Học phần song hành:	Tiếng Việt thực hành

2. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Việt 1 gồm 3 chương. Chương 1 cung cấp cho người học những kiến thức về nguồn gốc, bản chất của ngôn ngữ nói chung. Chương 2 cung cấp những kiến thức chuyên sâu về ngữ âm tiếng Việt. Chương 3 cung cấp các kiến thức cơ bản về cấu tạo, đặc điểm từ tiếng Việt, các bình diện nghĩa của từ.

3. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần, người học có kiến thức chung về ngôn ngữ và ngôn ngữ học; ngữ âm, từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt; có năng lực giải quyết những vấn đề chung về ngôn ngữ và

ngôn ngữ học, ngữ âm, từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt và vận dụng được các kiến thức về ngôn ngữ nói chung để giảng dạy Tiếng Việt ở bậc tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPĐG
CLO1	Giải thích được các vấn đề chung về ngôn ngữ: nguồn gốc, sự phát triển của ngôn ngữ, các loại ngôn ngữ, bản chất và chức năng của ngôn ngữ.	Câu hỏi vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra
CLO2	Phân tích được các vấn đề về ngữ âm, từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt trong các tình huống/ ngữ liệu cụ thể.	Câu hỏi vấn đáp, quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra
CLO3	Vận dụng được các lí thuyết đã học vào làm các dạng bài tập về ngữ âm, từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt.	Câu hỏi vấn đáp, quan sát bài tập về nhà, bài tập nhóm, bài kiểm tra.
CLO4	Vận dụng được các kiến thức về ngôn ngữ nói chung, ngữ âm, từ vựng - ngữ nghĩa nói riêng để giải quyết các vấn đề liên quan trong việc dạy môn Tiếng Việt ở tiểu học.	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra.
CLO5	Yêu quý, trân trọng tiếng Việt; có ý thức trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt; tự giác trong việc rèn luyện kĩ năng sử dụng ngôn ngữ để đạt hiệu quả trong học tập và giao tiếp.	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra, câu hỏi vấn đáp.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1		M	I	I	I	R	I	I	I	I
CLO2		M	I	I	I	M	I	I	R	I
CLO3		M	I	I	I	M	I	I	R	I
CLO4		M	I	I	I	M	I	I	R	I
CLO5		I	I	I	I	R	I	I	R	I

Tổng hợp học phần		M	I	I	I	M	I	I	R	I

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

- [1]. Lê A, Đỗ Xuân Thảo (chủ biên), *Giáo trình Tiếng Việt 1*, Nxb. Đại học Sư phạm, 2021.
[2]. Lê A, Đỗ Xuân Thảo, Lê Hữu Tinh (chủ biên) *Giáo trình Tiếng Việt 2*, Nxb. Đại học Sư phạm, 2022.

6.2. Tài liệu tham khảo

- [3]. Lê A (chủ biên) (2007), *Tiếng Việt* (Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học trình độ Cao đẳng và Đại học Sư phạm), Nxb. Giáo dục, Nxb. Đại học Sư phạm.
[4]. Nguyễn Thiện Giáp (2013), *Từ vựng học tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục.
[5]. Nguyễn Thiện Giáp (chủ biên) (2014), *Dẫn luận ngôn ngữ học*, Nxb. Giáo dục Việt Nam

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 01 bài.

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Giới thiệu học phần (*)		- GV: Giới thiệu NH tìm hiểu ĐCCT học phần; - SV: nghe, hiểu được cách sử dụng ĐCCT học phần.	CLO5
	CHƯƠNG 1. ĐẠI CƯƠNG VỀ NGÔN VÀ NGÔN NGỮ HỌC 1.1. Khái quát về ngôn ngữ và ngôn ngữ học 1.1.1. Ngôn ngữ - Nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ 1.1.2. Sự phân loại ngôn ngữ 1.1.3. Ngôn ngữ học	3LT 3TL 3TH 1LT 1TL 1TH	- GV: + Đọc tài liệu, lên kế hoạch dạy học; + Tổ chức, điều khiển SV báo cáo kết quả tìm hiểu các nội dung nhiệm vụ học tập (NVHT); + Tổ chức thảo luận, phản	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	- Xác định nguyên âm, phụ âm, bán âm. - Phân loại nguyên âm, phụ âm, bán âm. 2.3.2. Âm vị siêu âm đoạn 2.3.2.1. Thanh điệu 2.3.2.2. Trọng âm 2.3.2.3. Ngữ điệu 2.3.2.4. Thực hành - Viết phiên âm âm vị học. 2.4. Một số vấn đề liên quan đến Ngữ âm học trong nhà trường 2.5. Thực hành: Một số vấn đề liên quan đến Ngữ âm học trong nhà trường - Bài tập chữa lỗi phát âm. - Bài tập chữa lỗi chính tả.	1LT 1TH		
	Kiểm tra định kì Bài kiểm tra số 1	1KT	- GV phổ biến yêu cầu, phát đề kiểm tra. - SV nghiêm túc làm bài theo yêu cầu của GV.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5
	CHƯƠNG 3. TỪ VỰNG - NGỮ NGHĨA TIẾNG VIỆT 3.1. Từ tiếng Việt 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Đặc điểm từ tiếng Việt 3.1.3. Đơn vị từ vựng tương đương với từ 3.1.4. Các lớp từ tiếng Việt 3.1.5. Thực hành - Phân tích đặc điểm của từ tiếng Việt;	6LT 11TH 1LT 2TH	- GV: + Đọc tài liệu, lên kế hoạch dạy học; + Tổ chức, điều khiển SV báo cáo kết quả tìm hiểu các nội dung nhiệm vụ học tập (NVHT); + Tổ chức thảo luận, phản biện; + Nhận xét, rút kinh nghiệm, chốt nội dung kiến	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	nghĩa của từ; - Xác định và lí giải được cơ chế các phương thức chuyển nghĩa của từ; - Nhận diện, lí giải, phân tích tác dụng các hiện tượng nghĩa của từ; - Bài tập về trường nghĩa. 3.4. Từ trong hoạt động giao tiếp 3.4.1. Các nguyên tắc dùng từ trong giao tiếp 3.4.2. Sự thể hiện của các bình diện của từ trong giao tiếp 3.4.3. Lỗi về từ và cách khắc phục 3.4.4. Thực hành - Bài tập chữa lỗi dùng từ.	1LT 1TH		
	Kiểm tra định kì: Bài kiểm tra số 2	1KT	- GV phổ biến yêu cầu, phát đề kiểm tra. - SV nghiêm túc làm bài theo yêu cầu của GV.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

*** Giới thiệu học phần:** Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%

A2.1	Tự luận.	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
A2.2	Tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	- Tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5	
Công thức tính điểm tổng kết:				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

* Bài kiểm tra số 1

- Nội dung: Chương 1, chương 2.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1: Đại cương về ngôn ngữ và ngôn ngữ học - Giải thích, chứng minh một vấn đề chung về ngôn ngữ.	- Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	3
2	Chương 2: Ngữ âm tiếng Việt - Phân loại âm tiết tiếng Việt - Phân tích cấu tạo âm tiết, ghi kí hiệu phiên âm quốc tế âm tiết. - Miêu tả âm vị tiếng Việt.	-Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	7
Tổng điểm			10

* Bài kiểm tra số 02

- Nội dung: Chương 3
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Giải thích một hiện tượng, một tình huống ngôn ngữ có liên quan đến từ vựng – ngữ	- Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	4

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	nghĩa tiếng Việt.		
2	Chọn 2 trong các nội dung sau: - Phân loại cụm từ, phân tích ý nghĩa của các cụm từ cố định. - Xác lập các trường nghĩa; xác định nét nghĩa chung trong các trường nghĩa. - Phân loại từ theo phương thức cấu tạo. Phân tích giá trị biểu cảm của từ láy. - Nhận diện, giải thích các hiện tượng nghĩa của từ.	- Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	6
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần:

- Thi cuối kỳ: Hình thức tự luận
- Nội dung thi: Chương 1, Chương 2, Chương 3.
- Thời gian: 90 phút
- Biểu điểm: Theo hướng dẫn chấm bài thi kết thúc học phần

Bảng 5c. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1: Đại cương về ngôn ngữ và ngôn ngữ học - Giải thích, chứng minh một vấn đề chung về ngôn ngữ.	- Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	2
2	Chương 2: Ngữ âm tiếng Việt Chọn một trong các nội dung sau: - Phân loại âm tiết tiếng Việt theo các tiêu chí - Phân tích cấu trúc âm tiết, ghi kí hiệu phiên âm quốc tế âm tiết. - Miêu tả âm vị tiếng Việt.	- Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	3
3	Chương 3: Từ vựng – ngữ nghĩa tiếng Việt Chọn 2 trong các nội dung sau: - Phân loại cụm từ, phân tích ý nghĩa của các cụm từ cố định. - Xác lập các trường nghĩa; xác định nét nghĩa chung trong các trường nghĩa. - Phân loại từ theo phương thức cấu tạo. Phân tích giá trị biểu cảm của từ láy.	- Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	5

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	- Nhận diện, giải thích các hiện tượng nghĩa của từ.		
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng Trưởng khoa Trưởng bộ môn Người biên soạn

Vũ Vương Trường Bùi Thị Lan Hương Nguyễn Thị Minh Thái

6.2.39. Tiếng Việt 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học **Ngành: Giáo dục Tiểu học**

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622024
1.2. Tên học phần:	Tiếng Việt 2
1.3. Tên tiếng Anh:	Vietnamese 2
1.4. Số tín chỉ:	2 (1LT + 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15
- Thực hành:	30
- Tự học:	90
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý chuyên môn:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Minh Thái SĐT: 0358900330
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Bùi Thị Lan Hương SĐT: 0987666218 TS. Bế Thị Thu Huyền SĐT: 0904976080 ThS Nguyễn Thị Gấm SĐT: 0912088230
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	không
- Học phần học trước:	Tiếng Việt 1
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần Tiếng Việt 2 gồm hai chương: Chương 1 cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Việt trên các bình diện: từ loại, cụm từ, câu. Chương 2 khái quát về bộ môn phong cách học và 6 phong cách chức năng ngôn ngữ. Các nội dung đều có các hoạt động thực hành tương ứng.

3. Mục tiêu của học phần

Sau khi học xong học phần, người học có kiến thức chung về ngữ pháp tiếng Việt và phong cách học tiếng Việt; có năng lực để giải quyết các vấn đề chung về ngữ pháp và phong cách học tiếng Việt; vận dụng được các kiến thức đã học để giảng dạy tiếng Việt ở tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPĐG
CLO1	Giải thích được các vấn đề chung về ngữ pháp và phong cách học tiếng Việt.	Câu hỏi vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra
CLO2	Vận dụng được các lí thuyết về ngữ pháp và phong cách học đã học để làm các bài tập tương ứng.	Câu hỏi vấn đáp, quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra
CLO3	Vận dụng được các kiến thức về ngữ pháp, phong cách học để giải quyết các vấn đề liên quan trong việc dạy môn Tiếng Việt ở tiểu học.	Câu hỏi vấn đáp, quan sát bài tập về nhà, bài tập nhóm, bài kiểm tra.
CLO4	Yêu quý, trân trọng tiếng Việt; có ý thức trong việc sử dụng câu và tiếp nhận văn bản để đạt hiệu quả trong giao tiếp và phục vụ tốt cho công việc.	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài kiểm tra.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1		M	I	I	I	R	I	I	I	I
CLO2		M	I	I	I	M	I	I	R	I
CLO3		M	I	I	I	M	I	I	R	I
CLO4		M	I	I	I	M	I	I	R	I
Tổng hợp học phần		M	I	I	I	M	I	I	R	I

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1]. Lê A (chủ biên), Phan Phương Dung, Đặng Kim Nga (2022), *Tiếng Việt 3*, Nxb. Đại học Sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Lê A (chủ biên), *Tiếng Việt (Tài liệu đào tạo giáo viên tiểu học trình độ Cao đẳng và Đại học Sư phạm)*, Nxb. Đại học Sư phạm.

[2]. Diệp Quang Ban (2013), *Ngữ pháp tiếng Việt tập 1*, Nxb Giáo dục Việt Nam

[3] Diệp Quang Ban (2012), *Ngữ pháp tiếng Việt tập 2*, Nxb Giáo dục Việt Nam

[4]. Hữu Đạt (2016), *Phong cách học tiếng Việt hiện đại*, Nxb Giáo dục

7. Cấu trúc học phần

– Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết

– Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 02 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 01 bài.

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Giới thiệu học phần (*)		- GV: Giới thiệu NH tìm hiểu ĐCCT học phần; - SV: nghe, hiểu được cách sử dụng ĐCCT học phần.	CLO5
	CHƯƠNG 1. NGỮ PHÁP TIẾNG VIỆT 1.1. Đại cương về ngữ pháp 1.1.1. Ngữ pháp và ngữ pháp học 1.1.2. Một số khái niệm cơ bản của ngữ pháp học 1.1.2.1. Đơn vị ngữ pháp 1.1.2.2. Ý nghĩa ngữ pháp 1.1.2.3. Phương thức ngữ pháp 1.1.2.4. Các quan hệ ngữ pháp 1.1.3. Thực hành - Xác định các đơn vị ngữ	10LT 19TH 1KT 1LT 1TH	- GV: + Đọc tài liệu, lên kế hoạch dạy học; + Tổ chức, điều khiển SV báo cáo kết quả tìm hiểu các nội dung nhiệm vụ học tập (NVHT); + Tổ chức thảo luận, phản biện; + Nhận xét, rút kinh	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	pháp, ý nghĩa ngữ pháp; - Phân tích các phương thức ngữ pháp tiếng Việt; - Phân tích các quan hệ ngữ pháp. 1.2. Từ loại tiếng Việt 1.2.1. Khái niệm, tiêu chí phân định từ loại 1.2.2. Hệ thống từ loại tiếng Việt 1.2.2.1. <i>Thực từ</i> 1.2.2.2. <i>Hư từ</i> 1.2.3. Sự chuyển loại của từ 1.2.4. Vấn đề từ loại trong chương trình tiếng Việt tiểu học 1.2.5. Thực hành - Phân tích các vấn đề có liên quan đến từ loại; - Xác định được các loại từ trong các ngữ liệu cụ thể; - Phân tích tác dụng của một số loại từ trong các ngữ liệu cụ thể. 1.3. Cụm từ tiếng Việt 1.3.1. Khái niệm và phân loại 1.3.2. Cụm từ đẳng lập 1.3.3. Cụm từ chủ vị 1.3.4. Cụm từ chính phụ 1.3.4.1. Cụm danh từ 1.3.4.2. Cụm động từ 1.3.4.3. Cụm tính từ 1.3.5. Vấn đề cụm từ trong chương trình Tiếng Việt tiểu học 1.3.6. Thực hành	2LT 4TH 2LT 4TH	nghiệm, chốt nội dung kiến thức; - SV : + Báo cáo các NVHT được giao; + Nhận xét, trao đổi các nội dung học tập; + Rút kinh nghiệm; chỉnh sửa báo cáo. - Chuẩn bị của SV: laptop, sổ tay, vở ghi chép, giấy A0, bút màu...	

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	- Phân tích các vấn đề lí luận có liên quan về cụm từ tiếng Việt; - Xác định các loại cụm từ trong các ngữ liệu cụ thể. 1.4. Câu tiếng Việt 1.4.1. Khái niệm, đặc trưng của câu tiếng Việt 1.4.2. Câu chia theo cấu tạo ngữ pháp 1.4.2.1. <i>Các thành phần trong câu</i> 1.4.2.2. <i>Các kiểu câu phân theo cấu tạo ngữ pháp</i> 1.4.3. Câu chia theo mục đích nói 1.4.4. Hệ thống dấu câu tiếng Việt 1.4.5. Vấn đề thành phần câu, dấu câu trong nội dung dạy học tiếng Việt ở tiểu học 1.4.6. Thực hành - Phân loại câu theo các tiêu chí; - Sử dụng dấu câu, phân tích chức năng của các loại dấu câu. 1.5. Ngữ pháp văn bản 1.5.1. Đoạn văn 1.5.1.1. Khái niệm 1.5.1.2. Cấu trúc 1.5.1.3. Liên kết trong đoạn văn 1.5.2. Văn bản 1.5.2.1. Định nghĩa 1.5.2.2. Đích của văn bản	3LT 6TH 2LT 4TH		

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	1.5.2.3. Thành phần nội dung 1.5.2.4. Kết cấu của văn bản 1.5.3. Thực hành - Tìm câu chủ đề của đoạn văn; - Phân tích cấu trúc đoạn văn; - Phân tích sự liên kết về nội dung và hình thức của đoạn văn.			
	Kiểm tra định kì Bài kiểm tra số 1	1KT	- GV phổ biến yêu cầu, phát đề kiểm tra. - SV nghiêm túc làm bài theo yêu cầu của GV.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
	CHƯƠNG 2. PHONG CÁCH HỌC TIẾNG VIỆT 2.1. Những vấn đề chung 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Nhiệm vụ 2.1.3. Mục đích 2.2. Các phong cách chức năng ngôn ngữ 2.2.1. Phong cách ngôn ngữ sinh hoạt 2.2.2. Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật 2.2.3. Phong cách ngôn ngữ hành chính công vụ 2.2.4. Phong cách ngôn ngữ khoa học 2.2.5. Phong cách ngôn ngữ báo chí 2.2.6. Phong cách ngôn ngữ chính luận 2.2.7. Thực hành	5LT 9TH 3LT 4TH	- GV: + Đọc tài liệu, lên kế hoạch dạy học; + Tổ chức, điều khiển SV báo cáo kết quả tìm hiểu các nội dung nhiệm vụ học tập (NVHT); + Tổ chức thảo luận, phản biện; + Nhận xét, rút kinh nghiệm, chốt nội dung kiến thức; - SV : + Báo cáo các NVHT được giao; + Nhận xét, trao đổi các nội dung học tập; + Rút kinh nghiệm; chỉnh sửa báo cáo.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	- Xác định phong cách ngôn ngữ chức năng trong các ngữ liệu; - Phân tích chức năng, đặc trưng của các phong cách. 2.3. Vấn đề phong cách chức năng trong chương trình Tiếng Việt tiểu học 2.4. Các phương tiện tu từ và biện pháp tu từ 2.4.1. Khái niệm: phương tiện tu từ, biện pháp tu từ 2.4.2. Các phương tiện tu từ tiếng Việt 2.4.2.1. Phương tiện tu từ từ vựng 2.4.2.2. Phương tiện tu từ cú pháp 2.4.3. Các biện pháp tu từ tiếng Việt 2.4.3.1. Biện pháp tu từ từ vựng 2.4.3.2. Biện pháp tu từ cú pháp 2.4.4. Thực hành - Phân tích các vấn đề lí luận liên quan đến phương tiện tu từ, biện pháp tu từ; - Xác định các phương tiện tu từ và biện pháp tu từ trong các ngữ liệu cụ thể; - Phân tích hiệu quả tu từ của các biện pháp nghệ thuật	1TH 2LT 5TH	- Chuẩn bị của SV: laptop, sổ tay, vở ghi chép, giấy A0, bút màu	
	Kiểm tra định kì Bài kiểm tra số 2	1KT	- GV phổ biến yêu cầu, phát đề kiểm tra. - SV nghiêm túc làm bài	CLO1 CLO2

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
			theo yêu cầu của GV.	CLO3 CLO4

*** Giới thiệu học phần:** Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Tự luận.	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
A2.2	Tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	- Tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5	
Công thức tính điểm tổng kết:				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

*** Bài kiểm tra số 1**

- Nội dung: Chương 1
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Những vấn đề chung về ngữ pháp tiếng Việt	- Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	3

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
2	Chọn 2 trong các nội dung sau: - Xác định từ loại/ Xác định cụm từ; - Phân loại câu; - Phân tích cấu trúc văn bản/ Phân tích liên kết trong văn bản; - Xác định các thành phần nội dung/ Kết cấu của văn bản.	-Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	7
Tổng điểm			10

* Bài kiểm tra số 02

- Nội dung: Chương 2
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Xác định phong cách chức năng ngôn ngữ và phân tích các đặc trưng theo phong cách đó.	- Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	5
2	- Nhận diện các phương tiện và biện pháp tu từ - Phân tích hiệu quả biểu đạt của các phương tiện và biện pháp tu từ đó.	- Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	5
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần:

- Thi cuối kỳ: Hình thức tự luận
- Nội dung thi: Chương 1, Chương 2, Chương 3.
- Thời gian: 90 phút
- Biểu điểm: Theo hướng dẫn chấm bài thi kết thúc học phần

Bảng 5c. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1. Ngữ pháp tiếng Việt - Xác định từ loại/ cụm từ tiếng Việt; - Phân loại câu theo cấu tạo ngữ pháp; - Phân tích đoạn văn, văn bản.	- Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	7
2	Chương 2: Phong cách học tiếng Việt Chọn một trong hai nội dung sau: - Xác định phong cách chức năng ngôn ngữ, phân tích đặc trưng các phong cách ngôn ngữ qua các ngữ liệu cụ thể; - Nhận diện, phân tích giá trị biểu đạt của các phương	- Theo hướng dẫn chấm, biểu điểm	3

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	tiện, biện pháp tu từ qua các ngữ liệu cụ thể.		
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường Bùi Thị Lan Hương Nguyễn Thị Minh Thái

6.2.40. Tiếng Việt 3

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622025
1.2. Tên học phần:	Tiếng Việt 3
1.3. Tên tiếng Anh:	Vietnamese 3
1.4. Số tín chỉ:	2 (1LT+1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Ngọc Lương -0971621623 TS. Bùi Lan Hương-0987666218 ThS. Nguyễn Hữu Tới-0984319677
Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Bế Thị Thu Huyền-0904976080 ThS. Nguyễn Thị Gấm-0912088230
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP622009, SP622023, SP622024.
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về Lí thuyết hội thoại, Từ Hán Việt và Câu trong văn bản tiếng Việt. Những kiến thức học phần này không chỉ giúp cho sinh viên học tốt học phần Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1, 2 và học phần Chuyên đề Dạy học Tiếng Việt theo hướng phát triển năng lực của người học mà còn giúp các em giảng dạy tốt môn Tiếng Việt ở nhà trường tiểu học sau này.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức cơ bản về một số vấn đề ngữ

nghĩa và ngữ dụng trong tiếng Việt về hội thoại, từ Hán Việt, câu trong văn bản; có năng lực xây dựng hội thoại, sử dụng từ Hán Việt và câu trong văn bản đạt hiệu quả trong giao tiếp, học tập và rèn nghề; làm cơ sở để vận dụng vào học các học phần phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân tích được các vận động, cấu trúc, quy tắc hội thoại; giá trị biểu đạt của từ Hán Việt; các thành phần nghĩa của câu – phát ngôn trong văn cảnh.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7.
CLO2	Giải nghĩa được từ Hán Việt trong sách giáo khoa Tiếng Việt ở tiểu học, biết lựa chọn và sử dụng chúng đúng nghĩa, đúng văn cảnh.	CO2, CO5, CO7.
CLO3	Phân loại được hội thoại, từ Hán Việt, câu – phát ngôn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7.
CLO4	Xây dựng được hội thoại, đặt câu – phát ngôn đạt hiệu quả trong giao tiếp và dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.	CO1, CO3, CO4, CO6, CO7.
CLO5	Sửa được các lỗi về hội thoại, dùng từ Hán Việt, đặt câu trong giao tiếp và dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7.
CLO6	Nhận thức được tầm quan trọng của việc dạy hội thoại, dùng từ Hán Việt, đặt câu cho học sinh tiểu học và có ý thức vận dụng, chia sẻ những quy tắc hội thoại, sử dụng từ Hán Việt, cách thức sử dụng câu - phát ngôn vào trong hoạt động học tập cũng như đời sống.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1		M	I	I		R				R
CLO2		M	I	I		I				R
CLO3		M	I	I		I				I
CLO4		M	R	R		R				I

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO5		M	I	I		I				I
CLO6		M	R	R		R				M
Tổng hợp học phần		M	I	I		R				R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1] Đinh Thị Oanh - Vũ Thị Kim Dung - Phạm Thị Thanh (2006), *Tiếng Việt và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học*, NXB Giáo dục.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Đỗ Hữu Châu (2012), *Đại cương ngôn ngữ học, tập hai: Ngữ dụng học*, NXB Giáo dục.

[3] Mai Ngọc Chừ (chủ biên) (2013), *Cơ sở ngôn ngữ học và Tiếng Việt*, NXB Giáo dục.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 15 buổi/ tuần = 45 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	(*) Giới thiệu học phần		- Giảng viên (GV): thuyết giảng, tổ chức hướng dẫn sinh viên tìm hiểu về học phần; - Người học (NH): lắng nghe, trao đổi, nghiên cứu ĐCCT.	CLO6

	CHƯƠNG 1. HỘI THOẠI 1.1. Khái niệm, vai trò và phân loại hội thoại <i>1.1.1. Khái niệm</i> <i>1.1.2. Vai trò</i> <i>1.1.3. Phân loại</i> * Thực hành - Phân tích vai trò của hội thoại. - Phân loại hội thoại.	5LT-10TH 1LT 2TH	- GV: + Thuyết trình, hướng dẫn NH học và thảo luận nội dung 1.1; + Nhận xét, chốt kiến thức 1.1; + Tổ chức cho NH làm bài tập thực hành 1.1 và giao nhiệm vụ, hướng dẫn tự học 1.2. - NH: + Lắng nghe, báo cáo, trao đổi, thảo luận kết quả nghiên cứu 1.1; + Báo cáo, trao đổi, thảo luận kết quả thực hành 1.1; + Ghi chép và nhận nhiệm vụ chuẩn bị 1.2.	CLO1, CLO3, CLO6 CLO1, CLO3, CLO6
2	1.2. Các vận động hội thoại <i>1.2.1. Trao lời</i> <i>1.2.2. Đáp lời</i> <i>1.2.3. Tương tác</i> * Thực hành - Xây dựng hội thoại. - Phân tích các vận động trong hội thoại.	1LT 2TH	- GV: + Tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ 1.2; + Chốt kiến thức, giao nhiệm vụ 1.3. - NH: + Trình bày, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 1.2; + Nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm và nhận nhiệm vụ 1.3.	CLO1, CLO4, CLO6 CLO1, CLO4, CLO6
3	1.3. Các quy tắc hội thoại <i>1.3.1. Quy tắc thương lượng</i> <i>1.3.2. Quy tắc luân phiên lượt lời</i> <i>1.3.3. Quy tắc tôn trọng thể diện</i>	1LT	- GV: + Tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ 1.3; + Tổ chức thảo luận, nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức;	CLO1, CLO5, CLO6.

	2.5.1.3. căn cứ vào khả năng sản sinh và tính độc lập của các yếu tố cấu tạo 2.5.2. Các phương pháp giải nghĩa từ Hán Việt 2.5.2.1. Chiết tự 2.5.2.2. Dùng văn cảnh, ngữ cảnh 2.5.2.3. Đối chiếu với từ thuần Việt * Thực hành - Nhận diện và giải nghĩa từ Hán Việt.	2TH	+ Giao nhiệm vụ 2.6. - NH: + Trình bày, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ; + Nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm; + Làm các bài tập thực hành; thảo luận, chữa bài; + Nhận nhiệm vụ 2.6.	CLO2, CLO6.
9	* Thực hành (tiếp) - Nhận diện và giải nghĩa từ Hán Việt. 2.6. Một số vấn đề về dạy từ Hán Việt ở tiểu học 2.6.1. Từ Hán Việt trong sách giáo khoa Tiếng Việt ở tiểu học 2.6.2. Một số lưu ý khi dạy từ Hán Việt ở tiểu học * Thực hành - Thống kê và phân loại các từ Hán Việt trong SGK Tiếng Việt lớp 1 - 5 hiện hành.	1TH 1LT 1TH	- GV: + Tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ 2.6; + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức; + Tổ chức cho NH làm các bài thực hành, trao đổi, nhận xét và chữa bài; + Giao nhiệm vụ thực hành 2.6. - NH: + Trình bày, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 2.6; + Nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm; + Làm các bài tập thực hành của 2.6t; thảo luận, chữa bài; + Nhận nhiệm vụ thực hành 2.6.	CLO2, CLO6. CLO1, CLO6. CLO1, CLO3, CLO6
10	* Thực hành (tiếp) - Giải nghĩa các từ Hán Việt trong SGK Tiếng Việt lớp 1 - 5 hiện hành.	2TH	- GV: + Tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ thực hành 2.6, tổ	CLO2, CLO6.

	* Kiểm tra định kì (**) Bài kiểm tra số 1	1TH	chức trao đổi, nhận xét và chốt kiến thức. + Giao nhiệm vụ 3.1; 3.2 và 3.3 Chương 3. - NH: + Báo cáo nhiệm vụ thực hành 2.6, lắng nghe và ghi chép; + Nhận nhiệm vụ 3.1; 3.2 và 3.3 Chương 3. - GV giao đề bài; - SV nghiêm túc làm bài kiểm tra tự luận trên lớp.	CL01, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6
11	CHƯƠNG 3. CÂU TRONG VĂN BẢN 3.1. Câu với tư cách là đơn vị trong hệ thống ngôn ngữ <i>3.1.1. Hệ thống ngôn ngữ và các đơn vị trong hệ thống ngôn ngữ</i> <i>3.1.2. Câu với tư cách là đơn vị trong hệ thống ngôn ngữ</i> 3.2. Phát ngôn <i>3.2.1. Khái niệm</i> <i>3.2.2. Đặc trưng</i> 3.3. Những bình diện nghiên cứu câu trong văn bản <i>3.3.1. Bình diện ngữ pháp</i> <i>3.3.2. Bình diện ngữ nghĩa</i> <i>3.3.3. Bình diện ngữ dụng</i> * Thực hành - Đặt câu – phát ngôn theo mô hình cấu trúc. - Phân tích những đặc trưng cơ bản của câu - phát ngôn.	5LT-10TH 1LT 2TH	- GV: + Tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ 3.1; 3.2 và 3.3; + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. + Tổ chức cho NH làm các bài thực hành, trao đổi, nhận xét và chữa bài. + Giao nhiệm vụ 3.4. - NH: + Trình bày, báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 3.1; 3.2; 3.3; + Nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Nhận nhiệm vụ 3.4.	CLO1, CLO4, CLO6. CLO1, CLO4, CLO6.

	<i>câu trong hoạt động giao tiếp</i> 3.6.1.1. Sử dụng câu theo lối trực tiếp 3.6.1.2. Sử dụng câu theo lối gián tiếp <i>3.6.2. Các cách biến đổi câu</i> 3.6.2.1. Đảo trật tự câu 3.6.2.2. Tách các thành phần câu * Thực hành - Đặt câu theo lối gián tiếp, trực tiếp. - Xác định và phân tích câu theo lối trực tiếp, gián tiếp. - Đảo trật tự câu, tách các thành phần câu.	2TH	nhiệm vụ 3.6: + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. + Tổ chức thực hành 3.6, tổ chức thảo luận, chữa bài; + Chốt kiến thức, giao nhiệm vụ 3.7. - NH: + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 3.6 và thực hành 3.6; + Nhận xét, trao đổi về nhiệm vụ; + Lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm, ghi chép. + Nhận nhiệm vụ 3.7.	CLO1, CLO4, CLO6
15	3.7. Một số vấn đề dạy câu trong văn bản ở tiểu học <i>3.7.1. Về việc luyện cho học sinh tiểu học viết các câu liên kết và mạch lạc</i> <i>3.7.2. Chữa các loại lỗi câu và liên kết câu</i> * Thực hành - Viết câu/ đoạn văn có sự liên kết và mạch lạc. - Phát hiện và chữa lỗi liên kết câu. * Kiểm tra định kì: xx Bài kiểm tra số 2	1LT 1TH 1TH	- GV + Tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ 3.7 và thực hành 3.7; + Tổ chức cho NH thảo luận, đánh giá, rút kinh nghiệm. + Chốt kiến thức. - NH: + Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ 3.7 và thực hành 3.7; + Nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm và ghi chép. - GV giao đề bài; - SV nghiêm túc làm bài kiểm tra tự luận trên lớp;	CLO1, CLO4, CLO5, CLO6. CLO1, CLO4, CLO5, CLO6. CLO1, CLO4, CLO6.

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

(**) và (***) Giảng viên có thể linh hoạt các hình thức kiểm tra đánh giá khác nhau....

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Bài kiểm tra	Bảng 5a	CLO1 CLO2	
A2.2	Bài kiểm tra	Bảng 5b	CLO1 CLO3 CLO4	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Thi viết	Bảng 6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1 + A2*3 + A3*6)/10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần*: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Chương 1,2.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1. Hội thoại - Xây dựng hội thoại. - Vận động hội thoại. - Cấu trúc hội thoại. - Quy tắc hội thoại.	- Theo đáp án và biểu điểm. * Lưu ý: Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	5,0

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
2	Chương 2. Từ Hán – Việt - Giá trị biểu đạt của từ Hán Việt. - Phân loại từ Hán Việt. - Giải nghĩa từ Hán Việt.	- Theo đáp án và biểu điểm. * <i>Lưu ý</i> Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	5,0
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Chương 3
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Đặt câu – phát ngôn theo yêu cầu. - Ngữ nghĩa của câu.	- Theo đáp án và biểu điểm. * <i>Lưu ý</i> Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	5,0
2	- Quan hệ ngữ nghĩa, quan hệ cấu tạo giữa các câu trong văn bản. - Tách ghép, đảo trật tự câu. - Viết đoạn văn liên kết và mạch lạc.	- Theo đáp án và biểu điểm. * <i>Lưu ý</i> Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	5,0
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1,2,3.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 60 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1. Lí thuyết hội thoại - Xây dựng hội thoại. - Vận động hội thoại. - Cấu trúc hội thoại. - Quy tắc hội thoại.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	4,0
2	Chương 2. Từ Hán – Việt - Giá trị biểu đạt của từ Hán Việt. - Phân loại từ Hán Việt.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp	3,0

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	- Giải nghĩa từ Hán Việt.	án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	
3	Chương 3. Câu trong văn bản - Đặt câu – phát ngôn theo yêu cầu. - Ngữ nghĩa của câu. - Quan hệ ngữ nghĩa, quan hệ cấu tạo giữa các câu trong văn bản. - Tách ghép, đảo trật tự câu. - Viết đoạn văn liên kết và mạch lạc.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	3,0
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng Trưởng khoa Trưởng bộ môn Người biên soạn

Vũ Vương Trường Bùi Thị Lan Hương Nguyễn Thị Ngọc Lương

6.2.41. Văn học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622026
1.2. Tên học phần:	Văn học
1.3. Tên tiếng Anh:	Literature
1.4. Số tín chỉ:	3 (2 LT, 1 TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	75 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Hà Ngọc Yến
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Hữu Tới TS. Bế Thị Thu Huyền
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP622023, SP622024
- Học phần song hành:	Không

3. Mô tả học phần

Học phần “Văn học” thuộc khối kiến thức chuyên ngành dành cho sinh viên hệ đào tạo Giáo dục Tiểu học. Học phần này khái quát những kiến thức cơ bản về văn học và được cụ thể hoá nội dung trong 4 chương: Chương 1. Lý luận văn học; Chương 2. Văn học dân gian Việt Nam; Chương 3. Văn học thiếu nhi Việt Nam; Chương 4. Văn học thiếu nhi nước ngoài.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học (NH) có được kiến thức cơ bản về lý luận văn học (LLVH), văn học dân gian (VHDG) Việt Nam, văn học thiếu nhi (VHTN) Việt Nam và VHTN nước ngoài; có năng lực tiếp nhận văn học; tích hợp, hỗ trợ phù hợp các hoạt động

giảng dạy Tiếng Việt ở tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phầnⁱⁱ

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPĐG
CLO1	Trình bày được những kiến thức cơ bản về LLVH: các yếu tố cấu thành tác phẩm, tiếp nhận văn học và vận dụng được kiến thức LLVH vào phân tích tác phẩm cụ thể.	Vấn đáp, cá nhân, bài tập nhóm.
CLO2	Phân tích được kiến thức cơ bản của VHDG Việt Nam, VHTN Việt Nam và VHTN nước ngoài trong CTTV ở tiểu học.	Vấn đáp, cá nhân, bài tập nhóm.
CLO3	Đánh giá được một số tác giả, tác phẩm văn học Việt Nam, VHTN Việt Nam và VHTN nước ngoài tiêu biểu trong CTTV ở tiểu học.	Vấn đáp, cá nhân, bài tập nhóm.
CLO4	Tích cực, sáng tạo, tích hợp kiến thức văn học để hỗ trợ hoạt động giáo dục; chủ động hợp tác, chia sẻ với đồng nghiệp kiến thức về văn học trong hoạt động dạy Tiếng Việt ở tiểu học.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I,R,M,A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1		R	I	I	I	R			I	R
CLO2		R	I	I	I	M			I	M
CLO3		R	I	I	I	M			I	M
CLO4		M	R	I	I	R			I	R
Tổng hợp học phần		R	I	I	I	R			I	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1]. Cao Đức Tiến (chủ biên) (2007), *Văn học*, Tài liệu đào tạo giáo viên, Dự án phát triển giáo viên Tiểu học, Nxb Giáo dục - Nxb Đại học Sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Bích Hà (2012), *Giáo trình Văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm.

[3]. Tô Hoài (1998), *Dế Mèn phiêu lưu kí*, Nxb Văn học.

- [4]. Trần Đăng Khoa (1995), *Góc sân và khoảng trời*, Nxb. Giáo dục.
- [5]. Lã Thị Bắc Lý (2020), *Giáo trình Văn học trẻ em*, Nxb Đại học Sư phạm.
- [6]. Trần Đình Sử (chủ biên, 2005), *Giáo trình Lí luận văn học*, Tập 2, Nxb Đại học Sư phạm.
- [7]. Trần Đình Sử (chủ biên, 2008), *Giáo trình Lí luận văn học*, Tập 1, Nxb Đại học Sư phạm.
- [8]. Jacob, Wilhelm Grimm (Minh Đức dịch, 2012), *Truyện cổ Grim toàn tập*, Nxb Văn học, 2012.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết
- Tổng số tuần học: 15 tuần
- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Giới thiệu học phần (*)		+ Giảng viên (GV): Giới thiệu chương trình môn học.	
2	CHƯƠNG 1. LÝ LUẬN VĂN HỌC	7LT – 5TH		
	1.1. Đối tượng, nội dung, chức năng của văn học 1.2. Hình tượng và nhân vật văn học 1.3. Đề tài, chủ đề, tư tưởng, kết cấu, cốt truyện của TPVH 1.4. Ngôn ngữ văn học 1.5. Đặc trưng cơ bản của thơ, truyện, kí, kịch 1.6. Nguyên tắc và bình diện phân tích TPVH		- NH nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1], [6], [7]. - GV Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học (thuyết trình, giảng giải, vấn đáp, ...) vào tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6. - NH nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của GV.	CLO1 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	*Thực hành: Tìm hiểu, phân tích một số vấn đề cơ bản của LLVH (chức năng của văn học, hình tượng và nhân vật văn học; đề tài, chủ đề, tư tưởng, kết cấu, cốt truyện; ngôn ngữ văn học; đặc trưng cơ bản của thơ/ truyện/ kí/ kịch; những bình diện phân tích văn học,...) qua những TPVH cụ thể.		- NH nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1], [6], [7] để vận dụng vào thực hành theo nhiệm vụ GV giao. - GV hướng dẫn NH chia nhóm, thực hiện các nhiệm vụ thực hành cho các nội dung học 1.1, 1.2, 1.3, 1.4, 1.5, 1.6. - NH nghe giảng, ghi chép, thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, hướng dẫn của GV.	CLO1 CLO4
3	CHƯƠNG 2 VĂN HỌC DÂN GIAN VIỆT NAM	8LT - 7TH		
	2.1. Khái quát VHDG Việt Nam 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Đặc trưng 2.1.3. Giá trị 2.2. Truyện cổ dân gian 2.2.1. Thần thoại 2.2.2. Truyền thuyết 2.2.3. Cổ tích 2.2.4. Truyện cười 2.2.5. Truyện ngụ ngôn		- NH nghiên cứu nội dung 2.1, 2.2 trước khi vào buổi học trong tài liệu [1], [2], [6], [7]. - GV Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học (thuyết trình, giảng giải, vấn đáp, ...) vào tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.1, 2.2. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của GV.	CLO2 CLO3 CLO4
	* Thực hành - Tìm hiểu đặc trưng, giá trị của văn học dân gian Việt Nam qua TPVH cụ thể. - Thống kê các tác phẩm VHDG Việt Nam truyện thần thoại, truyện truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện cười, truyện ngụ		- NH nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1], [2], [6], [7] để vận dụng vào thực hành theo nhiệm vụ GV giao. - GV hướng dẫn NH chia nhóm, thực hiện các nhiệm vụ thực hành cho các nội dung	CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	ngôn,... có trong chương trình tiểu học. - Tìm hiểu một số truyện cổ dân gian Việt Nam (truyện thần thoại, truyện truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười,...) và ý nghĩa giáo dục của những thể loại trên đối với học sinh tiểu học.		2.1, 2.2. - NH nghe giảng, ghi chép, thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, hướng dẫn của GV.	
	2.3. Văn vần dân gian 2.3.1. Ca dao 2.3.2. Tục ngữ 2.3.3. Câu đố 2.3.4. Đồng dao *Thực hành: - Tìm hiểu một số bài ca dao, tục ngữ, câu đố, đồng dao Việt Nam trong chương trình tiểu học.		- NH nghiên cứu nội dung 2.3 trước khi vào buổi học trong tài liệu [1], [2], [6], [7]. - GV Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học (thuyết trình, giảng giải, vấn đáp, ...) vào tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.3. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của GV.	CLO2 CLO3 CLO4
4	KIỂM TRA	1		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
5	CHƯƠNG 3. VĂN HỌC THIẾU NHI VIỆT NAM	9LT - 9TH		
	3.1. Khái quát VHTN Việt Nam 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Quá trình phát triển và thành tựu cơ bản 3.2. Một số tác giả, tác phẩm VHTN Việt Nam tiêu biểu 3.2.1. Tác giả Hồ Chí Minh và thơ văn viết về thiếu nhi		- NH nghiên cứu nội dung 3.1, 3.2 trước khi vào buổi học trong tài liệu [1], [3], [4], [5], [6], [7]. - GV Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học (thuyết trình, giảng giải, vấn đáp, ...) vào tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 3.1, 3.2.	CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	3.2.2. Tô Hoài và tác phẩm “Dế Mèn phiêu lưu kí” 3.2.3. Nguyễn Huy Tưởng và tác phẩm “Lá cờ thêu sáu chữ vàng” 3.2.4. Phạm Hổ và tập thơ “Chú bò tìm bạn” 3.2.5. Trần Đăng Khoa và tập thơ “Góc sân và khoảng trời”		- SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của GV.	
	* Thực hành - Thống kê tác phẩm của các tác giả: Hồ Chí Minh, Tô Hoài, Nguyễn Huy Tưởng, Phạm Hổ, Trần Đăng Khoa,... trong chương trình Tiếng Việt tiểu học. - Tìm hiểu về nhân vật Dế Mèn (Dế Mèn phiêu lưu kí – Tô Hoài), Trần Quốc Toản (Lá cờ thêu sáu chữ vàng - Nguyễn Huy Tưởng). - Tìm hiểu một số bài thơ tiêu biểu trong tập “Chú bò tìm bạn” - Phạm Hổ, “Góc sân và khoảng trời” - Trần Đăng Khoa.		- NH nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1], [3], [4], [5], [6], [7] để vận dụng vào thực hành theo nhiệm vụ GV giao. - GV hướng dẫn NH chia nhóm, thực hiện các nhiệm vụ thực hành cho các nội dung 3.1, 3.2. - NH nghe giảng, ghi chép, thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, hướng dẫn của GV.	CLO2 CLO3 CLO4
6	CHƯƠNG 4 VĂN HỌC THIẾU NHI NƯỚC NGOÀI	6LT - 7TH		
	4.1. Khái quát VHTN nước ngoài trong CTTV tiểu học 4.1.1. Vị trí, vai trò 4.1.2. Giá trị nội dung 4.2. Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu 4.2.1. Hécô Malô và tác phẩm “Không gia đình” 4.2.2. Andécxen và tác phẩm		- NH nghiên cứu nội dung 4.1, 4.2 trước khi vào buổi học trong tài liệu [1], [6], [7], [8]. - GV Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học (thuyết trình, giảng giải, vấn đáp, ...) vào tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 4.1, 4.2. - SV nghe giảng, ghi chép,	CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	“Truyện cổ Andecxen” 4.2.3. Grim và tác phẩm “Truyện cổ Grim” 4.2.4. Mácxim Gorki và tác phẩm “Thời thơ ấu”		thực hiện các yêu cầu của GV.	
	* Thực hành - Thống kê, phân loại tác phẩm VHTN nước ngoài trong CTTV ở tiểu học. - Tìm hiểu một số tác phẩm/ trích đoạn tác phẩm tiêu biểu của các tác giả: “Không gia đình” – Hecto Malo; “Bà Chúa Tuyết” – Andecxen; “Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn” – Grim; “Thời thơ ấu” – Macxim Gorki. - Tìm hiểu nhân vật: Remi (Không gia đình – Hecto Malo); Giecda, Kay (Bà chúa Tuyết - Truyện cổ Andecxen); Nàng Bạch Tuyết (Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn – Grim); Aliosa (Thời thơ ấu – Macxim Gorki).		- NH nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1], [6], [7], [8] để vận dụng vào thực hành theo nhiệm vụ GV giao. - GV hướng dẫn NH chia nhóm, thực hiện các nhiệm vụ thực hành cho các nội dung 4.1, 4.2. - NH nghe giảng, ghi chép, thực hiện các nhiệm vụ thực hành theo yêu cầu, hướng dẫn của GV.	CLO2 CLO3 CLO4
7	KIỂM TRA	1		CLO2 CLO3 CLO4

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của các ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%

A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	- Bài kiểm tra số 01, hình thức tự luận.	- Bảng 5a	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
A2.2	- Bài kiểm tra số 02, hình thức tự luận.	- Bảng 5b	CLO2 CLO3 CLO4	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3	- Thi tự luận	- Bảng 6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: Chương 1,2.
- Hình thức: tự luận.
- Thời gian: 50 phút.

Bảng 6a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1ⁱⁱⁱ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc Chương 1: Lý luận văn học	Theo đáp án và biểu điểm.	4,0
2	Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc Chương 2: Văn học dân gian	Theo đáp án và biểu điểm.	6,0
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: chương 3, 4.
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2^{iv}

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc Chương 3: Văn học thiếu nhi Việt Nam	Theo đáp án và biểu điểm.	6.0
2	Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc Chương	Theo đáp án và biểu	4,0

	4: Văn học thiếu nhi nước ngoài	điểm.	
Tổng điểm			10

8.2.3. *Thi kết thúc học phần*

- Nội dung: chương 1, 2, 3, 4.
- Hình thức: thi viết (tự luận).
- Thời gian: 90 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần^v

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc Chương 1, Chương 4. (Chương 1. Lý luận văn học Chương 4. Văn học thiếu nhi nước ngoài)	Theo đáp án và biểu điểm.	4,0
2	Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc Chương 2, Chương 3. (Chương 2. Văn học dân gian Việt Nam Chương 3. Văn học thiếu nhi Việt Nam)	Theo đáp án và biểu điểm.	6,0
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Bùi Thị Lan Hương

Hà Ngọc Yến

6.2.42. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622027
1.2. Tên học phần:	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1
1.3. Tên tiếng Anh:	Methods of teaching Vietnamese in primary schools 1
1.4. Số tín chỉ:	3 (2 lí thuyết + 1 thực hành)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	75 tiết
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	TS.GVC. Bùi Thị Lan Hương. SĐT: 0987666218
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Bế Thị Thu Huyền. SĐT: 0904976080 ThS. Nguyễn Thị Gấm. SĐT: 0912088230
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	SP622025
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức lí thuyết về những vấn đề chung của phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (Đối tượng, nhiệm vụ, các cơ sở khoa học của phương pháp dạy học tiếng Việt; Những điểm cần lưu ý khi dạy học Tiếng Việt ở tiểu học; Môn học Tiếng Việt ở trường tiểu học; Các nguyên tắc, phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học...) và

phương pháp dạy học học văn, tập viết, chính tả cụ thể. Qua đó, giúp người học vận dụng được những kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học vào trong học tập và nghiên cứu lĩnh vực lí luận cũng như phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức cơ bản về những vấn đề chung của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học; về phương pháp dạy học các kĩ năng đọc, viết, nghe, nói trong dạy học học văn, tập viết, chính tả; vận dụng được những kiến thức đã học vào học tập, nghiên cứu và giảng dạy Tiếng Việt ở tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp đánh giá
CLO1	Đánh giá được chương trình, sách giáo khoa hiện hành môn Tiếng Việt ở tiểu học.	Câu hỏi, bài tập cá nhân, bài tập nhóm
CLO2	Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp dạy học Tiếng Việt vào dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.	Câu hỏi, bài tập cá nhân, bài tập nhóm
CLO3	Xác định được mục tiêu (những phẩm chất, năng lực cần hình thành và phát triển ở người học) của môn học, bài học, hoạt động dạy học Tiếng Việt cụ thể: học văn, tập viết, chính tả.	Câu hỏi, bài tập cá nhân, bài tập nhóm
CLO4	Phân tích được quy trình dạy học học văn, tập viết, chính tả.	Câu hỏi, bài tập cá nhân, bài tập nhóm
CLO5	Thiết kế được hoạt động dạy học, xây dựng được kế hoạch bài dạy Tiếng Việt (học văn, tập viết, chính tả) theo hướng tích hợp, phát triển năng lực và trải nghiệm sáng tạo.	Câu hỏi, bài tập cá nhân, bài tập nhóm
CLO6	Có ý thức tự giác trong học tập, tự học, tự nghiên cứu, tự rèn luyện tác phong của người giáo viên; yêu nghề, có trách nhiệm trong bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, có ý thức tự rèn tay nghề để nâng cao năng lực sư phạm của bản thân trong dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.	Câu hỏi, bài tập cá nhân, bài tập nhóm

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A, cụ thể

như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		R	I	I	I	I	I		I	R
CLO 2		R	R	R	M	M	I		I	R
CLO 3		M	M	M	M	M	I		M	M
CLO 4		M	M	M	M	M	I		R	M
CLO 5		R	M	M	M	M	R		M	M
CLO 6		R	R	R	M	M	R		R	M
Tổng hợp học phần		R	M	M	M	M	I		R	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Lê Phương Nga (chủ biên) (2021), Lê A, Đặng Kim Nga, Đỗ Xuân Thảo, *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1*, Nxb. Đại học Sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Lê Phương Nga, Đặng Kim Nga (2007), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học*, Nxb. Giáo dục và Nxb. Đại học Sư phạm.

[2]. Đỗ Ngọc Thống (Tổng Chủ biên, 2021) – Đỗ Xuân Thảo (Chủ biên) – Phan Thị Hồ Điệp – Lê Phương Nga, *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp (2021), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo chương trình Giáo dục Phổ thông 2018*, Nxb. Đại học Sư phạm.

[4]. Bộ SGK Tiếng Việt tiểu học hiện hành.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	(*) Giới thiệu học phần		- Giáo viên (GV) thuyết giảng - Người học (NH) lắng nghe, trao	

1			đổi, nghiên cứu ĐCCT.	
2	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC 1.1. Đối tượng, nhiệm vụ của phương pháp dạy học Tiếng Việt (PPDHTV) 1.1.1. Phương pháp dạy học tiếng Việt là gì? 1.1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của phương pháp dạy học Tiếng Việt 1.2. Cơ sở khoa học của Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1.2.1. Cơ sở khoa học của Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1.2.2. Những điểm cần lưu ý khi dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1.3. Phương pháp nghiên cứu trong Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1.3.1. Vai trò của nghiên cứu khoa học trong PPDHTV 1.3.2. Yêu cầu của nghiên cứu khoa học trong PPDHTV 1.4. Môn học Tiếng Việt ở trường tiểu học 1.4.1. Vị trí của môn học Tiếng Việt ở trường tiểu học 1.4.2. Mục tiêu môn học Tiếng Việt ở trường tiểu học * Thực hành: Xác định mục tiêu bài Tiếng	20G 10LT 10TH 1LT 1LT 1LT 2LT	* Lí thuyết: - GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: Đọc giáo trình chính thức và TLTK số 1,2,3,4; Tìm hiểu về Bộ môn Phương pháp học học Tiếng Việt ở tiểu học: Khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, cơ sở khoa học, phương pháp nghiên cứu, môn Tiếng Việt ở trường tiểu học, các nguyên tắc và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học, ... + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Tham gia bài giảng/ luyện tập trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6

	Việt 1.4.3. Các cơ sở xây dựng chương trình Tiếng Việt tiểu học và nguyên tắc biên soạn Sách giáo khoa (SGK) Tiếng Việt ở tiểu học 1.4.4. Chương trình môn Tiếng Việt ở trường tiểu học * Thực hành: Mô tả, phân tích, đánh giá nội dung chương trình Tiếng Việt tiểu học. 1.5. Các nguyên tắc dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1.5.1. Phân loại các nguyên tắc trong dạy học Tiếng Việt 1.5.2. Các nguyên tắc đặc trưng của dạy học Tiếng Việt ở tiểu học * Thực hành: Vận dụng các nguyên tắc vào dạy học tiếng Việt ở tiểu học	2TH 1LT 1LT 1TH 4G (1LT-3TH)	* Thực hành: GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của SV. - Giao nhiệm vụ học tập (NVHT) cho SV; Đọc giáo trình chính thức và TLTK số 1,2,3,4; NH: - Thực hiện các NVHT; - Báo cáo kết quả thực hiện NVHT; - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT. GV: - Đánh giá kết quả thực hiện NVHT của SV. - Giao NVHT cho SV.	
	1.6. Các phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1.6.1. Các bình diện khác nhau của Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1.6.2. Các phương pháp dạy học Tiếng Việt cơ bản thường được dùng ở tiểu học * Thực hành: Tổ chức vận dụng các phương pháp dạy học Tiếng Việt bằng hệ thống bài tập thực hành	6G (2LT-4TH)	* Thực hành GV: - Giao nhiệm vụ học tập trước giờ học. Đọc giáo trình chính thức và TLTK số 1,2,3,4 và thiết kế hoạt	

	2.3.1. Nguyên tắc chung 2.3.2. Nguyên tắc đặc thù 2.4. Nội dung dạy học văn 2.4.1. Dạy chữ cái ghi âm 2.4.2. Dạy âm, vần mới 2.4.3. Dạy bài Ôn tập 2.5. Tổ chức dạy học học văn 2.5.1. Các phương pháp dạy học học văn 2.5.2. Quy trình dạy học văn 2.6. Thực hành dạy học học văn 2.6.1. Dạy bài làm quen 2.6.2. Dạy bài âm mới 2.6.3. Dạy bài vần mới 2.6.4. Dạy bài ôn tập	1LT 2LT 6TH	GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Tham gia bài giảng/ luyện tập trên lớp. * Thực hành GV: - Giao nhiệm vụ học tập trước giờ học: Đọc giáo trình chính và tài liệu tham khảo và thiết kế KHBH, tập dạy. NH: - Báo cáo kết quả thực hiện NVHT; - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của SV. - Đánh giá kết quả thực hiện NVHT của SV. - Tiếp tục giao NVHT cho SV.	
5	CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TẬP VIẾT 3.1. Vị trí, nhiệm vụ của dạy học tập viết 3.1.1. Vị trí của dạy học tập viết 3.1.2. Mục tiêu, nhiệm vụ của dạy học tập viết 3.2. Cơ sở khoa học của dạy học tập viết 3.2.1. Chữ viết là một phương tiện – chất liệu biểu hiện ngôn ngữ 3.2.2. Cơ chế của việc viết và	13G (7LT 6TH) 1LT-1TH 1LT	* Lí thuyết: - GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: Đọc giáo trình chính thức và TLTK số 1,2,3,4; Tìm hiểu về việc dạy học tập viết: vị trí, mục tiêu, nhiệm vụ, cơ sở khoa học, nội dung, các nguyên tắc, phương pháp dạy học, quy trình dạy học, ...	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

A2.1	Bài kiểm tra số 1, hình thức bài tự luận	Bảng 5a	CLO1, CLO2, CLO3	
A2.2	Bài kiểm tra số 2, hình thức tự luận	Bảng 5b	CLO4, CLO5, CLO6	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Hình thức tự luận	Bảng 6	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	
Công thức tính điểm tổng kết: $A1 \times 1 + A2 \times 3 + A3 \times 6 / 10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Chương 1. Những vấn đề chung của PPDH Tiếng Việt ở tiểu học
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	1.4. Môn học Tiếng Việt ở trường tiểu học	- Xác định được mục tiêu môn Tiếng Việt ở tiểu học, mục tiêu bài học, mục tiêu hoạt động dạy học tiếng Việt ở tiểu học.	2.0
2	1.4. Môn học Tiếng Việt ở trường tiểu học	- Mô tả, phân tích, đánh giá được chương trình và sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học.	2.0
3	1.5. Các nguyên tắc dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	- Mô tả, vận dụng được các nguyên tắc dạy học cơ bản vào dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.	3.0
4	1.6. Các phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	- Mô tả, vận dụng được các phương pháp dạy học cơ bản vào dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.	3.0
Tổng điểm			10.0

* **Ghi chú:** Tùy vào đặc điểm tình hình lớp dạy, GV có thể lựa chọn các hình thức kiểm tra

khác phù hợp hơn như kiểm tra vấn đáp, kiểm tra theo nhóm... Lựa chọn hình thức nào, GV cần thông báo trước với lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.

Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Chương 2, Chương 3, Chương 4
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	- Chương 2. Phương pháp dạy học học văn	Trình bày được những kiến thức lí thuyết về phương pháp dạy học học văn, vận dụng thiết kế được một hoạt động dạy học hoặc xây dựng kế hoạch dạy học một bài dạy học văn trong chương trình Tiếng Việt lớp 1.	4.0
2	- Chương 3. Phương pháp dạy học tập viết	Trình bày được những kiến thức lí thuyết về phương pháp dạy học tập viết, vận dụng thiết kế được một hoạt động dạy học hoặc xây dựng kế hoạch dạy học một bài dạy tập viết trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.	3.0
3	- Chương 4. Phương pháp dạy học chính tả	Trình bày được những kiến thức lí thuyết về phương pháp dạy học chính tả, vận dụng thiết kế được một hoạt động dạy học hoặc xây dựng kế hoạch dạy học một bài dạy chính tả trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.	3.0
Tổng điểm			10.0

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1 (1.4, 1.5, 1.6); Chương 2, Chương 3, Chương 4
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Chương 1. 1.4. Môn học Tiếng Việt ở trường tiểu học	- Xác định được mục tiêu môn Tiếng Việt ở tiểu học, mục tiêu bài học, mục tiêu hoạt động dạy học tiếng Việt ở tiểu học. <i>Hoặc:</i> - Mô tả, phân tích, đánh giá được về chương trình Tiếng Việt tiểu học. <i>Hoặc:</i> - Mô tả, phân tích, đánh giá được về SGK Tiếng Việt tiểu học.	2.0
2	Chương 1. 1.5. Các nguyên tắc dạy học Tiếng Việt ở tiểu học <i>Hoặc:</i> 1.6. Các phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học	- Trình bày được những hiểu biết về các nguyên tắc dạy học tiếng Việt đặc thù và vận dụng được các nguyên tắc này vào thực hiện một hoạt động dạy học Tiếng Việt ở tiểu học. <i>Hoặc:</i> - Trình bày được những hiểu biết về các phương pháp dạy học tiếng Việt cơ bản và vận dụng được các phương pháp này vào thực hiện một hoạt động dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.	2.0
3	- Chương 2. Phương pháp dạy học học văn <i>Hoặc:</i> - Chương 3. Phương pháp dạy	- Trình bày được những kiến thức lí thuyết về phương pháp dạy học học văn, vận dụng thiết kế được một hoạt động dạy học hoặc xây dựng kế hoạch dạy học một bài dạy học văn trong chương trình Tiếng Việt lớp 1. - Trình bày được những kiến thức lí thuyết về phương pháp dạy học tập viết, vận dụng thiết kế được một hoạt	6.0

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
	học tập viết Hoặc: - Chương 4. Phương pháp dạy học chính tả	động dạy học hoặc xây dựng kế hoạch dạy học một bài dạy tập viết trong chương trình Tiếng Việt tiểu học. - Trình bày được những kiến thức lí thuyết về phương pháp dạy học chính tả, vận dụng thiết kế được một hoạt động dạy học hoặc xây dựng kế hoạch dạy học một bài dạy chính tả trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.	
Tổng điểm			10.0

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Bùi Thị Lan Hương

Bùi Thị Lan Hương

6.2.43. Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622028
1.2. Tên học phần:	Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2
1.3. Tên tiếng Anh:	Methods of teaching Vietnamese in primary schools 2
1.4. Số tín chỉ:	3 (2 lí thuyết + 1 thực hành)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	75 giờ
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	TS.GVC. Bùi Thị Lan Hương. SĐT: 0987666218
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Bé Thị Thu Huyền. SĐT: 0904976080 ThS. Nguyễn Thị Gấm. SĐT: 0912088230
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	SP622027
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lí thuyết về dạy học Tiếng Việt tiểu học (tập đọc, kể chuyện, luyện từ và câu, tập làm văn). Từ đó, người học vận dụng những phương pháp, kĩ thuật dạy học theo quan điểm dạy học mới vào thiết kế kế hoạch bài học, tổ chức dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo các kĩ năng: đọc, viết, nghe, nói.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức căn bản về phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học nói chung, phương pháp dạy học các kỹ năng đọc, viết, nghe, nói trong dạy học tập đọc, luyện từ và câu, làm văn, kể chuyện nói riêng; vận dụng được những kiến thức cơ bản đó vào thực tiễn dạy học Tiếng Việt ở tiểu học cụ thể.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp đánh giá
CLO1	Vận dụng được các nguyên tắc, phương pháp dạy học vào dạy tập đọc, luyện từ và câu, làm văn và kể chuyện ở tiểu học.	Câu hỏi, bài tập cá nhân, bài tập nhóm
CLO2	Xác định được vị trí, mục tiêu (những phẩm chất, năng lực cần hình thành và phát triển ở người học) của môn học, bài học, hoạt động dạy học Tiếng Việt cụ thể: tập đọc, luyện từ và câu, làm văn và kể chuyện.	Câu hỏi, bài tập cá nhân, bài tập nhóm
CLO3	Phân tích được quy trình dạy học tập đọc, luyện từ và câu, làm văn, kể chuyện.	Câu hỏi, bài tập cá nhân, bài tập nhóm
CLO4	Xây dựng được kế hoạch bài học; thiết kế được hoạt động dạy học Tiếng Việt (tập đọc, luyện từ và câu, làm văn, kể chuyện) theo hướng tích hợp, phát triển năng lực và trải nghiệm sáng tạo và thiết kế một số hoạt động trải nghiệm Tiếng Việt ở tiểu học.	Câu hỏi, bài tập cá nhân, bài tập nhóm
CLO5	Có ý thức tự giác trong học tập học, tự nghiên cứu, tự rèn luyện tác phong của người giáo viên; yêu nghề, có trách nhiệm trong bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, có ý thức tự rèn tay nghề để nâng cao năng lực sư phạm của bản thân trong dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.	Câu hỏi, bài tập cá nhân, bài tập nhóm

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		R	I	I	I	I	I		I	R
CLO 2		R	R	R	M	M	I		I	R
CLO 3		M	M	M	M	R	I		R	R
CLO 4		M	M	M	M	M	R		M	M
CLO 5		R	R	R	R	M	R		M	M

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng hợp học phần		M	R	R	M	M	I		R	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Lê Phương Nga (2021), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2*, Nxb. Đại học Sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Lê Phương Nga, Đặng Kim Nga (2007), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học*, Nxb. Giáo dục và Nxb. Đại học Sư phạm.

[2]. Đỗ Ngọc Thống (Tổng Chủ biên, 2021) – Đỗ Xuân Thảo (Chủ biên) – Phan Thị Hồ Điệp – Lê Phương Nga, *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp (2021), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo chương trình Giáo dục Phổ thông 2018*, Nxb. Đại học Sư phạm.

[4]. Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp (2021), *Chiến thuật viết văn tiểu học, tập 1*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[5]. Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp (2021), *Mỗi bài đọc hiểu học nhiều điều hay*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[6]. Bộ Sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học hiện hành.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	(*) Giới thiệu học phần		- GV (GV) thuyết giảng - Người học (NH) lắng nghe, trao đổi, nghiên cứu ĐCCT.	
2	CHƯƠNG 1. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TẬP ĐỌC	13G (6LT)		

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học	Hướng tới CLOs
		7TH		
	1.1. Vị trí, nhiệm vụ của dạy đọc ở tiểu học 1.1.1. Vị trí của dạy đọc 1.1.2. Mục tiêu, nhiệm vụ của dạy đọc * Thực hành: Xác định mục tiêu cho bài dạy đọc trong SGK TV tiểu học 1.2. Cơ sở khoa học của dạy học tập đọc 1.2.1. Cơ chế của đọc - cơ sở khoa học để xác định quy trình rèn kĩ năng đọc cho học sinh tiểu học 1.2.2. Bình diện âm thanh của ngôn ngữ - cơ sở khoa học để luyện đọc thành tiếng cho học sinh tiểu học 1.2.3. Bình diện ngữ nghĩa của văn bản - cơ sở khoa học để luyện đọc hiểu cho học sinh tiểu học 1.3. Nội dung dạy tập đọc 1.3.1. Chương trình dạy học tập đọc 1.3.2. Sách giáo khoa dạy học tập đọc 1.3.3. Các kiểu văn bản dạy học tập đọc 1.3.4. Các kiểu dạng bài tập dạy học tập đọc 1.4. Tổ chức dạy học tập đọc 1.4.1. Tổ chức dạy đọc thành tiếng	1LT-1TH 1LT 2LT 2LT	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: - Đọc giáo trình chính và tài liệu tham khảo số 1,2,3,5,6; - Tìm hiểu kiến thức lí thuyết về dạy học đọc: vị trí, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, quy trình... dạy học đọc. - Dự giờ dạy đọc trong chương trình Tiếng Việt tiểu học. - Thực hành thiết kế hoạt động dạy học, xây dựng kế hoạch bài dạy đọc theo định hướng phát triển năng lực người học và tập giảng trên lớp. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: Nghiên cứu, tìm hiểu, chuẩn bị, báo cáo, thực hành luyện tập vận dụng, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm.	CLO2 CLO4 CLO5

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học	Hướng tới CLOs
	2.3.2. Các kiểu bài học luyện từ và câu trong sách giáo khoa 2.3.3. Các nhóm, dạng bài tập luyện từ và câu 2.4. Tổ chức dạy học luyện từ và câu 2.4.1. Tổ chức dạy bài lí thuyết về từ và câu 2.4.2. Tổ chức dạy bài thực hành về từ và câu 2.5. Thực hành dạy học luyện từ và câu 2.5.1. Thực hành dạy bài lí thuyết về từ và câu 2.5.2. Thực hành dạy bài thực hành về từ và câu	2LT 2LT 6TH	chuẩn bị, báo cáo, thực hành luyện tập vận dụng, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm.	
4	Bài kiểm tra số 1	1KT	- GV: Tổ chức, hướng dẫn NH kiểm tra. - NH làm bài kiểm tra tại lớp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
	CHƯƠNG 3. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC LÀM VĂN	13G (7LT-6 TH)		
5	3.1. Vị trí, nhiệm vụ của dạy học làm văn 3.1.1. Vị trí của dạy học làm văn 3.1.2. Mục tiêu, nhiệm vụ của dạy học làm văn * Thực hành: Xác định mục tiêu bài tập làm văn trong SGK TV tiểu học 3.2. Cơ sở khoa học của dạy học làm văn	1LT-1TH 2LT	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: - Đọc giáo trình chính và tài liệu tham khảo số 1,2,3,4,6; - Tìm hiểu kiến thức lí thuyết về dạy học làm văn: vị trí, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, quy	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học	Hướng tới CLOs
	3.2.1. Hoạt động giao tiếp và ứng dụng vào dạy học làm văn 3.2.2. Ngữ pháp văn bản và ứng dụng vào dạy học làm văn 3.2.3. Loại thể văn học và dạy học làm văn 3.3. Nội dung chương trình và sách giáo khoa dạy học làm văn ở tiểu học 3.3.1. Chương trình dạy học làm văn 3.3.2. Các kiểu bài học làm văn trong sách giáo khoa 3.3.3. Các kiểu dạng bài tập làm văn 3.4. Tổ chức dạy học làm văn 3.4.1. Tổ chức dạy bài lí thuyết làm văn 3.4.2. Tổ chức dạy bài thực hành làm văn 3.5. Thực hành dạy học làm văn 3.5.1. Thực hành dạy bài kiến thức lí thuyết làm văn 3.5.2. Thực hành dạy bài thực hành làm văn	2LT	trình... dạy học tập làm văn. - Dự giờ dạy tập làm văn trong chương trình Tiếng Việt tiểu học. - Thực hành thiết kế hoạt động dạy học, xây dựng kế hoạch bài dạy tập làm văn theo định hướng phát triển năng lực người học và tập giảng trên lớp. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: Nghiên cứu, tìm hiểu, chuẩn bị, báo cáo, thực hành luyện tập vận dụng, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm.	
		2LT		
		5TH		
6	CHƯƠNG 4. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC KỂ CHUYỆN	13G (6LT 7TH)		
	4.1. Vị trí, nhiệm vụ của dạy học kể chuyện 4.1.1. Vị trí của dạy học kể chuyện	1LT-1TH	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ:	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học	Hướng tới CLOs
	4.1.2. Mục tiêu, nhiệm vụ của dạy học kể chuyện 4.1.3. Thực hành xác định mục tiêu bài/ hoạt động kể chuyện cụ thể trong SGK 4.2. Nội dung chương trình và sách giáo khoa dạy học kể chuyện ở tiểu học 4.2.1. Chương trình dạy học kể chuyện 4.2.2. Yêu cầu về kỹ năng kể chuyện 4.2.3. Các bài học kể chuyện 4.3. Tổ chức dạy học kể chuyện 4.3.1. Các bước rèn luyện kỹ năng kể chuyện cho học sinh tiểu học 4.3.2. Tổ chức dạy bài kể chuyện lớp 1 4.3.3. Tổ chức dạy bài kể chuyện lớp 2,3 4.3.4. Tổ chức dạy bài kể chuyện lớp 4,5 4.4. Thực hành dạy học kể chuyện 4.4.2. Thực hành dạy bài kể chuyện lớp 1 4.4.3. Thực hành dạy bài kể chuyện lớp 2,3 4.4.4. Thực hành dạy bài kể chuyện lớp 4,5	2LT 3LT 6TH	- Đọc giáo trình chính và tài liệu tham khảo số 1,2,3,6; - Tìm hiểu kiến thức lý thuyết về dạy học kể chuyện: vị trí, mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, quy trình... dạy học kể chuyện. - Dự giờ dạy kể chuyện trong chương trình Tiếng Việt tiểu học. - Thực hành thiết kế hoạt động dạy học, xây dựng kế hoạch bài dạy kể chuyện theo định hướng phát triển năng lực người học và tập giảng trên lớp. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: Nghiên cứu, tìm hiểu, chuẩn bị, báo cáo, thực hành luyện tập vận dụng, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm.	CLO5
7	CHƯƠNG 5. HƯỚNG DẪN HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM TIẾNG VIỆT	6G (2LT- 4 TH)		

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học	Hướng tới CLOs
	5.1. Vị trí, nhiệm vụ, yêu cầu của hoạt động trải nghiệm Tiếng Việt 5.1.1. Vị trí, vai trò 5.1.2. Nhiệm vụ 5.2.3. Yêu cầu 5.2. Các hình thức trải nghiệm Tiếng Việt ở tiểu học 5.2.1. Nhóm tiếng Việt 5.2.2. Góc tiếng Việt 5.2.3. Báo tường 5.2.4. Thi học sinh giỏi tiếng Việt 5.2.5. Thi đồ 5.2.6. Trò chơi ngôn ngữ 5.2.7. Tham quan 5.2.8. Dạ hội 5.3. Giờ học tự chọn môn Tiếng Việt 5.3.1. Quan niệm về giờ học tự chọn 5.3.2. Những yêu cầu của giờ học tự chọn 5.4. Thực hành Hướng dẫn hoạt động trải nghiệm Tiếng Việt	0.5LT 1LT 0.5LT 4TH	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: - Đọc giáo trình chính và tài liệu tham khảo số 2,3,6; - Tìm hiểu về vị trí, nhiệm vụ, yêu cầu của hoạt động ngoại khóa Tiếng Việt; các hình thức ngoại khóa Tiếng Việt ở tiểu học; quan niệm về giờ học tự chọn và những yêu cầu của giờ học tự chọn tiếng Việt ở tiểu học. - Thực hành thiết kế một số hình thức ngoại khóa Tiếng Việt ở tiểu học (Viết báo tường, Câu đố, trò chơi ngôn ngữ, dạ hội tiếng Việt...) + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: Nghiên cứu, tìm hiểu, báo cáo, thực hành luyện tập vận dụng, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
8	Bài kiểm tra số 2	1KT	- GV: Tổ chức, hướng dẫn NH kiểm tra. - NH làm bài kiểm tra tại lớp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

*** Giới thiệu học phần:** Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Bài kiểm tra số 1, hình thức bài tự luận	Bảng 5a	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
A2.2	Bài kiểm tra số 2, hình thức tự luận	Bảng 5b	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Hình thức tự luận	Bảng 6	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
Công thức tính điểm tổng kết: $A1 \times 1 + A2 \times 3 + A3 \times 6 / 10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Chương 1 và Chương
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Chương 1. Phương pháp dạy học tập đọc	Trình bày được những kiến thức lí thuyết về phương pháp dạy học tập đọc, vận dụng thiết kế minh họa một hoạt động dạy học hoặc xây dựng kế hoạch dạy học một bài dạy tập đọc trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.	5.0

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
2	- Chương 2. Phương pháp dạy học luyện từ và câu	Trình bày được những kiến thức lí thuyết về phương pháp dạy học luyện từ và câu, vận dụng thiết kế minh họa một hoạt động dạy học hoặc xây dựng kế hoạch dạy học một bài dạy luyện từ và câu trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.	5.0
Tổng điểm			10.0

** **Ghi chú:** Tùy vào đặc điểm tình hình lớp dạy, GV có thể lựa chọn các hình thức kiểm tra khác phù hợp hơn như kiểm tra vấn đáp, kiểm tra theo nhóm... Lựa chọn hình thức nào, GV cần thông báo trước với lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.*

Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Chương 3, Chương 4, Chương 5
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Chương 3. Phương pháp dạy học làm văn	Trình bày được những kiến thức lí thuyết về phương pháp dạy học làm văn, vận dụng thiết kế minh họa một hoạt động dạy học hoặc xây dựng kế hoạch dạy học một bài dạy làm trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.	4.0
2	- Chương 4. Phương pháp dạy học kể chuyện	Trình bày được những kiến thức lí thuyết về phương pháp dạy học kể chuyện, vận dụng thiết kế minh họa một hoạt động dạy học hoặc xây dựng kế hoạch dạy học một bài dạy kể chuyện trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.	4.0
3	- Chương 5. Hướng dẫn hoạt động trải nghiệm Tiếng Việt	Trình bày được những kiến thức lí thuyết về hoạt động trải nghiệm Tiếng Việt và thực hành thiết kế được một hoạt động trải nghiệm	2.0

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		Tiếng Việt ở tiểu học.	
Tổng điểm			10.0

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1, Chương 2, Chương 3, Chương 4
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Chương 1. Phương pháp dạy học tập đọc Hoặc: - Chương 2. Phương pháp dạy học luyện từ và câu	- Trình bày được những kiến thức lí thuyết về phương pháp dạy học tập đọc, vận dụng thiết kế minh họa một hoạt động dạy học hoặc xây dựng kế hoạch dạy học một bài dạy tập đọc trong chương trình Tiếng Việt tiểu học. - Trình bày được những kiến thức lí thuyết về phương pháp dạy học luyện từ và câu, vận dụng thiết kế minh họa một hoạt động dạy học hoặc xây dựng kế hoạch dạy học một bài dạy luyện từ và câu trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.	4.0
2	- Chương 3. Phương pháp dạy học làm văn Hoặc: - Chương 4. Phương pháp dạy học kể chuyện	- Trình bày được những kiến thức lí thuyết về phương pháp dạy học làm văn, vận dụng thiết kế minh họa một hoạt động dạy học hoặc xây dựng kế hoạch dạy học một bài dạy làm văn trong chương trình Tiếng Việt tiểu học. - Trình bày được những kiến thức lí thuyết về phương pháp dạy học kể chuyện, vận dụng thiết kế minh họa một hoạt động dạy học hoặc xây	4.0

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		dựng kế hoạch dạy học một bài dạy kể chuyện trong chương trình Tiếng Việt tiểu học.	
3	Chương 5. Hướng dẫn hoạt động trải nghiệm Tiếng Việt	Trình bày được những kiến thức lí thuyết về hoạt động trải nghiệm Tiếng Việt và thực hành thiết kế được một hoạt động trải nghiệm Tiếng Việt ở tiểu học.	2.0
Tổng điểm			10.0

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2023

Hiệu trưởng **Trưởng khoa** **Trưởng bộ môn** **Người biên soạn**

Vũ Vương Trường Bùi Thị Lan Hương Bùi Thị Lan Hương

6.2.44. Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622029
1.2. Tên học phần:	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1
1.3. Tên tiếng Anh:	Teaching Maths for Primary Students 1
1.4. Số tín chỉ:	3 (2LT - 1 TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Bùi Văn Chương, ĐT 0914628884
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Hoàng Vân, ĐT: 0936217077 ThS. Nguyễn Thị Quý Kim, ĐT: 0988866910
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Cơ sở Toán học của môn Toán ở Tiểu học 1, 2, 3
- Học phần song hành:	Không có

2. Mô tả học phần

Học phần Phương pháp dạy học môn Toán ở Tiểu học 1 thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy sau khi sinh viên đã có kiến thức về lý thuyết tập hợp và logic Toán, các tập hợp số. Học phần cung cấp cho người học kiến thức bao quát về vị trí, vai trò, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá môn Toán ở Tiểu học.

Thông qua nghiên cứu, nghe giảng, thảo luận, làm bài tập cá nhân, theo nhóm, thực hành, rút kinh nghiệm, học phần giúp người học hình thành, củng cố, phát triển kỹ năng dạy học Toán ở Tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có các kiến thức bao quát về vị trí, vai trò, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá môn Toán ở Tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được các kiến thức về phương pháp dạy học bộ môn Toán ở tiểu học.	CO1, CO2, CO3, CO4
CLO2	Mô tả được hình thức kiểm tra, đánh giá trong dạy học toán ở tiểu học.	CO1, CO2, CO3, CO4
CLO3	Thiết lập được ma trận đề kiểm tra, đề thi trong kiểm tra, đánh giá học sinh tiểu học.	CO1, CO2, CO3, CO4
CLO4	Giải quyết được một số tình huống trong dạy học toán ở tiểu học.	CO1, CO2, CO3, CO4

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	R	A	A	A	A	M		I	R	R
CLO2	R	A	A	A	A	M		I	R	R
CLO 3	R	A	A	A	A	M	M	I	R	R
CLO4	R	M	M	M	M	M		I	R	R
Tổng hợp học phần	R	A	A	A	A	M	M	I	R	R

6. Học liệu

6.1. Sách, giáo trình chính

[1] Vũ Thị Bình, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, *Phương pháp dạy học Toán tiểu học (tập 1)*, NXB ĐH Thái Nguyên, 2021.

[2] Vũ Quốc Chung (chủ biên), *Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học (tài liệu đào tạo giáo viên)*, NXB Giáo dục và NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2007

6.2. Tài liệu tham khảo

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quy định về đánh giá học sinh Tiểu học* của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán* năm 2018.

[5] Hà Huy Khoái (tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (chủ biên), *Sách giáo khoa, sách giáo viên môn Toán lớp 1,2,3,4,5*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[6] Đỗ Đức Thái (tổng chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (chủ biên), *Sách giáo khoa, sách giáo viên*

môn Toán lớp 1,2,3,4,5, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm;

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 2 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chương 1. TỔNG QUAN VỀ BỘ MÔN PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC TOÁN Ở TIỂU HỌC 1.1. Học sinh tiểu học học Toán như thế nào? Những điểm cần lưu ý trong khi dạy học Toán ở tiểu học 1.2. Vị trí, mục tiêu và nhiệm vụ của môn Toán ở tiểu học	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.1; 1.2. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1, CLO2, CLO3
2	Chương 2. CHƯƠNG TRÌNH VÀ SÁCH GIÁO KHOA TOÁN Ở TIỂU HỌC 2.1. Chương trình và cấu trúc chương trình môn Toán ở tiểu học 2.1.1. Các mạch kiến thức trong chương trình Toán tiểu học 2.1.2. Nội dung các mạch kiến thức trong CT Toán tiểu học 2.1.3. Đặc điểm nội dung CT môn Toán tiểu học	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.1 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1, CLO2, CLO3

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	2.1.4. Các giai đoạn trong CT Toán tiểu học			
3	2.2. Giới thiệu sách giáo khoa môn Toán ở tiểu học 2.2.1. Quan niệm về sách giáo khoa môn Toán ở tiểu học 2.2.2. Tìm hiểu SGK môn Toán cấp Tiểu học 2.2.3. Tìm hiểu nội dung và cấu trúc SGK Toán các lớp 1-5 2.3. Phân tích cơ sở toán học của nội dung môn Toán ở tiểu học 2.3.1. Vai trò của việc phân tích cơ sở toán học của nội dung môn Toán ở tiểu học 2.3.2. Phân tích cơ sở toán học của nội dung dạy học số tự nhiên, phân số, số thập phân 2.3.3. Phân tích cơ sở toán học của nội dung dạy học yếu tố đại số; đại lượng, đo đại lượng; hình học; thống kê	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.2; 2.3 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
4	Chương 3. LẬP KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TOÁN Ở TIỂU HỌC 3.1. Kế hoạch dạy học cho từng năm học 3.1.1. Mục đích, ý nghĩa, tác dụng của kế hoạch dạy học môn Toán 3.1.2. Cấu trúc và cách xây dựng kế hoạch dạy học của năm học 3.1.3. Thực hành thiết kế KHDH năm học	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 3.1; - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
5	3.2. Kế hoạch dạy học cho từng tiết lên lớp 3.2.1. Các loại bài học/tiết học trong môn Toán ở tiểu học 3.2.2. Các bước thiết kế kế hoạch bài học (KHBH) 3.3.3. Thực hành thiết kế KHBH	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 3.2 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
6	Chương 4. MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC TOÁN Ở TIỂU HỌC 4.1. Một số phương pháp dạy học thường dùng trong dạy học toán ở tiểu học 4.1.1. Phương pháp trực quan trong dạy học môn Toán ở tiểu học 4.1.2. Phương pháp Gọi mở-Vấn đáp 4.1.3. Phương pháp Thực hành-Luyện tập 4.1.4. Phương pháp Giảng giải - Minh họa	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 4.1 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
7	4.1.5. Phương pháp dạy học hợp tác nhóm trong dạy học Toán ở tiểu học 4.1.6. Tổ chức các hoạt động cá nhân, trò chơi, ngoại khóa trong dạy học Toán ở tiểu học	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 4.1.5; 4.1.6 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
8	4.1.7. Phương pháp dạy học phát hiện và giải quyết vấn đề 4.1.8. Vận dụng lí thuyết kiến tạo trong dạy học Toán ở tiểu	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	học <i>Bài kiểm tra định kì số 1</i>		đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 4.1.7; 4.1.8 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên. - GV chuẩn bị đề kiểm tra. - SV làm bài kiểm tra. - GV chấm bài và nhận xét.	
9	4.2. Vận dụng các phương pháp dạy học trong dạy học Toán ở tiểu học 4.2.1. Phân tích việc vận dụng các phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học qua các ví dụ (Bài dạy, kế hoạch bài dạy)	4	- SV chuẩn bị nội dung thực hành: Kế hoạch bài dạy, đồ dùng dạy học và tập dạy trước lớp. - SV nghe giảng, ghi chép, nhận xét bài của bạn, nhóm bạn, thực hiện các yêu cầu của giảng viên. - GV tổ chức cho SV thực hành theo yêu cầu, cho SV nhận xét bài dạy của bạn, nhóm bạn.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
10	4.2.2. Thực hành vận dụng các phương pháp dạy học thiết kế, thể hiện (tập dạy) với nội dung Số và các phép tính ở tiểu học.	4	- SV chuẩn bị nội dung thực hành: Kế hoạch bài dạy, đồ dùng dạy học nội dung Số và các phép tính và tập dạy trước cả lớp. - SV nghe giảng, ghi chép, nhận xét bài của bạn, nhóm bạn, thực hiện các yêu cầu của giảng viên. - GV tổ chức cho SV thực hành theo yêu cầu, cho SV nhận xét bài dạy của bạn, nhóm bạn.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
11	4.2.2. Thực hành vận dụng các phương pháp dạy học thiết kế, thể hiện (tập dạy) với nội dung Hình học và đo lường ở tiểu học.	4	- SV chuẩn bị nội dung thực hành: Kế hoạch bài dạy, đồ dùng dạy học nội dung Hình học và đo lường và tập dạy trước cả lớp. - SV nghe giảng, ghi chép, nhận xét bài của bạn, nhóm bạn, thực hiện các yêu cầu của giáo viên. - GV tổ chức cho SV thực hành	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
			theo yêu cầu, cho SV nhận xét bài dạy của bạn, nhóm bạn.	
12	4.2.2. Thực hành vận dụng các phương pháp dạy học thiết kế, thể hiện (tập dạy) với nội dung Thống kê và Xác suất ở tiểu học.	4	- SV chuẩn bị nội dung thực hành: Kế hoạch bài dạy, đồ dùng dạy học nội dung Thống kê và xác suất và tập dạy trước cả lớp. - SV nghe giảng, ghi chép, nhận xét bài của bạn, nhóm bạn, thực hiện các yêu cầu của giảng viên. - GV tổ chức cho SV thực hành theo yêu cầu, cho SV nhận xét bài dạy của bạn, nhóm bạn.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
13	Chương 5. MỘT SỐ HÌNH THỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC MÔN TOÁN Ở TIỂU HỌC 5.1. Tổng quan về đánh giá dạy học Toán ở Tiểu học 5.1.1. Khái niệm về đánh giá trong dạy học 5.1.2. Các nội dung của chủ trương đổi mới đánh giá trong dạy học môn Toán ở tiểu học 5.1.3. Mục tiêu, nội dung, chức năng, ý nghĩa, nguyên tắc và yêu cầu cơ bản của việc đánh giá trong môn Toán ở tiểu học 5.1.4. Các loại hình đánh giá 5.1.5. Những điểm mới của đánh giá trong môn Toán ở tiểu học 5.1.6. Lập hồ sơ đánh giá 5.1.7. Câu hỏi trắc nghiệm khách quan trong môn Toán ở tiểu học	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 5.1 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
14	5.2. Các hình thức và phương	4	- SV nghiên cứu nội dung trước	CLO1,

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	pháp đánh giá trong dạy học toán ở tiểu học 5.2.1. Các hình thức đánh giá trong môn Toán ở Tiểu học 5.2.2. Một số phương pháp thường được sử dụng để đánh giá trong môn Toán ở tiểu học 5.2.3. Quy trình đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì một số bài ở tiểu học 5.2.4. Xây dựng ma trận đề thi và ra đề thi định kì theo quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT.		khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 5.2 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên. - SV vận dụng thiết kế ma trận đề thi và ra đề thi theo nhóm. - SV trình bày ma trận và đề thi theo nhóm, nhận xét bài của nhóm bạn.	CLO2, CLO3, CLO4
15	Chương 6. SỬ DỤNG THIẾT BỊ DẠY HỌC TOÁN Ở TIỂU HỌC 6.1. Vai trò tác dụng của các phương tiện dạy học 6.2. Một số phương tiện đồ dùng dạy học Toán ở tiểu học 6.3. Yêu cầu cơ bản khi sử dụng phương tiện dạy học Toán ở tiểu học <i>Bài kiểm tra định kì số 2</i>	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 6.1; 6.2; 6.3 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên. - GV chuẩn bị đề kiểm tra. - SV làm bài kiểm tra. - GV chấm bài và nhận xét	CLO1, CLO2, CLO3

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Bài kiểm tra	Bài tập tự luận		
A2.2	Bài kiểm tra	Bài tập tự luận		
	...			

A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Thi viết	Bài tập tự luận		
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1 + A2*3 + A3*6)/10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: chương 1, 2, 3
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Tổng quan về bộ môn PPDH toán ở tiểu học	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	3
2	Chương trình và sách giáo khoa toán ở tiểu học	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	3
3	Một số PP và hình thức tổ chức dạy học toán ở tiểu học	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	4
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: chương 3, 4, 5
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Một số PP và hình thức tổ chức dạy học toán ở tiểu học	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	3
2	Một số hình thức và phương pháp đánh giá trong dạy học môn Toán ở tiểu học	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	3
3	Lập kế hoạch dạy học môn toán ở tiểu học	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	4
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: chương 1, chương 2, chương 3, chương 4, chương 5, chương 6
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1. Tổng quan về bộ môn phương pháp dạy học môn Toán ở Tiểu học, hoặc Chương 2: Chương trình và sách giáo khoa toán ở tiểu học	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	2
2	Chương 4. Một số PP và hình thức tổ chức dạy học toán ở tiểu học	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	2
3	Chương 5. Một số hình thức và phương pháp đánh giá trong dạy học môn Toán ở tiểu học hoặc Chương 6: Sử dụng thiết bị dạy học toán ở tiểu học	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	2
4	Chương 3. Lập kế hoạch dạy học môn toán ở tiểu học	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	4
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường Nguyễn Thị Quý Kim Bùi Văn Chương

6.2.45. Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622030
1.2. Tên học phần:	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 2
1.3. Tên tiếng Anh:	Teaching Maths for Primary Students 2
1.4. Số tín chỉ:	3 (2LT – 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Bùi Văn Chương, ĐT 0914628884
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Hoàng Vân, ĐT: 0936217077 ThS. Nguyễn Thị Quý Kim, ĐT: 0988866910
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học 1
- Học phần học trước:	Cơ sở Toán học của môn Toán ở Tiểu học 1, 2, 3
- Học phần song hành:	Không có

2. Mô tả học phần

Học phần này trình bày những vấn đề chung về phương pháp dạy học các nội dung cụ thể theo các mạch kiến thức trong chương trình môn Toán ở Tiểu học. Thông qua nghiên cứu, nghe giảng, thảo luận, làm bài tập cá nhân, theo nhóm, thực hành, rút kinh nghiệm, học phần giúp người học hình thành, củng cố, phát triển kỹ năng dạy học các nội dung cụ thể trong chương trình môn Toán ở Tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có các kiến thức chung về phương pháp dạy học các nội

dụng cụ thể theo các nội dung kiến thức trong chương trình môn Toán ở Tiểu học. Thông qua nghiên cứu, nghe giảng, thảo luận, làm bài tập cá nhân, hoạt động nhóm, thực hành, rút kinh nghiệm, học phần giúp người học hình thành, củng cố, phát triển kỹ năng dạy học các nội dung cụ thể trong chương trình môn Toán ở Tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được các kiến thức về phương pháp dạy học các nội dung cụ thể trong chương trình môn toán tiểu học.	CO1, CO2, CO3, CO4
CLO2	Mô tả được các bài toán trong chương trình môn học bằng đồ thị, bảng ma trận.	CO1, CO2, CO3, CO4
CLO3	Thiết kế được kế hoạch bài học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh tiểu học.	CO1, CO2, CO3, CO4
CLO4	Giải quyết được một số tình huống cơ bản trong dạy học toán ở tiểu học.	CO1, CO2, CO3, CO4

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	R	A	A	A	A	M		I	R	R
CLO2	R	A	A	A	A	M		I	R	R
CLO 3	R	A	A	A	A	M	M	I	R	R
CLO4	R	M	M	M	M	M		I	R	R
Tổng hợp học phần	R	A	A	A	A	M	M	I	R	R

6. Học liệu

6.1. Sách, giáo trình chính

[1] Vũ Thị Bình, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, *Phương pháp dạy học Toán tiểu học (tập 1)*, NXB ĐH Thái Nguyên, 2021.

[2] Vũ Quốc Chung (chủ biên – 2007), *Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học (tài liệu đào tạo giáo viên)*, NXB Giáo dục và NXB Đại học Sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quy định về đánh giá học sinh Tiểu học* của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán* năm 2018.

[5] Hà Huy Khoái (tổng chủ biên), Lê Anh Vinh (chủ biên), *Sách giáo khoa, sách giáo viên môn Toán lớp 1,2,3,4,5*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[6] Đỗ Đức Thái (tổng chủ biên), Đỗ Tiến Đạt (chủ biên), *Sách giáo khoa, sách giáo viên môn*

Toán lớp 1,2,3,4,5, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 2 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Chương 1. DẠY HỌC SỐ VÀ PHÉP TÍNH 1.1. Dạy học số tự nhiên và các phép tính trên số tự nhiên 1.1.1. Nội dung và yêu cầu cần đạt (tối thiểu) khi dạy học số tự nhiên ở tiểu học 1.1.2. Phương pháp dạy học số tự nhiên ở tiểu học	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.1. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1,CLO2,CLO3
2	1.2. Dạy học phân số và các phép tính trên phân số 1.2.1. Nội dung và yêu cầu cần đạt (tối thiểu) khi dạy học phân số ở tiểu học 1.2.2. Phương pháp dạy học phân số ở tiểu học	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.2 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1, CLO2, CLO3

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
3	1.3. Dạy học số thập phân và các phép tính trên số thập phân 1.3.1. Nội dung và yêu cầu cần đạt (tối thiểu) khi dạy học số thập phân ở tiểu học 1.3.2. Phương pháp dạy học số thập phân ở tiểu học	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.3 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1, CLO2, CLO3
4	1.4. Dạy học yếu tố đại số ở Tiểu học 1.4.1. Mục đích, yêu cầu cơ bản khi dạy học yếu tố đại số ở tiểu học 1.4.2. Phương pháp dạy học yếu tố đại số ở tiểu học	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.4 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1, CLO3, CLO2
5	Chương 2. DẠY HỌC CÁC YẾU TỐ HÌNH HỌC 2.1. Yêu cầu tối thiểu cần đạt khi dạy học yếu tố hình học ở tiểu học 2.2. Phương pháp dạy các yếu tố hình học ở tiểu học 2.2.1. Quan điểm cơ bản về dạy học yếu tố hình học ở tiểu học 2.2.2. Dạy học hình thành khái niệm về một đối tượng hình học	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.1; 2.2 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	2.2.3. Dạy học hình thành quy tắc tính chu vi (độ dài) của một hình hình học			
6	2.2.4. Dạy học hình thành quy tắc tính diện tích (hoặc thể tích) của một hình hình học 2.2.5. Dạy học hình thành kỹ năng vẽ (cắt, ghép, xếp) một hình hình học 2.2.6. Phát triển trí tưởng tượng không gian cho học sinh Tiểu học	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.2.4; 2.2.5; 2.2.6. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
7	Chương 3. DẠY HỌC ĐẠI LƯỢNG VÀ ĐO ĐẠI LƯỢNG 3.1. Nội dung, yêu cầu tối thiểu cần đạt, định hướng dạy học đại lượng ở tiểu học 3.1.1. Nội dung dạy học đại lượng ở tiểu học 3.1.2. Mục đích, yêu cầu tối thiểu cần đạt 3.1.3. Những định hướng chung về dạy học đại lượng và đo đại lượng ở tiểu học 3.2. Một số gợi ý về dạy học một số đại lượng cụ thể 3.2.1. Dạy học đại lượng độ dài và đo độ dài 3.2.2. Dạy học đại lượng diện tích và thể tích	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 3.1; 3.2 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1, CLO2, CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
8	3.2.3. Dạy học đại lượng khối lượng 3.2.4. Dạy học đại lượng dung tích 3.2.5. Dạy học đại lượng thời gian <i>Bài kiểm tra định kì số 1</i>	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 3.2.3; 3.2.4; 3.2.5 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên. - GV chuẩn bị đề kiểm tra. - SV làm bài kiểm tra. - GV chấm bài và nhận xét vào buổi học sau.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
9	Chương 4. DẠY HỌC THỐNG KÊ VÀ XÁC SUẤT 4.1. Vai trò, vị trí, mục tiêu, quan điểm dạy học nội dung thống kê và xác suất ở tiểu học 4.2. Nội dung và phương pháp dạy học các nội dung thống kê và xác suất ở tiểu học 4.2.1. Nội dung dạy thống kê và xác suất ở tiểu học 4.2.2. Phương pháp dạy học nội dung thống kê và xác suất ở tiểu học	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 4.1; 4.2 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
10	4.3. Thực hành dạy nội dung thống kê và xác suất trong chương trình Toán ở Tiểu học	4	- SV chuẩn bị nội dung thực hành: Kế hoạch bài dạy, đồ dùng dạy học nội dung Thống kê và xác suất và tập dạy trước cả lớp.	CLO3, CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
			- SV nghe giảng, ghi chép, nhận xét bài của bạn, nhóm bạn, thực hiện các yêu cầu của giảng viên. - GV tổ chức cho SV thực hành theo yêu cầu, cho SV nhận xét bài dạy của bạn, nhóm bạn.	
11	Chương 5. DẠY HỌC GIẢI TOÁN CÓ LỜI VĂN 5.1. Tổng quan về dạy học giải toán có lời văn 5.1.1. Tìm hiểu chung về giải toán có lời văn 5.1.2. Phân loại các bài toán có lời văn trong chương trình Toán ở tiểu học	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 5.1 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1,CLO2, CLO3
12	5.1.3. Tổ chức dạy học giải toán có lời văn ở tiểu học 5.1.4. Hoạt động hình thành phương pháp giải, rèn kĩ năng giải toán	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 5.1.3; 5.1.4 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1,CLO2, CLO3, CLO4
13	5.2. Thực hành: Sinh viên giải và hướng dẫn học sinh tiểu học giải một số dạng toán có lời văn ở tiểu học 5.2.1. Tìm hiểu phương		- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội	CLO1,CLO2, CLO3, CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	pháp sơ đồ đoạn thẳng 5.2.2. Tìm hiểu phương pháp rút về đơn vị và phương pháp tỉ số	4	dung 5.2 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	
14	5.2.3. Tìm hiểu phương pháp chia tỉ lệ 5.2.4. Tìm hiểu phương pháp thay thế	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 5.2.3; 5.2.4 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên.	CLO1,CLO2, CLO3, CLO4
15	5.2.5. Tìm hiểu phương pháp thử chọn <i>Kiểm tra bài số 2</i>	4	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 5.2.5 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giảng viên. - GV chuẩn bị đề kiểm tra. - SV làm bài kiểm tra. - GV chấm bài và nhận xét bài.	CLO1,CLO2, CLO3, CLO4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kỳ				30%

A2.1	Bài kiểm tra	Bài tập tự luận		
A2.2	Bài kiểm tra	Bài tập tự luận		
	...			
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Thi viết	Bài tập tự luận		
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1 + A2*3 + A3*6)/10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: chương 1, 2, 3
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Dạy học số và các phép tính	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	3
2	Dạy học đại lượng và đo đại lượng	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	4
3	Dạy học hình học	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	3
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: chương 4, 5
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Dạy học thống kê và xác suất	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	4
2	Dạy học giải toán có lời văn	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	6
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: chương 1, chương 2, chương 3, chương 4, chương 5
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Trắc nghiệm toán tiểu học và đổi đơn vị đo	Theo đáp án, biểu	2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	đại lượng ở tiểu học	điểm đề thi	
2	Chương 1. Dạy học số và các phép tính hoặc Chương 2: Dạy học đại lượng và đo đại lượng	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	2
3	Chương 3. Dạy học hình học hoặc Chương 4: Dạy học thống kê và xác suất	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	2
4	Chương 5. Dạy học giải toán có lời văn và Hướng dẫn học sinh tiểu học giải toán	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm thi	4
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng Nguyễn Thị Quý Kim Bùi Văn Chương

6.2.46. Thực hành giải toán ở Tiểu học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622031
1.2. Tên học phần:	Thực hành giải toán ở Tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	Practising Maths at Primary Education
1.4. Số tín chỉ:	2 (1LT-1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Bùi Văn Chương 0914628884 ĐT:
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Hoàng Vân 0936217077 ĐT: ThS. Nguyễn Thị Quý Kim 0988866910 ĐT:
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	SP622020; SP622021
- Học phần song hành:	Không có

2. Mô tả học phần: Học phần này cung cấp cho người học một hệ thống các phương pháp giải toán tiểu học, phân loại được các dạng toán thường gặp ở tiểu học; trình bày, phân tích được các phương pháp thường dùng để giải toán ở tiểu học. Giúp người học có kỹ năng vận dụng các bước giải toán trong dạy giải toán ở tiểu học; ham thích học tập và nghiên cứu toán tiểu học; thường xuyên rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ, có ý thức học tập nâng cao tay nghề, nâng cao năng lực bản thân; phát triển khả năng phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa, khả năng diễn đạt, trình bày.

3. Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần, sinh viên có các kiến thức về cách nhận dạng các bài toán ở tiểu học, 12 phương pháp giải toán ở tiểu học: khái niệm, các bước giải và các ứng dụng của mỗi phương pháp để giải các dạng toán thường gặp ở tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

CLOs	Mô tả CĐR học phần	PPĐG
CLO1	Trình bày được các kiến thức cơ bản về các dạng toán thường gặp ở tiểu học.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO2	Mô tả được các bài toán trong chương trình môn học bằng sơ đồ, đồ thị, ma trận.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO3	Thiết lập được tư duy toán học trong phân tích, thiết kế thuật toán đối với từng dạng toán cụ thể.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO4	Giải quyết được một số bài toán có ứng dụng trong thực tiễn.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập

5. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	M	A			M	M	I	I	I	M
CLO2	M	A			M	M	I	I	I	M
CLO 3	M	A			M	M	R	I	I	M
CLO4	M	A			M	M	I	I	I	M
Tổng hợp học phần	M	A			M	M	R	I	I	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1] Trần Diên Hiền, *Thực hành giải toán tiểu học*, tập 1, 2, NXB Đại học Sư phạm, 2018.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Trần Diên Hiền, *Rèn kỹ năng giải toán tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

[3] Hà Huy Khoái (tổng chủ biên), *Sách giáo khoa môn Toán lớp 1,2,3,4,5*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2017.

[4] Đỗ Đức Thái (tổng chủ biên), *Sách giáo khoa môn Toán lớp 1,2,3,4,5*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;

- ## 8. Kế hoạch dạy học

[illegible]

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
			mắc; thảo luận ở trên lớp (GV và SV kết hợp giải quyết những thắc mắc). - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình, áp dụng: [2]Tr. 36-56.	CLO1, CLO2, CLO3
3	Chương 3:PHƯƠNG PHÁP RÚT VỀ ĐƠN VỊ VÀ TỶ SỐ 3.1. Khái niệm phương pháp rút về đơn vị và phương pháp tỉ số 3.2. Ứng dụng phương pháp rút về đơn vị và phương pháp tỉ số để giải các bài toán về đại lượng tỷ lệ thuận 3.3. Ứng dụng phương pháp rút về đơn vị và phương pháp tỉ số để giải các bài toán về đại lượng tỷ lệ nghịch 3.4. Ứng dụng phương pháp rút về đơn vị và phương pháp tỉ số để giải các bài toán về tỷ lệ kép	1LT+2TH	- GV: Trình bày và phân tích những ví dụ điển hình về phương pháp rút về đơn vị và phương pháp tỉ số; giao nhiệm vụ (bài tập) cho SV. Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình, áp dụng: [2] Tr. 57-69.	CLO1, CLO2, CLO3
4	CHƯƠNG 4:PHƯƠNG PHÁP CHIA TỶ LỆ 4.1. Khái niệm về phương pháp chia chia tỷ lệ 4.2. Ứng dụng phương pháp chia tỷ lệ để giải toán	1LT+2TH	- GV: Trình bày và phân tích những ví dụ điển hình về phương pháp chia tỷ lệ; giao nhiệm vụ (bài tập) cho SV. Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên	CLO1, CLO2, CLO3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	về tìm hai số khi biết tổng và hiệu của chúng 4.3. Ứng dụng phương pháp chia tỷ lệ để giải các bài toán về tìm hai số khi biết hiệu và tỷ số của chúng. 4.4. Ứng dụng phương pháp chia tỷ lệ để giải các bài toán về cấu tạo số tự nhiên, cấu tạo phân số và cấu tạo số thập phân 4.5. Ứng dụng phương pháp chia tỷ lệ để giải toán có văn điển hình trên tập phân số		chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình, áp dụng: [2] Tr. 70-88.	
5	4.6. Ứng dụng phương pháp chia tỷ lệ để giải các bài toán có nội dung hình học. 4.7. Ứng dụng phương pháp chia tỷ lệ để giải toán về chuyển động đều 4.8. Ứng dụng phương pháp chia tỷ lệ để giải toán về tìm ba số khi biết tổng và tỷ số của chúng 4.9. Ứng dụng phương pháp chia tỷ lệ để giải các bài toán về tìm ba số khi biết hiệu và tỷ số của chúng. 4.10. Ứng dụng phương pháp chia tỷ lệ để giải toán vui và toán cổ ở tiểu học	1LT+ 2TH	- GV nêu các ứng dụng của phương pháp chia tỷ lệ, thực hiện các phép tính mẫu Giao bài tập về nhà cho SV làm. - SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. Nghiên cứu giáo trình: [2]Tr. 88-98;	CLO1, CLO2,CLO3, CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
6	CHƯƠNG 5: PHƯƠNG PHÁP THỬ CHỌN 5.1. Khái niệm về phương pháp thử chọn 5.2. Ứng dụng phương pháp thử chọn để giải toán về cấu tạo số tự nhiên, cấu tạo phân số và cấu tạo số thập phân 5.3. Ứng dụng phương pháp thử chọn để giải toán có lời văn 5.4. Ứng dụng phương pháp thử chọn để giải toán có nội dung hình học	1LT+ 2TH	- GV: Trình bày và phân tích những ví dụ điển hình về phương pháp thử chọn; giao nhiệm vụ cho SV. Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình, áp dụng: [2] Tr.99-110.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
7	5.5. Ứng dụng phương pháp thử chọn để giải toán về suy luận logic CHƯƠNG 6: PHƯƠNG PHÁP KHỬ 6.1. Khái niệm về phương pháp khử 6.2. Ứng dụng phương pháp khử để giải toán	1LT + 2TH	- GV trình bày ứng dụng của phương pháp thử chọn, thực hiện các ví dụ mẫu. Giao bài tập về nhà cho SV làm. - SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. Nghiên cứu giáo trình: [2]Tr. 111-112. - GV nêu định nghĩa, thực hiện các phép tính mẫu. - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [2]Tr. 113-117.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
8	CHƯƠNG 7: PHƯƠNG PHÁP GIẢ THIẾT TẠM 7.1. Khái niệm về phương	2TH	- GV trình bày khái niệm, ứng dụng của phương pháp giả thuyết tạm, thực	

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	pháp giả thiết tạm 7.2. Ứng dụng phương pháp giả thiết tạm để giải toán <i>Bài kiểm tra định kì số 1</i>	1KT	hiện các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [2]Tr. 118-121. Ra đề kiểm tra, chấm bài.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
9	CHƯƠNG 8: PHƯƠNG PHÁP TÍNH NGƯỢC TỪ CUỐI 8.1. Khái niệm về phương pháp tính ngược từ cuối 8.2. Ứng dụng phương pháp tính ngược từ cuối để giải toán số học 8.3. Ứng dụng phương pháp tính ngược từ cuối để giải toán có văn 8.4. Giải toán về tính ngược từ cuối gộp 8.5. Ứng dụng phương pháp tính ngược từ cuối để giải toán vui và toán cổ ở tiểu học	1LT + 2TH	- GV trình bày khái niệm, ứng dụng của phương pháp tính ngược từ cuối, thực hiện các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [2]Tr. 122-132.	CLO1, CLO2, CLO3
10	CHƯƠNG 9: PHƯƠNG PHÁP THAY THẾ 9.1. Khái niệm về phương pháp thay thế 9.2. Ứng dụng phương pháp thay thế để giải toán về tìm hai số khi biết tổng và hiệu của chúng	1LT+ 2TH	- GV nêu định nghĩa, ứng dụng của phương pháp thay thế, thực hiện các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [2]Tr. 133-134.	CLO1, CLO2,

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
			cứu tài liệu giáo trình: [2]Tr. 133-136.	
11	CHƯƠNG 10: PHƯƠNG PHÁP DIỆN TÍCH VÀ CÁC BÀI TOÁN CÓ NỘI DUNG HÌNH HỌC 10.1. Phân dạng các bài toán có nội dung hình học 10.2. Giải toán về nhận dạng hình học 10.3. Giải toán về chu vi và diện tích các hình	1LT+2TH	- GV trình bày cách phân dạng các bài toán có nội dung hình học, thực hiện các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [2]Tr. 137-141.	CLO1,CLO2, CLO3, CLO4
12	10.4. Ứng dụng phương pháp diện tích để giải toán về diện tích các hình 10.5. Giải toán về cắt ghép hình 10.6. Giải toán về hình học không gian	1LT+2TH	- GV trình bày ứng dụng, thực hiện ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [1]Tr. 137-141.	CLO1,CLO2, CLO3, CLO4
13	CHƯƠNG 11: PHƯƠNG PHÁP ĐỒ THỊ 11.1. Khái niệm về phương pháp đồ thị 11.2. Ứng dụng phương pháp đồ thị để giải toán số học 11.3. Ứng dụng phương pháp đồ thị để giải toán có lời văn 11.4. Ứng dụng phương pháp đồ thị để giải toán về suy luận lôgic	1LT+2TH	- GV nêu định nghĩa, thực hiện các phép tính mẫu. - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [2]Tr. 142-148.	CLO1,CLO2, CLO3, CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
14	CHƯƠNG 12: PHƯƠNG PHÁP ĐẠI SỐ 12.1. Khái niệm về phương pháp đại số 12.2. Ứng dụng phương pháp đại số để giải toán về tìm thành phần chưa biết của phép tính 12.3. Ứng dụng phương pháp đại số để giải toán về điền chữ số vào phép tính 12.4. Giải toán về tìm các chữ số chưa biết của một số tự nhiên	1LT+ 2TH	- GV nêu định nghĩa, thực hiện các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [2]Tr. 149-157.	CLO1,CLO2, CLO3, CLO4
15	CHƯƠNG 13: PHƯƠNG PHÁP ỨNG DỤNG NGUYÊN LÝ ĐI-RÍC-LÊ 13.1. Khái niệm về Nguyên lý Đi-ríc-lê 13.2. Ứng dụng nguyên lý Đi-ríc-lê để giải toán <i>Bài kiểm tra định kì số 2</i>	1LT+ 1TH 1KT	- GV nêu định nghĩa, thực hiện các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. GV nhận xét góp ý. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [2]Tr. 158-161. Ra đề kiểm tra, chấm bài. GV hướng dẫn SV ôn tập học phần.	CLO1,CLO2, CLO3, CLO4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%

A2.1	Bài kiểm tra	Bài tập tự luận	CLO1, CLO2, CLO3	
A2.2	Bài kiểm tra	Bài tập tự luận	CLO1, CLO2, CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Thi viết	Bài tập tự luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1 + A2*3 + A3*6)/10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: chương 2, 3, 6
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Phương pháp sơ đồ đoạn thẳng	Làm đúng đáp án, biểu điểm	3
2	Phương pháp rút về đơn vị và tỷ số	Làm đúng đáp án, biểu điểm	4
3	Phương pháp khử	Làm đúng đáp án, biểu điểm	3
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: chương 9, 10, 12
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Phương pháp thay thế	Làm đúng đáp án, biểu điểm	3
2	Phương pháp diện tích	Làm đúng đáp án, biểu điểm	3
3	Phương pháp đại số	Làm đúng đáp án, biểu điểm	4
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Kiến thức, kỹ năng sinh viên được học trong nội dung học phần.
- Hình thức: Tự luận (100%).
- Thời gian: 90 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Phương pháp sơ đồ đoạn thẳng	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	2
2	Phương pháp rút về đơn vị và tỷ số	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	2
3	Phương pháp khử	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	2
4	Phương pháp diện tích	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	2
5	Phương pháp đại số	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	2
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Nguyễn Thị Quý Kim

Bùi Văn Chương

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trình độ đào tạo: Đại học **Ngành: Giáo dục Tiểu học**

1.1. Mã học phần:	SP622032
1.2. Tên học phần:	Phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	Methods of teaching Natural – Society in primary school
1.4. Số tín chỉ:	03
1.5. Phân bố thời lượng:	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	75 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần:	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Vũ Thị Doan: 0977901359 ThS. Đinh Thị Tuyết: 0353821512
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Văn Lâm: 0982628862 ThS. Trần Thị Thu Trang: 0916099189
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP622012
- Học phần song hành:	Không

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có những kiến thức chung về mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, cách thức tổ chức dạy học, kiểm tra đánh giá các môn học về Tự nhiên và Xã hội và hướng dẫn thực hành lập kế hoạch bài học, thực hành tập giảng bộ môn theo nội dung các chủ đề trong chương trình Tiểu học. Từ đó giúp người học có khả năng lập kế hoạch dạy học và tiến hành dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội theo tinh thần đổi mới phương pháp dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPDG
CLO1	Trình bày được những kiến thức lí luận chung về mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy học, kiểm tra đánh giá các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở Tiểu học.	Vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
CLO2	Thiết kế được các hoạt động dạy học phù hợp trong một tiết dạy/ chủ đề, thiết kế được các công cụ kiểm tra, đánh giá ở các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở Tiểu học.	Vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành
CLO3	Thiết kế, sử dụng hiệu quả một số đồ dùng dạy học đặc trưng cho các môn học về Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành
CLO4	Vận dụng được những kiến thức đã học để tiến hành dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở Tiểu học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức: I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	M	M	I	R	M	R	I		I	R
CLO2	I	R	R	M	R	R	R		R	M
CLO3	M	R	M	R	R	R	R		M	M
CLO4	M	R	M	M	R	R	R		M	M

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng hợp học phần	M	R	R	M	R	R	M		M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1]. Nguyễn Thị Thân (chủ biên), Nguyễn Thượng Giao, Đào Đình Hồng, Nguyễn Thị Hương, Nguyễn Tuyết Nga (2015), *Giáo trình Phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội*, NXB ĐHSPT, Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Hữu Hợp (2022), *Thiết kế bài học phát triển năng lực học sinh tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

[3]. Mai Sỹ Tuấn (chủ biên) (2020), *Dạy học phát triển năng lực Tự nhiên và Xã hội*, NXB Đại học Sư phạm.

[4]. Mai Sỹ Tuấn (chủ biên) (2020), *Dạy học phát triển năng lực môn Khoa học tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

[5]. Nghiêm Đình Vỹ, Lê Thông (đồng chủ biên) (2020), *Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử và Địa lý tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kỳ: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài.

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(6)	
	Giới thiệu học phần (*)		+ Giảng viên (GV): Giới thiệu chương trình môn học.	
1	Chương 1. Các môn học về tự nhiên và xã hội ở tiểu học	1LT 1TH		

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	1.1. Lịch sử phát triển các môn học về tự nhiên và xã hội 1.2. Đặc điểm chung các môn học về tự nhiên và xã hội 1.3. Thời lượng thực hiện chương trình dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội 1.4. Hình thành các biểu tượng và khái niệm về tự nhiên và xã hội 1.5 Thực hành - Xác định được các mạch nội dung trong sách giáo khoa các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]; [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	CLO1 CLO2
2	Chương 2. Phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội	8LT 9TH		
	2.1. Định hướng đổi mới các phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH:	CLO1 CLO2

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			+ Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]; [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	
	2.2. Các phương pháp dạy học chủ yếu trong các môn học về tự nhiên và xã hội			
	2.2.1. Phương pháp quan sát 2.2.2. Phương pháp thực hành 2.2.3. Phương pháp thí nghiệm 2.2.4. Phương pháp kể chuyện 2.2.5. Phương pháp giải quyết vấn đề 2.2.6. Phương pháp đóng vai 2.2.7. Phương pháp điều tra 2.2.8. Phương pháp bàn tay nặn bột		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]; [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. + Trình bày sau khi hoàn thành bài tập	CLO1

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	2.3. Thực hành 2.3.1. Sử dụng phương pháp quan sát, thực hành, thí nghiệm 2.3.2. Sử dụng phương pháp kể chuyện, giải quyết vấn đề, đóng vai 2.3.3. Sử dụng phương pháp điều tra, bàn tay nặn bột 2.3.4. Vận dụng các phương pháp dạy học nhằm phát triển năng lực cho học sinh		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]; [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Thực hành, lập kế hoạch và tiến hành dạy học, nhận xét NH khác.	CLO2 CLO3 CLO4
3	Chương 3. Hình thức tổ chức dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội	4LT 2TH		
	3.1. Định hướng đổi mới các hình thức tổ chức dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị:	CLO1

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			+ Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]; [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. + Trình bày sau khi hoàn thành bài tập	
	3.2. Các hình thức dạy học chủ yếu trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội 3.2.1. Dạy học cả lớp 3.2.2. Dạy học theo nhóm 3.2.3. Dạy học cá nhân 3.2.4. Dạy học ngoài thiên nhiên 3.2.5. Thăm quan 3.2.6. Trò chơi học tập		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]; [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. + Trình bày sau khi hoàn thành bài tập	CLO1
	3.3. Thực hành 3.3.1. Sử dụng hình thức dạy học theo nhóm và cá nhân 3.3.2. Lập kế hoạch một bài học ngoài thiên nhiên 3.3.3. Lập kế hoạch tổ chức một buổi tham quan cho HS		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị:	CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	3.3.4. Sử dụng phối hợp các hình thức tổ chức dạy học		+ Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]; [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Thực hành, lập kế hoạch và tiến hành dạy học, nhận xét NH khác.	
4	Chương 4. Phương tiện dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội	4LT 2TH		
	4.1. Khái niệm và vai trò của các phương tiện dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội 4.2. Nguyên tắc sử dụng các phương tiện dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội 4.3. Các phương tiện dạy học chủ yếu của các môn học về Tự nhiên và Xã hội		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]; [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. + Trình bày sau khi hoàn thành bài tập.	CLO1
	4.4. Thực hành 4.4.1. Thiết kế và sử dụng phiếu học tập 4.4.2. Sử dụng dụng cụ thí nghiệm, thực hành		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành.	CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	4.4.3. Sử dụng bản đồ, lược đồ, quả địa cầu 4.4.4. Sử dụng tranh ảnh, mẫu chuyện lịch sử		- NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]; [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Thực hành, lập kế hoạch và tiến hành dạy học, nhận xét NH khác.	
5	Chương 5. Kiểm tra và đánh giá trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội	5LT 2TH 1KT		
	5.1. Định hướng, mục đích và ý nghĩa của việc kiểm tra, đánh giá 5.2. Yêu cầu của việc kiểm tra, đánh giá		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]; [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. + Trình bày sau khi hoàn thành bài tập.	CLO1
	5.3. Một số hình thức kiểm tra, đánh giá		- GV:	CLO1

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	5.3.1. Đánh giá bằng nhận xét 5.3.2. Đánh giá bằng điểm số 5.3.3. Đánh giá động viên 5.3.4. Công cụ đánh giá		+ Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lý thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]; [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết. + Trình bày sau khi hoàn thành bài tập.	
	5.4. Thực hành 5.4.1. Thiết kế câu hỏi kiểm tra, đánh giá 5.4.2. Thiết kế bài tập kiểm tra, đánh giá 5.4.3. Thiết kế bảng kiểm 5.4.4. Thiết kế thang đo 5.4.5. Thiết kế về đề kiểm tra		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lý thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]; [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Thực hành, trình bày kết quả và nhận xét NH khác.	CLO2 CLO3

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	Bài kiểm tra định kì số 1	1 tiết	+ GV: Yêu cầu các nhóm báo cáo bài thuyết trình. + SV: Thực hiện	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4
6	Chương 6. Hướng dẫn dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội	8LT 12TH 1KT		
	6.1. Hướng dẫn dạy học môn Tự nhiên và Xã hội			
	6.1.1. Đặc điểm môn học, quan điểm xây dựng chương trình, yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học phát triển năng lực môn Tự nhiên và Xã hội 6.1.2. Phương pháp và hình thức dạy học phát triển năng lực môn Tự nhiên và Xã hội		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]; [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. + Trình bày sau khi hoàn thành bài tập.	CLO1
	6.1.3. Hướng dẫn dạy học các chủ đề 6.1.4. Thực hành lập kế hoạch bài học và tập giảng		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên;	CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	6.2.4. Thực hành lập kế hoạch bài học và tập giảng		+ Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]; [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Thực hành lập kế hoạch và tiến hành tập giảng, nhận xét NH khác.	CLO2 CLO3 CLO4
	6.3. Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử và Địa lí			
	6.3.1. Đặc điểm môn học, quan điểm xây dựng chương trình, yêu cầu cần đạt và nội dung dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử và Địa lí. 6.3.2. Phương pháp và hình thức dạy học phát triển năng lực môn môn Lịch sử và Địa lí.		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]; [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. + Trình bày sau khi hoàn thành bài tập.	CLO1

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	6.3.1.3. Hướng dẫn dạy học các chủ đề 6.3.1.4. Thực hành lập kế hoạch bài học và tập giảng		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; [4]; [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Thực hành lập kế hoạch và tiến hành tập giảng, nhận xét NH khác.	CLO2 CLO3 CLO4
	Bài kiểm tra định kì số 2	1 tiết	- GV giao đề bài. - SV làm bài kiểm tra theo hướng dẫn của GV.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của các ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	- Bài kiểm tra số 01, hình thức thuyết trình.	- Bảng 5a	CLO1 CLO2 CLO3	

			CLO4	
A2.2	- Bài kiểm tra số 02, hình thức tự luận.	- Bảng 5b	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3	- Thi tự luận	- Bảng 6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần*: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: Chương 1, Chương 2, Chương 3, Chương 4, Chương 5

- Hình thức: Thuyết trình

- Thời gian: Mỗi nhóm tối đa 20 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung tương đối phù hợp với yêu cầu, nhưng hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung khá phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	Nội dung rất phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	50%
Trình	Slide trình bày quá sơ sài, không	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử	Slide trình bày với bố cục logic,	Slide trình bày với bố cục logic,	Slide trình bày với bố cục logic, rõ	

bày slide	đủ số lượng theo quy định	dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	rõ ràng, gồm 3 phần (mở bài, thân bài, kết luận).	rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày.	ràng, gồm 3 phần. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu.	25%
Thuyết trình	Bố cục 3 phần không rõ ràng; Trình bày không đầy đủ, logic; Vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bố cục chưa rõ ràng. Bài trình bày đầy đủ, logic, vượt quá thời gian quy định. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng một số thuật ngữ phức tạp. Chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Bố cục 3 phần rõ ràng. Bài trình bày đầy đủ, thời gian trình bày đúng quy định. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, đã có sự tương tác với người nghe. Người nghe hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Bố cục 3 phần rõ ràng. Bài trình bày đầy đủ, thời gian trình bày đúng quy định. Giọng nói lưu loát, tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu nội dung trình bày.	Bố cục 3 phần rõ ràng. Bài trình bày đầy đủ, thời gian trình bày đúng quy định. Giọng nói lưu loát, truyền cảm, thu hút sự chú ý của người nghe. Người nghe dễ hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	25%

* Giảng viên sẽ kết hợp kiểm tra thông qua các giờ thực hành trên lớp. Trước khi kiểm tra, GV cần thông báo trước lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.

Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Chương 6
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Hướng dẫn dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
2	Hướng dẫn dạy học môn Lịch sử và Địa lí	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1, Chương 2, Chương 3, Chương 4, Chương 5, Chương 6
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 5c. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1: Các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học Chương 2: Phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội Chương 3: Hình thức tổ chức dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội	Theo đáp án và biểu điểm chấm	3
2	Chương 4: Phương tiện dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội Chương 5: Kiểm tra và đánh giá trong dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội	Theo đáp án và biểu điểm chấm	3
3	Chương 6: Hướng dẫn dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội	Theo đáp án và biểu điểm chấm	4
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Bùi Thị Lan Hương

Đinh Thị Tuyết
Vũ Thị Doan

6.2.48. Công nghệ và phương pháp dạy học công nghệ ở Tiểu học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622033
1.2. Tên học phần:	Công nghệ và phương pháp dạy học công nghệ ở Tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	Technology and technology teaching methods
1.4. Số tín chỉ:	03
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	75 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Nguyễn Lâm Sung, Tel: 0941209075
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Cử nhân: Nguyễn Thị Thu Hiền, Tel: 0386173838 ThS. Lại Thế Sơn, Tel: 0912916952
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần Công nghệ và phương pháp dạy học công nghệ ở Tiểu học gồm có 2 phần. Phần 1 cung cấp cho người học các kiến thức về Công nghệ; cấu trúc, nguyên tắc xây dựng chương trình. Phần 2, cung cấp cho người học các phương pháp, kĩ thuật dạy học để xây dựng nội dung, lập kế hoạch dạy học phù hợp với môn học. Qua đó, người học hình thành được các kĩ năng thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học trong chương trình môn Công nghệ ở tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần này, người học có kiến thức cơ bản về công nghệ và mối quan hệ của công nghệ với khoa học, kỹ thuật, vai trò công nghệ với đời sống; cách sử dụng một số sản phẩm công nghệ thông dụng trong gia đình; kiến thức về vật liệu và các phương pháp gia công, sáng tạo kỹ thuật, các nội dung, thao tác, quy trình thực hiện thủ công kỹ thuật. Một số kiến thức về thiết kế và lắp ghép mô hình kỹ thuật, mô hình điện, làm đồ chơi dân gian, kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh; có kiến thức, kỹ năng cơ bản, cần thiết về tổ chức dạy học công nghệ trong trường tiểu học, bao gồm: đánh giá về vai trò, sự cần thiết của dạy học công nghệ cho HSTH, xây dựng mục tiêu, nội dung và môi trường dạy học công nghệ cho HS theo các chủ đề; lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phần công nghệ; thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học cho HS ở trường tiểu học. Từ đó, phát triển các năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học công nghệ cho HSTH theo các dạng hoạt động/hình thức giáo dục đa dạng trong nhà trường tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu CĐR HP	Nội dung CĐR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	- Nêu được những kiến thức cơ bản về: Cấu tạo và cách sử dụng, bảo quản các thiết bị điện, điện tử dân dụng trong gia đình.	C01, C06 C07, C08
CLO2	Nêu được những quy tắc và các bước xử lý liên quan đến An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình.	C02, C06, C07, C08
CLO3	Nêu được những kiến thức cơ bản về làm đồ dùng học tập, đồ chơi, thực hành làm được đồ chơi.	C03, C06, C07, C08
CLO4	- Nêu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về thiết kế và lắp ghép mô hình kỹ thuật, mô hình điện, làm đồ chơi dân gian.	C04, C06, C07, C08
CLO5	- Nêu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về vai trò, kỹ thuật trong trồng hoa và cây cảnh.	C05, C06, C07, C08
CLO6	- Nêu và vận dụng được những kiến thức cơ bản về PP dạy học môn Công nghệ ở tiểu học vào thực tế dạy học.	C06, C07, C08

5. Mối liên hệ giữa CĐR HP(CLO) với CĐR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức: I, R, M, A cụ thể như sau: ³

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	M	M			M	R	I		I	R
CLO2	I	R			R	R	R		R	M
CLO3	M	M		M	R	R	R		M	M
CLO4	M	M	M		R	M	R		M	M
Tổng hợp học phần	M	M	M	M	R	R	R		M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1] Hồ Cẩm Hà (Tổng chủ biên), Nguyễn Chí Trung, Lê Viết Chung, Kiều Phương Thùy (2018), *Giáo trình Công nghệ và Phương pháp dạy học Công Nghệ ở Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[2] Nguyễn Thanh Trà, Thái Vĩnh Hiền (2014), *Giáo trình điện tử dân dụng*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Lê Huy Hoàng (CB), Đặng Văn Nghĩa, Đồng Huy Giới, Vũ Thị Ngọc Thuý (2018), *Hướng dẫn dạy học Tiểu học theo CT GDPT mới môn Tin học và Công nghệ - phần Công nghệ*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

[2] Nguyễn Văn Khôi (2005), *Lý luận dạy học công nghệ*, NXB Đại học Sư phạm Hà Nội, Hà Nội.

[3]. Đào Quang Trung (chủ biên) (2007), *Thủ công - kỹ thuật và PPDH thủ công - kỹ thuật ở Tiểu học*, NXB giáo dục (sách dự án)

[4]. Đào Quang Trung (2011), *PPDH thủ công - kỹ thuật ở Tiểu học*, NXB Đại học sư phạm.

[5]. Nguyễn Lâm Sung (2023), *Phương pháp dạy học công nghệ ở Tiểu học*, Tài liệu giảng dạy (lưu hành nội bộ).

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;

- Tổng số tuần học: 15 tuần;

³ *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*
R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: 02 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 01 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(5)	(6)
	PHẦN 1: CÔNG NGHỆ VÀ ĐỜI SỐNG (35 tiết)			
	A. Phần Công nghệ			
1	Chương I. Tự nhiên và sản phẩm công nghệ 1. Đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ 1.1. Đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ. 1.2. Nhà sáng chế. 1.2.1. Vai trò của sáng chế 1.2.2. Lịch sử của sáng chế 1.2.3. Các công trình sáng chế 1.2.4. Thực hành sáng chế một sản phẩm. 1.3 Tìm hiểu thiết kế. 1.3.1. Vai trò của thiết kế 1.3.2. Các công việc chính của thiết kế.	4	- GV thuyết giảng, tổ chức cho SV thảo luận các nội dung thuộc nội dung mục 1; - SV thực hiện các nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của GV; Tranh vẽ. video về tự nhiên, công nghệ, - GV chốt kiến thức; - SV thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu chuẩn bị cho học nội dung mục 2.	CLO1
2	2. Thiết bị điện dân dụng 2.1 Khái quát về thiết bị điện dân dụng dùng trong gia đình. 2.2. Thiết bị điện dân dụng trong gia đình 2.2.1. Đèn học 2.2.2. Quạt điện 2.2.3 Nồi cơm điện 2.2.4. Tủ lạnh	5	- GV thuyết giảng, tổ chức cho SV thảo luận các nội dung thuộc mục 2. - SV thực hiện các nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của GV; Tranh vẽ. video về tự nhiên, công nghệ, - GV chốt kiến thức;	CLO1

	2.2.5 Thiết bị đóng cắt và bảo vệ		- SV nhận bài tập, thảo luận và báo cáo kết quả; nhận nhiệm vụ thực hành và thảo luận mục 2 và nhiệm vụ nghiên cứu chuẩn bị cho học mục 3	
3	3. Thiết bị điện tử dân dụng 3.1. Giới thiệu hệ thống thông tin và viễn thông. 3.2. Thiết bị điện tử dân dụng trong gia đình 3.2.1. Máy thu thanh 3.2.2. Máy thu hình 3.2.3. Điện thoại	4	- GV thuyết giảng, tổ chức cho SV thảo luận các nội dung thuộc mục 3; - SV thực hiện các nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của GV; Tranh vẽ. video về tự nhiên, công nghệ, - GV chốt kiến thức; - SV nhận bài tập, thảo luận và báo cáo kết quả; nhận nhiệm vụ thực hành và thảo luận chương 1 và nhiệm vụ nghiên cứu chuẩn bị cho học mục 4	CLO1
4	4. An toàn với môi trường công nghệ trong gia đình 4.1. An toàn điện 4.2. An toàn cháy, nổ	01	- GV thuyết giảng, tổ chức cho SV thảo luận các nội dung thuộc mục 4. - SV nhận bài tập, thảo luận và báo cáo kết quả cho học mục 4 - GV chốt kiến thức Ôn tập chương	CLO2
5	Kiểm tra điều kiện lần 1	1	Tổng hợp và vận dụng kiến thức chương 1	CLO1, CLO2
6	Chương 2: Hoa và cây cảnh 2.1. Hoa và cây cảnh trong đời sống 2.1.1. Lợi ích của hoa, cây cảnh trong đời sống. 2.1.2. Một số loại hoa, cây cảnh phổ	04	GV thuyết giảng, tổ chức cho SV thảo luận các nội dung thuộc chương 2; - SV thực hiện các nhiệm vụ học tập theo yêu cầu	CLO5

	biến. 2.1.3. Vật liệu và dụng cụ trồng hoa, cây cảnh trong chậu. 2.2. Kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh 2.2.1. Kỹ thuật làm đất 2.2.2. Kỹ thuật gieo ươm 2.2.3. Kỹ thuật trồng hoa và cây cảnh 2.2.4. Một số yếu tố ngoại cảnh đối với sự sinh trưởng, phát triển của hoa và cây cảnh 3. Thực hành trồng hoa và cây cảnh trong chậu		của GV; - GV chốt kiến thức; - SV nhận bài tập, thảo luận và báo cáo kết quả; nhận nhiệm vụ thực hành và thảo luận chương 2 và nhiệm vụ nghiên cứu chuẩn bị cho học chương 3.	
	B. Thủ công – kỹ thuật			
7	Chương 3: Kỹ thuật tạo hình bằng giấy bìa 3.1 Những vấn đề chung về kỹ thuật tạo hình. 3.1.1 Mục đích, ý nghĩa, đặc điểm của kỹ thuật tạo hình. 3.1.2 Vật liệu và dụng cụ để làm thủ công. 3.1.3 Những kỹ thuật cơ bản của gấp, xé, cắt, ghép, dán hình bằng giấy bìa. 3.2. Kỹ thuật làm đồ dùng, đồ chơi 3.2.1 Làm đồ dùng học tập 3.2.2 Kỹ thuật làm đồ chơi bằng vật liệu dễ kiếm 3.3. Làm đồ chơi dân gian 3.3.1 Kể tên 1 số loại đồ chơi dân gian 3.3.2 Sử dụng đồ chơi dân gian 3.3.3 Vật liệu và dụng cụ làm đồ chơi dân gian. 3.3.4 Tính toán chi phí cho 1 đồ chơi dân gian tự làm. 3.3.5 Thực hành làm đồ chơi dân gian	08	- GV thuyết giảng, tổ chức cho SV thảo luận các nội dung thuộc chương 3; - SV thực hiện các nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của GV; - GV chốt kiến thức; - SV nhận bài tập, thảo luận và báo cáo kết quả; nhận nhiệm vụ thực hành và thảo luận chương 3 và nhiệm vụ nghiên cứu chuẩn bị cho học chương 4..	CLO3 CLO4
8	Chương 4: Lắp ghép mô hình kỹ thuật	4	GV thuyết giảng, tổ chức cho HV thảo luận các nội	CLO4

	4.1. Tìm hiểu một số vấn đề về lắp ghép kĩ thuật.. 4.1.1 Mục đích ý nghĩa của lắp ghép mô hình kĩ thuật. 4.1.2. Tìm hiểu các chi tiết dụng cụ của bộ lắp ghép kĩ thuật. 4.2. Thực hành lắp ghép mô hình kĩ thuật 4.3. Bài tập thực hành		dung thuộc chương 4; - SV thực hiện các nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của GV; - GV chốt kiến thức; - SV nhận bài tập, thảo luận và báo cáo kết quả; nhận nhiệm vụ thực hành và thảo luận chương 4, nhiệm vụ nghiên cứu chuẩn bị cho học chương 5.	
9	Chương 5: Lắp ghép mô hình điện 5.1. Tìm hiểu vật liệu, thiết bị, dụng cụ kĩ thuật điện 5.2. Lắp ráp mô hình xe điện chạy bằng pin. 5.3. Lắp ráp mô hình máy phát điện gió. 5.4. Lắp ráp mô hình điện mặt trời. 5.5., Bài tập thực hành	4	GV thuyết giảng, tổ chức cho HV thảo luận các nội dung thuộc chương 5; - SV thực hiện các nhiệm vụ học tập theo yêu cầu của GV; - GV chốt kiến thức; - SV nhận bài tập, thảo luận và báo cáo kết quả; nhận nhiệm vụ thực hành và thảo luận chương 5.	CLO4
PHẦN 2. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC CÔNG NGHỆ Ở TIỂU HỌC (25 tiết)				
1	Chương 6. Phương pháp dạy học Công nghệ ở Tiểu học 6.1. Khái quát chung về phương pháp dạy học Công nghệ ở Tiểu học 6.1.1. Đối tượng và nhiệm vụ. 6.1.2. Mối liên hệ giữa PPDH Công nghệ với các môn học khác 6.1.3. Phương pháp nghiên cứu của PPDH Công nghệ ở Tiểu học.	01	- GV thuyết giảng, tổ chức cho SV thảo luận các nội dung thuộc mục 6.1. - SV nhận bài tập, thảo luận và báo cáo kết quả - GV chốt kiến thức	CLO6
2	6.2. Môn Công nghệ ở Tiểu học 6.2.1. Vị trí đối tượng	01	- GV thuyết giảng, tổ chức cho SV thảo luận	CLO2; CLO1;

	6.2.2.Nội dung chương trình. 6.2.3.Các nhiệm vụ cơ bản của môn công nghệ ở Tiểu học.		các nội dung thuộc mục 6.2. - SV nhận bài tập, thảo luận và báo cáo kết quả - GV chốt kiến thức	CLO3 CLO6
3	6.3. Phương pháp và phương tiện dạy học Công nghệ ở TH 6.3.1.Khái niệm 6.3.2. Các PPDH Công nghệ ở Tiểu học. 6.3.3. Các phương tiện dạy học Công nghệ ở Tiểu học.	04	- GV thuyết giảng, tổ chức cho SV thảo luận các nội dung thuộc mục 6.3. - SV nhận bài tập, thảo luận và báo cáo kết quả - GV chốt kiến thức	CL06
4	6.4. Hình thức tổ chức dạy học Công nghệ ở Tiểu học 6.4.1 Khái niệm 6.4.2.Một số hình thức dạy học Công nghệ ở Tiểu học. 6.4.3. Hướng dẫn thiết kế bài học Công nghệ.	03	- GV thuyết giảng, tổ chức cho SV thảo luận các nội dung thuộc mục 6.4. - SV nhận bài tập, thảo luận và báo cáo kết quả - GV chốt kiến thức	CLO6
5	6.5. Kiểm tra đánh giá kết quả học tập môn Công nghệ ở Tiểu học 6.5.1. Khái niệm về kiểm tra đánh giá trong dạy học công nghệ. 6.5.2.Phương pháp kiểm tra và đánh giá môn Công nghệ	01	- GV thuyết giảng, tổ chức cho SV thảo luận các nội dung thuộc mục 6.1. - SV nhận bài tập, thảo luận và báo cáo kết quả - GV chốt kiến thức	CLO6
6	6.6. Thiết kế bài giảng 6.6.1.Thiết kế bài giảng Công nghệ và đời sống. 6.6.2. Thiết kế bài giảng Thủ công - Kỹ thuật.	06	- GV thuyết giảng, tổ chức cho SV thảo luận các nội dung thuộc mục 6.1. - SV nhận bài tập, thảo luận và báo cáo kết quả - GV chốt kiến thức	CLO1. CLO2 CLO6; CLO3.
7	6.7. Tập giảng 6.7.1.Tập giảng những bài về Công	09	-SV tập giảng - Nhóm SV thảo luận	CLO1. CLO2

nghệ và đời sống. 6.7.2. Tập giảng những bài về Thủ công - Kỹ thuật.		- GV tổng kết, rút kinh nghiệm	CLO6; CLO3.

*** Giới thiệu học phần:** Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Tự luận.	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	
A2.2	Tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	- Tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5	
Công thức tính điểm tổng kết:				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

*** Bài kiểm tra số 1**

- Nội dung: Chương 1, chương 2.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	Chương 1: Tự nhiên và sản phẩm công nghệ - Đối tượng tự nhiên và sản phẩm công nghệ	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách	

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1		khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	3
2	- Thiết bị điện dân dụng; Thiết bị điện tử dân dụng.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	7
Tổng điểm			10

* Giảng viên sẽ kết hợp kiểm tra thông qua các giờ thực hành trên lớp. Trước khi kiểm tra, GV cần thông báo trước lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.

* Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Chương 3,4,5

- Hình thức: Thực hành trên lớp

- Thời gian: Tùy từng nội dung GV quy định thời gian cụ thể.

Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 3 hoặc chương 4 Kỹ thuật tạo hình bằng giấy bìa, Làm đồ dùng học tập, đồ chơi, đồ chơi dân gian.	- Theo đáp án chấm: Đúng quy trình, sản phẩm đẹp có tính thẩm mỹ. - Chấm sản phẩm ngay tại lớp	5
2	Chương 4,5: Lắp ghép mô hình kĩ thuật. Lắp ghép mô hình điện	- Theo đáp án chấm: Đúng quy trình, sản phẩm đẹp có tính thẩm mỹ. - Chấm sản phẩm ngay tại lớp.	5
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 6

- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: 90 phút

Bảng tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1: Tự nhiên và sản phẩm công nghệ	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	3

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	Chương 2: Hoa và cây cảnh		3
	Chương 3, 4: Lắp ghép mô hình kỹ thuật; Kỹ thuật tạo hình bằng giấy bìa, Làm đồ dùng học tập, đồ chơi, đồ chơi dân gian.		4
	Chương 6: Phương pháp dạy học môn công nghệ ở Tiểu học		
Tổng điểm			10

Ban Giám Hiệu

Trưởng khoa

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Nguyễn Lâm Sung

6.2.49. Giáo dục Âm nhạc ở Tiểu học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622034
1.2. Tên học phần:	Giáo dục Âm nhạc ở Tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	Music education in primary schools
1.4. Số tín chỉ:	03 (2LT + 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	75 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Ths. Liễu Quỳnh Như SĐT: 0949302185 Email: quynhnhuls85@gmail.com
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Ths. Phạm Trung Kiên SĐT: 0399424699 Email: kienphamtrung@daihochalong.edu.vn Ths. Vũ Mạnh Hùng SĐT: 0912017288 Email: vumanhhung.dhhl@gmail.com
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần:

Học phần Giáo dục Âm nhạc ở Tiểu học trang bị cho sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học những kiến thức cơ bản về nhạc lý, kỹ năng hát, đọc nhạc, thiết kế và tổ chức các hoạt động

âm nhạc cho học sinh Tiểu học. Sinh viên được rèn luyện khả năng thiết kế bài dạy, vận dụng phương pháp dạy học phù hợp với đặc điểm lứa tuổi, góp phần phát triển năng lực thẩm mỹ và giáo dục cảm xúc cho học sinh Tiểu học.

3. Mục tiêu học phần:

Người học có kiến thức và kỹ năng cơ bản về nhạc lý phổ thông, nắm vững cách đọc xướng âm trong các điệu thức trưởng, điệu thức thứ và trong phạm vi có đến một dấu hóa. Có kỹ năng thiết kế tiết học âm nhạc một cách khoa học, phù hợp với đối tượng người học. Việc tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc được thực hiện một cách chủ động, linh hoạt, phát huy tính tích cực và sáng tạo của người học giúp người học phát triển toàn diện năng lực chuyên môn và khả năng sư phạm trong dạy học âm nhạc.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của HP

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR HP (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được các khái niệm về âm nhạc; lí luận cơ bản về âm nhạc; Những kiến thức cơ bản về giáo dục âm nhạc	CO1
CLO2	Trình bày được những nội dung cơ bản về những vấn đề về lý thuyết âm nhạc, cách đọc xướng âm, phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục âm nhạc tại các cơ sở giáo dục Tiểu học.	CO2
CLO3	Đọc chính xác các bài tập xướng âm.	CO3, CO4
CLO4	Thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh được các hoạt động âm nhạc trong các cơ sở giáo dục Tiểu học	CO4
CLO5	Tích cực, chủ động, linh hoạt, sáng tạo, hợp tác, chia sẻ, kiên trì trong tổ chức các hoạt động giáo dục âm nhạc cho trẻ tại các cơ sở giáo dục Tiểu học	CO5

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
CLO 1		M	I		R				I
CLO 2		R	I						R
CLO 3		R	I		R				R
CLO 4		M	I	M	R	I			R
CLO 5		R	I	M	M	I			I
Tổng hợp học phần		M	I	M	R	I			R

6. Học liệu:

6.1. Giáo trình chính thức:

[1]. Hoàng Long – Hoàng Lâm, *Âm nhạc và phương pháp dạy học Âm nhạc*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2016.

[2]. Lê Anh Tuấn, *Thiết kế bài giảng âm nhạc 1,2* Nhà xuất bản Hà Nội, 2012.

6.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Hà Thị Hoa, *Nhập môn Âm nhạc cổ truyền*, Nhà xuất bản Âm nhạc, 2014

[2]. Lê Anh Tuấn, *Thiết kế bài giảng âm nhạc 3*, Nhà xuất bản Hà Nội, 2012.

[3]. Lê Anh Tuấn, *Thiết kế bài giảng âm nhạc 4*, Nhà xuất bản Hà Nội, 2012.

[4]. Lê Anh Tuấn, *Thiết kế bài giảng âm nhạc 5*, Nhà xuất bản Hà Nội, 2012.

[5] Vũ Mạnh Hùng, *Phương pháp giảng dạy âm nhạc ở tiểu học* - Đại học Hạ Long, 2020.

[6]. Phạm Tú Hương, *Lý thuyết âm nhạc cơ bản*, Nhà xuất bản Giáo dục, 2004.

[7]. Nông Thị Ninh - Hồng Thao, *Âm nhạc dân gian một số dân tộc thiểu số phía Bắc Việt Nam*, Nhà xuất bản Văn hoá dân tộc, 2012.

[8]. Phạm Thanh Vân - Nguyễn Hoàng Thông, *Độc – Ghi nhạc*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2011.

[9]. Nhiều tác giả, *70 ca khúc thường dùng trong sinh hoạt Đoàn - Hội - Đội*, Nhà xuất bản Văn hoá thông tin, 2011

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;

- Tổng số tuần học: 15 tuần;

- Phân bố: 4 tiết/ buổi x 15 buổi/ tuần = 15 buổi;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: Thi thực hành vấn đáp.

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	• Giới thiệu về học phần: Chương 1 giới thiệu những kiến thức lý thuyết âm nhạc cơ bản làm nền tảng cho việc học và giảng dạy âm nhạc ở Tiểu học.				CLO 1, CLO5

<i>Nội dung bao gồm các yếu tố chính như cao độ, trường độ, nhịp, phách, ký hiệu và các dấu hiệu thường gặp trong bản nhạc, giúp sinh viên nắm vững ngôn ngữ âm nhạc để áp dụng hiệu quả trong thực hành và giảng dạy. Kết thúc chương sẽ có một bài kiểm tra tự luận bao gồm những câu hỏi về các khái niệm và bài tập thực hành thực hiện tìm các quãng hoà âm và các giọng trưởng thứ.</i> Chương 1: Lý thuyết Âm nhạc cơ bản Bài 1: Âm thanh - Cao độ âm thanh 1.1. Khái niệm về âm thanh và âm nhạc 1.2. Hệ thống âm thanh - Ký hiệu âm thanh bằng chữ cái . 1.3. Các cách kí âm 1.3.1 Các hình nốt 1.3.2. Khuông nhạc 1.3.3. Khóa nhạc Bài 2: Trường độ âm thanh 2.1. Giá trị độ dài tương đối giữa các hình nốt 2.2. Dấu Lặng 2.3. Dấu chấm chấm đôi, dấu nối , dấu luyến, dấu ngân tự do. Bài 3: Nhịp & phách 3.1. Trọng âm, tiết nhịp, ô nhịp, vạch nhịp, số chỉ nhịp, nhịp lấy đà. 3.2. Các loại nhịp thông dụng ($2/4$; $3/4$; $3/8$ và $4/4$; $6/8$) 3.2.1. Nhịp đơn	2LT	- Giải thích được các khái niệm âm thanh âm nhạc - Giải thích được trường độ của âm	- GV đặt câu hỏi - GV chốt vấn đề thông qua giải thích và trình chiếu nội dung. - SV thực hiện	

	3.2.2. Nhịp phức 3.3. Dấu nhắc lại	2LT	thanh. - Giải thích được nhịp và phách. - Giải thích được trọng âm, tiết nhịp, ô nhịp, vạch nhịp, số chỉ nhịp, nhịp lấy đà, nhịp 2/4, $\frac{3}{4}$, 4/4.	theo hướng dẫn của GV	
2	Bài 4: Dấu hóa – Hóa biểu 4.1. Cung , nửa cung ,dấu hoá 4.2. Dấu hóa bất thường 4.3. Dấu hóa theo khóa (hóa biểu) Bài 5: Quãng. 5.1. Khái niệm về quãng 5.2. Các loại quãng: Giai điệu, hoà âm, quãng đơn, quãng thuận , quãng nghịch. 5.3. Thực hành xây dựng các quãng	2LT 2LT	- Giải thích được các loại dấu hóa và hóa biểu. -Xác định được dấu hóa, nửa cung và cung. - Giải thích được khái niệm về quãng	- GV trình chiếu, phân tích. - SV phân tích bài và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV	CLO 1, CLO5
3	Bài 6: Điệu thức – giọng. 6.1. Khái niệm điệu thức . 6.2. Điệu thức trưởng, các giọng trưởng, các giọng trưởng có dấu	2LT	- Giải thích được khái niệm về điệu	- GV trình chiếu, hướng dẫn. - SV phân tích	CLO 1, CLO5

	thăng và dấu giáng, điệu trưởng hoà thanh ,điệu trưởng giai điệu 6.3. Điệu thức thứ, các giọng thứ có dấu thăng và dấu giáng điệu thứ hoà thanh ,điệu thứ giai điệu 6.4. Sơ lược về thang âm điệu thức trong âm nhạc dân gian Việt nam Bài 7: Quan hệ họ hàng giữa các giọng 7.1. Giọng song song 7.2. Giọng cùng tên 7.3. Chuyển giọng, chuyển điệu 7.4. Xác định giọng 7.5. Dịch giọng.	2LT	thức và giọng - Phân tích và so sánh được sự giống và khác nhau của điệu thức trưởng và thứ - Giải thích được giọng song song, giọng cùng tên. - Giải thích được các giọng, cách xác định giọng, dịch giọng	bài và thực hiện theo sự hướng dẫn của GV - GV trình chiếu, hướng dẫn và cho bài tập. - SV phân tích bài và thực hiện làm bài tập theo sự hướng dẫn của GV	
4	Bài 8: Sơ lược về hợp âm 8.1. Khái niệm về hợp âm 8.2. Hợp âm 3 8.3. Hợp âm bảy át. Bài 9: Các kí hiệu, các sắc thái trong biểu diễn âm nhạc 9.1. Các cách biểu diễn 9.2. Nhịp độ 9.3. Cường độ	3LT	- Giải thích được khái niệm về hợp âm.	- GV trình chiếu, hướng dẫn và cho bài tập. - SV phân tích bài và thực hiện làm bài tập theo sự hướng dẫn của	CLO 1, CLO5

	Ôn tập – Kiểm tra	1TH	- Phân tích được các kí hiệu, sắc thái âm nhạc cơ bản	GV	
5	• <i>Giới thiệu về chương 2: Chương 2 trang bị cho sinh viên kỹ năng xướng âm – đọc nhạc theo ký hiệu – nhằm phát triển khả năng cảm thụ và thể hiện chính xác cao độ, trường độ trong bản nhạc. Thông qua các bài tập từ đơn giản đến nâng cao, sinh viên rèn luyện khả năng đọc, hát đúng nốt nhạc, từ đó hỗ trợ hiệu quả cho việc dạy hát và dạy đọc nhạc ở bậc Tiểu học. Kết thúc chương này sẽ có một bài kiểm tra thực hành vấn đáp bao gồm đọc gam và đọc bài tập ứng dụng với hình thức bốc thăm.</i> Chương 2: Xướng Âm Bài 1: Giọng C dur – Nhịp 2/4: Nốt trắng, đen, móc đơn 1.1. Đọc Gam. 1.2. Luyện tiết tấu. 1.3. Bài tập ứng dụng	4TH	- Đọc được gam Đô trưởng, luyện tiết tấu. Vận dụng được vào bài tập ứng dụng.	- GV: + Trình chiếu, hướng dẫn và cho bài tập. + Hướng dẫn SV đọc gam và xướng âm. - SV phân tích bài và thực hiện đọc gam, luyện tiết tấu, đọc bài thực hành theo sự hướng dẫn của GV	CLO2 CLO3 CLO4, CLO5
6	Bài 2: Giọng C dur – Nhịp 2/4: Dấu lặng đen, lặng đơn, dấu chấm đôi, nhịp lấy đà 2.1. Đọc Gam. 2.2. Luyện tiết tấu. 2.3. Bài tập ứng dụng	4TH	- Đọc được gam Đô trưởng, luyện	- GV: + Trình chiếu, hướng dẫn và cho bài tập. + Hướng dẫn SV đọc gam	CLO2 CLO3 CLO4, CLO5

			tiết tấu. Vận dụng vào bài tập ứng dụng.	và xướng âm. - SV phân tích bài và thực hiện thực hành đọc gam, luyện tiết tấu theo sự hướng dẫn của GV	
7	Bài 3: Giọng C dur – Nhịp 3/4. 3.1. Đọc Gam. 3.2. Luyện tiết tấu. 3.3. Bài tập ứng dụng Bài 4: Giọng G dur – Nhịp 2/4. 4.1. Đọc Gam. 4.2. Luyện tiết tấu. 4.3. Bài tập ứng dụng	2TH 2TH	- Đọc được gam Đô trưởng, luyện tiết tấu. Vận dụng vào bài tập ứng dụng.	- - GV: + Trình chiếu, hướng dẫn và cho bài tập. + Hướng dẫn SV đọc gam và xướng âm. - SV phân tích bài và thực hiện đọc gam, luyện tiết tấu, đọc bài thực hành theo sự hướng dẫn của GV	<i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4,</i> <i>CLO5</i>
8	Bài 5: Giọng G dur – Nhịp 3/4. 5.1. Đọc Gam. 5.2. Luyện tiết tấu. 5.3. Bài tập ứng dụng	4TH	- Đọc được gam Sol trưởng, luyện tiết tấu. Vận dụng vào bài tập ứng dụng.	- GV: + Trình chiếu, hướng dẫn và cho bài tập. + Hướng dẫn SV đọc gam và xướng âm. - SV phân tích bài và thực hiện đọc gam, luyện tiết tấu, đọc bài thực hành theo sự hướng dẫn của GV	<i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4,</i> <i>CLO5</i>

9	Bài 6: Giọng Pha trưởng – Nhịp 2/4. 6.1. Đọc Gam. 6.2. Luyện tiết tấu. 6.3. Bài tập ứng dụng	4TH	- Đọc được gam Pha trưởng, luyện tiết tấu. Vận dụng vào bài tập ứng dụng.	- GV: + Trình chiếu, hướng dẫn và cho bài tập. + Hướng dẫn SV đọc gam và xướng âm. - SV phân tích bài và thực hiện đọc gam, luyện tiết tấu, đọc bài thực hành theo sự hướng dẫn của GV	<i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i> , <i>CLO5</i>
10	Bài 7: Giọng Pha trưởng – Nhịp 3/4 7.1. Đọc Gam. 7.2. Luyện tiết tấu. 7.3. Bài tập ứng dụng	4TH	- Đọc được gam Pha trưởng, luyện tiết tấu. Vận dụng vào được bài tập ứng dụng.	- GV: + Trình chiếu, hướng dẫn và cho bài tập. + Hướng dẫn SV đọc gam và xướng âm. - SV phân tích bài và thực hiện đọc gam, luyện tiết tấu, đọc bài thực hành theo sự hướng dẫn của GV	<i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i> , <i>CLO5</i>
11	Bài 8: Giọng La thứ- Mi thứ 8.1. Đọc Gam. 8.2. Luyện tiết tấu. 8.3. Bài tập ứng dụng	4TH	- Đọc được gam La thứ – Mi thứ, luyện tiết tấu. Vận dụng vào được bài tập ứng dụng.	- GV: + Trình chiếu, hướng dẫn và cho bài tập. + Hướng dẫn SV đọc gam và xướng âm. - SV phân tích	<i>CLO2</i> <i>CLO3</i> <i>CLO4</i> , <i>CLO5</i>

				bài và thực hiện đọc gam, luyện tiết tấu, đọc bài thực hành theo sự hướng dẫn của GV	
12	* Giới thiệu về chương 3: <i>Chương 3 giới thiệu các phương pháp giảng dạy âm nhạc ở Tiểu học, giúp sinh viên nắm vững cách tổ chức các hoạt động âm nhạc như dạy hát, dạy đọc nhạc, nghe nhạc và trò chơi âm nhạc. Nội dung tập trung vào việc lựa chọn phương pháp phù hợp với đặc điểm tâm lý, nhận thức của học sinh Tiểu học, qua đó phát triển năng lực âm nhạc và tạo hứng thú học tập cho các em.</i> Chương 3: Phương pháp giảng dạy âm nhạc ở Tiểu học 1. Một số vấn đề chung. 1.1. Vai trò giáo dục của âm nhạc đối với học sinh tiểu học 1.1.1. Âm nhạc trong vai trò giáo dục tình cảm đạo đức trong sáng. 1.1.2. Âm nhạc với vai trò phát triển thính giác nhạy cảm ở trẻ. 1.1.3. Âm nhạc với vai trò phát triển khả năng tư duy, trí tuệ. 1.1.4. Âm nhạc với vai trò giáo dục thẩm mỹ. 1.2. Nhiệm vụ của môn học. 1.3. Đặc điểm tâm sinh lý của học sinh tiểu học liên quan đến học âm nhạc.	4LT	- Trình bày được vai trò giáo dục của âm nhạc đối với học sinh Tiểu học - Trình bày được vai trò của âm nhạc đối với <i>phát triển thính giác nhạy cảm ở trẻ</i> - Trình bày được vai trò của âm nhạc đối với <i>phát triển khả năng tư duy, trí tuệ</i> - Trình bày được vai trò của âm nhạc đối với <i>giáo dục thẩm mỹ</i> - Trình bày được đặc điểm tâm sinh lý lứa tuổi học sinh Tiểu học	- GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học. - SV + Nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu. + Nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của GV.	CL1, CLO5

	1.3.1. Một vài đặc điểm tâm, sinh lý lứa tuổi học sinh tiểu học 1.3.2. Đặc điểm giọng hát của học sinh tiểu học. 2. Phương pháp dạy học hát. 2.1. Mục đích và những yêu cầu chính đối với tiết dạy hát ở tiểu học. 2.2. Các bước dạy học hát cho học sinh tiểu học. 2.3. Soạn giáo án.. 2.4. Xem băng dạy mẫu, soạn giáo án chuyên đề về dạy học hát – Tập giảng.		- Trình bày được mục đích và những yêu cầu chính đối với tiết dạy hát ở tiểu học. - Trình bày được các bước dạy học hát cho học sinh Tiểu học. - Vận dụng các bước tiến hành dạy trẻ hát		
13	3. Phương pháp dạy tập đọc nhạc. 3.1. Mục đích, yêu cầu 3.2. Các bước dạy tập đọc nhạc 3.3. Các phương tiện và hoạt động kết hợp trong dạy tập đọc nhạc 3.4. Soạn giáo án	4LT	- Phân tích và so sánh được sự giống và khác nhau của dạy hát và tập đọc nhạc - Soạn giáo án và thực hiện dạy được tiết tập đọc nhạc	- GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học. - SV + Nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu. + Nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của GV.	CL1, CL2, CLO5
14	4. Phương pháp dạy nghe nhạc, dạy âm nhạc thường thức hoặc phát triển khả năng âm nhạc. 4.1. Mục đích, yêu cầu. 4.2. Các bước dạy nghe nhạc và	4LT	- Phân tích và so sánh được sự giống và khác nhau của tập đọc nhạc và nghe nhạc.	- GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học.	CL1, CL2, CLO5

	phương tiện, thiết bị phục vụ cho việc nghe nhạc 4.3. Phương pháp dạy phát triển khả năng âm nhạc hoặc dạy âm nhạc thường thức 4.4. Tập giảng		-Hiểu được và so sánh giữa nghe nhạc, âm nhạc thường thức hoặc phát triển khả năng âm nhạc. - Soạn giáo án và thực hiện dạy được tiết học âm nhạc.	- SV: + Nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu. + Nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của GV.	
15	5. Tập giảng (tiếp) Ôn tập và kiểm tra	4LT	Soạn giáo án và thực hiện dạy được tiết học âm nhạc	- NH tập giảng - NH thực hiện ôn tập và kiểm tra	CL1, CL2, CLO5

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của HP

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kỳ				30%
A2.1	Tự luận	- Câu hỏi	CLO1,CLO5	
A2.2	Thực hành vấn đáp	- Rubric	CLO2,3,4,5	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	Thực hành vấn đáp	- Câu hỏi	CLO1,2,3,4,5	
A3.2 (Thực hành)	Thực hành vấn đáp	- Rubric 3	CLO1,2,3,4,5	
Công thức tính điểm tổng kết:				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học tập trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao; Chủ động chuẩn bị

			câu hỏi thể hiện ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Tham gia dự học đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Nghiêm túc học tập (không nói chuyện, làm việc riêng; ghi chép bài đầy đủ); tích cực thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận,	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao
2	Tham gia dự học, đúng giờ từ 90% số tiết trên lớp	Có ý thức thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập GV giao
1	Tham gia dự học, đúng giờ từ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập GV giao
0	Tham gia dự học, đúng giờ ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi học phần	Làm việc, nói chuyện riêng trong lớp, không có ý thức thực hiện các nhiệm vụ trên lớp	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao

9.2.2. Kiểm tra định kỳ:

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: Những vấn đề cơ bản về Âm nhạc, Thành lập các quãng – Giọng trưởng tự nhiên, hòa thanh, giai điệu.
- Thứ tự nhiên, thứ hòa thanh, giai điệu.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5.a. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Trọng số %
1	Những vấn đề cơ bản về âm nhạc	Theo đáp án: - Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng - Có liên hệ với thực tiễn	3đ
2	- Thành lập quãng hoà âm - Thành lập giọng trưởng, thứ.	Theo đáp án: - Viết chính xác nốt nhạc, các dấu hóa có trong bài. - Trình bày sạch, đẹp, rõ ràng.	3đ 3đ 1đ

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: Phương pháp giảng dạy âm nhạc; Đọc xướng âm
- Hình thức: Thực hành
- Thời gian: 7 phút/ SV

Bảng 5.b. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Chuẩn bị (40 %)	Tiến hành (30 %)	Báo cáo kết quả (30 %)
Từ 8 đến 10	- Trả lời chính xác câu hỏi lý thuyết. - Đọc đúng tên nốt nhạc - Đọc đúng cao độ nốt nhạc	- Gõ phách, tiết tấu chính xác - Chính xác các trường độ của câu nhạc, nốt nhạc	- Đọc to, rõ ràng. - Đọc đúng sắc thái, tính chất của tác phẩm
Từ 6 đến cận 8	- Trả lời tương đối chính xác câu hỏi lý thuyết. - Đọc được tên nốt nhạc - Đọc được cao độ nốt nhạc	- Gõ được phách, được tiết tấu. - Thực hiện tương đối chính xác trường độ của câu nhạc, nốt nhạc	- Đọc to, rõ ràng. - Đọc không rõ sắc thái, tính chất của tác phẩm
Từ 4 đến cận 6	- Trả lời được một số ý câu hỏi lý thuyết. - Đọc tên nốt nhạc tuy nhiên vẫn còn sai một số tên nốt nhạc. - Đọc được cao độ nốt nhạc tuy nhiên vẫn còn sai cao độ một số nốt.	- Gõ được phách, tuy nhiên sai một số chỗ tiết tấu. - Ngân chưa đủ trường độ của câu nhạc, nốt nhạc.	- Đọc chưa to, rõ ràng. - Đọc không rõ sắc thái, tính chất của tác phẩm
Từ 2 đến cận 4	- Trả lời được 1,2 ý câu hỏi lý thuyết. - Đọc được tên nốt nhạc và đọc sai đa số cao độ các nốt.	- Biết cách gõ phách nhưng sai tiết tấu của bài hát. - Trường độ của câu nhạc chưa ngân đúng.	- Đọc nhỏ. - Chưa có sắc thái, tính chất của tác phẩm
Từ 0 đến cận 2	- Trả lời được một số ý câu hỏi lý thuyết. - Đọc sai tên nốt	- Gõ phách sai. - Trường độ nốt nhạc đúng nhưng câu nhạc	- Đọc nhỏ, không nghe thấy. - Không có sắc thái,

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Chuẩn bị (40 %)	Tiến hành (30 %)	Báo cáo kết quả (30 %)
	nhạc và sai cao độ nốt nhạc.	chưa ngân đủ.	tính chất của tác phẩm

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Những vấn đề cơ bản về Âm nhạc; Phương pháp giảng dạy Âm nhạc; Đọc xướng âm.
- Hình thức: Thực hành – vấn đáp
- Thời gian: 10 phút/ SV

Bảng 5.c. Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra cuối kỳ

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Chuẩn bị (40 %)	Tiến hành (30 %)	Báo cáo kết quả (30 %)
Từ 8 đến 10	- Trả lời chính xác câu hỏi lý thuyết. - Đọc đúng tên nốt nhạc - Đọc đúng cao độ nốt nhạc	- Gõ phách, tiết tấu chính xác - Chính xác các trường độ của câu nhạc, nốt nhạc	- Đọc to, rõ ràng. - Đọc đúng sắc thái, tính chất của tác phẩm
Từ 6 đến cận 8	- Trả lời tương đối chính xác câu hỏi lý thuyết. - Đọc được tên nốt nhạc - Đọc được cao độ nốt nhạc	- Gõ được phách, được tiết tấu. - Thực hiện tương đối chính xác trường độ của câu nhạc, nốt nhạc	- Đọc to, rõ ràng. - Đọc không rõ sắc thái, tính chất của tác phẩm
Từ 4 đến cận 6	- Trả lời được một số ý câu hỏi lý thuyết. - Đọc tên nốt nhạc tuy nhiên vẫn còn sai một số tên nốt nhạc. - Đọc được cao độ nốt nhạc tuy nhiên vẫn còn sai cao độ một số nốt.	- Gõ được phách, tuy nhiên sai một số chỗ tiết tấu. - Ngân chưa đủ trường độ của câu nhạc, nốt nhạc.	- Đọc chưa to, rõ ràng. - Đọc không rõ sắc thái, tính chất của tác phẩm
Từ 2 đến cận 4	- Trả lời được 1,2 ý câu hỏi lý thuyết. - Đọc được tên	- Biết cách gõ phách nhưng sai tiết tấu của bài hát.	- Đọc nhỏ. - Chưa có sắc thái, tính chất của tác phẩm

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Chuẩn bị (40 %)	Tiến hành (30 %)	Báo cáo kết quả (30 %)
	nốt nhạc và đọc sai đa số cao độ các nốt.	- Trường độ của câu nhạc chưa ngân đúng.	
Từ 0 đến cận 2	- Trả lời được một số ý câu hỏi lý thuyết. - Đọc sai tên nốt nhạc và sai cao độ nốt nhạc.	- Gõ phách sai. - Trường độ nốt nhạc đúng nhưng câu nhạc chưa ngân đủ.	- Đọc nhỏ, không nghe thấy. - Không có sắc thái, tính chất của tác phẩm

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Liều Quỳnh Như

6.2.50. Giáo dục mỹ thuật ở tiểu học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622035
1.2. Tên học phần:	Giáo dục mỹ thuật ở tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	
1.4. Số tín chỉ:	03 (2 lí thuyết + 01 thực hành)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	45 tiết
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Lê Hải Thanh- ĐT 0982280505
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. PHạm Quang Huy ĐT 0983802812
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về mỹ thuật, những đặc điểm đặc trưng của các thể loại tạo hình và mối liên hệ của nó trong cuộc sống, phương pháp thực hành các bài tập mỹ thuật. Thông qua các bài tập rèn kỹ năng thực hành sáng tạo của từng thể loại mỹ thuật ở mức độ đơn giản, hình thành cảm thụ thẩm mỹ gắn với đời sống. Giới thiệu nội dung, chương trình và phương pháp thực hành các bài tập mỹ thuật tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong sinh viên trình bày được kiến thức cơ bản về mỹ thuật, đặc trưng của các thể loại tạo hình và mối liên hệ mỹ thuật trong cuộc sống, trình bày được phương pháp thực hành cơ bản của một số thể loại mỹ thuật. Thể hiện được kỹ năng mỹ thuật ở mức đơn giản về các

thể loại tạo hình tương ứng với các hoạt động mỹ thuật ở tiểu học. Cảm nhận thẩm mỹ, đánh giá về vẻ đẹp tác phẩm mỹ thuật và sản phẩm ứng dụng trong cuộc sống ở mức độ ban đầu. Nhận diện được nội dung, chương trình và các thể loại thực hành mỹ thuật tiểu học. Có khả năng tự học và vận dụng kiến thức, kỹ năng thực hành mỹ thuật vào giáo dục thẩm mỹ cho học sinh tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPĐG
CLO1	Nhận diện được ngôn ngữ và đặc điểm cơ bản các thể loại của mỹ thuật, mỹ thuật dân gian và nội dung chương trình mỹ thuật ở tiểu học; Trình bày mối liên hệ giữa mỹ thuật và cuộc sống.	Trao đổi, phát biểu
CLO2	Phân tích được phương pháp thực hành một số thể loại tạo hình cơ bản và thực hành mỹ thuật tiểu học.	Trao đổi, phát biểu
CLO3	Vận dụng thực hành sáng tạo các dạng bài tập đơn giản các thể loại cơ bản và ứng dụng của mỹ thuật.	Thực hành
CLO4	Nhận biết, cảm thụ thẩm mỹ đối với sản phẩm mỹ thuật cơ bản và sản phẩm ứng dụng trong cuộc sống.	Thực hành

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R	I		I						I
CLO 2	I	I	R	I	I					I
CLO 3	R	R		I	R	R				R
CLO 4	I	R	I	R					I	
Tổng hợp học phần		R	R	I	I	I			I	I

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1]. Nguyễn Quốc Toàn, Giáo trình *Mỹ thuật và phương pháp dạy học Mỹ thuật (Đào tạo giáo viên ngành Giáo dục Tiểu học)*, NXB Đại học Sư phạm năm 2014).

[2]. Ngô Bá Công, Giáo trình *Mỹ thuật cơ bản*, NXB Đại học Sư phạm năm 2018.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Nguyễn Thị Đông (chủ biên), *Hướng dẫn dạy học môn nghệ thuật tiểu học theo chương trình mới- phần mỹ thuật*, NXB Đại học Sư phạm năm 2019.

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
3	Bài Thực hành trang trí ứng dụng 1: Vẽ trang trí thiệp - Tìm hiểu nội dung - Bố cục - Vẽ hình ảnh, họa tiết	2TH	kinh nghiệm bài vẽ. SV Quan sát, tìm hiểu, thực hành cá nhân, nhận xét. GV Giới thiệu, nêu yêu cầu, theo dõi giúp đỡ SV thực hành. SV Quan sát, tìm hiểu, thực hành. SV chuẩn bị: Tìm hiểu bài, đồ dùng thực hành trang trí	CLO 3, CLO 4,
4	Vẽ trang trí thiệp (tiếp) - Vẽ màu, hoàn thiện bài Bài Thực hành trang trí ứng dụng 2: Vẽ trang trí đồ vật - Tìm hiểu nội dung - Bố cục - Vẽ hình ảnh, họa tiết	2TH 2TH	GV: Theo dõi, phân tích giúp đỡ SV thực hành. nhận xét, rút kinh nghiệm bài vẽ. SV Quan sát, tìm hiểu, thực hành. GV Giới thiệu, nêu yêu cầu, theo dõi giúp đỡ SV thực hành. SV Quan sát, tìm hiểu, thực hành cá nhân. SV chuẩn bị: Tìm hiểu bài, đồ dùng thực hành trang trí	CLO 2, CLO 3, CLO 4,
5	Vẽ trang trí đồ vật (tiếp)	2TH	GV: Theo dõi, phân tích giúp đỡ SV thực hành, nhận xét, rút kinh nghiệm bài vẽ. SV: Quan sát, tìm hiểu, thực hành, nhận xét.	
5	2.2. Hội họa và phương pháp thực hành tạo hình hội họa <i>2.2.1. Khái quát tạo hình hội họa</i> <i>2.2.2. Phương pháp thực hành tạo hình hội họa</i> Bài thực hành hội họa 1: Vẽ tranh đề tài phong cảnh	1LT 1TH	GV: Giới thiệu, trình chiếu, đặt câu hỏi, phân tích, nêu yêu cầu, theo dõi giúp đỡ SV thực hành SV: Quan sát, tìm hiểu, trả lời, thực hành cá nhân. SV chuẩn bị: Tìm hiểu bài, đồ dùng thực hành hội họa	CLO 2, CLO 3, CLO 4.
	Vẽ tranh đề tài phong cảnh (tiếp) - Vẽ hình ảnh, vẽ màu hoàn thiện bài	2TH	- GV Theo dõi, phân tích giúp đỡ SV thực hành, nhận xét, rút kinh nghiệm bài vẽ.	

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
6	Bài thực hành hội họa 2: Xé dán tranh đề tài tĩnh vật -Tìm chọn được đề tài, xác định được bố cục, lựa chọn giấy màu	2TH	GV Giới thiệu, trình chiếu, đặt câu hỏi, phân tích, nêu yêu cầu, theo dõi giúp đỡ SV thực hành SV Quan sát, tìm hiểu, trả lời, thực hành, tìm hiểu bài, đồ dùng thực hành hội họa	CLO 2, CLO 3, CLO 4.
7	Xé dán tranh đề tài (tiếp) - Xé dán hình ảnh, chi tiết, hoàn thiện bài Kiểm tra định kì 1 Bài thực hành hội họa: Vẽ tranh	2 TH 2TH	-GV: Theo dõi, phân tích giúp đỡ SV thực hành, nhận xét, rút kinh nghiệm bài vẽ. GV Giới thiệu, nêu yêu cầu, theo dõi giúp đỡ SV thực hành SV chuẩn bị: Đồ dùng thực hành hội họa	CLO 2, CLO 3, CLO 4. .
8	(tiếp) - Vẽ hình ảnh, vẽ màu hoàn thiện 2.3. Đồ họa và phương pháp thực hành tạo hình đồ họa <i>2.3.1. Khái quát về đồ họa</i> <i>2.3.2. phương pháp thực hành đồ họa</i> Thực hành đồ họa 1: Kỹ thuật đồ họa (các kỹ thuật in)	2TH 1LT 1TH	-GV Nêu yêu cầu, theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV, rút kinh nghiệm bài vẽ. - GV Giới thiệu, trình chiếu, đặt câu hỏi, phân tích. Nêu yêu cầu, theo dõi giúp đỡ SV thực hành SV Quan sát, tìm hiểu, trả lời, thực hành, chuẩn bị Tài liệu, giáo trình, tìm hiểu bài, Đồ dùng thực hành đồ họa	CLO 2, CLO 3, CLO 4. .
9	Bài thực hành đồ họa 2: In hoa lá - Chuẩn bị dụng cụ, vật liệu - Tìm hiểu đối tượng - Sắp xếp bố cục - Thực hành in	4 TH	-GV Nêu yêu cầu, làm mẫu, theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV tìm hiểu, thực hành cá nhân, nhận xét, trao đổi rút kinh nghiệm Yêu cầu SV chuẩn bị: Đồ dùng thực hành đồ họa	CLO 2, CLO 3, CLO 4.
	Kiểm tra định kì 2 Bài thực hành đồ họa 3: In theo đề tài		-GV Nêu yêu cầu, theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV tìm hiểu, thực hành cá nhân	CLO 2,

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
10	- Chuẩn bị vật liệu, đối tượng in - Sắp xếp bố cục - Hoàn thiện	4 TH	-GV cùng SV nhận xét, rút kinh nghiệm SV chuẩn bị: Tìm hiểu bài, Đồ dùng thực hành đồ họa	CLO 3 CLO 4.
11	Bài thực hành đồ họa 4: Tranh chấm màu 2.4. Phương pháp thực hành tạo hình 3D <i>2.4.1. Đặc điểm của tạo hình 3D</i> <i>2.4.2. Phương pháp tạo hình nặn</i> <i>2.4.3. Phương pháp tạo hình vật liệu tổng hợp</i> Thực hành 3D 1: Tạo hình nặn quả, đồ vật -Tìm hiểu hình khối màu sắc quả, đồ vật, thực hành nặn	2 TH 1 LT 1 TH	-GV Giới thiệu, nêu yêu cầu, theo dõi và giúp đỡ SV, nhận xét, rút kinh nghiệm bài. -SV Thực hành, nhận xét - GV: Giới thiệu, trình chiếu, đặt câu hỏi, phân tích, trao đổi, nêu yêu cầu, làm mẫu, theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV tìm hiểu, trao đổi, thực hành SV chuẩn bị: Tài liệu, giáo trình, tìm hiểu bài, Đồ dùng thực hành tạo hình 3D	CLO 2, CLO 3 CLO 4.
12	Thực hành 3D 2: Tạo hình nặn theo chủ đề -Tìm hiểu đề tài, đặc điểm hình khối của đối tượng (con vật, người..) -Nặn các đối tượng -Trình bày bố cục chủ đề nặn Thực hành 3D 3: Tạo hình giấy bìa, vật liệu phế thải	2 TH 2 TH	-GV Giới thiệu, hướng dẫn, phân tích, nêu yêu cầu, theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ SV quan sát, tìm hiểu, thực hành nhóm. -GV cùng SV nhận xét, rút kinh nghiệm bài - Yêu cầu SV chuẩn bị: Tài liệu, giáo trình, tìm hiểu bài, Đồ dùng thực hành tạo hình 3D	CLO 2, CLO 3 CLO 4.
13	Thực hành 3D 3: Tạo hình giấy bìa, vật liệu phế thải (tiếp) Chương 3: Giới thiệu tác phẩm mỹ thuật và hoạt động mỹ thuật ở tiểu học 3.1 Giới thiệu Mỹ thuật <i>3.1.1. Một số tác phẩm mỹ thuật tiêu biểu</i>	2 TH 2 LT	-GV cùng SV nhận xét, rút kinh nghiệm bài. GV Giới thiệu, phân tích qua hình ảnh, đặt câu hỏi, trao đổi. SV Quan sát, tìm hiểu, trả lời. SV chuẩn bị: Tài liệu, giáo trình, tìm hiểu bài, Đồ dùng thực hành tạo hình 3D	CLO3, CLO 4 CLO 1, CLO 2, .

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
14	3.1.2. Tranh Dân gian Đông Hồ	2 LT	GV: Giới thiệu, phân tích qua hình ảnh, đặt câu hỏi, nêu yêu cầu.	CLO 1, CLO 2,
	3.2. Hoạt động mỹ thuật của học sinh tiểu học	2 LT	SV: Quan sát, tìm hiểu, thảo luận trả lời	
	3.2.1. Chương trình mỹ thuật tiểu học		Yêu cầu SV chuẩn bị: Tài liệu, giáo trình, tìm hiểu bài, thảo luận làm bài nhóm, trình bày	
15	3.2.2. Nội dung hoạt động mỹ thuật tiểu học	4 TH	GV Giới thiệu, phân tích qua hình ảnh, nêu yêu cầu. SV Quan sát, tìm hiểu, thực hành cá nhân. -GV theo dõi và chỉ dẫn giúp đỡ nhận xét, rút kinh nghiệm Yêu cầu SV chuẩn bị: Tìm hiểu bài, đồ dùng thực hành theo thể loại tạo hình	CLO 2, CLO3, CLO 4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kỳ				30%
A2.1	Thực hành tạo hình hội họa	Bảng 5.a		
A2.2	Thực hành tạo hình đồ họa	Bảng 5.b		
A3. Đánh giá cuối kỳ				60%
	Thực hành mỹ thuật tạo hình	Bảng 5.c		
Công thức tính điểm tổng kết:				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung:

- + Kiến thức về đặc điểm của thể loại tạo hình hội họa, đồ họa
- + Phương pháp thể hiện của các thể loại tạo hình hội họa, đồ họa
- + Kỹ năng xử lý bố cục, hình ảnh, chất liệu, không gian...
- + Khả năng cảm thụ thẩm mỹ qua vẻ đẹp của sản phẩm

- Hình thức: Thực hành

- Thời gian: Theo kế hoạch dạy học

Bảng 5.a. Rubric đánh giá kiểm tra 1

Mức điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá			
	Chủ đề (10%)	Bố cục, hình ảnh (30 %)	Màu sắc, đậm nhạt (30 %)	Sáng tạo thẩm mỹ (30 %)
Từ 8 đến 10	Rõ chủ đề hội họa	-Bố cục cân đối, hài hòa - Rõ hình ảnh đối tượng về kích thước, tỉ lệ	-Thể hiện rõ kỹ năng phối hợp màu sắc -Thể hiện rõ kỹ năng phối hợp đậm nhạt	- Vẽ gọn gàng, ke nét - Thể hiện rõ sự sáng tạo
Từ 6 đến cận 8	Đúng chủ đề hội họa	-Bố cục tương đối cân đối, hài hòa - Hình ảnh rõ, ó kích thước, tỉ lệ tương đối hợp lí	-Thể hiện được kỹ năng phối hợp màu sắc -Thể hiện được kỹ năng phối hợp đậm nhạt	- Vẽ gọn gàng, - Có sự sáng tạo
Từ 4 đến cận 6	Gần với chủ đề hội họa	-Bố cục có sự sắp xếp - Hình ảnh, tỉ lệ chưa rõ	- Có sự phối hợp màu sắc - Có phối hợp đậm nhạt	- Vẽ tương đối gọn gàng, ke nét - Không rõ sự sáng tạo
Từ 2 đến cận 4	Không rõ chủ đề hội họa	- Bố cục mất cân đối. - Không rõ hình, chưa đúng tỉ lệ	- Chưa có sự phối hợp màu sắc - Chưa có phối hợp đậm nhạt	- Vẽ không gọn gàng - Không có sự sáng tạo
Từ 0 đến cận 2	Sai chủ đề hội họa	- Không có sự sắp xếp bố cục - Sai tỉ lệ, hình	- Không có sự phối hợp màu sắc - Không có đậm nhạt	- Cầu thả - Sao chép

Bảng 5.b. Rubric đánh giá kiểm tra 2

Mức	Nội dung, tiêu chí đánh giá

điểm	Chủ đề (10%)	Bố cục, hình ảnh (30 %)	Màu sắc, đậm nhạt (30 %)	Sáng tạo thẩm mĩ (30 %)
Từ 8 đến 10	Rõ chủ đề đồ họa	-Bố cục cân đối, hài hòa - Rõ hình ảnh đối tượng về kích thước, tỉ lệ	-Thể hiện rõ kĩ năng phối hợp màu sắc -Thể hiện rõ kĩ năng phối hợp đậm nhạt	- Đúng kĩ thuật in, thể hiện rõ đặc điểm đồ họa - Thể hiện rõ sự sáng tạo
Từ 6 đến cận 8	Đúng chủ đề đồ họa	-Bố cục tương đối cân đối, hài hòa - Hình ảnh rõ, kích thước, tỉ lệ tương đối hợp lí	-Thể hiện được kĩ năng phối hợp màu sắc -Thể hiện được kĩ năng phối hợp đậm nhạt	- Đúng kĩ thuật in, có thể hiện đặc điểm đồ họa - Có sự sáng tạo
Từ 4 đến cận 6	Gần với chủ đề đồ họa	-Bố cục có sự sắp xếp - Hình ảnh, tỉ lệ chưa rõ	- Có sự phối hợp màu sắc - Có phối hợp đậm nhạt	- Có kĩ thuật in mức độ cơ bản - Không rõ sự sáng tạo
Từ 2 đến cận 4	Không rõ chủ đề đồ họa	- Bố cục mất cân đối. - Không rõ hình, chưa đúng tỉ lệ	- Chưa có sự phối hợp màu sắc - Chưa có phối hợp đậm nhạt	- Không rõ kĩ thuật in (mờ, nhòe...) - Sao chép, không có sự sáng tạo
Từ 0 đến cận 2	Sai chủ đề đồ họa	- Không có sự sắp xếp bố cục - Sai tỉ lệ, hình	- Không có sự phối hợp màu sắc - Không có đậm nhạt	- Cầu thả, không có đặc điểm đồ họa - Sao chép

9.2.3. Kiểm tra cuối kì

- Nội dung

+ Kiến thức về đặc điểm của các thể loại tạo hình

+ Phương pháp thể hiện của các thể loại tạo hình

+ Kĩ năng xử lí bố cục, hình ảnh, chất liệu, không gian...

+ Khả năng cảm thụ thẩm mĩ qua vẻ đẹp của sản phẩm

- Hình thức: Thực hành

- Thời gian: Theo kế hoạch dạy học.

Bảng 5.c. Rubric đánh giá kiểm tra cuối kì

Mức	Nội dung, tiêu chí đánh giá

điểm	Chủ đề (10%)	Bố cục, hình ảnh (30 %)	Màu sắc, đậm nhạt (30 %)	Sáng tạo thẩm mĩ (30 %)
Từ 8 đến 10	Rõ nội dung chủ đề	Bố cục, hình ảnh (30 %)	-Thể hiện rõ kĩ năng phối hợp màu sắc hài hòa -Thể hiện rõ kĩ năng phối hợp đậm nhạt hài hòa	- Thể hiện gọn gàng, ke nét đúng thể loại tạo hình - Thể hiện rõ sự sáng tạo
Từ 6 đến cận 8	Đúng nội dung chủ đề	-Bố cục cân đối, hài hòa - Rõ hình ảnh (khối) đối tượng về kích thước, tỉ lệ	-Thể hiện được kĩ năng phối hợp màu sắc -Thể hiện được kĩ năng phối hợp đậm nhạt	- Thể hiện gọn gàng, ke nét, đúng thể loại tạo hình - Có sự sáng tạo
Từ 4 đến cận 6	Gần với nội dung chủ đề	-Bố cục có sự sắp xếp - Hình ảnh (khối) chưa rõ, kích thước, tỉ lệ tương đối hợp lí	- Có sự phối hợp màu sắc - Có phối hợp đậm nhạt	- Tương đối gọn gàng, có đặc điểm thể loại tạo hình - Không rõ sự sáng tạo
Từ 2 đến cận 4	Không rõ nội dung chủ đề	-Bố cục chưa cân đối, hài hòa.. - Hình ảnh (khối) không rõ, không đúng tỉ lệ	- Chưa có sự phối hợp màu sắc - Chưa có phối hợp đậm nhạt	- Không gọn gàng, không rõ thể loại tạo hình - Không có sự sáng tạo
Từ 0 đến cận 2	Sai nội dung chủ đề	- Bố cục mất cân đối. - Không có hình khối, sai tỉ lệ	- Không có sự phối hợp màu sắc - Không thể hiện được đậm nhạt	- Cấu thả - Sao chép - Không có đặc điểm thể loại tạo hình

Quảng Ninh, ngày tháng năm 202...

Hiệu trưởng**Trưởng khoa****Trưởng bộ môn****Người biên soạn****Lê Hải Thanh****Phụ lục****Hướng dẫn đánh giá chuyên cần**

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học tập trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao; Chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Tham gia dự học đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Nghiêm túc học tập (không nói chuyện, làm việc riêng; ghi chép bài đầy đủ); tích cực thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao
2	Tham gia dự học, đúng giờ từ 90% số tiết trên lớp	Có ý thức thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập GV giao
1	Tham gia dự học, đúng giờ từ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập GV giao
0	Tham gia dự học, đúng giờ ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi học phần	Làm việc, nói chuyện riêng trong lớp, không có ý thức thực hiện các nhiệm vụ trên lớp	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao

6.2.51. Giáo dục sức khỏe và thể chất ở trường tiểu học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622036
1.2. Tên học phần:	Giáo dục sức khỏe và thể chất ở trường tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	Physical Education
1.4. Số tín chỉ:	2 (1 lí thuyết + 1 thực hành)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 Tiết
- Thực hành:	30 Tiết
- Tự học:	45 giờ
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Đào Thị Vương (0902199084)
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Phùng Đức Nhật (0393303803)
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần gồm 3 chương; chương 1 trang bị cho sinh viên những kiến thức chung về giáo dục thể chất và giáo dục sức khỏe cho học sinh tiểu học; chương 2 trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung các bài tập cho học sinh tiểu học; chương 3 trang bị cho sinh viên những nguyên tắc, phương pháp và hướng dẫn SV cách tổ chức các hoạt động giáo dục thể chất và giáo dục sức khỏe cho học sinh tiểu học thông qua các hoạt động (hoạt động học, hoạt động lao động, hoạt động tham quan, hoạt động lễ hội, hoạt động giao lưu, hoạt động vui chơi,...). Qua đó, giúp sinh viên có kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá và điều chỉnh các hoạt động giáo dục thể chất và giáo dục sức khỏe cho học sinh tiểu học tại các trường tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có kiến thức cơ bản về tổ chức giáo dục thể chất và giáo dục sức khỏe cho học sinh tiểu học; có kiến thức và kỹ năng thiết kế, tổ chức, đánh giá, điều chỉnh linh hoạt sáng tạo các hoạt động giáo dục thể chất và giáo dục sức khỏe cho học sinh tiểu học tại các trường tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Mô tả CDR học phần	PPĐG
CLO1	Trình bày được những kiến thức về phát triển thể chất, mục đích, nhiệm vụ, tác dụng của các bài tập đối với sự phát triển thể chất của học sinh ở trường Tiểu học.	Câu hỏi vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
CLO2	Vận dụng được kiến thức về cấu trúc, mô hình tổ chức các hoạt động giáo dục sức khỏe và thể chất ở trường Tiểu học.	Câu hỏi vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thực hành, bài kiểm tra.
CLO3	Thiết kế, tổ chức, đánh giá và điều chỉnh được các hoạt động giáo dục sức khỏe và thể chất ở trường Tiểu học.	Câu hỏi vấn đáp, quan sát bài tập về nhà, bài tập nhóm bài thực hành, bài kiểm tra.
CLO4	Giải quyết được các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức hoạt động giáo dục sức khỏe và thể chất ở trường Tiểu học.	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thực hành, bài kiểm tra.
CLO5	Tích cực chủ động, linh hoạt, hợp tác, chia sẻ trong việc tổ chức hoạt động giáo dục sức khỏe và thể chất ở trường Tiểu học.	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, bài thực hành, bài kiểm tra, câu hỏi vấn đáp.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I,R,M,A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I	I							
CLO2		I	I							R
CLO3		R	R	R	R	R				R

CLO 4		R	R	R	R	R				R
CLO 5		R	R	R	R	R				R
Tổng hợp học phần		R	R	R	R	R				R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1]. Nguyễn Viết Minh (Chủ biên) – Đậu Bình Hương, (2007), Phương pháp dạy học thể dục và trò chơi vận động cho học sinh Tiểu học, Nhà xuất bản Giáo dục – Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Đặng Ngọc Quang (Tổng Chủ biên kiêm Chủ biên) - Nguyễn Công Trường, (2020), Giáo dục Thể chất 1, Sách giáo viên, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

[2]. Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên) – Phạm Đông Đức (Chủ biên) – Nguyễn Duy Linh – Phạm Trảng Kha, (2021), Giáo dục Thể chất 2, Sách giáo viên, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

[3]. Lưu Quang Hiệp (Tổng Chủ biên) – Nguyễn Hữu Hùng (Chủ biên) – Nguyễn Thành Long – Phạm Đức Toàn – Vũ Thị Mai Phương (2022), Giáo dục Thể chất 3, Sách giáo viên, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

[4]. Đinh Quang Ngọc (Tổng Chủ biên) – Mai Thị Bích Ngọc (Chủ biên) – Đinh Khánh Thu – Nguyễn Thị Thu Quyết – Đinh Thị Mai Anh (2023), Giáo dục Thể chất 4, Sách giáo viên, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 02 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy học	Hướng tới CLOs
	(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương		- GV: Giới thiệu SV tìm hiểu ĐCCT học phần. - SV: nghe, hiểu được cách sử dụng ĐCCT học phần.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

1	pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi đề cương chi tiết học phần. Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục thể chất và Giáo dục sức khỏe cho học sinh tiểu học 1.1. Một số khái niệm cơ bản trong thể dục thể thao 1.1.1. Giáo dục thể chất 1.1.2. Sức khỏe 1.1.3. Phong trào thể dục thể thao. 1.1.4. Thể chất và phát triển thể chất 1.2. Đặc điểm tâm lí và sinh lí vận động của học sinh tiểu học. 1.3. Mục đích giáo dục thể chất ở trường Tiểu học 1.4. Nhiệm vụ giáo dục thể chất ở trường Tiểu học 1.5. Tác dụng của tập luyện thể dục thể dục thể thao đối với con người nói chung và học sinh tiểu học.	4LT	*GV: giao nhiệm vụ đọc tài liệu *SV nghiên cứu tài liệu [1, tr 60-66], *SV nghiên cứu tài liệu [1, tr 07-11], [1, tr 14-18], [1, tr 80-82], * GV: - Cung cấp minh chứng; - Đàm thoại, gợi mở; - Giao nhiệm vụ cho SV - GV: Tổ chức cho SV thảo luận; * SV:Phản hồi tích cực;HĐ nhóm; Quan sát, lắng nghe, phản biện, trình bày quan điểm, ghi lại những thông tin (TT) cần thiết.	
2	Chương 2. Nội dung các bài tập giáo dục thể chất cho học sinh tiểu học 2.1. Đội hình đội ngũ - Bài tập Đội hình đội ngũ lớp 1 - Bài tập Đội hình đội ngũ lớp 2 - Bài tập Đội hình đội ngũ lớp 3 - Bài tập Đội hình đội ngũ lớp	20TH	- GV: Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: Chia nhóm SV 5-6 SV 1 nhóm: Tập các tư thế, đội hình đội ngũ. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - SV: Thực hiện nhiệm vụ GV giao, hướng dẫn trước lớp, nhận xét, trao đổi, lắng	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

	4 - Bài tập Đội hình đội ngũ lớp 5 2.2. Bài tập thể dục - Bài tập thể dục lớp 1 - Bài tập thể dục lớp 2 - Bài tập thể dục lớp 3 - Bài tập thể dục lớp 4 - Bài tập thể dục lớp 5 2.3. Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản - Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản cho học sinh lớp 1. - Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản cho học sinh lớp 2. - Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản cho học sinh lớp 3. - Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản cho học sinh lớp 4. - Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản cho học sinh lớp 5.	nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Giao nhiệm vụ về nhà: Tìm hiểu về bài tập thể dục lớp 1,2,3,4,5 - GV: Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: Chia nhóm 5-6 SV 1 nhóm: Tập bài Thể dục tay không + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - SV: Thực hiện nhiệm vụ GV giao, hướng dẫn trước lớp, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. - GV: Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: các Tư thế và kĩ năng vận động cơ bản học sinh lớp 1,2,3,4, 5 Chia nhóm 5-6 SV 1 nhóm tập luyện - SV: Thực hiện nhiệm vụ GV giao, hướng dẫn trước lớp, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm. GV: Giao nhiệm vụ về nhà: Tìm hiểu về các bước tổ chức trò chơi vận động cho HSTH GV: Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ:	

	Bài kiểm tra số 2 Cấu trúc, nội dung, phương pháp, thiết kế tổ chức các hoạt động Giáo dục sức khỏe và thể chất ở trường Tiểu học.	+ Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV tập giảng + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. SV: Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, nhận xét, trao đổi, lắng nghe GV nhận xét, rút kinh nghiệm GV: Giao câu hỏi và chấm bài SV: Làm và nộp bài	

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Thực hành	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
A2.2	Lý thuyết	- Câu hỏi	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5	
A3.2 (Thực hành)				
Công thức tính điểm tổng kết:				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần*: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. *Kiểm tra định kì*

* Bài kiểm tra số 1

- Nội dung: Chương 2
- Hình thức: Đánh giá bài tập thực hành

Bảng 5.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm số 1

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tập và phân tích bài tập	Không thực hiện được bài tập	Tập động tác chưa rút khoát, còn có nhiều lỗi, thiếu sót, phân tích chưa rõ ràng	Tập động tác cơ bản, phân tích động tác còn lỗi nhỏ	Tập động tác rút khoát, phân tích động tác còn lỗi nhỏ	Thực hiện đúng đẹp, phân tích rõ ràng các bước thực hiện bài tập	50%

* Bài kiểm tra số 02

- Nội dung: Chương 1, chương 3
- Hình thức: Đánh giá Lý thuyết

Bảng 5.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1. Những kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và Giáo dục sức khỏe cho học sinh tiểu học	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác giáo dục sức khỏe cho học sinh tiểu học	4.0
2	Chương 3. Nguyên tắc, Phương pháp Giáo dục sức khỏe và thể chất ở trường Tiểu học và Công tác tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa trong trường tiểu học	Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ với thực tiễn về công tác tổ chức hoạt động TDTT ngoại khóa trong trường tiểu học	6.0
Tổng			10.0

9.2.3. Thi kết thúc học phần:

- Thi cuối kỳ: Hình thức tự luận
- Nội dung thi: Chương 1, chương 3
- Thời gian: 60 phút
- Biểu điểm: Theo hướng dẫn chấm bài thi kết thúc học phần

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Khái niệm, đặc điểm, nhiệm vụ, nguyên tắc, phương pháp, cấu trúc tổ chức hoạt động Giáo dục sức khỏe và thể chất ở trường Tiểu học.	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ thực tiễn về công tác tại trường Tiểu học.	4.0
2	Nội dung và thiết kế tổ chức các hoạt động Giáo dục sức khỏe và thể chất ở trường Tiểu học.	Theo đáp án chấm: Trình bày đủ ý, chính xác, rõ ràng, có minh chứng, có liên hệ thực tiễn về công tác tại trường Tiểu học.	6.0
Tổng			10.0

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Đào Thị Vương

6.2.52. Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở Tiểu học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA KHOA HỌC CƠ BẢN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**Trình độ đào tạo: Đại học****Ngành đào tạo: Giáo dục Tiểu học****1. Thông tin chung về học phần**

1.1. Mã học phần:	CB622034
1.2. Tên học phần:	Đạo đức và phương pháp giáo dục Đạo đức ở Tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	
1.4. Số tín chỉ:	02
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết.
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	Th.S Võ Thị Thu Hằng, 0917359785
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Nguyễn Thu Thủy, 0988714133 Th.S Bùi Thị Minh Huệ
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần

Học phần Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hệ thống về các vấn đề cơ bản của đạo đức học, vấn đề giáo dục đạo đức trong giai đoạn hiện nay, vị trí, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học. Qua đó, giúp người học vận dụng được các tri thức đã có vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức và dạy học môn Đạo đức cho học sinh Tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có những kiến thức cơ bản, hệ thống về đạo đức học, vấn đề giáo dục đạo đức trong giai đoạn hiện nay, vị trí, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp,

phương tiện và hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học... Qua đó, giúp người học vận dụng được các tri thức đã có vào việc thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức và dạy học môn Đạo đức cho học sinh Tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPĐG
CLO1	Trình bày được nội dung các phạm trù của Đạo đức học, các vấn đề chung về giáo dục đạo đức trong giai đoạn hiện nay	Tự luận
CLO2	Phân tích được vị trí, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức ở tiểu học	Tự luận
CLO3	Thiết kế và tổ chức được các hoạt động giáo dục đạo đức và dạy học môn Đạo đức cho học sinh Tiểu học	Bài tập nhóm, thực hành soạn giảng
CLO4	Phát triển được các kỹ năng tư duy logic, tự nghiên cứu, thuyết trình, phản biện, thực hành tập giảng...	Bài tập nhóm, thực hành soạn giảng
....		

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	M	R	M	R	M	M	M		A	R
CLO2	M	R	M	M	R	R	M		A	A
CLO3	I	M	R	M	R	M	R		R	A
CLO4	I	M	R	R	R	R	R		M	A
Tổng hợp học phần	M	M	R	R	R	R	R		A	A

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Giáo trình Đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức, tài liệu đào tạo giáo viên, Nguyễn Hữu Hợp (chủ biên), Nhà xuất bản Đại học sư phạm Hà Nội I, 2007

6.2. Tài liệu tham khảo:

- [2]. Dạy học và phát triển năng lực môn Đạo đức, Đào Đức Doãn (chủ biên), Nhà xuất bản Đại học sư phạm Hà Nội, 2021
- [3]. Hướng dẫn dạy học môn Đạo đức theo chương trình giáo dục phổ thông 2018, Đào Đức Doãn – Nguyễn Thị Liên (đồng chủ biên) Nhà xuất bản Đại học sư phạm Hà Nội, 2021
- [4]. Bộ Giáo dục và đào tạo, Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể và Chương trình môn học Giáo dục Công dân được ban hành theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT, 2018
- [5]. Sách giáo viên môn Đạo đức lớp 1, 2, 3, 4, 5 (Bộ sách Cánh diều; Kết nối tri thức với cuộc sống; Chân trời sáng tạo)
- [6]. Sách Đạo đức lớp 1, 2, 3, 4, 5 (Bộ sách Cánh diều; Kết nối tri thức với cuộc sống; Chân trời sáng tạo)
- [7]. Luật giáo dục Việt Nam (sửa đổi) 2019
- [8]. Luật trẻ em 2016
- [9]. Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em
- [10]. Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT Quy định đánh giá học sinh Tiểu học

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	<i>* Giới thiệu học phần</i> Chương 1: Một số vấn đề cơ bản của đạo đức học 1.1. Đạo đức và đạo đức học 1.1.1. Nguồn gốc, bản chất, chức năng của đạo đức của đạo đức 1.1.2. Cấu trúc của đạo đức. 1.2. Một số phạm trù đạo đức cơ bản 1.2.1. Thiện và ác	2 LT 1 TH	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 11 - 20 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	<i>Bài tập</i>			
2	<i>1.2.2. Nghĩa vụ và trách nhiệm</i> <i>1.2.3. Lương tâm</i> <i>1.2.4. Hạnh phúc</i> <i>Bài tập</i>	2 LT 1 TH	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 22 - 29 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp, làm bài tập thực hành.	CLO1 CLO2
3	Chương 2 Một số vấn đề cơ bản của giáo dục đạo đức trong giai đoạn hiện nay 2.1. Cơ sở để xác định nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh 2.1.1. Những vấn đề đặt ra đối với con người trong thế kỷ mới 2.1.2. Những vấn đề đặt ra trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng XHCN 2.1.3. Những yêu cầu cơ bản của con người Việt Nam trong thời kỳ CNH, HĐH. 2.2. Các quyền và bổn phận của trẻ em 2.2.1. Công ước Liên hiệp quốc về quyền trẻ em 2.2.2. Luật bảo vệ, chăm sóc	2 LT 1 TH	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 36 - 42 và các tài liệu tham khảo khác; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	và giáo dục trẻ em 2.3. Giáo dục đạo đức và sự phát triển của trẻ em 2.3.1. Tầm quan trọng của giáo dục đạo đức đối với sự phát triển nhân cách của trẻ em.			
4	2.3.2. Giáo dục đạo đức và sự phát triển của trẻ em 2.4. Nhiệm vụ, nội dung, con đường giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học. 2.4.1. Nhiệm vụ, nội dung giáo dục đạo đức cho học sinh tiểu học 2.4.2. Con đường và phương pháp giáo dục đạo đức cho HS tiểu học	2 LT 1 TH	- GV sử dụng tài liệu [1], các tài liệu tham khảo khác [1], [2], [3] [4], [5], máy tính và projector để hướng dẫn và tổ chức cho SV thuyết trình, thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 42 - 60 và các tài liệu tham khảo khác; lập đề cương thảo luận ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2
5	Chương 3 Vị trí, nhiệm vụ, nội dung môn Đạo đức ở Tiểu học 3.1. Vị trí môn đạo đức ở tiểu học 3.2. Nhiệm vụ môn đạo đức ở tiểu học 3.3. Nội dung, chương trình môn đạo đức ở tiểu học 3.4. Sách học sinh và sách giáo viên môn đạo đức 3.4.1. Sách học sinh 3.4.2. Sách giáo viên	2 LT 1 TH	- GV sử dụng tài liệu [1], các tài liệu tham khảo khác [2], [3], [4] [5], [6], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 72 - 94 và các tài liệu tham khảo khác [2], [3], [5], [6], lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2
6	Chương 4 Phương pháp, phương tiện	1 LT 2 TH	GV sử dụng tài liệu [1], và các tài liệu tham khảo [2], [3],	CLO1 CLO2

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học 4.1. Khái niệm phương pháp, phương tiện dạy học môn Đạo đức ở tiểu học 4.2. Một số phương pháp dạy học môn đạo đức ở tiểu học 4.2.1. Phương pháp kể chuyện 4.2.2. Phương pháp đàm thoại 4.2.3. Phương pháp thảo luận nhóm		[4], [5], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 100 - 116 và các tài liệu tham khảo khác [2], [3], [5], [6]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	
7	4.2.4. Phương pháp tổ chức cho học sinh làm việc cá nhân 4.2.5. Phương pháp tổ chức trò chơi 4.2.6. Phương pháp tổ chức điều tra 4.2.7. Phương pháp rèn luyện 4.2.8. Phương pháp báo cáo	2 LT 1 TH	GV sử dụng tài liệu [1], các tài liệu tham khảo khác [2], [3], [4] [5], [6], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 121 - 148 và các tài liệu tham khảo khác [2], [3], [5], [6]; lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	
8	4.3. Phương tiện dạy học môn đạo đức 4.4. Lựa chọn và vận dụng phương pháp, phương tiện dạy học môn đạo đức. Chương 5: Hình thức tổ chức dạy học môn Đạo đức 5.1. Khái niệm về hình thức tổ chức dạy học môn đạo đức	1 LT 2 TH	- GV sử dụng tài liệu [1], các tài liệu tham khảo khác [2], [3], [4] [5], [6], máy tính và projector để hướng dẫn và tổ chức cho SV thuyết trình, thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 150 - 165 và các tài liệu tham khảo khác [2], [3], [4], [5], [6], lập đề cương thảo luận	CLO1 CLO2

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	5.2. Bài lên lớp môn đạo đức 5.3. Một số hình thức tổ chức dạy học khác của môn đạo đức 5.3.1. Dạy học tại hiện trường		ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	
9	5.3.2. Hình thức dạy học qua tham quan 5.3.3. Hình thức dạy học qua hoạt động ngoại khóa 5.4. Hướng dẫn thiết kế giáo án môn đạo đức	1 LT 2TH	- GV sử dụng tài liệu [1], các tài liệu tham khảo khác [2], [3], [4] [5], [65], máy tính và projector để tổ chức các hoạt động dạy học; hướng dẫn SV tự học sau buổi học - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 165 – 181 và các tài liệu tham khảo khác [2], [3], [4] [5], [6], lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); nghe giảng, báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2
10	Chương 6: Kiểm tra đánh giá kết quả dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học 6.1. Khái niệm, mục đích, yêu cầu kiểm tra, nội dung, hình thức đánh giá trong dạy học môn đạo đức 6.2. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá 6.2.1. Phương pháp vấn đáp 6.2.2. Phương pháp quan sát 6.2.3. Phương pháp đánh giá qua bài viết 6.2.4. Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của học sinh	1LT 2TH	- GV sử dụng các tài liệu tham khảo [2], [3], [4] [5], [6], [10], máy tính và projector để hướng dẫn và tổ chức cho SV thuyết trình, thảo luận. - SV nghiên cứu trước tài liệu [1], tr: 184 - 200 và các tài liệu tham khảo khác [2], [3], [4] [5], [6], [10], lập đề cương thảo luận ở nhà (theo nhóm; mỗi nhóm từ 4 – 6 SV); báo cáo, thuyết trình, thảo luận trên lớp.	CLO1 CLO2

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	Bài kiểm tra số 1			
11	Thực hành soạn giáo án	3 TH	- GV giao nhiệm vụ, hướng dẫn SV thiết kế giáo án một bài đạo đức trong chương trình môn Đạo đức (Lớp 1 – Lớp 5) - SV nghiên cứu tài liệu [1] và các tài liệu tham[2], [3], [4] [5], [6], thiết kế giáo án 1 bài Đạo đức trong chương trình (Lớp 1 – Lớp 5)	CLO3 CLO4
12	Thực hành tập giảng	3TH	- GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn SV tập giảng theo nhóm ở nhà; dự giảng, nhận xét, đánh giá và rút kinh nghiệm sau mỗi tiết tập giảng của SV. - SV tập giảng theo nhóm ở nhà; giảng và dự giảng trên lớp, nhận xét và rút kinh nghiệm sau mỗi tiết tập giảng.	CLO3 CLO4
13	Thực hành tập giảng	3TH	- GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn SV tập giảng theo nhóm ở nhà; dự giảng, nhận xét, đánh giá và rút kinh nghiệm sau mỗi tiết tập giảng của SV. - SV tập giảng theo nhóm ở nhà; giảng và dự giảng trên lớp, nhận xét và rút kinh nghiệm sau mỗi tiết tập giảng.	CLO3 CLO4
14	Thực hành tập giảng	3TH	- GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn SV tập giảng theo nhóm ở nhà; dự giảng, nhận xét, đánh giá và rút kinh nghiệm	CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
			sau mỗi tiết tập giảng của SV. - SV tập giảng theo nhóm ở nhà; giảng và dự giảng trên lớp, nhận xét và rút kinh nghiệm sau mỗi tiết tập giảng.	
15	Thực hành tập giảng	2TH 1KT	- GV giao nhiệm vụ và hướng dẫn SV tập giảng theo nhóm ở nhà; dự giảng, nhận xét, đánh giá và rút kinh nghiệm sau mỗi tiết tập giảng của SV. - SV tập giảng theo nhóm ở nhà; giảng và dự giảng trên lớp, nhận xét và rút kinh nghiệm sau mỗi tiết tập giảng.	CLO3 CLO4

Thi cuối kì

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Bài kiểm tra tự luận	Câu hỏi		
A2.2	Thực hành tập giảng	Bài giảng		
	...			
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3.1 (Lý thuyết)	- Thi viết tự luận	Câu hỏi		
Công thức tính điểm tổng kết: $10\% + (30\% \times 2) + (60\% \times 6)$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần*: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

- Nội dung:

* Bài số 1: Các phạm trù cơ bản của Đạo đức học, Vị trí, nhiệm vụ và nội dung môn Đạo đức ở tiểu học Các phạm trù cơ bản của Đạo đức học, Vị trí, nhiệm vụ và nội dung môn Đạo đức ở tiểu học

- Hình thức: bài viết

- Thời gian: 90 phút

* Bài số 2: SV thực hành soạn giáo án và tập giảng 1 tiết trước lớp giả định theo yêu cầu và hướng dẫn của GV. GV chấm điểm căn cứ vào kiến thức, kỹ năng soạn giảng của SV

- Hình thức: trình bày giáo án, tập giảng

- Thời gian: 40 phút

Bảng 5.a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng - Biết vận dụng kiến thức vào tình huống giáo dục thực tế.	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng - Biết vận dụng các phương pháp dạy học vào việc thiết kế một hoạt động dạy học	(5.0) 2.5 0,5 0,5 1.5
Tổng điểm			10

Bảng 5.b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2 (tập giảng)

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Giáo án		(5.0)

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		- Xác định đúng mục tiêu bài giảng, đồ dùng dạy học - Thiết kế được các hoạt động dạy học hợp lý, sáng tạo, hấp dẫn - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng	1.5 3.0 0,5
2	Tiết thực hành giảng	- Tác phong bình tĩnh, chững chạc, tự tin, ngôn ngữ lưu loát - Biết vận dụng kết hợp các phương pháp dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo - Biết cách tổ chức các hoạt động dạy học hiệu quả - Phát huy được tính tích cực, chủ động của HS - Xử lý các tình huống sư phạm một cách khéo léo	(5.0) 1.0 1,0 1,5 1.0 0.5
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Các phạm trù cơ bản của Đạo đức học; vị trí, nhiệm vụ và nội dung môn Đạo đức ở tiểu học; các phương pháp dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học; vận dụng một phương pháp cụ thể vào soạn một hoạt động dạy học Các phạm trù cơ bản của Đạo đức học; vị trí, nhiệm vụ và nội dung môn Đạo đức ở tiểu học; các phương pháp dạy học môn Đạo đức ở Tiểu học; vận dụng một phương pháp cụ thể vào soạn một hoạt động dạy học

- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: 90 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong	(5.0) 2.5 1.0 0,5

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		trong sáng, trích dẫn hợp lý và ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ. - Biết vận dụng kiến thức vào tình huống giáo dục thực tế.	1.0
2	Câu 2	- Trình bày đúng và đầy đủ nội dung vấn đề cần phải giải quyết - Các luận cứ và luận chứng chính xác và có sức thuyết phục, giải quyết được vấn đề, thể hiện năng lực tư duy tốt. - Bố cục hợp lý, trình bày sạch sẽ, văn phong trong sáng, trích dẫn hợp lý và ghi rõ nguồn gốc, xuất xứ. Biết vận dụng các phương pháp dạy học vào việc thiết kế một hoạt động dạy học	(5.0) 2.5 1.0 0,5 1.5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2023

Ban Giám hiệu

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung

Võ Thị Thu Hằng

Võ Thị Thu Hằng

6.2.53. Công tác chủ nhiệm lớp và phụ trách chi Đội ở tiểu học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học **Ngành: Giáo dục Tiểu học**

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622038
1.2. Tên học phần:	Công tác chủ nhiệm lớp và phụ trách chi Đoàn ở tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	Classroom leader and team leader in elementary school
1.4. Số tín chỉ:	2 (1LT+1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS Nguyễn Thị Thương: 0987397227
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS Vũ Vương Trường: 0976955888 ThS Trần Thị Kim Loan: 0936722756 ThS Trần Thị Hòa: 0989889774 ThS Vũ Thanh Hòa: 0943696526 ThS Nguyễn Thị Diệp: 0974435007
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	SP620001, SP620002
- Học phần song hành:	

3. Mô tả học phần: Học phần cung cấp người học những kiến thức cơ bản về Công tác chủ nhiệm lớp và Công tác phụ trách Chi Đội và Sao nhi đồng ở trường Tiểu học. Trên cơ sở những kiến thức lý luận được học, người học có kỹ năng tổ chức các hoạt động chủ nhiệm lớp, công tác Đội và Sao nhi đồng trong nhà trường Tiểu học như tổ chức hoạt động Đội, sinh hoạt Đội, sinh hoạt Sao nhi đồng, tổ chức các hội thi, trò chơi cho thiếu nhi, hoạt động hội trại

cho thiếu niên nhi đồng.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức, kỹ năng thực hiện nhiệm vụ của người giáo viên chủ nhiệm lớp và phụ trách Chi Đội và nhi đồng trong trường tiểu học

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp đánh giá
CLO1	Nghiên cứu được đặc điểm học sinh lớp chủ nhiệm	Vấn đáp, bài tập nhóm,
CLO2	Lựa chọn nội dung và xây dựng kế hoạch chủ nhiệm phù hợp với lớp chủ nhiệm	Quan sát, vấn đáp, bài tập nhóm, bài tập dự án, thực hành
CLO3	Tổ chức thực hiện kế hoạch chủ nhiệm đã xây dựng	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm,
CLO4	Tổ chức thực hiện các hoạt động Đội và sao nhi đồng	Quan sát, vấn đáp, bài tập nhóm, bài tập dự án, thực hành
CLO5	Đánh giá các kế hoạch và kết quả tổ chức hoạt động công tác chủ nhiệm và phụ trách chi Đội trong trường tiểu học.	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm,

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I							M		M
CLO 2		I	M	M	I			M	M	M
CLO 3		I	M	M	R	M	M	A		M
CLO4	R	I	A	A	I	M			M	M
CLO5			I			I		M	I	
Tổng hợp học phần	R	I	M	M	I	M	M	M	M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1].Nguyễn Thị Thương (chủ biên), Trần Thị Kim Loan (2023), *Công tác chủ nhiệm lớp và phụ trách chi Đội ở tiểu học* - Tài liệu lưu hành nội bộ ĐH Hạ Long.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Thanh Bình (chủ biên), Đào Thị Oanh, Vũ Thị Sơn, Nguyễn Kim Dung, Lục Thị Nga, Nguyễn Thị Hằng (2011), *Một số vấn đề trong công tác chủ nhiệm lớp ở trường THPT*

hiện nay. NXB ĐHSP Hà Nội

[3]. Trần Như Tinh (chủ biên), *Lý luận và phương pháp công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh*, dự án đào tạo giáo viên tiểu học và THCS – NXBĐHSP 2004

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tuần 1	Giới thiệu học phần (*) Chương 1. Những vấn đề chung về giáo viên chủ nhiệm lớp trong trường tiểu học (3 tiết) 1.1. Giáo viên chủ nhiệm và công tác chủ nhiệm trong trường tiểu học hiện nay 1.1.1. Vị trí, vai trò, chức năng của giáo viên chủ nhiệm lớp 1.1.2. Nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp 1.1.3. Yêu cầu về phẩm chất và năng lực của giáo viên chủ nhiệm lớp 1.2. Đặc điểm tâm lý học sinh tiểu học * Thực hành: Tìm hiểu những nội dung công tác của giáo viên chủ nhiệm đang làm trong các trường tiểu học	1 LT 2 TH TH	GV: - Giới thiệu chương trình và yêu cầu môn học - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Giao nhiệm vụ tự học SV: - Thực hiện các nhiệm vụ học tập	CLO1 CLO2 CLO4
Tuần 2	Chương 2. Nội dung và phương pháp công tác chủ nhiệm lớp trong trường tiểu học (21 tiết) 2.1. Tìm hiểu và xây dựng hồ sơ học sinh 2.1.1. Mục đích, ý nghĩa xây dựng hồ sơ học sinh 2.1.2. Những thông tin trong hồ sơ học	1 LT 2 TH	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: Kiểm tra nhiệm vụ tự học của sinh viên, sử	CLO1 CLO2 CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	sinh 2.1.3. Phương pháp, kỹ thuật xây dựng hồ sơ học sinh *Thực hành -Nghiên cứu đặc điểm cá nhân từng học sinh - Nghiên cứu đặc điểm tính cách học sinh -Thiết kế phiếu trưng cầu ý kiến phụ huynh về hoạt động giáo dục của trường		dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	
Tuần 3	Tiếp chương 2 2.2.Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm 2.2.1. Ý nghĩa xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp 2.2.2. Nội dung kế hoạch chủ nhiệm 2.2.3. Phương pháp xây dựng kế hoạch chủ nhiệm *Thực hành: - Xây dựng 1 kế hoạch chủ nhiệm dài hạn - Xây dựng 1 kế hoạch chủ nhiệm ngắn hạn	1 LT 2 TH	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: Kiểm tra nhiệm vụ tự học của sinh viên, sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	CLO1 CLO2 CLO4
Tuần 4	Tiếp chương 2 2.3. Giáo dục kỷ luật tích cực 2.3.1. Ý nghĩa của giáo dục kỷ luật tích cực 2.3.2. Biện pháp giáo dục kỷ luật tích cực *Thực hành: Xây dựng một tình huống	1 LT 2 TH	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: Kiểm tra nhiệm vụ	CLO1 CLO2 CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	giáo dục, giải quyết tình huống đó bằng phương pháp giáo dục kỷ luật tích cực		tự học của sinh viên, sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	
Tuần 5	Tiếp chương 2 2.4. Xây dựng tập thể học sinh và môi trường lớp học thân thiện 2.4.1. Sự cần thiết xây dựng tập thể học sinh và môi trường giáo dục 2.4.2. Nội dung và biện pháp xây dựng tập thể học sinh và môi trường lớp học thân thiện *Thực hành: - Xây dựng 1 tình huống giáo dục, giải quyết tình huống đó theo hướng tiếp cận cá nhân - Phân tích những yếu tố xung đột có thể xảy ra ảnh hưởng tới quá trình xây dựng tập thể, cách giải quyết xung đột?	1 LT 2 TH	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: Kiểm tra nhiệm vụ tự học của sinh viên, sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	CLO1 CLO2 CLO4
Tuần 6	Tiếp chương 2 2.5. Giáo dục học sinh cá biệt, học sinh có hành vi không mong đợi 2.5.1. Vì sao cần quan tâm giáo dục học sinh có hành vi không mong đợi, học sinh cá biệt. 2.5.2. Nội dung giáo dục học sinh cá biệt, học sinh có hành vi không mong đợi 2.5.3. Biện pháp giáo dục học sinh có hành vi không mong đợi, học sinh cá biệt *Thực hành: Nhận diện tình huống học sinh cá biệt, học sinh có hành vi không mong đợi và	1 LT 2 TH	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: Kiểm tra nhiệm vụ tự học của sinh viên, sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	CLO1 CLO2 CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	xác định các biện pháp giáo dục học sinh trong tình huống đó.			
Tuần 7	Tiếp chương 2 2.6. Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học 2.6.1. Vai trò, ý nghĩa của các hoạt động trải nghiệm đối với học sinh trường phổ thông 2.6.2. Một số hình thức hoạt động trải nghiệm trong trường tiểu học *Thực hành: Thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục trong nhà trường tiểu học (sinh hoạt lớp theo chủ điểm, lao động, hội thi, câu lạc bộ)	1 LT 2 TH	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: Kiểm tra nhiệm vụ tự học của sinh viên, sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	CLO1 CLO2 CLO4
Tuần 8	Tiếp chương 2 2.7. Liên kết với các lực lượng trong và ngoài nhà trường để giáo dục học sinh 2.7.1. Liên kết các lực lượng trong nhà trường để giáo dục học sinh. 2.7.2. Liên kết với các lực lượng khác ngoài nhà trường để giáo dục học sinh. *Thực hành: Phân tích các biện pháp phối kết hợp các lực lượng giáo dục của giáo viên chủ nhiệm. Kiểm tra 1 tiết (bài kiểm tra số 1) - Nội dung kiểm tra: từ chương 1 đến chương 2 - Hình thức tự luận - Thời gian kiểm tra: 1 tiết	1 LT 1TH 1 KT	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập và làm bài kiểm tra 1 tiết. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Thiết kế đề kiểm tra số	CLO1 CLO2 CLO4
Tuần 9	Chương 3: Phương pháp công tác Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh trong trường tiểu học (12 tiết) 3.1. Khái quát chung 3.1.1. Khái niệm về nghi thức Đội 3.1.2. Nghi thức đội thiếu niên TPHCM	1 LT 2 TH	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: Kiểm tra nhiệm vụ	CLO3 CLO5 CLO6

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	3.2. Những kỹ năng cơ bản đối với đội viên 3.2.1. Thuộc, hát đúng Quốc ca, Đội ca và một số bài hát truyền thống 3.2.2. Thắt khăn, tháo khăn quàng đỏ Thực hành: - Hát đúng Quốc ca, Đội ca và một số bài hát truyền thống của Đội - Thắt khăn, tháo khăn quàng đỏ		tự học của sinh viên, sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	
Tuần 10	Tiếp chương 3 3.2.3. Chào kiểu đội viên 3.2.4. Cầm cờ, giương cờ, vác cờ, kéo cờ 3.2.5. Hô đáp khẩu hiệu Đội 3.2.6. Các động tác cá nhân tại chỗ và di động 3.2.7. Các bài trống Đội - Trống chào cờ - Trống hành tiến - Trống chào mừng Thực hành: - Chào kiểu đội viên - Cầm cờ, giương cờ, vác cờ, kéo cờ - Hô đáp khẩu hiệu Đội - Các động tác cá nhân tại chỗ và di động - Các bài trống Đội	3 TH	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: Kiểm tra nhiệm vụ tự học của sinh viên, sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	CLO3 CLO5 CLO6
Tuần 11	Tiếp chương 3 3.3. Chỉ huy nghi thức Đội 3.3.1. Vị trí, vai trò của người chỉ huy nghi thức Đội 3.3.2. Quy định đối với người chỉ huy nghi thức Đội 3.3.3. Những động tác chỉ huy đội hình của người chỉ huy nghi thức Đội 3.3.4. Khẩu lệnh của người chỉ huy nghi thức	1 LT 2 TH	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: Kiểm tra nhiệm vụ tự học của sinh viên, sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển	CLO3 CLO5 CLO6

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	3.4. Đội hình - Đội ngũ *Thực hành: Sinh viên thực hiện các nội dung thực hành nghi thức Đội		các hoạt động học tập của sinh viên	
Tuần 12	Tiếp chương 3 3.5. Các hoạt động sinh hoạt Đội 3.5.1. Sinh hoạt chi Đội theo chủ đề 3.5.2. Đại hội chi Đội 3.5.3. Các hội thi về Đội * Thực hành: Thiết kế và tổ chức các hoạt động sinh hoạt chi Đội theo chủ đề; đại hội chi Đội; 1 hội thi thiếu nhi	3 TH	SV thực hiện các nhiệm vụ học tập GV Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	CLO3 CLO5 CLO6
Tuần 13	Chương 4. Công tác Sao nhi đồng ở trường tiểu học (6 tiết) 4.1. Những quy định chung về tổ chức nhi đồng 4.1.1. Khái quát chung về nhi đồng và sao nhi đồng 4.1.2. Cách tổ chức Sao nhi đồng 4.1.3. Phụ trách Sao nhi đồng 4.1.4. Bài hát chính thức và lời hứa của nhi đồng 4.1.5. Các biểu trưng của Sao nhi đồng Thực hành: Tập luyện các bài hát về nhi đồng	1 LT 2 TH	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: Kiểm tra nhiệm vụ tự học của sinh viên, sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên	CLO3 CLO5 CLO6
Tuần 14	Tiếp chương 4 4.2. Tổ chức hoạt động nhi đồng 4.2.1. Lễ công nhận Sao nhi đồng 4.2.2. Bầu trưởng sao nhi đồng 4.2.3. Tổ chức sinh hoạt Sao nhi đồng 4.2.4. Phụ trách Sao nhi đồng * Thực hành: - Tổ chức buổi sinh hoạt sao nhi đồng. - Tổ chức buổi lễ công nhận sao.	3 TH	SV: - Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập: GV: Kiểm tra nhiệm vụ tự học của sinh viên, sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển	CLO3 CLO5 CLO6

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			các hoạt động học tập của sinh viên	
Tuần 15	Chương 5. Các hoạt động nghiệp vụ của Đội TNTP Hồ Chí Minh (3 tiết) 5.1. Múa, hát thiếu nhi 5.2. Trò chơi thiếu nhi 5.3. Trại thiếu nhi *Thực hành: Hướng dẫn thiếu nhi múa, hát, tổ chức trò chơi, tổ chức hội trại thiếu nhi * Kiểm tra 1 tiết (bài kiểm tra số 2) - Hình thức: tự luận - Nội dung: từ chương 3 đến chương 5 - Thời gian: 1 tiết	1 LT 1 TH 1 KT	SV:- Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập và làm bài kiểm tra. GV: Nhận xét kết quả tự học, sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học, tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên - Thiết kế đề kiểm tra 1 tiết số 2	CLO3 CLO5 CLO6

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra số 1, hình thức bài thực hành	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2	
A2.2	Bài kiểm tra số 2, hình thức bài tập cá nhân	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Hình thức tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10				

(*) Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5: Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq 80\%$ số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến 70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
0-5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Hình thức: Kiểm tra tự luận

- Thời gian: 50 phút (1 tiết)

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1: Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề.	3.5
	+ Nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm	- Trình bày logic, khoa học.	0.5
	+ Những thuận lợi và khó khăn trong	- Liên hệ thực tiễn	1.0

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	công tác của giáo viên chủ nhiệm		
2	Câu 2: Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 2. - Nhiệm vụ của giáo viên chủ nhiệm lớp - Xây dựng hồ sơ học sinh - Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm - Giáo dục kỷ luật tích cực - Xây dựng tập thể học sinh và môi trường lớp học - Giáo dục học sinh cá biệt - Tổ chức hoạt động giáo dục	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
3	Tổng điểm		10

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1: Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 3. - Phương pháp Đội TNTP Hồ Chí Minh trong trường tiểu học	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2: Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 4,5. - Công tác Sao nhi đồng - Các hoạt động nghiệp vụ của Đội TNTP Hồ Chí Minh	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
3	Tổng điểm		10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Kiến thức trong chương trình đã học từ tuần 1 đến tuần 15
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Tiêu chí đánh giá: Theo hướng dẫn chấm bài trong ngân hàng đề thi

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Câu 1 (5 điểm) - Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1,2.	Theo bộ đề trong ngân	Theo biểu

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	+ Những vấn đề chung về giáo viên chủ nhiệm lớp trong trường tiểu học + Nội dung, phương pháp công tác chủ nhiệm lớp	hàng đề thi	điểm của đáp án đề thi
	- Câu 2 (5 điểm) - Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 3,4,5. + Phương pháp công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh + Công tác Sao nhi đồng + Các hoạt động nghiệp vụ của Đội		
2	Tổng điểm		10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Nguyễn Thị Thương

Nguyễn Thị Thương

6.2.54. Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học **Ngành: Giáo dục Tiểu học**

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622039
1.2. Tên học phần:	Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	
1.4. Số tín chỉ:	2 (1 LT + 1 TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15
- Thực hành:	30
- Tự học:	60
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Bế Thị Thu Huyền
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Bùi Thị Lan Hương ThS. Hà Ngọc Yến ThS. Nguyễn Hữu Tới
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP622009, SP622023, SP622024, SP622025, SP622027, SP622028.
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần

Học phần Bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kì 7 cho sinh viên năm thứ tư. Đây là học phần phương pháp dạy học Tiếng Việt chuyên sâu với 3 nội dung chính: 1. Khái quát về bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học; 2. Bồi dưỡng hứng thú học tập và vốn sống cho học sinh năng khiếu; 3. Bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng tiếng Việt cho học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt. Những kiến thức này là cơ sở giúp sinh viên có khả năng thiết kế, hướng dẫn và bồi

đường học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học sau này.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có được những kiến thức cơ bản về bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học; có kỹ năng thiết kế, tổ chức và thực hiện các hoạt động bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPĐG
CLO1	Phân tích được các kiến thức lý luận cơ bản về bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO2	Phát hiện và bồi dưỡng được những học sinh có năng khiếu tiếng Việt, văn học.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO3	Phân tích được phạm vi, nội dung kiến thức, phương pháp bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt; xây dựng và tổ chức thực hiện các bài tập bổ trợ, nâng cao môn Tiếng Việt.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO4	Nghiêm túc trong học tập; có ý thức vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt và các hoạt động giáo dục khác trong nhà trường tiểu học.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.

5. Môi liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I,R,M,A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Môi liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		M								R
CLO 2		R	R							
CLO 3		M	M	R	R		R		R	R
CLO4		R	R	R	R	R	R		R	
Tổng hợp học phần		M	M	R	R	R	R		R	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1]. Lê Phương Nga (2015), *Bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Việt ở tiểu học*, Nxb. Đại học Sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Phương Nga (chủ biên), Lê A, Đặng Kim Nga, Đỗ Xuân Thảo, *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1*, Nxb. Đại học Sư phạm, 2021.

[3]. Lê Phương Nga (chủ biên), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2*, Nxb. Đại học Sư phạm Hà Nội, 2021.

[4]. Đỗ Ngọc Thống (Tổng Chủ biên) – Đỗ Xuân Thảo (Chủ biên) – Phan Thị Hồ Điệp – Lê Phương Nga, *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2021.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: **45** tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 02 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 01 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học^{vi}

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Giới thiệu học phần (*)		- Giảng viên (GV) thuyết giảng, tổ chức hướng dẫn người học (NH) tìm hiểu ĐCCT học phần.	
1	CHƯƠNG 1. KHÁI QUÁT VỀ BỒI DƯỠNG HỌC SINH NĂNG KHIẾU MÔN TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC	2LT 1TH		
	1.1. Ý nghĩa, sự cần thiết của việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt 1.2. Những định hướng của việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt 1.3. Nhiệm vụ của việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn.	CLO1 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			- Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về bồi dưỡng hứng thú học tập và vốn sống cho HS năng khiếu môn Tiếng Việt trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3]; + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	
2	CHƯƠNG 2. BỒI DƯỠNG HỨNG THÚ HỌC TẬP VÀ VỐN SỐNG CHO HỌC SINH NĂNG KHIẾU MÔN TIẾNG VIỆT	2LT 4TH		
	2.1. Phát hiện những học sinh có hứng thú học tập và năng khiếu Tiếng Việt 2.2. Bồi dưỡng hứng thú học tập Tiếng Việt cho học sinh 2.2. Bồi dưỡng hứng thú học tập Tiếng Việt cho học sinh 2.3. Bồi dưỡng vốn sống cho học sinh		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên; + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học; - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng tiếng Việt cho HS năng khiếu môn Tiếng Việt (về ngữ âm, chữ viết, chính tả, đơn vị từ câu) trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]; + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí	CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			thuyết.	
	CHƯƠNG 3. BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC, KĨ NĂNG TIẾNG VIỆT CHO HỌC SINH NĂNG KHIẾU MÔN TIẾNG VIỆT	12LT 22TH 2KT		
	3.1. Ngữ âm, chữ viết, chính tả 3.1.1. Kiến thức ngữ âm, chữ viết, chính tả 3.1.2. Kĩ năng phân tích cấu tạo tiếng và viết đúng chính tả 3.2. Đơn vị từ, câu 3.2.1. Kiến thức về từ, câu 3.2.2. Kĩ năng xác định đơn vị từ, câu, phân cắt ranh giới từ và tách đoạn thành câu 3.3. Làm giàu vốn từ 3.3.1. Kiến thức về mở rộng, làm giàu vốn từ 3.3.2. Kĩ năng nắm nghĩa, mở rộng vốn từ và sử dụng từ 3.4. Cấu tạo từ 3.4.1. Kiến thức về cấu tạo từ 3.4.2. Kĩ năng nhận diện,		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên; + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học; - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng tiếng Việt cho HS năng khiếu môn Tiếng Việt (về làm giàu vốn từ, cấu tạo từ) trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]; + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. - NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của của sinh viên; + Sử dụng linh hoạt các phương pháp	CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	nắm nghĩa, tạo từ và sử dụng từ theo kiểu cấu tạo 3.5. Từ loại 3.5.1. Kiến thức về từ loại 3.5.2. Kỹ năng nhận diện, sử dụng từ theo đúng từ loại, tiểu loại 3.6. Biện pháp tu từ 3.6.1. Kiến thức về một số biện pháp tu từ 3.6.2. Kỹ năng nhận diện, sử dụng biện pháp tu từ		dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học; - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tiếng Việt cho HS năng khiếu môn Tiếng Việt (về từ loại, biện pháp tu từ) trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]; + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. - NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học; - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tiếng Việt cho HS năng khiếu môn Tiếng Việt (về câu phân loại theo chức năng của vị ngữ, câu phân loại theo mục đích nói) trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]; + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí	

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			thuyết. + Ôn tập kiến thức, kỹ năng đã học, chuẩn bị cho Bài kiểm tra số 1.	
	Bài kiểm tra số 1	1KT	- GV phát đề kiểm tra. - NH làm bài kiểm tra dưới sự hướng dẫn của GV.	CLO2 CLO3 CLO4
	3.7. Câu phân loại theo chức năng của vị ngữ 3.7.1. Kiến thức về câu phân loại theo chức năng của vị ngữ 3.7.2. Kỹ năng nhận diện, sử dụng đúng kiểu câu phân loại theo chức năng của vị ngữ 3.8. Câu phân loại theo mục đích nói 3.8.1. Kiến thức về câu phân loại theo mục đích nói 3.8.2. Kỹ năng nhận diện, sử dụng đúng kiểu câu phân loại theo mục đích nói 3.9. Câu phân loại theo cấu tạo 3.9.1. Kiến thức về câu phân loại theo cấu tạo 3.9.2. Kỹ năng nhận diện, sử dụng đúng kiểu câu theo cấu tạo 3.10. Liên kết câu 3.10.1. Kiến thức về liên kết câu		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học; - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lý thuyết về bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tiếng Việt cho HS năng khiếu môn Tiếng Việt (về câu phân loại theo cấu tạo, liên kết câu) trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]; + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết. - NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học;	CLO2 CLO3 CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	3.10.2. Kỹ năng nhận diện, phân tích các kiểu liên kết câu 3.11. Cảm thụ văn học 3.11.1. Kiến thức cơ bản về cảm thụ văn học 3.11.2. Kỹ năng đọc hiểu, cảm thụ văn học 3.12. Làm văn 3.12.1. Kiến thức cơ bản về làm văn 3.12.2. Kỹ năng viết đoạn văn, bài văn		+ Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học; - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng tiếng Việt cho HS năng khiếu môn Tiếng Việt (về cảm thụ văn học, làm văn) trong tài liệu [1], có thể đọc thêm tài liệu [2], [3], [4]; + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. - NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học; + Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của sinh viên; +Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học; - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. + Ôn tập kiến thức, kỹ năng đã học, chuẩn bị cho Bài kiểm tra số 2.	
	Bài kiểm tra số 2	1KT	- GV giao đề bài - NH làm bài kiểm tra theo hướng dẫn của GV.	CLO2 CLO3 CLO4

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của các ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá;

phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kỳ				30%
A2.1	- Bài kiểm tra số 01, hình thức tự luận.	- Bảng 5a	CLO2 CLO3, CLO4	
A2.2	- Bài kiểm tra số 02, hình thức tự luận.	- Bảng 5b	CLO2, CLO3, CLO4	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3	- Thi tự luận	- Bảng 6	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần*: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: Chương 2, 3

- Hình thức: tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

ST T	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chọn một trong các nội dung sau: - Bồi dưỡng hứng thú học tập cho học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt - Bồi dưỡng vốn sống cho học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học. - Vận dụng cụ thể, đúng và đầy đủ.	3
2	Lựa chọn một trong các nội dung sau xây dựng bài tập (kèm theo đáp án, biểu điểm chấm) bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học:	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học.	3

ST T	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	- Ngữ âm, chữ viết, chính tả - Đơn vị từ, câu - Làm giàu vốn từ	- Vận dụng cụ thể, đúng và đầy đủ.	
3	Lựa chọn một trong các nội dung sau xây dựng bài tập (kèm theo đáp án, biểu điểm chấm) bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học: - Cấu tạo từ - Từ loại - Biện pháp tu từ	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học. - Vận dụng cụ thể, đúng và đầy đủ.	4
Tổng điểm			10

** Ghi chú: Tùy vào đặc điểm tình hình lớp dạy, GV có thể lựa chọn hình thức kiểm tra khác phù hợp hơn như kiểm tra vấn đáp, kiểm tra theo nhóm,... Lựa chọn hình thức nào, GV cần thông báo trước với lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.*

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: Chương 3

- Hình thức: tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Lựa chọn một trong các nội dung sau xây dựng bài tập (kèm theo đáp án, biểu điểm chấm) bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học: - Câu phân loại theo chức năng của vị ngữ - Câu phân loại theo mục đích nói - Câu phân loại theo cấu tạo - Liên kết câu	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học. - Vận dụng cụ thể, đúng và đầy đủ.	5
2	Lựa chọn một trong các nội dung sau xây dựng bài tập (kèm theo đáp án, biểu điểm chấm) bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học: - Cảm thụ văn học - Làm văn	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học. - Vận dụng cụ thể, đúng và đầy đủ.	5
Tổng điểm			10

** Ghi chú: Tùy vào đặc điểm tình hình lớp dạy, GV có thể lựa chọn hình thức kiểm tra khác phù hợp hơn như kiểm tra vấn đáp, kiểm tra theo nhóm,... Lựa chọn hình thức nào, GV cần thông báo trước với lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.*

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1, Chương 2, Chương 3.
- Hình thức: Tự luận.
- Thời gian: 90 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần^{vii}

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Lựa chọn một vấn đề lí thuyết thuộc Chương 1. yêu cầu trình bày và liên hệ thực tế ở tiểu học: - Phân tích ý nghĩa, sự cần thiết của việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt. - Trình bày những định hướng của việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt. - Phân tích nhiệm vụ của việc bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt.	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học. - Vận dụng cụ thể, đúng và đầy đủ.	1
2	Lựa chọn một vấn đề thuộc Chương 2: - Trình bày những cách thức và nội dung bồi dưỡng hứng thú học tập Tiếng Việt và bồi dưỡng vốn sống cho học sinh. - Thiết kế hoạt động dạy học bồi dưỡng hứng thú học tập Tiếng Việt và bồi dưỡng vốn sống cho học sinh.	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học. - Vận dụng cụ thể, đúng và đầy đủ.	3
3	Lựa chọn hai trong các nội dung thuộc Chương 3. Bồi dưỡng kiến thức, kĩ năng Tiếng Việt cho học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt yêu cầu xây dựng bài tập (kèm theo đáp án, biểu điểm chấm) bồi dưỡng học sinh năng khiếu môn Tiếng Việt ở tiểu học.	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học. - Vận dụng cụ thể, đúng và đầy đủ.	6
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Bé Thị Thu Huyền

6.2.55. *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA SƯ PHẠM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:

SP622040

1.2. Tên học phần:

Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học

1.3. Tên tiếng Anh:

Teaching methods of developing Vietnamese language capability in primary schools

1.4. Số tín chỉ:

03 (1 lí thuyết, 1 thực hành)

1.5. Phân bố thời gian

- Lí thuyết:

15 tiết.

- Thực hành:

30 tiết

- Tự học:

60 tiết

1.6. Quản lí, phụ trách học phần

- Khoa quản lí học phần:

Khoa Sư phạm

- Giảng viên phụ trách chính:

ThS. Nguyễn Thị Gấm

TS. Bé Thị Thu Huyền

- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:

TS. Bùi Thị Lan Hương

ThS. Nguyễn Thị Minh Thái

1.7. Điều kiện tham gia học phần

- Học phần tiên quyết:

Không

- Học phần học trước:

Tiếng Việt thực hành, Tiếng Việt 1, Tiếng Việt 2, Tiếng Việt 3, Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 1, Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2, Văn học

- Học phần song hành:

Thực hành Nghiệp vụ Sư phạm thường xuyên 3

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học có được những kiến thức chuyên môn về dạy học phát triển năng lực (PTNL) môn Ngữ văn nói chung, môn Tiếng Việt ở tiểu học nói riêng; có khả năng vận dụng những phương pháp dạy học (PPDH), kỹ thuật dạy học PTNL vào thiết kế kế hoạch dạy học, thiết kế công cụ kiểm tra, đánh giá và tổ chức dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức:

- CO1: Có kiến thức chuyên môn về dạy học PTNL môn Ngữ văn nói chung và môn Tiếng Việt ở tiểu học nói riêng.
- CO2: Có kiến thức chuyên môn về phương pháp dạy học, quy trình dạy học và quy trình kiểm tra đánh giá môn Tiếng Việt ở tiểu học theo định hướng PTNL.

2.2.2. Về kỹ năng:

- CO3: Có kỹ năng vận dụng những phương pháp, kỹ thuật dạy học Tiếng Việt ở tiểu học theo định hướng PTNL vào thiết kế kế hoạch dạy học.
- CO4: Có kỹ năng thiết kế kế hoạch dạy học, thiết kế công cụ kiểm tra, đánh giá và tổ chức dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo hướng PTNL người học.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có ý thức chủ động tìm tòi, nghiên cứu, rèn luyện các phương pháp, kỹ thuật dạy học Tiếng Việt ở tiểu học theo hướng PTNL người học.

3. Chuẩn đầu ra của học phần “Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Lí giải được những kiến thức chuyên môn về dạy học PTNL môn Ngữ văn nói chung và dạy học PTNL môn Tiếng Việt ở tiểu học nói riêng.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
CLO2	Giải thích được các phương pháp, kỹ thuật dạy học, nội dung đổi mới kiểm tra, đánh giá, quy trình kiểm tra đánh giá và quy trình dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo hướng PTNL người học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
CLO3	Thiết kế được kế hoạch dạy học, công cụ kiểm tra, đánh giá và tổ chức dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo hướng PTNL người học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
CLO4	Nhận thức được tầm quan trọng của việc nghiên cứu các	CO1, CO2,

	phương pháp, kĩ thuật dạy học PTNL môn tiếng Việt ở tiểu học và có ý thức tích cực nghiên cứu, đổi mới phương pháp dạy học theo hướng PTNL người học.	CO3, CO4, CO5

4. Mối liên hệ giữa CĐR học phần (CLO) với CĐR các Chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A, cụ thể như sau:

I (Introduced) - CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) - CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) - CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) - Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		M	M	I	I	R			R	R
CLO 2		M	M	I	I	R			R	R
CLO 3		M	A	I	I	R			R	R
CLO 4		M	M	R	R	R			R	R
Học phần		M	M	I	I	R			R	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1] Đỗ Ngọc Thống (Tổng chủ biên) (2020), *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, tháng 12 năm 2018.

[3] Sách giáo khoa và sách giáo viên môn Tiếng Việt bậc tiểu học – Bộ sách Cánh diều.

[4] Sách giáo khoa và sách giáo viên môn Tiếng Việt bậc tiểu học – Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: **45** tiết;

- Tổng số tuần học: **15** tuần;

- Phân bố: **3** tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = **15** buổi;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: **02** bài;

+ Thi kết thúc học phần: **01** bài.

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần/Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Giới thiệu học phần (*)		- Mô tả được vị trí, vai trò, nội dung học phần.	CLO4	- Giảng viên (GV) thuyết giảng, tổ chức hướng dẫn người học (NH) tìm hiểu ĐCCT học phần; - NH lắng nghe, trao đổi về ĐCCT.
	CHƯƠNG 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC MÔN NGỮ VĂN	3LT 3TH			GV: - Thuyết giảng; - Hướng dẫn NH nghiên cứu tài liệu [1, 2, 3] để thực hiện nhiệm vụ học tập (NVHT); - Giao NVHT chương 1. - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT mục 1.1, 1.2, 1.3 của NH; - Chốt kiến thức mục 1.1, 1.2, 1.3.
	1.1. Dạy học phát triển năng lực <i>1.1.1. Năng lực và dạy học phát triển năng lực</i> <i>1.1.2. Dạy học định hướng nội dung và dạy học phát triển năng lực</i>	1LT	- Trình bày được khái niệm năng lực và dạy học PTNL. - Phân biệt được dạy học định hướng nội dung và dạy học PTNL. - Lí giải được các biểu hiện cụ thể của năng lực văn học và năng lực ngôn ngữ. - Giải thích được khái niệm PPDH	CLO1 CLO2 CLO4	
	1.2. Năng lực ngữ văn <i>1.2.1. Năng lực văn học</i> <i>1.2.2. Năng lực ngôn ngữ</i>	1LT		CLO1 CLO2 CLO4	

Tuần/Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	1.3. Phương pháp dạy học Ngữ văn theo yêu cầu PTNL 1.3.1. Phương pháp dạy học 1.3.2. Dạy học định hướng nội dung và dạy học PTNL trong môn Ngữ văn 1.3.3. Yêu cầu của phương pháp dạy học Ngữ văn theo hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh * Thực hành - Phân tích, đánh giá bài minh họa dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.	1TH	và các PPDH đặc thù của môn Ngữ văn theo định hướng PTNL. - Phân biệt được dạy học định hướng nội dung và dạy học PTNL môn Ngữ văn. - Trình bày được một số yêu cầu cơ bản của PPDH Ngữ văn theo hướng PTNL. - Đánh giá được mức độ phù hợp và hiệu quả của bài minh họa và các PPDH PTNL đặc thù môn Tiếng Việt ở tiểu học.		NH: - Lắng nghe, ghi chép; - Thực hiện NVHT mục 1.1, 1.2, 1.3 theo phân công, hướng dẫn của GV; - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT mục 1.1, 1.2, 1.3; - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT mục 1.1, 1.2, 1.3.
2	1.4. Kiểm tra đánh giá năng lực môn Ngữ văn 1.4.1. Mục tiêu đánh giá 1.4.2. Căn cứ đánh giá 1.4.3. Nội dung đánh giá	1LT 2TH	- Giải thích được mục tiêu, căn cứ, nội dung và cách thức đánh giá năng lực môn Ngữ văn theo hướng PTNL người học.	CLO1 CLO2 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT mục 1.4 của NH; - Chốt kiến thức

Tuần/Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	1.4.4. Cách thức đánh giá * Thực hành - Phân tích, đánh giá đề kiểm tra minh họa. - Phân tích, đánh giá bài minh họa dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học (tiếp).		- Đánh giá được mức độ phù hợp và hiệu quả của đề kiểm tra minh họa. - Đánh giá được mức độ phù hợp và hiệu quả của bài minh họa và các PPDH PTNL đặc thù môn Tiếng Việt ở tiểu học.		mục 1.4; - Giao NVHT chương 2, mục 2.1. NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT mục 1.4; - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT mục 1.4. - Nhận NVHT mục 2.1 và thực hiện trước NVHT ở nhà.
3	CHƯƠNG 2. PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC MÔN TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC 2.1. Phương pháp dạy đọc hiểu văn bản văn học 2.1.1. Đặc điểm của văn bản văn học (VBVH) trong trường tiểu học 2.1.2. Yêu cầu và quy trình dạy đọc VBVH ở tiểu học	10LT 23TH 2LT 1TH	- Giải thích được các đặc điểm của VBVH, yêu cầu và quy trình dạy đọc VBVH ở tiểu học. - Thiết kế được bài dạy đọc hiểu	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT mục 2.1 của NH; - Chốt kiến thức mục 2.1. NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT

Tuần/Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	2.1.3. Thiết kế bài dạy đọc hiểu VB VH ở tiểu học		VB VH ở tiểu học. - Nhận xét, đánh giá được mức độ phù hợp, hiệu quả của kế hoạch dạy học đọc hiểu VB VH ở tiểu học.		mục 2.1; - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT mục 2.1.
4	* Thực hành - Tổ chức dạy bài đọc hiểu VB VH ở tiểu học. - Nhận xét, đánh giá quy trình dạy đọc hiểu VB VH ở tiểu học.	3TH	- Tổ chức được bài dạy đọc hiểu VB VH ở tiểu học. - Nhận xét, đánh giá được mức độ phù hợp, hiệu quả của quy trình dạy đọc hiểu VB VH ở tiểu học.	CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT mục 2.1 (nội dung thực hành tiếp theo); - Chốt kiến thức. - Giao NVHT mục 2.2. NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT mục 2.1 (tiếp theo); - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT mục 2.1 (tiếp theo);

Tuần/Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
			trình dạy đọc hiểu VBTT ở tiểu học.		- Chốt kiến thức; - Hướng dẫn ôn tập, chuẩn bị làm bài kiểm tra định kì số 01; - Giao NVHT mục 2.3. NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT mục 2.2 (tiếp theo); - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT mục 2.2 (tiếp theo); - Chuẩn bị làm bài kiểm tra 01 theo hướng dẫn ôn tập; - Nhận NVHT mục 2.3 và thực hiện trước NVHT ở nhà.
	Kiểm tra định kì: Bài kiểm tra số 01 (**) - Chương 1. Một số vấn đề về dạy học phát triển năng lực	1TH	- Lí giải được một số vấn đề về dạy học PTNL môn Tiếng Việt ở tiểu học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV giao đề bài; - NH nghiêm túc làm bài kiểm tra theo

Tuần/Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
7	môn Ngữ văn. - Chương 2. Phương pháp dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học.		- Lí giải được các PPDH đọc hiểu VB VH và VBTT ở tiểu học. - Thiết kế được kế hoạch dạy học đọc hiểu VB VH hoặc VBTT ở tiểu học.		hướng dẫn của GV.
	2.3. Phương pháp dạy học kiến thức tiếng Việt 2.3.1. Nội dung dạy học kiến thức tiếng Việt (KTTV) ở tiểu học 2.3.2. Tổ chức dạy học KTTV ở tiểu học 2.3.3. Thiết kế bài dạy KTTV ở tiểu học	1LT 1TH	- Giải thích được nội dung và quy trình tổ chức dạy học KTTV ở tiểu học. - Thiết kế được bài dạy KTTV ở tiểu học. - Nhận xét, đánh giá được mức độ phù hợp, hiệu quả của kế hoạch dạy học KTTV ở tiểu học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT mục 2.3 của NH; - Chốt kiến thức mục 2.3. NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT mục 2.3; - Chính sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT mục 2.3.
8	* Thực hành - Tổ chức dạy học KTTV ở tiểu học.	3TH	- Tổ chức được bài dạy KTTV ở	CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận,

Tuần/Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	- Nhận xét, đánh giá quy trình dạy học KTTV ở tiểu học.		tiểu học. - Nhận xét, đánh giá được mức độ phù hợp, hiệu quả của quy trình dạy học KTTV ở tiểu học.		nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT mục 2.3 (nội dung thực hành tiếp theo) của NH; - Chốt kiến thức; - Giao NVHT mục 2.4. NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT mục 2.3 (tiếp); - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT mục 2.3 (tiếp theo); - Nhận NVHT mục 2.4 và thực hiện trước NVHT ở nhà.
9	2.4. Phương pháp dạy viết 2.4.1. Mục đích và yêu cầu dạy viết ở tiểu học 2.4.2. Phương pháp dạy viết đúng	1LT	- Trình bày được mục đích và yêu cầu dạy viết ở tiểu học. - Lí giải được các phương pháp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 2.4.1, 2.4.2 của NH;

[illegible]

Tuần/Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	- Nhận xét, đánh giá kế hoạch bài dạy viết đoạn văn, văn bản ở tiểu học.		tiểu học. - Nhận xét, đánh giá được mức độ phù hợp, hiệu quả của kế hoạch dạy học đọc hiểu VB VH ở tiểu học.		mục 2.4.3; - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 2.4.3.
11	* Thực hành (tiếp) - Tổ chức bài dạy viết đoạn văn, văn bản ở tiểu học. - Nhận xét, đánh giá quy trình tổ chức bài dạy viết đoạn văn, văn bản ở tiểu học.	3TH	- Tổ chức được bài dạy viết đoạn văn, văn bản ở tiểu học. - Nhận xét, đánh giá được mức độ phù hợp, hiệu quả của quy trình dạy học viết đoạn văn, văn bản ở tiểu học.	CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 2.4.3 (nội dung thực hành tiếp theo) của NH; - Chốt kiến thức. - Giao NVHT mục 2.5. NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 2.4.3 (tiếp); - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 2.4.3 (tiếp) - Nhận NVHT

Tuần/Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
					mục 2.5 và thực hiện trước NVHT ở nhà.
12	2.5. Phương pháp dạy nói và nghe 2.5.1. Mục đích và yêu cầu dạy nói và nghe ở tiểu học 2.5.2. Phương pháp dạy nói và nghe ở tiểu học 2.5.3. Thiết kế bài dạy nói và nghe ở tiểu học	2LT 1TH	- Trình bày được mục đích và yêu cầu dạy nói và nghe ở tiểu học. - Giải thích được các phương pháp dạy nói và nghe ở tiểu học. - Thiết kế được bài dạy nói và nghe ở tiểu học. - Nhận xét, đánh giá được mức độ phù hợp, hiệu quả của kế hoạch bài dạy nói và nghe ở tiểu học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT mục 2.5 của NH; - Chốt kiến thức mục 2.5. NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT mục 2.5. - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT mục 2.5.
13	* Thực hành (tiếp) - Tổ chức bài dạy nói và nghe ở tiểu học. - Nhận xét, đánh giá quy trình tổ chức bài dạy nói và nghe ở tiểu học.	3TH	- Tổ chức được bài dạy nói và nghe ở tiểu học. - Nhận xét, đánh giá được mức độ phù hợp, hiệu quả của quy trình dạy nói và nghe ở tiểu học.	CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT mục 2.5 (nội dung thực hành tiếp theo) của NH; - Chốt kiến

Tuần/Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
					thức; - Giao NVHT chương 3. NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT mục 2.5 (tiếp); - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT mục 2.5 (tiếp); - Nhận NVHT chương 3 và thực hiện trước NVHT ở nhà.
14	CHƯƠNG 3. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC MÔN TIẾNG VIỆT Ở TIỂU HỌC 3.1. Một số vấn đề chung về kiểm tra, đánh giá 3.2. Đổi mới kiểm tra, đánh giá 3.3. Nội dung, mức độ đánh giá 3.4. Quy trình xây	2LT 4TH 2LT	- Trình bày được một số vấn đề chung về kiểm tra đánh giá và đổi mới kiểm tra đánh giá năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học. - Lí giải được nội dung, mức độ đánh giá và quy trình xây dựng	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT chương 3 của NH; - Chốt kiến thức; - Hướng dẫn ôn tập, chuẩn bị làm bài kiểm tra định kì số 02. NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá

Tuần/Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	dựng bộ công cụ đánh giá * Thực hành - Xây dựng công cụ đánh giá năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học.	1TH	bộ công cụ đánh giá năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học. - Xây dựng được các công cụ đánh giá năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học: Đề kiểm tra, bảng kiểm, thang đo...	CLO3 CLO4	kết quả thực hiện NVHT chương 3. - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT chương 3; - Ôn tập, chuẩn bị làm bài kiểm tra số 02 theo hướng dẫn.
15	* Thực hành (tiếp) - Xây dựng bộ công cụ đánh giá năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học. - Nhận xét, đánh giá các công cụ đánh giá năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học.	2TH	- Xây dựng được các công cụ đánh giá năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học: Đề kiểm tra, bảng kiểm, thang đo... - Nhận xét, đánh giá được mức độ phù hợp, hiệu quả của các công cụ đánh giá năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học.	CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT chương 3 (nội dung thực hành tiếp theo) của NH; - Chốt kiến thức; NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT chương 3 (tiếp); - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT

Tuần/Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
					chương 3 (tiếp).
	Kiểm tra định kì: Bài kiểm tra số 02 (**) - Chương 2. Phương pháp dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học. - Chương 3. Kiểm tra, đánh giá năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học.	1TH	- Lí giải được các phương pháp dạy học KTTV, phương pháp dạy viết, phương pháp dạy nói và nghe theo hướng PTNL. - Thiết kế được kế hoạch bài dạy KTTV, kế hoạch bài dạy viết hoặc kế hoạch bài dạy nói và nghe. - Thiết kế được các công cụ đánh giá năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- GV giao đề bài; - NH nghiêm túc làm bài kiểm tra theo hướng dẫn của GV.

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của các ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

(**) Bài kiểm tra định kì: GV có thể linh hoạt lựa chọn các hình thức kiểm tra đánh giá khác nhau cho phù hợp với đối tượng NH ở các lớp học phần.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)

A1. Đánh giá chuyên cần	10%	- Số tiết dự lớp; - Tinh thần thái độ học tập trên lớp; - Ý thức tự học, tự nghiên cứu.	30% 30% 40%	X	CLO4	- Theo dõi ý thức học tập của NH; Kiểm tra việc thực hiện NVHT của NH. - Điểm danh, thống kê ngày tham gia/ngỉ của NH.
A2. Đánh giá định kì	30%	A2.1. Bài kiểm tra số 01: - Chương 1. - Chương 2.	30% 70%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Đánh giá theo hướng dẫn chấm bài kiểm tra định kì số 01.
		A2.2. Bài kiểm tra số 02: - Chương 2. - Chương 3.	70% 30%		CLO2 CLO3 CLO4	- Đánh giá theo hướng dẫn chấm bài kiểm tra định kì số 02.
A3. Đánh giá cuối kì	60%	Bài thi cuối kì: - Chương 1, 3. - Chương 2.	30% 70%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Đánh giá theo hướng dẫn chấm bài thi tự luận.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp. - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần.	Dự đủ, đúng giờ >= 80% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ >= 90% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận,	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận,	30%

trên lớp			giờ học.	trao đổi, thảo luận.	đặt câu hỏi.	
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các NVHT giảng viên giao.	Thực hiện từ >= 50% các NVHT giảng viên giao.	Thực hiện từ >= 75% các NVHT giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các NVHT giảng viên giao.	Thực hiện 100% các NVHT giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra số 01 (tuần 7)

- Nội dung: Chương 1, Chương 2
- Hình thức: Tự luận (*)
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra số 01

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1. Một số vấn đề về dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn - Dạy học phát triển năng lực. - Năng lực ngữ văn. - Phương pháp dạy học Ngữ văn theo yêu cầu PTNL. - Kiểm tra đánh giá năng lực môn Ngữ văn.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	3
2	Chương 2. Phương pháp dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học - Phương pháp dạy đọc hiểu VB VH. - Phương pháp dạy đọc hiểu VB TT. - Thiết kế kế hoạch dạy học một VB VH, VB TT hoặc một hoạt động dạy học cụ thể trong bài dạy VB VH, VB TT.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	7
Tổng điểm			10

(*) Ghi chú: Tùy vào đặc điểm tình hình lớp dạy, GV có thể lựa chọn các hình thức kiểm tra khác phù hợp hơn như kiểm tra vấn đáp, kiểm tra trắc nghiệm, kiểm tra theo nhóm... Lựa chọn hình thức nào, GV cần thông báo trước với lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.

Bài kiểm tra số 02

- Nội dung: Phần 2

- Hình thức: Tự luận (*)
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra số 02

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 2. Phương pháp dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học - Phương pháp dạy học KTTV. - Phương pháp dạy viết. - Phương pháp dạy nói và nghe. - Thiết kế kế hoạch một bài dạy KTTV, kế hoạch dạy viết hoặc kế hoạch dạy nói và nghe.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	7
2	Chương 3. Kiểm tra, đánh giá năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học - Đổi mới kiểm tra, đánh giá - Nội dung, mức độ đánh giá - Quy trình xây dựng bộ công cụ đánh giá - Thiết kế công cụ kiểm tra đánh giá một bài học hoặc một hoạt động dạy học cụ thể.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	3
Tổng điểm			10

(*) Ghi chú: Tùy vào đặc điểm tình hình lớp dạy, GV có thể lựa chọn các hình thức kiểm tra khác phù hợp hơn như kiểm tra trắc nghiệm kết hợp kiểm tra tự luận, kiểm tra theo nhóm... Lựa chọn hình thức nào, GV cần thông báo trước với lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1, Chương 2, Chương 3
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: **90** phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

ST T	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1. Một số vấn đề về dạy học phát triển năng lực môn Ngữ văn - Năng lực ngữ văn - Phương pháp dạy học Ngữ văn theo yêu cầu PTNL - Kiểm tra đánh giá năng lực môn Ngữ văn Chương 3. Kiểm tra, đánh giá năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối	3

ST T	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	- Đổi mới kiểm tra, đánh giá - Nội dung, mức độ đánh giá - Quy trình xây dựng bộ công cụ đánh giá - Thiết kế công cụ kiểm tra đánh giá một bài học hoặc một hoạt động dạy học cụ thể.	đa.	
2	Chương 2. Phương pháp dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học - Phương pháp dạy đọc hiểu văn bản văn học - Phương pháp dạy đọc hiểu văn bản thông tin - Phương pháp dạy học kiến thức tiếng Việt - Phương pháp dạy viết - Phương pháp dạy nói và nghe - Thiết kế kế hoạch dạy học một bài học hoặc một hoạt động dạy học cụ thể.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	7
Tổng			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn



Nguyễn Thị Gấm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:

SP622041

1.2. Tên học phần:

Dạy học môn Tiếng Việt bậc tiểu học theo
Chương trình Giáo dục phổ thông mới

1.3. Tên tiếng Anh:

Teaching Vietnamese at primary level
under the new General Education Program

1.4. Số tín chỉ:

04 (1 lí thuyết, 1 thực
hành)

1.5. Phân bố thời gian

- Lý thuyết:

15 tiết.

- Thực hành:

30 tiết

- Tự học:

60 tiết

1.6. Quản lí, phụ trách học phần

- Khoa quản lí học phần:

Khoa Sư phạm

- Giảng viên phụ trách chính:

ThS. Nguyễn Thị Gấm

TS. Bé Thị Thu Huyền

- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:

TS. Bùi Thị Lan Hương

ThS. Nguyễn Thị Minh Thái

1.7. Điều kiện tham gia học phần

- Học phần tiên quyết:

Không

- Học phần học trước:

Tiếng Việt thực hành, Tiếng Việt 1, Tiếng
Việt 2, Tiếng Việt 3, Phương pháp dạy học
Tiếng Việt ở tiểu học 1, Phương pháp dạy
học Tiếng Việt ở tiểu học 2, Văn học

- Học phần song hành:

Thực hành Nghiệp vụ Sư phạm thường
xuyên 3

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung

Sau khi học xong học phần, người học có được những kiến thức chuyên môn về Chương trình môn tiếng Việt bậc tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông mới; có khả năng vận dụng các kiến thức và kĩ năng của môn học vào thiết kế kế hoạch dạy học, thiết kế công cụ kiểm tra, đánh giá và tổ chức dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Về kiến thức:

- CO1: Có kiến thức chuyên môn về Chương trình môn Tiếng Việt bậc tiểu học theo Chương trình giáo dục phổ thông (CTGDPT) mới.
- CO2: Có kiến thức nền tảng về các phương pháp dạy học và các phương pháp kiểm tra đánh giá môn Tiếng Việt bậc tiểu học theo CTGDPT mới.

2.2.2. Về kỹ năng:

- CO3: Có kỹ năng phân tích và phát triển Chương trình môn Tiếng Việt bậc tiểu học.
- CO4: Có kỹ năng vận dụng những kiến thức về Chương trình môn tiếng Việt bậc tiểu học theo CTGDPT mới vào thiết kế các kế hoạch dạy học, thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá và tổ chức các hoạt động dạy học cụ thể.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO5: Có ý thức chủ động tìm tòi, nghiên cứu, rèn luyện, đổi mới các phương pháp, kĩ thuật dạy học Tiếng Việt ở tiểu học theo CTGDPT mới.

3. Chuẩn đầu ra của học phần “Dạy học môn Tiếng Việt bậc tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới” (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

Ký hiệu CDR HP	Nội dung CDR học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Giải thích được Chương trình tiếng Việt bậc tiểu học theo CTGDPT mới: quan điểm xây dựng; mục tiêu; yêu cầu cần đạt (YCCĐ) về phẩm chất và năng lực; phương pháp, kĩ thuật dạy học; quy trình dạy học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
CLO2	Phân tích được cấu trúc nội dung các Chương trình môn Tiếng Việt bậc tiểu học theo CTGDPT mới và các bộ sách giáo khoa Tiếng Việt hiện hành.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
CLO3	Vận dụng được kiến thức về Chương trình môn tiếng Việt bậc tiểu học theo CTGDPT mới vào thiết kế kế hoạch dạy học, thiết kế công cụ kiểm tra đánh giá và tổ chức dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
CLO4	Nhận thức được tầm quan trọng của việc nghiên cứu Chương trình môn Tiếng Việt bậc tiểu học theo CTGDPT mới và có ý	CO1, CO2, CO3, CO4,

	thức tích cực học tập, nghiên cứu các cách thức dạy học môn Tiếng Việt bậc tiểu học.	CO5

4. Mối liên hệ giữa CDR học phần (CLO) với CDR các Chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A, cụ thể như sau:

I (Introduced) - CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) - CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) - CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) - Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		R	M	R	M	R			R	R
CLO 2		R	M	R	M	R			R	R
CLO 3		M	M	R	M	R			R	R
CLO 4		M	M	R	M	R			R	R
Học phần		M	M	R	M	R			R	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1] Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên) (2020), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo Chương trình Giáo dục phổ thông mới*, NXB Đại học Sư phạm.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Ngữ văn*, tháng 12 năm 2018.

[3] Sách giáo khoa và sách giáo viên môn Tiếng Việt bậc tiểu học – Bộ sách Cánh diều.

[4] Sách giáo khoa và sách giáo viên môn Tiếng Việt bậc tiểu học – Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: **45** tiết;

- Tổng số tuần học: **15** tuần;

- Phân bố: **3** tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = **15** buổi;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: **02** bài;

+ Thi kết thúc học phần: **01** bài.

7. Kế hoạch dạy học

Tuần /Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Gới thiệu học phần (*)		- Mô tả được vị trí, vai trò, nội dung học phần.	CLO4	- Giảng viên (GV) thuyết giảng, tổ chức hướng dẫn người học (NH) tìm hiểu ĐCCT học phần; - NH lắng nghe, trao đổi về ĐCCT.
1	CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH MÔN NGŨ VĂN MỚI 1.1. Chương trình Giáo dục phổ thông mới (tự học) <i>1.1.1. Quan điểm xây dựng</i> <i>1.1.2. Những điểm mới</i> 1.2. Chương trình môn Ngữ văn mới <i>1.2.1. Đặc điểm môn học</i> <i>1.2.2. Quan điểm xây dựng chương trình</i> <i>1.2.3. Mục tiêu chung của chương trình</i> <i>1.2.4. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực</i> <i>1.2.5. Cấu trúc nội dung</i>	1LT 1TH 1LT 1TH	- Trình bày được quan điểm xây dựng và những điểm mới trong CTGDPT mới. - Tóm tắt được những vấn đề chung về Chương trình môn Ngữ văn trong CTGDP mới.	CLO1 CLO2 CLO4 CLO1	GV: - Thuyết giảng; - Hướng dẫn NH nghiên cứu tài liệu [1, 2, 3] để thực hiện nhiệm vụ học tập (NVHT); - Giao NVHT mục 1.1, 1.2, 2.1; - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT mục 1.1, 1.2, 2.1 của NH; - Chốt kiến thức mục 1.1, 1.2, 2.1. NH: - Lắng nghe, ghi chép; - Thực hiện NVHT mục 1.1, 1.2, 2.1 theo phân công, hướng dẫn của GV; - Báo cáo, thảo luận,

Tuần /Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	1.2.6. Phương pháp giáo dục 1.2.7. Phương pháp kiểm tra đánh giá * Thực hành: - So sánh, đối chiếu Chương trình môn Ngữ văn mới với Chương trình môn Ngữ văn trước đó. CHƯƠNG 2. CHƯƠNG TRÌNH MÔN TIẾNG VIỆT BẬC TIỂU HỌC 2.1. Quan điểm xây dựng và mục tiêu của chương trình 2.1.1. Quan điểm xây dựng chương trình 2.1.2. Mục tiêu của chương trình	7LT 13TH 1LT	- Lí giải được những điểm mới của Chương trình Ngữ văn mới để có định hướng phát triển chương trình và dạy học Ngữ văn từ bậc tiểu học. - Lí giải được quan điểm xây dựng chương trình và mục tiêu của chương trình môn Tiếng Việt bậc tiểu học.	CLO4 CLO1 CLO4	- đánh giá kết quả thực hiện NVHT mục 1.1, 1.2, 2.1; - Chính sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT mục 1.1, 1.2, 2.1.
2	2.2. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực của môn Tiếng Việt bậc tiểu học 2.2.1. Căn cứ xác định các YCCĐ (tự học)		- Trình bày được căn cứ để xác định các YCCĐ về phẩm chất và năng lực của môn Tiếng Việt bậc tiểu học.	CLO1 CLO4	GV: - Thuyết giảng; - Giao NVHT mục 2.2; - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT mục 2.2 của NH; - Chốt kiến thức mục

Tuần /Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	2.2.2. Các YCCĐ về phẩm chất và năng lực 2.2.2.1. YCCĐ về các phẩm chất chủ yếu 2.2.2.2. YCCĐ về các năng lực chung 2.2.2.3. YCCĐ về các năng lực đặc thù của môn học * Thực hành - So sánh, đối chiếu giữa YCCĐ của Chương trình môn Tiếng Việt mới với Chương trình môn Tiếng Việt trước đó. - So sánh, đánh giá YCCĐ của Chương trình môn Tiếng Việt lớp 1, 2, 3, 4, 5.	1LT 2TH	- Giải thích được các YCCĐ về phẩm chất, năng lực của môn Tiếng Việt bậc tiểu học. - Lí giải được những điểm mới về nội dung và cách trình bày YCCĐ của Chương trình môn Tiếng Việt mới. - Lí giải được các mức độ của YCCĐ về kiến thức và kỹ năng của các Chương trình môn Tiếng Việt lớp 1, 2, 3, 4, 5.	CLO1 CLO2 CLO4	2.2. NH: - Lắng nghe, ghi chép; - Thực hiện NVHT; - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT mục 2.2.; - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT mục 2.2. GV: - Giao trước NVHT mục 2.3; - Hướng dẫn NH nghiên cứu tài liệu [4, 5, 6, 7] để thực hiện NVHT. NH: - Nhận NVHT mục 2.3; - Nghiên cứu tài liệu, thực hiện NVHT mục 2.3 ở nhà.
3	2.3. Nội dung của chương trình 2.3.1. Chương trình môn Tiếng Việt lớp 1 2.3.1.1. Bộ sách Cánh diều 2.3.1.2. Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc	1LT	- Giải thích được cấu trúc nội dung của Chương trình môn Tiếng Việt lớp 1.	CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 2.3.1 của NH; - Chốt kiến thức tiểu mục 2.3.1.

Tuần /Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	sống 2.3.1.3. Bộ sách Chân trời sáng tạo * Thực hành - Phân tích quan điểm tiếp cận, cấu trúc sách, cấu trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 1. - So sánh, đối chiếu cấu trúc sách, cấu trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 1. - Đánh giá ưu điểm, nhược điểm về nội dung và cách trình bày của các bộ sách Tiếng Việt lớp 1.	2TH	- Phân tích được quan điểm tiếp cận, cấu trúc sách, cấu trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 1. - Lập được bảng so sánh, đối chiếu cấu trúc sách, cấu trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 1. - Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm về nội dung, cách trình bày của các bộ sách Tiếng Việt lớp 1.	CLO2 CLO3 CLO4	NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT tiêu mục 2.3.1; - Chính sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT tiêu mục 2.3.1.
4	2.3.2. Chương trình môn Tiếng Việt lớp 2 2.3.2.1. Bộ sách Cánh diều 2.3.2.2. Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống 2.3.2.3. Bộ sách Chân trời sáng tạo * Thực hành - Phân tích quan điểm tiếp cận, cấu trúc sách,	1LT 2TH	- Giải thích được cấu trúc nội dung của Chương trình môn Tiếng Việt lớp 2. - Phân tích được quan điểm tiếp cận, cấu trúc sách, cấu	CLO2 CLO3 CLO4 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT tiêu mục 2.3.2 của NH; - Chốt kiến thức tiêu mục 2.3.2. NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực

Tuần /Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	cấu trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 2. - So sánh, đối chiếu cấu trúc sách, cấu trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 2. - Đánh giá ưu điểm, nhược điểm về nội dung và cách trình bày của các bộ sách Tiếng Việt lớp 2.		trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 2. - Lập được bảng so sánh, đối chiếu cấu trúc sách, cấu trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 2. - Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm về nội dung, cách trình bày của các bộ sách Tiếng Việt lớp 2.		hiện NVHT tiểu mục 2.3.2; - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 2.3.2.
5	2.3.3. Chương trình môn Tiếng Việt lớp 3 2.3.3.1. Bộ sách Cánh diều 2.3.3.2. Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống 2.3.3.3. Bộ sách Chân trời sáng tạo * Thực hành - Phân tích quan điểm tiếp cận, cấu trúc sách, cấu trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 3. - So sánh, đối chiếu	1LT 2TH	- Giải thích được cấu trúc nội dung của Chương trình môn Tiếng Việt lớp 3. - Phân tích được quan điểm tiếp cận, cấu trúc sách, cấu trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 3. - Lập được bảng so sánh, đối chiếu cấu trúc sách, cấu trúc	CLO2 CLO3 CLO4 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 2.3.3 của NH; - Chốt kiến thức tiểu mục 2.3.3. NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 2.3.3; - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 2.3.3.

Tuần /Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	cấu trúc sách, cấu trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 3. - Đánh giá ưu điểm, nhược điểm về nội dung và cách trình bày của các bộ sách Tiếng Việt lớp 3.		các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 3. - Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm về nội dung, cách trình bày của các bộ sách Tiếng Việt lớp 3.		
6	2.3.4. Chương trình môn Tiếng Việt lớp 4 2.3.4.1. Bộ sách Cánh diều 2.3.4.2. Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống 2.3.4.3. Bộ sách Chân trời sáng tạo * Thực hành - Phân tích quan điểm tiếp cận, cấu trúc sách, cấu trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 4. - So sánh, đối chiếu cấu trúc sách, cấu trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 4.	1LT 2TH	- Giải thích được cấu trúc nội dung của Chương trình môn Tiếng Việt lớp 4. - Phân tích được quan điểm tiếp cận, cấu trúc sách, cấu trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 4. - Lập được bảng so sánh, đối chiếu cấu trúc sách, cấu trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 4. - Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm về nội dung, cách	CLO2 CLO3 CLO4 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 2.3.4 của NH; - Chốt kiến thức tiểu mục 2.3.4. NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 2.3.4; - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 2.3.4.

Tuần /Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	- Đánh giá ưu điểm, nhược điểm về nội dung và cách trình bày của các bộ sách Tiếng Việt lớp 4.		trình bày của các bộ sách Tiếng Việt lớp 4.		
7	2.3.5. Chương trình môn Tiếng Việt lớp 5 2.3.5.1. Bộ sách Cánh diều 2.3.5.2. Bộ sách Kết nối tri thức với cuộc sống 2.3.5.3. Bộ sách Chân trời sáng tạo * Thực hành - Phân tích quan điểm tiếp cận, cấu trúc sách, cấu trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 5. - So sánh, đối chiếu cấu trúc sách, cấu trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 5. - Đánh giá ưu điểm, nhược điểm về nội dung và cách trình bày của các bộ sách Tiếng Việt lớp 5.	1LT 2TH	- Giải thích được cấu trúc nội dung của Chương trình môn Tiếng Việt lớp 5. - Phân tích được quan điểm tiếp cận, cấu trúc sách, cấu trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 5. - Lập được bảng so sánh, đối chiếu cấu trúc sách, cấu trúc các bài học trong mỗi bộ sách Tiếng Việt lớp 5. - Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm về nội dung, cách trình bày của các bộ sách Tiếng Việt lớp 5.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT tiêu mục 2.3.5 của NH; - Chốt kiến thức tiêu mục 2.3.5; - Hướng dẫn NH ôn tập chương 1, 2; - Giao trước NVHT mục 3.1. NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT tiêu mục 2.3.5; - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT tiêu mục 2.3.5; - Nghe và ghi chép hướng dẫn ôn tập chương 1,2; chuẩn bị làm bài kiểm tra định kì số 01. - Nhận NVHT mục 3.1; thực hiện NVHT mục 3.1 ở nhà.
	Kiểm tra định kỳ:		- Lí giải được	CLO1	- GV giao đề bài;

Tuần /Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
9	* Thực hành (tiếp) - Thiết kế KHDH đọc hiểu và KHDH đọc mở rộng. - Nhận xét, đánh giá KHDH đọc hiểu và KHDH đọc mở rộng.	1TH	- Thiết kế được các KHDH đọc hiểu và đọc mở rộng theo yêu cầu. - Nhận xét, đánh giá được mức độ phù hợp, hiệu quả của KHDH đọc hiểu và đọc mở rộng.	CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 3.1.1 (nội dung thực hành tiếp theo) và tiểu mục 3.1.2 của NH; - Chốt kiến thức tiểu mục 3.1.1 và tiểu mục 3.1.2. NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 3.1.1 (nội dung thực hành tiếp theo) và tiểu mục 3.1.2; - Chính sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 3.1.1 (nội dung thực hành tiếp theo) và tiểu mục 3.1.2.
	3.1.2. Phương pháp dạy viết 3.1.2.1. Viết chính tả 3.1.2.2. Viết câu 3.1.2.3. Viết đoạn văn 3.1.2.4. Viết văn bản	1LT	- Giải thích được các PPDH viết ở tiểu học.	CLO2 CLO3 CLO4	
	* Thực hành - Thiết kế KHDH viết chính tả và KHDH viết câu. - Nhận xét, đánh giá KHDH viết chính tả và KHDH viết câu.	1TH	- Thiết kế được các KHDH viết chính tả và KHDH viết câu theo yêu cầu. - Nhận xét, đánh giá được mức độ phù hợp, hiệu quả của KHDH viết chính tả KHDH và viết câu.	CLO2 CLO3 CLO4	
10	* Thực hành (tiếp) - Thiết kế KHDH viết đoạn văn và KHDH viết văn bản. - Nhận xét, đánh giá KHDH viết đoạn văn và KHDH viết văn bản.	1TH	- Thiết kế được các KHDH viết đoạn văn và KHDH viết văn bản theo yêu cầu. - Nhận xét, đánh giá được mức độ phù hợp, hiệu quả của	CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 3.1.2 (nội dung thực hành tiếp theo) và tiểu mục 3.1.3 của

Tuần /Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	3.2.2. Hình thức tổ chức các hoạt động dạy học cụ thể 3.2.2.1. Hoạt động khởi động 3.2.2.2. Hoạt động cơ bản 3.2.2.3. Hoạt động thực hành 3.2.2.4. Hoạt động ứng dụng * Thực hành - Tổ chức hoạt động khởi động và hoạt động cơ bản. - Nhận xét, đánh giá các bước tổ chức hoạt động khởi động và hoạt động cơ bản.	1LT 1TH	thức tổ chức dạy học đặc thù của môn Tiếng Việt ở tiểu học theo CTGDPT mới. - Tổ chức được hoạt động khởi động và hoạt động cơ bản trên lớp. - Nhận xét, đánh giá được mức độ phù hợp, hiệu quả của các bước tổ chức hoạt động khởi động và hoạt động cơ bản.	CLO2 CLO3 CLO4	NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 3.1.2 (nội dung thực hành tiếp theo) và tiểu mục 3.2.1, 3.2.2; - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 3.1.3 (nội dung thực hành tiếp theo) và tiểu mục 3.2.1, 3.2.2.
12	* Thực hành (tiếp) - Tổ chức hoạt động thực hành và hoạt động ứng dụng. - Nhận xét, đánh giá các bước tổ chức hoạt động thực hành và hoạt động cơ bản.	1TH	- Tổ chức được hoạt động thực hành và hoạt động ứng dụng trên lớp. - Nhận xét, đánh giá được mức độ phù hợp, hiệu quả của các bước tổ chức hoạt động thực hành và hoạt động ứng dụng.	CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 3.2.2 (nội dung thực hành tiếp theo) và tiểu mục 3.2.3, 3.2.4 của NH; - Chốt kiến thức tiểu mục 3.1.2 và tiểu mục 3.2.3, 3.2.4;

Tuần /Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	3.2.3. Quy trình dạy học 3.2.4. Một số kĩ thuật dạy học tích cực * Thực hành - Lựa chọn KTDH tích cực phù hợp với nội dung bài dạy. - Vận dụng phối hợp các KTDH tích cực vào thiết kế và tổ chức dạy học các bài học cụ thể trong Chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học. - Nhận xét, đánh giá việc lựa chọn và vận dụng các KTDH tích cực trong thiết kế KHDH.	1LT 1TH	- Lí giải được quy trình dạy học và một số kĩ thuật dạy học (KTDH) tích cực. - Lựa chọn được các KTDH tích cực, phù hợp với nội dung bài dạy. - Vận dụng phối hợp được các KTDH tích cực một cách linh hoạt để thiết kế và tổ chức dạy học các bài học Tiếng Việt ở tiểu học theo yêu cầu. - Nhận xét, đánh giá được mức độ phù hợp, hiệu quả của việc lựa chọn và vận dụng các KTDH tích cực trong thiết kế KHDH.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO2 CLO3 CLO4	- Giao NVHT chương 4. - NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT tiêu mục 3.2.2 (nội dung thực hành tiếp theo) và tiêu mục 3.2.3, 3.2.4; - Chính sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT tiêu mục 3.2.2 (nội dung thực hành tiếp theo) và tiêu mục 3.2.3, 3.2.4 - Thực hiện NVHT chương 4 ở nhà.
13	* Thực hành (tiếp) - Vận dụng phối hợp các KTDH tích cực vào thiết kế và tổ chức dạy học các bài học cụ thể trong Chương trình môn Tiếng Việt ở tiểu học.	2TH	- Vận dụng phối hợp được các KTDH tích cực một cách linh hoạt để thiết kế và tổ chức dạy học các bài học Tiếng Việt ở tiểu học theo yêu cầu.	CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT tiêu mục 3.2.4 (nội dung thực hành tiếp theo) và mục 4.1, 4.2 của NH;

Tuần /Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	- Nhận xét, đánh giá việc lựa chọn và vận dụng các KTDH tích cực trong tổ chức dạy học. CHƯƠNG 4. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ DẠY HỌC MÔN TIẾNG VIỆT BẬC TIỂU HỌC 4.1. Mục tiêu đánh giá 4.2. Nội dung đánh giá <i>4.2.1. Đánh giá hoạt động đọc</i> <i>4.2.2. Đánh giá hoạt động viết</i> <i>4.2.3. Đánh giá hoạt động nói và nghe</i> <i>4.2.4. Đánh giá phẩm chất và năng lực</i>	2LT 5TH 1LT	- Nhận xét, đánh giá được mức độ phù hợp, hiệu quả của việc lựa chọn và vận dụng các KTDH tích cực trong tổ chức dạy học. - Lí giải được những điểm mới về mục tiêu và nội dung đánh giá môn Tiếng Việt bậc tiểu học theo CTGDPT mới.	CLO2 CLO3 CLO4	- Chốt kiến thức tiểu mục 3.2.4 và mục 4.1, 4.2. NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 3.2.4 (nội dung thực hành tiếp theo) và mục 4.1, 4.2; - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT tiểu mục 3.2.4 (nội dung thực hành tiếp theo) và mục 4.1, 4.2.
14	4.3. Cách thức đánh giá <i>4.3.1. Đánh giá thường xuyên</i> <i>4.3.2. Đánh giá định kì</i> * Thực hành - Xây dựng công cụ đánh giá hoạt động đọc	1LT 2TH	- Lí giải được những điểm mới về cách thức đánh giá môn Tiếng Việt bậc tiểu học theo CTGDPT mới. - Xây dựng được một số công cụ đánh giá hoạt động đọc và hoạt động	CLO2 CLO3 CLO4 CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT mục 4.3 của NH; - Chốt kiến thức mục 4.3. NH: - Báo cáo, thảo luận,

Tuần /Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	và công cụ đánh giá hoạt động viết. - Nhận xét, đánh giá các công cụ đánh giá hoạt động đọc và hoạt động viết.		viết: Đề kiểm tra, bảng kiểm, thang đo... - Nhận xét, đánh giá được mức độ phù hợp, hiệu quả của các công cụ đánh giá hoạt động đọc và hoạt động viết.		đánh giá kết quả thực hiện NVHT mục 4.3; - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT mục 4.3.
15	* Thực hành (tiếp) - Xây dựng công cụ đánh giá hoạt động nói và nghe. - Nhận xét, đánh giá các công cụ đánh giá hoạt động nói và nghe.	2TH	- Xây dựng được một số công cụ đánh giá hoạt động nói và nghe: Đề kiểm tra, bảng kiểm, thang đo... - Nhận xét, đánh giá được mức độ phù hợp, hiệu quả của các công cụ đánh giá hoạt động nói và nghe.	CLO2 CLO3 CLO4	GV: - Tổ chức báo cáo, thảo luận, nhận xét, góp ý cho kết quả thực hiện NVHT mục 4.3 (nội dung thực hành tiếp theo) của NH; - Chốt kiến thức. NH: - Báo cáo, thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện NVHT mục 4.3 (tiếp); - Chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo kết quả thực hiện NVHT mục 4.3 (tiếp).
	Kiểm tra định kì: Bài kiểm tra số 02 (**) - Chương 3. Các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học.	1TH	- Lí giải được các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và đánh giá kết quả dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học. - Thiết kế được các	CLO2 CLO3 CLO4	- GV giao đề bài; - NH nghiêm túc làm bài kiểm tra theo hướng dẫn của GV.

Tuần /Buổi	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy-học
	- Chương 4. Đánh giá kết quả dạy học môn Tiếng Việt bậc tiểu học.		KHĐH và các công cụ đánh giá kết quả dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học theo yêu cầu.		

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của các ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

(**) Bài kiểm tra định kì: GV có thể linh hoạt lựa chọn các hình thức kiểm tra đánh giá khác nhau cho phù hợp với đối tượng NH ở các lớp học phần.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá của học phần

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Đánh giá chuyên cần	10%	- Số tiết dự lớp; - Tinh thần thái độ học tập trên lớp; - Ý thức tự học, tự nghiên cứu.	30% 30% 40%	X	CLO4	- Theo dõi ý thức học tập của NH; Kiểm tra việc thực hiện NVHT của NH. - Điểm danh, thống kê ngày tham gia/ngỉ của NH.
A2. Đánh giá định kì	30%	A2.1. Bài kiểm tra số 01: - Chương 1. - Chương 2.	10% 90%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Đánh giá theo hướng dẫn chấm bài kiểm tra định kì số 01.
		A2.2. Bài kiểm tra số 02: - Chương 3.	70%		CLO2 CLO3 CLO4	- Đánh giá theo hướng dẫn chấm bài kiểm tra định kì số

		- Chương 4.	30%			02.
A3. Đánh giá cuối kì	60%	Bài thi cuối kỳ: - Chương 2. - Chương 3. - Chương 4.	30% 40% 30%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	- Đánh giá theo hướng dẫn chấm bài thi tự luận.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Dự lớp	- Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp. - Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần.	Dự đủ, đúng giờ >= 80% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ >= 90% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 95% số tiết trên lớp.	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém.	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các NVHT giảng viên giao.	Thực hiện từ >= 50% các NVHT giảng viên giao.	Thực hiện từ >= 75% các NVHT giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các NVHT giảng viên giao.	Thực hiện 100% các NVHT giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra số 01 (tuần 8)

- Nội dung: Chương 1, Chương 2
- Hình thức: Tự luận (*)
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra số 01

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1. Những vấn đề chung về Chương trình môn Ngữ văn mới - Đặc điểm môn học - Quan điểm xây dựng - Mục tiêu chung - Yêu cầu cần đạt về phẩm chất và năng lực - Phương pháp giáo dục	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	1
2	Chương 2. Chương trình môn Tiếng Việt bậc tiểu học - Chương trình và SGK môn Tiếng Việt lớp 1. - Chương trình và SGK môn Tiếng Việt lớp 2. - Chương trình và SGK môn Tiếng Việt lớp 3. - Chương trình và SGK môn Tiếng Việt lớp 4. - Chương trình và SGK môn Tiếng Việt lớp 5.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	9
Tổng điểm			10

(*) Ghi chú: Tùy vào đặc điểm tình hình lớp dạy, GV có thể lựa chọn các hình thức kiểm tra khác phù hợp hơn như kiểm tra vấn đáp, kiểm tra trắc nghiệm, kiểm tra theo nhóm... Lựa chọn hình thức nào, GV cần thông báo trước với lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.

Bài kiểm tra số 02 (tuần 15)

- Nội dung: Phần 2
- Hình thức: Tự luận (*)
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra số 02

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 3. Các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học - Các phương pháp dạy học. - Các hình thức dạy học. - Thiết kế kế hoạch dạy học.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	7
2	Chương 4. Đánh giá kết quả dạy học môn Tiếng Việt bậc tiểu học. - Các cách thức đánh giá kết quả dạy học. - Thiết kế công cụ đánh giá kết quả dạy học.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	3
Tổng điểm			10

(*) Ghi chú: Tùy vào đặc điểm tình hình lớp dạy, GV có thể lựa chọn các hình thức kiểm tra khác phù hợp hơn như kiểm tra trắc nghiệm kết hợp kiểm tra tự luận, kiểm tra theo nhóm... Lựa chọn hình thức nào, GV cần thông báo trước với lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 2, Chương 3, Chương 4
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 7. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 2. Chương trình môn Tiếng Việt bậc tiểu học - Chương trình và SGK môn Tiếng Việt lớp 1. - Chương trình và SGK môn Tiếng Việt lớp 2. - Chương trình và SGK môn Tiếng Việt lớp 3. - Chương trình và SGK môn Tiếng Việt lớp 4. - Chương trình và SGK môn Tiếng Việt lớp 5.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	3
2	Chương 3. Các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học môn Tiếng Việt ở tiểu học - Các phương pháp dạy học. - Các hình thức dạy học. - Thiết kế kế hoạch dạy học.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	4
3	Chương 4. Đánh giá kết quả dạy học môn Tiếng Việt bậc tiểu học. - Các cách thức đánh giá kết quả dạy học. - Thiết kế công cụ đánh giá kết quả dạy học.	- Theo đáp án chấm: Đủ ý, rõ ràng, sạch sẽ; - Có thể trình bày theo cách khác đáp án, nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.	3
Tổng			10

Quảng Ninh, ngày 24 tháng 8 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn



Nguyễn Thị Gấm

6.2.57. Phát triển năng lực tư duy toán học cho học sinh ở Tiểu học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622042		
1.2. Tên học phần:	Phát triển năng lực tư duy toán học cho học sinh ở Tiểu học		
1.3. Tên tiếng Anh:	Developing Ability of Maths Thinking for Primary Students		
1.4. Số tín chỉ:	2 (1LT-1TH)		
1.5. Phân bố thời gian			
- Lý thuyết:	15 tiết		
- Thực hành:	30 tiết		
- Tự học:	90 tiết		
1.6. Quản lí, phụ trách học phần			
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Sư phạm		
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Bùi Văn Chương	ĐT: 0914628884	
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Hoàng Vân	ĐT: 0936217077	
	ThS. Nguyễn Thị Quý Kim	ĐT: 0988866910	
1.7. Điều kiện tham gia học phần			
- Học phần tiên quyết:	Không có		
- Học phần học trước:	SP622031		
- Học phần song hành:	Không có		

2. Mô tả học phần: Học phần này giúp cho người học có kiến thức về cơ sở lí luận chung về việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán ở trường tiểu học; rèn luyện và phát triển năng lực vận dụng hai dạng suy luận quy nạp và suy diễn vào việc giải toán, khai thác bài toán, sáng tạo toán học; nâng cao khả năng hệ thống hóa và khái quát hóa toán học.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, sinh viên có các kiến thức về: Cơ sở lí luận chung về việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán học; một số dạng toán điển hình trong bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán học; trang bị cho sinh viên những kiến thức, kĩ năng,

phương pháp bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán ở trường tiểu học; vận dụng vào bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán ở trường tiểu học; có kỹ năng tổ chức các hoạt động giải toán cho học sinh có năng khiếu toán ở trường tiểu học; Thường xuyên rèn luyện tác phong, chuyên môn nghiệp vụ, có ý thức học tập, nâng cao năng lực bản thân; phát triển các khả năng phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hóa, khả năng diễn đạt, trình bày; vận dụng các kiến thức học phần vào việc giải quyết các tình huống thực tế trong quá trình dạy học môn Toán ở Tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPĐG
CLO1	Trình bày được các kiến thức về phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán ở tiểu học.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO2	Mô tả được các dạng toán phát triển năng lực tư duy toán học cho học sinh tiểu học.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO3	Thiết lập được tư duy toán học trong việc giải các dạng toán, phát triển năng lực tư duy toán học cho học sinh tiểu học.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO4	Giải quyết được một số bài toán có ứng dụng thực tiễn, biết phát triển và mở rộng các bài toán nhằm phát triển tư duy học sinh tiểu học.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	R	M				R	R			M
CLO2	R	M				R	R			R
CLO 3	R	R				R	R			M
CLO4	R	M				R	R			M
Tổng hợp học phần	R	M				R	R			M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1] Trần Diên Hiên, *Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi toán Tiểu học*, NXB Đại học Sư phạm, 2018.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Vũ Thị Bình, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, *Phương pháp dạy học Toán tiểu học (tập 1)*, NXB ĐH Thái Nguyên, 2021.

[3] Vũ Quốc Chung, *Phương pháp dạy học toán ở Tiểu học*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Dự án

phát triển giáo viên Tiểu học, NXB Giáo dục, 2007.

[4] Trần Diên Hiên, 10 Chuyên đề *bồi dưỡng học sinh giỏi Toán 4,5*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2014.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

T T	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chương 1. LÝ LUẬN CHUNG VỀ PHÁT HIỆN VÀ BỒI DƯỠNG HỌC SINH CÓ NĂNG KHIẾU TOÁN 1.1. Phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán ở Tiểu học 1.2. Một số phép suy luận trong giải toán ở Tiểu học	1LT 2TH	- GV: Trình bày và phân tích vị trí, vai trò và tầm quan trọng của việc phát hiện và bồi dưỡng học sinh có năng khiếu toán ở tiểu học. - GV nêu các phép suy luận, thực hiện các ví dụ minh họa về các phép suy luận; giao bài tập về nhà cho SV làm. - SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình, áp dụng: [2]Tr. 138-158.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
2	1.3. Phương pháp chứng minh tổng hợp và phân tích trong toán tiểu học 1.4. Phương pháp chung để giải một bài toán	1LT 2TH	- GV: Trình bày và phân tích những ví dụ điển hình; giao nhiệm vụ (bài tập) cho SV - SV: Giải bài tập ở nhà; ghi lại	

T T	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	1.5. Một số phương pháp khai thác bài toán ở Tiểu học		những ý kiến thắc mắc; thảo luận ở trên lớp (GV và SV kết hợp giải quyết những thắc mắc). - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình, áp dụng: [2]Tr. 138-158.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
3	Chương 2. MỘT SỐ DẠNG TOÁN NHẪM BỒI DƯỠNG HỌC SINH CÓ NĂNG KHIẾU TOÁN 2.1. Các bài toán về số và chữ số 2.1.1. Viết số tự nhiên từ những chữ số cho trước 2.1.2. Các bài toán giải bằng phân tích cấu tạo số 2.1.3. Các bài toán giải bằng phương pháp thử chọn 2.1.4. Các bài toán về xét chữ số tận cùng của số	1LT 2TH	- GV: Trình bày và phân tích những ví dụ điển hình về các bài toán về số và chữ số ; giao nhiệm vụ cho SV. Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình, áp dụng: [1] Tr. 7-24.	CLO1, CLO2, CLO3
4	2.2. Các bài toán về dãy số 2.2.1. Điền thêm số hạng vào sau, giữa hoặc trước một dãy số 2.2.2. Xác định số a có thuộc dãy số đã cho hay không 2.2.3. Tìm số số hạng của dãy số 2.2.4. Dãy chữ	1LT 2TH	- GV trình bày được các qui luật của dãy số, nêu các ví dụ minh họa, giao bài tập về nhà cho SV làm. - SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình, áp dụng: [1] Tr.25-42.	CLO1, CLO2, CLO3
5	2.3. Các bài toán về điền số vào phép tính 2.3.1. Các bài toán về vận dụng quy tắc thực hành bốn phép tính	1LT 2TH	- GV: Trình bày và phân tích những ví dụ điển hình về dạng toán về điền số vào phép tính; giao nhiệm vụ và bài tập về nhà	CLO1, CLO2,

T T	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	2.3.2. Các bài toán về tìm chữ số thay cho các chữ trong phép tính 2.3.3. Các bài toán về tìm chữ số thay cho các dấu * trong phép tính 2.3.4. Các bài toán về điền dấu phép tính		cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình, áp dụng: [1] Tr.43-64.	CLO3, CLO4
6	2.3.5. Vận dụng tính chất của các phép tính để tính giá trị của biểu thức bằng cách thuận tiện nhất 2.3.6. Tìm thành phần chưa biết trong dãy tính 2.3.7. Một số phép tính có kết quả đặc biệt	1LT 2TH	- GV nêu tính chất của bốn phép toán, thực hiện các ví dụ minh họa. Giao bài tập về nhà cho SV làm. - SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [1]Tr. 43-64.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
7	2.4. Các bài toán về chia hết 2.4.1.Vận dụng dấu hiệu chia hết để viết các số tự nhiên 2.4.2. Vận dụng dấu hiệu chia hết để xác định các chữ số chưa biết của một số tự nhiên 2.4.3.Các bài toán về vận dụng tính chất chia hết của một tổng hoặc một hiệu 2.4.4.Các bài toán về phép chia có dư 2.4.5. Vận dụng tính chất chia hết và phép chia có dư để giải các bài toán có lời văn <i>Bài kiểm tra định kì số 1</i>	1LT 2TH	- GV trình bày các dấu hiệu chia hết cho 2, 5, 3, 9 và 4; thực hiện các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [1]Tr. 65-76. Ra đề kiểm tra, chấm bài.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
8	2.5. Các bài toán về phân số và số thập phân 2.5.1. Các bài toán về phân số 2.5.1.1. Các bài toán về cấu tạo phân số 2.5.1.2. Các bài toán về so sánh phân	1LT 2TH	- GV trình bày khái niệm, kiến thức cần nhớ về phân số, thực hiện các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau.	

T T	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	số 2.5.1.3. Các bài toán về thực hành bốn phép tính với phân số		- GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [1]Tr. 77-89.	CLO1, CLO2 CLO3
9	2.5.2. Các bài toán về số thập phân 2.5.2.1. Các bài toán về cấu tạo số thập phân 2.5.2.2. Các bài toán về so sánh số thập phân 2.5.2.3. Các bài toán về thực hành bốn phép tính với số thập phân	1LT 2TH	- GV trình bày khái niệm, kiến thức cần nhớ về số thập phân, thực hiện các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [1]Tr. 90-114.	CLO1, CLO2, CLO3
10	2.6. Một số dạng toán có lời văn điển hình 2.6.1. Các bài toán tính tuổi 2.6.2. Các bài toán về quan hệ tỉ lệ 2.6.3. Các bài toán về trung bình cộng	1LT 2TH	- GV trình bày các dạng toán có lời văn điển hình, thực hiện các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [1]Tr. 115-137.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
11	2.7. Các bài toán về chuyển động 2.7.1. Các bài toán có một chuyển động tham gia 2.7.2. Các bài toán về hai chuyển động cùng chiều 2.7.3. Các bài toán về hai chuyển động ngược chiều 2.7.4. Vật chuyển động trên dòng nước	1LT 2TH	- GV trình bày các kiến thức cần lưu ý của toán chuyển động có một hoặc hai chuyển động cùng chiều, ngược chiều, thực hiện ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [1]Tr. 138-160.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
12	2.8. Các bài toán về suy luận logic 2.8.1. Các bài toán giải bằng phương pháp lập bảng	1LT 2TH	- GV trình bày cách phân dạng các bài toán về suy luận logic, thực hiện các ví dụ minh họa.	

T T	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	2.8.2. Các bài toán giải bằng phương pháp lựa chọn tình huống 2.8.3. Các bài toán giải bằng phương pháp suy luận đơn giản 2.8.4. Các bài toán giải bằng phương pháp biểu đồ Ven		- Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [1]Tr. 161-172.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
13	2.9. Các bài toán có nội dung hình học 2.9.1. Các bài toán về nhận dạng hình 2.9.2. Các bài toán về chu vi và diện tích các hình	1LT 2TH	- GV trình bày cách phân dạng các bài toán có nội dung hình học, thực hiện các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [1]Tr. 173-192.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
14	2.9.3. Các bài toán về cắt ghép hình 2.9.4. Các bài toán về hình học không gian	1LT 2TH	- GV trình bày các bài toán về cắt và ghép hình, các bài toán về hình học không gian, thực hiện các ví dụ minh họa. - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [1]Tr. 192-202.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
15	2.10. Các bài toán vui và Toán cổ ở tiểu học 2.10.1. Các bài toán giải bằng phương pháp tính ngược từ cuối 2.10.2. Các bài toán giải bằng phương pháp giả thiết tạm 2.10.3. Các bài toán về	1LT 2TH	- GV trình bày một số phương pháp giải các bài toán vui và toán cổ thông qua các ví dụ điển hình. - Giao bài tập về nhà cho SV làm. SV lên chữa bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu giáo trình: [1]Tr. 203-	CLO1, CLO2,

T T	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	chuyển động 2.10.4. Một số bài toán khác <i>Bài kiểm tra định kì số 2</i>		216. Ra đề kiểm tra, chấm bài. GV hướng dẫn SV ôn tập học phần.	CLO3, CLO4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Bài kiểm tra	Bài tập tự luận	CLO1, CLO2, CLO3	
A2.2	Bài kiểm tra	Bài tập tự luận	CLO1, CLO2, CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Thi viết	Bài tập tự luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1 + A2*3 + A3*6)/10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: chương 2: 2.1; 2.2; 2.4

- Hình thức: tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Các bài toán về số và chữ số	Làm đúng đáp án, biểu điểm	3
2	Các bài toán về điền số vào phép tính	Làm đúng đáp án, biểu điểm	4
3	Các bài toán về chia hết	Làm đúng đáp án, biểu điểm	3
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: chương 2: 2.5; 2.7; 2.9

- Hình thức: tự luận

- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Các bài toán về phân số và số thập phân	Làm đúng đáp án, biểu điểm	3
2	Các bài toán về chuyển động	Làm đúng đáp án, biểu điểm	3
3	Các bài toán có nội dung hình học	Làm đúng đáp án, biểu điểm	4
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Kiến thức, kỹ năng sinh viên được học trong nội dung học phần.

- Hình thức: Tự luận (100%).

- Thời gian: 90 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Các bài toán về số và chữ số	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	2
2	Các bài toán về điền số vào phép tính	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	2
3	Các bài toán về phân số và số thập phân	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	2
4	Các bài toán về chuyển động	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	2
5	Các bài toán có nội dung hình học	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	2
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm

Hiệu trưởng Trưởng khoa Trưởng bộ môn Người biên soạn

Nguyễn Thị Quý Kim Bùi Văn Chương

6.2.58. *Day học môn Toán ở Tiểu học bằng tiếng Anh*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1 Mã học phần:	SP622043
1.2 Tên học phần:	Dạy học môn Toán ở Tiểu học bằng tiếng Anh
1.3 Tên tiếng Anh:	<i>Teaching Primary Mathematics in English</i>
1.4 Số tín chỉ:	02 (1LT-1TH)
1.5 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.6 Quản lý, phụ trách học phần:	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Nguyễn Thị Quý Kim SĐT: 0988866910
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Hoàng Vân SĐT: 0936217077
1.7 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học
- Học phần song hành:	Không có

2. Mô tả học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống từ vựng, cấu trúc cũng như phương pháp soạn giáo án, phương pháp dạy học môn toán bằng tiếng Anh cách mạch kiến thức Toán học ở tiểu học là: Số học, Hình học, Đại lượng, Thống kê, Giải toán.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần này, người học có kiến thức về từ vựng và cấu trúc tiếng Anh được sử dụng trong môn toán ở Tiểu học, có thể thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học toán song ngữ ở Tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra HP (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

CLOs	Mô tả CDR HP	PPĐG

CLO1	Trình bày được các mạch kiến thức toán học và mục tiêu từng lớp bằng tiếng Anh thông qua hệ thống từ vựng và cấu trúc câu liên quan đến các mạch kiến thức toán ở Tiểu học.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO2	Thiết kế được kế hoạch dạy học môn toán bằng tiếng Anh các nội dung: Số, vị trí giá trị, làm tròn số; Cộng và trừ; Nhân và chia; Phân số, số thập phân và tỷ lệ phần trăm; Tỷ lệ và tỷ lệ; Đo đạc; Hình học; Thống kê và xác suất	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập

5. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I		M				I	A		I
CLO 2	M		M				I	A		M
Tổng hợp học phần	M		I					A		M

6. Học liệu

6.1. Sách, giáo trình chính

[1] Lê Thị Hồng Chi, Nguyễn Tiến Mạnh (đồng chủ biên), *Giáo trình dạy học song ngữ môn Toán ở Tiểu học*, NXB Khoa học và kỹ thuật, 2024.

[2] Cherri Moseley & Janet Rees, 2021, *Cambridge Primary Mathematics learned Book (1-6)*, Cambridge University Press 2021.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán* năm 2018.

[5] Vũ Thị Bình, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, *Phương pháp dạy học Toán tiểu học (tập 1)*, NXB ĐH Thái Nguyên, 2021.

[6] Vũ Quốc Chung (chủ biên), *Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học (tài liệu đào tạo giáo viên)*, NXB Giáo dục và NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2007

[7] Trương Công Thành, *Từ điển toán học ở Tiểu học* (Song ngữ Việt - Anh), NXB Giáo dục Việt Nam, 2007

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT		Số	Hoạt động dạy – học, chuẩn	Hướng

	Nội dung dạy học	giờ	bị của SV	tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chapter 1 Primary mathematics curriculum analysis 1.1.Overview of mathematics curriculum 1.2.Overview of each progression 1.2.1.Overview of progress in Year1 1.2.2.Overview of progress in Year2 1.2.3.Overview of progress in Year3 1.2.4.Overview of progress in Year 4 1.2.5. Overview of progress in Year 5	5LT + 10TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.1; 1.2. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1, CLO2
2	Chapter 2 Teaching Primary Mathematics in English 2.1. Teaching numbers, place value, rounding 2.2.Teaching addition and subtraction	1LT + 2TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.1;2.2 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1, CLO2
3	2.3.Teaching multiplication and division. 2.4. Teaching fractions, decimals and percentages	1LT + 2TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.3;2.4 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1, CLO2

			viên.	
4	2.5. Teaching ratio and proportion 2.6. Teaching measurement. Length Mass Capacity Perimeter Area Volume Time Money	1LT + 2TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.5,2.6 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1, CLO2
5	2.7. Teaching geometry Some geometry's concepts 2D shapes 3D shapes		- Sinh viên ôn tập kỹ lý thuyết, chuẩn bị trước bài tập. - Sinh viên chữa bài tập (có thể thực hiện theo nhóm). - GV gợi ý (nếu cần), chữa bài, góp ý, nhận xét. - GV chuẩn bị đề kiểm tra. - SV làm bài kiểm tra. - GV chấm bài và nhận xét vào buổi học sau.	CLO1, CLO2
6	2.8. Teaching statistics and probability Tally chart Pictogram Data table Bar chart Ven diagram Pie Chart Some concept of probability	2LT + 1TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.8. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1, CLO2
7	Chapter 3: Applying into practice teaching 3.1. Lesson plan Sample lesson plan 3.1.1.Lesson plan about number, place value and	1LT + 2TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 3.1.	CLO1, CLO2

	rounding. 3.1.2.Lesson plan about addition and subtraction 3.1.3.Lesson plan about multiplication and division. 3.1.4.Lesson plan about fraction, decimals and percetages.		- SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	
8	3.1.5. Lesson plan about ratio and proportion. 3.1.6. Lesson plan about measurement. 3.1.7. Lesson about geometry. 3.1.8. Lesson plan about statistics and probability.	2LT + 4TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 3.1.5 đến 3.1.8. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1, CLO2
9	3.2.Practice teaching 3.2.1. Practice teaching about number, place value androunding. 3.2.2.Practice teaching about addition and subtraction 3.2.3.Practice teaching about multiplication anddivision 3.2.4.Practice taching about fraction, decimals and percentages		- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 3.2 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO1, CLO2
	3.2.5.Practice teaching aboutratio and proportion 3.2.6.Practice teaching about measurement. 3.2.7.Practice teaching aboutgeometry 3.2.8.Practice teaching about statistics and probability	1LT + 2TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 3.2.5 đến 3.2.8. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo	CLO1, CLO2

			viên.	
	3.3. Assessment 3.3.1. Selecting and implementing assessment strategies techniques 3.3.2. Practising assessment.	2LT + 4TH	- Sinh viên ôn tập kỹ lý thuyết, chuẩn bị trước bài tập. - Sinh viên chữa bài tập (có thể thực hiện theo nhóm). - GV gợi ý (nếu cần), chữa bài, góp ý, nhận xét. - GV chuẩn bị đề kiểm tra. - SV làm bài kiểm tra. - GV chấm bài và nhận xét vào buổi học sau.	CLO1, CLO2

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kỳ				30%
A2.1	Bài kiểm tra tập 1	Câu hỏi trắc nghiệm; bài tập tự luận		
A2.2	Bài tập lớn	Quay video bài giảng		
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Thi viết	Bài tập tự luận.		
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1 + A2*3 + A3*6)/10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần*: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: Chương 1
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Overview of mathematics curriculum	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	2
2	Overview of each progression	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	8
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: chương 2,3
- Hình thức: Bài tập lớn
- Thời gian: 15 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Video tập giảng (Chapter 2,3)	Kế hoạch bài học: đảm bảo về nội dung, hình thức phù hợp, đáp ứng mục tiêu bài học.	5
		Chất lượng bài giảng: tác phong, phát âm, giọng nói, phương pháp.	5
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: chương 1, chương 2, chương 3
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	2
2	Chương 2	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	4
3	Chương 3	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	4
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Thị Quý Kim Nguyễn Hoàng Vân

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin chung về học phần

2. Mô tả học phần: Học phần cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về thiết kế hoạt động dạy học các nội dung Toán tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm.

Sau khi học xong học phần này, người học có các kiến thức và kỹ năng về thiết kế hoạt động dạy học các nội dung Toán tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm.

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

CLOs	Mô tả CDR HP	PPDG
CLO1	Trình bày được các mạch kiến thức toán học và mục tiêu từng lớp bằng tiếng Anh thông qua hệ thống từ vựng và cấu trúc câu liên quan đến các mạch kiến thức toán ở Tiểu học.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO2	Thiết kế được kế hoạch dạy học môn toán bằng tiếng Anh các nội dung: Số, vị trí giá trị, làm tròn số; Cộng và trừ; Nhân và chia; Phân số, số thập phân và tỷ lệ phần trăm; Tỷ lệ và tỷ lệ; Đo đạc; Hình học; Thống kê và xác suất	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO3	Có ý thức cập nhật phương pháp, hình thức dạy học mới, đổi mới việc kiểm tra – đánh giá và thường xuyên rèn luyện năng lực sư phạm.	Vấn đáp, sản phẩm học tập

5. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		A	A	I	M	M		A	I	I
CLO 2		A	A	I	M	M		A	I	M
CLO3		M	M	I	M	M		M	I	M
Tổng hợp học phần		A	M	I	M	M		A	I	M

6. Học liệu

6.1. Sách, giáo trình chính

[1] Cherri Moseley & Janet Rees, 2021, *Cambridge Primary Mathematics learned Book (1-6)*, Cambridge University Press 2021.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán* năm 2018.

[5] Vũ Thị Bình, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, *Phương pháp dạy học Toán tiểu học (tập 1)*, NXB ĐH Thái Nguyên, 2021.

[6] Vũ Quốc Chung (chủ biên), *Phương pháp dạy học Toán ở Tiểu học (tài liệu đào tạo giáo viên)*, NXB Giáo dục và NXB Đại học sư phạm Hà Nội, 2007

[7] Trương Công Thành, *Từ điển toán học ở Tiểu học* (Song ngữ Việt - Anh), NXB Giáo dục Việt Nam, 2007

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	* Giới thiệu học phần Chương 1: Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm trong dạy toán cho học sinh Tiểu học 1.1. Cở sở lí luận 1.2. Thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy toán cho học sinh Tiểu học	3LT + 6TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.1; 1.2 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên. - SV thực hành thiết kế một hoạt động dạy toán cho học sinh Tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm	CLO1 CLO2 CLO3
2	Chương 2: Tổ chức hoạt động dạy toán cho học sinh Tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm 2.1. Dạy học số học qua hoạt động trải nghiệm Bài kiểm tra định kì số 1	3LT + 6TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.1. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên. - SV thực hành thiết kế một hoạt động dạy số học cho học	CLO4, CLO5, CLO6

			sinh Tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm - SV trình bày bài thực thực hành. - SV khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. - GV nhận xét, góp ý. - SV trình bày bài thực thực hành. - SV khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. - GV nhận xét, góp ý. - GV chuẩn bị đề kiểm tra. SV làm bài kiểm tra nghiêm túc. GV chấm bài	
3	2.2. Dạy học đại lượng và các phép đo đại lượng qua hoạt động trải nghiệm	2LT + 4TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.2. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên. - SV thực hành thiết kế một hoạt động dạy số học cho học sinh Tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm - SV trình bày bài thực thực hành. - SV khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. - GV nhận xét, góp ý. - SV trình bày bài thực thực hành. - SV khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. - GV nhận xét, góp ý.	CLO4, CLO5, CLO6

4	2.3. Dạy học số hình học qua hoạt động trải nghiệm	2LT +4TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.3. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên. - SV thực hành thiết kế một hoạt động dạy số học cho học sinh Tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm - SV trình bày bài thực thực hành. - SV khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. - GV nhận xét, góp ý. - SV trình bày bài thực thực hành. - SV khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. - GV nhận xét, góp ý. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.3; 2.4; 2.5 - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên.	CLO4, CLO5, CLO6
5	2.4. Dạy học yếu tố thống kê qua hoạt động trải nghiệm	2LT +4TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.4.	CLO4, CLO5, CLO6

			- SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên. - SV thực hành thiết kế một hoạt động dạy số học cho học sinh Tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm - SV trình bày bài thực thực hành. - SV khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. - GV nhận xét, góp ý. - SV trình bày bài thực thực hành. - SV khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. - GV nhận xét, góp ý.	
6	2.5. Dạy học giải toán có lời văn qua hoạt động trải nghiệm Bài kiểm tra định kì số 2	3LT+ 6TH	- SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1],[2]. - GV thuyết trình, giảng giải, vấn đáp và tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 2.5. - SV nghe giảng, ghi chép, thực hiện các yêu cầu của giáo viên. - SV thực hành thiết kế một hoạt động dạy số học cho học sinh Tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm - SV trình bày bài thực thực hành. - SV khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. - GV nhận xét, góp ý. - SV trình bày bài thực thực hành.	CLO4, CLO5, CLO6

			- SV khác lắng nghe, nhận xét, góp ý. - GV nhận xét, góp ý. - GV chuẩn bị đề kiểm tra. SV làm bài kiểm tra nghiêm túc. GV chấm bài	

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Bài kiểm tra	Câu hỏi trắc nghiệm; bài tập tự luận		
A2.2	Bài kiểm tra	Câu hỏi trắc nghiệm, bài tập tự luận		
	...			
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Thi viết	Câu hỏi trắc nghiệm, bài tập tự luận		
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1 + A2*3 + A3*6)/10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần*: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Chương 1
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm trong dạy toán cho học sinh Tiểu học.	Làm đúng đáp án	5
2	Dạy học số học qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh Tiểu học.	Làm đúng đáp án	5
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Chương 2
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Dạy học đo lường qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh Tiểu học	Làm đúng đáp án	2,5
2	Dạy học thống kê qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh Tiểu học	Làm đúng đáp án	2,5
3	Dạy học hình học qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh Tiểu học	Làm đúng đáp án	2,5
4	Dạy học giải toán có lời văn qua hoạt động trải nghiệm cho học sinh Tiểu học	Làm đúng đáp án	2,5
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Kiến thức, kỹ năng sinh viên được học trong nội dung học phần.
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 6 Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Hoạt động trải nghiệm và hoạt động trải nghiệm trong dạy toán cho học sinh Tiểu học.	Làm đúng đáp án	3
2	Dạy học các nội dung Toán học cho học sinh Tiểu học thông qua hoạt động trải nghiệm.	Làm đúng đáp án	7
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường Nguyễn Thị Quý Kim Nguyễn Thị Quý Kim

6.2.60. *Day học phát triển năng lực các môn về Tự nhiên và xã hội*

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622045
1.2. Tên học phần:	Dạy học phát triển năng lực các môn về Tự nhiên và xã hội
1.3. Tên tiếng Anh:	Developing teaching capacity of Natural and Social subjects in primary school
1.4. Số tín chỉ:	02
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15
- Thực hành:	30
- Tự học:	90
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Đinh Thị Tuyết: 082.339.1159 ThS. Vũ Thị Doan: 0977901359
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Ngô Thị Hoàn: 0936.846.582 ThS. Hoàng Thị Bích Hồng: 0374026002 ThS. Hoàng Văn Hùng: 0985.404.248 TS. Nguyễn Mai Hùng: 0912.356.368
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP622012; SP622032
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học kiến thức về dạy học phát triển năng lực các môn Tự nhiên và Xã hội ở tiểu học. Sau học phần, người học có thể xác định yêu cầu cần đạt về năng lực, lựa chọn phương pháp dạy học phù hợp, xây dựng kế hoạch bài học và thiết kế công cụ đánh giá.

giá theo định hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học trong dạy học các môn Tự nhiên – Xã hội.

3. Mục tiêu học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: dạy học phát triển năng lực; phương pháp dạy học phát triển năng lực; kiểm tra, đánh giá năng lực môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học. Từ đó, người học có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào lựa chọn phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập, xây dựng kế hoạch bài học theo định hướng phát triển năng lực học sinh.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp đánh giá
CLO1	Trình bày được các khái niệm về phẩm chất, năng lực, cấu trúc của năng lực, các năng lực cốt lõi của học sinh; phương pháp dạy học phát triển năng lực; kiểm tra, đánh giá năng lực môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí.	Vấn đáp, cá nhân, bài tập nhóm
CLO2	Vận dụng những kiến thức lí luận về phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội ở Tiểu học để thiết kế các hoạt động dạy học phù hợp trong một tiết dạy/ chủ đề, thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá ở các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở Tiểu học nhằm phát triển năng lực của học sinh.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành
CLO3	Vận dụng được những kiến thức đã học để tiến hành dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội ở Tiểu học theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh và biết cách nhận xét, đánh giá được một tiết dạy khi dự giờ từng chủ đề.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành
CLO4	Yêu t Có ý thức tự học, tự nghiên cứu; tích cực, chủ động tham gia thuyết trình, làm việc nhóm, tập giảng.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức: I, R, M, A cụ thể như sau: ⁴

⁴ I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu
 R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	R	R	M	R	R	M	R		M	R
CLO2	R	R	M	R	R	M	R		M	R
CLO3	R	R	M	R	R	M	R		M	R
CLO4	R	R	M	R	R	M	R		M	R
Tổng hợp học phần	R	R	M	R	R	M	R		M	R

6. Học liệu**6.1. Giáo trình**

[1]. Mai Sỹ Tuấn (Chủ biên) (2018), *Dạy học phát triển năng lực môn Khoa học*, Nxb Đại học Sư phạm.

[2]. Nghiêm Đình Vỳ - Lê Thông (đồng chủ biên) (2019), *Dạy học phát triển năng lực môn Lịch sử và Địa lí*, Nxb Đại học Sư phạm.

[3]. Mai Sỹ Tuấn (Chủ biên) (2020), *Dạy học phát triển năng lực môn Tự nhiên và Xã hội*, Nxb Đại học Sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo

[4]. Trịnh Thúy Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng, Nguyễn Nam Phương, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Thị Thanh Trà, Trần Bá Trình (2021), *Đánh giá năng lực, phẩm chất học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông 2018*, Nxb Đại học Sư phạm.

[5]. Nguyễn Hữu Hợp (2022), *Thiết kế bài học phát triển năng lực học sinh tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học**Bảng 3. Kế hoạch dạy học**

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	* Giới thiệu học phần		+ Giảng viên (GV): Giới	

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu
A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
			<i>thiệu chương trình môn học</i>	
1	Chương 1: Một số vấn đề về dạy học phát triển năng lực 1.1. Dạy học phát triển năng lực 1.2. Đặc điểm và yêu cầu dạy học phát triển năng lực các môn Tự nhiên và xã hội ở Tiểu học 1.3. Thực hành <i>1.3.1. Xác định nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt môn Tự nhiên và xã hội lớp 1, 2, 3</i> <i>1.3.2. Xác định nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt môn Khoa học, Lịch sử và Địa lí lớp 4, 5</i>	2LT 4TH	- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH. + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: +Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. -Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp. + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	CLO1 CLO3 CLO4 CLO1
2	Chương 2: Phương pháp dạy học phát triển năng lực các môn Tự nhiên và Xã hội ở Tiểu học	9LT 19TH 1KT		
	2.1. Một số vấn đề về phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên và xã hội <i>2.1.1. Định hướng chung</i> <i>2.1.2. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển các phẩm chất chủ yếu và năng lực chung</i>		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH.	CLO1

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	2.1.3. Định hướng về phương pháp hình thành, phát triển năng lực khoa học		+ Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: +Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. -Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp. + Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết.	
	2.2. Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí 2.2.1. Một số phương pháp dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH. + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: +Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. -Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp. + Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết.	CLO1
	Bài kiểm tra số 1	1 KT	+ GV: Yêu cầu các nhóm báo cáo bài thuyết trình. + NH: Thực hiện	CLO1 CLO3 CLO4
	2.2.2. Một số kỹ thuật dạy học các		- GV:	

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	<i>môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí</i>		+ Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH. + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: +Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. -Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp. + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	CLO1
	2.3. Hướng dẫn dạy học các chủ đề nhằm phát triển năng lực học sinh <i>2.3.1. Nội dung các chủ đề Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí</i> <i>2.3.2. Hướng dẫn dạy học các chủ đề Tự nhiên và Xã hội lớp 1, 2, 3</i>		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH. + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. -Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp. + Lập kế hoạch bài học qua	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
			từng chủ đề. + Vận dụng được kiến thức lí thuyết vào tổ chức các hoạt động dạy học trong các chủ đề. + Nhận xét, đánh giá được một tiết dạy khi dự giờ từng chủ đề.	
	2.3.3. Hướng dẫn dạy học các chủ đề trong môn Khoa học lớp 4, 5		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH. + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: +Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. -Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp. + Lập kế hoạch bài học qua từng chủ đề. + Vận dụng được kiến thức lí thuyết vào tổ chức các hoạt động dạy học trong các chủ đề. + Nhận xét, đánh giá được một tiết dạy khi dự giờ từng chủ đề.	CLO2 CLO3 CLO4 CLO2 CLO3 CLO4
	2.3.4. Hướng dẫn dạy học các chủ đề trong môn Lịch sử và Địa		- GV: + Sử dụng linh hoạt các	

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	<i>lí lớp 4, 5</i>		phương pháp dạy học + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH. + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: +Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. -Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp. + Lập kế hoạch bài học qua từng chủ đề. + Vận dụng được kiến thức lí thuyết vào tổ chức các hoạt động dạy học trong các chủ đề. + Nhận xét, đánh giá được một tiết dạy khi dự giờ từng chủ đề.	CLO2 CLO3 CLO4
3	Chương 3: Kiểm tra, đánh giá năng lực các môn học về Tự nhiên và Xã hội	3LT 6TH 1KT		
	3.1. Một số vấn đề chung về kiểm tra, đánh giá năng lực <i>3.1.1. Định hướng, mục đích và ý nghĩa của việc kiểm tra, đánh giá</i> <i>3.1.2. Yêu cầu của việc kiểm tra, đánh giá</i> <i>3.1.3. Một số hình thức kiểm tra, đánh giá</i>		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH. + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH:	CLO2

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
			+Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. -Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [4]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp. + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	
	3.2. Thiết kế các công cụ kiểm tra, đánh giá các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí 3.2.1. Thiết kế câu hỏi kiểm tra, đánh giá 3.2.2. Thiết kế bài tập kiểm tra, đánh giá		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH. + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: +Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. -Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [4]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp. + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	CLO2 CLO4
	3.2.3. Thiết kế bảng kiểm 3.2.4. Thiết kế thang đo 3.2.5. Thiết kế đề kiểm tra		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH. + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành.	CLO2 CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
			- NH: +Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. -Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [3], [4]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp. + Thiết kế bảng kiểm, thang đo, đề kiểm tra các môn Tự nhiên – Xã hội	
	Bài kiểm tra số 2	1	+ GV: phát đề kiểm tra. + NH: làm bài kiểm tra dưới sự hướng dẫn của GV.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	- Bài kiểm tra số 01, hình thức: thuyết trình	- Bảng 5a	CLO1 CLO CLO4	
A2.2	- Bài kiểm tra số 02, hình thức: tự luận	- Bảng 5b	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3	- Thi tự luận	- Bảng 6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Chương 1, Chương 2.
- Hình thức: Thuyết trình, thảo luận nhóm
- Thời gian: 20 phút/nhóm

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung tương đối phù hợp với yêu cầu, nhưng hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung khá phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	Nội dung rất phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	50%
Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (mở bài, thân bài, kết luận).	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu.	25%

Thuyết trình	Bố cục 3 phần không rõ ràng. Trình bày không đầy đủ, logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bố cục chưa rõ ràng. Bài trình bày đầy đủ, logic, vượt quá thời gian quy định. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Bố cục 3 phần rõ ràng. Bài trình bày đầy đủ. Thời gian trình bày đúng quy định, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, đã có sự tương tác với người nghe. Người nghe hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Bố cục 3 phần rõ ràng. Bài trình bày đầy đủ. Thời gian trình bày đúng quy định, giọng nói lưu loát, tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu nội dung trình bày.	Bố cục 2 phần rõ ràng. Bài trình bày đầy đủ. Thời gian trình bày đúng quy định, giọng nói lưu loát, truyền cảm thu hút sự chú ý của người nghe. Người nghe dễ hiểu nội dung trình bày và kịp theo dõi nội dung trình bày	25%

* Giảng viên sẽ kết hợp kiểm tra thông qua các giờ thực hành trên lớp. Trước khi kiểm tra, GV cần thông báo trước lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.

Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Chương 2, Chương 3
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 2	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5
2	Chương 3	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1, Chương 2, Chương 3
- Hình thức: Tự luận

- Thời gian: 60 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Lý thuyết Chương 1: Một số vấn đề về dạy học phát triển năng lực Chương 2: Phương pháp dạy học phát triển năng lực các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí Chương 3: Kiểm tra, đánh giá năng lực các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5
2	Thực hành Chương 2: Phương pháp dạy học phát triển năng lực các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí Chương 3: Kiểm tra, đánh giá năng lực các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Người biên soạn

**Đinh Thị Tuyết
Vũ Thị Doan**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trình độ đào tạo: Đại học **Ngành: Giáo dục Tiểu học**

1.1. Mã học phần:	SP622046
1.2. Tên học phần:	Dạy học Lịch sử và Địa lí địa phương ở tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	Teaching local history and geography in primary school
1.4. Số tín chỉ:	2
1.5. Phân bố thời lượng:	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	90 tiết
1.6. Quản lý, phụ trách học phần:	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Vũ Thị Doan: 0977901359 ThS. Đinh Thị Tuyết: 0353821512
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Nguyễn Trung Dũng: 0332048396 ThS. Hoàng Thị Bích Hồng: 0374026002
1.7. Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP622012
- Học phần song hành:	Không

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về lịch sử, địa lí các tỉnh, thành phố trên đất nước Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng. Từ đó giúp người học có năng lực vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào dạy tốt môn Lịch sử và Địa lí ở bậc tiểu học.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về lịch sử, địa lí các tỉnh, thành phố

trên đất nước Việt Nam nói chung và tỉnh Quảng Ninh nói riêng. Từ đó giúp người học có năng lực vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học vào dạy học môn Lịch sử và Địa lí cũng như các hoạt động giáo dục ở bậc tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPĐG
CLO1	Trình bày, xác định được những kiến thức cơ bản về lịch sử và địa lí các tỉnh, thành phố qua các thời kì.	Vấn đáp, cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO2	Vận dụng được kiến thức về Lịch sử và Địa lí địa phương trong việc tích hợp, thiết kế và tổ chức hoạt động dạy học ở Tiểu học .	Vấn đáp, cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO3	Tổ chức được các hoạt động tham quan, tìm hiểu thực tế tại các danh lam thắng cảnh, trung tâm kinh tế, văn hóa xã hội tiêu biểu, các di tích lịch sử, công trình văn hóa, kiến trúc của Quảng Ninh và một số tỉnh, thành phố;	Vấn đáp, cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO4	Có ý thức tự học, tự nghiên cứu, cập nhật và tìm hiểu nội dung liên quan đến bài học, rèn luyện để hoàn thiện phẩm chất của người giáo viên Tiểu học	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức: I, R, M, A cụ thể như sau: ⁵

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

⁵ *I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu*

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế, ...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	M	M	R	R	M	M	M		M	M
CLO2	M	M	R	R	M	M	M		M	M
CLO3	M	M	R	R	M	M	M		M	M
CLO4	M	M	R	R	M	M	M		M	M
Tổng hợp học phần	M	M	R	R	M	M	M		M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

- [1]. PGS. TS Lê Huỳnh, PGS. TS Nguyễn Thu Hằng (2005), *Giáo trình Giáo dục dân số - Môi trường và giảng dạy địa lí địa phương*, NXB Đại học Sư phạm.
- [2]. Đinh Thị Thu Hương, Nguyễn Thị Thanh (2010), *Lịch sử địa phương tỉnh Quảng Ninh*.
- [3]. ThS. Nguyễn Hữu Sinh, Phạm Trọng Bình (2009), *Địa lí địa phương tỉnh Quảng Ninh* (Giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ Cao đẳng Sư phạm), NXB Đại học Sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo

- [4]. Nguyễn Thị Thùy Dương, Cao Thị Thường (2021), *Hệ thống di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Việt Nam*, Quảng Ninh, Tài liệu lưu hành nội bộ.
- [5]. Phan Thị Huệ (2018), *Di tích và danh thắng tiêu biểu Quảng Ninh*, NXB Đại học Thái Nguyên.
- [6]. Tô Thị Hương, Nguyễn Thị Thùy Dương (2007), *Địa chí Quảng Ninh*, Quảng Ninh.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kỳ: 2 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài.

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(6)	
1	(*) Giới thiệu học phần		+ Giảng viên (GV): Giới thiệu chương trình môn học.	
	Chương 1. Tìm hiểu địa lí địa phương	5LT 12TH		

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	1.1. Địa lí tự nhiên các tỉnh, thành phố 1.1.1. Vị trí địa lí 1.1.2. Đặc điểm tự nhiên 1.2. Địa lí kinh tế - xã hội các tỉnh, thành phố 1.2.1. Đặc điểm dân cư 1.2.2. Đặc điểm kinh tế		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], [2]; [3] có thể đọc thêm tài liệu [4]; [5]; [6]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ.	CLO1 CLO4
	1.3. Thực hành 1.3.1. Tìm hiểu vị trí địa lí tỉnh Quảng Ninh 1.3.2. Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên tỉnh Quảng Ninh 1.3.3. Tìm hiểu đặc điểm dân cư tỉnh Quảng Ninh 1.3.4. Tìm hiểu đặc điểm kinh tế tỉnh Quảng Ninh		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Thực hành; + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ. + Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của NH khác.	CLO3 CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
2	Chương 2. Tìm hiểu lịch sử địa phương	5 LT 12T 1 KT		
	2.1. Tên gọi của tỉnh, thành phố qua các thời kì lịch sử 2.2. Sự phát triển của tỉnh, thành phố qua các thời kì lịch sử 2.3. Một số nhân vật, sự kiện lịch sử tiêu biểu của tỉnh, thành phố trong công cuộc kháng chiến chống ngoại xâm 2.4. Một số di tích lịch sử tiêu biểu của tỉnh, thành phố 2.5. Văn hóa đặc trưng của tỉnh, thành phố		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], [2]; [3] có thể đọc thêm tài liệu [4]; [5]; [6]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ.	CLO1 CLO4
	2.6. Thực hành 2.6.1. Tìm hiểu tên gọi của tỉnh Quảng Ninh qua các thời kì lịch sử 2.6.2. Tìm hiểu sự phát triển của tỉnh Quảng Ninh qua các thời kì lịch sử 2.6.3. Tìm hiểu một số nhân vật, sự kiện lịch sử tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh trong công cuộc kháng chiến chống ngoại xâm 2.6.4. Một số di tích lịch sử		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Thực hành; + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết	CLO3 CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	tiêu biểu của tỉnh Quảng Ninh 2.6.5. Tìm hiểu văn hóa đặc trưng của tỉnh Quảng Ninh Bài kiểm tra định kì số 1	1	quả thực hiện nhiệm vụ. + Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của NH khác. + GV: phát đề kiểm tra. + HS: làm bài kiểm tra dưới sự hướng dẫn của GV.	CLO1 CLO3 CLO4
3	Chương 3. Hướng dẫn thiết kế và tổ chức dạy học Lịch sử và Địa lí địa phương ở tiểu học 3.1. Phương pháp và hình thức tổ chức dạy học Lịch sử và Địa lí địa phương 3.1.1. Phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí địa phương 3.1.2. Hình thức tổ chức dạy học Lịch sử và Địa lí địa phương	3LT 6TH	- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Đọc lí thuyết về tóm tắt văn bản trong tài liệu [1], [2]; [3] có thể đọc thêm tài liệu [4]; [5]; [6]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp; + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết. + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ.	CLO1 CLO4
	3.2. Lập kế hoạch lên lớp, thiết kế bài giảng 3.2.1. Xác định năng lực, phẩm chất cần đạt; phương pháp và nội dung đánh giá;		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên;	CLO1 CLO2 CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	hoạt động dạy học 3.2.2. Xây dựng kế hoạch bài dạy		+ Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Thực hành; + Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ. + Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của NH khác.	
	3.3. Thực hành giảng		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH: + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Thực hành giảng; + Nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ của NH khác.	CLO3 CLO4
	Kiểm tra định kì	1	+ GV: phát đề kiểm tra. + HS: làm bài kiểm tra dưới sự hướng dẫn của GV.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)

A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	- Bài kiểm tra số 01, hình thức tự luận	- Bảng 5a	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
A2.2	- Bài kiểm tra số 02, hình thức tự luận.	- Bảng 5b	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3	- Thi tự luận	- Bảng 6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần*: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra định kì

- Nội dung: Từ chương 1 đến 2
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung kiến thức thuộc Chương 1.	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học. - Có ví dụ minh họa.	4
2	Nội dung kiến thức, kĩ năng thuộc Chương 2.	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học. - Có ví dụ minh họa.	2
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: Chương 3.
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc Chương 3.	- Nội dung trình bày đầy đủ, rõ ràng, chính xác. - Hình thức trình bày sạch sẽ, khoa học. - Có ví dụ minh họa.	10
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Toàn bộ nội dung học phần.
- Hình thức: Thi viết (Tự luận)
- Thời gian: 60 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Lý thuyết Chương 1: Tìm hiểu địa lí địa phương Chương 2: Tìm hiểu lịch sử địa phương Chương 3: Hướng dẫn thiết kế và tổ chức dạy học Lịch sử và Địa lí địa phương ở tiểu học	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5
2	Thực hành: Xây dựng kế hoạch dạy học, hoạt động dạy học Đánh giá trong dạy học Lịch sử và Địa lí địa phương	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày 04 tháng 8 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Người biên soạn

Vũ Thị Doan
Đinh Thị Tuyết

6.2.62. Giáo dục kĩ năng sống trong nhà trường Tiểu học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học **Ngành: Giáo dục Tiểu học**

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622048
1.2. Tên học phần:	Giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường Tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	Educating life skills at primary schools
1.4. Số tín chỉ:	2 (1LT; 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	Vũ Thanh Hòa
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Nguyễn Thị Thương Trần Thị Kim Loan Trần Thị Hòa Nguyễn Thị Diệp
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Tâm lý học tiểu học, Giáo dục học tiểu học
- Học phần song hành:	Không

2. Mục tiêu học phần

2.1. Mục tiêu chung: Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức cơ bản về kỹ năng sống, nguyên tắc, cấu trúc, con đường giáo dục kỹ năng sống. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng để thiết kế và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cụ thể cho học sinh tiểu học.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Có kiến thức cơ bản về quá trình giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.

2.2.2. Về kỹ năng

- CO2: Có khả năng thiết kế các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.

- CO3: Có khả năng tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Tự chủ trong hoạt động học tập và hoạt động nghề nghiệp; Hiểu biết sâu sắc về trách nhiệm, vai trò, sứ mạng của người giáo viên trong giáo dục kỹ năng sống cho học sinh; trau dồi và phát triển chuyên môn nghiệp vụ.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân tích được tầm quan trọng của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh.	CO1, CO2
CLO2	Thiết kế được hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.	CO2, CO3
CLO3	Tổ chức được hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.	CO2, CO3, CO4
CLO4	Đánh giá được hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.	CO1, CO2, CO3, CO4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R	M	I	I	M	R			R	R
CLO 2		M	R	I	M	M			R	R
CLO 3	R	M	R	R	M	M			R	R
CLO 4	R	M	R	M	M	M			R	R
Tổng hợp học phần	R	M	R	R	M	M			R	R

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Nguyễn Thanh Bình (2007). *Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*. NXB Đại Học Sư Phạm.

5.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Thanh Lâm, Nguyễn Tú Phương (2017). *Rèn kỹ năng sống cho học sinh, kỹ năng giao tiếp*. NXB Đại Học Sư Phạm.

[3]. Nguyễn Thanh Lâm, Nguyễn Tú Phương (2018). *Rèn kỹ năng sống cho học sinh, kỹ năng tự nhận thức*. NXB Đại Học Sư Phạm.

[4]. Nguyễn Thanh Lâm, Nguyễn Tú Phương (2017). *Rèn kỹ năng sống cho học sinh, kỹ năng kiểm soát cảm xúc*. NXB Đại Học Sư Phạm.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kỳ: 2 bài;
- + Thi kết thúc học phần: 1 bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tuần 1	<i>* Giới thiệu học phần</i> Chương 1: Những vấn đề chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống 1.1. Kỹ năng sống 1.1.1. Khái niệm kỹ năng sống 1.1.2. Phân loại kỹ năng sống 1.1.3. Ý nghĩa của kỹ năng sống 1.2. Giáo dục kỹ năng sống 1.2.1. Khái niệm giáo dục kỹ năng sống 1.2.2. Sự cần thiết phải giáo dục kỹ năng sống cho học sinh 1.2.3. Các nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống 1.2.4. Các con đường giáo dục kỹ năng sống Thực hành: Nhiệm vụ 1: Chứng minh sự cần thiết phải trang bị, giáo	2LT 1TH	- Phân tích được các khái niệm cơ bản về kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống; - Chứng minh được tầm quan trọng của việc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh. - Lí giải được nguyên tắc, con đường giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.	CLO1, CLO2	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	dục kĩ năng sống cho học sinh. Nhiệm vụ 2: Phân tích những con đường giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học.				
Tuần 2	Chương 2: Một số chủ đề giáo dục những kĩ năng sống cơ bản cho học sinh tiểu học 2.1. Đặc điểm tâm, sinh lí cơ bản của lứa tuổi học sinh tiểu học 2.2. Định hướng xây dựng các chủ đề 2.2.1. Các cách tiếp cận khi thiết kế các chủ đề giáo dục kĩ năng sống 2.2.2. Cấu trúc của mỗi chủ đề 2.2.3. Các bước cơ bản và phương pháp giáo dục kĩ năng sống trong các chủ đề 2.3. Một số kĩ năng sống cơ bản cần giáo dục cho học sinh tiểu học. Thực hành: Nhiệm vụ 1: Liên hệ thực tiễn việc tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng sống trong trường tiểu học.	2LT 1TH	- Xác định được mục tiêu, thông điệp, tài liệu, phương pháp, phương tiện, và yêu cầu giáo dục các kĩ năng sống cho học sinh; - Mô tả được cấu trúc hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho học sinh tiểu học.	CLO1, CLO2, CLO3	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà.
Tuần 3	Tiếp chương 2 Thực hành: Nhiệm vụ 2: Quan sát băng hình, nhận xét cách thức giáo	2TH 1KT	- Nhận xét được cách thức giáo viên tổ chức hoạt động	CLO1, CLO2, CLO3	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; - Hoàn thành bài

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	viên tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học. Kiểm tra 1 tiết.		giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học.		kiểm tra số 1. GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà.
Tuần 4	Chương 3: Thực hành thiết kế và tổ chức giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học 3.1. Hướng dẫn thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh tiểu học 3.2. Thực hành thiết kế và tổ chức giáo dục một số KNS cơ bản cho học sinh tiểu học 3.2.1. Kỹ năng tự nhận thức	1LT 2TH	- Thiết kế được hoạt động giáo dục kỹ năng sống cụ thể cho học sinh. - Đánh giá được hiệu quả của hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong trường tiểu học.	CLO2, CLO3, CLO4.	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà.
Tuần 5	Tiếp chương 3 3.2.1. Kỹ năng tự nhận thức (Tiếp theo) 3.2.2. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc	1LT 2TH	- Thiết kế, tổ chức, đánh giá được hoạt động giáo dục kỹ năng tự nhận thức, KN kiểm soát cảm xúc cho học sinh.	CLO2, CLO3, CLO4.	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà.
Tuần 6	Tiếp chương 3 3.2.2. Kỹ năng kiểm soát cảm xúc (Tiếp theo)	1LT 2TH	- Thiết kế, tổ chức, đánh giá được hoạt động	CLO2, CLO3, CLO4	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			động giáo dục kỹ năng kiểm soát cảm xúc cho học sinh.		GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 7	Tiếp chương 3 3.2.3. Kỹ năng làm chủ bản thân	1LT 2TH	- Thiết kế, tổ chức, đánh giá được hoạt động giáo dục kỹ năng làm chủ bản thân cho học sinh.	CLO2, CLO3, CLO4	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 8	Tiếp chương 3 3.2.3. Kỹ năng làm chủ bản thân (Tiếp theo)	1LT 2TH	- Thiết kế, tổ chức, đánh giá được hoạt động giáo dục kỹ năng làm chủ bản thân cho học sinh.	CLO2, CLO3, CLO4	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 9	Tiếp chương 3 3.2.4. Kỹ năng giao tiếp	1LT 2TH	- Thiết kế, tổ chức, đánh giá được hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh.	CLO2, CLO3, CLO4	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
					- Giao bài tập về nhà
Tuần 10	Tiếp chương 3 3.2.4. Kỹ năng giao tiếp (Tiếp theo)	1LT 2TH	- Thiết kế, tổ chức, đánh giá được hoạt động giáo dục kỹ năng giao tiếp cho học sinh.	CLO2, CLO3, CLO4	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 11	Tiếp chương 3 3.2.5. Kỹ năng xác định mục tiêu	1LT 2TH	- Thiết kế, tổ chức, đánh giá được hoạt động giáo dục kỹ năng xác định mục tiêu cho học sinh.	CLO2, CLO3, CLO4	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 12	Tiếp chương 3 3.2.6. Kỹ năng giải quyết vấn đề	1LT 2TH	- Thiết kế, tổ chức, đánh giá được hoạt động giáo dục kỹ năng giải quyết vấn đề cho học sinh.	CLO2, CLO3, CLO4	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 13	Tiếp chương 3 3.2.7. Kỹ năng tư duy sáng tạo và tư duy tích cực	1LT 2TH	- Thiết kế, tổ chức, đánh giá được hoạt động giáo dục kỹ năng tư duy sáng tạo và tư duy tích cực cho học sinh.	CLO2, CLO3, CLO4	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận;

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			động giáo dục kỹ năng tư duy sáng tạo và tư duy tích cực cho học sinh.		GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 14	Tiếp chương 3 3.2.8. Kỹ năng ra quyết định	1LT 2TH	- Thiết kế, tổ chức, đánh giá được hoạt động giáo dục kỹ năng ra quyết định cho học sinh.	CLO2, CLO3, CLO4	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Giao bài tập về nhà
Tuần 15	Tiếp chương 3 Thực hành: Nhiệm vụ 1: Tự chọn một/một vài KNS để thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng sống cụ thể cho học sinh tiểu học. Nhiệm vụ 2: Thực hành tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng sống cụ thể cho học sinh tiểu học. Kiểm tra 1 tiết.	2TH 1KT		CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	SV: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; - Hoàn thành bài kiểm tra số 2. GV: - Thuyết giảng; - Tổ chức cho SV làm bài tập trên lớp; - Hướng dẫn ôn tập, đánh giá môn học.

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	Có ý thức tham gia học tập đầy đủ, hoàn thành đúng hạn các yêu cầu của giảng viên và tích cực phát biểu ý kiến				Rubric đánh giá chuyên cần (bảng 5)
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Bài kiểm tra 1 (thực hiện vào tuần 3)	50%	X		Theo rubric (bảng 6)
		Bài kiểm tra 2 (thực hiện vào tuần 15)	50%	X		Theo rubric (bảng 6)
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Bài thi cuối kỳ (theo ngân hàng đề thi)				SV thực hiện bài thi cuối kỳ theo qui định

(*) Nội dung A1, A2, A3 là gợi ý, tùy đặc thù học phần có thể xác định các nội dung, số lượng đánh giá phù hợp.

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5: Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao

6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 90% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến 70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
0-5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp *Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao

8.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Nội dung: khối lượng kiến thức, kỹ năng thuộc nội dung chương trình đã nghiên cứu.
- Hình thức: Tự luận
- Thời điểm thực hiện: tuần thứ 3 và tuần thứ 15.
- Thời gian: 50 phút

Bảng 6. Rubric đánh giá bài kiểm tra định kỳ

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
2	Câu 2	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề. - Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	3.5 0.5 1.0
Tổng điểm			10

8.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Toàn bộ khối kiến thức đã nghiên cứu trong chương trình.
- Hình thức: Bài thi tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Tiêu chí đánh giá: Theo hướng dẫn chấm bài trong ngân hàng đề thi.

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Nguyễn Thị Thương

Vũ Thanh Hòa

6.2.63. Phòng chống xâm hại cho học sinh Tiểu học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622049
1.2. Tên học phần:	Phòng chống xâm hại cho học sinh Tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	Preventing sexual abuse on elementary school students
1.4. Số tín chỉ:	02(1LT, 1TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45 tiết
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS Vũ Thanh Hòa: 0943696526
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS Vũ Vương Trường: 0976955888 ThS Nguyễn Thị Thương: 0987397227 ThS Trần Thị Kim Loan: 0936722756 ThS Trần Thị Hòa: 0989889774 ThS Nguyễn Thị Điệp: 0974435007
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP622060, SP622002
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức về một số vấn đề xâm hại trẻ em; lý luận về kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em. Qua đó người học có khả năng thiết kế và tổ chức các hoạt động phù hợp giúp cho học sinh Tiểu học có kỹ năng phòng chống xâm hại.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học có các kiến thức lý luận cơ bản về phòng chống xâm hại trẻ em, giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em. Trên cơ sở đó, người học có thể

vận dụng để thiết kế, tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Phương pháp đánh giá
CLO1	Phân tích được các kiến thức cơ bản về phòng chống xâm hại trẻ em và giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho trẻ em.	Vấn đáp, bài tập nhóm,
CLO2	Nhận biết được dấu hiệu của trẻ em bị xâm hại;	Quan sát, vấn đáp, bài tập nhóm, bài tập dự án, thực hành
CLO3	Thiết kế và tổ chức được hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học.	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm,
CLO4	Đánh giá được hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học; Phát huy vai trò chủ đạo trong việc phối hợp với gia đình học sinh và cộng đồng phòng chống xâm hại trẻ em nói chung, học sinh tiểu học nói riêng.	Quan sát, bài tập cá nhân, bài tập nhóm

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	R	M	I	I	M	R			R	R
CLO 2	R	M	R	I	M	M			R	R
CLO 3	R	M	R	R	M	M			R	R
CLO 4	R	M	R	M	M	M			R	R
Tổng hợp học phần	R	M	R	R	M	M			R	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1]. Nguyễn Thanh Bình, Lê Thị Thu Hà, Trịnh Thúy Giang (2014), *Giáo trình chuyên đề giáo dục kỹ năng sống*, NXB Đại Học Sư Phạm.

[2]. Vũ Thanh Hòa, Phí Thị Hiếu (2020), *Phòng chống xâm hại trẻ mẫu giáo - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, NXB Lao động-Xã hội.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Vũ Thanh Hòa, Dương Thị Nga, Phí Thị Hiếu (2020), *Giáo dục kỹ năng phòng chống xâm*

hại cho trẻ mẫu giáo - Sách hướng dẫn giáo viên, NXB Lao động-Xã hội.

[4]. Trần Ngọc Thúy, Vũ Thanh Hòa (2020), *Cha mẹ dạy con cách phòng chống xâm hại*, NXB Lao động-Xã hội.

[5].Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2016), *Luật trẻ em*, số 102/2016/QH 13.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;
- Tổng số tuần học: 15 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 15 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 02 bài;
 - + Thi kết thúc học phần: 01 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
Tuần 1	<i>* Giới thiệu học phần</i> Chương 1. Một số vấn đề lý luận về xâm hại trẻ em và giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học 1.1. Khái niệm về xâm hại trẻ em 1.2. Phân loại xâm hại trẻ em 1.3. Dấu hiệu của trẻ em bị xâm hại Thực hành: Nghiên cứu bài tập tình huống và xác định các loại xâm hại trẻ em, thủ phạm xâm hại trẻ em theo các loại hành vi xâm hại.	2LT 1TH	GV: - Giới thiệu học phần; - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ học tập. Người học: - Thảo luận; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập.	CLO1 CLO2
Tuần 2	Tiếp chương 1 1.4. Đặc điểm chung của học sinh lứa tuổi tiểu học và những nguy cơ	2LT 1TH	Người học: - Báo cáo thực hiện	CLO1C LO2CL

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	bị xâm hại ở lứa tuổi này 1.4.1. Đặc điểm phát triển thể chất 1.4.2. Đặc điểm phát triển tâm lý của học sinh tiểu học. 1.5. Giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học. 1.5.1. Khái niệm 1.5.2. Mục tiêu giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học. 1.5.3. Nội dung giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học. Thực hành: Trình bày các biểu hiện của những hành vi xâm hại và những kỹ năng tương ứng cần giáo dục cho học sinh tiểu học.		nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập trên lớp; - Giao nhiệm vụ học tập.	O3
Tuần 3	Tiếp chương 1 1.5.4. Phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học. 1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học. 1.6.1. Các yếu tố khách quan 1.6.2. Các yếu tố chủ quan Kiểm tra: 1 tiết - Hình thức: tự luận - Nội dung: thuộc khối kiến thức, kỹ năng chương 1.	2LT 1TH	Người học: - Báo cáo kết quả tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Thực hiện bài kiểm tra số 1 theo quy định. GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động dạy học - Giao nhiệm vụ tự học.	CLO2C LO3CL O4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
Tuần 4	Chương 2. Thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học 2.1. Mục đích, yêu cầu của việc thiết kế các hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học. 2.2. Các bước thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học. Thực hành: - Hãy phân tích vai trò quan trọng của bước <i>Đánh giá kết quả hoạt động và kỹ năng của trẻ</i> trong thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học.	1LT 2TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập thực hành trên lớp; - Giao nhiệm vụ học tập.	CLO2C LO3CL O4
Tuần 5	Tiếp chương 2 2.3. Thực hành thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học. 2.3.1. Thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại về thể chất cho học sinh tiểu học. 2.3.1.1. Thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại về thể chất cho học sinh tiểu học. Thực hành: Nghiên cứu các tình huống/khai thác các câu chuyện để thiết kế giáo án giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại về thể chất cho học sinh tiểu học.	1LT 2TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.	CLO2C LO3
Tuần 6	Tiếp chương 2 2.3.1.2. Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại về thể	3TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực	CLO3C LO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	chất cho học sinh tiểu học. Thực hành: Tổ chức và đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại về thể chất cho học sinh tiểu học.		hành; - Thảo luận; GV:- Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.	
Tuần 7	Tiếp chương 2 2.3.2. Thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học. 2.3.2.1. Thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học. Thực hành: Nghiên cứu các tình huống/khai thác các câu chuyện để thiết kế giáo án giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học.	1LT 2TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.	CLO2C LO3
Tuần 8	Tiếp chương 2 2.3.2.2. Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu học. Thực hành: Tổ chức và đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tình dục cho học sinh tiểu	3TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương	CLO3C LO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	học.		pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.	
Tuần 9	Tiếp chương 2 2.3.3. Thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tinh thần và sao nhãng cho học sinh tiểu học. 2.3.3.1. Thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tinh thần và sao nhãng cho học sinh tiểu học. Thực hành: Nghiên cứu các tình huống/khai thác các câu chuyện để thiết kế giáo án giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tinh thần và sao nhãng cho học sinh tiểu học.	1LT 2TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.	CLO2C LO3
Tuần 10	Tiếp chương 2 2.3.3.2. Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tinh thần và sao nhãng cho học sinh tiểu học. Thực hành: Tổ chức và đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại tinh thần và sao nhãng cho học sinh tiểu học.	3TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực	CLO3C LO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			hành. - Giao nhiệm vụ học tập.	
Tuần 11	Tiếp chương 2 2.3.4. Thiết kế và tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống bắt cóc, mua bán, bóc lột cho học sinh tiểu học. 2.3.4.1. Thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống bắt cóc, mua bán, bóc lột cho học sinh tiểu học. Thực hành: Nghiên cứu các tình huống/khai thác các câu chuyện để thiết kế giáo án giáo dục kỹ năng phòng chống bắt cóc, mua bán, bóc lột cho học sinh tiểu học.	1LT 2TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.	CLO2 CLO3
Tuần 12	Tiếp chương 2 2.3.4.2. Tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống bắt cóc, mua bán, bóc lột cho học sinh tiểu học. Thực hành: Tổ chức và đánh giá hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống bắt cóc, mua bán, bóc lột cho học sinh tiểu học.	3TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.	CLO2C LO3 CLO4
Tuần 13	Chương 3. Phối hợp gia đình, nhà trường và xã hội trong	2LT	Người học: - Báo cáo thực hiện	CLO2C

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học 3.1. Nhà trường phối hợp với gia đình trong phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học. 3.1.1. Ý nghĩa 3.1.2. Nội dung và cách thực hiện Thực hành: - Xây dựng kế hoạch phối hợp giáo dục nhà trường và gia đình trong phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học trên cơ sở các biện pháp cụ thể.	1TH	nhiệm vụ thực hành; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học thực hành, báo cáo nhiệm vụ thực hành. - Giao nhiệm vụ học tập.	LO3 CLO4
Tuần 14	Tiếp chương 3 3.2. Phối hợp giữa các tổ chức giáo dục trong nhà trường phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học. 3.2.1. Ý nghĩa 3.2.2. Nội dung và cách thực hiện Thực hành: - Xây dựng kế hoạch phối kết hợp các lực lượng giáo dục trong nhà trường để phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học trên cơ sở các biện pháp cụ thể.	1LT 2TH	Người học: - Báo cáo thực hiện nhiệm vụ học tập; - Thảo luận; GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức cho người học làm bài tập thực hành trên lớp; - Giao nhiệm vụ học tập.	CLO1 CLO2C LO3 CLO4
Tuần 15	Tiếp chương 3 3.3. Phối hợp các lực lượng xã hội trong phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học. 3.3.1. Ý nghĩa 3.3.2. Nội dung và cách thực hiện Thực hành: - Xây dựng kế hoạch phối hợp các lực	1LT 2TH	Người học: - Báo cáo kết quả tự học; - Thực hiện các nhiệm vụ học tập. - Thực hiện bài kiểm tra số 2 theo quy định.	CLO1C LO2 CLO3 CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	lượng xã hội trong phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học trên cơ sở các biện pháp cụ thể. Kiểm tra: 1 tiết - Hình thức: tự luận - Nội dung: thuộc khối kiến thức, kỹ năng chương 2, 3.		GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học. - Tổ chức, điều khiển các hoạt động dạy học - Tổng kết nội dung, hướng dẫn ôn tập, đánh giá môn học. - Tổ chức cho sinh viên làm bài kiểm tra.	

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá giữa học phần				30%
A2.1	Bài kiểm tra số 1, hình thức bài thực hành.	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2	
A2.2	Bài kiểm tra số 2, hình thức bài tập cá nhân	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Hình thức tự luận	- Câu hỏi - Bài tập	CLO1, CLO2 CLO3	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 1 + A2 x 3 + A3 x 6): 10				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5: Rubric đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
10	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu
8-9	Dự đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 90% đến 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
6-7	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 90% số tiết trên lớp	Tích cực học tập, trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi với thầy cô, bạn bè	Thực hiện từ 70% đến 90% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
5	Dự đủ, đúng giờ $\geq$ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% đến 70% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao
Dưới 5	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	Thái độ học tập không tích cực	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

- Hình thức: Kiểm tra tự luận.

- Thời gian: 50 phút (1 tiết)

Bảng 6.1. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 (Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1): - Khái niệm, phân loại xâm hại trẻ em; - Dấu hiệu của trẻ em bị xâm hại; - Thủ phạm xâm hại trẻ em theo các loại hành vi xâm hại.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề.	3.5
		- Trình bày logic, khoa học.	0.5
		- Liên hệ thực tiễn	1.0
	Câu 2 (Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1):	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề.	3.5

	- Khái niệm, mục tiêu giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học; - Nội dung giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học; - Phương pháp, hình thức giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học; - Các biểu hiện của những hành vi xâm hại và những kỹ năng tương ứng cần giáo dục cho học sinh tiểu học.	- Trình bày logic, khoa học. - Liên hệ thực tiễn	0.5 1.0
2	Tổng điểm:		10

Bảng 6.2. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

TT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 (Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 2): - Mục đích-yêu cầu của việc thiết kế các hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học; - Các bước thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học; - Thiết kế giáo án tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học theo các loại hành vi xâm hại: Xâm hại về thể chất; Xâm hại tình dục; Xâm hại tinh thần và sao nhãng; Bắt cóc, mua bán, bóc lột.	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề.	3.5
		- Trình bày logic, khoa học.	0.5
		- Liên hệ thực tiễn	1.0

2	Câu 2 (Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 3):	- Câu trả lời rõ ràng, đúng vấn đề.	3.5
	- Nhà trường phối hợp với gia đình trong phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học.	- Trình bày logic, khoa học.	0.5
	- Phối hợp giữa các tổ chức giáo dục trong nhà trường phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học.	- Liên hệ thực tiễn	1.0
	- Phối hợp các lực lượng xã hội trong phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học.		
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: kiến thức, kỹ năng thuộc chương trình đã học từ tuần 1 đến tuần 15.
- Hình thức thi: Tự luận
- Thời gian: 90 phút
- Tiêu chí đánh giá: Theo hướng dẫn chấm bài trong ngân hàng đề thi.

Bảng 7: Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

TT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Câu 1 (5 điểm)Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 1, chương 3: - Khái niệm, phân loại xâm hại trẻ em; - Khái niệm, mục tiêu giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học. - Nội dung giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học. - Các biểu hiện của những hành vi xâm hại và những kỹ năng tương ứng cần giáo dục cho học sinh tiểu học. - Nhà trườngphối hợp với gia đìnhtrong phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học. - Phối hợp giữa các tổ chức giáo dục trong nhà trường phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học. - Phối hợp các lực lượng xã hội trong phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học.	Theo bộ đề trong ngân hàng đề thi	Theo biểu điểm của đáp án đề thi
2	Câu 2 (5 điểm)Nội dung kiến thức, kỹ năng thuộc chương 2: - Các bước thiết kế hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học. - Thiết kế giáo án tổ chức hoạt động giáo dục kỹ năng phòng chống xâm hại cho học sinh tiểu học theo các loại hành vi xâm hại: Xâm hại về thể chất; Xâm hại tình dục; Xâm hại tinh thần và sao nhãng; Bắt cóc, mua bán, bóc lột.		
Tổng điểm:			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Nguyễn Thị Thương

Vũ Thanh Hòa

6.2.64. Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.15 Mã học phần:	SP622051
1.16 Tên học phần:	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 1
1.17 Tên tiếng Anh:	Regular Pedagogical Practice 1
1.18 Số tín chỉ:	1 (0LT + 1TH)
1.19 Phân bố thời gian:	
- Lý thuyết:	0 tiết
- Thực hành:	45 tiết
- Tự học:	45 tiết
1.20 Quản lý, phụ trách học phần:	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS.Nguyễn Thị Quý Kim;ĐT: 0988866910
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Bùi Văn Chương; ĐT: 0914628884 ThS. Nguyễn Hoàng Vân; ĐT 0936217077
1.21 Điều kiện tham gia học phần:	
- Học phần tiên quyết:	Không có
- Học phần học trước:	Phương pháp dạy học môn Toán Tiểu học 1,2
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần

Học phần Rèn luyện nghiệp vụ Sư phạm thường xuyên 1, thuộc khối kiến thức nghiệp vụ, được bố trí học sau các học phần Phương pháp dạy học toán ở Tiểu học 1, 2 nhằm rèn luyện cho sinh viên năng lực nghiên cứu chương trình, SGK môn Toán ở tiểu học, nắm chắc chuẩn kiến thức, kỹ năng môn toán ở lớp 1, 2, 3, 4, 5; thực hành giải các bài toán có lời văn ở lớp 1, 2, 3, 4, 5; vận dụng vào giảng dạy các nội dung trong chương trình toán tiểu học.

3. Mục tiêu học phần

Học phần rèn luyện cho sinh viên năng lực nghiên cứu chương trình, SGK môn Toán ở tiểu học, nắm chắc chuẩn kiến thức, kỹ năng môn toán ở lớp 1, 2, 3, 4, 5; thực hành giải các bài toán có lời văn ở lớp 1, 2, 3, 4, 5 và vận dụng vào soạn bài, tập giảng các nội dung trong chương trình toán tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra HP (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Hệ thống hóa được các kiến thức về phương pháp và các hình thức tổ chức dạy học môn Toán ở tiểu học.	CO1; CO2
CLO2	Sử dụng được các phương pháp và các hình thức dạy học vào xây dựng kế hoạch bài học môn Toán ở Tiểu học theo định hướng phát triển năng lực.	CO2; CO3
CLO3	Vận dụng các kiến thức đã học vào tổ chức giảng các kế hoạch bài học môn Toán ở Tiểu học.	CO3; CO4
CLO4	Có ý thức cập nhật phương pháp, hình thức dạy học mới, đổi mới việc kiểm tra – đánh giá và thường xuyên rèn luyện năng lực sư phạm.	CO5

5. Mối liên hệ giữa CDR HP (CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		I				R			R	I
CLO 2		R				R			R	I
CLO 3		M				R			R	I
Tổng hợp học phần		M				R			R	I

6. Học liệu

6.1. Sách, giáo trình chính

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán*.

[2] Dương Giáng Thiên Hương (chủ biên) (2021), *Giáo trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học*, NXB ĐH Sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3] Hà Huy Khoái (tổng chủ biên), *Sách giáo khoa, sách giáo viên môn toán lớp 1,2,3,4,5 bộ sách Kết nối tri thức vào cuộc sống*, NXB Giáo dục.

[4] Đỗ Đức Thái (tổng chủ biên), *Sách giáo khoa, sách giáo viên môn toán lớp 1,2,3,4,5 bộ sách Cánh Diều*, NXB ĐH Sư phạm.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 3 bài thực hành

+ Tính điểm kết thúc học phần: Trung bình chung các bài thực hành

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chương 1: Thực hành giải các bài toán có lời văn trong chương trình toán Tiểu học 1.1. Bài toán liên quan đến rút về đơn vị 1.2. Bài toán tìm số trung bình cộng 1.3. Tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó	3	-SV giải các bài toán trong sách giáo khoa toán 4 - GV tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.1;1.2;1.3. - SV nghe giảng, ghi chép, nhận xét bài của bạn, nhóm bạn.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
2	1.4. Tìm hai số biết tổng và tỉ số của hai số đó 1.5. Tìm hai số biết hiệu và tỉ số của hai số đó 1.6. Bài toán về tỉ số phần trăm	3	-SV giải các bài toán trong sách giáo khoa toán 5 - GV tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.4;1.5;1.6. - SV nghe giảng, ghi chép, nhận xét bài của bạn, nhóm bạn.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
3	1.7. Bài toán về chuyển động đều 1.8. Bài toán có nội dung hình học	3	-SV giải các bài toán trong sách giáo khoa toán 5 - GV tổ chức các hoạt động dạy học nội dung 1.7; 1.8. - SV nghe giảng, ghi chép, nhận xét bài của nhóm bạn.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
4	Chương 2: Thực hành soạn bài theo định hướng phát triển năng lực các nội dung Toán. 2.1. Tìm hiểu chương trình nội dung Toán 2.1.1. Tìm hiểu nội dung chương trình Toán 1. 2.1.2. Tìm hiểu nội dung chương trình Toán 2. 2.1.3. Tìm hiểu nội dung chương trình Toán 3.	3	-SV nghiên cứu nội dung trước khi vào buổi học trong tài liệu [1]. -SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; nội dung theo sự phân công của GV); thảo luận trên lớp; -GV tổ chức cho SV thảo luận, nhận xét bài của nhóm bạn.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
5	2.1.1. Tìm hiểu nội dung chương	3	-SV nghiên cứu nội dung trước	CLO1,

	trình Toán 4. 2.1.2. Tìm hiểu nội dung chương trình Toán 5.		khi vào buổi học trong tài liệu [1]. -SV lập dàn ý ở nhà (theo nhóm; nội dung theo sự phân công của GV); trình bày trên lớp; -GV tổ chức cho SV thảo luận, nhận xét bài của nhóm bạn.	CLO2, CLO3, CLO4
6	2.2. Thiết kế kế hoạch và tổ chức thực hiện dạy học theo định hướng phát triển năng lực các nội dung Toán. 2.2.1. Số và các phép tính 2.2.1.1. Thiết kế kế hoạch dạy học a, Xác định mục tiêu của chủ đề/bài học b, Thực hành soạn kế hoạch dạy học	3	- GV hướng dẫn xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp các loại bài cần thực hiện. - SV trao đổi để xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, kỹ thuật dạy học. - SV nghiên cứu tài liệu, soạn bài. - GV góp ý, SV hoàn thiện kế hoạch dạy học	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
7	2.2.1.2. Tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học a,Thực hành dạy học theo kế hoạch dạy học đã thiết kế b,Trao đổi và rút kinh nghiệm	3	- SV thực hành tổ chức dạy học các bài của nhóm. - SV quan sát, ghi chép nhận xét tiết dạy - GV, SV trao đổi, góp ý, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
8	2.2.2. Hình học và đo lường 2.2.2.1. Thiết kế kế hoạch dạy học a, Xác định mục tiêu của chủ đề/bài học b,Thực hành soạn kế hoạch dạy học	3	- SV thực hành tổ chức dạy học các bài của nhóm. - SV quan sát, ghi chép nhận xét tiết dạy - GV, SV trao đổi, góp ý, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
9	2.2.1.2. Tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học a,Thực hành dạy học theo kế hoạch dạy học đã thiết kế b,Trao đổi và rút kinh nghiệm	3	- SV thực hành tổ chức dạy học - SV quan sát, ghi chép nhận xét tiết dạy - GV, SV trao đổi, góp ý, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
10	2.2.3. Thống kê và xác suất 2.2.3.1. Thiết kế kế hoạch dạy học	3	- SV thực hành tổ chức dạy học các bài của nhóm.	CLO1, CLO2,

	a, Xác định mục tiêu của chủ đề/bài học b, Thực hành soạn kế hoạch dạy học		- SV quan sát, ghi chép nhận xét tiết dạy - GV, SV trao đổi, góp ý, rút kinh nghiệm	CLO3, CLO4
11	2.2.3.2. Tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học a, Thực hành dạy học theo kế hoạch dạy học đã thiết kế b, Trao đổi và rút kinh nghiệm	3	- SV thực hành tổ chức dạy học các bài của nhóm. - SV quan sát, ghi chép nhận xét tiết dạy - GV, SV góp ý, rút kinh nghiệm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
12	Dự giờ ở trường phổ thông	3	Sinh viên soạn bài trước khi đi dự giờ. - SV quan sát, ghi chép nhận xét tiết dạy - GV, SV trao đổi, góp ý, rút kinh nghiệm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
13	2.2.4. Giải toán có lời văn 2.2.4.1. Thiết kế kế hoạch dạy học a, Xác định mục tiêu của chủ đề/bài học b, Thực hành soạn kế hoạch dạy học	3	- SV thực hành tổ chức dạy học các bài của nhóm. - SV quan sát, ghi chép nhận xét tiết dạy - GV, SV trao đổi, góp ý, rút kinh nghiệm.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
14-15	2.2.4.2. Tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học a, Thực hành dạy học theo kế hoạch dạy học đã thiết kế. b, Trao đổi và rút kinh nghiệm	3	- SV thực hành tổ chức dạy học các bài của nhóm. - SV quan sát, ghi chép nhận xét tiết dạy - GV, SV trao đổi, góp ý, rút kinh nghiệm	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				90%
A2.1	Bài thực hành 1			

A2.2	Bài thực hành 2			
A2.3	Bài thực hành 3			
Công thức tính điểm tổng kết: $[A1 + (A2.1+A2.2+A2.3)/3]*9] /10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Bài thực hành số 1

- Nội dung: chương 1
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5A. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thực hành

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Bài toán rút về đơn vị	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	3
2	Bài toán về tỉ số phần trăm	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	3
	Bài toán chuyển động	Theo đáp án, biểu điểm đề kiểm tra	4
		Tổng điểm	10

Bài thực hành số 2

- Nội dung: chương 1: Xây dựng kế hoạch 01 bài học Toán ở Tiểu học.
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5B. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thực hành

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	1. Dạy học số và phép tính 2. Dạy học hình học và đo lường 3. Dạy học thống kê và xác suất 4. Dạy học giải toán có lời văn (SV chọn bài theo các nội dung trên)	- Trình bày đầy đủ và chính xác các nội dung yêu cầu các bước xây dựng kế hoạch bài học - Trình bày không đầy đủ hoặc sai so với yêu cầu sẽ bị trừ điểm theo phần trăm so với tổng điểm.	8
2	Hình thức	- Trình bày đúng mẫu, có tính thẩm mỹ	2
Tổng điểm			10

9.2.3. Bài thực hành số 3

Nội dung: Chương 2

- Hình thức: Thực hành giảng bài (1 hoạt động dạy học) theo nhóm.
- Thời gian: 15 phút

Bảng 5C. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thực hành

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	1. Dạy học số và phép tính 2. Dạy học hình học và đo lường 3. Dạy học thống kê và xác suất 4. Dạy học giải toán có lời văn (SV chọn bài các nội dung trên)	- Tổ chức dạy học thuần thực, đầy đủ các bước, vận dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học theo định hướng phát triển năng lực.	8
2	Hình thức	- Bài giảng trình bày khoa học, chính xác, có tính thẩm mỹ,...	2
		Tổng điểm	10

Quảng Ninh, ngày tháng năm 202

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Thị Quý Kim

Bùi Văn Chương

6.2.65. Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622051
1.2. Tên học phần:	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2
1.3. Tên tiếng Anh:	
1.4. Số tín chỉ:	1 (1 TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	0
- Thực hành:	30
- Tự học:	60
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	TS. Bế Thị Thu Huyền
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Bùi Thị Lan Hương ThS. Nguyễn Hữu Tới ThS. Hà Ngọc Yến
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	SP622009, SP622023, SP622024, SP622025, SP622027, SP622028.
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần

Học phần Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 2 là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, được dạy ở học kì 6 cho sinh viên năm thứ 3. Đây là học phần thực hành gồm 7 nội dung: thực hành dạy học học vần, thực hành dạy học tập viết, thực hành dạy học chính tả, thực hành dạy học tập đọc, thực hành dạy học luyện từ và câu, thực hành dạy học tập làm văn, thực hành dạy học kể chuyện. Những kĩ năng thực hành này là cơ sở giúp sinh viên có khả năng thiết kế và tổ chức dạy học các giờ học môn Tiếng Việt ở tiểu học sau này.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học được có những kiến thức và các kỹ năng cơ bản về yêu cầu, cách thức thiết kế kế hoạch bài học và tổ chức giờ dạy môn Tiếng Việt; biết vận dụng những kiến thức và kỹ năng đã học vào thiết kế, tổ chức các hoạt động dạy học môn Tiếng Việt nói riêng và các hoạt động giáo dục nói chung ở bậc tiểu học sau này.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPĐG
CLO1	Phân tích được những yêu cầu, cách thức thiết kế kế hoạch bài học; yêu cầu, cách thức tổ chức giờ dạy môn Tiếng Việt.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO2	Phân tích được những kiến thức cập nhật thực tế phổ thông về chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học Tiếng Việt ở tiểu học.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO3	Sử dụng được các phương pháp và các hình thức dạy học vào xây dựng kế hoạch bài học môn Tiếng Việt ở tiểu học.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO4	Vận dụng được các kiến thức, kỹ năng đã học vào tổ chức giảng dạy các kế hoạch bài học môn Tiếng Việt ở tiểu học.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.
CLO5	Nghiêm túc trong học tập; có ý thức học hỏi, rèn luyện tay nghề, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực sư phạm của bản thân.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành.

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I,R,M,A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		A								M
CLO 2		A	M		M	M	R			M
CLO 3		R	M							
CLO 4		A	M	M	M		R		R	M
CLO5		R	M	M	M	M	R		R	
Tổng hợp học phần		A	M	M	M	M	R		R	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1]. Lê Phương Nga (chủ biên), Lê A, Đặng Kim Nga, Đỗ Xuân Thảo, *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1*, Nxb. Đại học Sư phạm, 2015.

[2]. Lê Phương Nga, *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 2*, Nxb. Đại học Sư phạm, 2016.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Lê Phương Nga, Đặng Kim Nga, *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học*, Nxb. Giáo dục và Nxb. Đại học Sư phạm, 2007.

[4]. Đỗ Ngọc Thống (Tổng Chủ biên) – Đỗ Xuân Thảo (Chủ biên) – Phan Thị Hồ Điệp – Lê Phương Nga, *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2021.

[5]. Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp, *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo chương trình Giáo dục Phổ thông 2018*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2021.

[6]. Bộ SGK Tiếng Việt tiểu học hiện hành.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 1 bài.

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(3)	(3)	(4)	(5)
1	Giới thiệu học phần (*)		- Giảng viên (GV) thuyết giảng, tổ chức hướng dẫn người học (NH) tìm hiểu ĐCCT học phần.	
	CHƯƠNG 1. THỰC HÀNH DẠY HỌC HỌC VẦN 1.1. Thực hành thiết kế kế hoạch bài học học vần 1.2. Thực hành dạy học học vần	6TH	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành Giao nhiệm vụ thực hành 1.2 cho NH; - Tổ chức nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm cho các sản phẩm thực hành của NH;	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			NH: - Nghiên cứu tài liệu số [1], [2] và tham khảo tài liệu số [3], [4], [5]. - Thực hành mục 1.2; - Nhận xét, góp ý cho bài thực hành của bạn; - Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ mục 1.1.	
2	CHƯƠNG 2. THỰC HÀNH DẠY HỌC TẬP VIẾT 2.1. Thực hành thiết kế kế hoạch bài học tập viết 2.2. Thực hành dạy học tập viết	3TH	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành Giao nhiệm vụ thực hành 2.2 cho NH; - Tổ chức nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm cho các sản phẩm thực hành của NH; NH: - Nghiên cứu tài liệu số [1], [2] và tham khảo tài liệu số [3], [4], [5]. - Thực hành mục 2.2; - Nhận xét, góp ý cho bài thực hành của bạn; - Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ mục 2.1.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
3	CHƯƠNG 3. THỰC HÀNH DẠY HỌC CHÍNH TẢ 3.1. Thực hành thiết kế kế hoạch dạy học chính tả 3.2. Thực hành dạy học chính tả	3TH	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành Giao nhiệm vụ thực hành 3.2 cho NH;	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
			- Tổ chức nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm cho các sản phẩm thực hành của NH; - NH: - Nghiên cứu tài liệu số [1], [2] và tham khảo tài liệu số [3], [4], [5]. - Thực hành mục 3.2; - Nhận xét, góp ý cho bài thực hành của bạn; - Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ mục 3.1.	
4	CHƯƠNG 4. THỰC HÀNH DẠY ĐỌC 4.1. Thực hành thiết kế kế hoạch dạy học tập đọc 4.2. Thực hành dạy tập đọc	6TH	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành Giao nhiệm vụ thực hành 4.2 cho NH; - Tổ chức nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm cho các sản phẩm thực hành của NH; NH: - Nghiên cứu tài liệu số [1], [2] và tham khảo tài liệu số [3], [4], [5]. - Thực hành mục 4.2; - Nhận xét, góp ý cho bài thực hành của bạn; - Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ mục 4.1.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
5	CHƯƠNG 5. THỰC HÀNH DẠY HỌC LUYỆN TỪ VÀ CÂU 5.1. Thực hành thiết	4TH	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học;	

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
	kế kế hoạch bài học luyện từ và câu 5.2. Thực hành dạy học luyện từ và câu		- Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành Giao nhiệm vụ thực hành 5.2 cho NH; - Tổ chức nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm cho các sản phẩm thực hành của NH; NH: - Nghiên cứu tài liệu số [1], [2] và tham khảo tài liệu số [3], [4], [5]. - Thực hành mục 5.2; - Nhận xét, góp ý cho bài thực hành của bạn; - Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ mục 5.1.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
6	CHƯƠNG 6. THỰC HÀNH DẠY HỌC TẬP LÀM VĂN 6.1. Thực hành thiết kế kế hoạch dạy học tập làm văn 6.2. Thực hành dạy học tập làm văn	4TH	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành Giao nhiệm vụ thực hành 6.2 cho NH; - Tổ chức nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm cho các sản phẩm thực hành của NH; NH: - Nghiên cứu tài liệu số [1], [2] và tham khảo tài liệu số [3], [4], [5]. - Thực hành mục 6.2; - Nhận xét, góp ý cho bài thực hành của bạn; - Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ mục 6.1.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

TT	Nội dung dạy học	Số tiết	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
7	CHƯƠNG 7. THỰC HÀNH DẠY HỌC KỂ CHUYỆN 7.1. Thực hành thiết kế kế hoạch dạy học kể chuyện 7.2. Thực hành dạy học kể chuyện	3TH	GV: - Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; - Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của sinh viên; - Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành Giao nhiệm vụ thực hành 7.2 cho NH; - Tổ chức nhận xét, góp ý, rút kinh nghiệm cho các sản phẩm thực hành của NH; NH: - Nghiên cứu tài liệu số [1], [2] và tham khảo tài liệu số [3], [4], [5]. - Thực hành mục 7.2; - Nhận xét, góp ý cho bài thực hành của bạn; - Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ mục 7.1.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5
8	Bài kiểm tra (*)	1KT	- GV phát đề kiểm tra. - NH làm bài kiểm tra dưới sự hướng dẫn của GV.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				30%
A2. Đánh giá định kì				70%
A2.1	- Bài kiểm tra định kì	- Bảng 5	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4 CLO5,	
Công thức tính điểm tổng kết: (A1 x 3 + A2 x 7): 10				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần:* Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ

- Nội dung: Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7.
- Hình thức: tự luận*
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 1, 2, 3	Theo đề kiểm tra, đáp án và biểu điểm	5
2	Chương 4, 5, 6, 7	Theo đề kiểm tra, đáp án và biểu điểm	5
Tổng điểm			10

* Ghi chú: Tùy vào đặc điểm tình hình lớp dạy, GV có thể lựa chọn hình thức kiểm tra khác phù hợp hơn như kiểm tra thực hành theo cá nhân, theo nhóm,... Lựa chọn hình thức nào, GV cần thông báo trước với lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.

Quảng Ninh, ngày tháng năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Bé Thị Thu Huyền

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trình độ đào tạo: Đại học **Ngành: Giáo dục Tiểu học**

1.1. Mã học phần:	SP622052
1.2. Tên học phần:	Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên 3
1.3. Tên tiếng Anh:	Practice pedagogy regularly 3
1.4. Số tín chỉ:	01
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	
- Thực hành:	10 tiết
- Tự học:	20 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Đinh Thị Tuyết ThS. Vũ Thị Doan
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Ngô Thị Hoàn ThS. Hoàng Thị Bích Hồng ThS. Hoàng Văn Hùng TS. Nguyễn Mai Hùng
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội và PPDH Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học
- Học phần học trước:	Cơ sở Tự nhiên và Xã hội và PPDH Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học
- Học phần song hành:	Không

Học phần củng cố cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về yêu cầu, cách thức tổ chức giờ dạy các môn về Tự nhiên – Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học. Qua đó, người học không chỉ chắc chắn về kiến thức mà còn vững vàng về chuyên môn nghiệp vụ;

chủ động, tự tin; biết vận dụng những kiến thức và kĩ năng đã học vào các hoạt động giảng dạy, giáo dục các môn về Tự nhiên – Xã hội ở bậc tiểu học sau này.

2.2. Mục tiêu cụ thể (COs)

2.2.1. Về kiến thức

- CO1: Củng cố và hệ thống hóa kiến thức về phương pháp và các hình thức tổ chức dạy học môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.

2.2.2. Về kĩ năng

- CO2: Vận dụng được các phương pháp và các hình thức dạy học vào xây dựng kế hoạch bài học các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.

- CO3: Vận dụng các kiến thức đã học vào tổ chức giảng các kế hoạch bài học môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.

2.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- CO4: Có ý thức tự học, tự nghiên cứu và vận dụng các phương pháp dạy học để dạy tốt nội dung trong các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Hệ thống hóa được các kiến thức về nội dung các chủ đề; phương pháp; các hình thức tổ chức dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.	CO1; CO2
CLO2	Xây dựng được kế hoạch bài học và hình thức cũng như phương pháp kiểm tra - đánh giá các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học theo định hướng phát triển năng lực.	CO2; CO3
CLO3	Thực hành giảng các kế hoạch bài học các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.	CO3
CLO4	Có ý thức cập nhật nội dung; phương pháp; hình thức dạy học mới, đổi mới việc kiểm tra – đánh giá và thường xuyên rèn luyện năng lực sư phạm.	CO4

4. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức: I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	R	R	M	R	M	M	R		R	M
CLO2	R	R	M	R	M	M	R		R	M

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO3	R	R	M	R	M	M	R		R	M
CLO4	R	R	M	R	M	M	R		R	M
Tổng hợp học phần	R	R	M	R	M	M	R		R	M

5. Học liệu

5.1. Giáo trình

[1]. Nguyễn Thị Thán (2015), *Phương pháp dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội*, NXB ĐHSP, Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Bộ GD&ĐT (2007), *Tự nhiên – Xã hội và Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội*, tập 2, NXB Giáo dục.

[2]. Bộ GD&ĐT (2006), *Tự nhiên – Xã hội và Phương pháp dạy học Tự nhiên – Xã hội ở tiểu học*, NXB Giáo dục.

[3]. *Sách giáo khoa Tự nhiên và Xã hội* (1-3), *Khoa học* (4-5), *Lịch sử và Địa lí* (4-5).

[4]. Nguyễn Thị Thanh (2014), *Sử dụng phương pháp dạy học vì mô hướng dẫn sinh viên khoa Giáo dục tiểu học rèn luyện một số kỹ năng dạy học trong thực hành tập giảng môn Tự nhiên – Xã hội*, Đề tài nghiên cứu khoa học, trường Đại học Hạ Long.

6. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 10 tiết;
- Tổng số tuần học: 3 tuần;
- Phân bố: 3 tiết/ buổi x 1 buổi/ tuần = 3 buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
- + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
- + Kiểm tra định kì: bài;
- + Thi kết thúc học phần: bài

7. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CĐR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)	
	* Giới thiệu học phần Nội dung 1: Hệ thống hóa kiến thức đã học	1 (1TH)			
1	1.1. Tổng hợp các phương pháp, hình thức	1			

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	tổ chức dạy học và kiểm tra - đánh giá các môn Tự nhiên - Xã hội <i>1.1.1. Các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học</i> <i>1.1.2. Các phương pháp và hình thức kiểm tra - đánh giá</i> 1.2. Hệ thống hóa nội dung chủ đề các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học <i>1.2.1. Nội dung các chủ đề môn Tự nhiên và Xã hội</i> <i>1.2.2. Nội dung các chủ đề môn Khoa học</i> <i>1.2.3. Nội dung các chủ đề môn Lịch sử và Địa lí</i>	(1TH)	- Hệ thống hóa được các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học và kiểm tra – đánh giá các môn Tự nhiên- Xã hội. - Thiết lập được sơ đồ nội dung chủ đề các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở tiểu học.	CLO1; CLO2; CLO4; CLO1; CLO4;	GV: - Nêu và giải quyết vấn đề; Thuyết trình; Tổ chức thảo luận, thực hành... - Giao nhiệm vụ tự học cho NH. NH: - Thực hành; Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ.
1	Nội dung 2: Xây dựng kế hoạch bài học các môn Tự nhiên và Xã hội theo định hướng phát triển năng lực	2 (2TH)			
	2.1. Xây dựng kế hoạch bài học môn Tự nhiên và Xã hội <i>2.1.1. Hệ thống hoá chương trình, sách giáo khoa TNXH lớp 1 đến lớp 3; xác định các năng lực chung và năng lực đặc thù cần phát triển; lựa chọn PPDH và đánh giá HĐ học tập của HS</i>		- Hệ thống hoá được chương trình, sách giáo khoa các môn TNXH; xác định được các	CLO1; CLO2; CLO4;	GV: - Nêu và giải quyết vấn đề; Thuyết trình; Tổ chức thảo luận, thực hành... - Giao nhiệm vụ tự học cho NH. NH:

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	2.1.2 Xây dựng kế hoạch bài học môn Tự nhiên và Xã hội 2.2. Xây dựng kế hoạch bài học môn Khoa học 2.2.1. Hệ thống hoá chương trình, sách giáo khoa Khoa học lớp 4,5; xác định các năng lực chung và năng lực đặc thù cần phát triển; lựa chọn PPDH và đánh giá HĐ học tập của HS 2.2.2. Xây dựng kế hoạch bài học môn Khoa học 2.3. Xây dựng kế hoạch bài học môn Lịch sử và Địa lí 2.3.1 Hệ thống hoá chương trình, sách giáo khoa Lịch sử và Địa lí lớp 4,5; xác định các năng lực chung và năng lực đặc thù cần phát triển; lựa chọn PPDH và đánh giá HĐ học tập của HS 2.3.2 Xây dựng kế hoạch bài học môn Lịch sử và Địa lí		năng lực chung và năng lực đặc thù cần phát triển; lựa chọn PPDH và đánh giá được HĐ học tập của HS. - Vận dụng và cập nhật được các kiến thức đã học để xây dựng kế hoạch bài học môn Khoa học theo định hướng phát triển năng lực - Vận dụng và cập nhật được các kiến thức đã học để xây dựng kế hoạch bài học môn Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học theo	CLO1; CLO2; CLO4; CLO1; CLO2; CLO4;	- Thực hành; Báo cáo, trao đổi trước lớp về kết quả thực hiện nhiệm vụ.

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
			định hướng phát triển năng lực		
2-4	Nội dung 3: Thực hành dạy học các môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học	7 (7TH)			
2	3.1. Thực hành dạy học môn Tự nhiên và Xã hội 3.2. Thực hành dạy học môn Khoa học	2TH 1TH	- Vận dụng các kiến thức đã học vào tổ chức thực hành giảng các kế hoạch bài học môn Tự nhiên và Xã hội ở Tiểu học. - Vận dụng các kiến thức đã học vào tổ chức dạy môn Khoa học ở Tiểu học.	CLO3; CLO4; CLO3; CLO4;	GV: - Nêu và giải quyết vấn đề; Thuyết trình; Tổ chức thảo luận, thực hành, kết luận. - Giao nhiệm vụ tự học cho NH. NH: - Thực hành giảng; Giảng trước lớp và NH khác nhận xét.
3	3.2. Thực hành dạy học môn Khoa học	2TH	Vận dụng các kiến thức đã học vào tổ chức thực hành dạy môn Khoa học ở Tiểu học.	CLO3; CLO4; CLO3;	GV: - Nêu và giải quyết vấn đề; Thuyết trình; Tổ chức thảo luận, thực hành, kết luận. - Giao nhiệm vụ

Tuần	Nội dung dạy học	Số tiết	CDR của bài học	Hướng tới CLOs	Hoạt động dạy - học
	3.3. Thực hành dạy học môn Lịch sử và Địa lí	1TH	Vận dụng các kiến thức đã học vào tổ chức thực hành dạy môn Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.	CLO4;	vụ tự học cho NH. NH: - Thực hành giảng; Giảng trước lớp và NH khác nhận xét.
4	3.3. Thực hành giảng các kế hoạch bài học môn Lịch sử và Địa lí	1TH	Vận dụng các kiến thức đã học vào tổ chức thực hành dạy môn Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.	CLO3; CLO4;	GV: - Nêu và giải quyết vấn đề; Thuyết trình; Tổ chức thảo luận, thực hành, kết luận. - Giao nhiệm vụ tự học cho NH. NH: - Thực hành giảng; Giảng trước lớp và NH khác nhận xét.

(*) Giới thiệu học phần: Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

8. Đánh giá học phần

8.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Thành phần, tên bài đánh giá (*)	Trọng số	Nội dung đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu x nếu có)	Hướng tới đánh giá CLOs	Cách thức đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1 Đánh giá chuyên cần	10%	- Số buổi đi học đầy đủ. - Ý thức xây dựng bài. - Ý thức tự học.	30% 30% 40%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Theo dõi ý thức học tập của SV. Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ GV giao. - Rubric đánh giá chuyên cần (bảng 5)
A2 Đánh giá định kỳ	30%	Đánh giá thực hành	50% 50%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Bài tập nhóm. Đánh giá thông qua nghiên cứu sản phẩm, bài thuyết trình của nhóm.
A3 Đánh giá cuối kỳ	60%	Đánh giá bài tập	50% 50%		CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	Bài tập cá nhân

8.2. Tiêu chí đánh giá

8.2.1. Đánh giá chuyên cần

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
	Tham dự ít hơn 80% số tiết trên	Dự đủ, đúng giờ	Dự đủ, đúng giờ $\geq 90\%$ số	Dự đủ, đúng giờ	Dự đủ, đúng giờ 100% số	

Dự lớp	lớp * Không đủ điều kiện dự thi kết thúc học phần	$\geq 80\%$ số tiết trên lớp.	tiết trên lớp.	95% số tiết trên lớp.	tiết trên lớp.	30%
Ý thức học trên lớp	Ý thức học tập kém	Chưa có ý thức, thụ động trong học tập.	Có ý thức học tập, trao đổi, thảo luận trong giờ học.	Ý thức học tập khá tốt, tích cực học tập, trao đổi, thảo luận.	Ý thức học tập tốt, tích cực trao đổi, thảo luận, đặt câu hỏi.	30%
Ý thức tự học	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 50\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ $\geq 75\%$ các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện từ 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao.	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập giảng viên giao; chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện có ý thức nghiên cứu tài liệu.	40%

8.2.2. Đánh giá thực hành

- Nội dung: Thực hành giảng 01 hoạt động học tập thuộc kế hoạch 01 bài học môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.
- Hình thức: Giảng trực tiếp trên lớp
- Thời gian: 15 phút/nhóm.

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thực hành

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Tổ chức nhóm	Trách nhiệm và	Nhiệm vụ phân công	Mỗi thành viên có nhiệm vụ	Nhiệm vụ của mỗi thành viên	Nhiệm vụ của các thành viên	20%

	nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm không được phân công cụ thể, không có sự liên kết, phối hợp nhóm.	của mỗi thành viên chưa rõ ràng, chưa phù hợp với khả năng của họ. Không có sự phối hợp làm việc giữa các thành viên trong nhóm.	riêng nhưng chưa rõ ràng và chưa phù hợp với khả năng của thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm chưa tốt.	trong nhóm rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ. Sự phối hợp làm việc của nhóm khá tốt.	trong nhóm rất rõ ràng và phù hợp với khả năng của họ, phát huy điểm mạnh của các thành viên. Sự phối hợp làm việc của nhóm rất tốt.	
Chuyên cần	< 30%	<50%	<70%	<90%	100%	10%
Thảo luận, nhận xét	Không tham gia thảo luận trong nhóm.	Ít khi tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thỉnh thoảng tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Thường xuyên tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến	Luôn luôn tham gia thảo luận nhóm và đóng góp ý kiến có hiệu quả cho các hoạt động của nhóm và giữa các nhóm.	20%
Nội dung kiến thức	Không có nội dung hoạt động.	Nội dung không đầy đủ (<50%), kết quả sai, trình tự các bước không hợp lý.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả còn một số nhầm lẫn, sai sót.	Nội dung đầy đủ (100%). Kết quả đúng, có sử dụng phương tiện hỗ trợ nhưng chưa hợp lý	Nội dung đầy đủ (100%). Trình tự các bước hợp lý, kết quả đúng, sử dụng phương tiện hỗ trợ hợp lý.	20%
Trình bày thuyết minh/tập giảng	Không thuyết minh/ thuyết minh không phù hợp.	Trình bày thuyết minh lan man, không đúng trình tự	Thuyết minh phù hợp với nội dung, nhưng còn một số lỗi	Thuyết minh logic, đúng nội dung, giải thích đầy đủ, ít sai sót	Thuyết minh đúng nội dung, chi tiết, rõ ràng, logic, đầy đủ.	15%
Kế	Không có	Kế hoạch	Kế hoạch giáo	Kế hoạch giáo	Kế hoạch giáo	15%

hoạch giáo dục	kế hoạch giáo dục hoặc kế hoạch chưa đầy đủ cấu trúc, nội dung không đúng.	giáo dục không đầy đủ, không rõ ràng, còn nhiều sai sót.	dục đầy đủ, còn lỗi nhỏ về trình bày. Nội dung đúng, ghi chú đầy đủ.	dục đầy đủ, chi tiết, cấu trúc rõ ràng, trình bày hợp lý. Ghi chú rõ ràng, chi tiết.	dục đầy đủ, chi tiết và khoa học. Sắp xếp, trình bày hợp lý, sáng tạo, phù hợp thực tiễn	

8.2.3. Đánh giá cuối kì

- Nội dung: Xây dựng 01 kế hoạch bài học môn Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí ở Tiểu học.

- Hình thức: Làm bài tập trên giấy

- Thời gian: Chuẩn bị ở nhà

Bảng 5c. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá cuối kì

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập.	Nộp chưa đúng thời gian quy định. Số lượng bài tập chỉ đạt < 60% số lượng bài tập được giao.	Nộp bài tập đúng thời gian, số lượng bài tập thực hiện < 80%. Số lượng bài tập được giao	Nộp bài tập đúng thời gian đầy đủ <90% số lượng được giao.	Nộp bài tập đầy đủ 100% số lượng được giao. Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng).	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú...).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%

Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu, cầu nhiệm vụ.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ, rõ ràng, hợp lý, có một số nội dung chưa chi tiết.	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng theo yêu cầu, logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	50%

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Bùi Thị Lan Hương

**Đinh Thị Tuyết
Vũ Thị Doan**

6.2.67. Thực tập Sư phạm 1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Giáo dục tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622053
1.2. Tên học phần:	Thực tập Sư phạm 1
1.3. Tên tiếng Anh:	Practice 1
1.4. Số tín chỉ:	02 (2TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	
- Thực hành:	60 tiết
- Tự học:	30 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Đơn vị phụ trách chính:	Phòng Đào tạo; Khoa Sư phạm
- Các bộ môn:	Tâm lý Giáo dục; Văn Tiếng Việt CNNN
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần Thực tập 1 người học được tìm hiểu, làm quen với môi trường dạy học thực tế ở các trường phổ thông. Thông qua các hoạt động tìm hiểu thực tế giáo dục ở địa phương (kiến tập - quan sát các hoạt động giáo dục của giáo viên phổ thông; nghiên cứu khoa học giáo dục; thực tập dạy một số tiết và điều khiển một số hoạt động sinh hoạt tập thể hoặc hoạt động trải nghiệm ở trường tiểu học...), người học phát triển năng lực quan sát, biết cách vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào thực tiễn giảng dạy tại các nhà trường phổ thông.

3. Mục tiêu học phần

Học phần TTSP 1 người học được củng cố và trải nghiệm kiến thức đã học vào thực tiễn, làm giàu vốn kinh nghiệm thực tế của sinh viên về phương pháp giảng dạy, phương pháp tổ chức các hoạt động đoàn – đội và công tác chủ nhiệm lớp. Người học được thực tập dự giờ

theo các phân môn đồng thời rèn luyện kỹ năng quan sát, nghiên cứu, tổ chức và đánh giá sự tham gia của học sinh thông qua các hoạt động học tập và hoạt động trải nghiệm mà nhà trường tổ chức. Tìm hiểu thực tế giáo dục, rèn kỹ năng giao tiếp với học sinh và giáo viên ở trường phổ thông, được thường xuyên thực hành, luyện tập các kỹ năng sư phạm - là cơ sở để hình thành phẩm chất và năng lực sư phạm của người giáo viên.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPĐG
CLO1	Phân loại được và giải được các dạng toán có lời văn trong chương trình toán ở tiểu học	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO2	Trình bày được yêu cầu cần đạt của chương trình Toán lớp 1,2,3,4,5.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO3	Sử dụng được các phương pháp và các hình thức dạy học vào xây dựng kế hoạch và tổ chức các hoạt động dạy học môn Toán ở Tiểu học theo định hướng phát triển năng lực.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO4	Có ý thức cập nhật phương pháp, hình thức dạy học mới, đổi mới việc kiểm tra – đánh giá và thường xuyên rèn luyện năng lực sư phạm.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		A	M	R		R			I	R
CLO 2		R	A	M	M	M			I	R
CLO 3		M	A	M	M	M	R		I	R
CLO 4		R	M	M	M	M			I	R
Tổng hợp học phần		M	A	M	M	M	R		I	R

6. Học liệu

6.1. Sách, giáo trình chính

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán*.

[2] Dương Giáng Thiên Hương (chủ biên) (2021), *Giáo trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm tiểu học*, NXB ĐH Sư phạm.

6.2. Tài liệu tham khảo

[3] Hà Huy Khoái (tổng chủ biên), *Sách giáo khoa, sách giáo viên môn toán lớp 1,2,3,4,5 bộ sách Kết nối tri thức vào cuộc sống*, NXB Giáo dục.

[4] Đỗ Đức Thái (tổng chủ biên), *Sách giáo khoa, sách giáo viên môn toán lớp 1,2,3,4,5 bộ sách Cánh Diều*, NXB ĐH Sư phạm.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số thời gian đi thực tập: 2 tín chỉ thực hành, (tương đương 4 tuần)

- Tổng số tuần học: 4 tuần;

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Chuẩn bị thảo luận, họp nhóm.

- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành

- Dự lớp 80 % tổng số thời lượng của học phần.

- Các bài thực hành của môn học;

- Yêu cầu cần đạt đối với phần thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận:

- Đánh giá vị trí, vai trò của giáo viên Tiểu học với công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm của người GV trên quan điểm dạy học lấy người học làm trung tâm và quan điểm tích hợp.

- Viết báo cáo thu hoạch.

8. Kế hoạch dạy học

Theo kế hoạch thực tập sư phạm của Nhà trường, cụ thể theo từng năm học.

9. Đánh giá học phần

Theo hướng dẫn và theo quy chế đào tạo, quy chế thực tập hiện hành.

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Bùi Thị Lan Hương

Nguyễn Hữu Tới

6.2.68. Thực tập Sư phạm 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG

KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Giáo dục tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622054
1.2. Tên học phần:	Thực tập Sư phạm 2
1.3. Tên tiếng Anh:	Practice 2
1.4. Số tín chỉ:	04 (4TH)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	00 tiết
- Thực hành:	120 tiết
- Tự học:	120 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Đơn vị phụ trách chính:	Phòng Đào tạo; Khoa Sư phạm
- Các bộ môn:	Tâm lý Giáo dục; Văn Tiếng Việt CNNN
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học những kiến thức, kỹ năng dạy học thực tế tại các trường phổ thông. Thông qua các hoạt động thực tập dạy học và giáo dục ở tiểu học (lập kế hoạch thực tập dạy học và giáo dục; tổ chức tìm hiểu thực tế giáo dục; chuẩn bị bài dạy, thiết kế các hoạt động giáo dục; dự giờ, quan sát và tham gia vào các hoạt động giáo dục do giáo viên thực hiện; rút kinh nghiệm giờ dạy và các hoạt động giáo dục...) người học hình thành những kỹ năng chuẩn mực của người giáo viên tiểu học; biết cách vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào các công việc thực tiễn, hình thành ý thức, thái độ làm việc phù hợp với môi trường làm việc ở các cơ sở giáo dục phổ thông.

3. Mục tiêu học phần

Học phần TTSP 2 giúp người học gắn lí thuyết với thực hành và các hoạt động giảng

dạy và công tác chủ nhiệm ở nhà trường phổ thông. Người học xây dựng được kế hoạch bài dạy đảm bảo theo đúng yêu hiện hành ở các nhà trường phổ thông. Đồng thời, sinh viên xây dựng kế hoạch công tác chủ nhiệm lớp. Ngoài ra, sinh viên tìm hiểu và thực hành các hoạt động giáo dục. Sau thời gian thực tập trên lớp, sinh viên viết 01 báo cáo chuyên môn với nội dung theo yêu cầu của phòng Đào tạo. Kết quả TTSP2, sinh viên phải hoàn thiện mọi hồ sơ theo yêu hướng dẫn của Phòng Đào tạo Trường Đại học Hạ Long để được đánh giá.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân tích và xác định được nội dung, phương pháp, hình thức, công cụ đánh giá các hoạt động giáo dục, công tác chủ nhiệm ở nhà trường phổ thông.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
CLO2	Vận dụng hiệu quả các kiến thức cơ sở ngành vào lập kế hoạch dạy học, tổ chức các hoạt động ngoại khóa và công tác chủ nhiệm theo yêu cầu, vận dụng kiến thức xử lý tình huống sư phạm. Đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục, phù hợp với đặc điểm của học sinh, của trường lớp và thực tế địa phương	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
CLO3	Có các phẩm chất người giáo viên phổ thông. Tự tin và chủ động làm việc độc lập, sáng tạo trong các môi trường khác nhau.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	A	A	A	A	A	A	A		A	A
CLO2	A	A	A	M	A	A	M		A	A
CLO3	M	M	M	A	M	M	A		M	M
Tổng hợp học phần	A	A	A	A	A	A	A		A	A

6. Học liệu

[1]. Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, *ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo*

[2] Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2008, *Chuẩn nghề nghiệp giáo viên TH*, Ban hành theo Quyết định 02/2008.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số thời gian đi thực tập: 4 tín chỉ thực hành, (tương đương 6 tuần)
- Tổng số tuần học: 6 tuần;

7.1. Phần lý thuyết, bài tập, thảo luận

- Chuẩn bị thảo luận, họp nhóm.
- Hoàn thành các bài tập được giao.

7.2. Phần thí nghiệm, thực hành

- Dự lớp 80 % tổng số thời lượng của học phần.
- Các bài thực hành của môn học;
- Yêu cầu cần đạt đối với phần thực hành.

7.3. Phần bài tập lớn, tiểu luận:

- Đánh giá vị trí, vai trò của giáo viên TH với công tác giảng dạy và công tác chủ nhiệm của người GV trên quan điểm dạy học lấy người học làm trung tâm và quan điểm tích hợp.
- Viết báo cáo thu hoạch.

8. Kế hoạch dạy học

Theo kế hoạch thực tập sư phạm của Nhà trường, cụ thể theo từng năm học.

9. Đánh giá học phần

Theo hướng dẫn và theo quy chế đào tạo, quy chế thực tập hiện hành.

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Bùi Thị Lan Hương

Nguyễn Hữu Tới

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trình độ đào tạo: Đại học

1. Thông tin chung về học phần

2. Mô tả học phần: Học phần này giúp người học có kiến thức về chuẩn nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học; biết vận dụng có hiệu quả các PPDH để thiết kế kế hoạch bài học và tổ chức thực hành dạy các nội dung Toán học cụ thể trong chương trình Tiểu học; có ý thức tự tìm hiểu, nghiên cứu và vận dụng các PPDH để dạy tốt các nội dung trong môn Toán ở Tiểu học; có ý thức rèn luyện tác phong, chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao năng lực bản thân; vận dụng các kết quả đã học vào việc giải quyết các tình huống thực tế trong quá trình dạy học môn Toán ở tiểu học.

3. Mục tiêu học phần: Sau khi học xong học phần, sinh viên có các kiến thức chuyên sâu về phương pháp dạy học toán ở tiểu học; rèn luyện một số kỹ năng về phương pháp dạy học toán gồm: kỹ năng phân tích chương trình, kỹ năng thực hành thiết kế kế hoạch dạy học môn Toán bậc Tiểu học, kỹ năng thực hành lựa chọn và thiết kế bổ sung hệ thống bài tập và kỹ năng xử lý một số tình huống sư phạm trong dạy học toán ở tiểu học. Thông qua nghiên cứu, trao đổi, thảo luận, thực hành, rút kinh nghiệm, học phần giúp người học hình thành, củng cố, phát triển kỹ năng dạy học, từ đó dần hình thành năng lực nghề nghiệp cho sinh viên theo yêu cầu đối với giáo viên tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

CLOs	Mô tả CDR học phần	PPDG
CLO1	Trình bày được các yêu cầu về chuẩn nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO2	Mô tả được các yêu cầu cơ bản khi phân tích chương trình môn Toán bậc Tiểu học.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO3	Thiết kế bổ sung được hệ thống bài tập trong dạy học môn Toán.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập
CLO4	Phát hiện và xử lý được một số tình huống sư phạm trong dạy học Toán ở Tiểu học.	Vấn đáp, kiểm tra, sản phẩm học tập

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	R	M	M	R	R	M	R	I	M	M
CLO2	R	M	M	R	R	M	R	I	M	M
CLO 3	R	A	M	R	R	M	R	I	M	M
CLO4	R	A	M	R	R	M	I	I	M	M
Tổng hợp học phần	R	A	M	R	R	M	R	I	M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1] Trần Ngọc Lan, *Giáo trình thực hành phương pháp dạy học Toán ở tiểu học*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2019.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Vũ Thị Bình, Nguyễn Thị Hồng Hạnh, *Phương pháp dạy học Toán tiểu học (tập 2)*, NXB ĐH Thái Nguyên, 2021.

[2] Vũ Quốc Chung (chủ biên), *Phương pháp dạy học Toán ở tiểu học*, Nhà xuất bản Giáo dục – Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, 2007.

[3] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quy định về đánh giá học sinh Tiểu học* của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[4] Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Chương trình giáo dục phổ thông môn Toán* năm 2018.

[5] Hà Huy Khoái (tổng chủ biên), *Sách giáo khoa, sách giáo viên môn Toán lớp 1,2,3,4,5*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[6] Đỗ Đức Thái (tổng chủ biên), *Sách giáo khoa, sách giáo viên môn Toán lớp 1,2,3,4,5*, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm;

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Chương 1. MỘT SỐ KIẾN THỨC CÓ LIÊN QUAN 1.1. Chuẩn nghề nghiệp của GVTH đối với việc dạy học môn Toán 1.2. Phân biệt một số khái niệm và mối quan hệ 1.2.1. Phương pháp dạy học 1.2.2. Kỹ thuật dạy học 1.2.3. Phương tiện dạy học	2LT+2TH	- GV: Trình bày chuẩn nghề nghiệp đối với giáo viên tiểu học; cho SV ôn lại một số khái niệm và mối quan hệ đã học trong các học phần trước đó; giao nhiệm vụ về nhà cho SV làm. - SV trình bày các nội dung đã chuẩn bị đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu [1]Tr. 11-19; [4] Tr.6-46.	CLO1, CLO2, CLO3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	1.3. Nội dung và đặc điểm cấu trúc nội dung môn Toán ở tiểu học			
2	1.4. Ôn tập về các phương pháp dạy học thường dùng trong dạy học Toán ở tiểu học 1.4.1. Phương pháp Trực quan 1.4.2. Phương pháp Gọi mở-Vấn đáp 1.4.3. Phương pháp Thực hành- Luyện tập 1.4.4. Phương pháp Giảng giải - Minh họa 1.4.5. Phương pháp dạy học hợp tác 1.4.6. PHDH phát hiện và giải quyết vấn đề 1.4.7. Dạy học theo lối kiến tạo.	2LT+ 2TH	- GV: Cho SV ôn tập lại các phương pháp dạy học thường dùng trong dạy học Toán ở tiểu học; giao nhiệm vụ và bài tập về nhà cho SV làm. - SV lên tập dạy bài học đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu [2]Tr. 31-93.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
3	Chương 2. THỰC HÀNH PHÂN TÍCH CHƯƠNG TRÌNH MÔN TOÁN Ở TIỂU HỌC 2.1. Ý nghĩa mục đích của việc phân tích chương trình môn Toán ở tiểu học 2.2. Tìm hiểu một số yêu cầu cơ bản khi phân tích chương trình môn Toán ở tiểu học. 2.3. Tìm hiểu các bước	2LT+ 2TH	- GV: Trình bày một số yêu cầu cơ bản khi phân tích chương trình môn Toán ở tiểu học; hướng dẫn SV tìm hiểu các bước thực hành khi phân tích chương trình môn Toán ở tiểu học; giao nhiệm vụ và bài tập về nhà cho SV làm. - SV lên trình bày nội dung đã được giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu [1]Tr. 20-26.	CLO1, CLO2, CLO3

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	thực hành khi phân tích chương trình môn Toán			
4	2.4. Thực hành phân tích chương trình môn Toán bậc tiểu học 2.5. Tự đánh giá kết quả thực hành phân tích chương trình	2LT+ 2TH	- GV: Hướng dẫn SV thực hành phân tích chương trình môn Toán bậc tiểu học; giao nhiệm vụ và bài tập về nhà cho SV làm. - SV lên trình bày nội dung đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu [1]Tr. 26-38.	CLO1, CLO2, CLO3
5	Chương 3. THỰC HÀNH THIẾT KẾ VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH DẠY HỌC MÔN TOÁN Ở TIỂU HỌC 3.1. Tìm hiểu mục đích, ý nghĩa, tác dụng của việc thiết kế kế hoạch dạy học môn Toán ở Tiểu học 3.2. Tìm hiểu các dạng kế hoạch dạy học và cấu trúc của một kế hoạch dạy học theo định hướng mới, các bước thiết kế kế hoạch dạy học 3.2.1. Các dạng kế hoạch dạy học 3.2.2. Cấu trúc của một kế hoạch dạy học 3.2.3. Các bước thiết kế kế hoạch dạy học	2LT+ 2TH	- GV: Hướng dẫn SV tìm hiểu mục đích, ý nghĩa, tác dụng của việc thiết kế kế hoạch dạy học môn Toán ở Tiểu học; các dạng kế hoạch dạy học và cấu trúc của nó, các bước thiết kế kế hoạch dạy học; giao nhiệm vụ về nhà cho SV làm. - SV lên trình bày nội dung đã được giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu [1]Tr. 39-45.	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	3.3. Thực hành thiết kế hoạch dạy học môn Toán theo yêu cầu 3.3.1. Dạng bài dạy hình thành khái niệm về một đối tượng toán học mới 3.3.2. Dạng bài dạy hình thành quy tắc tính toán với 4 phép tính 3.3.3. Dạng bài hình thành tính chất của một phép tính	2LT+ 2TH	-SV trình bày bài tập của nhóm, GV cho SV nhận xét, GV bổ sung, chốt lại. - GV: Giao nhiệm vụ và bài tập về nhà cho SV làm. - SV lên trình bày kế hoạch dạy học đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu [1]Tr.45-63	CLO1, CLO2, CLO3,CLO4
7	3.3.4. Dạng bài hình thành các công thức tính (chu vi, diện tích, thể tích) các hình học 3.3.5. Dạng bài dạy giải toán có lời văn 3.3.6. Dạng bài ôn tập, luyện tập, luyện tập chung <i>Bài kiểm tra định kì số 1</i>	1LT+ 2TH + 1KT	-SV trình bày bài tập của nhóm, GV cho SV nhận xét, GV bổ sung, chốt lại. - GV: Giao nhiệm vụ và bài tập về nhà cho SV làm. - SV lên trình bày kế hoạch dạy học đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu [1]Tr.45-63. Ra đề kiểm tra, chấm bài.	CLO1, CLO2,CLO4
8	3.4. Thực hành thực hiện kế hoạch dạy học 3.4.1. Dạng bài dạy hình thành khái niệm về một đối tượng toán học mới 3.4.2. Dạng bài dạy hình thành quy tắc tính toán với 4 phép tính	2LT+ 2TH	-SV tập dạy giờ học của nhóm mình, các nhóm khác nhận xét, bổ sung, GV chốt lại. - GV: Giao nhiệm vụ và bài tập về nhà cho SV làm. - SV lên tập dạy bài học đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu [1]Tr.45-63	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4
9	3.4.3. Dạng bài hình thành tính chất của một phép tính 3.4.4. Dạng bài hình	2LT+ 2TH	- Các nhóm SV tập dạy, các nhóm khác nhận xét, bổ sung, GV chốt lại. - GV: Giao nhiệm vụ và bài tập về	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	thành các công thức tính (chu vi, diện tích, thể tích) các hình hình học		nhà cho SV làm. - SV lên tập dạy bài học đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu [1]Tr.45-63	
10	3.4.5. Dạng bài dạy giải Toán có lời văn 3.4.6. Dạng bài ôn tập, luyện tập, luyện tập chung	2LT+ 2TH	- Các nhóm SV tập dạy, các nhóm khác nhận xét, bổ sung, GV chốt lại. - GV: Giao nhiệm vụ và bài tập về nhà cho SV làm. - SV lên tập dạy bài học đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu [1]Tr.45-63	CLO3, CLO4
11	Chương 4. THỰC HÀNH KĨ NĂNG PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ MỘT SỐ TÌNH HUỐNG SỰ PHẠM TRONG DẠY HỌC TOÁN Ở TIỂU HỌC 4.1. Mục đích, ý nghĩa của việc phát hiện và xử lý các tình huống sự phạm trong dạy học Toán của giáo viên tiểu học 4.2. Một số tình huống sự phạm thường gặp trong dạy học toán ở tiểu học và cách xử lý của giáo viên	2LT+ 2TH	-GV trình bày được mục đích, ý nghĩa của việc phát hiện và xử lý các tình huống sự phạm trong dạy học Toán của giáo viên tiểu học; giới thiệu một số tình huống sự phạm thường gặp trong dạy học toán ở tiểu học và cách xử lý của giáo viên. - GV: Giao nhiệm vụ và bài tập về nhà cho SV làm. - SV lên hoàn thành bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu [1]Tr.84-92.	CLO1,CLO2, CLO3,CLO4
12	4.3.Thực hành kĩ năng phát hiện và xử lý tình	2LT+ 2TH	-GV cho SV thực hành phát hiện và xử lý các tình huống sự phạm	CLO1,CLO2, CLO3, CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	huống sự phạm trong dạy học Toán ở tiểu học 4.3.1. Quan điểm và phương châm xử lý 4.3.2. Các bước phát hiện và xử lý tình huống trong dạy học Toán ở tiểu học 4.3.3. Thực hành phát hiện và xử lý tình huống sự phạm trong dạy học Toán ở tiểu học 4.3.4. Tự đánh giá kết quả thực hành xử lý tình huống sự phạm trong dạy học Toán ở tiểu học		trong dạy học Toán của giáo viên tiểu học qua một số tình huống sự phạm thường gặp. - GV: Giao nhiệm vụ và bài tập về nhà cho SV làm. - SV lên hoàn thành bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu [1]Tr.92-125.	
13	Chương 5. THỰC HÀNH LỰA CHỌN VÀ THIẾT KẾ BỔ SUNG NHẪM PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG BÀI TẬP TRONG DẠY HỌC MÔN TOÁN Ở TIỂU HỌC 5.1. Mục đích, ý nghĩa của việc lựa chọn và phát triển hệ thống bài tập trong dạy học Toán ở Tiểu học 5.2. Yêu cầu cơ bản khi lựa chọn, phát triển hệ thống bài tập trong dạy học Toán ở Tiểu học 5.3. Quy trình lựa chọn và quy trình thiết kế bổ sung hệ thống bài tập	2LT+ 2TH	-GV trình bày mục đích, ý nghĩa của việc lựa chọn và phát triển hệ thống bài tập trong dạy học Toán ở Tiểu học; các yêu cầu cơ bản và qui trình thiết kế bổ sung hệ thống bài tập trong dạy học Toán ở Tiểu học. - GV: Giao nhiệm vụ và bài tập về nhà cho SV làm. -SV lên hoàn thành bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu [1]Tr.64-76.	CLO1,CLO2, CLO3, CLO4

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của SV	Hướng tới CLOs
	trong dạy học Toán ở Tiểu học			
14	5.4. Thực hành lựa chọn và thiết kế bổ sung các bài tập trong dạy học Toán ở Tiểu học	2LT+2TH	-GV cho SV thực hành lựa chọn và thiết kế bổ sung các bài tập trong dạy học Toán ở Tiểu học. -GV: Giao nhiệm vụ và bài tập về nhà cho SV làm. -SV lên hoàn thành bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu [1]Tr.76-84.	CLO1,CLO2, CLO3, CLO4
15	5.4. Thực hành lựa chọn và thiết kế bổ sung các bài tập trong dạy học Toán ở Tiểu học (tiếp)	4	-GV cho SV thực hành lựa chọn và thiết kế bổ sung các bài tập trong dạy học Toán ở Tiểu học. -GV: Giao nhiệm vụ và bài tập về nhà cho SV làm. -SV lên hoàn thành bài tập đã giao vào lần sau. - GV giới thiệu, SV nghiên cứu tài liệu [1]Tr.76-84. Ra đề kiểm tra, chấm bài. GV hướng dẫn SV ôn tập học phần.	CLO1,CLO2, CLO3, CLO4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kỳ				30%
A2.1	Bài kiểm tra	Bài tập tự luận	CLO1, CLO2, CLO3	

A2.2	Bài kiểm tra	Bài tập tự luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Thi viết	Bài tập tự luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1 + A2*3 + A3*6)/10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: chương 2, 3
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thực hành phân tích chương trình môn Toán tiểu học	Làm đúng đáp án, biểu điểm	4
2	Thực hành thiết kế kế hoạch dạy học môn Toán ở tiểu học	Làm đúng đáp án, biểu điểm	6
Tổng điểm			10

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: chương 4,5
- Hình thức: tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thực hành kĩ năng phát hiện và xử lí một số tình huống sư phạm trong dạy học toán ở tiểu học	Làm đúng đáp án, biểu điểm	4
2	Thực hành lựa chọn và thiết kế	Làm đúng đáp án, biểu điểm	6

STT	Nội dung đánh giá	Tiêu chí đánh giá	Điểm
	bổ sung nhằm phát triển hệ thống bài tập trong dạy học môn Toán ở tiểu học		
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Kiến thức, kỹ năng sinh viên được học trong nội dung học phần.
- Hình thức: Tự luận (100%).
- Thời gian: 90 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thực hành thiết kế kế hoạch dạy học môn Toán ở tiểu học	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	4
2	Thực hành kỹ năng phát hiện và xử lý một số tình huống sư phạm trong dạy học toán ở tiểu học	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	4
3	Thực hành lựa chọn và thiết kế bổ sung nhằm phát triển hệ thống bài tập trong dạy học môn Toán ở tiểu học	Theo đáp án, biểu điểm đề thi	2
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng năm

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Nguyễn Thị Quý Kim

Bùi Văn Chương

6.2.70. Phát triển năng lực thiết kế và hướng dẫn giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHOA SƯ PHẠM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622054
1.2. Tên học phần:	Phát triển năng lực thiết kế và hướng dẫn giải bài tập Tiếng Việt ở tiểu học
1.3. Tên tiếng Anh:	Developing the ability to design and guide Vietnamese exercises in primary schools
1.4. Số tín chỉ:	3 (2 lí thuyết + 1 thực hành)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	30
- Thực hành:	30
- Tự học:	75
1.6. Quản lí, phụ trách học phần	
- Khoa quản lí học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	TS.GVC. Bùi Thị Lan Hương. SĐT: 0987666218
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	TS. Bé Thị Thu Huyền. SĐT: 0904976080 ThS. Nguyễn Thị Gấm. SĐT: 0912088230
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	SP622028
- Học phần song hành:	

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những căn cứ để xây dựng và hướng dẫn giải bài tập tiếng Việt; cách xây dựng và hướng dẫn giải các bài tập về tri thức tiếng Việt; cách xây dựng và hướng dẫn giải các bài tập tiếp nhận lời nói; cách thức xây dựng và hướng dẫn giải các bài

tập tạo lập lời nói (xây dựng và hướng dẫn giải các bài tập đọc – hiểu; xây dựng và hướng dẫn giải các bài tập viết; xây dựng và hướng dẫn giải các bài tập nghe – nói). Qua đó giúp người học thiết kế được các bài tập tiếng Việt đúng chương trình, phù hợp để đánh giá kết quả và quá trình học tập của học sinh theo chương trình; xây dựng được đáp án cho các bài tập; hướng dẫn học sinh làm được các bài tập, rút ra những kết luận cần thiết sau khi làm bài tập và có thể vận dụng trong thực tiễn.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học biết được cách thiết kế và có năng lực thiết kế được các dạng bài tập tiếng Việt phù hợp với chương trình tiểu học; có kỹ năng đánh giá kết quả và quá trình học tập của học sinh theo chương trình; xây dựng được đáp án cho các bài tập; hướng dẫn học sinh làm được các bài tập, rút ra những kết luận cần thiết sau khi làm bài tập và có thể vận dụng trong thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Phân tích được vai trò và cơ sở khoa học của việc thiết kế các dạng bài tập tiếng Việt ở tiểu học.	CO1, CO2
CLO2	Phân loại được bài tập tiếng Việt ở tiểu học.	CO1, CO2, CO3
CLO3	Dự tính được những khó khăn học sinh tiểu học gặp phải khi giải bài tập tiếng Việt.	CO1, CO2, CO3
CLO4	Thiết kế được các dạng bài tập tiếng Việt dành cho học sinh tiểu học để đánh giá kết quả và quá trình học tập của học sinh theo chương trình.	CO2, CO3
CLO5	Giải được bài tập tiếng Việt dành cho học sinh tiểu học và hướng dẫn học sinh tiểu học giải được bài tập tiếng Việt.	CO2, CO3
CLO6	Yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, có ý thức học hỏi, tìm tòi, sáng tạo, rèn nghề trong dạy học Tiếng Việt tiểu học.	CO4

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức I, R, M, A, cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1		M	R							

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 2		M	R							
CLO 3		M	R	R		M				
CLO 4		M	R		I	I	I		M	M
CLO 5		M	R		I	M	I		M	M
CLO 6		M	R						M	M
Tổng hợp học phần		M	R	R	I	M	I		M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Lê Phương Nga (2015), *Giáo trình bồi dưỡng học sinh giỏi tiếng Việt ở tiểu học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Lê Phương Nga (CB), Lê A, Đặng Kim Nga, Đỗ Xuân Thảo (2021), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở Tiểu học 1*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[2]. Lê Phương Nga (2021), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học 2*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Đỗ Ngọc Thống (Tổng Chủ biên, 2021) – Đỗ Xuân Thảo (Chủ biên) – Phan Thị Hồ Điệp – Lê Phương Nga, *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt ở tiểu học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[4]. Đỗ Ngọc Thống (Chủ biên), Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp (2021), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo chương trình Giáo dục Phổ thông 2018*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[5]. Bộ SGK Tiếng Việt tiểu học hiện hành.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học	Hướng tới CLOs
(1)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	(*) Giới thiệu học phần		- GV thuyết giảng - Người học lắng nghe, trao đổi, nghiên cứu ĐCCT.	

Chương 1. Những căn cứ để thiết kế và hướng dẫn giải bài tập tiếng Việt 1.1. Bài tập tiếng Việt 1.1.1. Vai trò, cơ sở khoa học của việc thiết kế bài tập tiếng Việt ở tiểu học 1.1.2. Những căn cứ để thiết kế và đánh giá một bài tập tiếng Việt 1.1.3. Hệ thống bài tập tiếng Việt	12LT 4 LT	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu về vấn đề những căn cứ để thiết kế và hướng dẫn giải bài tập tiếng Việt. (2) Tìm hiểu chương trình, sách giáo khoa Tiếng Việt tiểu học và thống kê, phân loại các bài tập tiếng Việt. + Tổ chức thảo luận + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Đọc giáo trình chính và các tài liệu tham khảo số 3,4,5 + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Tham gia các hoạt động học tập/ luyện tập trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3
Chương 1. (Tiếp) 1.2. Những khó khăn thường gặp của học sinh tiểu học khi giải bài tập tiếng Việt – cách khắc phục 1.2.1. Không hiểu yêu cầu của bài tập 1.2.2. Thiếu hụt kiến thức 1.2.3. Ngữ liệu trong bài tập không điển hình	4LT	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu về vấn đề những căn cứ để thiết kế và hướng dẫn giải bài tập tiếng Việt. (2) Phân tích được những khó khăn thường gặp của học sinh tiểu học khi giải bài tập tiếng Việt và tìm biện pháp khắc phục. + Tổ chức thảo luận + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Đọc giáo trình chính và các tài liệu tham khảo số 3,4,5 + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi,	CLO1 CLO2 CLO3

			lắng nghe các bạn và GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Nghe giảng, tham gia các hoạt động học tập, luyện tập trên lớp.	
	Chương 1. (Tiếp) 1.3. Nguyên tắc và kỹ thuật thiết kế bài tập tiếng Việt ở tiểu học 1.3.1. Nguyên tắc thiết kế 1.3.2. Kỹ thuật thiết kế	4LT	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu về vấn đề những nguyên tắc và kỹ thuật thiết kế bài tập tiếng Việt ở tiểu học. (2) Tìm hiểu các bước thực hiện trong kỹ thuật thiết kế bài tập tiếng Việt ở tiểu học. + Tổ chức thảo luận + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Đọc giáo trình chính và các tài liệu tham khảo số 3,4,5 + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Tham gia nghe giảng và các hoạt động luyện tập trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3
2	Chương 2. Thiết kế và hướng dẫn giải các dạng bài tập về tri thức tiếng Việt 2.1. Các dạng bài tập về ngữ âm, chữ viết 2.1.1. Bài tập về ngữ âm 2.1.2. Bài tập về chữ viết	6LT 10TH 4G (1LT – 3TH)	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, thống kê, phân loại bài tập tri thức tiếng Việt, bài tập về ngữ âm, chữ viết. (2) Định hướng xây dựng và thực hành giải các bài tập về ngữ âm và chữ viết tiếng Việt. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Đọc giáo trình chính và các tài liệu tham	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

* Thực hành: Thiết kế các dạng bài tập và hướng dẫn giải các dạng bài tập về ngữ âm, chữ viết.		khảo số 1, 3,4,5 + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Nghe giảng, tham gia các hoạt động học tập, luyện tập trên lớp.	
Chương 2. (Tiếp) 2.2. Các dạng bài tập về từ ngữ 2.2.1. Bài tập về từ vựng 2.2.2. Bài tập về từ loại * Thực hành: Thiết kế các dạng bài tập và hướng dẫn giải các dạng bài tập về từ vựng và từ loại.	4G (1LT – 3TH)	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, thống kê, phân loại bài tập tri thức tiếng , bài tập về từ ngữ. (2) Định hướng xây dựng và thực hành giải các bài tập về từ ngữ tiếng Việt. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Đọc giáo trình chính và các tài liệu tham khảo số 2,3,4,5 + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Nghe giảng, tham gia các hoạt động học tập, luyện tập trên lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
Chương 2. (Tiếp) 2.3. Các dạng bài tập về câu 2.3.1. Bài tập về các loại câu theo cấu tạo ngữ pháp 2.3.2. Bài tập về các loại câu theo mục đích nói 2.3.3. Bài tập về hệ thống dấu câu * Thực hành: Thiết kế các dạng bài	4G (1LT- 3TH)	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, thống kê, phân loại bài tập tri thức tiếng Việt, bài tập về câu. (2) Định hướng xây dựng và thực hành giải các bài tập về câu tiếng Việt. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Đọc giáo trình chính và các tài liệu tham khảo số 2,3,4,5 + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, rút	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

	tập và hướng dẫn giải các dạng bài tập về câu tiếng Việt.		kinh nghiệm. + Nghe giảng, tham gia các hoạt động học tập, luyện tập trên lớp	
	Chương 2. (Tiếp) 2.4. Các dạng bài tập về phương tiện, biện pháp tu từ 2.4.1. Bài tập về phương tiện tu từ 2.4.2. Bài tập về biện pháp tu từ * Thực hành: Thiết kế các dạng bài tập và hướng dẫn giải các dạng bài tập về nghệ thuật tu từ tiếng Việt.	3G (1LT - 2TH)	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, thống kê, phân loại bài tập tri thức tiếng Việt, bài tập về phương tiện, biện pháp tu từ. (2) Định hướng xây dựng và thực hành giải các bài tập về phương tiện và biện pháp tu từ tiếng Việt. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Đọc giáo trình chính và các tài liệu tham khảo số 2,3,4,5 + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Nghe giảng, tham gia các hoạt động học tập, luyện tập trên lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
3	Bài kiểm tra số 1	1KT	- GV: + Tổ chức, hướng dẫn SV kiểm tra. - SV: làm bài kiểm tra.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
4	Chương 3. Thiết kế và hướng dẫn giải các dạng bài tập tiếp nhận lời nói 3.1. Bài tập tái hiện, nhận diện 3.1.1. Bài tập tái hiện	6LT 10TH	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, thống kê, phân loại bài tập tiếp nhận lời nói tiếng Việt. (2) Định hướng xây dựng và thực hành giải các bài tập tái hiện tiếng Việt. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Đọc giáo trình chính và các tài liệu tham	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

	* Thực hành: Thiết kế các dạng bài tập và hướng dẫn giải các dạng bài tập tái hiện tiếng Việt.	4G (1LT-3TH)	khảo số 3,4,5 + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Nghe giảng, tham gia các hoạt động học tập, luyện tập trên lớp	
4	Chương 3. (Tiếp) 3.1. Bài tập tái hiện, nhận diện 3.1.2. Bài tập nhận diện * Thực hành: Thiết kế các dạng bài tập và hướng dẫn giải các dạng bài tập về nhận diện tiếng Việt.	4G (1LT-3TH)	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn SV thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, thống kê, phân loại bài tập tiếp nhận lời nói tiếng Việt. (2) Định hướng xây dựng và thực hành giải các bài tập tái hiện, nhận diện tiếng Việt. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Đọc giáo trình chính và các tài liệu tham khảo số 3,4,5. + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Nghe giảng, tham gia các hoạt động học tập, luyện tập trên lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
	Chương 3. (Tiếp) 3.2. Bài tập cắt nghĩa * Thực hành: Thiết kế các dạng bài tập và hướng dẫn giải các dạng bài tập cắt	4G (2LT-2TH)	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, thống kê, phân loại bài tập tiếp nhận lời nói tiếng , bài tập cắt nghĩa. (2) Định hướng xây dựng và thực hành giải các bài tập cắt nghĩa tiếng Việt. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Đọc giáo trình chính và các tài liệu tham khảo số 3,4,5. + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

	nghĩa tiếng Việt.		bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Nghe giảng, tham gia các hoạt động học tập, luyện tập trên lớp	
	Chương 3. (Tiếp) 3.3. Bài tập hỏi đáp * Thực hành: Thiết kế các dạng bài tập và hướng dẫn giải các dạng bài tập hỏi đáp tiếng Việt.	4G (2LT-2TH)	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, thống kê, phân loại bài tập tiếp nhận lời nói tiếng , bài tập hỏi đáp. (2) Định hướng xây dựng và thực hành giải các bài tập hỏi đáp tiếng Việt. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Nghe giảng, tham gia các hoạt động học tập, luyện tập trên lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
	Chương 4. Thiết kế và hướng dẫn giải các dạng bài tập tạo lập lời nói 4.1. Thiết kế và hướng dẫn giải các dạng bài tập đọc hiểu 4.1.1. Đọc hiểu văn bản văn học 4.1.2. Đọc hiểu văn bản thông tin * Thực hành: Thiết kế các dạng bài tập và hướng dẫn giải	6LT 9TH 4 (2LT-2TH)	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, thống kê, phân loại bài tập tạo lập lời nói tiếng Việt. (2) Định hướng xây dựng và thực hành giải các bài tập đọc hiểu tiếng Việt. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Đọc giáo trình chính và các tài liệu tham khảo số 2,3,4,5 + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Nghe giảng, tham gia các hoạt động học tập, luyện tập trên lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

	các dạng bài tập về đọc hiểu tiếng Việt.			
5	Chương 4. (Tiếp) 4.2. Thiết kế và hướng dẫn giải các dạng bài tập viết tiếng Việt 4.2.1. Bài tập viết chữ (tập viết, chính tả) * Thực hành: Thiết kế các dạng bài tập và hướng dẫn giải các dạng bài tập về viết chữ.	4G (2LT-2TH)	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, thống kê, phân loại bài tập tạo lập lời nói tiếng , dạng bài tập viết tiếng Việt. (2) Định hướng xây dựng và thực hành giải các bài tập viết chữ tiếng Việt. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Đọc giáo trình chính và các tài liệu tham khảo số 1,3,4,5 + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Nghe giảng, tham gia các hoạt động học tập, luyện tập trên lớp	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
	Chương 4. (Tiếp) 4.2. Thiết kế và hướng dẫn giải các dạng bài tập viết tiếng Việt 4.2.2. Bài tập viết sáng tạo (viết câu, đoạn, bài tự sự, miêu tả; viết văn bản thông tin) * Thực hành: Thiết kế các dạng bài tập và hướng dẫn giải	4G (1LT-3TH)	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, thống kê, phân loại bài tập tạo lập lời nói tiếng , dạng bài tập viết sáng tạo. (2) Định hướng xây dựng và thực hành giải các bài tập viết sáng tạo tiếng Việt. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Đọc giáo trình chính và các tài liệu tham khảo số 2,3,4,5 + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Nghe giảng, tham gia các hoạt động học	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

	các dạng bài tập về viết sáng tạo tiếng Việt.		tập, luyện tập trên lớp	
	Chương 4. (Tiếp) 4.3. Thiết kế và hướng dẫn giải các dạng bài tập nghe – nói 4.3.1. Bài tập nghe hiểu (nghe – kể / trả lời câu hỏi) 4.3.2. Bài tập nghe – nói (hội thoại) 4.3.3. Bài tập nói lời độc thoại * Thực hành: Thiết kế các dạng bài tập và hướng dẫn giải các dạng bài tập nghe – nói tiếng Việt.	3G (1LT – 2TH)	- GV: + Giao nhiệm vụ, tổ chức, điều khiển, hướng dẫn NH thực hiện nhiệm vụ: (1) Tìm hiểu, thống kê, phân loại bài tập tạo lập lời nói tiếng , bài tập về nghe - nói. (2) Định hướng xây dựng và thực hành giải các bài tập nghe - nói tiếng Việt. + Nhận xét, đánh giá, rút kinh nghiệm. - NH: + Đọc giáo trình chính và các tài liệu tham khảo số 2,3,4,5 + Thực hiện nhiệm vụ được giao, trình bày, báo cáo kết quả, nhận xét, trao đổi, lắng nghe các bạn và GV nhận xét, rút kinh nghiệm. + Tham gia bài giảng/ luyện tập trên lớp.	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6
6	Bài kiểm tra số 2	1KT	- GV: + Tổ chức, hướng dẫn NH kiểm tra. - NH làm bài kiểm tra.	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

*** Giới thiệu học phần:** Vị trí, vai trò của học phần trong CTĐT của ngành; CO, CLO, nội dung học phần, các hình thức, trọng số, tiêu chí, biểu điểm các bài kiểm tra đánh giá; phương pháp học tập học phần, yêu cầu đối với SV; cách sử dụng, theo dõi ĐCCT học phần.

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CDR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	Bài kiểm tra số 1, hình thức bài tự luận	Bảng 5a	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	

A2.2	Bài kiểm tra số 2, hình thức tự luận	Bảng 5b	CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
	Hình thức tự luận	Bảng 6	CLO1, CLO2 CLO3, CLO4, CLO5, CLO6	
Công thức tính điểm tổng kết: $A1 \times 1 + A2 \times 3 + A3 \times 6 / 10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. Đánh giá chuyên cần

Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kỳ

Bài kiểm tra định kỳ số 1

- Nội dung: Chương 1, Chương 2
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Chương 1: Những căn cứ để thiết kế và hướng dẫn giải bài tập tiếng Việt	- Lí giải được những căn cứ để thiết kế và hướng dẫn giải bài tập tiếng Việt trong chương trình tiểu học.	5,0
2	- Chương 2: Thiết kế và hướng dẫn giải các dạng bài tập về tri thức tiếng Việt	- Xây dựng được các bài tập và thiết kế được hướng dẫn giải các dạng bài tập tri thức tiếng Việt trong chương trình tiểu học theo yêu cầu về: ngữ âm, từ ngữ, câu, phương tiện và biện pháp tu từ...	5,0
Tổng điểm			10,0

Bài kiểm tra định kỳ số 2

- Nội dung: Chương 3, Chương 4
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Chương 3: Thiết kế và hướng dẫn giải các dạng bài tập tiếp nhận lời nói	- Xây dựng được các bài tập và thiết kế được hướng dẫn giải các dạng bài tập tiếp nhận lời nói tiếng Việt trong chương trình tiểu học theo yêu cầu.	5,0
2	- Chương 4: Thiết kế và hướng dẫn giải các dạng bài tập tạo lập lời nói	- Xây dựng được các bài tập thiết kế được các hướng dẫn giải các dạng bài	5,0

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
		tập tạo lập lời nói tiếng Việt trong chương trình tiểu học theo yêu cầu.	
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1, Chương 2, Chương 3, Chương 4
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 90 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	- Chương 1: Những căn cứ để thiết kế và hướng dẫn giải bài tập tiếng Việt	-Lí giải được những căn cứ để thiết kế và hướng dẫn giải bài tập tiếng Việt trong chương trình tiểu học.	2,0
2	- Chương 2: Thiết kế và hướng dẫn giải các dạng bài tập về tri thức tiếng Việt	- Xây dựng được và hướng dẫn giải được các dạng bài tập tri thức tiếng Việt trong chương trình tiểu học theo yêu cầu về: ngữ âm, từ ngữ, câu, phương tiện và biện pháp tu từ...	4,0
3	- Chương 3: Thiết kế và hướng dẫn giải các dạng bài tập tiếp nhận lời nói Hoặc: - Chương 4: Thiết kế và hướng dẫn giải các dạng bài tập tạo lập lời nói	- Xây dựng được và hướng dẫn giải được các dạng bài tập tiếp nhận lời nói tiếng Việt trong chương trình tiểu học theo yêu cầu. Hoặc: - Xây dựng được và hướng dẫn giải được các dạng bài tập tạo lập lời nói tiếng Việt trong chương trình tiểu học theo yêu cầu.	4,0
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Ban Giám hiệu Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trưởng

Bùi Thị Lan Hương

Bùi Thị Lan Hương

6.2.71. Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG
KHOA SƯ PHẠM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Giáo dục Tiểu học

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	SP622057
1.2. Tên học phần:	Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội
1.3. Tên tiếng Anh:	Integrating environmental education in the teaching of natural and social subject
1.4. Số tín chỉ:	02
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	15 tiết
- Thực hành:	30 tiết
- Tự học:	45 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Sư phạm
- Giảng viên phụ trách chính:	ThS. Đinh Thị Tuyết: 082.339.1159 ThS. Vũ Thị Doan: 0977.901.359 ThS. Nguyễn Văn Lâm: 0982.628.862
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	ThS. Hoàng Thị Bích Hồng: 0374026002
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	Không
- Học phần học trước:	SP622032
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần Tích hợp giáo dục môi trường trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, vai trò của các môn học về tự nhiên và xã hội trong giáo dục môi trường cho học sinh Tiểu học; tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội; phương pháp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về tự

nhiên và xã hội. Từ đó, giúp người học tích cực và chủ động tích hợp nội dung giáo dục môi trường vào bài dạy các môn học về Tự nhiên và Xã hội.

3. Mục tiêu học phần

Sau khi học xong học phần, người học (NH) có kiến thức cơ bản về mục tiêu, nhiệm vụ, nội dung, vai trò của các môn học về Tự nhiên và Xã hội trong giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học; vận dụng được các phương pháp, hình thức tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội, hình thành năng lực thiết kế và tổ chức các hoạt động dạy học tích hợp nội dung giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, người học có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	PPDG
CLO1	- Trình bày được những kiến thức về môi trường và tích hợp giáo dục môi trường, các phương pháp và hình thức tổ chức dạy các bài học có tích hợp nội dung giáo dục môi trường.	Vấn đáp, cá nhân, bài tập nhóm
CLO2	- Khái quát hóa được những kiến thức về môi trường và tích hợp giáo dục môi trường; phương pháp tổ chức dạy các bài học có tích hợp nội dung giáo dục môi trường trong các môn học về tự nhiên và xã hội.	Vấn đáp, cá nhân, bài tập nhóm
CLO3	- Xây dựng được kế hoạch, nhận xét đánh giá và dạy bài học có tích hợp nội dung giáo dục môi trường.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành
CLO4	Yêu t - Tích cực, chủ động bảo vệ môi trường và tích hợp nội dung giáo dục môi trường vào dạy các môn học về tự nhiên và xã hội, tham gia thuyết trình, làm việc nhóm, tập giảng.	Quan sát, vấn đáp, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thực hành

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định qua 4 mức: I, R, M, A cụ thể như sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO1	R	M	A	M	I	M	R		M	M
CLO2	R	M	A	M	I	M	R		M	M
CLO3	R	M	A	M	I	M	R		M	M
CLO4	R	M	A	M	I	M	R		M	M
Tổng hợp học phần	R	M	A	M	I	M	R		M	M

6. Học liệu

6.1. Giáo trình

[1]. Nguyễn Thị Thân (2009), *Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

6.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Lê Thanh Vân (2019), *Con người và môi trường*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3]. Trịnh Thúy Giang, Nguyễn Thị Thanh Hồng, Nguyễn Nam Phương, Nguyễn Đức Sơn, Nguyễn Thị Thanh Trà, Trần Bá Trình (2021), *Đánh giá năng lực, phẩm chất học sinh theo chương trình giáo dục phổ thông 2018*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[4]. Nguyễn Thị Thân (2015), *Giáo trình Phương pháp dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), *Tài liệu tập huấn Dạy học tích hợp ở trường Tiểu học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45 tiết;

- Kiểm tra, đánh giá:

+ Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;

+ Kiểm tra định kì: 2 bài;

+ Thi kết thúc học phần: 1 bài

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của NH	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(6)	
	* Giới thiệu học phần		Giảng viên (GV): Giới thiệu chương trình môn học	
1	Chương 1. Môi trường và các vấn đề về môi trường	2 LT 4 TH		
	1.1. Khái niệm môi trường và các thành phần cơ bản của môi trường 1.1.1. Khái niệm môi trường 1.1.2. Các thành phần cơ bản của môi trường 1.2. Ô nhiễm môi trường 1.2.1. Ô nhiễm nước		- GV: + Sử dụng linh hoạt các phương pháp dạy học + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH. + Giao nhiệm vụ tự học, bài tập, hướng dẫn và tổ chức thực hành. - NH:	CLO1 CLO2

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của NH	Hướng tới CLOs
	1.2.2. Ô nhiễm không khí 1.2.3. Ô nhiễm đất 1.2.4. Ô nhiễm khác (âm thanh, ánh sáng,...) 1.3. Sự tác động của con người đến tài nguyên thiên nhiên 1.3.1. Khái niệm về tài nguyên, tài nguyên thiên nhiên 1.3.2. Tác động của con người đến tài nguyên thiên nhiên		+Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. -Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [2], [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp. + Bài thuyết trình về vấn đề môi trường	
	1.4. Thực hành 1.4.1. Tuyên truyền tác hại các sản phẩm nhựa sử dụng một lần 1.4.2. Tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường tại địa phương 1.4.3. Chăm sóc, bảo vệ cây xanh ở nhà, ở trường		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học. + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của NH. + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH. + Giao nhiệm vụ tự học -Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [2]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp. + Bài thuyết trình về vấn đề môi trường	CLO4
2	Chương 2: Mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung giáo dục môi trường trong trường tiểu học	3 LT 5 TH 1 KT		
	2.1. Những khái niệm cơ		- NH:	

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của NH	Hướng tới CLOs
	bản về giáo dục môi trường 2.1.1. Trên thế giới 2.1.2. Ở Việt Nam 2.2. Mục tiêu, nhiệm vụ của giáo dục môi trường ở Tiểu học 2.2.1. Mục tiêu 2.2.2. Nhiệm vụ 2.3. Nội dung giáo dục môi trường trong trường Tiểu học 2.3.1. Các kiến thức về môi trường và tài nguyên thiên nhiên 2.3.2. Tác động của con người đối với môi trường và tài nguyên thiên nhiên 2.3.3. Ý thức bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên 2.3.4. Thực hành bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên		+ Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học. + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của NH. + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH. + Giao nhiệm vụ tự học -Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp. + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	CLO1 CLO2 CLO2 CLO4
	2.4. Thực hành 2.4.1. Xác định mục tiêu giáo dục môi trường qua các môn Tự nhiên và Xã hội trong trường Tiểu học 2.4.2. Xác định kiến thức giáo dục môi trường và tài nguyên thiên nhiên qua các môn Tự nhiên và Xã hội trong trường Tiểu học		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học. + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của NH. + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH. + Giao nhiệm vụ tự học	CLO2 CLO4

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của NH	Hướng tới CLOs
			- Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp. + Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết.	
	2.4.3. Xác định nội dung tác động của con người đối với môi trường và tài nguyên thiên nhiên qua các môn Tự nhiên – Xã hội trong trường Tiểu học. 2.4.4. Bảo vệ môi trường, tài nguyên thiên nhiên		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học. + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của NH. + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH. + Giao nhiệm vụ tự học - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp. + Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết.	CLO2 CLO4
	Bài kiểm tra số 1	1	+ GV: Yêu cầu các nhóm báo cáo bài thuyết trình. + NH: Thực hiện	CLO1 CLO2 CLO4
3	Chương 3: Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội	3 LT 6 TH		
	3.1. Vai trò của các môn học về tự nhiên và xã hội trong giáo dục môi trường cho học sinh tiểu học		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học. + Thực hiện các nhiệm vụ học	

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của NH	Hướng tới CLOs
	<i>giáo dục môi trường trong môn Khoa học lớp 4, 5</i> <i>3.4.3. Xác định nội dung, địa chỉ, hình thức tích hợp giáo dục môi trường trong môn Lịch sử và Địa lí</i>		+ Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH. + Giao nhiệm vụ tự học - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [4], [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp. + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	
4	Chương 4: Phương pháp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội	6 LT 14 TH 1 KT		
	4.1. Các phương pháp và hình thức giáo dục môi trường thông qua các môn học <i>4.1.1. Các phương pháp giáo dục môi trường thông qua các môn học về tự nhiên và xã hội</i> <i>4.1.2. Các hình thức giáo dục môi trường thông qua các môn học về Tự nhiên và Xã hội</i>		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học. + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. –GV: + Đánh giá kết quả tự học của NH. + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH. +Giao nhiệm vụ tự học -Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [4], [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp. + Làm bài tập sau khi nghe giảng lí thuyết.	CLO1 CLO2
	4.2. Phương pháp dạy các bài có tích hợp nội dung		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự	

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy – học, chuẩn bị của NH	Hướng tới CLOs
	giáo dục môi trường 4.2.1. <i>Phương pháp dạy học tích cực</i> 4.2.2. <i>Kỹ thuật dạy học tích cực</i>		học. + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của NH. + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH. + Giao nhiệm vụ tự học - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [4], [5]. + Ghi ra những vấn đề cần giải đáp. + Làm bài tập sau khi nghe giảng lý thuyết.	CLO1 CLO2
	4.3. Thực hành giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về Tự nhiên và Xã hội 4.3.1. <i>Xây dựng kế hoạch dạy học</i> 4.3.2. <i>Đánh giá trong dạy học tích hợp giáo dục môi trường</i> 4.3.3. <i>Tập giảng</i>		- NH: + Báo cáo kết quả nhiệm vụ tự học. + Thực hiện các nhiệm vụ học tập theo hướng dẫn. - GV: + Đánh giá kết quả tự học của NH. + Tổ chức, điều khiển các hoạt động học tập của NH. + Giao nhiệm vụ tự học - Yêu cầu NH chuẩn bị: + Nghiên cứu tài liệu [1], [4], [5]. + Thiết kế kế hoạch bài học theo hướng dẫn.	CLO3 CLO4
	Bài kiểm tra số 2	1	+ GV: phát đề kiểm tra. + HS: làm bài kiểm tra dưới sự hướng dẫn của GV.	CLO2 CLO3 CLO4

9. Đánh giá học phần

9.1. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 4. Kiểm tra - đánh giá

Bài đánh giá	Phương pháp đánh giá, minh chứng, lưu hồ sơ	Công cụ đánh giá	CĐR học phần	Tỷ lệ (%)
A1. Đánh giá chuyên cần				10%
A2. Đánh giá định kì				30%
A2.1	- Bài kiểm tra số 01, hình thức: thuyết trình	- Bảng 5a	CLO1 CLO2 CLO4	
A2.2	- Bài kiểm tra số 02, hình thức: tự luận	- Bảng 5b	CLO2 CLO3 CLO4	
A3. Đánh giá kết thúc học phần				60%
A3	- Thi tự luận	- Bảng 6	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	
Công thức tính điểm tổng kết: $(A1 \times 1 + A2 \times 3 + A3 \times 6): 10$				

9.2. Tiêu chí đánh giá

9.2.1. *Đánh giá chuyên cần*: Theo hướng dẫn chung của Trường ĐHHL được quy định tại mẫu đề cương chi tiết của Trường ĐHHL.

9.2.2. Kiểm tra định kì

Bài kiểm tra định kì số 1

- Nội dung: Chương 1, Chương 2.
- Hình thức: Thuyết trình
- Thời gian: Mỗi nhóm tối đa 20 phút.

Bảng 5a. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	Điểm <4.0	Điểm 4.0 - 5.4	Điểm 5.5 - 6.9	Điểm 7.0 - 8.4	Điểm 8.5 - 10	
Nội dung báo cáo	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu.	Nội dung tương đối phù hợp với yêu cầu, nhưng hình ảnh và giải thích chưa rõ ràng.	Nội dung khá phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp.	Nội dung phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	Nội dung rất phù hợp với yêu cầu. Sử dụng thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Hình ảnh minh họa rõ ràng, đẹp, phong phú.	50%

Trình bày slide	Slide trình bày quá sơ sài, không đủ số lượng theo quy định	Slide trình bày với số lượng phù hợp, sử dụng từ ngữ và hình ảnh rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần (mở bài, thân bài, kết luận).	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần, thể hiện sự thành thạo trong trình bày.	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, gồm 3 phần. Thể hiện sự thành thạo trong trình bày và ngôn ngữ. Thuật ngữ sử dụng đơn giản dễ hiểu.	25%
Thuyết trình	Bố cục 3 phần không rõ ràng. Trình bày không đầy đủ, logic, vượt quá thời gian quy định. Sử dụng thuật ngữ không đúng, phát âm không rõ, giọng nói nhỏ. Người nghe không hiểu.	Bố cục chưa rõ ràng. Bài trình bày đầy đủ, logic, vượt quá thời gian quy định. Giọng nói nhỏ, phát âm còn một số từ không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày.	Bố cục 3 phần rõ ràng. Bài trình bày đầy đủ. Thời gian trình bày đúng quy định, giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, đã có sự tương tác với người nghe. Người nghe hiểu và kịp theo dõi nội dung trình bày.	Bố cục 3 phần rõ ràng. Bài trình bày đầy đủ. Thời gian trình bày đúng quy định, giọng nói lưu loát, tương tác tốt với người nghe. Người nghe hiểu nội dung trình bày.	Bố cục 2 phần rõ ràng. Bài trình bày đầy đủ. Thời gian trình bày đúng quy định, giọng nói lưu loát, truyền cảm thu hút sự chú ý của người nghe. Người nghe dễ hiểu nội dung trình bày và kịp theo dõi nội dung trình bày	25%

* Giảng viên sẽ kết hợp kiểm tra thông qua các giờ thực hành trên lớp. Trước khi kiểm tra, GV cần thông báo trước lớp và thực hiện công khai tiêu chí, biểu điểm đánh giá trước khi kiểm tra ít nhất 1 tuần.

Bài kiểm tra định kì số 2

- Nội dung: Chương 3, Chương 4
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 50 phút

Bảng 5b. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 2

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Chương 3	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5
2	Chương 4	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5
Tổng điểm			10

9.2.3. Thi kết thúc học phần

- Nội dung: Chương 1, Chương 2, Chương 3, Chương 4
- Hình thức: Tự luận
- Thời gian: 60 phút

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Lý thuyết Chương 1: Môi trường và các vấn đề về môi trường Chương 2: Mục tiêu, nhiệm vụ và nội dung giáo dục môi trường trong trường tiểu học Chương 3: Tích hợp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội Chương 4: Phương pháp giáo dục môi trường trong dạy học các môn học về tự nhiên và xã hội	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5
2	Thực hành: Xây dựng kế hoạch dạy học, hoạt động dạy học Đánh giá trong dạy học tích hợp giáo dục môi trường	Theo đáp án và biểu điểm chấm	5
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

Vũ Vương Trường

Đinh Thị Tuyết
Vũ Thị Doan

6.2.72. Giáo dục Quốc phòng – An ninh**6.2.72.1. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA HỌC CƠ BẢNĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH****Trình độ đào tạo: Đại học - CĐSP****Ngành: Các ngành hệ ĐH và CĐSP****1. Thông tin chung về học phần**

1.1. Mã học phần:	CB601024
1.2. Tên học phần:	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam
1.3. Tên tiếng Anh:	National defense and security policy of the Communist Party of Vietnam
1.4. Số tín chỉ:	3 (3LT)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	37 tiết
- Thảo luận/Thực hành:	8 tiết
- Tự học:	90 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	Phạm Văn Hoàng – SĐT: 0965112658
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Nguyễn Văn Anh - SĐT: 0986674158 Nguyễn Thế Anh – SĐT: 0335669666 Phạm Huy Công – SĐT: 0934345559
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Không
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học và những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất của chiến tranh, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc, kết hợp kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng an ninh và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam.

Sinh viên xác lập phương pháp luận trong nghiên cứu học phần, môn học giáo dục quốc phòng - an ninh, xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Nắm vững các nội dung đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam; vận dụng linh hoạt, sáng tạo kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn.

3. Mục tiêu học phần

Giáo dục cho sinh viên hiểu và phân tích được những kiến thức cơ bản về đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học và những quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc, nhận thức đúng về nguồn gốc, bản chất của chiến tranh, các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lực lượng vũ trang nhân dân để tiến hành chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Hiểu và áp dụng được những kiến thức cơ bản về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam vào công việc học tập và thực tiễn.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Trình bày được những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh	CO 1, CO 3
CLO 2	Giáo dục cho sinh viên kiến thức cơ bản về đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng và công tác quản lý nhà nước về quốc phòng, an ninh	CO 2, CO 3,
CLO 3	Vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống góp phần xây dựng nhà nước VN XHCN vững mạnh	CO 3, CO 4

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I(Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
CLO 1	I												
CLO 2	I												
CLO 3	R										R	R	R
Tổng hợp học phần	I										R	R	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Giáo dục quốc phòng – an ninh Tập 1 (2014)NXB, Giáo dục Việt Nam

6.2. Tài liệu tham khảo

[2] Tài liệu tập huấn giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng & an ninh các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học năm 2020

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 45tiết;
- Tổng số tuần học: tuần;
- Phân bố: tiết/ buổi, buổi/ tuần = buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 1 bài tự luận;
 - + Thi kết thúc học phần:1 bài tự luận

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ (4)	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của sv	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(7)	(4)
1	Bài 1: ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN HỌC 1.1. Đối tượng nghiên cứu 1.2. Phương pháp luận và các phương pháp nghiên cứu 1.3. Giới thiệu về môn học Giáo dục Quốc phòng – An ninh	2 lý thuyết	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 1 CLO 2
2	Bài 2: QUAN ĐIỂM CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MÁC – LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHIẾN TRANH, QUÂN ĐỘI VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC 2.1. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh 2.2. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về quân đội 2.3. Quan điểm của Chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh bảo vệ Tổ quốc	2 lý thuyết 2 thực hành	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 2 CLO 3
3	Bài 3: XÂY DỰNG NỀN QUỐC PHÒNG TOÀN DÂN, AN NINH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 3.1. Vị trí, đặc trưng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân 3.2. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa 3.3. Một số biện pháp chính xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân hiện nay		GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 2 CLO 3

		4 lý thuyết		
4	Bài 4: CHIẾN TRANH NHÂN DÂN BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 4.1. Những vấn đề chung về chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. 4.2. Quan điểm của Đảng trong chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. 4.3. Một số nội dung chủ yếu của chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc.	4 lý thuyết	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 2 CLO 3
5	Bài 5: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN VIỆT NAM 5.1. Đặc điểm và những quan điểm nguyên tắc cơ bản xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân. 5.2. Phương hướng xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trong giai đoạn mới. 5.3. Những biện pháp chủ yếu xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân .	4 lý thuyết	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 2 CLO 3
6	Bài 6: KẾT HỢP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VỚI TĂNG CƯỜNG CUNG CỐ QUỐC PHÒNG – AN NINH VÀ ĐỐI NGOẠI 6.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc kết hợp phát triển kinh tế với tăng cường, củng cố quốc phòng, an ninh ở Việt Nam. 6.2. Nội dung kết hợp phát triển kinh tế xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh và đối ngoại ở nước ta hiện nay. 6.3. Một số giải pháp chủ yếu thực hiện kết hợp phát triển kinh tế - xã hội gắn với tăng cường củng cố quốc phòng – an ninh ở Việt Nam hiện nay.	4 lý thuyết	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	
7	Bài 7: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ LỊCH SỬ NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ VIỆT NAM 7.1. Truyền thống và nghệ thuật đánh giặc của ông cha ta. 7.2. Nghệ thuật quân sự Việt Nam từ khi có Đảng lãnh đạo. 7.3. Vận dụng một số bài học kinh nghiệm về nghệ thuật quân sự vào sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ mới và trách nhiệm của sinh viên.	4 lý thuyết 2 thực hành	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 2 CLO 3

8	Bài 8: XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN BIÊN, ĐẢO, BIÊN GIỚI QUỐC GIA TRONG TÌNH HÌNH MỚI 8.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia. 8.2. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia 8.3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia.	4 lý thuyết	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 2 CLO 3
9	Bài 9: XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN VÀ ĐỘNG VIÊN CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG 9.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ 9.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên 9.3. Động viên công nghiệp Quốc phòng	4 lý thuyết 2 thực hành	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 2 CLO 3
10	Bài 8: XÂY DỰNG PHONG TRÀO TOÀN DÂN BẢO VỆ AN NINH TỔ QUỐC 10.1. Nhận thức chung về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. 10.2. Nội dung phương pháp xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. 10.3. Trách nhiệm của học sinh, sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào bảo vệ an ninh Tổ quốc.	2 lý thuyết 2 thực hành	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 2 CLO 3
11	Bài 6: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ BẢO VỆ AN NINH QUỐC GIA VÀ GIỮ GÌN TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI 11.1. Các khái niệm và nội dung cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. 11.2. Tình hình an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội. 11.3. Dự báo tình hình an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trong thời gian tới. 11.4. Đối tác và đối tượng đấu tranh trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự, an toàn xã hội. 11.5. Một số quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội.	3 lý thuyết	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	

	11.6. Vai trò, trách nhiệm của sinh viên trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.			

9. Đánh giá học phần

9.1. Kiểm tra – đánh giá giữa kỳ

Bảng 4. Đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học tập trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao; Chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Tham gia dự học đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Nghiêm túc học tập (không nói chuyện, làm việc riêng); tích cực thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao
2	Tham gia dự học, đúng giờ từ 90% số tiết trên lớp	Có ý thức thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập GV giao
1	Tham gia dự học, đúng giờ từ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập GV giao
0	Tham gia dự học, đúng giờ ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi học phần	Làm việc, nói chuyện riêng trong lớp, không có ý thức thực hiện các nhiệm vụ trên lớp	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Viết bài	Viết bài đúng đủ nội dung, có liên hệ với bản thân	10
Tổng điểm			10

9.2. Thi kết thúc học phần

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thi viết	Viết bài đúng đủ nội dung, có liên hệ với bản thân	10
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Phụ trách bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung

Phạm Văn Hoàng

Nguyễn Thế Anh

6.2.72.2. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA HỌC CƠ BẢN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH

Trình độ đào tạo: Đại học - CĐSP

Ngành: Các ngành hệ ĐH và CĐSP

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601024
1.2. Tên học phần:	Công tác quốc phòng, an ninh
1.3. Tên tiếng Anh:	National defense and security work
1.4. Số tín chỉ:	2 (2LT)
1.5. Phân bố thời gian	
- Lý thuyết:	22 tiết
- Thảo luận/Thực hành:	8 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học Cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	Nguyễn Văn Anh – SĐT: 0986674158
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Nguyễn Thế Anh – SĐT: 0335669666 Phạm Huy Công – SĐT: 0934345559 Phạm Văn Hoàng – SĐT: 0965112658
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Đường lối quân sự của Đảng
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp các kiến thức: Những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt

Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

3. Mục tiêu học phần

Giáo dục trí thức trẻ kiến thức cơ bản về Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, phòng chống địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam, những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Giáo dục trí thức trẻ kiến thức cơ bản về Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam, phòng chống địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng	CO 1, CO 3
CLO 2	Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia, một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam, những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội, xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	CO 2, CO 3,
CLO 3	Vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống góp phần xây dựng nhà nước VN XHCN vững mạnh	CO 3, CO 4

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
CLO 1	I												
CLO 2	I												
CLO 3	R										R	R	R
Tổng hợp học phần	I										R	R	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Giáo dục quốc phòng – an ninh Tập 1 (2014)NXB, Giáo dục Việt Nam

5.2. Tài liệu tham khảo

[1]. Tài liệu tập huấn giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng & an ninh các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học năm 2020

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Tổng số tuần học: tuần;
- Phân bố: tiết/ buổi; buổi/ tuần = buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 1 bài lý thuyết
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài lý thuyết

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuầ n	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
<i>(1)</i>	<i>(2)</i>	<i>(3)</i>	<i>(5)</i>	<i>(4)</i>
1	Bài 1: PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “ DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM 1.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch chống phá CNXH. 1.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. 1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm và phương châm phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của Đảng, nhà nước ta. 1.4. Những giải pháp phòng, chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay.	4 lý thuyết	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 1 CLO 2
2	Bài 2: MỘT SỐ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC, TÔN GIÁO VÀ ĐẤU TRANH PHÒNG CHỐNG ĐỊCH LỢI DỤNG VẤN ĐỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO CHỐNG PHÁ CÁCH MẠNG VIỆT NAM 2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc. 2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo.	4 lý thuyết 2 thực hành	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 2 CLO 3

	2.3. Đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam.			
3	Bài 3: PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG 3.1. Những hiểu biết cơ bản về môi trường. 3.2. Những khó khăn vướng mắc 3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường	4 lý thuyết	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 2 CLO 3
4	Bài 4: PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẢM BẢO TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ ĐẢM BẢO TRẬT TỰ AN TOÀN GIAO THÔNG 4.1. Khái niệm căn bản và cơ sở pháp lý về đảm bảo trật tự an toàn giao thông. 4.2. Nguyên nhân vi phạm trật tự an toàn giao thông 4.3. Giải Pháp Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo đảm trật tự an toàn giao thông.	4 lý thuyết	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 2 CLO 3
5	Bài 5: PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ LOẠI TỘI PHẠM XÂM HẠI DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA NGƯỜI KHÁC PHÒNG, CHỐNG MỘT SỐ LOẠI TỘI PHẠM XÂM HẠI DANH DỰ, NHÂN PHẨM CỦA NGƯỜI KHÁC 5.1. Một số hiểu biết chung 5.2. Phòng ngừa tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người 5.3. Một số biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác phòng	2 lý thuyết 2 thực hành	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 2 CLO 3

	ngừa các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người.			
6	Bài 6: AN TOÀN THÔNG TIN VÀ PHÒNG, CHỐNG VI PHẠM PHÁP LUẬT TRÊN KHÔNG GIAN MẠNG 6.1.nhận thức chung về an toàn thông tin, phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng. 6.2. các mối đe dọa trong bảo vệ an toàn thông tin, phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng. 6.3.Chủ thể, giải pháp bảo đảm an toàn thông tin và phòng, chống các vi phạm pháp luật trên không gian mạng.	2 lý thuyết 2 thực hành	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 2 CLO 3
7	Bài 7: AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG VÀ CÁC MỐI ĐE DỌA AN NINH PHI TRUYỀN THÔNG Ở VIỆT NAM 7.1. Khái niệm, đặc điểm, bối cảnh nảy sinh. 7.2. Nội dung. 7.3. Ứng phó các mối đe dọa an ninh phi truyền thống.	2 lý thuyết 2 thực hành	GV: Thuyết trình, giảng giải nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, ghi chép bài đầy đủ, trình bày theo yêu cầu của GV	CLO 2 CLO 3

9. Đánh giá học phần

9.1. Kiểm tra – đánh giá giữa kỳ

Bảng 4. Đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học tập trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)

4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao; Chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Tham gia dự học đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Nghiêm túc học tập (không nói chuyện, làm việc riêng); tích cực thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao
2	Tham gia dự học, đúng giờ từ 90% số tiết trên lớp	Có ý thức thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập GV giao
1	Tham gia dự học, đúng giờ từ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập GV giao
0	Tham gia dự học, đúng giờ ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi học phần	Làm việc, nói chuyện riêng trong lớp, không có ý thức thực hiện các nhiệm vụ trên lớp	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kỳ số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Viết bài	Viết bài đúng đủ nội dung, có liên hệ với bản thân	10
Tổng điểm			10

9.2. Thi kết thúc học phần

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thi viết	Viết bài đúng đủ nội dung, có liên hệ với bản thân	10
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Phụ trách bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung

Phạm Văn Hoàng

Nguyễn Thế Anh

6.2.72.3. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA HỌC CƠ BẢN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH

Trình độ đào tạo: Đại học - CĐSP

Ngành: Các ngành hệ ĐH và CĐSP

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601024
1.2. Tên học phần:	Quân sự chung
1.3. Tên tiếng Anh:	general military
1.4. Số tín chỉ:	2 (2LT)
1.5. Phân bố thời gian	30
- Lý thuyết:	14 tiết
- Thực hành:	16 tiết
- Tự học:	60 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	Nguyễn Thế Anh – SĐT: 0335669666
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Phạm Huy Công – SĐT: 0934345559 Nguyễn Văn Anh – SĐT: 0986674158 Phạm Văn Hoàng – SĐT: 0965112658
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Công tác quốc phòng an ninh
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên cách thức bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại, những hiểu biết cơ bản về các quân binh chủng trong Quân Đội, góp phần nâng cao nhận thức xây dựng lòng tự hào về truyền thống Quân Đội anh hùng. Làm cơ sở vận dụng vào trong học tập, công tác tại đơn vị đúng theo nề nếp, chế độ quy định.

3. Mục tiêu học phần

Huấn luyện cho sinh viên biết và thực hiện đúng chế độ sinh hoạt, học tập, công tác để vận dụng thực hiện đúng nền nếp, chế độ ngày, tuần đúng quy định, giáo dục và cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về hoạt động thực tiễn của các đơn vị thuộc Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Sinh viên có những hiểu biết về các nội dung cơ bản của quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Sinh viên kiến thức cơ bản về hoạt động thực tiễn của các đơn vị thuộc Lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam	CO 1, CO 3
CLO 2	Sinh viên có những hiểu biết về các nội dung cơ bản của quân, binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, hiểu biết chung về bản đồ địa hình quân sự.	CO 2, CO 3,
CLO 3	Vận dụng những kiến thức đã học vào học tập, cuộc sống góp phần xây dựng nhà nước VN XHCN vững mạnh	CO 3, CO 4

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
CLO 1	I												

CLO 2	I												
CLO 3	R										R	R	R
Tổng hợp học phần	I										R	R	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Nguyễn Đức Đăng, Nguyễn Thiến Hải, Giáo dục quốc phòng – an ninh Tập 2 (2012)NXB, Giáo dục Việt Nam

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Tài liệu tập huấn giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng & an ninh các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học năm 2021, 2022, 2023

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 30 tiết;
- Tổng số tuần học: tuần;
- Phân bố: 4 tiết/ buổi; buổi/ tuần = buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 1 bài thực hành;
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài thực hành

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

TT	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học, chuẩn bị của sv	Hướng tới CLOs
1	Bài 1: CHẾ ĐỘ SINH HOẠT, HỌC TẬP, CÔNG TÁC TRONG NGÀY, TRONG TUẦN 1.1. Phân phối thời gian. 1.2. Chế độ làm việc và sinh hoạt.	2 lý thuyết	GV: Thuyết trình, giảng giải, phân tích nội dung	CLO 1 CLO 2

			SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên	
2	Bài 2: CÁC CHẾ ĐỘ NẸN NẾP CHÍNH QUY, BỐ TRÍ TRẬT TỰ NỘI VỤ TRONG DOANH TRẠI 1.1. Cách sắp xếp nội vụ, gấp chăn màn. 1.2. Chế độ cách thức kiểm tra nội vụ.	2 lý thuyết	GV: Thuyết trình, giảng giải, phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên	CLO 1 CLO 2
3	Bài 3: HIỂU BIẾT CHUNG VỀ CÁC QUÂN BINH CHỦNG TRONG QUÂN ĐỘI 3.1. Quân chủng lục quân. 3.2. Quân chủng hải quân. 3.3. Quân chủng phòng không không quân. 3.4. Bộ đội biên phòng. 3.5. Quân khu	4 lý thuyết	GV: Thuyết trình, giảng giải, phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên	CLO 1 CLO 2
4	Bài 4: ĐIỀU LỆN TỪNG NGƯỜI CÓ SÚNG 4.1.VĐHL 1. Nghiêm nghị có súng. 4.2.VĐHL 2. Quay tại chỗ khi có súng tiểu liên AK. 4.3.VĐHL 3. Khám súng. 4.4.VĐHL 4. Đặt súng, lấy súngsúng tiểu liên AK47. 4.5.VĐHL 5. Giá súng, lấy súng	4 lý thuyết	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải, phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên	CLO 1 CLO 2
5	Bài 5: ĐIỀU LỆNH ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ 5.1.VĐHL 1: Đội hình tiểu đội hàng dọc.	4 lý thuyết	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng	CLO 1 CLO 2

	5.2.VĐHL 2: Đội hình tiểu đội hàng ngang. 5.3.VĐHL 3: Ra khỏi hàng về vị trí. 5.4. VĐHL 4: Giãn thu đội hình.		giải , phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên	
6	Bài 6: HIỂU BIẾT CHUNG VỀ BẢN ĐỒ ĐẠI HÌNH QUÂN SỰ 6.1.VĐHL 1. Bản đồ và cơ sở toán học của bản đồ. 6.2.VĐHL2. Phân loại bản đồ, đặc điểm, công dụng của bản đồ. 6.3.VĐHL3. Cách chia mảnh ghi số hiệu bản đồ. 6.4.VĐHL4. Nội dung chi tiết bản đồ. 6.5.VĐHL5. Chắp ghép dán gấp và bảo quản bản đồ quân sự. 6.6.VĐHL6. Sử dụng bản đồ. .	2 lý thuyết 2 thực hành	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải , phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên	CLO 1 CLO 2
7	Bài 7: PHÒNG TRÁNH ĐỊCH TIẾN CÔNG HỎA LỰC BẰNG VŨ KHÍ CÔNG NGHỆ CAO 7.1: Khái niệm đặc điểm, thủ đoạn đánh phá và khả năng sử dụng vũ khí công nghệ cao của địch trong chiến tranh. 7.2. Một số biện pháp phòng chống địch tấn công hỏa lực bằng vũ khí công nghệ cao.	2 lý thuyết 2 thực hành	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải , phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên	CLO 1 CLO 2
8	Bài 8: BA MÔN QUÂN SỰ PHỐI HỢP 8.1. Điều lệ. 8.2. Trách nhiệm, quyền hạn của người dự thi. 8.3. Trách nhiệm, quyền hạn của đoàn trưởng (đội trưởng). 8.4. Thủ tục khiếu nại. 8.5. Xác định thành tích xếp hạng.	2 lý thuyết 4 thực hành	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải , phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng,	CLO 1 CLO 2

	8.6. Quy tắc thi đấu. 8.7. Cách tính thành tích.		tập luyện theo yêu cầu của giáo viên	

9. Đánh giá học phần

9.1. Kiểm tra – đánh giá giữa kỳ

Bảng 4. Đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học tập trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao; Chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Tham gia dự học đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Nghiêm túc học tập (không nói chuyện, làm việc riêng); tích cực thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao
2	Tham gia dự học, đúng giờ từ 90% số tiết trên lớp	Có ý thức thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập GV giao
1	Tham gia dự học, đúng giờ từ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập GV giao
0	Tham gia dự học, đúng giờ ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi học phần	Làm việc, nói chuyện riêng trong lớp, không có ý thức thực hiện các nhiệm vụ trên lớp	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Viết bài	Theo mức độ thực hiện	10
Tổng điểm			10

9.2. Thi kết thúc học phần

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thi viết	Theo mức độ thực hiện	10
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Phụ trách bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung

Phạm Văn Hoàng

Nguyễn Thế Anh

6.2.72.4. Giáo dục Quốc phòng – An ninh 4

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẠ LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

KHOA HỌC CƠ BẢN

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG – AN NINH

Trình độ đào tạo: Đại học - CĐSP

Ngành: Các ngành hệ ĐH và CĐSP

1. Thông tin chung về học phần

1.1. Mã học phần:	CB601024
1.2. Tên học phần:	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật
1.3. Tên tiếng Anh:	Infantry combat techniques and tactics
1.4. Số tín chỉ:	(2TH)
1.5. Phân bố thời gian	60
- Lý thuyết:	4 tiết
- Thực hành:	56 tiết
- Tự học:	30 giờ
1.6. Quản lý, phụ trách học phần	
- Khoa quản lý học phần:	Khoa Khoa học cơ bản
- Giảng viên phụ trách chính:	Phạm Huy Công – ĐT: 0934345559
- Danh sách giảng viên cùng giảng dạy:	Nguyễn Văn Anh – SĐT: 0986674158 Nguyễn Thế Anh – SĐT: 0335669666 Phạm Văn Hoàng – SĐT: 0965112658
1.7. Điều kiện tham gia học phần	
- Học phần tiên quyết:	
- Học phần học trước:	Quân sự chung
- Học phần song hành:	Không

2. Mô tả học phần

Trang bị cho sinh viên kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Hiểu biết và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; biết cách sử dụng lựu đạn và biết cách phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao. Nắm vững và thành

thao kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

3. Mục tiêu học phần

Hiểu những kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc. Trang bị cho sinh viên kiến thức chung và sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; các tư thế vận động cơ bản trên chiến trường.

4. Chuẩn đầu ra của học phần (CLOs)

Bảng 1. Chuẩn đầu ra (CLOs) của học phần

Khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu	Chuẩn đầu ra học phần (CLOs)	Hỗ trợ cho mục tiêu
CLO1	Sinh viên có kiến thức chung về quân sự phổ thông, sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường; có kiến thức về chiến thuật bộ binh; các tư thế vận động cơ bản trên chiến trường.	CO 1, CO 3
CLO 2	Thực hiện tốt cả kỹ năng sử dụng súng tiểu liên AK, súng trường CKC, lựu đạn.	CO 2, CO 3,
CLO 3	Vận dụng những kiến thức đã học vào cuộc sống góp phần xây dựng nhà nước VN XHCN vững mạnh.	CO 3, CO 4

5. Mối liên hệ giữa CDR HP(CLO) với CDR CTĐT (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO đối với PLO được xác định cụ thể như sau:

I (Introduced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức giới thiệu/bắt đầu

R (Reinforced) – CLO có hỗ trợ đạt được PLO và ở mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...

M (Mastery) – CLO có hỗ trợ cao đạt được PLO và ở mức thuần thục/thông hiểu

A (Assessed) – Học phần quan trọng (hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO) cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLO với PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
CLO 1	I												
CLO 2	I												

CLO 3	R										R	R	R
Tổng hợp học phần	I										R	R	R

6. Học liệu

6.1. Giáo trình chính thức

[1]. Nguyễn Đức Đăng, Nguyễn Thiện Hải, Giáo dục quốc phòng – an ninh Tập 2 (2012)NXB, Giáo dục Việt Nam

6.2. Tài liệu tham khảo

[1] Tài liệu tập huấn giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng & an ninh các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học năm 2016

7. Cấu trúc học phần

- Tổng số tiết trên lớp: 60 tiết;
- Tổng số tuần học: tuần;
- Phân bố: tiết/ buổi; buổi/ tuần = buổi;
- Kiểm tra, đánh giá:
 - + Đánh giá chuyên cần: Tất cả các buổi học;
 - + Kiểm tra định kì: 1 bài thực hành
 - + Thi kết thúc học phần: 1 bài thực hành

8. Kế hoạch dạy học

Bảng 3. Kế hoạch dạy học

Tuần	Nội dung dạy học	Số giờ	Hoạt động dạy - học	Hướng tới CLOs
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Bài 1: KỸ THUẬT BẮN SÚNG TIÊU LIÊN AK 1.1. Ngắm bắn 1.2. Tư thế động tác bắn, bắn và thôi bắn súng tiêu liên AK 1.3. Tập bắn mục tiêu cố định ban ngày bằng súng tiêu liên AK	2 lý thuyết 24 thực hành	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải, phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên	CLO 1 CLO 2
2	Bài 2: TÍNH NĂNG, CẤU TẠO VÀ CÁCH SỬ DỤNG MỘT SỐ	2 lý thuyết	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải, phân tích nội dung	CLO 1 CLO 2

	LOẠI LỰU ĐẠN THƯỜNG DÙNG, NÉM LỰU ĐẠN BÀI 1 2. 1. Tính năng chiến đấu, đặc điểm số liệu, cấu tạo, nguyên lý gây nổ của các loại Lựu đạn 2. 2. Kiểm tra giữ gìn và chuẩn bị lựu đạn. 2. 3. Các tư thế động tác ném lựu đạn xa trúng đích.	6 thực hành	SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên	
3	Bài 3: TỪNG NGƯỜI TRONG CHIẾN ĐẤU TIẾN CÔNG 1.1. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật. 1.2. Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ. 1.3. Thực hành chiến đấu.	16 lý thuyết	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải, phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên	CLO 1 CLO 2
4	Bài 4: TỪNG NGƯỜI TRONG CHIẾN ĐẤU PHÒNG NGỰ 4.1. Đặc điểm tiến công của địch. 4.2. Nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật. 4.3. Hành động của từng người sau khi nhận nhiệm vụ. 4.4. Hành động của từng người khi thực hành chiến đấu.	8 lý thuyết	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải, phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên	CLO 1 CLO 2
5	Bài 5: TỪNG NGƯỜI LÀM NHIỆM VỤ CANH GÁC (CẢNH GIỚI) 5.1: Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ. 5.2: Hành động của chiến sĩ thực hành canh gác. 5.3: Hành động của chiến sĩ sau khi nhận nhiệm vụ.	4 lý thuyết	GV: Thuyết trình, làm mẫu, giảng giải, phân tích nội dung SV: Nghiên cứu tài liệu, nghe giảng, tập luyện theo yêu cầu của giáo viên	CLO 1 CLO 2

9. Đánh giá học phần

9.1. Kiểm tra – đánh giá giữa kỳ

Bảng 4. Đánh giá chuyên cần

Điểm	Nội dung, tiêu chí đánh giá		
	Dự lớp (30%)	Ý thức học tập trên lớp (30%)	Ý thức tự học (40%)
4	-	-	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao; Chủ động chuẩn bị câu hỏi thể hiện ý thức nghiên cứu tài liệu.
3	Tham gia dự học đủ, đúng giờ 100% số tiết trên lớp	Nghiêm túc học tập (không nói chuyện, làm việc riêng); tích cực thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện 100% các nhiệm vụ học tập được GV giao
2	Tham gia dự học, đúng giờ từ 90% số tiết trên lớp	Có ý thức thực hiện các hoạt động trên lớp: luyện tập, trao đổi, thảo luận, ...	Thực hiện từ 75% các nhiệm vụ học tập GV giao
1	Tham gia dự học, đúng giờ từ 80% số tiết trên lớp	Học tập thụ động	Thực hiện từ 50% các nhiệm vụ học tập GV giao
0	Tham gia dự học, đúng giờ ít hơn 80% số tiết trên lớp * Không đủ điều kiện dự thi học phần	Làm việc, nói chuyện riêng trong lớp, không có ý thức thực hiện các nhiệm vụ trên lớp	Thực hiện ít hơn 50% các nhiệm vụ học tập GV giao

Bảng 5. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài kiểm tra định kì số 1

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Viết bài	Theo mức độ thực hiện	10
Tổng điểm			10

9.2. Thi kết thúc học phần

Bảng 6. Tiêu chí, biểu điểm đánh giá bài thi kết thúc học phần

STT	Nội dung	Tiêu chí đánh giá	Điểm
1	Thực hành	Theo mức độ thực hiện	10
Tổng điểm			10

Quảng Ninh, ngày tháng 12 năm 2023

Hiệu trưởng

Trưởng khoa

Phụ trách bộ môn

Người biên soạn

Nguyễn Lâm Sung

Phạm Văn Hoàng

Nguyễn Thế Anh

6.2.73. Kiến thức, kỹ năng bổ trợ

Viết chữ đẹp, Dẫn chương trình, Kỹ năng sống
